

MO  
HAY D

ÁC

QU Y

NAM

KINH



QUYNH LE *dịch*



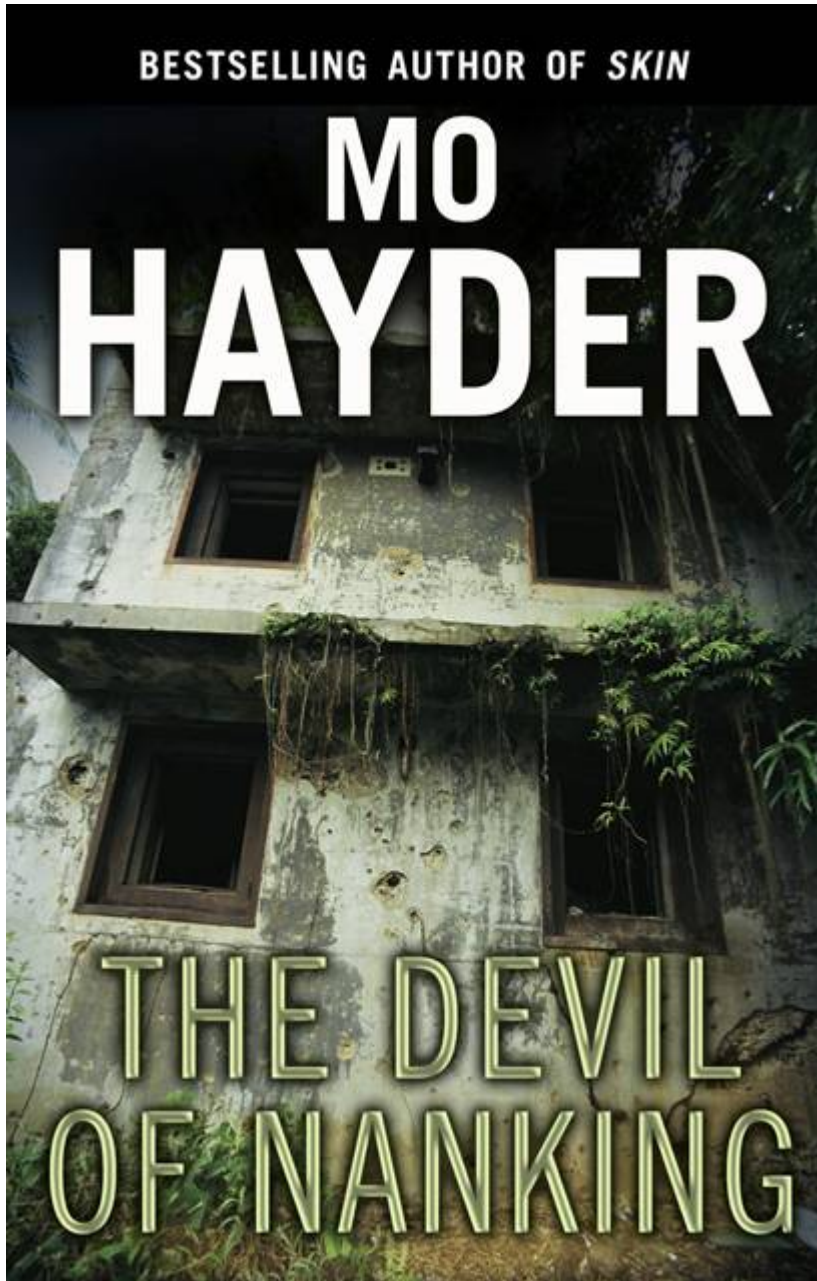
Ác Quỷ Nam Kinh

Mo Hayder

BESTSELLING AUTHOR OF *SKIN*

# MO HAYDER

THE DEVIL  
OF NANKING



## Thông tin ebook:

Tên sách: Ác Quỷ Nam Kinh

Nguyên tác: The Devil Of Nanking [Tokyo]

Tác giả: Mo Hayder

Dịch giả: Quỳnh Lê

Nhà xuất bản: Văn Học

Công ty phát hành: Nhã Nam

Số trang: 510

Trọng lượng: 600 gram

Hình thức bìa: Mềm

Kích thước: 14 x 20.5 cm

Giá bìa: 85.000

Năm xuất bản: 2008

\*\*\*

Thực hiện ebook: Hoàng Liêm

Ngày hoàn thành: 05/05/2016

Nơi hoàn thành: Hà Nội

Nguồn: Smart Ebooks

<https://www.facebook.com/smartebooksvn>

Ebook không mang tính chất thương mại, để chia sẻ tới các bạn yêu sách ở xa, hoặc không có điều kiện mua sách giấy. Trong điều kiện có thể bạn hãy mua sách để ủng hộ và tôn trọng nhà xuất bản.

## Giới thiệu nội dung:

Grey tới Tokyo để theo đuổi một nỗi ám ảnh. Cô muốn tìm kiếm một cuộn phim về cuộc thảm sát khủng khiếp ở Nam Kinh năm 1937 bị thất lạc. Nhiều người cho rằng đoạn phim đó không hề tồn tại.

Người duy nhất có thể giúp cô là một nạn nhân còn sống sót sau vụ thảm sát. Ban đầu, người đàn ông hiện đang làm việc tại một trường đại học ở Tokyo, suốt ngày vùi đầu vào sách vở và luôn đề phòng người lạ này dường như không có gì để chia sẻ với cô.

Cô đơn và tuyệt vọng trong một thành phố xa lạ, Grey đành chấp nhận làm tiếp viên tại một hộp đêm cao cấp; chính tại đây, cô đã gặp một ông trùm xã hội đen già, tàn tật và luôn được bảo vệ bởi những tên tội phạm khét tiếng. Người ta đồn rằng ông ta vẫn sống khỏe mạnh nhờ một thân được bí ẩn, thứ thân được khiến kẻ khác muốn chiếm đoạt bằng mọi giá. Và từ đó, Grey đã phát hiện ra những sự kiện khủng khiếp nối liền hiện tại với quá khứ...

## Nhận xét về tác phẩm:

“Một cuốn sách ám ảnh, hồi hộp, đậm chất thơ, văn phong tuyệt vời và vô cùng hấp dẫn.”

- Harlan Coben

“Một câu chuyện tuyệt vời, một người kể chuyện tuyệt vời!”

- Colin Dexter

“Choáng váng... sồn gai ốc... tác giả tài năng người Anh đã dệt nên một bí ẩn đầy quyền rũ bắt nguồn từ sự tàn bạo của quân đội Nhật trong Thế Chiến II.”

- Entertainment Weekly

“Khi đọc một cuốn tiểu thuyết, hiếm khi người ta phải đưa tay lên bịt chặt miệng để chặn những tiếng thở hổn hển kinh hoàng. Với *Ác Quỷ Nam Kinh*... không thể không tìm cách ngăn những tiếng hổn hển đó bật ra.”

- Daily Express

“Niềm say mê (của Hayder) dành cho cuộc sống và con người ở thành phố này hiện lên quá rõ ràng và đã biến tác phẩm kinh dị rùng rợn này thành một điều gì đó sẽ lưu lại lâu dài trong tâm trí độc giả.”

- Red Magazine

“Rùng rợn... ngòi bút lão luyện của Hayder đã chong chát hết sự hồi hộp này đến sự hồi hộp khác. *Ác Quỷ Nam Kinh* là cuốn tiểu thuyết lịch sử bi thương và hấp dẫn, một câu chuyện kinh dị diễn tiến nhanh đến mức tôi phải ngồi tới sáng để đọc đến trang cuối cùng, sợ rằng giấc ngủ của mình sẽ bị xáo trộn bởi những hình ảnh rùng rợn của nó.”

- Daily Telegraph



# Mục Lục

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

20

21

22

23

24

25

26

27

28

29

30

31

32

33

34

35

36

37

38

39

40

[41](#)

[42](#)

[43](#)

[44](#)

[45](#)

[46](#)

[47](#)

[48](#)

[49](#)

[50](#)

[51](#)

[52](#)

[53](#)

[54](#)

[55](#)

[56](#)

[57](#)

[58](#)

[59](#)

[60](#)

[61](#)

[62](#)

63

Ghi chú của tác giả



Mo Hayder sinh năm 1962 tại Luân Đôn, con gái một giảng viên đại học. Năm 1978, bà rời bỏ gia đình và làm nhiều công việc khác nhau (phục vụ bar, bảo vệ...) trước khi đến Nhật năm 25 tuổi. Sau hai năm ở Nhật, bà tiếp tục đến nhiều nơi trên thế giới, quan sát và thấu hiểu cuộc sống, văn hóa của nhiều dân tộc. Niềm đam mê phim hoạt hình đã đưa bà tới Los Angeles. Sau khi nhận bằng Thạc sĩ chuyên ngành Điện ảnh tại American University, bà về Anh lấy bằng Thạc sĩ Sáng tác tại Bath Spa University. Hiện nay, bà sống cùng chồng và con gái tại Somerset (Anh), tham gia giảng dạy Sáng tác cho các khóa đào tạo Thạc sĩ của Bath Spa.

*Ác quỷ Nam Kinh*, ra đời năm 2004, nằm trong danh sách bestseller của *Sunday Times*, đồng thời giành được CWA Silver Dagger - giải thưởng Tiểu thuyết hình sự của năm do Hiệp hội Nhà văn Hình sự trao tặng; giải thưởng Tác phẩm hình sự xuất sắc nhất của tạp chí Elle và Prix du Polar SNCF - giải thưởng văn học danh giá do độc giả Pháp bình chọn. Ra đời từ những trải nghiệm của Hayder tại châu Á, tác phẩm đã được thai nghén từ khi bà còn trẻ, trong một lần tình cờ nhìn thấy bức ảnh một người lính Nhật đang chặt đầu một thường dân Nam Kinh.

Những tác phẩm đặc sắc khác của Hayder là *Người chim* (Birdman), *Sự điều trị* (The Treatment), *Đảo Lợn* (Pig Island) và *Nghi lễ* (Ritual).

**史 Thành phố Nam Kinh, Trung Quốc, ngày 21 tháng Mười hai năm 1937**

Với những người đang nổi giận và đấu tranh chống lại sự mê tín, tôi chỉ muốn hỏi tại sao? Tại sao lại coi thường những tín ngưỡng dân gian đã được lưu truyền từ đời này sang đời khác chỉ vì thói nông cuồng và tự mãn cá nhân? Tại sao lại không tin khi một người nông dân nói rằng ngày xưa, chính các vị thần linh trong lúc nổi giận đã phá hủy những ngọn núi lớn ở Trung Quốc, và đất nước này đã từ trên trời rơi xuống khi bầu trời bị rách toạc từ mấy nghìn năm về trước? Liệu bạn có thông thái hơn ông ta? Liệu bạn có thông thái hơn tất cả các thế hệ nông dân gộp lại?

Tôi tin ông ta. Cuối cùng thì tôi cũng đã tin. Mặc dù tay tôi vẫn run lên khi viết những dòng này nhưng tôi tin vào tất cả những điều được dặt nên từ mê tín. Và tại sao? Bởi vì tôi không thể tìm được bất cứ lý do nào khác để giải thích về sự thay đổi bất thường của thế giới, không thể tìm được bất cứ công cụ nào khác để lý giải về cái tai họa này. Tôi phải tìm kiếm sự an ủi từ các tín ngưỡng dân gian và tôi tin người nông dân khi ông ta nói rằng chính cơn thịnh nộ của các vị thần đã khiến cho địa hình nơi đây dốc xuống phía Tây. Đúng vậy, tôi tin ông ta khi ông ta nói rằng tất cả mọi vật, đất đai, sông ngòi cho đến các thành phố cuối cùng sẽ trôi ra biển. Kể cả Nam Kinh. Một ngày nào đó thì chính Nam Kinh cũng sẽ trôi ra biển. Nhưng có lẽ đó sẽ là hành trình chậm chạp nhất vì Nam Kinh đã không còn giống như những thành phố khác. Chỉ vài ngày vừa qua thành phố này đã thay đổi tới mức khó nhận biết và nếu phải di chuyển, nó sẽ di chuyển một cách chậm chạp vì nó đã bị trói chặt vào đất bởi thi thể những công dân không được chôn cất và những oan hồn sẽ đi theo nó tới bất cứ đâu.

Có lẽ tôi nên cho rằng đó là một đặc ân khi được tận mắt nhìn thấy Nam Kinh trong giờ phút lịch sử này. Từ khung cửa sổ nhỏ xíu của mình, xuyên qua tấm lưới mắt cáo, tôi có thể nhìn thấy những gì mà quân Nhật đã bỏ lại Nam Kinh: đường phố hoang vắng với những tòa nhà cháy đen, những dòng sông và kênh đào ngồn ngộn xác chết. Tôi nhìn xuống hai bàn tay run rẩy của mình và tự hỏi tại sao mình vẫn còn sống. Giờ đây máu đã khô. Nếu tôi xoa hai bàn tay vào nhau thì chúng sẽ rơi xuống lả tả, những

vảy máu đen rơi trên mặt giấy, sẫm hơn cả những con chữ mà tôi viết bằng thứ mực đã loãng: nghiên mực của tôi đã cạn nhưng tôi không còn đủ sức cũng như can đảm ra ngoài để pha thêm.

Nếu tôi đặt bút xuống, đứng nép một bên vào bức tường lạnh ngắt trong một tư thế gò bó, mũi tì lên tấm cửa chớp, tôi có thể thấy núi Tử Kim phủ đầy tuyết vươn lên sau những mái nhà cháy nham nhở. Nhưng tôi sẽ không làm thế. Không việc gì phải ép mình vào cái tư thế gò bó ấy, vì tôi sẽ không bao giờ nhìn về ngọn núi Tử Kim đó nữa. Khi viết xong quyển nhật ký này tôi cũng sẽ quên đi cái cảnh tuyết vọng bám đuổi người lính Nhật đó trên các sườn núi. Rách rưới, tiều tụy, tôi đi theo anh ta như một con sói săn mồi, xuyên qua những con suối đóng băng và những mỏm núi phủ đầy tuyết...

Gần hai tiếng đồng hồ. Tôi đã bám theo anh ta gần hai tiếng đồng hồ. Hai chúng tôi đang ở trong một khu rừng nhỏ gần công lãng. Anh ta đứng cạnh một gốc cây, quay lưng về phía tôi, tuyết đọng trên tán cây đang tan ra, nhỏ xuống hai vai. Anh ta đang cúi đầu thăm dò khu rừng trước mặt, có lẽ vì sợ những dốc núi nguy hiểm. Chiếc máy quay phim đang đưa bên sườn.

Tôi đã đi theo anh ta lâu tới mức cả người bầm giập, trầy xước, chân tay rã rời, lồng ngực đau buốt vì lạnh. Tôi từ từ tiến lại gần anh ta. Cho đến giờ tôi vẫn không hiểu nổi tại sao lúc đó tôi có thể giữ được tự chủ mặc dù cả người đang run bắn lên. Anh ta xoay người và ngòì thụp xuống theo bản năng khi nghe thấy tiếng động. Nhưng khi nhìn thấy tôi, người không ra người, ma không ra ma, lại thấp hơn anh ta một cái đầu thì anh ta đã phàn nào lấy lại bình tĩnh. Anh ta đứng thẳng lên và nhìn tôi tiến lại gần cho tới khi hai chúng tôi chỉ còn cách nhau vài bước chân và anh ta có thể nhìn thấy khuôn mặt đầm đìa nước mắt của tôi.

“Có lẽ điều này đối với anh không quan trọng,” anh ta nói với tôi, trong giọng nói có cái gì đó như thương hại. “Nhưng tôi muốn anh biết là tôi rất tiếc vì những gì đã xảy ra. Tôi thật sự rất lấy làm tiếc. Anh có hiểu tiếng Nhật không?”

“Có, tôi hiểu.”



Anh ta thờ dài, đưa bàn tay đeo găng da lợn nút nẻ lên lau trán. “Tôi không muốn chuyện đó xảy ra. Không bao giờ. Tin tôi đi!” Anh ta giơ tay lên như chỉ về hướng chùa Linh Cốc. “Đúng là *ông ta* rất thích làm chuyện đó. Ông ta là thế. Nhưng tôi thì không. Tôi quan sát họ. Tôi quay phim những gì họ làm nhưng tôi không hề muốn làm chuyện đó. *Hãy tin rằng tôi không hề muốn.*”

Tôi lấy tay áo lau mặt, chùi đi những giọt nước mắt rồi tiến về phía anh ta. Tôi đặt bàn tay run rẩy lên vai anh ta. Anh ta vẫn đứng im không hề nao núng, quan sát khuôn mặt tôi với vẻ ngạc nhiên. Anh ta không có vẻ gì là sợ hãi, anh ta cho rằng tôi chỉ là một thường dân yếu ớt và không mấy may nghi ngờ về con dao gọt hoa quả mà tôi đang giấu trong tay.

“Hãy đưa cho tôi chiếc máy quay phim,” tôi nói.

“Tôi không thể - đừng cho rằng tôi quay những thước phim này cho những người lính đó, để giúp họ tiêu khiển. Tôi có những dự định cao cả hơn nhiều.”

“Hãy đưa cho tôi chiếc máy quay phim.”

Anh ta lắc đầu. “Tuyệt đối không được.”

Khi anh ta nói những lời này, vạn vật xung quanh chúng tôi dường như chuyển động chậm lại. Đâu đó, xa xa trên những sườn núi, quân Nhật đang nã pháo xua đuổi những đơn vị Quốc dân Đảng bỏ trốn ra khỏi rặng núi, dồn họ lại thành một nhóm giải về thành phố; nhưng ở trên đỉnh núi này, tôi gần như không nghe thấy bất cứ âm thanh nào ngoài nhịp đập của hai trái tim trong lồng ngực và tiếng băng tan trên những cành cây.

“Tôi nói đưa cho tôi chiếc máy quay phim.”

“Tôi đã bảo là không. Tuyệt đối không được.”

Tôi há miệng, hơi cúi thấp người rồi đột ngột nhằm thẳng vào mặt anh ta mà tru lên. Tiếng rú bị kìm nén bấy lâu, tích tụ trong suốt thời gian tôi bám theo anh ta trong tuyết lạnh, và giờ đây, tôi kêu lên như một con thú bị thương. Tôi đâm, xoáy con dao nhỏ vào người anh ta, xuyên qua bộ quần phục bằng vải kaki và chiếc thắt lưng *senninburi* may mắn. Anh ta vẫn không kêu lên tiếng nào. Nét mặt anh ta biến đổi, đầu bật ngửa ra phía sau

khiến chiếc mũ quân phục rơi xuống đất. Cả hai chúng tôi cùng lùi lại một bước, sững sờ nhìn xuống cái hậu quả của việc làm mà tôi vừa gây ra. Máu anh ta rỏ trên tuyết, một đám ruột phơi ra ngoài qua vết rách trên lớp quân phục. Anh ta nhìn chúng chằm chằm như không tin vào mắt mình. Lúc này anh ta mới bắt đầu cảm thấy đau. Anh ta buông khẩu súng và ôm lấy bụng, cuống cuồng nhét chỗ nội tạng đó vào bên trong. “*Kuso!*” Anh ta thốt lên. “Anh đã làm gì thế này?”

Tôi lão đảo lùi lại, đánh rơi con dao xuống tuyết rồi quờ quạng dựa vào một thân cây. Người lính quay lưng bước đi, loạng choạng tiến về khu rừng phía trước. Một tay ôm bụng, một tay vẫn giữ chặt chiếc máy quay phim, anh ta lão đảo bước, đầu ngẩng cao đầy vẻ trang nghiêm như thể anh ta đang tới một nơi nào đó linh thiêng, một nơi nào đó tốt đẹp hơn, bình an hơn đang ẩn náu đâu đó dưới những tán cây. Tôi loạng choạng bước đi theo anh ta, hơi thở dòn dập. Đi được gần trăm mét thì anh ta bị vấp, mất thăng bằng và kêu lên một tiếng gì đó: một cái tên phụ nữ bằng tiếng Nhật, có lẽ là mẹ hay vợ của anh ta. Hai tay anh vung ra phía trước khiến đám nội tạng rớt ra khỏi vết thương thành một đồng bầy nhầy, tối sẫm trên tuyết. Anh ta trượt ngã trên chính đồng bầy nhầy đó và cố gắng lấy lại thăng bằng nhưng anh ta đã đuối sức và chỉ có thể lết đi một cách chậm chạp, di chuyển theo một vòng tròn mơ hồ, với một đoạn ruột lòng thòng đỏ sẫm phía sau như thể anh ta vừa được sinh ra chứ không phải sắp lìa đời.

“Đưa nó cho tôi. Đưa cho tôi cái máy quay phim.”

Anh ta không thể trả lời. Anh ta đã mất hết tinh táo: anh ta không còn biết chuyện gì đang xảy ra nữa. Anh ta khụy xuống, yếu ớt giơ tay lên rồi ngã lãn ra đất. Tôi lao đến bên cạnh anh ta. Môi anh ta tím ngắt và miệng đầy máu. “Không được,” anh ta nói khẽ khi tôi cạy những ngón tay đeo găng đang giữ chặt chiếc máy quay phim. Mắt anh ta đã mờ nhưng anh ta vẫn cảm nhận được vị trí của tôi. Anh ta dò dẫm sờ vào mặt tôi. “Đừng mang nó đi. Nếu anh mang nó đi, thì ai sẽ kể lại cho cả thế giới biết?”

Nếu anh mang nó đi, thì ai sẽ kể lại cho cả thế giới biết?

Những lời đó đọng lại trong tâm trí tôi. Suốt đời tôi sẽ không quên chúng. Ai sẽ kể lại. Tôi ngửa đầu nhìn rất lâu lên bầu trời, lên những đám

khói đen đang trôi dạt về phía mặt trăng. Ai sẽ kể lại? Câu trả lời sẽ là không ai cả. Sẽ không có ai kể lại. Mọi chuyện đã kết thúc. Đó sẽ là câu cuối cùng tôi viết trong nhật ký của mình. Tôi sẽ không viết nữa. Phần kết của câu chuyện sẽ nằm lại trong cuộn phim này, và những gì xảy ra ngày hôm nay sẽ mãi mãi là một bí mật.

## Tokyo, mùa hè năm 1990

Đôi khi bạn không còn sự lựa chọn nào khác là phải cố gắng. Ngay cả khi bạn đang ở một nơi hoàn toàn xa lạ, mệt mỏi và kiệt sức vì đói. Đó là những gì đã xảy ra với tôi vào mùa hè năm ấy, khi tôi đứng run rẩy lo sợ trước cửa phòng làm việc của giáo sư Sứ Trùng Minh ở Tokyo. Tôi sửa lại đầu tóc cho gọn gàng hết mức có thể và khô sở vuốt phẳng chiếc váy Oxfam cũ kỹ, lấy lòng bàn tay phủi cho sạch bụi bặm và là phẳng những nếp nhàu nhĩ vì đường xa. Tôi đá chiếc túi du lịch sờn cũ mang theo trên máy bay ra sau, không muốn đó là vật đầu tiên đập vào mắt ông khi ra mở cửa, vì trông giống như một người bình thường là điều hết sức quan trọng. Tôi phải đếm tới 25, hít thở thật sâu trước khi có đủ can đảm lên tiếng.

“Xin chào,” tôi áp sát vào cánh cửa, nói lí nhí. “Giáo sư có ở đây không ạ?”

Tôi chờ một chút, đồng tai lên nghe ngóng. Tôi loáng thoáng nghe thấy tiếng bước chân di chuyển trong phòng nhưng không ai ra mở cửa! Tôi chờ thêm một chút nữa rồi mới gõ cửa, tim đập liên hồi. “Giáo sư có nghe thấy tôi không ạ?”

Cánh cửa bật mở và tôi giật mình lùi lại phía sau. Sứ Trùng Minh xuất hiện trên ngưỡng cửa, trông rất lịch thiệp và nhã nhặn, nhìn tôi không nói gì, tay để dọc hai bên đùi như thể đang đợi người ta khám xét. Ông rất nhỏ bé, giống như một con búp bê, mái tóc bạc trắng xõa xuống vai như một chiếc khăn choàng bằng tuyết ôm lấy khuôn mặt thanh tú hình tam giác.

Ông đặt lòng bàn tay lên đùi và cúi rạp xuống để chào tôi. “Xin chào,” ông nói bằng một thứ tiếng Anh nhẹ nhàng, gần như không có ngữ điệu. “Tôi là giáo sư Sứ Trùng Minh. Xin hỏi cô là ai?”

“Tôi, tôi là...” Tôi nuốt nước miếng. “Tôi là một sinh viên... đại loại như thế.” Tôi luống cuống kéo tay áo lên lên cao và chìa tay ra cho ông. Tôi hy vọng ông không để ý những móng tay bị cắn nham nhở của mình. “Từ trường đại học Luân Đôn.”

Ông nhìn tôi chăm chú, từ gương mặt trắng bệch, mái tóc rối, đến chiếc áo len chui cổ và chiếc túi du lịch to xù, cũ mèm. Ai cũng có phản ứng tương tự khi họ nhìn thấy tôi lần đầu và thú thực là dù có đóng kịch giỏi đến đâu bạn cũng sẽ không bao giờ quen được với cái việc bị người khác nhìn chòng chọc.

“Tôi rất mong được gặp ông, gần như trong suốt nửa đời mình. Tôi đã đợi ngày này hơn chín năm bảy tháng và mười tám ngày,” tôi nói.

“Chín năm, bảy tháng, mười tám ngày?” Ông nhướn mày nhìn tôi với vẻ thích thú. “Lâu vậy sao? Nếu thế thì cô nên vào trong này.”

Tôi vốn không sành sỏi trong việc đoán biết người khác nghĩ gì nhưng tôi biết chúng ta có thể nhìn thấy thăm kịch, thăm kịch thực sự trong ánh mắt của người khác. Nếu nhìn kỹ, gần như chúng ta luôn thấy được một người đã từng ở đâu. Tôi đã mất khá nhiều thời gian để truy tìm tung tích của giáo sư Sử Trùng Minh. Tôi rất ngạc nhiên khi biết rằng, bất chấp tuổi tác đã ngoài bảy mươi và những cảm nhận mà ông hẳn có về người Nhật, ông lại ở đây trong vai trò một giáo sư thỉnh giảng ở Todai, trường đại học danh giá nhất Nhật Bản. Văn phòng của ông nhìn xuống khu bán cung của trường đại học, nơi cây cối um tùm che kín mái ngói của khu nhà và âm thanh duy nhất là tiếng quạ kêu khi chuyền cành giữa những cây sồi xanh. Căn phòng của giáo sư Sử Trùng Minh rất nóng và ngột ngạt, làn không khí bụi bặm luân chuyển khắp phòng bởi ba chiếc quạt điện hoạt động hết công suất. Tôi rón rén bước vào phòng, vẫn chưa hết bàng hoàng vì cuối cùng mình đã có mặt ở đây.

Sử Trùng Minh cất đồng tài liệu chất trên một chiếc ghế. “Ngồi xuống, ngồi xuống. Tôi đi pha trà.”

Tôi ngồi phịch xuống ghế, ôm chặt chiếc túi du lịch vào lòng, đôi giày mùa đông nặng trĩu dưới chân. Sử Trùng Minh khập khiễng đi chuyền

trong phòng, hứng nước từ chiếc bồn rửa vào đầy phích điện, không hề để ý đến những tia nước bắn tung tóe thành những vệt sẫm trên chiếc áo sơ mi kiểu Quan thoại. Gió quạt khẽ lay động những chồng giấy và đám sách cũ kỹ rách nát chất đầy trên những giá sách cao tới trần nhà. Ngay khi bước vào phòng tôi đã để ý tới chiếc máy chiếu đặt trong góc. Đó là một chiếc máy chiếu 16 li phủ đầy bụi, bị đẩy vào trong góc giữa những đống tài liệu cao ngất. Tôi chỉ muốn quay ra nhìn chăm chăm vào nó nhưng biết là mình không nên làm thế. Tôi cắn môi và nhìn sang Sử Trung Minh. Ông đang nói dông dài về những nghiên cứu của mình.

“Rất ít người biết được y học Trung Hoa du nhập vào Nhật Bản từ khi nào nhưng nếu nhìn lại thời nhà Đường, cô sẽ tìm được những bằng chứng cho thấy sự tồn tại của y học Trung Hoa ở đây. Cô có biết điều đó không?” Ông pha trà mời tôi và lôi từ đâu đó ra một gói bánh bích quy. “Đại sư Giám Chân đã mang y học Trung Hoa tới nơi này từ thế kỷ thứ VIII. Ngày nay chúng ta có thể thấy các cửa hàng Nhật dược ở khắp mọi nơi, chỉ cần bước chân ra ngoài cổng trường là có thể tìm thấy ngay. Rất tuyệt vời, đúng không?”

Tôi chớp mắt nhìn ông. “Tôi tưởng giáo sư nghiên cứu về ngôn ngữ học?”

“Ngôn ngữ học? Ồ không, không. Có thể là trước đây, có một thời... nhưng mọi thứ đã thay đổi. Cô có muốn biết tôi là ai không? Thế này nhé, nếu cô lấy một cái kính hiển vi và quan sát kỹ cái giao điểm mà một nhà công nghệ sinh học và một nhà xã hội học gặp nhau...” Ông mỉm cười với tôi, để lộ hàm răng dài đã ngả vàng. “Thì cô sẽ thấy tôi, Sử Trung Minh, một người đàn ông nhỏ bé với một danh hiệu lớn. Trường đại học nói với tôi rằng tôi rất phù hợp với công việc này. Cái tôi quan tâm nghiên cứu là bao nhiêu trong số này...” Ông khoát tay khắp căn phòng chỉ vào những cuốn sách, những tấm bảng mô hình xác ướp động vật màu sắc sặc sỡ và một biểu đồ treo tường có tên *Côn trùng học ở Hồ Nam*. “... Bao nhiêu trong số đó đã du nhập vào Nhật Bản cùng với Giám Chân và bao nhiêu là do quân đội Nhật Bản mang về nước năm 1945. Chẳng hạn như, để tôi xem nào...” Ông rà tay lên đống tài liệu quen thuộc của mình rồi rút ra một quyển sách cũ bám đầy bụi và đặt nó xuống trước mặt tôi, giở ra một biểu đồ giải phẫu gấu với các cơ quan nội tạng in bằng hai màu xanh và hồng. “Ví dụ, đối với loài gấu đen châu Á. Có phải từ sau Thế chiến thứ hai thì

người Nhật mới bắt đầu dùng mật của loài gấu Karuizawa để chế thuốc chữa bệnh đau dạ dày hay không?” Ông đặt hai tay lên bàn và nhìn tôi chăm chú. “Tôi hy vọng đó là lý do khiến cô đến tìm tôi? Gấu đen là một trong những đề tài mà tôi rất quan tâm và đó cũng là nguyên nhân khiến phần lớn mọi người đến gõ cửa phòng tôi. Cô là nhà bảo tồn động vật à?”

“Không,” tôi nói, tự lấy làm ngạc nhiên vì sự dứt khoát trong giọng nói của mình. “Thật sự là không, đó không phải là lý do tôi đến đây. Tôi thậm chí chưa bao giờ nghe nói về gấu Karuizawa.” Và rồi tôi không thể cưỡng lại được nữa. Tôi quay người và liếc trộm về phía chiếc máy chiếu phim ở cuối phòng. “Tôi...” Tôi miễn cưỡng đưa mắt trở lại chỗ Sử Trùng Minh. “Ý tôi nói là tôi gặp ông không phải để bàn về y học Trung Hoa.”

“Không phải?” Ông kéo kính xuống và nhìn tôi với vẻ hết sức tò mò. “Không phải sao?”

“Không phải.” Tôi lắc đầu cả quyết. “Không phải thế.”

“Vậy...” Ông ngừng lại. “Vậy thì cô tới đây là vì...?”

“Vì Nam Kinh.”

Ông ngồi xuống bàn, mặt cau lại. “Xin lỗi, cô vừa nói cô là ai nhỉ?”

“Tôi là một sinh viên đến từ đại học Luân Đôn. Hay ít ra thì cũng từng là sinh viên. Nhưng tôi không nghiên cứu về y học Trung Hoa mà về tội ác chiến tranh.”

“Đủ rồi.” Ông nói và giơ tay lên. “Thế thì cô tìm nhằm người rồi, tôi không thể giúp gì cho cô được.”

Ông toan đứng dậy rời khỏi bàn, nhưng tôi đã vội vàng mở chiếc túi du lịch của mình, lôi ra một tập tài liệu được cột chặt lại với nhau bằng một sợi dây thun, lỏng ngóng để rơi vài tờ, nhặt chúng lên và đặt chúng một cách lộn xộn lên chiếc bàn giữa hai chúng tôi.

“Tôi đã dùng nửa đời mình nghiên cứu về cuộc chiến ở Trung Quốc.” Tôi tháo sợi dây thun và xếp tất cả các ghi chép của mình lên bàn. Đó là những bản dịch viết tay nhỏ li ti của tôi, bản sao lời khai của các nhân chứng mà tôi thu thập được từ các cuốn sách trong thư viện, những bức

phác thảo do tôi tự họa để giúp mình hình dung rõ hơn về những gì đã xảy ra. “Nhất là về Nam Kinh. Ông hãy nhìn xem,” tôi giơ lên cho ông ta xem một tờ giấy có nhiều nếp gấp đầy những chữ nhỏ li ti. “Đây là một cuộc xâm lược, đây là biểu đồ về hệ thống thứ bậc trong quân ngũ của quân đội Nhật, tất cả đều được viết bằng tiếng Nhật, ông thấy không. Tôi đã viết nó vào năm mười sáu tuổi. Tôi biết một ít tiếng Nhật và tiếng Trung.”

Sứ Trùng Minh quan sát tất cả với một sự im lặng, khẽ ngả người ra sau, nét mặt biểu lộ một sắc thái kỳ lạ.

Các bức vẽ và biểu đồ của tôi không đẹp, nhưng tôi không còn chút bận tâm nào về chuyện đó nữa khi mọi người cười nhạo chúng. Đối với tôi, mỗi biểu đồ, mỗi bức vẽ đều có ý nghĩa quan trọng, mỗi thứ đều giúp tôi sắp xếp lại các ý tưởng trong đầu và nhắc nhở tôi rằng mỗi ngày tôi lại tiến gần hơn tới sự thật về một chuyện gì đó đã xảy ra ở Nam Kinh vào năm 1937. “Và đây nữa...” Tôi giơ một bức tranh và giơ nó lên. Đó là một bức vẽ trên khổ giấy A3 với những nếp gấp sau nhiều năm đã trở nên trong suốt. “Đây chính là thành phố Nam Kinh cuối cuộc xâm chiếm. Tôi đã mất một tháng để hoàn thành nó. Các xác chết chất thành núi! Ông có thấy không?” Tôi ngược mắt nhìn ông với vẻ háo hức. “Nếu ông nhìn kỹ, ông có thể thấy tôi đã vẽ đúng. Ông có thể kiểm tra bây giờ nếu ông muốn. Chính xác trong bức tranh này có *ba trăm nghìn tử thi* và...”

Sứ Trùng Minh đột ngột đứng dậy và đi vòng sau bàn ra phía cửa. Ông khép cửa lại rồi đến bên chiếc cửa sổ nhìn xuống khu bắn cung và hạ tấm rèm che xuống. Ông di chuyển với chân trái hơi khập khiễng, và đằng sau gáy, tóc của ông mỏng tới mức gần như hói, lớp da đầu nhăn nheo như thể không có xương sọ và ta có thể nhìn thấy những nếp gấp và đường rãnh của bộ não.

“Cô có biết đất nước này nhạy cảm tới mức nào không mà lại dám nhắc đến Nam Kinh?” Ông quay trở lại bàn làm việc và từ từ ngồi xuống với cái kiêu của người bị viêm khớp, vươn người sang phía tôi rồi nói khẽ. “Cô có biết ở Nhật, cánh hữu mạnh như thế nào không? Cô có biết nhiều người đã bị tấn công chỉ vì dám nhắc đến chuyện đó? Người Mỹ...” Ông giơ một ngón tay run rẩy chỉ vào mặt tôi như thể tôi là đại diện gần nhất của nước Mỹ, “người Mỹ, *MacArthur*, đã đảm bảo cho cánh hữu trở thành những



kẻ gieo rắc sợ hãi như ngày nay. Nói một cách đơn giản là chúng ta sẽ không bàn về chuyện này nữa.”

Tôi hạ thấp giọng thành tiếng thầm thì. “Nhưng tôi đã đi bằng ấy đoạn đường chỉ để được gặp ông.”

“Vậy thì cô hãy quay lại,” ông nói. “Cô đang nói về quá khứ của tôi. Tôi không đến đây, đến mảnh đất *Nhật Bản* mà tôi chưa từng nghĩ rằng mình sẽ tới này để thảo luận về những sai lầm của quá khứ.”

“Ông không hiểu. Ông phải giúp tôi.”

“Phải giúp cô?”

“Về một việc cụ thể mà người Nhật đã làm. Tôi biết khá nhiều về các tội ác chiến tranh, như những cuộc thi giết người hay những vụ cưỡng hiếp. Nhưng tôi đang nói về một tội ác cụ thể, một chuyện ông đã tận mắt chứng kiến. Không ai tin là một chuyện như thế có thể xảy ra, họ đều nghĩ là tôi bịa đặt.”

Sử Trùng Minh hơi cúi người ra phía trước và nhìn thẳng vào tôi. Mỗi khi tôi nói với người khác về điều mà tôi đang nỗ lực khám phá, mọi người đều nhìn tôi với một vẻ thương hại và hoài nghi, cái nhìn có hàm ý “Chắc là cô tự tưởng tượng ra. Nhưng tại sao chứ? Tại sao cô lại có thể bịa ra một chuyện kinh tởm như thế?” Nhưng cái nhìn của Sử Trùng Minh thì khác hẳn, đó là một cái nhìn giận dữ và khó chịu. Khi ông cất tiếng nói, giọng ông trầm hẳn xuống và đầy vẻ cay đắng. “Cô đang nói *cái gì* vậy?”

“Có nhân chứng đã khai về những gì đã xảy ra. Tôi đã đọc điều đó nhiều năm trước nhưng tôi không thể tìm lại được cuốn sách đó vì vậy tất cả mọi người đều cho rằng tôi đã bịa ra mọi chuyện và rằng cuốn sách đó không hề tồn tại. Nhưng không sao, vì trên thực tế còn có hẳn một đoạn phim được quay tại Nam Kinh vào năm 1937. Tôi đã phát hiện ra nó sáu tháng trước đây. Còn ông thì luôn biết rõ về nó.”

“Thật là lỗi bịch. Không hề có đoạn phim nào cả.”

“Nhưng tên của ông đã xuất hiện trong một tập san của trường đại học. Tôi thực sự đã nhìn thấy tên ông ở trong đó. Tập san đó nói rằng ông đã ở Nam Kinh. Họ nói rằng ông đã chứng kiến vụ thảm sát Nam Kinh,

chứng kiến vụ hành hình kiểu đó. Họ nói rằng trong thời gian ông giảng dạy tại đại học Giang Tô năm 1957 đã xuất hiện những tin đồn cho rằng ông chính là người giữ đoạn phim đó. Đó là lý do tại sao tôi tới đây. Tôi cần được biết... Tôi cần được biết những tên lính đó đã làm gì. Chỉ cần *một chi tiết* thôi để tôi biết được là tôi đã không tưởng tượng ra chuyện đó. Tôi chỉ cần biết vào lúc nào, họ đã bắt người phụ nữ đó vào lúc nào và...”

“Xin cô!” Sử Trùng Minh nắm mạnh tay xuống bàn và đứng dậy. “Chẳng lẽ cô không có chút mũi lòng nào hay sao? Đây không phải là một *chuyện để tán gẫu!*” Ông vớ lấy một chiếc gậy đũa sau ghế và đi tập tễnh ra phía cửa ra vào, mở cửa và tháo tấm biển đề tên gắn phía ngoài. “Cô nhìn thấy chưa?” Ông hỏi, lấy cây gậy khép cánh cửa lại. Ông giơ tấm biển đề tên cho tôi xem, gõ gõ lên đó để giải thích điều mình nói. “Giáo sư xã hội học. *Xã hội học*. Lĩnh vực nghiên cứu là y học Trung Hoa. Tôi không còn dính dáng gì đến Nam Kinh nữa. Không có phim ảnh gì cả. Mọi chuyện đã kết thúc. Bây giờ tôi rất bận và...”

“Xin hãy làm ơn,” tôi túm chặt lấy mép bàn, mặt đỏ bừng. “Xin ông hãy làm ơn. Đoạn phim đó *có tồn tại*. Có mà. Trong tập san có nhắc đến nó, chính tôi đã đọc thấy. Đoạn phim của Magee không quay sự kiện đó nhưng đoạn phim của ông thì có. Đó là đoạn phim *duy nhất trên đời* này và...”

“Suyt,” ông nói và chỉ cây gậy về phía tôi. “Thế là đủ rồi.” Răng ông dài và biền màu, trông như bộ xương hóa thạch khai quật được ở sa mạc Gobi, vàng bóng vì ăn nhiều gạo và thịt dê. “Vậy đây, tôi hoàn toàn tôn trọng cô. Tôi rất tôn trọng cô và vụ điều tra có một không hai của cô. Đúng là có một không hai. Nhưng cho phép tôi nói thẳng nhé: *chẳng có đoạn phim nào cả.*”

Khi bạn đang tìm mọi cách để chứng minh với mọi người rằng bạn không bị điên thì những người như Sử Trùng Minh đúng là không giúp gì được. Bạn đọc một thông tin trên giấy trắng mực đen nhưng chỉ vài phút sau người ta lại bảo với bạn rằng chuyện đó không hề tồn tại, mà là do bạn tưởng tượng ra. Nếu bạn không điên sẵn thì những chuyện như thế cũng sẽ làm bạn phát điên! Chuyện này vẫn lặp đi lặp lại với tôi, y như những gì đã xảy ra giữa tôi với bố mẹ tôi và những người ở bệnh viện năm tôi mười ba tuổi. Ai cũng nói vụ hành hình là do tôi tưởng tượng ra, là một triệu chứng

của bệnh điên mà tôi mắc phải chứ một tội ác khủng khiếp như thế không thể nào xảy ra trên thực tế. Rằng lính Nhật có thể man rợ và nhẫn tâm nhưng họ cũng không thể làm *chuyện đó*, một chuyện mà không lời nào có thể diễn tả được, một chuyện mà ngay cả các bác sĩ và y tá trong bệnh viện, những người vẫn tự cho rằng chưa có chuyện gì khủng khiếp mà họ chưa được chứng kiến, đều phải hạ giọng khi nhắc tới. “Tôi chắc chắn cô *tin* rằng cô đã đọc nó. Tôi chắc chắn đối với cô nó thật sự tồn tại.”

“Đó là sự thực,” tôi nói, nhìn xuống nền nhà, khuôn mặt đỏ bừng vì xấu hổ. “Cháu đã đọc được trong một cuốn sách.” Đó là một quyển sách bìa màu da cam với một tấm ảnh bìa chụp những xác chết chất đống bên bên cảng Mi Đàm. Nó tràn ngập những câu chuyện đã xảy ra ở Nam Kinh. Trước khi đọc quyển sách này, tôi không hề biết gì về Nam Kinh. “Cháu đã tìm thấy nó ở nhà.”

Một bà y tá vốn không ưa tôi thường mò đến giường tôi vào ban đêm khi mọi người đã chìm sâu vào giấc ngủ. Dù tôi đã cố tình nằm im thin thít giả vờ ngủ say nhưng bà ta vẫn cúi xuống giường và thì thầm vào tai tôi, hơi thở nóng hổi và dính nhớp. “Để tao nói cho mày biết nhé,” bà ta làm bầm hết đêm này sang đêm khác, trong khi những hình hoa trên rèm cửa in thành những chiếc bóng bất động trên trần nhà. “Mày là đứa có trí tưởng tượng bệnh hoạn nhất mà tao đã từng gặp trong suốt mười năm làm cái nghề khôn kiếp này. Mày điên thật rồi! Không chỉ điên mà còn xấu xa nữa.”

*Nhưng tôi không hề bịa ra chuyện đó...*

Tôi vốn rất sợ bố mẹ, nhất là mẹ tôi, nhưng khi không có ai trong bệnh viện tin là quyển sách ấy có thật, khi chính tôi cũng bắt đầu nghi ngờ rằng có thể họ đã đúng, rằng tôi đã tưởng tượng ra nó, rằng tôi đã phát điên, thì tôi lấy hết can đảm để viết thư về nhà nhờ bố mẹ lục tìm trong hàng chồng sách một quyển sách bìa màu da cam, tên sách hình như là *Vụ thảm sát Nam Kinh*.

Thư hồi âm đến gần như ngay lập tức. “*Mẹ biết con vẫn tin là có quyển sách như thế. Nhưng mẹ đảm bảo với con rằng nhà này không bao giờ có những thứ sách rác rưởi như vậy.*”

Mẹ tôi vẫn luôn tin rằng bà có thể kiểm soát được mọi suy nghĩ và hành động của tôi. Bà cho rằng trường học là nơi dễ tiêm nhiễm các thói hư

tật xấu nên tôi không được đến trường mà phải học ở nhà. Nhưng nếu bạn quyết định gánh lấy trách nhiệm kiểu này, nếu bạn lo sợ (vì một lý do cá nhân khốn khổ nào đó) về những thứ mà con cái bạn sẽ học được về cuộc sống đến mức bạn kiểm tra từng quyển sách du nhập vào trong nhà, thỉnh thoảng xé đi những trang mà bạn cho là không lành mạnh thì phải chắc chắn một điều: bạn phải tiến hành công việc một cách triệt để. Ít nhất cũng triệt để hơn mẹ tôi. Bà không phát hiện ra một sự quản lý lỏng lẻo đã len vào nhà bà, xuyên qua những cánh cửa mộc đầy cỏ dại, len vào những chồng sách. Vì một lý do nào đó, bà đã để lọt quyển sách về Nam Kinh.

*“Bố mẹ đã tìm cả trên gác lẫn dưới nhà vì muốn giúp con, bố mẹ chỉ có mình con, nhưng mẹ rất lấy làm tiếc phải nói với con rằng con đã nhầm lẫn. Bố mẹ cũng đã viết thư thông báo cho nhân viên y tế chịu trách nhiệm theo dõi trường hợp của con về việc này.”*

Tôi nhớ lúc đó tôi đã đánh rơi bức thư xuống sàn nhà và một ý nghĩ khủng khiếp ập đến. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu họ đúng? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu quyển sách không tồn tại? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu đúng là tôi đã tưởng tượng ra nó? Điều tồi tệ nhất có thể xảy ra, tôi nghĩ, chắc là một cơn đau dữ dội và âm ỉ bắt đầu cuộn lên trong bụng.

Đôi khi bạn phải đi một chặng đường dài để chứng minh một vấn đề. Ngay cả khi hóa ra bạn chỉ chứng minh cho chính bản thân mình.

Khi tôi được xuất viện, tôi biết chính xác mình sẽ phải làm gì tiếp theo. Trong thời gian ở bệnh viện, tôi cũng đã hoàn tất các kỳ thi trung học (phần lớn các môn thi tôi đều đạt điểm A, kết quả này làm tất cả mọi người ngạc nhiên vì họ đều cho rằng thiếu hiểu biết có nghĩa là ngu dốt), và ở thế giới bên ngoài có những tổ chức từ thiện chuyên giúp đỡ những người như tôi đăng ký vào trường đại học. Họ giúp tôi làm quen với tất cả những thứ mà tôi hết sức ngỡ ngàng như liên hệ qua điện thoại, đi lại bằng xe buýt. Tôi tự học tiếng Nhật và tiếng Trung qua các quyển sách trong thư viện và ít lâu sau được nhận vào khoa Châu Á của đại học Luân Đôn. Thế là đột nhiên, ít nhất là ở vẻ bề ngoài, tôi cũng có vẻ bình thường. Tôi có một phòng trọ, một công việc phát tờ rơi bán thời gian, một thẻ đi tàu dành cho sinh viên và một gia sư chuyên sưu tập những bức tượng Yoruba và bưu thiếp giai đoạn tiền Raphael. (“Tôi tôn sùng những phụ nữ có nước da nhợt nhạt,” có

lần anh ta thở lộ khi nhìn tôi với một vẻ đăm chiêu. Rồi anh ta thì thầm nói thêm: “Tất nhiên là với điều kiện họ không bị điên.”) Nhưng trong khi những sinh viên khác tập trung cho việc tốt nghiệp hoặc học lên cao nữa thì tôi chỉ nghĩ tới Nam Kinh. Tôi chưa thể yên lòng chừng nào chưa biết được tôi có nhớ chính xác về những chi tiết trong quyển sách màu da cam đó hay không?

Tôi dành rất nhiều thời gian để tra cứu sách báo trong thư viện với hy vọng có thể tìm thấy một bản sao của quyển sách đó hoặc ít nhất là một ấn phẩm khác có nội dung tương tự. Có một quyển sách với tên gọi *Nỗi kinh hoàng ở Nam Kinh* xuất bản năm 1980 nhưng không có bản lưu nào ở nhà xuất bản. Không bản lưu nào trong thư viện, kể cả thư viện của Quốc hội, tuy nhiên tôi cũng không dám chắc đó là quyển sách mà tôi cần tìm. Nhưng chuyện đó không quan trọng vì tôi đã tìm thấy một thứ khác. Tôi bất ngờ phát hiện ra sự tồn tại của một đoạn phim về cuộc thảm sát đó.

Tổng cộng có hai bộ phim. Bộ phim thứ nhất là của Đức cha Magee, một nhà truyền giáo ở Trung Quốc vào những năm 1930. Bộ phim của ông đã được một người bạn lén mang ra ngoài. Quá kinh hoàng bởi những gì được ghi lại trong phim, người này đã khâu nó vào trong lớp áo lông lạc đà rồi mang theo tới Thượng Hải. Sau đó, cuộn phim trở nên âm ứ, nhòe và bắt đầu phân hủy sau khi bị bỏ quên nhiều năm trong một tầng hầm ở miền Nam California nóng nực trước khi lại được tìm thấy và đưa vào bộ sưu tập của Thư viện Quốc hội. Tôi tìm thấy một bản sao của bộ phim này tại thư viện của trường đại học Luân Đôn. Tôi đã xem đi xem lại nhiều lần và nghiên cứu từng khuôn hình. Bộ phim đã ghi lại những hình ảnh kinh hoàng ở Nam Kinh, những hình ảnh mà tôi không muốn nghĩ đến ngay dưới ánh sáng ban ngày, nhưng không hề có vụ hành hình mà tôi đã đọc được nhiều năm trước.

Đoạn phim thứ hai, hay ít nhất người ta đồn là thế, là của Sử Trùng Minh. Ngay sau khi có được thông tin này tôi gần như quên hết mọi thứ khác trên đời.

Đó là vào năm thứ hai ở trường đại học. Một buổi sáng mùa xuân, quảng trường Russell tràn ngập khách du lịch và những cây thủy tiên hoa vàng trở bông, tôi ngồi trong thư viện, tại một cái bàn mờ tối sau giá sách về Nhân loại học và đọc ngẫu nhiên một tạp chí ít người biết đến. Tim tôi

đập thành thịch - cuối cùng tôi đã tìm thấy một tài liệu nhắc tới vụ hành hình nói trên. Đó là một tài liệu chỉ mang tính tham khảo, thật ra khá mơ hồ và không có thông tin cốt yếu nhưng trong đó có một chi tiết khiến tôi gần như nhảy dựng trên ghế khi đọc được: “Chắc chắn là vào cuối những năm năm mươi tại đại học Giang Tô, người ta có nghe nhắc đến sự tồn tại của một đoạn phim mười sáu li ghi lại vụ hành hình này. Nhưng không giống như bộ phim của Magee, cho đến nay đoạn phim này vẫn chưa được đưa ra khỏi Trung Quốc.”

Vẫn không tin vào mắt mình, tôi vò lấy quyển tạp chí, hạ cây đèn Angle Poise soi rõ trang giấy. Thật không thể tưởng tượng được là lại có một đoạn phim ghi lại những cảnh đó. Thử hình dung xem. Nếu đúng là có bộ phim như thế trên đời này, thì người ta có thể nói tôi là một kẻ xấu xa, là một đứa không biết gì nhưng không ai có thể nói tôi là một kẻ bịa đặt.

“Người ta nói rằng cuốn phim này là của Sử Trùng Minh, một trợ lý nghiên cứu trẻ tuổi ở đại học Giang Tô, người đã có mặt ở Nam Kinh vào thời điểm diễn ra vụ thảm sát năm 1937...”

Tôi đọc đi đọc lại những dòng này. Một cảm giác kỳ lạ xâm chiếm khắp người tôi, cái cảm giác bấy lâu bị kìm nén, bị trói chặt bởi sự nghi kỵ của các nhân viên trong bệnh viện. Chỉ khi một sinh viên ở bàn bên cạnh thở dài sốt ruột tôi mới nhận ra mình đang đứng sừng sững miệng lẩm nhảm và hai cánh tay nổi da gà. *Nó vẫn chưa được đưa ra khỏi Trung Quốc...*

Đáng nhẽ tôi phải lấy cắp quyển tạp chí đó. Nếu tôi nhớ lại bài học trong bệnh viện thì tôi đã phải giấu quyển tạp chí đó bên trong chiếc áo len và mang nó ra khỏi thư viện. Như thế tôi có thể có cái gì đó để đưa cho Sử Trùng Minh xem, chứng minh cho ông ta thấy là tôi không hề dùng một trí tưởng tượng bệnh hoạn để thêu dệt nên chuyện này. Như thế ông ta sẽ không thể từ chối và sẽ để cho tôi hỏi những điều cần thiết.

Đổi diện với chiếc cổng đồ sộ sơn đỏ theo kiểu kiến trúc *Akamon* của đại học Todai là một quán cà phê nhỏ có tên gọi là Bambi. Khi Sử Trùng Minh yêu cầu tôi rời khỏi văn phòng của ông thì tôi nghe theo, ngoan ngoãn thu gom đồng giấy tờ ghi chép và nhét chúng trở lại vào trong túi. Nhưng tôi chưa bỏ cuộc. Chưa bỏ cuộc. Tôi bước vào quán cà phê và chọn một chỗ ngồi bên cạnh cửa sổ để tiện theo dõi những người đi ra đi vào trường đại học.

Bên ngoài, nhìn ngút tầm mắt là những tòa nhà chọc trời của Tokyo vươn cao lấp lánh, ánh mặt trời phản chiếu từ hàng triệu ô cửa kính nhỏ. Tôi ngồi hơi nghiêng về phía cửa sổ, ngõ ngàng trước khung cảnh trên. Tôi đã được biết rất nhiều về thành phố phượng hoàng này, về việc Tokyo đã vươn lên như thế nào từ đám tro tàn của chiến tranh; nhưng giờ đây nhìn thấy thành phố này bằng xương bằng thịt thì đối với tôi nó gần như không có thật. Đâu rồi một Tokyo của thời chiến? Đâu rồi cái thành phố của những người lính đó? Có phải tất cả đã bị chôn vùi dưới *những tòa nhà cao tầng này*? Nó quá khác biệt với những hình ảnh đen tối mà tôi lưu giữ suốt bấy nhiêu năm về những tòa nhà ám đầy khói bụi, những đường phố bị đánh bom và những chiếc xe kéo tòi tàn. Tôi quyết định sẽ phải làm quen với ý nghĩ cái thành phố đầy sắt thép và bê tông này là một hóa thân của Tokyo, một thứ đã được đặt chồng lên thành phố cổ, trái tim đích thực vẫn đang đập của nước Nhật.

Cô phục vụ đang nhìn tôi chăm chăm. Tôi cầm tờ thực đơn lên và làm ra vẻ chăm chú nghiên cứu, mặt đỏ rần. Tôi không có tiền vì tôi không nghĩ là mọi chuyện lại diễn ra theo chiều hướng này. Để có đủ tiền mua vé máy bay tôi đã phải làm việc trong một nhà máy đóng gói thực phẩm đông lạnh đến tuột hết cả da tay. Khi tôi nói với trường đại học là tôi muốn tới Nhật để tìm Sử Trùng Minh thì họ tuyên bố giọt nước cuối cùng đã tràn ly. Hoặc là tôi ở lại Luân Đôn để hoàn thành những môn học mà tôi còn nợ hoặc là rời khỏi trường vĩnh viễn. Có vẻ như tôi đã “phung phí quá nhiều thời gian quý

giá cho một số sự kiện ở Nam Kinh”: họ chỉ rõ những học phần dang dở, những tiết học quan trọng ở khoa luật mà tôi vắng mặt và những lần bị bắt gặp khi đang chúm mũi vào phác thảo những bức họa về Nam Kinh thay vì ghi chép về nền kinh tế năng động của châu Á Thái Bình Dương. Sẽ vô ích nếu xin họ tài trợ cho chuyến đi này nên tôi bán hết đồ đạc, vài chiếc đĩa CD, một chiếc bàn uống nước, một chiếc xe đạp đen cũ đã cùng tôi rong ruổi khắp Luân Đôn trong nhiều năm. Sau khi giải quyết xong vấn đề vé máy bay thì chẳng còn lại bao nhiêu - chỉ còn đủ vài đồng yên giắt trong chiếc túi du lịch.

Tôi vẫn nhìn cô phục vụ xem tôi có thể trì hoãn được bao lâu trước khi buộc phải gọi món gì đó. Cô ta bắt đầu có vẻ khó chịu nên tôi đành chọn thứ rẻ nhất trong thực đơn, một miếng dưa Danish tầm đường. Năm trăm yên. Khi thức ăn được mang đến tôi cẩn thận đếm tiền và đặt nó vào một cái đĩa nhỏ theo đúng cách tôi quan sát được từ các thực khách khác.

Trong túi của tôi cũng có một ít thức ăn. Có lẽ sẽ không có ai để ý nếu tôi nhón một ít. Tôi đã cất trong túi du lịch tám túi bánh quy Rich Tea. Ngoài ra trong túi còn một chiếc váy len, hai chiếc áo sơ mi, hai chiếc quần nịt, một đôi giày da buộc dây, ba quyển sách tiếng Nhật, bảy quyển sách giáo khoa về chiến tranh Thái Bình Dương, một quyển từ điển và ba chiếc bút vẽ. Sau khi có được thông tin về bộ phim của Sử Trùng Minh, tôi trở nên mơ hồ với những chuyện sẽ xảy ra với mình, thật sự tôi đã không hề nghĩ tới những vấn đề thực tiễn. Máy phải tới đó thôi, Grey, tôi chỉ nghĩ có thế. Các bác sĩ đã luôn bảo mày thế nào? *Cháu sẽ phải lường trước các khả năng có thể xảy ra, trong xã hội luôn có những quy tắc mà cháu sẽ phải tuân theo.*

Grey.

Hiển nhiên đó không phải là tên thật của tôi. Thậm chí ngay cả bố mẹ tôi, những người ẩn mình trong một ngôi nhà cũ kỹ ở một xóm xinh không đường giao thông, không xe cộ qua lại, cũng không kỳ dị tới mức đó. Không. Đó là cái tên mà tôi nhận được từ bệnh viện. Cô gái ở giường bên đã đặt cho tôi, cô gái này có nước da tái tái, đeo khuyên ở mũi, và mái tóc xỉn màu suốt ngày được cô gái sột soạt. “Tớ muốn diện một tí, chỉ muốn chung diện tí thôi mà.” Miệng cô lở loét, đóng vảy vì cô dán quá nhiều keo



vào đó, có lần cô khóa cửa nhà vệ sinh rồi lấy cái móc áo mà cô xoáy được chọc vào cổ tay luôn lên tới tận nách. (Tôi không hiểu sao bệnh viện luôn để những người như chúng tôi ở cùng một khu. Chúng tôi ở khu bệnh nhân “tự hại”.) Cô gái này dường như luôn có một nụ cười tự mãn và tôi không nghĩ rằng cô sẽ nói chuyện với tôi. Một hôm khi chúng tôi đứng xếp hàng ăn sáng thì cô nhận ra tôi đứng ở phía sau. Cô quay lại nhìn tôi rồi phá ra cười. “Chà, tớ vừa mới nghĩ ra là trông cậu giống cái gì.”

“Cái gì cơ?”

“Một con grey. Cậu khiến tớ liên tưởng tới một con grey.”

“Là *con* gì?”

“À, khi cậu mới vào đây, cậu vẫn còn sống, nhưng,” cô nhe răng cười, chỉ tay vào mặt tôi, “nhưng bây giờ thì không, đúng không? Cậu chỉ là một bóng ma, Grey, giống như tất cả bọn tớ.”

Một con grey. Cuối cùng thì cô ấy cũng tìm thấy một bức tranh vẽ một con grey để giải thích cho tôi biết ý cô muốn nói gì. Đó là một sinh vật ngoài hành tinh với một cái đầu to, dờ dẫm, hai mắt kiểu côn trùng phẳng lì nằm ở trên cao, nước da nhợt nhạt kỳ quái. Tôi nhớ là mình ngồi trên giường nhìn chăm chăm vào quyển tạp chí, tay càng lúc càng lạnh, máu bắt đầu đông lại. Tôi là một con grey. Gầy gò, trắng toát và trong suốt. Trong tôi không còn cái gì sống động. Một bóng ma.

Tôi biết tại sao. Bởi vì tôi không còn biết tin vào cái gì nữa. Bố mẹ tôi không ủng hộ tôi, và vì một số lý do mà các bác sĩ tin rằng tôi bị điên, khởi đầu là những câu chuyện về tình dục. Rồi còn sự thiếu hiểu biết của tôi về thế giới xung quanh.

Phần lớn nhân viên trong bệnh viện đều thầm nghĩ rằng trường hợp của tôi khá kỳ quặc, được nuôi dạy bằng sách vở nhưng không bao giờ được nghe đài hay xem vô tuyến. Họ cười khi thấy tôi nhảy dựng lên khi nghe tiếng ô tô rồ ga hay tiếng xe buýt chạy rầm rầm trên phố. Tôi không biết cách sử dụng máy nghe nhạc Walkman hay điều khiển vô tuyến, và đôi khi họ tìm thấy tôi đang mắc kẹt ở một chỗ quái quỷ nào đó, cả người vậy máu, không nhớ nổi mình đã đến đó bằng cách nào. Họ không tin rằng đó

chỉ là do tôi lớn lên ở một nơi hẻo lánh, hoàn toàn cách ly với thế giới bên ngoài. Thay vào đó họ cho rằng đó là một phần của bệnh điên.

“Chắc mày nghĩ sự thiếu hiểu biết là một kiêu bả chữa.” Bà y tá, người vẫn thường đến thăm tôi lúc nửa đêm và giận dữ rít vào tai tôi mọi nhận xét của bà ta, luôn cho rằng sự thiếu hiểu biết của tôi là tội lỗi lớn nhất. “Nó không phải là một lời bào chữa, mày biết đấy, nó không phải là một lời bào chữa. Không hề. Trong từ vựng của tao, sự thiếu hiểu biết đồng nghĩa với sự xấu xa, cực kỳ xấu xa. Và những gì mày làm cũng vậy, vô cùng xấu xa.”

Khi cô phục vụ bàn quay đi, tôi mở túi và lấy ra quyển từ điển tiếng Nhật. Có ba bảng chữ cái trong tiếng Nhật. Hai bảng chữ cái viết theo kiểu phiên âm, rất dễ hiểu. Nhưng còn hệ thống chữ cái thứ ba, có từ hàng thế kỷ trước, bắt nguồn từ chữ tượng hình của Trung Quốc thì phức tạp hơn rất nhiều nhưng cũng đẹp hơn nhiều. Đó là hệ chữ kanji. Tôi đã nghiên cứu chữ kanji trong nhiều năm nhưng mỗi lần đọc kiểu chữ này tôi đều thấy mình mới nhỏ bé làm sao. Khi bạn dừng lại để ngẫm nghĩ về chiều dài lịch sử của chữ viết này cùng với tất cả những gì ẩn chứa đằng sau mỗi bức tranh tượng hình nhỏ hơn cả con kiến, làm sao bạn lại có thể không cảm thấy mình chẳng khác nào một sự lãng phí không khí của trái đất.

Đối với tôi, chữ kanji có một tính logic tuyệt đẹp. Tôi hiểu tại sao một cái tai vẽ gần cái cửa có nghĩa là nghe. Tôi hiểu tại sao ba người đàn bà tùm tùm lại với nhau có nghĩa là “ồn ào” và tại sao thêm vào bên trái bất cứ từ nào một kí tự hình giọt nước thì sẽ tạo ra một từ mới có liên quan tới nước. Nếu thêm kí tự đó vào bên trái từ cánh đồng thì sẽ tạo ra từ có nghĩa là biển.

Quyển từ điển luôn là bạn đồng hành của tôi. Đó là một quyển sách thân thuộc, mềm mại và nhỏ, có thể nằm gọn trong tay tôi, bìa màu trắng, gáy bọc da. Chính cô gái có mớ tóc quăn dài đã lấy cắp nó trong thư viện khi cô rời khỏi bệnh viện. Cô đã gửi tặng tôi qua đường bưu điện khi biết tôi sắp được ra viện. Trong sách có một tấm bưu thiếp do cô ấy viết: “*Tớ tin cậu. Đừng từ bỏ niềm tin. Hãy ra ngoài và CHÚNG MINH ĐIỀU ĐÓ đi, cô gái.*” Nhiều năm sau đó, những dòng chữ này vẫn luôn làm tôi cảm động.

Tôi giờ trang đầu tiên của từ điển có in dấu tem thư viện. Tên của Sử Trùng Minh có nghĩa gì đó tương tự như “người nhìn rõ quá khứ và tương lai”. Tôi lục tìm chiếc bút dạ đỏ trong túi và bắt đầu vẽ các chữ kanji đan chéo, ngược xuôi cho đến khi màu đỏ phủ kín trang. Rồi tôi viết tên Sử Trùng Minh bằng tiếng Anh vào giữa những chỗ trống bằng những chữ cái nhỏ xíu, hết chữ này đến chữ khác. Khi không còn chỗ nữa tôi lật mặt sau của tờ giấy và vẽ bản đồ khu ký túc của trường đại học, thêm thất vào đó một vài hàng rào và cây xanh theo trí nhớ. Khu ký túc rất đẹp. Mặc dù tôi mới chỉ nhìn thoáng qua nhưng trông nó không khác gì một xứ sở thần tiên giữa lòng thành phố với những cây bạch quả um tùm bao quanh các con đường rải sỏi trắng, những mái nhà trang trí cầu kỳ và róc rách âm thanh trong trẻo của một hồ nước xanh ngắt nằm trong rừng. Tôi vẽ cung thể thao rồi thêm thất những chiếc đèn lồng bằng đá theo trí tưởng tượng của mình. Cuối cùng là văn phòng của Sử Trùng Minh, tôi tỉ mỉ vẽ mình đang đứng trước mặt ông. Chúng tôi đang bắt tay nhau. Tay kia của Sử Trùng Minh đang cầm một hộp đựng phim bằng sắt để chuẩn bị đưa cho tôi. Ngay cả trong trí tưởng tượng, tôi cũng cảm thấy mình đang run rẩy. Sau chín năm, bảy tháng và mười tám ngày, cuối cùng tôi cũng đã tiến gần tới câu trả lời.

Sáu rưỡi chiều, trời vẫn còn nóng nhưng cánh cổng gỗ sồi nặng nề của Viện Khoa học Xã hội đã khóa và khi áp tai vào đó, tôi cũng không nghe thấy tiếng động nào từ bên trong. Tôi quay lại nhìn ra xung quanh chưa biết sẽ phải làm gì tiếp theo. Tôi đã đợi Sử Trùng Minh suốt sáu giờ đồng hồ trong quán cà phê Bambi và mặc dù không ai nói gì nhưng tôi vẫn thấy có nghĩa vụ gọi thêm mấy ly cà phê đá. Bốn ly cả thầy, cộng với bốn đĩa Danish. Cô phục vụ cứ nhìn đi chỗ khác là tôi lại liếm tay, đồng thời quệt nốt chỗ đường dính lại trên đĩa rồi thò tay xuống gầm bàn, lén lút lôi từ trong túi ra mấy chiếc bánh bích quy Rich Tea. Tôi phải bẻ vụn bánh dưới gầm bàn trước khi đưa tay lên miệng giả vờ ngáp. Vĩ tiền tôi ngày càng mỏng. Giờ thì tôi nhận ra đúng là chỉ mất thời gian. Chắc Sử Trùng Minh đã bỏ đi từ lâu bằng cửa khác. Có lẽ ông ta đoán là tôi đang đợi.

Tôi quay ra đường và lôi từ trong túi ra mấy tờ giấy được gấp lại. Một trong những công việc cuối cùng của tôi ở Luân Đôn là photo một cái bản đồ Tokyo. Nó được chia tỷ lệ rất lớn, gồm nhiều trang. Tôi đứng nghiên cứu tấm bản đồ trong ánh chiều tà giữa dòng người qua lại tấp nập. Tôi nhìn tới

nhìn lui cái trục đường nơi tôi đang đứng. Nó giống như một cái vực sâu với những tòa nhà cao tầng san sát, dốc đứng, với đám đông người qua lại, những bảng điện neon và những cửa hiệu tấp nập, ồn ào. Tôi sẽ phải làm gì bây giờ? Tôi đã bỏ tất cả để tới đây gặp Sử Trung Minh và bây giờ tôi không có chỗ nào để trú chân, không có việc gì để làm.

Sau khi nghiên cứu chán chê tập bản đồ mà vẫn không biết phải làm gì, tôi nhét chúng trở lại trong túi, đeo vào người rồi nhắm mắt lại và bắt đầu quay tròn, vừa quay vừa lớn giọng đếm. Khi đếm đến số 25 thì tôi mở mắt, phớt lờ ánh mắt hiếu kì của người qua đường, nhằm con đường trước mặt, thẳng tiến.

Tôi đi lang thang hàng tiếng đồng hồ ở Tokyo, vẫn còn choáng ngợp bởi những tòa nhà chọc trời sừng sững như những vách núi làm bằng kính, những biển quảng cáo rượu và thuốc lá, khắp nơi vang lên những tiếng nói như tiếng người máy khiến tôi liên tưởng tới những ngôi nhà bí mật trên bầu trời. Tôi cứ đi quanh quẩn, không phương hướng, lúc nào cũng chỉ chăm chăm tránh không va vào các nhân viên công sở vừa tan ca, những người đi xe đạp và các em học sinh bé xíu trong bộ đồng phục sạch sẽ chỉnh tề và những chiếc cặp sách bằng da bóng lộn sau lưng như bộ cánh của con cánh cam. Tôi không biết là mình đã đi bao xa và mình đang đi về đâu. Tôi chỉ dừng lại khi ánh hoàng hôn trên phố đã tắt, khi mồ hôi thấm ướt áo, khi chiếc quai túi lằn một vết trên vai và chân tôi phỏng rộp vì chai. Tôi đang đứng trong sân của một ngôi đền dưới những cây tùng và gỗ thích, giữa bóng những cây hoa trà đang tàn. Nơi này rất lạnh và yên tĩnh, ngoại trừ thi thoảng, những cơn gió nhẹ thổi qua, khẽ lay động hàng trăm tấm bùa bình an treo đầy trên cành cây. Và rồi tôi nhìn thấy, xếp hàng như những bóng ma dưới tán cây là hàng hàng lớp lớp những pho tượng đá hài nhi. Hàng trăm bức tượng hài nhi với những chiếc mũ đỏ đan bằng tay.

Tôi ngồi phịch xuống một chiếc ghế đá và nhìn chúng chăm chăm. Lũ nhỏ đứng thành hàng thẳng tắp, tay ôm những con gấu bông hay những chiếc chong chóng nhỏ, có bé còn đeo cả yếm dải. Chúng như đang nhìn về phía tôi, từng hàng, từng hàng những bức tượng đá trẻ con với gương mặt buồn bã, trông rỗng. Những đứa trẻ này cùng với vẻ biểu cảm của chúng có thể làm người ta bật khóc, nên tôi đứng dậy đi tìm một chiếc ghế khác để khỏi phải nhìn thấy chúng. Tôi cởi giày và tháo tất ra. Hai bàn chân trần trở nên thoải mái hơn trong không khí mát mẻ. Tôi duỗi chân ra phía trước và ngo nguậy các ngón chân. Ở phía cổng ra vào của điện thờ có một chum nước. Nó được dành cho những người đi lễ rửa tay tẩy uế, nhưng tôi đến đó và lấy một chiếc gáo tre múc ít nước dội xuống chân. Nước mát lạnh và trong vắt, tôi liền vốc nước vào lòng bàn tay đưa lên miệng uống. Khi tôi

quay trở lại chiếc ghé đá thì lũ trẻ dường như vừa mới di chuyển. Có vẻ như chúng vừa đồng loạt lùi lại một bước, như thể sững sốt trước hành động thất lễ của tôi ở chôn linh thiêng này. Tôi lại nhìn chúng trong giây lát. Rồi tôi quay trở lại chiếc ghé, lấy ra một túi bánh quy và bắt đầu nhai lạo xạo.

Tôi không có nơi nào để đi. Trời đêm âm áp và công viên nơi tôi ngồi rất yên tĩnh, ánh đèn đỏ trắng của Tháp Tokyo nhấp nháy trên đầu tôi. Khi ánh mặt trời vừa tắt thì những bóng đèn điện lại lóe sáng trên các cành cây và những người vô gia cư bắt đầu xuất hiện trên những chiếc ghé xung quanh tôi. Những người lang thang này dù hoàn cảnh khác nhau nhưng có vẻ như đều mang bữa tối đạm bạc theo mình với những chiếc đĩa gỗ, một số người còn đựng thức ăn trong những hộp cơm bằng sơn mài. Tôi vừa gặm nhấm gói bánh quy vừa quan sát họ từ chỗ ngồi của mình. Họ ăn cơm của họ và cũng nhìn tôi.

Một người đàn ông trong số đó mang theo một đồng bìa các tông và đặt xuống gần công đèn rồi ngồi lên trên. Ông ta gần như không mặc gì ngoài một chiếc quần bẩn thỉu, vàng ó, cặp quần cẩu ghét. Ông ta nhìn tôi rất lâu rồi phá ra cười, trông giống như một ông Phật tí hon vừa lăn trong hồ bóng. Tôi không cười. Tôi ngồi trên ghé, im lặng nhìn ông ta. Ông ta khiến tôi nhớ tới một bức ảnh trong quyển sách giáo khoa tiếng Nhật của tôi, chụp một người đàn ông sắp chết đói ở Tokyo sau chiến tranh. Đó là năm đầu tiên khi tướng MacArthur bắt đầu thiết lập các ủy ban quân quản trên đất Nhật, người Nhật sống bằng những thứ thực phẩm như củong rau bí, lá trà, hạt giống, vỏ lạc, mùn cưa và quả sồi. Người người chết đói trên đường phố. Người đàn ông trong ảnh có một mảnh vải trải ra trước mặt trên bày hai cái thìa con xấu xí. Khi tôi còn bé, tôi luôn luôn bị ám ảnh bởi hai chiếc thìa này. Chúng không có gì đặc biệt, không phải là những chiếc thìa bằng bạc hay được chạm khắc cầu kỳ, chúng chỉ là hai chiếc thìa hết sức bình thường. Nhưng có lẽ nó là thứ duy nhất mà ông ta có, và ông ta cần có thức ăn tới mức ông ta tin rằng ông ta có thể bán nó cho một người có mọi thứ trên đời nhưng chỉ còn thiếu hai chiếc thìa con bình thường của ông ta.

Người ta gọi đó là sự tồn tại kiểu măng tre, hay một cuộc đời giống như củ hành, mỗi lớp vỏ được bóc ra lại làm ta chảy nước mắt nhiều hơn. Và dù cho ta có may mắn kiếm được thức ăn thì cũng không dám mang về nhà vì bệnh kiết lị sinh sôi nảy nở từ những lớp bùn đặc quánh trên đường phố có thể bám vào đó để theo về gia đình ta. Những đứa trẻ vừa đến từ

Mãn Châu, đứng bơ vơ trên các cầu cảng, cổ đeo những hộp gỗ trắng đựng tro cốt của người thân.

Có lẽ đó là cái giá cho sự thiếu hiểu biết, tôi nghĩ và nhìn người hành khất ăn mặc rách rưới kia. Có lẽ nước Nhật đã phải trả giá cho sự bàng quan đối với những gì họ đã làm ở Nam Kinh. Bởi vì, sự thiếu hiểu biết, như tôi đã được nghe nhắc nhở quá nhiều lần, không phải là một cách bào chữa cho tội ác.

Những người vô gia cư đã bỏ đi khi tôi thức dậy vào buổi sáng hôm sau. Thay vào chỗ họ là một người đàn ông phương Tây trạc tuổi tôi, chân dang rộng đang ngồi chống cằm nhìn tôi chăm chú. Anh ta mặc một chiếc áo phông bạc màu có in dòng chữ *Big Daddy Blake/Killtime Mix* và một sợi dây đeo cổ bằng da có mặt dây chuyền giống như một chiếc răng cá mập. Mắt cá chân của anh ta để trần và rám nắng, anh ta đang nhìn tôi cười như thể tôi là một sinh vật ngộ nghĩnh nhất mà anh ta từng thấy. “Này,” anh ta nói và giơ tay ra chào tôi. “Trông cô thoải mái thật. Giác ngộ thiên thần.”

Tôi vội vàng đứng dậy khiến chiếc túi xách rơi xuống đất. Tôi lôi chiếc áo len ra và quàng vào người, vừa lấy tay gỡ tóc vừa liếm mấy ngón tay rồi vội vã đưa lên quệt mắt, lau miệng. Tôi biết là anh ta vẫn đang mỉm cười và nhìn tôi với cái kiểu mọi người vẫn thường nhìn tôi, vừa ngạc nhiên vừa thích thú.

“Này, cô có nghe tôi nói gì không đấy?” Anh ta đứng dậy và tiến lại gần tôi, bóng anh ta đổ dài trên chiếc túi xách của tôi. “Tôi nói, cô có nghe thấy tôi không? Cô có biết nói tiếng Anh không?” Anh ta nói với một giọng tiếng Anh rất lạ, không biết là giọng Anh, Mỹ hay Úc, có thể là cả ba, như thể anh ta đến từ một bãi biển nào đó. “Cô-có-biết-nói-tiếng-Anh-không?”

Tôi gật đầu.

“À thì ra cô cũng nói được tiếng Anh?”

Tôi lại gật đầu.

Anh ta ngồi xuống bên tôi và chìa tay ra ngay dưới mắt tôi khiến tôi không thể không nhìn. “Vậy thì xin chào, tôi là Jason.”

Tôi nhìn chăm chăm vào tay anh ta.

“Tôi nói xin chào, tôi nói tôi là Jason.”

Tôi bắt tay anh ta một cách vội vàng rồi ngồi nép sang một bên vì không muốn chạm vào người anh ta và dò dẫm tìm chiếc túi dưới gầm ghế. Giống hệt như ở trường đại học, tụi con trai luôn trêu tôi vì lúc nào tôi cũng thủ thế, lúc nào tôi cũng có cảm giác như sắp rơi xuống một cái hố. Tôi tìm thấy đôi giày và bắt đầu đi vào chân.

“Giày của cô đấy à?” Anh ta hỏi. “Cô định đi chúng thật à?”

Tôi không trả lời. Đúng là đôi giày đã quá lỗi mốt. Một đôi giày màu đen buộc dây, cứng nhắc, đế dày cộp, đúng là không phù hợp cho một ngày nóng nực ở Tokyo.

“Cô lúc nào cũng cư xử một cách thô lỗ vậy sao?”

Tôi kéo giày lên và bắt đầu buộc dây giày, siết chặt hơn bình thường, khiến ngón tay tôi trắng bệch ra và những vết chai ở mắt cá chân cọ vào lớp da giày thô cứng.

“Được đấy,” anh ta nói về hài lòng. “Cô đúng là một người lập dị.”

Có cái gì đấy trong cách nói của anh ta khiến tôi dừng tay lại và quay sang nhìn anh ta chăm chú. Những tia nắng len lỏi qua hàng cây phía sau lưng anh ta và tôi cảm thấy có phần bị ấn tượng với mái tóc sẫm màu cắt ngắn với một chút bờ liềm ở sau gáy và tai. Tôi không muốn thú nhận nhưng đúng là có những lúc, tôi không thể nghĩ đến bất cứ cái gì khác ngoài chuyện tình dục.

“Đúng vậy, cô đúng là một kẻ lập dị. Không phải sao? Lập dị một cách duyên dáng. Một cách rất Anh. Có phải cô là người Anh không?”

“Tôi...” Phía sau lưng anh ta những đứa trẻ bằng đá vẫn đứng yên trong hàng, những tia nắng đầu tiên xuyên qua đám lá cây, rơi lên những giọt sương đêm đọng trên vai và trên mũ. Xa xa những tòa nhà chọc trời tĩnh lặng đang phản chiếu hình ảnh của một Tokyo mỏng mảnh và thanh khiết như một hồ nước trong hang núi.



“Tôi không...” Tôi yếu ớt nói. “Tôi không biết ngủ ở đâu nữa.”

“Cô không có khách sạn à?”

“Không.”

“Thế cô vừa mới tới đây à?”

“Vâng.”

Anh ta cười phá lên. “Ồ chỗ tôi có một phòng đấy. Đúng hơn là khoảng *một trăm* phòng.”

“Ồ chỗ của anh?”

“Đúng vậy. Nhà của tôi. Cô cũng có thể thuê một phòng ở đó.”

“Nhưng tôi không có tiền.”

“Ái chà, tệ thật! Chúng ta đang ở Tokyo. Đừng nghe lời các nhà kinh tế học, ở đây vẫn có các xe tải chở đầy tiền. Cô chỉ cần mở mắt ra là thấy. Góc phố nào cũng có các hộp đêm.” Các cô gái ở trường đại học vẫn thường mơ tưởng đến chuyện làm việc trong các hộp đêm ở Tokyo. Họ nói đi nói lại về số tiền kék sù mà họ kiếm được cũng như những món quà tặng đắt tiền của khách hàng. Những lúc đó, tôi thường ngồi thu lại một góc và nghĩ rằng bạn phải hết sức duyên dáng để có đủ tự tin làm việc đó.

“Tôi làm phục vụ bàn ở một trong những hộp đêm đó. Tôi có thể giới thiệu cô với Mama-san nếu cô muốn.”

Mặt tôi bắt đầu đỏ bừng. Anh ta không thể hình dung được cảm giác của tôi về viễn cảnh làm việc trong một hộp đêm. Tôi quay đi và buộc nốt dây giày rồi đứng dậy vuốt lại quần áo cho phẳng.

“Nghiêm túc đấy. Kiếm bộn tiền. Suy thoái kinh tế chưa chạm đến các hộp đêm. Và Mama-san thì rất thích những kẻ lập dị.”

Tôi không trả lời. Tôi kéo khóa áo len, tròng chiếc túi qua đầu để quai túi vắt chéo trước ngực rồi vụng về nói: “Xin lỗi. Tôi phải đi.” Tôi bỏ đi, hai tay khoanh lại. Một cơn gió nhẹ khẽ thổi qua làm quay tít những chiếc

chong chóng trên tay các em bé. Trên đầu tôi, ánh nắng lấp lánh trên những tòa nhà chọc trời.

Anh ta bắt kịp tôi ở cổng công viên. “Này,” anh ta gọi. Tôi không dừng lại nên anh ta bước đi song song cạnh tôi, cười toe toét. “Này, cô gái kỳ dị. Đây là địa chỉ của tôi.” Anh ta chìa tay ra và tôi dừng lại nhìn. Anh ta cầm một mẫu bìa xé từ bao thuốc lá có địa chỉ và số điện thoại ghi bằng bút bi. “Cầm lấy. Cô sẽ vui khi ở với chúng tôi.”

Tôi nhìn xuống tờ địa chỉ.

“Cầm lấy nào.”

Tôi chần chừ một lát rồi cầm lấy, mẫu giấy lạo xạo khi tôi khoanh hai tay lại, rồi tôi cầm đầu đi tiếp. Sau lưng tôi, anh ta cười và nói: “Cô đúng là lạ, cô gái kỳ quặc. Tôi thích cô đấy!”

Buổi sáng hôm đó, sau khi mang ra một suất Danish và một ly cà phê đá, cô phục vụ bàn ở quán cà phê Bambi còn đặt trên bàn tôi thêm một đĩa com to với vài miếng chả cá, hai đĩa dưa góp và một bát xúp miso.

“Ồ không, tôi không gọi những món này,” tôi nói bằng tiếng Nhật.

Cô gái liếc nhìn về phía người quản lý đang kiểm tra hóa đơn tại quầy thu tiền rồi quay lại phía tôi, đưa mắt nhìn lên trần nhà và đặt một ngón tay lên miệng. Đến khi tính tiền tôi thấy cô chỉ ghi trong hóa đơn có món Danish mà thôi. Tôi ngòai ngẩn người ra, không biết phải nói gì nữa, chỉ biết nhìn chăm chăm vào cô phục vụ lúc này đang tíu tíu đi từ bàn này sang bàn khác rút cuốn sổ ghi chép nhỏ ra khỏi chiếc túi ở tạp dề và lấy chiếc bút bi Maruko Chan màu hồng gãi gãi đầu. Không phải lúc nào bạn cũng được hưởng một sự đối xử hào phóng đến vậy, ít nhất là theo những gì tôi được biết. Tôi đột nhiên tò mò không biết bố cô ấy là người thế nào, cả ông nội cô ấy nữa. Tôi băn khoăn không biết liệu ông có bao giờ trò chuyện với cô về những gì đã xảy ra ở Nam Kinh. Trong nhiều năm, các trường học ở Nhật Bản không dạy học sinh về vụ thảm sát ở Nam Kinh. Tất cả những gì liên quan đến cuộc chiến này đều bị đưa ra khỏi sách giáo khoa. Phần lớn thanh niên Nhật chỉ có một khái niệm hết sức mơ hồ về những gì xảy ra ở

Trung Quốc năm 1937. Tôi tự hỏi không biết cô phục vụ bàn có biết đến cái tên Nam Kinh hay không nữa.

Có những thứ bạn phải nghiên cứu rất lâu trước khi có thể hiểu được nó. Chín năm, bảy tháng, mười tám ngày. Ấy thế mà dường như vẫn chưa đủ. Thậm chí với tất cả những gì mà tôi đã đọc về quãng thời gian người Nhật chiếm đóng Trung Quốc, tôi vẫn chưa thực sự hiểu tại sao vụ thảm sát lại có thể xảy ra. Có vẻ như các chuyên gia, bao gồm các nhà xã hội học, tâm lý học và sử học thì hiểu được chuyện đó. Họ nói rằng đó là vì sợ hãi. Rằng quân đội Nhật lúc đó vừa đói, vừa mệt, vừa sợ hãi khi phải đổ xương máu cho cuộc tấn công vào Thượng Hải, lại phải đương đầu với bệnh tả và kiết lỵ, cho nên sau khi hành quân qua nửa đất nước Trung Hoa, đến gần tới thủ đô thì sức chịu đựng của họ đã vượt quá giới hạn cho phép. Một số nhà nghiên cứu cho rằng lính Nhật lúc đó là sản phẩm của một xã hội khao khát quyền lực, họ đã bị tẩy não, xem người Trung Quốc như một loài hạ đẳng. Một số khác thì cho rằng một quân đội như thế khi tiến vào Nam Kinh và nhìn thấy hàng trăm nghìn thường dân vô tội trốn chui trốn lủi trong những tòa nhà bị trúng bom... thì những gì xảy ra tiếp theo đó không có gì đáng ngạc nhiên.

Quân đội Thiên hoàng đã không tốn nhiều thời gian. Chỉ trong vòng vài tuần họ đã tàn sát khoảng ba trăm nghìn thường dân. Người ta kể rằng, sau vụ tàn sát đó, xác người chất thành cầu, nối liền hai bờ sông Dương Tử. Lính Nhật nghĩ ra đủ kiểu giết người mới lạ như chôn thanh niên xuống cát ngập đến cổ rồi cho xe tăng cán qua đầu; cưỡng hiếp người già, trẻ em và súc vật; dùng cực hình, tra tấn, chém đầu, phanh thây; họ dùng trẻ em làm bia cho các buổi tập trận bằng lưỡi lê. Bạn không thể mong đợi những người đã từng chứng kiến cuộc tàn sát đó lấy lại niềm tin vào người Nhật.

Trong phòng làm việc của Sở Trùng Minh có một chiếc máy chiếu 16 li. Suốt đêm tôi chỉ nghĩ đến nó. Cứ mỗi khi bắt đầu nghĩ rằng mình đã tưởng tượng ra bài báo đó, tôi lại thì thầm với mình, “Một giáo sư xã hội học cần đến máy chiếu phim để làm gì?”

Ngày hôm sau, ông xuất hiện ở trường đại học khoảng trước mười giờ sáng một chút. Tôi nhìn thấy ông từ xa, trông giống như một đứa trẻ đi chuyển khó khăn trên vỉa hè. Ông mặc chiếc áo hải quân cài khuy lệch hoàn toàn không theo phong cách Nhật, tập tễnh dựa vào cây gậy, tốc độ chỉ bằng nửa người thường, chiếc mũ dân chài bằng nhựa màu trắng sụp xuống che mái tóc dài bạc trắng. Tôi nhìn ông bước xuống đường, tiến về phía mình, chờ cho ông đến gần cánh cổng sơn đỏ.

“Chào ông,” tôi bước lên phía trước và Sử Trùng Minh dừng lại.

Ông giận dữ nhìn tôi. “Đừng nói gì với tôi,” ông lầm bầm. “Tôi không muốn nói chuyện với cô.” Ông tập tễnh bước về phía trường. Tôi đi bên cạnh ông. Xét ở một khía cạnh nào đó, cảnh tượng chắc hẳn có vẻ khá lịch sự, một học giả nhỏ bé khắc khổ bước đi tập tễnh, giả vờ như không hề có một đứa con gái ngoại quốc cao lênh khênh khoác bộ quần áo kỳ quặc bám theo sau. “Tôi không thích những gì cô mang đến.”

“Nhưng ông phải nói chuyện với tôi. Đây là chuyện hệ trọng nhất trên đời.”

“Không. Cô tìm nhầm người rồi!”

“Tôi không tìm nhầm người. Chính là ông. Sử Trùng Minh. Trong bộ phim của ông có thứ mà tôi đã tìm kiếm suốt gần mười năm qua. Chín năm, bảy tháng và...”

“Và mười tám ngày. Tôi biết. Tôi biết. Tôi biết.” Ông đột ngột dừng lại và quay sang nhìn tôi. Sự giận dữ khiến trên móng mắt ông xuất hiện những đốm nhỏ màu da cam. Ông nhìn tôi rất lâu và tôi nhớ lại cảm giác mơ hồ rằng chắc hẳn tôi khiến ông nhớ tới một chuyện gì đó vì nét mặt ông bỗng trở nên rất đăm chiêu. Cuối cùng ông thở dài, lắc đầu: “Cô đang ở đâu?”

“Ở đây, ở Tokyo. Và hôm nay đã là bảy tháng và *mười chín* ngày.”

“Vậy thì nói cho tôi biết tôi có thể liên lạc với cô ở đâu. Có thể trong một hai tuần tới, khi tôi rỗi rãi hơn, có thể tôi sẽ cho cô phỏng vấn về thời gian tôi ở Nam Kinh.”

“*Một tuần?* Ôi, không, tôi không thể đợi được. Tôi không có lấy...”

Ông ta hăng giọng vẽ sột ruột. “Hãy cho tôi biết một chuyện,” ông nói. “Cô có biết những người giàu có ở Trung Quốc sẽ làm gì để con trai họ học tiếng Anh không?”

“Xin lỗi, tôi không hiểu ông định nói gì?”

“Cô có biết họ đi xa tới mức nào không?” Ông uốn lưỡi lên rồi chỉ vào phần cơ nôi phía dưới lưỡi. “Họ cắt lưỡi con trai họ, ngay dưới này này, khi chúng ba hoặc bốn tuổi. Chỉ để lũ trẻ có thể phát âm chữ *r* trong tiếng Anh.” Ông gật đầu. “Vậy đấy! Thế cô thấy tiếng Anh của tôi thế nào?”

“Hoàn hảo.”

“Ngay cả khi tôi không có bố mẹ giàu có và không cần phải phẫu thuật.”

“Đúng vậy.”

“Đó là do rèn luyện chăm chỉ. Tất cả chỉ có vậy. Hai mươi năm chuyên cần. Và cô có biết chuyện gì không? Tôi không chuyên cần học tiếng Anh hai mươi năm để rồi lãng phí lời nói của mình. Do đó, tôi nói một tuần. Thậm chí là hai tuần. Đó là những gì tôi muốn nói.”

Rồi ông tập tễnh bỏ đi. Tôi lại bám theo.

“Tôi xin lỗi, thôi thì một tuần cũng được.”

Tôi chạy lên phía trước, quay về phía ông và giơ hai tay ra để chặn ông lại. “Tôi đồng ý. Một tuần. Tôi sẽ... Tôi sẽ gọi điện cho ông. Một tuần nữa tôi sẽ đến gặp ông.”

“Tôi không phụ thuộc vào thời khóa biểu của cô được. Tôi sẽ gọi cho cô khi tôi đã sẵn sàng.”

“Tôi sẽ gọi cho ông. Một tuần nữa.”

“Tôi không nghĩ thế,” Sử Trùng Minh bước sang một bên định vượt qua tôi.

“Xin đợi một chút.” Tôi căng óc ra nghĩ. “Được rồi, xem nào.” Tôi tuyệt vọng vờ tay dò tìm trong mớ quần áo, cố gắng nghĩ xem phải làm gì. Tôi lưỡng lự, cánh tay treo lơ lửng trên túi áo. Trong túi có một thứ. Một miếng vỏ hộp thuốc lá mà Jason trao cho tôi. Tôi hít một hơi dài: “Đây là địa chỉ của tôi. Để tôi viết lại cho ông.”

Ai đó chợt xuất hiện trong đời tôi. Một cách đột ngột. Không mong đợi. Cô ta cứ vo ve xung quanh giống như một con ong bắp cày cứng đầu, và hai lần làm tôi mất cảnh giác. Những hai lần! Cô ta la hét và đưa ra những tuyên bố hùng hồn, cô ta vung tay lên trời và nhìn tôi với một vẻ đầy hăm dọa như thể tôi là người duy nhất chịu trách nhiệm về những điều xấu xa xảy ra trên thế giới này. Cô ta nói cô ta muốn thảo luận về những gì đã xảy ra ở Nam Kinh.

“Muốn?” Không đúng, muốn không phải là một từ chính xác. Có cái gì đó còn mạnh mẽ hơn là muốn. Đó là một căn bệnh. Cô ta phát điên vì muốn được nghe nói về Nam Kinh.

Có đôi lần, tôi đã thấy hối tiếc biết bao về thời kỳ tiền cách mạng văn hóa ở Giang Tô, những ngày xa xưa khi tôi hài lòng với vị trí của mình ở trường đại học tới mức tôi đã cho phép mình nhắc đến những gì xảy ra ở Nam Kinh. Bây giờ tôi mới thấy giận bản thân biết bao khi đã buột miệng ám chỉ tới những sự kiện đã xảy ra ở Nam Kinh vào mùa đông năm 1937. Tôi đã tin rằng mọi chuyện chỉ dừng lại ở đó. Tôi đã tin. Tôi đã cho rằng chắc chắn sẽ không còn ai nhắc lại chuyện đó nữa. Làm sao lúc ấy tôi có thể biết được những lời buột miệng trong một cơn ngẫu hứng của mình một ngày nào đó lại được nhắc đến trong một tạp chí phương Tây để rồi lọt vào mắt và trở thành một đề tài ám ảnh cô gái xa lạ này? Tôi đang rơi vào trạng thái tuyệt vọng vì tất cả những chuyện này. Tôi đã hai lần bảo với cô ta là hãy để tôi yên nhưng cô ta không chịu và hôm nay tôi đã bị cô ta dồn vào chân tường để cuối cùng đành phải đồng ý sắp xếp một cuộc hẹn khác.

Nhưng (ôi, đây mới chính là vấn đề nan giải), điều thực sự gây phiền não cho tôi không phải là sự ngoan cố của cô ta mà là một cái gì đó sâu xa hơn nhiều. Bởi vì một cái gì đó trong sự quyết tâm của cô ta đã khiến tôi lung lay. Tôi bắt đầu cảm thấy một mối bất an mới, một mối bất an đen tối và không thể không băn khoăn liệu cô ta có phải là một điềm báo, liệu sự

xuất hiện đột ngột của cô ta ở nơi này, quyết tâm không thể lay chuyển của cô ta về việc lục lại đám tro tàn quá khứ của Nam Kinh có phải điềm báo rằng chương cuối cùng của quyền nhật ký đã đến gần hơn tôi tưởng.

Đó là một sự điên rồ! Trong bấy nhiêu năm tôi đã giữ vững lời thề không bao giờ nhớ về cái mùa đông đó nữa, không bao giờ đọc lại những gì tôi đã viết vào năm đó. Tôi đã kiên quyết giữ lời, thế mà không hiểu tại sao hôm nay sau khi nói chuyện với cô ta tôi đã trở về văn phòng, lần tìm theo bản năng chiếc ngăn kéo nơi cất giữ quyển nhật ký cũ kỹ và đặt nó lên bàn, nơi tôi vẫn có thể nhìn mà không chạm vào nó. Tôi tự hỏi tại sao, tại sao sau bằng ấy năm bấy giờ tay tôi lại tự nhiên ngứa ngáy muốn lật giở trang đầu tiên của quyển nhật ký này? Tất cả những gì tôi có thể làm là không đưa tay ra và nhìn nó đầy thèm khát. Cô ta đã đánh thức ham muốn chết người nào vậy? Có lẽ tôi nên chôn nó đi. Đúng vậy, chôn vùi nó đâu đó, có thể ngay dưới đồng sách vở này hay giấu nó vào trong một ngăn tủ bếp nơi tôi sẽ nhanh chóng quên đi sự tồn tại của nó, nơi nó sẽ không bao giờ còn làm tôi rối trí được nữa.

Hay là (và đến đây chắc hẳn giọng tôi đã trở nên im bật), hay là tôi sẽ đọc nó. Tôi sẽ mở nó ra và bắt đầu đọc. Chỉ một câu thôi. Chỉ một đoạn thôi. Suy cho cùng, tôi giữ lại quyển nhật ký bốn mươi nghìn từ về cuộc thảm sát này làm gì nếu không phải để đọc lại nó. Những dòng chữ này thì có làm gì được tôi? Chẳng lẽ chúng có thể đâm xuyên da thịt tôi ư? Và đâu có ai quan tâm nếu tôi phá bỏ lời thề của mình để nghiền ngấu những dòng nhật ký này? Có lẽ những lời thề sinh ra là để bị phá vỡ...

Tôi tự hỏi liệu tôi rồi có nhận ra chính mình? Tôi tự hỏi, liệu tôi có bận tâm?

**史 Nam Kinh, ngày 28 tháng Hai năm 1937 (ngày mười tám tháng Mười một theo lịch của Thu Kim)**



Mặt trời bị làm sao thế kia? Hẳn có gì bất thường khiến mặt trời lúc bình minh trông lạ lùng đến thế! Tôi ngồi bên khung cửa sổ quen thuộc, ô cửa sổ duy nhất hướng về phía Đông, lòng tràn ngập một mối bất an. Tay tôi run lên khi viết những dòng này. Mặt trời đỏ thắm. Đường như trời và đất đang có một âm mưu mờ ám chống lại loài người nên những tia nắng được sắp xếp một cách đối xứng, vắt ngang qua bầu trời thành những vạch đỏ sẫm. Trông hoàn toàn giống như... Hoàn toàn giống như...

Trời ơi! Chuyện gì thế này? Thậm chí tôi còn không dám viết ra những từ đó. Chuyện điên rồ gì đây? Đọc được những dấu hiệu trên bầu trời cơ đấy! Tôi phải quay đi và không được suy nghĩ lung tung nữa. Tôi đang có nguy cơ nói năng linh tinh như Thu Kim hay trở thành một người mê tín như cô ấy. Tôi thường xuyên lo lắng cho Thu Kim. Nếu cô ấy thức dậy vào lúc này, cô ấy sẽ nhìn chăm chú về phía chân trời và suy xét theo kiểu nhà quê rằng có mười mặt trời thay nhau mọc lên ở đằng Đông. Mười mặt trời này phải bơi qua thế giới bên kia rồi lần lượt xuất hiện ở phía Đông theo một chu kì khép kín. Vào lúc như thế này, Thu Kim sẽ nhìn mặt trời một lúc rồi tuyên bố hẳn một mặt trời đã gặp tai nạn khi bơi qua thế giới bên kia, có lẽ nó đã bị thương, một điềm báo cho một cái gì đó khủng khiếp sắp xảy ra. Thu Kim luôn lặp đi lặp lại là cô ấy có thể nhìn thấy tương lai vì một lẽ đơn giản, tương lai chính là những gì đã xảy ra trong quá khứ.

Tôi không muốn tranh cãi về các tín ngưỡng dân gian của cô ấy. Tôi luôn bắt lực khi đối mặt với niềm tin của cô ấy. “Đừng bao giờ cố thay đổi con bé,” mẹ tôi đã nhắc tôi như thế trước khi bà qua đời. “Ngà voi không bao giờ mọc ra từ miệng chó, con biết đấy.”

Thế nhưng dù cho đã trở nên dễ thích nghi hơn thì tôi vẫn chưa hoàn toàn mất trí. Dù cho rõ ràng không cần phải thay đổi Thu Kim, nhưng cũng không cần phải cố vũ cho sự mê tín của cô ấy. Như lúc này đây, không cần phải lôi cô ấy ra khỏi giường để vào trong thư phòng, nơi tôi đang ngồi trên ghế sofa kính hoàng nhìn ngắm mặt trời.

Mặt trời lúc này còn xuống thấp hơn, nóng rẫy, đỏ rực, giống như một lão khổng lồ đang soi mói thành phố. Thu Kim sẽ gọi đó là một điềm báo. Nếu nhìn thấy nó, cô ấy có thể sẽ làm những chuyện tức cười như chạy xung quanh nhà và la hét ầm ĩ. Do đó tôi đành giữ nó cho riêng mình. Tôi sẽ không nói với bất cứ ai rằng ngày hôm nay tôi đã chứng kiến mặt trời

Trung Hoa mọc lên với màu sắc và hình dáng của Hi No Maru, biểu tượng mặt trời mọc trên lá cờ của quân đội Thiên hoàng Nhật Bản.

Thế là xong! Tôi nên ném quyển sách xuống và ôm mặt vì xấu hổ. Tôi đã phá vỡ lời thề. Thật kỳ lạ là sau bao nhiêu năm không khoan nhượng, tôi lại từ bỏ, lại đầu hàng một cách chóng vánh, đột ngột vào một sáng mùa hè không có gì đặc biệt như thế này. Giờ đây khi tôi đưa tay lần giờ từng trang của quyển nhật ký, tôi tự hỏi liệu tôi có tìm thấy cái gì mới mẻ? Những trang giấy đã cũ, mực viết đã mờ và những chữ viết kiểu *kaishu* trông cổ lỗ một cách kỳ lạ. Nhưng - và thật khôi hài biết bao khi phát hiện ra rằng những vấn đề trọng yếu vẫn y nguyên như cũ - nỗi sợ hãi vẫn không thay đổi. Tôi vẫn nhận ra nỗi sợ hãi mà tôi cảm thấy vào buổi sáng cách đây hơn năm mươi năm về trước. Giờ đây, tôi cũng có cùng một cảm giác như thế khi tôi kéo tấm rèm cửa sổ, nhìn ra ngoài và thấy mặt trời đang chiếu xuống Tokyo.

Ngày hôm đó trời nóng nực và dài lê thê tới mức các vỉa hè cũng chảy mồ hôi nhớp nháp dưới chân. Mồ hôi toát ra từ những máy điều hòa không khí, rỏ lên người đi đường phía dưới và Tokyo dường như đang chuẩn bị trôi ra khỏi lục địa và xèo xèo trượt vào trong đại dương. Tôi tìm thấy một quầy bán báo và mua một lon trà xanh ướp lạnh kèm vài chiếc kẹo sôcôla dứa tan ngay trong miệng. Tôi vừa đi lướt thướt trên đường vừa ăn uống và ngay lập tức cảm thấy khỏe hơn một chút. Tôi rẽ vào đường xe điện ngầm và lặn vào dòng người sạch sẽ, sáng láng, chiếc áo len chui cổ bản thủ của tôi cọ vào những chiếc sơ mi phẳng phiu mới giặt của họ. Tôi để ý thấy người dân Tokyo không có mùi. Thật buồn cười. Tôi không ngửi thấy mùi của họ và họ cũng ít nói, tàu điện ngầm chật cứng nhưng rất im ắng giống như một toa tàu chở đầy các manocanh.

Ngôi nhà của Jason nằm trong một khu có tên là Takadanobaba, có nghĩa là Bãi ngựa thượng. Khi tàu dừng, tôi thận trọng đặt chân lên bậc lên xuống, tò mò quan sát máy móc và những biển quảng cáo nước tăng lực. Ai đó va vào tôi và sau đó là một phút bán loạn khi những người đi sau cố không bị ngã theo người đi trước. *Hãy nhớ lấy, trong xã hội có những quy tắc mà cháu luôn phải tuân theo.*

Bên ngoài ga tàu điện ngầm, đường phố chật cứng sinh viên từ trường đại học Waseda. Tôi đi lên phía đầu đường, gần chỗ ngân hàng Citibank, rồi rẽ khỏi đường chính và đột nhiên thấy mọi thứ thay đổi hoàn toàn. Tôi thấy mình đi giữa đồng cỏ nát của Tokyo cũ. Xa rời âm thanh ồn ã của các bảng quảng cáo điện tử là những ngõ hẻm mát mẻ, im ắng: những con phố bé xíu quanh co nằm chằng chịt sau lưng các tòa nhà chọc trời, một con đường tối tăm nhưng sống động giống như đường mòn trong rừng. Tôi nín thở và sững sờ nhìn xung quanh, mọi thứ giống như những bức tranh tôi nhìn thấy trong sách. Những ngôi nhà gỗ ọp ẹp nằm san sát, cũ kỹ, mục ruỗng, những kẻ sống sót sau hàng chục năm động đất, hỏa hoạn, bom đạn. Giữa những

khe hở bên sườn mọc ra đám cây leo um tùm sum sê trông giống như những cái cây ăn thịt người.

Ngôi nhà của Jason là ngôi nhà to nhất, cổ nhất và đồ nát nhất mà tôi từng thấy ở Tokyo. Nằm trong một góc giữa hai phố nhỏ, tất cả cửa sổ tầng trệt của ngôi nhà bị bịt kín bởi những tấm ván có đóng đinh và khóa móc, cây leo chằng chịt ngóc lên từ vỉa hè cuốn lấy ngôi nhà y như những bụi gai trong câu chuyện *Công chúa ngủ trong rừng*. Bên sườn nhà là chiếc cầu thang dẫn lên tầng hai của ngôi nhà với chiếc cửa gỗ nhỏ, một cái chuông cũ gỉ bám đầy bụi và một mái vòm bằng nhựa để che mưa nắng.

Tôi vẫn nhớ như in bộ quần áo mà Jason mặc khi anh ta ra mở cửa cho tôi. Anh ta vận một chiếc áo sơ mi màu xanh ôliu, quần soóc và chân xỏ vôi một đôi giày sa mạc méo mó không buộc dây, gót chân đề lên trên mép giày, cổ tay anh ta đeo một chiếc vòng tết bằng chỉ thêu và tay cầm một chiếc can đựng bia bằng bạc trên có dòng chữ Asahi. Bây giờ tôi mới có cơ hội nhìn ngắm anh ta kỹ hơn một chút trong ánh sáng ban ngày - anh ta có nước da trơn nhẵn, sạch sẽ như thể suốt ngày ở ngoài trời. Những từ “Anh ta thật đẹp” thoáng xuất hiện trong đầu tôi.

“Xin chào, cô gái kỳ quặc, cô thay đổi ý định à? Về việc thuê phòng ấy?” Anh ta nói, ngạc nhiên khi nhìn thấy tôi.

“Còn ai sống ở đây nữa?” Tôi nhìn quanh ngôi nhà.

Anh ta nhún vai. “Tôi. Hai cô gái làm việc trong hộp đêm. Một vài hồn ma. Thật ra cũng không biết là bao nhiêu con nữa.”

“Hồn ma?”

“À, đấy là mọi người nói thế.”

Tôi im lặng một lát, ngược nhìn lớp ngói của ngôi nhà, những mái hiên uốn cong chạm hình rồng và cá heo đã bong tróc. Ngôi nhà có vẻ rộng hơn và tối hơn những nhà bên cạnh. “Thôi được, tôi không quan tâm đến chuyện ma quỷ, tôi muốn thuê phòng ở đây,” cuối cùng tôi lên tiếng và xách túi lên.

Anh ta không có ý định xách túi giùm tôi, mà dù sao thì tôi cũng chẳng biết nói gì nếu anh ta định làm thế. Tôi đi theo anh ta lên gác, bước

chân của chúng tôi vang khắp nhà.

“Tầng trệt bị khóa, không có đường vào,” anh ta nói, vẫy vẫy can bia về phía những cửa sổ bị bịt kín. “Chúng ta ở tầng trên và cô sẽ phải ra vào bằng đường này.”

Chúng tôi dừng lại ở đầu cầu thang. Tôi đứng ở góc nhà, trong một hành lang tối, kín mít, dẫn sang hai bên phải trái tôi theo một đường vuông góc. Tôi chỉ có thể nhìn được khoảng năm mét về cả hai phía rồi cái hành lang bụi bặm dường như thu hẹp dần, như thể mắt hút đầu đó trong một góc phố tối tăm lạnh lẽo khác của Tokyo mà tôi không tài nào hình dung ra. Đã quá trưa mà ngôi nhà vẫn lặng im như tờ.

“Phần lớn ngôi nhà bị khóa. Tiền thuê đất ở Tokyo tăng ngất ngưỡng kể từ khi nền kinh tế bong bóng bùng nổ, nhưng chủ đất vẫn đang cố thương lượng với các chuyên viên phát triển bất động sản. Nếu họ thành công thì nơi này sẽ bị phá đi để xây một tòa nhà cao tầng khác nên tiền thuê nhà ở đây gần như *cho không*.” Nói đến đây, Jason đá đôi giày đi. “Tất nhiên cô sẽ phải quen với việc vôi vữa thỉnh thoảng rơi rụng xung quanh.” Anh ta phác một cử chỉ mơ hồ về phía hành lang bên phải: “Các cô gái ngủ ở đây, bên cánh này. Cả ngày ở trên giường. Gái Nga. Giờ thì người ta đã tháo cũi cho người Nga chạy đi khắp nơi. Thông tin về cuộc suy thoái kinh tế ở Nhật vẫn chưa đến được nước Nga. Đây...” Anh ta đẩy cho tôi một đôi dép cói đã mòn vẹt và đứng nhìn khi tôi thay giày, tháo đôi giày nhỏ thô cứng có dây buộc ra và xỏ bàn chân đi tạt vào đôi dép lê, “Có đau chân không?” Anh ta chỉ vào đôi giày. “Trông có vẻ đau.”

“Có, chân tôi phồng rộp hết cả.”

“Thế cô không có cái gì khác để đi à?”

“Không.”

“Thế trong túi cô đựng gì mà nặng thế?”

“Sách vở.”

“Sách vở?”

“Đúng vậy.”

“Sách gì?”

“Sách tranh.”

Jason phá lên cười. Anh ta châm một điếu thuốc và hài lòng nhìn tôi xỏ chân vào đôi dép mới. Tôi kéo thẳng chiếc áo len, lấy tay vuốt tóc và đứng trước mặt anh ta, bộ dạng của tôi làm anh ta lại phá lên cười. “Thế,” anh ta hỏi, “tên cô là gì?”

“Grey.”

“Grey? Tên họ kiểu gì vậy?”

Tôi hơi do dự. Thật kỳ lạ khi xuất hiện ở một nơi không ai biết mình. Tôi hít một hơi thật sâu và cố trả lời với một giọng tỉnh bơ. “Đó là họ của tôi, mọi người đều gọi tôi thế.”

Jason dẫn tôi xuống hành lang bên tay phải, thỉnh thoảng dừng lại để giới thiệu về ngôi nhà. Bên trong, ngôi nhà mang lại một cảm giác êm ái đến kỳ lạ, giống như một cơ thể sống. Sàn nhà phủ đầy những tấm thảm cói tatami, mỗi chuyển động đều dậy mùi hương bí ẩn của tằm kén. Các phòng được bố trí cùng một bên của hành lang, bên kia là những bức bình phong bằng gỗ đã mòn vẹt che khuất bức tường đối diện, cao từ thắt lưng tới trần.

“Buồng tắm kiểu truyền thống nên khi tắm phải ngồi xôm. Cô biết cách chứ?” Anh ta nhìn tôi từ đầu tới chân. “Ngồi xôm? Lấy gáo múc nước từ chum ra tắm? Cô có biết đó chính là mục đích của việc sống ở Nhật không - làm mọi việc theo cách khác người.”

Nhưng trước khi tôi kịp trả lời thì anh ta đã quay sang phía đối diện với các căn phòng và mở cánh cửa chớp ra. Ánh mặt trời ủa vào qua lớp kính phủ đầy bụi. “Máy điều hòa chỉ là đồ chết tiệt nên mùa hè phải đóng cửa suốt ngày.”

Chúng tôi đứng cạnh cửa sổ và nhìn xuống một khu vườn tường bao kín mít. Khu vườn trông um tùm và bí ẩn như một khu rừng nhiệt đới, cây cối mọc cao ngang cửa sổ tầng trệt. Những cây hồng vàng sẫm màu với tán

lá nặng trĩu mọc chen vào các kẽ tường và che hết ánh mặt trời. Tôi đặt hai tay lên ô cửa, dán mũi vào lớp kính và nhìn ra ngoài. Cuối khu vườn là sân sau của một tòa nhà chọc trời màu trắng.

“Tòa nhà Muối,” Jason nói. “Không hiểu sao nó lại có tên như thế, chắc là do truyền miệng, hết như những căn phòng vậy, qua tay hết chủ này đến chủ khác.”

Tôi định quay đi thì chợt để ý thấy dưới khu vườn, cách chỗ tôi đứng khoảng ba mươi mét, thấp thoáng dưới các tán cây một mái nhà bằng ngói đỏ phơi mình trong nắng.

“Đó là cái gì vậy?”

“Cái đó à?” Anh ta tì mũi vào cửa sổ. “Đó là chái thứ ba của ngôi nhà. Khóa kín mít.”

“Cũng thuộc về ngôi nhà này?”

“Tôi biết là thế nào cô cũng hỏi. Chúng tôi gọi chỗ này là Cẩm Cung. Tôi biết khoảng hai mươi phòng ở đây và nghe đồn là còn hai mươi phòng khác nữa.”

Cho đến lúc này tôi mới thấy căn nhà chiếm hết một khoảng đất rộng biết bao. Nó che gần hết khu phố, bao quanh khu vườn như ba cạnh của một hình vuông. Nhìn từ trên cao, nó giống như một cây cầu bị Tòa nhà Muối che mất cạnh thứ tư. Ngôi nhà đang ở vào giai đoạn mục ruỗng, bắt đầu từ hai bên cánh, và Jason nói anh ta không muốn biết cái gì nằm bên trong các phòng bị khóa kín ở tầng trệt. “Đấy là nơi các bóng ma trú ngụ, theo lời hai cô nàng sinh đôi *baba yaga* <sup>[1]</sup>.”

Chúng tôi đi qua một dãy dài cửa trượt làm bằng giấy *shoji*, có cái mở, có cái đóng. Tôi nhìn lướt qua đám đồ đạc trong bóng tối lờ mờ, những đồ nội thất bụi bặm chất đống và bị lãng quên. Tôi thấy một chiếc *butsudan* - một chiếc tủ thờ tổ tiên - bằng gỗ tẻch, trông không ngoại trừ một ngăn chất đầy những lọ thủy tinh bụi bặm. Đôi dép lê của tôi êm như ru. Chúng tôi tiến đến gần một cánh cửa khóa chặt và niêm phong bằng một thanh sắt to. Jason dừng lại. “Chỗ này không đi được.” Anh ta áp mũi vào cánh cửa rồi khịt mũi. “*Chúa ơi*, cứ trời nóng là có cái mùi kinh không chịu được.”

Anh ta lấy tay quệt mặt rồi quay lại, gõ tay vào cánh cửa cuối cùng trong hành lang. “Đừng lo, đây là phòng của cô, ở đây cô sẽ ổn thôi.”

Anh ta đẩy cánh cửa trượt. Ánh mặt trời chiếu xuyên qua hai mảnh vải cũ bản găm trên cửa sổ. Những tấm vải che tường bằng lụa màu nâu nhạt rách tả tơi, rủ xuống theo những vết rạch dài nhám nhở giống như một con thú có móng vuốt từng bị nhốt ở đây. Những tấm lót sàn *tatami* đã sờn cũ, vài con ruồi chết khô trên bậu cửa sổ và mạng nhện chằng đầy trên các đồ đạc khác trong phòng.

“Cô nghĩ sao?”

Tôi bước vào giữa phòng và nhìn ngó xung quanh. Ở bức tường gần đó có một hốc tường *takonoma*, một chiếc ghế đu bằng mây đặt sát tường nơi vẫn thường dùng để treo các bức thư họa bốn mùa.

“Cô muốn làm gì với nó thì làm. Chủ nhà cóc quan tâm, thậm chí còn thường xuyên quên thu tiền nhà.”

Tôi nhắm mắt lại và dang hai tay ra để cảm nhận sự mềm mại của không khí, và ánh nắng đọng đầy bụi chiếu ấm lưng tôi. Căn phòng này rộng gấp đôi căn phòng trọ của tôi ở Luân Đôn và dường như nó đang chào đón tôi. Có một mùi hương ngai ngái, như mùi rom và lụa đang khô mục.

“Sao?”

“Nó...” Tôi nói và mở mắt ra, tay tôi chạm vào những mảnh lụa còn sót lại trên tường. “... Nó rất đẹp.”

Jason giật tấm vải phủ cửa sổ xuống và mở tung cánh cửa để một chút không khí ấm áp tràn vào phòng.

“Còn đây là cũi của Godzilla <sup>[2]</sup>,” anh ta nói và chỉ ra bên ngoài cửa sổ.

Khi mới tới đây, vì vẫn còn choáng ngợp bởi các tòa nhà chọc trời nên tôi đã không nhận ra độ cao thực sự của Takadanobaba.

Chỉ đến bây giờ, nhìn từ trên cao, tôi mới thấy khu vực xung quanh trũng hẳn xuống. Đỉnh của các tòa nhà cao tầng bên cạnh chỉ nằm ngang



với cửa sổ nơi tôi đứng, tiếng cười nói huyền ảo văng ra từ các màn hình quảng cáo treo khắp nơi. Chỉ cách chỗ tôi đứng mười mấy mét, một biển quảng cáo lớn choán hết tầm nhìn. Nó là bức chân dung màu đỏ khổng lồ của một ngôi sao điện ảnh với nụ cười nhếch mép đang nâng một chiếc cốc như muốn uống mừng cả Takadanobaba. Chiếc cốc có vẽ dòng chữ Suntory Reserve.

“Mickey Rourke, kẻ mê hoặc phụ nữ,” Jason nói.

“Mickey Rourke,” tôi nhắc lại. Tôi chưa từng nghe đến cái tên này nhưng tôi thích gương mặt của ông ta. Tôi thích cái kiểu ông ta nhìn xuống chúng tôi và mỉm cười. Tôi túm lấy khung cửa và thò đầu ra ngoài một chút. “Hongo nằm ở phía nào?”

“Hongo, tôi không biết, chắc là phía này...”

Tôi kiễng chân và nhìn ra xa, qua những mái nhà san sát, những bảng hiệu neon nhấp nháy và những cột anten vô tuyến vàng óng vì nắng. Chúng tôi cách xa nhau hàng kilômét. Tôi không bao giờ có thể nhìn thấy văn phòng của Sở Trùng Minh giữa đám nhà chọc trời này. Thế nhưng, không hiểu sao chỉ cần biết là nó nằm ở đâu đó quanh đây cũng đủ làm tôi cảm thấy dễ chịu. Tôi đứng thẳng lại.

“Giá phòng là bao nhiêu?”

“Hai trăm đô một tháng.”

“Tôi chỉ cần thuê trong một tuần thôi!”

“Thế thì năm mươi đô. Quá là đi ăn cắp.”

“Tôi không có đủ chừng ấy tiền.”

“Cô không có nổi năm mươi đô la? Thế cô nghĩ chi phí ở Tokyo là bao nhiêu cơ chứ? Năm mươi đô la là giá rẻ bất ngờ đấy!”

“Tôi chẳng có lấy một xu.”

Jason thở dài.

Anh ta dụi tắt điếu thuốc, ném nó ra ngoài cửa sổ và chỉ về đường chân trời. “Hãy nhìn về phía Đông Nam. Những tòa nhà cao tầng đó là Kabuchi Cho và phía bên trên nữa, có thấy gì không?”

Ở phía xa, một con quái vật bằng kính đôi màu với tám cột trụ đen sì, đứng sừng sững giữa trời, cao hơn tất cả những tòa nhà chọc trời khác. Bốn miệng máng xối hình đầu thú khổng lồ bằng đá hoa cương đen theo kiểu gô tích nằm trên bốn góc mái phụt lên trời những luồng khí cao tới mười mấy mét như muốn hun đốt bầu trời.

“Đấy là tòa nhà của tư nhân, một trong những tòa nhà của anh em Mori. Nhìn kỹ trên tầng thượng ấy!”

Tôi căng mắt ra nhìn. Gắn trên chóp của tòa nhà là bức ảnh lớn của một phụ nữ đang ngồi trên xích đu. “Tôi biết người phụ nữ này, tôi nhận ra cô ta.”

“Đó là Marilyn Monroe.”

Marilyn Monroe. Cô ta dễ phải cao đến gần mười mét, tính từ đôi giày cao gót màu trắng cho tới mái tóc tẩy màu, và đang đu tới đu lui theo hình vòng cung trên chiếc băng điện nhấp nháy, chiếc váy mỏng mùa hè bay tốc lên đến tận quá thắt lưng.

“Đó là hộp đêm Some Like It Hot nơi tôi và hai cô nàng *baba yaga* làm việc. Đêm nay tôi sẽ dẫn cô tới đó. Chỉ vài giờ là cô có đủ tiền thuê nhà.”

“Ôi không, đó là một hộp đêm!” Tôi nói và lùi ra khỏi cửa sổ.

“Rất dễ chịu, đừng lo. Strawberry sẽ ung cô ngay.”

“Không, đừng có nói thế vì bà ấy sẽ không thuê tôi đâu,” tôi nói, đột nhiên cảm thấy mình rất vụng về.

“Sao không?”

“Vì...” Tôi bối rối dừng lại. Tôi thật không biết phải giải thích cho anh ta thế nào. “Không, chắc chắn bà ấy sẽ không thuê tôi.”

“Cô nhảm đấy! Nhưng dù sao đi nữa, theo như tôi biết thì cô cũng đâu có cách nào khác.”

## 6

Hai nữ tiếp viên sống ở cánh trái ngôi nhà, hai nàng *baba yaga*, là một cặp chị em sinh đôi đến từ Vladivostock, Svetlana và Irina. Jason dẫn tôi tới gặp họ vào cuối buổi chiều khi cả hai đang ở trong phòng của Irina chuẩn bị đi làm. Cả hai đều đi tất dài màu đen và mặc áo lót hiệu Spandex, giống nhau như hai giọt nước, cao lớn như phu khuân vác, cánh tay lực lưỡng và chân cuộn cuộn cơ bắp. Nhìn họ giống như cả ngày phơi nắng ngoài đường, và hai chị em đều có mái tóc uốn dài chấm vai. Điều khác biệt duy nhất giữa hai người là tóc của Irina màu vàng còn Svetlana thì màu đen. Tôi nhìn thấy một chai thuốc nhuộm tóc hiệu Naple Black trong một cái hộp màu hồng cũ kỹ để trên giá bếp.

Họ để tôi ngồi trên một chiếc ghế đầu, trước mặt là một cái bàn trang điểm nhỏ và bắt đầu tra khảo tôi.

“Cô biết Jason à? Người quen cũ?”

“Không, tôi vừa gặp anh ta sáng nay.”

“Sáng nay á?”

“Trong công viên.”

Hai cô gái trao đổi một cái nhìn. “Ái chà, anh ta hành động nhanh thật đấy!” Svetlana nói và nháy mắt với tôi.

Họ mời tôi một điếu thuốc. Tôi thích hút thuốc, và chính cô bạn trong bệnh viện đã dạy tôi hút thuốc lá. Nó khiến tôi có cảm giác là người lớn nhưng tôi không bao giờ có đủ tiền để duy trì sở thích này. Tôi nhìn bao thuốc lá nằm gọn trong bàn tay với những móng tay sơn đỏ chót của Irina và nói: “Tôi không có tiền để trả cho cô đâu!”

Irina nheo mắt và bĩu môi như thể đang hôn không khí. “Không sao, cầm lấy.” Irina nói và lại chìa bao thuốc ra.

Tôi lấy một điều thuốc và cả ba chúng tôi vừa hút thuốc vừa quan sát nhau. Nếu Svetlana và Irina không nhuộm tóc khác màu thì gần như không thể nào phân biệt được ai với ai. Cả hai đều toát lên một vẻ tự tin giống như một số cô gái mà tôi biết ở trường đại học. Trong mắt họ, tôi hẳn là một cái gì đó kỳ quặc, giống như một đồng quần áo bản đặt trên ghế của họ.

“Cô định làm việc ở hộp đêm à?”

“Không, họ sẽ chẳng nhận tôi đâu!”

Svetlana tặc lưỡi.

“Đừng có ngốc, công việc dễ ợt, dễ như ăn kẹo.”

“Thế phải ngủ với khách hàng à?”

“Không.” Cả hai cùng bật cười. “Không tình dục. Nếu cô muốn thì mời cô ra ngoài làm. Mama-san không thích chuyện đó.”

“Thế thì các cô làm gì?”

“Làm gì á? Chẳng *làm* gì cả. Chỉ nói chuyện với khách hàng, châm thuốc cho ông ta. Tặng bốc ông ta. Bỏ đá vào những thứ đồ uống chết tiệt của ông ta.”

“Thế các cô nói chuyện gì với họ?”

Họ nhìn nhau rồi nhún vai. “Chỉ nói những gì làm họ vui, làm họ thích cô, làm họ cười. Mà họ sẽ thích cô thôi vì cô là người Anh.”

Tôi chợt liếc nhìn xuống chiếc váy đen dày mà tôi đang mặc. Đó là một chiếc váy cũ và người chủ trước của nó hẳn không có liên quan gì đến cuộc chiến tranh ở Triều Tiên. Còn chiếc sơ mi màu đen cài khuy đằng trước, tôi mua với giá năm mươi bảng ở một cửa hàng Oxfam trên Harrow Road. Đôi tất chân của tôi thì dày và cũ xỉn.

“Này.”

Tôi ngược nhìn. Svetlana đang giơ ra trước mặt tôi một chiếc túi trang điểm màu vàng. “Gì cơ?”

“Trang điểm đi, chúng ta phải đi trong vòng hai mươi phút nữa.”

Hai chị em sinh đôi này rõ ràng là có nghệ thuật duy trì hai cuộc đối thoại cùng một lúc. Áp điện thoại lên tai, miệng phì phèo điều thuốc, họ trò chuyện liên hồi với các khách hàng của mình. “Tôi nay ông sẽ đến chứ? Em sẽ rất *sabishi* nếu vắng ông.” Họ vừa nói vừa kẻ lông mày, dán lông mi, mặc những chiếc quần bó màu trắng bóng lộn và xỏ chân vào những đôi giày cao ngất ngưỡng. Tôi im lặng quan sát họ. Svetlana cho rằng tôi nên mặc cái gì đó màu vàng để trông tươi vui hơn. Cô đứng hồi lâu trước gương với độc một chiếc áo nịt ngực, tay giơ lên quá đầu, kiểm tra hai bên nách đã cạo sạch chưa.

“Cô trông phải sành điệu một chút. Muốn mượn thất lung của tôi không? Nó màu vàng, vàng với đen rất hợp đấy.”

“Tôi sẽ trông giống như một con ngó.”

“Thế thì màu bạc vậy,” Irina nói. Tôi cố không nhìn về phía cô. Cô đã cởi chiếc áo lót ra và đang đứng ngực trần cạnh cửa sổ, dùng tay và răng bóc cuộn băng dính Sellotape. “Cô mặc toàn màu đen, trông cứ như quả phụ.”

“Tôi luôn mặc màu đen.”

“Thế cô đang để tang ai à?”

“Không,” tôi bình tĩnh nói. “Đừng có ngớ ngẩn, tôi mà để tang ai chứ?”

Cô quan sát tôi một lúc. “Thôi được, nếu cô thích thế,” cô nói. “Nhưng nếu mặc thế đi đến câu lạc bộ chắc cô sẽ làm đàn ông ở đó phát khóc mất thôi.” Miệng ngậm một đầu băng dính, Irina dùng hai tay nâng hai bầu ngực lên và ép chúng sát lại với nhau hết mức rồi chằng băng dính từ sườn trái sang phải nhiều lần, ngay dưới ngực để giữ chúng lại. Xong xuôi, cô mặc một chiếc áo sơ mi trễ vai rồi đứng trước gương kiểm tra lại công

trình của mình. Tôi cắn móng tay và chỉ muốn xin thêm một điều thuốc nữa nhưng không dám.

Svetlana cũng vừa trang điểm xong, viền môi đỏ sẫm. Cô đang quỳ gối lục tìm gì đó trong một ngăn kéo, lát sau lôi ra một cái kẹp ghim. “Lại đây,” cô ra hiệu cho tôi tới gần. “Lại đây nào.”

“Không.”

“Không gì, lại đây.” Cô tự lê đầu gối về phía tôi, tay vung vẩy cái kẹp ghim. Cô túm lấy gấu váy của tôi gấp nó lên và dùng kẹp ghim kẹp nó lại.

“Đừng, đừng làm thế,” tôi nói, cố đẩy tay cô ra.

“Cô làm sao thế? Chân cô rất gọt cảm, phải phô ra chứ. Giờ thì đứng yên cho tôi nhờ.”

“*Xin đừng mà!*”

“Thế cô có muốn đi làm không?”

Tôi lấy hai tay che mặt và hít một hơi thật sâu khi Svetlana di chuyển xung quanh và dùng ghim nâng gấu váy của tôi lên cao. Tôi có thể cảm thấy đầu gối của tôi đã hở ra ngoài. Tôi cố gắng tưởng tượng chân tôi sẽ phô bày như thế nào, cố gắng hình dung ra mọi người sẽ nghĩ gì khi họ nhìn thấy tôi. “Ôi, không...”

“Suýt,” Svetlana đặt một tay lên vai tôi. “Im nào để chúng tôi làm việc.”

Tôi nhắm mắt lại trong khi Irina cố gắng vẽ viền môi cho tôi. “Không, không...” Tôi lại nhảy dựng lên khiến Irina phải lùi lại một bước về ngạc nhiên. “Thế cô không muốn trông gọt cảm một chút à?” Tôi chộp lấy một tờ giấy và chùi đóng son môi ra khỏi miệng. Cả người tôi run lên. “Trông tôi thật kỳ quặc. Trông tôi đúng là kỳ quặc.”

“Toàn các ông già người Nhật ấy mà. Các ông già mắt lé. Họ sẽ không đụng vào người cô đâu.”

“Các cô không hiểu đâu.”

“Chúng tôi không hiểu?” Svetlana nhướn mày. “Này Irina, chúng mình không hiểu đây.”

“Tôi nói thật đây, các cô *thực sự* không hiểu nổi chuyện này đâu,” tôi nói.

Bạn không cần phải hiểu biết về tình dục thì mới có ham muốn làm chuyện đó. Giống như lũ ong và lũ chim. Tôi là một sự kết hợp tồi tệ nhất mà bạn có thể hình dung được, một người không có kinh nghiệm gì về thực tế nhưng lại rất ham khám phá những điều mới lạ. Có lẽ đó là lý do tại sao tôi luôn gặp rắc rối.

Trước hết, các bác sĩ luôn muốn tôi nói rằng tôi bị cưỡng hiếp. Nếu không phải là một vụ cưỡng hiếp thì tại sao một cô gái mười ba tuổi lại để năm cậu thiếu niên thay nhau làm điều đó? Dĩ nhiên trừ phi cô ta bị điên. Tôi nghe họ nói với một chút ngạc nhiên. Tại sao người ta lại cứ tập trung vào tình tiết đó? Đó là việc làm sai ư? Có lẽ tôi đã tránh được mọi rắc rối nếu tôi cứ đồng ý ngay với họ từ đầu là tôi bị cưỡng hiếp. Nếu thế có thể họ sẽ không nhắc đi nhắc lại hết lần này đến lần khác rằng hành vi tình dục khác thường của tôi chính là bằng chứng hết sức rõ ràng chứng tỏ tôi bị điên. Nhưng đó là nói dối. Chính tôi đã để họ làm chuyện đó. Chính tôi muốn chuyện đó xảy ra, có lẽ còn hơn cả các cậu thiếu niên kia. Chính tôi đã chào đón họ trong chiếc xe tải đó, bên đường làng.

Đó là một buổi tối mùa hè đầy sương khi bầu trời đêm vẫn xanh ngắt ở phía Tây khiến người ta liên tưởng đến những điệu nhảy tự do của những kẻ tà giáo khi mặt trời vừa khuất bóng. Không gian tràn ngập mùi cỏ non và mùi gió mới, xa xa là tiếng xe cộ đi lại rì rầm. Khi chiếc xe dừng lại, tôi nhìn xuống thung lũng trước mặt và thấy những vết ố màu trắng chập chờn trên di tích Stonehenge.

Ở phía sau thùng xe có một chiếc chăn bằng vải len kẻ ô dầy mùi hạt giống và mùi dầu mỡ. Tôi cởi quần áo, nằm lên trên chiếc chăn đó, hai chân dang ra, trắng bóc, ngay cả giữa mùa hè. Từng người một thay phiên nhau tới với tôi khiến chiếc xe tải cứ rung lên bần bật trên những trục xe cũ gỉ. Chỉ có cậu con trai thứ tư, cậu chàng tóc hung có khuôn mặt đáng yêu, bắt đầu đến tuổi mọc râu, là có hỏi han tôi một chút. Cậu đóng cánh cửa xe lại



sau lưng để những người khác đang ngồi hút thuốc trên vệ đường không nhìn thấy chúng tôi.

“Xin chào,” cậu nói.

Tôi đặt tay lên đầu gối và dạng chân ra. Cậu ta vẫn không tiến đến. Cậu ta quỳ trước mặt tôi, nhìn vào giữa hai chân tôi với một nét mặt kỳ lạ, không được thoải mái cho lắm.

“Cậu biết là cậu không phải làm thế, đúng không nào? Cậu biết rằng không ai ép buộc cậu cả?”

Tôi im lặng một chút rồi nhìn cậu ta với một vẻ hơi ngỡ ngàng rồi trả lời. “Tôi biết.”

“Và cậu vẫn muốn tiếp tục?”

“Dĩ nhiên rồi, tại sao không chứ?” Tôi nói và chìa tay ra cho cậu.

“Thế không có ai nói với mày là phải dùng các biện pháp bảo vệ à?” Bà y tá không ưa tôi nói và bảo rằng những bệnh như giang mai, bệnh hoa liễu, bệnh lậu, lây lan khắp thế giới là do những loại người kinh tởm và không biết kiềm chế như tôi. “Mày đừng có nói với tao rằng, không một đứa nào trong năm thằng đấy nhắc gì đến chuyện dùng các biện pháp phòng tránh nhé!” Tôi nằm im trên giường, mắt nhắm nghiền. Tôi sẽ không nói cho bà ta biết sự thật, rằng tôi thực sự không biết biện pháp phòng tránh là cái gì, rằng tôi không biết chuyện đó là sai, rằng mẹ tôi thà chết chứ không bao giờ nói với tôi về những chuyện như thế. Tôi không muốn bà ta nhại đi nhại lại về sự thiếu hiểu biết của tôi. “Thế về phần mày nữa, cũng chả tìm cách ngăn cản chúng lại.” Bà ta liếm môi, rồi trong bóng tối vang lên một âm thanh giống như tiếng chân đập vào nhau. “Nếu mày muốn biết tao nghĩ gì về chuyện này thì tao nói cho mày biết, mày là đứa bệnh hoạn nhất mà tao từng biết.”

Các bác sĩ thì nói đó là vấn đề về sự kiểm soát. Tất cả chúng ta đều có những ham muốn bất chợt, những xúc cảm mạnh mẽ. Nó làm cho chúng ta thành con người. Chìa khóa của cuộc sống hạnh phúc và cân bằng là phải học cách kiểm soát chúng.

Nhưng dĩ nhiên, vào thời điểm đó, tôi chẳng thể làm gì để đưa mọi chuyện vào khuôn khổ. Bạn không thể cải thiện một điều gì nếu không có sự tập luyện, và chỉ cần bạn nhìn vào bệnh án của tôi, hay nhìn tôi khỏa thân, là bạn có thể biết được đối với tôi, sẽ không có một đời sống tình dục phong phú trong tương lai.

Cuối cùng thì hai cô gái Nga và tôi cũng đi đến một thỏa hiệp. Tôi để cho họ ghim váy lên còn họ để cho tôi giữ nguyên mái tóc thẳng và chùi đi lớp nhũ mắt óng ánh. Thay vào đó, tôi chỉ kẻ một đường màu đen ngay trên lông mi vì khi tôi nghĩ tới việc trang điểm thì điều duy nhất xuất hiện trong đầu là những bức ảnh của Audrey Hepburn. Tôi nghĩ là tôi sẽ thích bà nếu chúng tôi gặp nhau. Bà trông có vẻ tử tế. Tôi chùi bớt lớp phấn hồng trên má và cẩn thận tô môi với một màu đỏ nhạt. Hai chị em sinh đôi chiêm ngưỡng thành quả.

“Cũng không tệ lắm,” Irina thừa nhận, thoáng chút cúi kính. “Trông vẫn giống góa phụ nhưng không phải là một góa phụ xấu xí.”

Jason không nói gì khi nhìn thấy tôi. Anh ta chăm chú nhìn chân tôi rồi cười một tiếng khô khốc như thể anh ta biết một chuyện cười thô lỗ về tôi. “Đi nào,” anh ta nói và châm một điếu thuốc. “Lên đường thôi.”

Chúng tôi dàn hàng ngang trên vỉa hè. Mặt trời đã xuống thấp, hắt nắng lên sườn các tòa nhà. Trên các phố nhỏ, người ta đang chuẩn bị đèn lồng cho lễ hội O-Bon sẽ diễn ra vào cuối tuần này. Trong công viên Toyama, các gian hàng bắt đầu được dựng lên, cờ quạt biểu ngữ bay phấp phới. Chúng tôi đi qua một khu nghĩa địa thấp thoáng những chai rượu, rau và hoa quả cúng các hồn ma. Tôi im lặng quan sát mọi thứ, thỉnh thoảng dừng lại để kiểm tra gót giày. Irina cho tôi mượn một đôi giày cao gót màu đen quá cỡ khiến tôi phải nhét thêm giấy vào mũi giày và bước đi một cách thận trọng.

Bạn có thể tìm thấy hộp đêm đó mà không cần bản đồ chỉ dẫn: người ta có thể nhìn thấy tòa nhà ở cách xa hàng dặm, bốn chiếc máng xối trên mái của tòa nhà đang phun lên trời đêm những luồng khí đỏ quạch. Chúng tôi tới nơi vào lúc trời bắt đầu tối. Tôi đứng sững lại nhìn chúng một lúc lâu

cho đến khi những người khác sốt ruột kéo tôi vào trong chiếc thang máy bằng kính gắn bên ngoài tòa nhà và ấn nút lên thẳng tầng thượng nơi nàng Marilyn Monroe đang đứng đưa giũa các vì sao. Người ta gọi đây là chiếc “thang máy pha lê”, vì nó giống như pha lê, vừa hấp thụ vừa tỏa ánh sáng ra khắp Tokyo. Tôi dán mũi vào mặt kính khi thang máy vọt lên trên, choáng váng vì những con phố trơn bóng tụt xuống dưới chân tôi nhanh đến chóng mặt.

“Đợi ở đây,” Jason bảo tôi khi thang máy dừng lại. Chúng tôi đứng trong khu vực lễ tân, sàn lát đá hoa cương, ngăn cách với hộp đêm bởi những cánh cửa bằng nhôm công nghiệp. Trong góc phòng là một lọ hoa khổng lồ với một bông hồng giả màu đỏ cao đến mét rưỡi. “Tôi sẽ gọi Mama-san ra đây gặp cô.” Jason chỉ cho tôi chiếc trường kỷ bọc nhung trong phòng chờ rồi biến mất cùng hai cô gái Nga sau cánh cửa. Tôi thoáng thấy bên trong của hộp đêm, rộng như một sân băng, chiếm gần hết tầng thượng của tòa nhà, những chùm ánh sáng phản chiếu từ các tòa nhà chọc trời khác nhảy nhót trên sàn. Rồi cánh cửa đóng vào, và tôi bị bỏ lại, ngồi trên chiếc *trường kỷ*, chỉ có mỗi cô phục vụ thấp thoáng phía sau quầy lễ tân làm bạn.

Tôi bắt chéo chân rồi lại thả ra và nhìn vào bóng mình phản chiếu mờ mờ trên cánh cửa nhôm bóng với dòng chữ màu đen *Some Like It Hot*.

Chủ câu lạc bộ, Mama-san Strawberry Nakatani là một tay chơi lão luyện, Jason nói. Vốn là một gái gọi vào những năm 1970, bà ta nổi tiếng với việc xuất hiện hoàn toàn khỏa thân dưới tấm áo choàng lông trắng tại các câu lạc bộ. Chồng bà ta, một tay anh chị kiêm bầu sô kinh doanh giải trí sau khi qua đời đã để lại cho bà ta câu lạc bộ này. “Đừng tỏ ra ngạc nhiên khi nhìn thấy bà ta,” Jason dặn tôi từ trước. Cả đời bà ta tôn thờ Marilyn Monroe và bà ta đã phẫu thuật thẩm mỹ để có mắt hai mí và mũi cao như người phương Tây. “Cứ làm ra vẻ cô thích cái vẻ ngoài của bà ta nhé!”

Tôi đặt tay lên váy, ép nó xuống đùi. Bạn phải rất can đảm hoặc cực kỳ tuyệt vọng để có thể làm những việc như thế này, và tôi toan đứng dậy bỏ chạy về phía thang máy thì cánh cửa hộp đêm bật mở và bà ta bước ra: một người phụ nữ nhỏ bé, trắng toát, vận một chiếc đầm kim tuyến màu vàng kiểu Marilyn Monroe, tay cầm một bót thuốc lá chạm trổ cầu kỳ và một chiếc khăn choàng lông thú. Bà ta có một cơ thể rắn chắc, cơ bắp như

một chiến mã Trung Hoa với mái tóc châu Á nhuộm chải theo kiểu Marilyn Monroe. Bà ta tiến đến chỗ tôi trên đôi giày gót nhọn hoắt, vừa đi vừa lấy tay sửa tóc vừa vung vẩy chiếc khăn choàng ra đằng sau. Bà ta dừng lại chỉ vài bước trước mặt tôi, không nói không rằng, chỉ nhìn lướt qua mặt tôi. Thế là xong, bà ta sẽ ném mình ra ngoài đường, tôi thầm nghĩ.

“Đứng dậy.”

Tôi đứng dậy.

“Hừm! Cô là người nước nào?” Bà ta đi vòng xung quanh tôi, nhìn chăm chăm vào chiếc váy đen nhàu nát và đôi giày gót nhọn nhét đầy giấy mà Svetlana cho mượn. “Cô là người nước nào?”

“Người Anh.”

“Người Anh à?” Bà ta lùi lại một bước, đặt một điều thuốc lá vào bát thuốc và nheo mắt nhìn tôi: “Đúng vậy. Trông cô giống gái Anh. Tại sao cô muốn làm việc ở đây?”

“Cũng giống như các cô gái khác thôi ạ.”

“Thế nghĩa là sao? Cô thích đàn ông Nhật à?”

“Không, tôi cần tiền.”

Môi bà ta hơi cong lên như thể hài lòng với câu trả lời của tôi. Bà ta châm thuốc, ngửa đầu ra sau nhả một làn khói rồi nói: “Thôi được, cô em. Cô sẽ làm thử đêm nay. Nếu cô phục vụ khách hàng tốt, tôi sẽ trả cô ba nghìn yên một giờ. Ba nghìn. Được không?”

“Bà muốn nhận tôi?”

“Sao trông cô có vẻ ngạc nhiên thế. Cô còn muốn gì nữa hả tiểu thơ? Ba nghìn. Đồng ý thì làm không thì lượn. Tôi không thể trả hơn được nữa.”

“Tôi chỉ nghĩ là...”

Mama Strawberry giơ tay lên ra hiệu cho tôi im lặng. “Nếu đêm nay mọi chuyện diễn ra tốt đẹp thì ngày mai cô có thể quay lại làm việc nhưng

phải ăn mặc tử tế. Nghe chưa? Cô mà ăn mặc lôi thôi thì sẽ phải nộp phạt mười nghìn yên. *Phạt*. Cô hiểu ý tôi chứ? Đây là một câu lạc bộ cao cấp.”

Với tôi, cái hộp đêm này dường như là nơi kỳ diệu nhất mà tôi từng đến - sàn nhà giống như một bể bơi tràn ngập ánh sao, trôi nổi cách thế giới năm mươi tầng lầu, được bao quanh bởi toàn cảnh chân trời Tokyo và những màn hình treo trên các tòa nhà chọc trời đang trình chiếu các thước phim ca nhạc và thời sự. Tôi vừa đi vừa ngắm những đóa hoa tươi được cắm và sắp đặt theo nghệ thuật *ikebana* trong ánh sáng dịu dịu của hộp đêm, lòng bồn chồn khó tả. Một vài người khách đã ở đây từ trước, những người đàn ông nhỏ thó trong bộ vét doanh nhân ngồi rải rác ở các bàn, trên những chiếc ghế băng hay ngả lưng trên những chiếc ghế bành bọc da, giữa đám khói thuốc cuộn cuộn. Trên một sân khấu nhô lên giữa phòng, một nhạc công piano với khuôn mặt mỏng quẹt và chiếc nơ con bướm đeo trước cổ đang dạo những hợp âm arpeggios. Thỉnh thoảng, cứ quãng mười giây một lần, bản sao công nghiệp của Marilyn Monroe, được nâng đỡ bởi những cột xà và thanh giằng kim loại, lại cọt két đu về phía trước, che mất quang cảnh thành phố phía sau.

Mama Strawberry đang ngồi cạnh một chiếc bàn mạ vàng giả cổ thời Louis XIV, ngay trước xích đu của Marilyn, vừa hút thuốc vừa bấm máy tính. Gần đó là một chiếc bàn nơi các nữ tiếp viên đang ngồi hút thuốc và tán gẫu trong lúc chờ được phân công đi tiếp khách. Chúng tôi có tổng cộng hai mươi người, trừ tôi và hai chị em sinh đôi người Nga thì tất cả đều là người Nhật. Irina đưa cho tôi một nắm thuốc lá Sobranie Pinks và tôi ngồi im hút thuốc, mắt nhìn về phía cửa nơi các khách hàng sẽ xuất hiện.

Cuối cùng thì chúng tôi cũng nghe thấy tiếng thang máy dừng lại và một tốp khách mặc com lê cà vạt đẩy cửa bước vào. “Bà ấy sẽ để cô tiếp họ,” Irina thì thầm rồi ghé sát vào tôi, nghiêng tay che một bên miệng: “Những người này, họ luôn để lại tiền boa cho những cô gái mà họ thích. Mama sẽ chờ xem cô có được boa hay không. Đây là bài kiểm tra dành cho cô đấy, cưng ạ.”

Tôi được kín đáo triệu tập cùng hai chị em sinh đôi và ba nữ tiếp viên người Nhật, được phân công đến một chiếc bàn bên cạnh cửa sổ lớn, nhẹ nhàng đặt tay lên lưng ghế, chờ những vị khách mới vượt qua sàn nhà lát gỗ

bóng loáng. Tôi bắt chước những người khác, ước gì mình có thể kéo chiếc váy xuống thêm chút nữa. Một nhóm phục vụ bàn không biết từ đâu chui ra hối hả bày lên bàn một chân nến bằng bạc, mấy chồng khăn vải trắng tinh và những chiếc ly sáng choang, kết thúc công việc đúng lúc các vị khách bước đến, ngồi xuống kéo ghế và cởi khuy áo vét.

“*Irasshaimase,*” các cô gái Nhật nói, cúi chào rồi ngồi xuống ghế, cầm chiếc khăn ấm được đặt trong đĩa tre bày trên bàn.

Tôi cũng bắt chước và lí nhí nói: “Chào mừng quý khách.”

Một chai champagne và vài chai Scotch được mang tới. Tôi ngồi xuống ghế và quan sát mọi người xem phải làm gì tiếp theo. Các cô gái bóc bao nylon bọc chiếc khăn ấm, đặt chúng vào những đôi tay đang ngóng đợi của khách. Tôi làm theo và đặt một chiếc khăn vào tay người đàn ông ngồi bên trái mình. Ông ta không để ý đến tôi. Ông ta cầm lấy chiếc khăn lau tay rồi vứt nó xuống bàn ngay trước mặt tôi và quay sang nói chuyện với cô gái ở bên cạnh. Các quy tắc ở đây rất rõ ràng, công việc của tôi là phải châm thuốc, rót rượu, đút thức ăn vào miệng khách và làm cho họ vui vẻ. Không lên giường với khách. Chỉ chuyện trò và tán dương họ. Các cô gái mới đến đều phải đọc những quy định ghi trên một tấm card mỏng. “Tốt nhất là nói chuyện gì buồn cười,” Mama Strawberry trước đó đã dặn tôi. “Khách hàng của Strawberry muốn được thư giãn.”

“Hallo,” Svetlana nói và chen vào ngồi giữa, nghiêng bên này, ngã bên kia như con gà mái đi tìm trống khiến mọi người đều phải nhường chỗ. Cô cầm một chiếc ly ở giữa bàn và gõ lạch cạch vào chai rượu. “Shampansky, cung này. Ngon tuyệt!” Cô trút hết rượu trong chai vào bốn chiếc ly, rồi khua khua chai không lên trên đầu, ra hiệu cho phục vụ bàn mang ra thêm.

Cánh đàn ông có vẻ thích hai chị em sinh đôi, họ cổ vũ các cô hát những câu chắc hẳn học được trên vô tuyến hay đài báo vì tôi không biết những giai điệu đó: “Gấp đôi khoái lạc, gấp đôi thích thú... Hãy trao cho em một chút HUNG PHẤN đó. Hãy đến và dành cho anh MỘT CHÚT!” Tất cả mọi người cười phá lên vỗ tay tán thưởng, và cuộc chuyện trò lại nổ ra trong một thứ tiếng pha trộn giữa tiếng Nhật và tiếng Anh bồi. Hai chị em sinh đôi say rất nhanh. Màu mắt của Svetlana chảy lem nhem, còn Irina thì cứ lạnh chanh châm thuốc cho khách bằng một chiếc bật lửa dùng một lần

của Hàng không Thái, thỉnh thoảng lại đổ ập xuống bàn làm vải tung tóe đám đồ nhậu bằng táo biển và mực khô. Mỗi khi có ai pha trò thì cô lại cười ré lên và nói giọng líu nhíu, “Đừng làm tôi cười nữa, cười nữa là *nổ tung* mất!”

Tôi chỉ ngồi im lặng, không lôi kéo sự chú ý của mọi người về phía mình, giả vờ như không có chuyện gì xảy ra, như tôi đã làm việc này hàng nghìn lần và không thèm để tâm đến việc chẳng có ai bắt chuyện với tôi hay việc tôi không biết pha trò, không biết các bài hát. Đến khoảng chín giờ, khi tôi vừa nghĩ là mình có thể ngồi im lặng suốt buổi và có lẽ người ta đã quên mất sự tồn tại của tôi thì ai đó chợt lên tiếng: “Thế còn cô thì sao?”

Cả bàn chợt im lặng. Tôi ngẩng đầu lên và thấy tất cả mọi người đều ngừng nói và quay sang nhìn tôi với vẻ tò mò. “Thế còn cô thì sao, cô đang nghĩ gì thế?” Ai đó lại hỏi.

Tôi đang nghĩ gì? Tôi cũng chẳng biết nữa. Tôi đang nghĩ mông lung, đang tự hỏi liệu trong số những người đàn ông này, có ai có cha chú từng tham chiến ở Trung Quốc? Liệu họ có khái niệm gì về cuộc sống hôm nay của họ đã được xây dựng trên một nền tảng như thế nào? Tôi cố tưởng tượng ra khuôn mặt họ trong những bộ quân phục của quân đội Thiên hoàng, đứng trên đường phố Nam Kinh tuyết trắng, một người trong số họ đang giơ cao lưỡi kiếm *katana* sáng loáng...

“Cô thì sao?”

“Tôi thì sao?”

Họ đưa mắt nhìn nhau như không tin vào câu trả lời xác xược của tôi. Ai đó đá vào chân tôi dưới gầm bàn. Tôi nhìn lên và thấy Irina đang nhăn mặt với tôi, gật gật đầu chỉ về phía ngực tôi rồi dùng hai tay xóc ngực của cô ấy lên, vai ngả ra đằng sau. “Ngồi thẳng lên,” cô thì thầm. “Uỡn ngực ra.”

Tôi quay sang người đàn ông ngồi bên cạnh, hít thở thật sâu rồi nói ngay ý nghĩ đầu tiên xuất hiện trong đầu. “Cha ông có từng tham chiến ở Trung Quốc không?”

Vẻ mặt của ông ta đột nhiên thay đổi. Ai đó hít một hơi rõ sâu. Các cô gái quanh bàn nhíu mày, còn Irina thì đặt kịch ly rượu của mình xuống bàn.



Người đàn ông ngồi cạnh rõ ràng đang suy nghĩ về câu hỏi của tôi. Cuối cùng ông ta lấy hơi và lên tiếng: “Một câu hỏi kỳ lạ, sao cô lại hỏi thế?”

“Bởi vì, tôi đã nghiên cứu giai đoạn lịch sử này suốt chín năm, bảy tháng và mười chín ngày,” tôi nói lí nhí, tim thót lại.

Ông ta lại im lặng nhìn tôi như cố gắng đọc được những suy nghĩ trong đầu tôi. Xung quanh bàn, tất cả mọi người dường như đang nín thở: tất cả ngồi nghiêng về phía trước, dán người vào mép ghế, chờ câu trả lời của ông ta. Ông ta im lặng rất lâu rồi châm một điếu thuốc, nhưng chỉ rít vài hơi rồi dụi vào gạt tàn.

“Bố tôi đã từng ở Trung Quốc,” ông nói với một vẻ hết sức nghiêm trang. “Ở Mãn Châu. Nhưng ông không bao giờ hé răng về bất cứ chuyện gì đã xảy ra ở đó.” Khói từ điếu thuốc lá ông đang hút bay lên trần nhà thành một dòng dài không đứt gãy, trông hết như một ngón tay màu trắng. “Tất cả những gì liên quan đến giai đoạn này trong sách giáo khoa của chúng tôi đều bị bỏ đi. Tôi nhớ cả lớp phải soi những trang sách này dưới đèn cho thầy cô thấy là chúng tôi không thể đọc được những chữ đã bị tẩy trắng. Có lẽ,” ông nói, không nhìn vào một ai mà bật những từ ngữ cho bay thẳng vào không khí, “cô sẽ kể cho tôi về những gì đã xảy ra.”

Tôi ngồi miệng há hốc, choáng váng vì những gì ông ta vừa nói. Mãi một lúc sau tôi mới nhận ra rằng ông không hề giận dữ, và tôi lấy lại được thần sắc. Tôi vươn người ra phía trước đầy phần khích. “Tất nhiên rồi, tôi sẽ nói cho ông bất cứ điều gì ông muốn, bất cứ chuyện gì...” Tôi nói, cảm thấy câu chữ dồn lên trong cổ họng, sẵn sàng tuôn ra bất cứ lúc nào. Tôi vén tóc ra sau tai và đặt tay lên bàn. “Tôi nghĩ, phần quan trọng nhất là những gì xảy ra ở Nam Kinh. Không. Thật ra không phải là chính những gì đã xảy ra ở Nam Kinh, mà - hãy để tôi... để tôi diễn đạt theo một cách khác. Đúng hơn là khi quân đội Thiên hoàng hành quân từ Thượng Hải tới Nam Kinh. Không ai có thể hiểu nổi chuyện gì đã xảy ra, tại sao những người lính bắt đầu thay đổi...”

Tôi bắt đầu nói, suốt buổi tối, về Mãn Châu, Thượng Hải và Đơn vị 731. Dĩ nhiên nhiều nhất là về Nam Kinh. Các cô gái khác ngồi ủ rũ, thỉnh thoảng lại ngắm nghĩa móng chân móng tay hay thì thầm với nhau và ném ánh mắt về phía tôi. Còn các vị khách thì tuyệt đối im lặng nhìn tôi chăm chú và lắng nghe với một vẻ tập trung cao độ. Họ không nói gì nhiều và ra

về một cách lặng lẽ. Cuối buổi khi Mama Strawberry chia tiền boa cho chúng tôi bà gọi riêng tôi ra một chỗ, khuôn mặt thoáng vẻ cáu kỉnh. Họ đã boa cho tôi nhiều nhất, gấp ba lần các cô gái khác.

## 史 Nam Kinh, mừng một tháng Ba năm 1937

Thời gian này tôi luôn luôn băn khoăn lo nghĩ về vợ tôi! Nghĩ về những điểm khác biệt giữa tôi và cô ấy! Trong mắt nhiều đồng nghiệp của tôi, cuộc hôn nhân sắp đặt có vẻ kỳ quặc này là một sự phản bội lại lý tưởng của họ, và quả thực, tôi cũng từng luôn mong chờ một cuộc hôn phối hợp lý, có lẽ với ai đó ở trường đại học, một ai đó nằm trong số những người có tư tưởng tiên bộ, đi trước thời đại, quan tâm đến đại cuộc, đến tương lai của Trung Quốc như tổng thống Tưởng Giới Thạch. Thế nhưng tôi đã không tính trước được sự can thiệp của mẹ tôi trong chuyện này.

Bây giờ, mỗi khi nghĩ lại tôi vẫn thấy giận điên người, vẫn run lên vì xấu hổ khi nghĩ tới mẹ, tới cái gia đình lạc hậu và mê tín của mình. Cái gia đình sung túc nhưng không bao giờ có ý định hay có khả năng rời bỏ ngôi làng bé nhỏ để thoát khỏi cảnh lũ lụt hoành hành trên sông Phồn Dương vào mùa hè. Nhưng có lẽ, chính bản thân tôi cũng chưa bao giờ thực sự quyết tâm rời bỏ nơi đó và có lẽ đây chính là sự thật đau lòng nhất về tôi, bên trong nhà ngôn ngữ học trẻ tuổi kiêu hãnh của trường Đại học Kim Lăng là một cậu bé Trung Quốc không biết nhìn xa trông rộng, không biết thay đổi, chỉ biết giậm chân tại chỗ và chờ chết. Tôi nghĩ về làng quê của mình, nơi người dân chỉ kiếm đủ ăn, một đồng bằng xanh tươi với những đàn dê lông trắng muốt, những cây bách xù, những con vịt đi lang thang và những con heo suốt ngày dụi mõm vào đám cây đậu trong vườn; và tôi tự hỏi, liệu tôi có thể trốn chạy được quá khứ hay không?

Sau này, khi xem xét lại mọi chuyện, tôi mới thấy mẹ tôi từ lâu đã có ý định với Thu Kim. Cả hai đã tìm đến ông thầy bói trong làng, một người mà tôi không có ấn tượng mấy, một ông già mù, với chòm râu dài trắng muốt, được một đứa trẻ đi dép rơm dẫn đi quanh làng như một con gấu

trong rạp xiếc. Ông thầy bói đã cẩn thận ghi lại ngày tháng năm sinh của Thu Kim rồi với vài chữ nguệch ngoạc và mấy viên xúc xắc bí ẩn bằng ngà voi, ông luận ra rằng số mệnh của Thu Kim hội đủ ngũ hành để sinh cho tôi con đàn cháu đống.

Tất nhiên là tôi phản đối cuộc hôn nhân này và sẽ không bao giờ chấp nhận nó nếu mẹ tôi không đột ngột lâm bệnh. Trước sự giận dữ và tuyệt vọng của tôi, ngay cả khi bệnh tình đã đến mức trầm trọng bà vẫn không muốn từ bỏ tín ngưỡng của mình và nhất định không chịu tin vào các phương pháp chữa bệnh theo khoa học. Thay vì đi đến các bệnh viện hiện đại trên thành phố Nam Kinh để chữa trị như tôi thiết tha đề nghị, bà đặt hết niềm tin vào các lang băm ở quê, những người chỉ suốt ngày kiểm tra lưỡi của bà rồi tuyên bố: “Quá nhiều *âm khí*, đúng là bê bối khi bác sĩ Nguyễn không phát hiện ra trước đó.” Bất chấp những chuẩn đoán, thuốc thang và dược liệu do họ bào chế, sức khỏe mẹ tôi ngày càng yếu dần.

“Chỉ tại sự mê tín của mẹ. Mẹ có biết là mẹ đã làm con đau lòng thế nào khi không chịu tới Nam Kinh khám bệnh không?” Tôi nói với mẹ bên giường bệnh của bà.

“Nghe này,” bà đặt tay lên tay tôi. Tay mẹ đen đui, già nua, nhăn nheo vì tuổi tác. Tôi vẫn nhớ rõ lúc đó tôi nhìn xuống bàn tay mẹ đặt trên chiếc măng sét của bộ áo vét phuong Tây tôi đang mặc và tự hỏi, đây chính là máu thịt đã sinh ra tôi ư? Đúng như vậy ư? “Nghe này, con vẫn có thể làm cho mẹ mãn nguyện!”

“Mãn nguyện?”

“Đúng.” Đôi mắt mẹ tôi bừng sáng, xúc động. “Hãy làm cho mẹ được thỏa nguyện. Hãy cưới con gái ông Vương đi.”

Thế là tôi đầu hàng. Quyền lực của các bà mẹ mới khủng khiếp làm sao! Ngay đến ngài Tưởng Giới Thạch vĩ đại cũng chịu nhiều ảnh hưởng của thân mẫu, thậm chí để chiều lòng mẹ, chính ông cũng phải chấp nhận một cuộc hôn nhân sắp đặt. Tôi cứ dẫn vật bản thân mãi về cuộc hôn nhân trái dấu này, giữa một cô gái quê lúc nào cũng kè kè quyền lịch vạn niên và tính toán mọi thứ theo âm lịch với một kẻ duy lý, lúc nào cũng chỉ tin vào logic và chúi mũi vào các quyền từ điển nước ngoài như tôi. Tôi rất lo lắng, không hiểu các đồng nghiệp sẽ nghĩ thế nào về mình, vì như phần lớn trong

số họ, tôi là một người tận tụy với chế độ cộng hòa, một kẻ ngưỡng mộ những tư tưởng tiên bộ của Quốc dân Đảng và hết lòng ủng hộ Tưởng Giới Thạch, một kẻ hoài nghi các hủ tục mê tín dị đoan và tất cả những gì đã làm cho Trung Quốc trở nên lạc hậu suốt bấy lâu nay. Khi đám cưới được tổ chức tại quê nhà, tôi đã không thông báo cho ai. Không một đồng nghiệp nào phải chứng kiến cái đám cưới dài lê thê, không ai chứng kiến tôi phải chịu đựng một loạt các nghi lễ đáng xấu hổ như đối đáp với đám phù dâu trước cửa phòng, đi đứng thì phải tránh các cửa sổ và giếng nước, rồi đốt pháo đi đùng, khiến đám đông bầu đoàn thể tử đi rước dâu thỉnh thoảng nhảy dựng lên như một lũ thỏ cáy.

Nhưng gia đình tôi lại rất hài lòng và tôi được coi như một người hùng. Không lâu sau đó, có lẽ cảm thấy đã được giải phóng khỏi nghĩa vụ nơi trần thế, mẹ tôi qua đời. Theo lời các chị em trong nhà, mẹ ra đi “với một nụ cười hết sức mãn nguyện”. Thu Kim để tang mẹ đúng như một người con dâu có hiếu. Cô quỳ gối và rắc bột tan lên sàn nhà: “Chúng ta làm thế để giữ lại dấu chân của mẹ khi hồn ma của bà về thăm nhà.”

“Xin mình đừng nói năng kiêu ấy,” tôi sốt ruột nói. “Chính những tín ngưỡng quê mùa này đã giết mẹ. Nếu mẹ nghe theo những lời dạy bảo của tông thống...”

“Hừm,” Thu Kim nói, đứng dậy và phủi tay. “Cảm ơn, em nghe quá đủ về ông tông thống quý báu của mình rồi. Tất cả những thứ vớ vẩn về Cuộc sống mới. Mình hãy thử nói xem. Cuộc sống mới tươi đẹp mà ông ta rao giảng có phải chính là sự luân hồi kiếp trước của chúng ta hay không?”

Ngay trong giai đoạn để tang mẹ, tôi bắt đầu nhận thấy một sự thay đổi trong suy nghĩ của mình về Thu Kim, về người vợ rắc rối, luôn làm tôi bực mình nhưng lại có cái gì đó vô cùng hấp dẫn và quyến rũ. Tôi dùng từ quyến rũ vì kỳ lạ thay, một cách bất ngờ và không thể tin nổi, bắt chấp tất cả, bắt chấp sự quê mùa lạc hậu của Thu Kim, sự mất kiên nhẫn của tôi đối với cô ấy, Thu Kim đã xáo động cái gì đó trong tôi.

Sự thừa nhận này làm tôi ngỡ ngàng. Tôi không thể hé răng tâm sự nửa lời với bất cứ ai, nhất là các đồng nghiệp của tôi, những người sẽ dùng khoa học để mổ xẻ và chế giễu không thương tiếc các tín ngưỡng của cô ấy. Cô ấy thậm chí không thể gọi là xinh, ít ra là theo nghĩa thông thường của từ này. Nhưng đôi khi tôi vẫn cảm thấy mình bị lạc trong đôi mắt cô ấy.

Mắt cô ấy có màu nhạt hơn so với các phụ nữ khác và tôi đặc biệt chú ý đến điều này mỗi khi cô ấy chăm chú nghiên cứu một cái gì đó, vì khi đó, hai đồng tử dường như dẫn ra, to hơn một cách khác thường và tràn ngập một thứ ánh sáng kỳ lạ giống như những tia vắn trên lưng hổ. Ngay cả con cóc xấu xí cũng mơ được chén thịt thiên nga xinh đẹp và tôi, một con cóc xấu xí, da bọc xương và cụt đuôi, hôm nào cũng mơ về Thu Kim. Cô ấy chính là điểm yếu của tôi.

### **史 Nam Kinh, mừng năm tháng Ba năm 1937 (ngày hai mươi ba tháng Giêng theo lịch của Thu Kim)**

Căn nhà chúng tôi ở tuy bé nhưng được xây dựng theo một phong cách rất hiện đại. Nó là một trong những ngôi nhà hai tầng quét vôi trắng nằm ở phía Bắc đoạn giao nhau giữa đường Trung Sơn và đường Trung Ương, cổng trước dẫn vào một khoảng sân nhỏ có tường bao, nối với một con đường rải nhựa; ở cổng sau, đi qua căn bếp, là một mảnh đất rậm rạp cây gỗ tếch, cây lựu và một giếng nước không dùng đến, nước đọng lại thành vũng vào mùa hè. Chúng tôi không dùng nước giếng vì có nước máy. Đây quả thực là một tiện nghi vì ở Nam Kinh lúc bấy giờ vẫn còn nhiều người phải sống trong các túp lều dựng tạm bằng ván gỗ và lốp xe. Chúng tôi không chỉ có nước mà còn có cả điện, mỗi phòng có một bóng đèn điện và giấy dán tường trong phòng ngủ là hàng ngoại nhập. Ngôi nhà này khiến Thu Kim trở thành nỗi ghen tị của hàng xóm láng giềng, thế nhưng cô ấy vẫn soi mói khắp nhà với con mắt của thợ săn để tìm ra những kẽ hở mà ma quỷ có thể ẩn nấp. Bây giờ phòng nào trong nhà cũng có một bàn thờ thổ công với giẻ lau và bàn chải để riêng tiện cho việc lau chùi, một bức tường chắn ma được dựng lên ở cổng trước và những tấm gương chiếu yêu màu xanh được treo đối diện cửa phòng. Một tấm thẻ bằng cao lanh treo ở đầu giường để giúp chúng tôi sinh được quý tử và vô số tấm bùa nhỏ màu vàng treo ở các cửa sổ và cửa ra vào, thậm chí trên cả các cành cây ngoài vườn.

“Có thật là mình không thấy chính những hành vi kiểu này đã làm đất nước chúng ta tụt hậu?” Tôi hỏi Thu Kim.

Nhưng cô ấy không có chút khái niệm gì về xây dựng tổ quốc hay tiến lên phía trước. Cô ấy sợ những gì mới lạ. Cô ấy vẫn mặc quần với áo sườn xám và cho rằng những cô gái Thượng Hải mặc váy ngắn và đi tất chân là không thể chấp nhận được. Thu Kim cứ lo tôi không yêu cô ấy vì cô không bó chân và xoay xở mua được một đôi giày vải mũi nhọn, thêu hoa kiểu Mãn Châu để trông giống như chân đã được bó từ nhỏ. Thỉnh thoảng cô ấy ngồi trên giường nhìn hai bàn chân rồi nắn bóp, vắn vẹo các ngón chân như thể đôi bàn chân tự nhiên không bị bó buộc làm cô ấy xấu hổ.

“Sử Trùng Minh, mình có chắc chân như thế này là đẹp không?”

“Đừng nói vớ vẩn, dĩ nhiên là đẹp.”

Đêm trước, khi tôi đang bôi dầu lên tóc, thay pyjama chuẩn bị vào giường thì cô ấy lại hỏi. “Mình chắc chứ, hoàn toàn chắc chắn chứ?”

Tôi thở dài, ngồi xuống chiếc ghế con, mở tủ lòi ra chiếc kéo có cán bằng ngà voi để cắt móng tay. “Chân mà bị bẻ thì có gì đẹp.”

“Ôi!” Thu Kim thở hổn hển sau lưng tôi... “Ôi, không!”

“Lại gì nữa đây?” Tôi ngừng tay và quay lại.

Cô ấy đang ngồi như trời trồng trên giường, trông rất lo lắng, hai má đỏ tấy. “Gì nữa, *mình* chứ còn gì. Mình có biết là mình đang làm gì không?”

Tôi nhìn xuống tay. “Thì đang cắt móng tay.”

“Nhưng,” cô ấy đưa tay ôm mặt, kinh hoàng, “Trùng Minh, trời tối rồi. Mình không để ý hay sao? Chả nhẽ mẹ không dạy mình à?”

Lúc này tôi mới nhớ ra ngày xưa mẹ bảo cắt móng tay vào buổi tối là rước ma quỷ vào nhà. “Thu Kim này, tôi thấy mình bắt đầu hơi quá rồi đấy!” Tôi bắt đầu hơi lên giọng.

“Không được, chả lẽ mình muốn mang điều tàn và chết chóc vào cái nhà này hay sao?” Cô ấy cãi lại, mặt trắng bệch.

Tôi nhìn cô ấy một lúc lâu, không biết có nên cười hay không. Cuối cùng tôi quyết định không nên chọc giận cô ấy và cất chiếc kéo vào hộp, miệng chỉ lầu bầu: “Ngay cả trong nhà mình cũng không được tự do.”

Chỉ đến nửa đêm khi cô ấy đang ngủ say còn tôi thao thức nhìn trần nhà thì những lời nói của cô ấy lại vang lên trong đầu tôi. Điêu tàn và chết chóc. Điêu tàn và chết chóc, những thứ chúng tôi chẳng bao giờ nghĩ đến. Tuy nhiên, thỉnh thoảng, tôi cũng băn khoăn về những tháng ngày yên ổn mà hai vợ chồng tôi tối ngày tranh cãi một cách vui vẻ dưới bầu trời Nam Kinh u uất. Chúng có yên ổn quá không? Có mơ mộng quá không? Rồi tôi băn khoăn, tại sao, hình ảnh mặt trời mọc hồi tuần trước cứ quay trở lại ám ảnh tôi từng giờ?



Suốt thời niên thiếu của tôi, khi ở trong bệnh viện hay ở trường đại học, tôi không bao giờ nghĩ đến một tương lai sung túc, do đó tôi không hề có bất cứ khái niệm gì về việc tiêu tiền. Đêm hôm đó, sau khi đếm số tiền lương và tiền bo mà tôi kiếm được, hơn một trăm năm mươi bảng, tôi liền cất chúng vào sâu trong túi, kéo khóa lại, vội vàng nhét túi vào trong tủ, tìm đập thành thịch. *Một trăm năm mươi bảng!* Tôi nhìn chăm chăm vào cái túi trên sàn nhà. *Một trăm năm mươi bảng.*

Tôi đã kiếm đủ để trả tiền thuê nhà nên không cần phải quay trở lại chỗ đó nữa, nhưng đã xảy ra một điều kỳ quái nào đó. Hình ảnh các vị khách chăm chú ngồi nghe mình nói khiến tôi cảm thấy vui như mở cờ trong bụng. “Tôi luôn có thể nói được lúc nào thì một người phụ nữ đang vui vẻ,” Jason nhăn nhó nói khi bốn chúng tôi trở lại thang máy đêm hôm đó. “Chỉ cần nhìn sự tuần hoàn của máu,” anh ta đưa mu bàn tay chạm vào má tôi khiến tôi nhảy dựng ra sau. “Sự lưu thông của máu dưới da. Vô cùng thú vị.” Anh ta rút tay lại và nháy mắt với tôi vẻ ranh mãnh. “Mai cô sẽ quay trở lại.”

Và anh ta đã đúng. Ngày hôm sau, tôi chỉ muốn lao đi tìm Sử Trùng Minh, nhưng sau cảnh tượng giận dữ ngày hôm qua, tôi biết mình cần phải kiên nhẫn và chờ thêm một thời gian nữa. Nhưng thay vì chết gí ở nhà chờ đợi giữa mớ sách vở giấy tờ, tôi đến Omotesando mua cho mình chiếc áo đầu tiên dài quá đầu gối và không hở ngực. Một chiếc áo đẹp nhưng không nói lên điều gì về người mặc nó. Tối hôm đó, Mama Strawberry ném cho nó một cái nhìn vội vàng rồi gật đầu. Bà nhăm nhăm đầu ngón tay rồi gạt mấy sợi tóc của tôi sang bên, vỗ vỗ tay tôi và chỉ vào một chiếc bàn đã sẵn khách, đẩy tôi ngay lập tức lao vào một chuỗi châm thuốc, rót rượu và gắp đá vào cốc.

Tôi vẫn nhớ cái tuần làm việc đầu tiên ấy. Tôi ngồi trong hộp đêm nhìn ra ngoài phố và tự hỏi ngoài kia, ngọn đèn nào là của Sử Trùng Minh.

Tokyo đang trong những ngày nóng nực nên trong hộp đêm, điều hòa chạy hết tốc lực, các tiếp viên ngồi trong một hồ ánh sáng mát lạnh, những bờ vai trần lấp lánh như ánh trăng. Tôi lục tìm trong ký ức hình ảnh mình nhìn từ bên ngoài tòa nhà, tôi giống như một người đang chìm đắm trong hư vô, một hình bóng lúc tỏ lúc mờ sau lớp cửa kính với khuôn mặt trắng xanh vô cảm thỉnh thoảng lại bị che lấp bởi cái xích đu của Marilyn Monroe. Không ai nghi ngờ gì về những ý nghĩ điên rồ đang thoáng qua trong đầu tôi.

Strawberry có vẻ thích tôi. Đây là một điều đáng ngạc nhiên vì bà ta vốn có những sở thích trứ danh. Bà ta chi tiêu hàng nghìn đô một tháng để mua hoa, những bông protea màu cam nhập từ Nam Phi, hoa loa kèn đỏ, hoa ngải tiên và phong lan từ những đỉnh núi cao ở Thái Lan. Đôi khi tôi nhìn bà ta chăm chăm không sợ sệt vì cái cách bà giữ lưng rất thẳng và khôu gợi. Bà ta đúng là một người rất gợi tình và nhận thức được điều đó. Tôi cảm thấy ghen tị với sự tự tin của bà ta. Bà ta rất thích chung diện, mỗi đêm là một tuyệt phẩm mới, những chiếc váy bằng vải xatanh hồng, vải nhiễu trắng Trung Hoa, chiếc đầm màu đỏ tía với một cái đai đính đầy xêquin. “*Từ Làm thế nào để lấy một triệu phú,*” bà ta nói, thả tay xuống, vênh mông ra, ngoảnh đầu nhìn qua bờ vai vuông để ném cho khách hàng một cái trề môi. “Đó là ‘xatanh sacmơ,’ cô biết đấy,” như thể đó là một cái tên mà lẽ ra ai cũng phải biết. “Strawberry không thể bước đi duyên dáng nếu không ăn mặc như Marilyn,” và bà ve vẩy bót thuốc lá bằng ngọc trai trước mặt người đối thoại. “Marilyn và Strawberry có cùng chiều cao, Strawberry chỉ gầy hơn một chút thôi.” Bà ta là một người nóng tính hay gắt gỏng nhưng tôi chưa bao giờ thấy bà thực sự tỏ ra giận dữ cho đến đêm thứ năm tôi làm việc ở đây. Đêm đó, một tính cách hoàn toàn khác của Mama Strawberry mới thực sự lộ ra.

Đó là một buổi tối nóng bức, nóng đến mức dường như cả thành phố đều bốc hơi, một kiểu hơi nước ngưng tụ trên đỉnh các tòa nhà và che mờ cả mặt trời lúc hoàng hôn. Trông ai cũng uể oải, kể cả Mama Strawberry, lúc này đang đi quanh sàn nhảy trong chiếc áo choàng dài chấm gót đính xêquin “Chúc mừng sinh nhật tổng thống”. Thỉnh thoảng bà dừng lại thì thầm vài câu với nhạc công piano hay đứng đặt tay lên thành ghế, bắt chuyện với khách. Vào quãng mười giờ tối, không hiểu chuyện gì xảy ra khiến bà ta phải đặt vội ly rượu champagne đang uống dở xuống quầy bar

đánh xoảng một tiếng kinh hoàng. Bà ta ngồi thẳng người trên ghế và nhìn như hóa đá về phía cửa ra vào, mặt trắng bệch.

Sáu người đàn ông lực lưỡng mặc đồ vét, tóc húi cua đang bước qua cửa chính. Đi giữa là một người đàn ông mảnh khảnh, mặc áo cổ lọ màu đen, tóc buộc đuôi ngựa. Ông ta đang đẩy một chiếc xe lăn, trên xe là một người đàn ông nhỏ thó, ốm yếu, như một con kỳ nhông già. Đầu ông ta bé tẹo, giống như một cái sọ mốc, da khô và nhăn nheo như quả hạch, mũi tẹt gí, chỉ nhìn thấy hai lỗ mũi nhô lên như hai cục thịt thừa. Hai bàn tay thò ra sau lớp tay áo dài có màu nâu sẫm héo hon như những chiếc lá khô.

“*Dame! Konaide yo!*” Mama Strawberry tuột khỏi ghế, vươn thẳng người, nốc cạn ly rượu champagne, mắt vẫn không rời khỏi đám người kia. Bà ta đặt ly rượu xuống bàn, cho một điều thuốc vào bát, rồi vuốt phẳng hai bên hông váy, một tay chống eo, một tay ve vẩy bát thuốc, sải chân ra đón khách. Người nhạc công piano tựa lưng vào chiếc ghế, quan sát chuyện đang xảy ra, những nốt nhạc ngập ngừng.

Chỉ còn vài bước nữa là đến chiếc bàn đầu tiên gần khung cửa sổ hướng về phía Đông với tầm nhìn toàn cảnh Tokyo rõ nhất thì Strawberry dừng lại. Bà ta đứng chụm chân, quay người đối diện với đám khách mới đến. Bà có thể nói rằng bà ta đang cố hết sức kiềm chế cảm xúc của mình. Bà ta đặt một tay lên ghế, tay kia khó nhọc giơ lên vẫy về phía bọn họ, cánh tay hạ xuống theo một cách thức đặc trưng của người Nhật.

Khi khách khứa trong phòng nhận biết được sự xuất hiện của họ, tiếng trò chuyện nhỏ dần, mọi con mắt đều đổ dồn vào các vị khách mới. Nhưng tôi còn nhìn thấy một cái gì khác nữa. Bên ngoài, phía sau quầy lễ tân có một góc nhỏ hình chữ nhật nằm thụt vào trong tường, có sẵn cả bàn và ghế. Dù không có cửa, nhưng nó nằm ở vị trí thuận tiện cho người ở bên trong tránh được ánh mắt nhòm ngó của các khách hàng khác. Nó là chỗ ưa thích của người lái xe ngồi chờ khách và Mama Strawberry thỉnh thoảng cũng tiếp khách riêng ở đây. Khi đám khách mới đến gần chỗ bàn tiếp tân thì một người trong số họ tách ra khỏi nhóm và lặng lẽ lướt vào trong đó. Người này di chuyển quá nhanh khiến tôi chỉ kịp nhìn thoáng qua, nhưng những gì tôi thấy cũng đủ khiến tôi cảm thấy bất an.

Người đó ăn mặc giống như một phụ nữ, áo len màu đen giản dị, váy màu xám chì, nhưng nếu đúng là phụ nữ thì cô ta quá cao. Cô ta có đôi vai

rộng, lực lưỡng, hai cánh tay dài, đôi chân gân guốc. Cô ta đi một đôi giày gót nhọn màu đen bóng. Nhưng chính mái tóc dài bóng lộn che gần hết khuôn mặt của cô ta mới làm tôi choáng váng. Có lẽ đó là tóc giả và dù nó rất dài nhưng vì cô ta quá cao nên nó chỉ chạm đến vai, như thể đầu và cổ cô ta bị ép mỏng đến kỳ lạ.

Khi tôi đang há hốc mồm ra ngắm cô ta thì đám người đi cùng đã ngồi vào bàn. Những người phục vụ bàn đang tíu tít sắp xếp chỗ ngồi. Người đàn ông trên chiếc xe lăn ngồi ở đầu bàn, quạu quọ và đen sì như một con bọ hung, trong khi người đàn ông tóc cột đuôi ngựa lẳng xẵng xung quanh, chỉ đạo chỗ nào thì để ly, rượu và nước. Trong góc phòng, hai mươi tiếp viên đang lo lắng nhìn Strawberry di chuyển xung quanh các bàn và thì thầm điếm tên phân công họ ra tiếp khách. Bà ta có một vẻ mặt rất kỳ lạ, như không còn giọt máu, như đang giận dữ. Trong một lúc, không thể đoán định được về mặt đó, cho tới khi bà ta hát đầu lại phía sau và cắt ngang căn phòng tiến về phía tôi. Mọi cơ mặt li ti của bà ta đều đang co giật. Strawberry đang lo lắng.

“Grey san,” bà nghiêng người về phía tôi nói nhỏ. “Ngài Fuyuki. Cô đến đó ngay và ngồi cùng với ông đi.”

Tôi định xách túi đi thì bà ta đặt một tay lên môi làm dấu. “Hãy cẩn thận đây,” bà ta thầm thì. “Cực kỳ cẩn thận đây. Đừng có nói năng lung tung.” Bà ta dừng lại nhìn tôi do dự một chút, đôi mắt nheo lại vẫn lên những tia màu nâu sau lớp kính sát trùng màu xanh nước biển. “Nhất là mục ta.” Bà ta hát đầu về phía góc tường. “Y tá của ông ta, Ogawa. Đừng bao giờ thử bắt chuyện hay nhìn thẳng vào mắt mục ta. Hiểu chưa?”

“Vâng,” tôi nói một cách yếu ớt, mắt liếc về khối đen sẫm phía góc tường. “Vâng. Tôi hiểu.”

Trên bất cứ đường phố nào ở Tokyo, bạn đều có thể nhận thấy sự có mặt của các *yakuza*, các băng nhóm xã hội đen khét tiếng của Nhật Bản, tự nhận mình là hậu duệ của dòng dõi *samurai*. Họ là một trong những băng đảng bạo lực và đáng sợ nhất ở châu Á. Đôi khi bạn được nhắc nhở về sự tồn tại của họ khi nghe thấy tiếng rú ga của những chiếc mô tô *bosozoku* chở những tay anh chị đội mũ sắt sơn dòng chữ kamikaze, hết như một đợt sóng

màu vàng crom đồ ập xuống Meiji Dori trong đêm khuya thanh vắng. Nhưng vào những lúc khác, dấu hiệu tồn tại của họ xuất hiện theo một số cách trừu tượng hơn nhiều: một chiếc đồng hồ Rolex sáng choang trong tiệm cà phê, một mái đầu húi cua trong nhà hàng, một chiếc áo cổ lọ bỏ trong quần vải đen không nhàu và đôi giày da rần sáng bóng trong một ngày nóng bức. Hay một cánh tay xăm trổ chìa ra khi xếp hàng mua vé tàu điện ngầm ngay đằng trước bạn. Tôi không nghĩ nhiều tới họ cho tới tận đêm đó khi tôi băng qua sàn nhảy về phía những người khách mới đến trong không khí lặng im, nghe tiếng ai đó thì thầm từ một chỗ ngồi cạnh sàn nhảy, “*Yakuza.*”

Khi tôi đến gần, cả bàn vẫn im phăng phắc. Toàn bộ đám tiếp viên cũng ngồi im re, không dám ngó nghiêng gì cả. Dường như ai cũng tránh ngồi quay lưng về phía mục Y Tá, lúc này vẫn ngồi trong góc tường, bất động như một con rắn. Tôi được xếp ngồi cạnh Fuyuki bên chiếc ghế lãn của ông ta và có thể quan sát ông ta khá rõ. Mũi của ông ta bé kinh khủng, như thể đã bị lửa ăn mất một phần, khiến ông ta cứ phải thở phì phì một cách nặng nhọc. Mặt ông ta nom không hẳn là tử tế mà chỉ có cái vẻ gì đó như không muốn gây sự, chỉ muốn quan sát mọi thứ xung quanh, giống như một con ếch già. Ông ta cũng không muốn bắt chuyện với ai.

Đám đàn em của ông ta ngồi im, tay kính cẩn đặt lên bàn trong khi chờ đợi người đàn ông tóc đuôi ngựa chuẩn bị đồ uống cho Fuyuki. Ông này rót whisky mạch nha vào một chiếc ly bọc trong một cái khăn trắng xúc rượu tráng ly rồi đổ vào xô đá, dùng khăn lau cẩn thận trước khi rót một ly mới. Xong xuôi, ông ta giơ tay ra hiệu cho những người khác chờ thêm một chút nữa rồi từ từ quay sang đưa ly rượu cho Fuyuki. Ông trùm giơ bàn tay run rẩy cầm lấy ly rượu đưa lên miệng nhấp. Ông ta hạ ly rượu xuống, một tay xoa bụng, một tay đưa lên miệng để che cơn ợ, gật đầu về hải lòng.

“*Omaetachi mo yare,*” người đàn ông tóc đuôi ngựa hát cảm ra hiệu cho những người khác có thể bắt đầu. “*Nonde.*”

Đám người bắt đầu thư giãn. Họ nâng cốc uống. Một vài người đứng lên cởi áo khoác, người khác thì lôi xì gà ra hút. Thư giãn hơn. Các nữ tiếp viên bắt đầu rót rượu, bỏ đá vào ly và khuấy đều bằng các que thủy tinh của quán. Không bao lâu sau, rượu vào lời ra, mọi người bắt đầu chuyện trò sôi nổi. Chưa đầy một tiếng sau, đám đàn ông đều đã say.

Irina và Svetlana hỏi xin *meishi* của Fuyuki. Đó không phải chuyện kỳ quái - phần lớn khách hàng khi đến đây đều tự động đưa danh thiếp cho chúng tôi sau vài phút ngồi vào bàn nhưng Fuyuki thì không dễ dàng thế. Ông ta nhíu mày, hắng giọng rồi nhìn hai chị em sinh đôi vẻ dò xét. Cuối cùng thì ông ta cũng chịu thò tay vào túi và móc ra vài cái danh thiếp, kẹp chúng giữa những ngón tay màu nâu, lòng bàn tay úp xuống, và phân phát xung quanh bàn. Tôi thoáng thấy tên của ông ta được thêu bằng chỉ vàng trên miệng túi áo. “Bảo họ đừng có coi ta là con khi làm xiếc. Ta không muốn ai đó gọi điện nhắc ta đến hộp đêm. Ta sẽ đến khi nào ta muốn.” Ông ta nói nhỏ với người đàn ông buộc tóc đuôi ngựa.

Tôi nhìn chăm chăm vào tấm danh thiếp trong tay mình. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy một cái danh thiếp nào đẹp như thế. Đó là một tấm danh thiếp được làm thủ công bằng giấy nhám, mép hơi gò lên. Không giống những tấm danh thiếp thông thường, tấm danh thiếp này không hề ghi địa chỉ cũng như chú thích tiếng Anh ở đằng sau. Nó chỉ có duy nhất một số điện thoại và tên giữa của Fuyuki ghi bằng chữ *kanji* theo kiểu thư pháp bằng mực thông.

“Gì vậy?” Fuyuki thì thầm. “Có gì sai à?”

Tôi lắc đầu và nhìn chăm chăm vào danh thiếp của ông ta. Những chữ *kanji* nhỏ bé này thật là đẹp. Tôi đang nghĩ hệ thống chữ viết cổ này mới tuyệt vời làm sao, so với chúng, những chữ tiếng Anh mới khăng khiu và ử rữ biết bao. “Gì vậy?”

“Cây Mùa đông,” tôi lẩm bẩm. “Cây Mùa đông.”

Một người đàn ông ở cuối bàn đã bắt đầu phá lên cười trước khi tôi dứt lời. Khi không thấy ai cười theo thì anh ta bèn hắng giọng rồi lấy khăn che miệng và nốc vội một ngụm rượu. Tất cả trở lại yên lặng. Irina khẽ hắng giọng và lắc lắc đầu. Nhưng Fuyuki cúi ra phía trước và nói khẽ bằng tiếng Nhật: “Tên của ta, làm sao mà cô biết được tên ta có nghĩa như thế, cô biết tiếng Nhật à?”

Tôi ngược nhìn ông ta, mặt trắng bệch, giọng không được chắc chắn cho lắm. “Dạ, có biết một chút ạ.”

“Cô cũng đọc được chữ *kanji* chứ?”

“Chỉ khoảng 500 chữ thôi ạ!”

“500 chữ? *Sugoi*. Thế là quá nhiều.” Lúc này những người khác mới bắt đầu quay sang nhìn tôi như thể họ vừa mới nhận ra rằng tôi là một con người chứ không phải là một đồ vật. “Cô nói, cô là người nước nào ấy nhỉ?”

“Nước Anh à?” Câu hỏi bật ra như thăm dò.

“Nước Anh à?” Ông ta cúi xuống và nhìn như xuyên qua tôi. “Hãy nói cho ta biết, có phải ở Anh quốc, họ đều xinh đẹp như thế không?”

Được bắt kỳ ai khen xinh thì... nhưng cũng may mà tôi không hay được người khác khen xinh, vì cứ mỗi lần như thế tôi lại cảm thấy ngứa ngáy khó chịu, nhớ tới tất cả những chuyện có thể không bao giờ xảy đến với tôi. Ngay cả nếu như tôi có xinh đẹp thật đi chăng nữa. Lời khen của ông già Fuyuki khiến tôi ngượng và co mình lại trong cái vỏ của mình. Từ lúc đó trở đi, tôi không nói gì nữa, chỉ im lặng hút hết điều thuốc này đến điều thuốc khác, thỉnh thoảng lại tìm cơ để ra khỏi chỗ đó. Mỗi lần phải vào quầy bar để lấy ly sạch hay đồ ăn thì tôi đều tranh phần đứng dậy.

Suốt buổi, mục Y Tá gần như không rời khỏi chỗ. Tôi không thể cưỡng lại việc thỉnh thoảng lại liếc trộm về phía mục. Bóng mục gần như bất động trong góc tường. Có thể thấy đám phục vụ bàn cũng không thoải mái trước sự hiện diện của mục. Thường thì một trong số họ sẽ đi vào đó để hỏi khách muốn uống gì không nhưng đêm nay thì chỉ có mỗi Jason đủ can đảm để tiếp mục ta. Khi tôi tới quầy bar lấy khăn ấm thì thấy anh ta đang chuẩn bị thực đơn whisky cho mục. Anh ta đi lại tự tin, thản nhiên ngồi xuống bàn, khoanh tay nhìn mục ta chọn đồ uống, không có vẻ gì là sợ sệt. Tôi tranh thủ quan sát mục ta.

Mục ta ngồi quay nghiêng về phía tôi và trông thật đáng sợ - khắp người mục ta phủ phần trắng, phần đóng thành vệt cứng trên các nếp nhăn ở cổ và cổ tay. Cả người mục chỉ duy nhất có đôi mắt một mí là đen sẫm, nhỏ xíu, cách xa sống mũi, tụt vào trong sọ, không nhìn thấy hốc mắt đâu cả. Mama Strawberry đã dặn tôi không được nhìn thẳng vào mắt mục ta nhưng nếu không quan sát kỹ thì đúng là không thể thấy mắt mục ta được, và cái vị trí bất thường của đôi mắt chắc là khiến thị giác kém đi vì tôi thấy mục ta cứ

gí tờ thực đơn vào mắt rồi xoay tới xoay lui, như thể đang ngủi nó vậy. Tôi không quay trở lại bàn ngay lập tức mà đứng nấn ná ở quầy bar giả vờ kiểm tra đồng khăn ẩm.

“Mụ ta có cái gì đó gọi tình,” tôi nghe Jason nói với ai đó ở quầy bar khi quay trở lại kêu đồ uống cho mụ. Anh ta đứng chống tay vào quầy bar nói bâng quơ. “Gọi tình theo kiểu quái đản ác dâm và khổ dâm,” rồi ngoái đầu nhìn về phía mụ ta miệng cười khoái trá. “Cứ cho là tôi sẽ làm chuyện xấu xa với mụ nếu phải thế.” Anh ta quay lại và bắt gặp tôi đang đứng ở quầy bar lặng lẽ nhìn anh ta chăm chăm. Anh ta nháy mắt và nhướn mày, vẻ đồng lõa. “Chân đẹp đấy,” anh ta giải thích, hất đầu về phía mụ Y Tá. “Hay có lẽ tại đôi giày cao gót.”

Tôi không trả lời. Tôi cầm lấy chiếc *oshibori* và bỏ đi, tự dưng cảm thấy xấu hổ một cách ngu ngốc, vấn đề với Jason là anh ta luôn làm tôi muốn khóc.

Thật khôi hài là ai đó lại có thể cấy suy nghĩ vào trong đầu óc bạn. Đêm đó, tôi cúi nhìn đôi chân đang bắt chéo dưới bàn của mình. Lúc đó, tôi đã khá say và nhớ mình đã nhìn chúng, đôi mắt cá chân đan chéo vào nhau và bản khoăn không hiểu như thế nào thì được gọi là có đôi chân đẹp? Tôi vuốt nhẹ tất chân, mở đầu gối ra một chút, ngắm nghía và tự hỏi không hiểu chân mình thì có được gọi là đẹp không?



## 史 Nam Kinh, mừng bốn tháng Tư năm 1937, Lễ Thanh Minh

Mẹ tôi giờ hẳn đang cười vào mũi tôi, cười vào sự e dè và lãnh đạm trước đây của tôi đối với cuộc hôn nhân này. Bởi vì tôi và Thu Kim đang chờ đón một đứa con. Một đứa con! Hãy tưởng tượng xem. Sử Trùng Minh, con cóc nhỏ bé xấu xí này mà lại làm cha! Cuối cùng, cũng có cái để ăn mừng. Một đứa con để mang lại trật tự cho định luật vật lý và tình yêu, một đứa con để khám phá nguyên nhân sâu xa của những chuẩn mực xã hội nhạy cảm. Một đứa con để giúp tôi toàn tâm toàn ý nắm lấy tương lai.

Thu Kim ngay lập tức bị cuốn vào một cơn sốt tín ngưỡng. Phải tính đến rất nhiều vấn đề quan trọng. Tôi chỉ còn biết quan sát cô ấy, cố gắng chấp nhận và tôn trọng những gì cô ấy làm. Sáng nay chẳng hạn, cô ấy đưa ra một danh sách dài những thức ăn phải tránh như mực, bạch tuộc, dứa và hàng ngày tôi phải đi chợ mua những thứ như xương gà đen, gan, mật, hạt sen và tiết canh. Từ nay tôi cũng sẽ phải tự tay làm gà vì Thu Kim không được sát sinh, thậm chí là để nấu ăn, nếu không con chúng tôi sẽ bị dị dạng hoặc Thu Kim sẽ sinh ra một con gà hay con vịt.

Quan trọng nhất là không được gọi con trai của chúng tôi (Thu Kim chắc chắn đây sẽ là một bé trai) là “con trai” hay “bé con” vì ma quỷ sẽ nghe thấy và sẽ tìm cách đánh cắp khi bé chào đời. Thay vào đó, cô ấy sẽ gọi con bằng một cái tên khác, một “nhũ danh” theo cách nói của cô ấy, để đánh lừa ma quỷ. Thế là chúng tôi gọi cháu là “mặt trắng”. “Mình không thể tưởng tượng được bọn ma quỷ chuyên bắt trẻ sơ sinh ác độc thế nào đâu. Linh hồn của ‘mặt trắng’ sẽ là thứ quý giá nhất mà chúng mơ ước.” Cô ấy giơ tay lên, không để cho tôi được phản đối: “Mình phải nhớ rằng mặt trắng của chúng ta rất yếu đuối nên đừng bao giờ quát tháo hay tranh cãi bên cạnh em. Chúng ta không được làm nó sợ.”

“Tôi biết rồi,” tôi mỉm cười vì thấy cô ấy đang nói với một vẻ hết sức nghiêm túc. “Thôi thì gọi là mặt trăng cũng được. Và từ giờ trở đi, trong nhà này chỉ có hai chữ bình an.”

Hai chị em người Nga bảo không có gì đáng ngạc nhiên khi Jason có nói đùa mấy câu về mẹ Y Tá. Họ cho rằng anh ta là một kẻ lập dị. Phòng anh ta dán đầy những bức ảnh kinh hoàng và anh ta thường xuyên đặt mua các tạp chí đặc biệt từ Thái Lan, rồi thỉnh thoảng trong nhà lại bị mất trộm những thứ lặt vặt, không đáng giá nhưng kỳ quái, như gấu chiến đồ chơi của Irina làm bằng da thật, một chiếc găng tay bằng lông sói hay bức ảnh ông bà của hai cô gái. Theo họ, có lẽ anh ta là một người tôn thờ quỷ dữ. “Anh ta toàn xem những thứ bệnh hoạn, khiến cô muốn ói luôn, băng video của anh ta toàn thấy *chết chóc*.”

Đó là những cuộn băng bày đầy trong các cửa hàng thuê băng ở đường Waseda với những tựa đề dường như thấm đẫm những giọt máu kinh hoàng: *Đối mặt tử thân*, *Nhà xác điên rồ*, *Phim tài liệu về khám nghiệm tử thi*. Những vỏ băng khoa trương, và bạn sẽ cho rằng tất cả đều là phim sex nếu chúng kiến đám đông thanh niên có vẻ như luôn chầu chực ở trong góc của cửa hàng. Tôi chưa tận mắt nhìn thấy những băng hình này nên không biết hai chị em có nói thật hay không nhưng những bức ảnh của Jason thì tôi biết.

“Tôi đã ở châu Á được hơn bốn năm,” anh ta nói với tôi. “Cô cứ việc chụp Taj Mahal và Angkor Wat. Tôi đang muốn tìm kiếm một cái gì đó...” Anh ta dừng lại, xoa xoa các ngón tay với nhau như thể đang cố gắng nặn ra ngôn ngữ từ không khí, “... Tôi đang tìm kiếm một cái gì đó, một cái gì đó khác biệt hơn.” Một hôm, tôi tình cờ đi ngang qua phòng anh ta khi cửa để mở và không có ai ở trong phòng. Tôi không thể cưỡng lại được, tôi phải bước vào trong.

Tôi nhìn thấy những gì mà hai chị em người Nga kể. Khắp tường găm đầy những tranh ảnh rùng rợn: chỗ này là hình ảnh một người đàn ông tàn tật, đáng thương, trần truồng trừ một vòng hoa cúc vạn thọ, ngồi ủ rũ trên bờ sông mà tôi đoán là sông Hằng; chỗ kia là những chàng trai trẻ tuổi

người Philippin bị đóng đinh thập tự và những đàn kèn kèn đang rủa xác người trên Tháp Yên lặng trong một đám tang của tín đồ Hỏa Giáo. Vì tôi từng học một ít tiếng Tây Tạng ở trường đại học nên tôi cũng dễ dàng nhận ra bức ảnh chụp một cây bách xù đang cháy âm ỉ với những lá cờ phướn cầu nguyện tung bay trên một nghĩa địa thiên táng ở ngoại ô Lhasa. Nhưng, khi tôi ngắm bức ảnh chụp một hình dạng mơ hồ, mờ mịt khói trắng trên chiếc bệ, được chú thích bằng một dòng nguệch ngoạc *Giàn thiêu Varanasi*, thì tôi chợt nhận thấy cả căn phòng này toát lên một vẻ đẹp kỳ lạ, vẻ đẹp của sự huyền kỳ. Tôi lên ra ngoài không một tiếng động và cho rằng hai chị em người Nga đã sai. Jason không phải là một người bệnh hoạn, anh ta là một người rất độc đáo.

Anh ta là phục vụ bàn ở hộp đêm nhưng cả tuần tôi không thấy anh ta bê một cái khay nào. Anh ta thỉnh thoảng dừng lại ở các bàn và tán chuyện với khách như thể anh ta là chủ ở chỗ này chứ không phải Strawberry. “Anh ta là bồi bàn nhưng chẳng làm cái quái gì cả. Anh ta không cần phải làm việc vì Mama Strawberry khoái anh ta,” Irina lầm bầm. Có vẻ như bà ta bị lôi cuốn bởi sự quyến rũ của một người phục vụ bàn *ngoại quốc*. Phải nhắc đến vẻ ngoài của anh ta nữa. Mỗi lần anh ta đi ngang qua là các nữ tiếp viên người Nhật lại cười khúc khích, mặt đỏ bừng. Anh ta thường ngồi bên bàn của Strawberry, nhấm nháp rượu champagne, áo vét không cài khuy để khoe cơ thể, còn Mama Strawberry thì mỉm cười một cách ngớ ngẩn, đưa tay sửa lại váy sồng, thỉnh thoảng lại tựa lưng vào ghế và đưa tay vuốt ve cơ thể mình.

Jason cũng chẳng mấy khi ở nhà và hiếm khi anh ta ra ngoài mà để cửa mở toang thế này. Thường thì anh ta khóa cửa rồi đi từ rất sớm khi cả ba chúng tôi còn đang ngủ hay anh ta đón taxi đi từ đêm trước rồi đến thẳng chỗ làm vào ngày hôm sau. Có thể anh ta lại đi lang thang ngoài công viên để tìm kiếm các phụ nữ ngủ trên ghế đá. khắp nhà đều có dấu ấn của anh ta, từ đôi giày da đánh vết lấm lóc ở chân cầu thang, những vệt kem cạo râu mùi chanh, khô cứng trong buồng tắm, những tấm danh thiếp màu hồng với những cái tên con gái như Yuko và Moe để trong bếp.

Tôi cố giả vờ không quan tâm tới tất cả những chuyện đó nhưng tự đáy lòng, tôi hoàn toàn bị Jason mê hoặc.

Tôi mua một quyển nhật ký ở Kiddyland, một cửa hàng dành cho con gái ở Omotesando. Đó là một quyển nhật ký màu hồng có bìa bằng nhựa trong với một lớp gel lỏng lánh trôi lên trôi xuống. Tôi rất thích giơ nó lên cửa sổ nhìn ánh mặt trời chiếu vào các hạt lỏng lánh bên trong. Mỗi ngày trôi qua, tôi lại dán một mảnh giấy dính màu kem vào quyển nhật ký để đánh dấu. Đôi khi tôi đi tàu tới Hongo và ngồi một mình trong quán cà phê Bambi, ngắm mặt trời đùa giỡn trên cánh cổng Akamon của trường đại học và quan sát đám sinh viên ra vào. Nhưng tôi không hề thấy Sử Trùng Minh. Chỉ còn năm ngày nữa, rồi bốn ngày, ba ngày, và cuối cùng là hai ngày. Ông bảo một tuần, có nghĩa là Chủ nhật. Nhưng Chủ nhật ông cũng không thèm gọi điện cho tôi.

Tôi không thể tin được. Ông ta đã nuốt lời. Tôi đợi cả ngày, ngồi trên ghế sofa trong phòng khách với đồng sách vở bừa bãi xung quanh. Tôi không rời mắt khỏi chiếc điện thoại. Nhưng mỗi lần nó đổ chuông thì y như rằng có ai đó hỏi Jason. Tôi về lấy ống nghe và đó là một cô gái Nhật Bản thờ dài vẻ không tin khi nghe tôi nói anh ta không có nhà. Ngày Chủ nhật hôm đó tôi nhận hộ anh ta tổng cộng năm tin nhắn từ năm cô gái khác nhau. Phần lớn trong số họ nói năng nhẹ nhàng, nhưng cũng có người tỏ ra rất thô lỗ. Một cô gái thờ hất ra khi nghe tôi trả lời điện thoại, hét vào tai tôi bằng một thứ tiếng Nhật the thé: *“Mày là đứa quái nào đấy? Sao mày lại trả lời điện thoại? Bảo Jason ra nghe điện. NGAY LẬP TỨC.”*

Tôi ghi lại tên của họ rồi vẽ nguệch ngoạc khuôn mặt họ ở bên cạnh theo trí tưởng tượng của mình. Vẽ chán rồi thì lại ngồi chống cằm nhìn chiếc điện thoại cả ngày không hề reo cho tôi lấy một lần.

## 史 Nam Kinh, mừng một tháng Chín năm 1937

Rắc rối đến từ phía Đông. Đúng như tôi nghĩ. Lính Nhật đã vào đến Thượng Hải và đang đánh chiếm từng góc phố. Liệu có thể chính quân Nhật chứ không phải Cộng sản mới là mối đe dọa lớn nhất đối với chúng tôi? Liệu có thể Cộng sản đã đúng khi ép buộc Tưởng chấp nhận một liên minh quân sự? Phổ Nghi, con rối trong tay người Nhật, đã ngự trên chiếc ngai vàng vay mượn ở Mãn Châu từ sáu năm nay, không phải là lỗi của tổng thống, và năm năm trước, Nhật Bản đã ném bom vào Thượng Hải. Nhưng không ai nói gì về sự an toàn của chúng tôi ở Nam Kinh. Cho tới tận bây giờ. Bây giờ, và chỉ bây giờ, những người dân như chúng tôi mới bắt đầu nghĩ cách bảo vệ mình. Tôi dành cả buổi sáng ngày hôm đó quét sơn đen lên mái nhà để nguy trang vì chúng tôi đã được cảnh báo trước là máy bay ném bom của quân Nhật có thể sẽ xuất hiện vào một ngày nào đó từ phía sau núi Tử Kim khi mặt trời lên.

Quãng mười giờ, khi mới sơn xong nửa mái nhà thì đột nhiên, có gì đó khiến tôi dừng lại. Tôi không biết liệu đó là một tiếng động hay một linh cảm chẳng lành, nhưng nó đã khiến tôi dừng tay và nhìn về phía Đông. Tôi thấy khoảng hai chục người đàn ông khác cũng như tôi, đang bắc thang sơn mái nhà, sau lưng họ là chân trời bát ngát và những mái nhà đang sơn dở. Và xa hơn nữa là, chân trời đang rộng mở. Là núi Tử Kim. Phía Đông màu đỏ.

Thu Kim luôn nói rằng tương lai của Nam Kinh có gì đó rất xấu. Cô ấy cứ nhắc đi nhắc lại điều đó như một nhà tiên tri bi quan. Cô ấy bảo rằng ngay khi bước chân xuống tàu một năm về trước, cô ấy đã biết là mình sẽ bị trói chặt vào Nam Kinh; rằng sức nặng của bầu trời Nam Kinh đã đổ sập lên người cô ấy, còn không khí đã làm viêm nhiễm phổi của cô ấy và tương lai

u ám của thành phố này thì đè nặng lên vai khiến cô ấy phải cố gắng lắm mới đứng vững được. Ngay cả đoàn tàu vừa mang cô ấy đến đây cũng không giúp cô ấy thoát được chúng. Lúc đó, đứng trên sân ga, nhìn lên dãy núi tối sẫm trước mặt như một cái cũi khổng lồ trên mặt đất, cô ấy biết đây sẽ là một nơi vô cùng nguy hiểm. Những ngọn núi hiểm độc này sẽ giam giữ cô ấy lại giữa móng vuốt của chúng, đoàn tàu sẽ ngừng chạy khi cô ấy đã ở đây. Và rồi Nam Kinh sẽ có được cô ấy, sẽ dùng luồng tà khí đầy axit dần dần nuốt chửng cô ấy.

Tôi đoán là hôm đó trên đường tôi đón cô ấy từ hồ Phồn Dương về Nam Kinh, đã có chuyện gì hệ trọng xảy ra với Thu Kim, vì tôi nhớ đến một thứ màu sắc sặc sỡ đã xuất hiện trong cuộc hành trình. Một chiếc ô màu hồng thắm. Một cô gái chần dề đang đứng chờ con dề trong đồng lúa. Khi con vật búng bình dừng lại, cô gái miễn cưỡng kéo mạnh dây thừng, mong muốn được sao nhãng công việc hơn là kéo con vật tiến về phía mình. Chúng tôi đang dừng lại nghỉ ở đâu đó phía Nam Vu Hồ, và mọi người trên tàu đều dừng mọi công việc lại quay sang nhìn cô gái. Cuối cùng thì con dề cũng chịu bước đi theo chủ, cả hai chẳng mấy chốc mất hút phía chân trời. Hành khách trên tàu quay trở lại chơi bài hay tán chuyện nhưng Thu Kim thì vẫn ngồi bất động nhìn vào chỗ cô gái và con dề lúc trước.

“Minh nhìn gì vậy?” Tôi nghiêng người thì thầm với cô ấy.

“Em nhìn gì cơ?” Có vẻ như câu hỏi đã làm cô ấy bất ngờ. “Em nhìn gì cơ?” Cô ấy nhắc lại vài lần, tay để trên cửa sổ, mắt vẫn dán chặt vào khoảng không gian trống vắng mà cô gái vừa rời khỏi. “Em nhìn gì cơ?”

Chỉ nhiều tháng sau đó, tôi mới biết chính xác là lúc ấy Thu Kim đã nhìn thấy gì. Khi ngắm cô gái dưới chiếc ô màu hồng thắm, Thu Kim như tìm thấy chính bản thân mình. Cô ấy đang nói lời từ biệt. Từ biệt cô gái quê mùa trong lòng cô ấy. Khi mới đến Nam Kinh, chúng tôi vẫn thấp thoáng thấy bóng dáng của cô gái ấy ở Thu Kim, cái đầu gối hơi nhẵn, cánh tay rám nắng, cách phát âm Giang Tây đều đều, cứng nhắc khiến dân Nam Kinh phải phì cười. Nhưng cuối cùng, một người phụ nữ mới đã xuất hiện, dần dần thay thế cô gái quê đó, người phụ nữ đã miễn cưỡng đến với Nam Kinh, thành phố khổng lồ mà cô ấy tin rằng sẽ không bao giờ cho cô ấy được tự do.





Tôi nhìn thấy Sử Trùng Minh trước cửa trường đại học Todai vào tám giờ sáng ngày hôm sau. Tôi đã chờ ông ta ở đây từ lúc sáu rưỡi sáng, lúc đầu là ở góc phố, rồi sau đó là quán cà phê Bambi khi nó mở cửa. Tôi gọi bữa sáng thịnh soạn với xúp miso, cơm cá thu và trà xanh. Trước khi rời bàn, cô phục vụ cẩn thận ghé tai tôi nhắc lại giá tiền của từng món ăn. Tôi ngược nhìn cô, không hiểu. Rồi tôi hiểu ra: cô ấy không muốn tôi tưởng rằng mình lại được đãi miễn phí một lần nữa. Vì vậy tôi đành trả tiền trước và khi cô ấy mang thức ăn đến, tôi liền boa cho cô ấy thêm ba nghìn yên. Cô ấy nhìn chúng chăm chăm không nói gì rồi đổ mặt cát vào tạp dề.

Hôm đó, trời rất nóng nhưng Sử Trùng Minh vẫn mặc một chiếc áo bằng vải cotton kiểu Mao Trạch Đông, đi đôi dép nhỏ màu đen kỳ quặc bằng cao su đàn hồi, đúng kiểu dép tập thể dục của học sinh Anh và đội chiếc mũ dân chài kỳ lạ của mình. Ông đi rất chậm và thận trọng, mắt dán vào vệ đường. Ông không biết là tôi đang đứng chờ trước cổng trường cho đến khi tôi nhảy xổ ra giữa đường, ngay trước mặt ông. Ông nhìn xuống chân tôi, dừng lại duỗi cây gậy ra, đầu cúi xuống.

“Ông nói là ông sẽ gọi điện.”

Ông từ từ ngẩng mặt lên. Mắt ông mờ mờ, như sương khói. “Cô lại đến à, cô nói là cô không bao giờ xuất hiện ở đây nữa cơ mà.”

“Lẽ ra ông phải gọi điện cho tôi vào hôm qua.”

“Trông cô hơi khác, sao trông cô lại khác thế nhỉ?” Ông nheo mắt nhìn tôi.

“Ông đã không gọi điện cho tôi.”

Ông nhìn tôi thêm một lúc, hắng giọng và bỏ đi. “Cô rất thô lỗ. Rất thô lỗ,” ông lầm bầm.

“Nhưng tôi đã *đợi ông suốt cả tuần,*” tôi nói và đuổi theo ông. “Tôi đã không gọi điện cho ông, cũng không tìm đến đây. Tôi đã làm như tôi hứa nhưng ông thì không.”

“Tôi không hứa sẽ gọi điện cho cô.”

“Có, ông...”

“*Không. Không hề.*” Ông dừng lại và chỉ thẳng cây gậy vào tôi. “Tôi không hứa hẹn gì cả, tôi có trí nhớ rất tốt và tôi biết là tôi không hứa hẹn gì với cô.”

“Tôi không thể đợi ông suốt đời.”

Ông bật ra một tiếng cười. “Cô có biết ngôn ngữ Trung Quốc nói gì không? Cô có biết sự thật sâu xa về một cái lá dâu không? Sự kiên nhẫn sẽ biến lá dâu thành lụa. Chính cái lá dâu già ấy lại dệt nên lụa! Vấn đề là phải biết kiên nhẫn.”

“Không phải thế, là do con tầm nhả tơ chứ!” Tôi cãi lại.

Ông khép miệng lại và thở dài. “Thôi được. Cô có thấy tình bạn này đúng là không có tương lai không?”

“Nếu ông không gọi cho tôi như đã hứa thì không có thật. Ông phải giữ lời chứ!”

“Tôi không *hứa* gì cả.”

“Nhưng tôi làm việc buổi tối, làm sao tôi biết ông gọi hay không. Tôi không có máy trả lời tự động. Làm sao tôi biết được liệu có một tôi nào đó ông gọi tôi và sau đó không bao giờ gọi nữa, nếu tôi lỡ cuộc gọi của ông, có phải là mọi chuyện sẽ hỏng hết không? Và rồi...” Tôi hơi lên giọng khiến một vài sinh viên đi qua nhìn chúng tôi vẻ hiếu kỳ.

“Để tôi yên. Cô nói đủ rồi đấy. Giờ thì để tôi một mình.” Ông nói và bỏ đi, để mình tôi đứng lại dưới gốc cây bạch quả.

“Giáo sư Sử,” tôi hét với theo. “Xin hãy làm ơn, tôi không muốn tỏ ra thô lỗ, tôi thật sự không muốn làm thế.”

Nhưng ông vẫn tiến về phía trước và chẳng mấy chốc biến mất sau hàng rào quanh co bụi bặm, lọt thỏm trong các lùm cây. Tôi đá vào hàng rào bên vệ đường rồi ôm mặt khóc.

Tôi trở về nhà như người mộng du, leo thẳng lên phòng, không dừng lại tán gẫu với hai chị em sinh đôi lúc này đang xem vô tuyến trong phòng khách, bỏ lại sau lưng những tiếng “ồ, à” chầm chọc của hai cô nàng. Tôi đóng sập cửa phòng lại và đứng dựa lưng vào đó, mắt nhắm nghiền, tim đập thình thịch.

Khi bạn biết là bạn đã đứng về một điều gì đó, điều quan trọng là kiên nhẫn theo đuổi nó đến cùng.

Một lúc lâu sau, tôi mở mắt ra và đến bên chiếc giá vẽ dựng ở góc tường. Tôi pha màu, chuẩn bị bút vẽ và nước rồi mở tung cửa sổ. Trời bắt đầu tối, mùi thức ăn từ dưới phố bay lên thoang thoang, Tokyo đã lên đèn. Thành phố trải dài về phía xa như một dải Ngân hà bé nhỏ. Tôi hình dung nó sẽ như thế nào khi được nhìn từ bên ngoài trái đất, những tòa nhà chọc trời sẽ trông như những ngọn núi còn phố phường sáng lấp lánh thì trông giống những dòng sông thủy ngân trong cung của Tần Thủy Hoàng.

Ai có thể hình dung được thành phố sẽ như thế này? Khi những đợt không kích kết thúc, khi chiếc máy bay oanh tạc cuối cùng của Mỹ khuất dạng sau Thái Bình Dương xanh thẳm, Tokyo gần như bị san bằng. Không ai còn nhận ra thành phố này nữa. Xe ô tô không thể lưu thông vì không ai biết cái gì đang chờ họ ở phía cuối đường. Ở những khu nhà ổ chuột ven sông, người ta đốt than *tadon*, mùi hôi nồng nặc, khói gồm bụi than và nhựa đường cuộn lại thành mây, phủ đen thành phố.

Lớp lụa che tường trong phòng tôi bị rách nham nhở ở phía dưới, nhưng đoạn từ thắt lưng trở xuống thì vẫn còn nguyên. Tôi nhúng cọ vào lớp sơn màu xanh coban và bắt đầu vẽ. Tôi vẽ những mái nhà bị bom đạn thiêu trụi với những thanh giằng khằng khiu ám khói. Lửa bốc lên ngàn ngút khắp nơi, phố phường tan hoang như những đồng gạch vụn. Khi tôi vẽ, tâm hồn tôi phiêu diêu bay bổng. Khoảng bảy giờ hai chị em người Nga tới gõ cửa phòng hỏi tôi có đi làm không.

“Hay cô chỉ định ở đây? Giống như một con rận, hừm?”

Tôi mở cửa và nhìn họ, tay vẫn cầm cây cọ, mặt dính đầy màu vẽ.

“Ôi Chúa ơi! Cô không đi làm với bộ dạng thế này chứ?”

Tôi chớp mắt nhìn họ. Sau này, tôi mới nhận ra mình thật may mắn biết bao vì họ đã gõ cửa, nếu không tôi sẽ bỏ qua một trong những buổi tối quan trọng nhất của mình ở Tokyo.

**史 Nam Kinh, ngày 12 tháng Mười một năm 1937 (ngày mừng  
mười tháng Mười âm lịch)**

Thượng Hải thất thủ hồi tuần trước. Chúng tôi vẫn chưa hết bàng hoàng với tin này. Đội quân tinh nhuệ nhất của tổng thống đang lãnh trách nhiệm phòng thủ thành phố của chúng tôi đông gấp mười lần quân Nhật thế mà không hiểu tại sao vẫn để Thượng Hải rơi vào tay người Nhật. Đường phố hoang vắng, tiêu điều, chỉ còn lại những bình xịt hơi cay rỗng của quân đội Nhật vứt chỏng chơ ngoài các rãnh nước và những con vật chết thối trong sở thú. Tin báo cho biết quân Nhật hiện đang tràn qua đồng bằng và một cuộc tấn công vào Nam Kinh là không thể tránh khỏi. Mười sư đoàn đang tiến về phía chúng tôi, cả bộ binh lẫn mô tô và xe bọc thép. Tôi có thể tưởng tượng ra cảnh họ đang hành quân, trèo đèo, lội suối với niềm tin không hề lay chuyển rằng chỉ cần chiếm được thủ đô Nam Kinh là sẽ nắm trong tay trái tim của người khổng lồ.

Nhưng đương nhiên chuyện đó sẽ không xảy ra. Tổng thống của chúng tôi sẽ không cho phép thành phố này bị tổn thương. Đúng là có cái gì đó đang thay đổi trong lòng các công dân của thành phố, một làn sóng niềm tin mới đang trỗi dậy. Khi tôi trên đường về nhà sau buổi lên lớp sáng nay (cả lớp học chỉ có bốn sinh viên), đám sương mù bầy lâu che phủ thành phố bỗng dung tan biến, trời nắng trong như thể Thượng đế bỗng rủ lòng thương đối với Nam Kinh. Nhưng không thấy ai phơi quần áo như thường lệ mỗi khi nắng lên. Rồi tôi nhận thấy những phu quét đường mấy hôm nay không làm việc. Khắp nơi mọi người dọn nhà dọn cửa khuôn vác đồ đạc để chất lên xe. Mất một lúc sau tôi mới hiểu chuyện gì đang xảy ra và tim tôi như chùng xuống. Mọi người đang di tản. Thành phố này đang ngừng thở. Tôi cảm thấy xấu hổ khi thấy ngay cả một số giảng viên đại học cũng có ý định bỏ thành phố. Hãy tưởng tượng mà xem! Hãy tưởng tượng đến sự thất

tín đối với tổng thống, ngài sẽ nghĩ gì khi ngay cả những công dân như chúng tôi cũng tính đến chuyện chạy trốn.

Thu Kim thì lại có vẻ hân hoan trước tin Thượng Hải thất thủ. Nó chỉ chứng minh những gì cô ấy khẳng định từ trước đến nay về Quốc dân Đảng là hoàn toàn chính xác. Cô ấy cũng đang chuẩn bị sơ tán khỏi Nam Kinh. Khi tôi về tới nhà thì cô ấy đang chắt đồ đạc vào một cái rương. “Minh đây rồi,” cô ấy nói. “Em chờ mình mãi. Bây giờ thì mình ra sân chuẩn bị xe kéo cho em.”

“Xe kéo?”

“Đúng, chúng ta đi thôi. Trở về Phồn Dương.” Cô ấy gấp một mảnh tã màu trắng lấy từ gói *cui sheng* của bà ngoại và đặt vào trong rương. Tôi thấy cô ấy dành nhiều chỗ nhất cho cái hộp đựng tiền làm bằng mai rùa mẹ tôi để lại, tôi nhớ rất rõ rằng bên trong hộp đựng những bức huyết thư ghi lại một số đoạn trích trong Kinh Dịch được gói trong một tấm vải. Mẹ tôi đã đặt hết lòng tin vào những chữ này nhưng nó cũng không cứu được bà. “Đừng lo, em đã kiểm tra lịch rồi, hôm nay là ngày rất tốt cho việc xuất hành.” Thu Kim nói.

“Xem này, không việc gì phải vội vàng thế...” Tôi lên tiếng.

“Không ư? Em nghĩ là có đấy. Đi theo em nào,” cô ấy ngồi dậy, ra hiệu cho tôi tới bên cửa sổ và chỉ lên núi Tử Kim về phía lăng Trung Sơn. “Đằng kia kìa. Phía Tử Kim ấy.” Lúc này trời bắt đầu tối, trăng đã lên vàng ửng phía sau núi.

“Thì làm sao?”

“Trùng Minh, mình hãy nghe em,” Thu Kim hạ thấp giọng, vẻ rất nghiêm trọng. “Đêm qua em mơ thấy Tử Kim bốc cháy.”

“Thu Kim, thật vớ vẩn...”

“Không,” cô ấy nói một cách dữ dội. “Không vớ vẩn chút nào. Thật đấy! Trong mơ em thấy núi Tử Kim bốc cháy và khi em nhìn thấy thế em đã biết. Em biết ngay lập tức rằng Nam Kinh sắp gặp thảm họa.”

“Thu Kim, làm ơn...”

“Một thảm họa chưa từng có, còn hơn cả đợt nổi loạn của những người Thiên Chúa giáo.”

“Thật ư, có phải mình định nói mình cũng thông thái như mấy ông thầy bói mù ngoài chợ không, mấy kẻ khoác lác, chuyên dùng dịch gì đó ở mắt chó để bôi vào mí mắt ấy nhỉ, tôi không nhớ nữa. Mình định làm thầy bói ư? Thôi chấm dứt chuyện vớ vẩn này đi, mình *không thể* tiên đoán tương lai.”

Nhưng cô ấy không hề lay chuyển. Cô ấy đứng cạnh tôi mắt vẫn không rời núi Tử Kim. “Có đây, mình có thể,” cô ấy thì thầm. “Mình *có thể* tiên đoán được tương lai. Tương lai là một cái cửa sổ đang mở.” Cô ấy đặt hờ tay lên cánh cửa chớp. “Như cái cửa sổ này chẳng hạn. Đoán tương lai thật dễ, vì tương lai chính là quá khứ. Tất cả mọi thứ trên đời này đều luân hồi và em đã nhìn thấy chính xác những gì sẽ xảy ra.” Cô ấy dừng lại quay sang nhìn tôi với đôi mắt màu vàng như thể cô ấy đang nhìn thấu ruột gan tôi. “Nếu ở lại Nam Kinh, chúng ta sẽ chết. Mình cũng biết thế. Em có thể đọc được điều đó trong mắt mình - mình biết rõ điều đó. Mình cũng biết ông tổng thống quý báu của mình không đủ mạnh để cứu chúng ta. Trong tay ông ta, Nam Kinh không có một cơ hội sống sót nào.”

“Tôi sẽ không nghe thêm một lời nào nữa,” tôi cương quyết nói. “Tôi không muốn mình nói như thế về vị tổng tư lệnh. Tôi cảm mình đây. Cảm tiết. Tưởng Giới Thạch sẽ cứu thành phố này.”

“Cái con chó cảnh của bọn ngoại quốc ấy,” cô ấy khịt mũi vẻ khinh bỉ. “Đầu tiên thì các tướng lĩnh của ông ta phải ép mãi ông ta mới chịu tuyên chiến, còn bây giờ thì chính quân Nhật, cái quân đội đào tạo ông ta, ông ta cũng không biết đường mà chiến thắng.”

“Thôi đủ rồi đấy, tôi đã nghe đủ rồi.” Tôi giận điên người. “Tưởng Giới Thạch sẽ bảo vệ Nam Kinh và chúng ta, đúng thế đấy, tôi và mình, chúng ta sẽ ở đây để chứng kiến giây phút đó.” Tôi tóm lấy cổ tay cô ấy và lôi về phía chiếc rương. “Tôi là chồng mình và mình cần phải tin tưởng vào sự phán đoán của tôi. Bây giờ thì dở đồ ra. Chúng ta sẽ không đi đâu cả, chắc chắn sẽ không quay lại Phồn Dương. Phồn Dương đã giết chết mẹ tôi và lần này hãy để tôi quyết định. Tôi là chồng mình, mình phải đặt niềm tin

vào Tướng Giới Thạch, người quyết định tối cao, một con người vĩ đại hơn tất cả những tín ngưỡng của mình gộp lại.”

## 史 Nam Kinh, ngày 16 tháng Mười một năm 1937

Giờ tôi mới thấy hối hận xiết bao về những lời mình đã nói khi đó. Giờ thì tôi ở đây, một mình trong thư phòng, cánh cửa khóa trái, tai dán vào đài phát thanh, hối hận biết bao vì sự kiêu ngạo của mình. Tôi không dám để Thu Kim nghe bản tin vì biết rằng cô ấy sẽ tỏ ra hài lòng khi nhận được cái tin khủng khiếp đó, khủng khiếp tới mức tôi phải run rẩy viết những dòng này bằng chữ nhỏ li ti nhằm giảm bớt nỗi đau do nó gây ra: Tướng Giới Thạch và chính phủ Quốc dân Đảng đã chạy khỏi Nam Kinh, giao lại Nam Kinh cho tướng Đường Sinh Trí.

Tôi ngồi nhìn chăm chăm vào dòng chữ đó, không biết phải làm gì, máu chảy rần rật trong đầu. Phải làm gì bây giờ? Tôi chẳng thể ngồi yên, chẳng thể đứng lên, cũng chẳng thể nghĩ về bất cứ điều gì. Tổng trưởng Tướng đã đi mất rồi sao? Có phải tướng Đường đã thay vào vị trí của ông? Liệu chúng tôi có thể đặt niềm tin vào ông ta hay không? Hay tôi nên thú thực với Thu Kim là tôi đã sai rồi? Để cô ấy nhìn thấy tôi trở nên lung lay với chính kiến của mình? Tôi không thể. Tôi không thể lùi bước. Tôi đã bị mắc kẹt giữa đám mạng nhện do chính mình giăng ra, nhưng tôi phải đứng vững trên lập trường của mình cho dù nó có làm tôi điêu đứng tới mức nào. Tôi sẽ dựng hàng rào quanh nhà và đợi quân Nhật xuất hiện. Ngay cả khi điều không tưởng đó xảy ra, khi quân đội của chúng tôi bị thua thì tôi tin là người Nhật cũng sẽ đối xử tử tế với chúng tôi. Khi còn là sinh viên tôi đã từng tới Tokyo và tôi nói khá sôi tiếng Nhật. Họ sẽ xử sự một cách đàng hoàng và tế nhị. Ai đã từng nghiên cứu hành vi của người Nhật trong chiến tranh với Nga đều biết rằng họ là những người hết sức văn minh. Thu Kim sẽ ngạc nhiên khi phát hiện ra rằng thậm chí họ cũng có thứ để dạy cho chúng tôi. Chúng tôi sẽ chuẩn bị một biểu ngữ bằng tiếng Nhật với hai chữ



“chào mừng” và chúng tôi sẽ được an toàn. Hôm nay tôi cũng thấy nhiều gia đình trong ngõ Hán Trung đang chuẩn bị những biểu ngữ như thế.

Nhưng khi tôi viết những dòng này, khi trời bắt đầu tối, thành phố chìm dần vào im lặng, chỉ còn tiếng rì rầm của xe tăng quân đội Quốc dân vang lên từ phía đường Trung Sơn thì tim tôi như hóa đá. Tất cả những gì tôi có thể làm lúc này là xuống nhà và thú thực với Thu Kim mọi nỗi sợ hãi.

Thu Kim trở nên lạnh lùng và xa cách kể từ sau khi tôi từ chối trở lại Phồn Dương. Ngày nào tôi cũng đưa ra một loạt lý do biện minh cho quyết định ở lại của mình, giả vờ không biết chúng có vẻ nhạt nhẽo đến mức nào, như nếu về quê thì sẽ không có bệnh viện và các phương tiện đỡ đỡ hiện đại. Tôi cố gắng dựng lên một bức tranh xám xịt rằng nếu có chuyện gì xảy ra chúng tôi biết làm thế nào khi chỉ biết trông cậy duy nhất vào một bà già nhà quê đỡ đỡ. Nhưng mỗi lần tôi nhắc đến chuyện này, Thu Kim lại ném cho tôi một cái nhìn giận dữ: “Một bà già nhà quê? Một bà già nhà quê? Bà ấy còn tốt hơn gấp vạn lần cái ông bác sĩ tây của mình ấy! Những kẻ Thiên Chúa giáo.”

Hay có lẽ tôi đã làm cô ấy kiệt sức vì cô ấy bắt đầu trở nên lạnh lẽ. Cô ấy dành phần lớn thời gian ngồi bất động trên ghế, tay đặt lên trên bụng. Tôi không thể nào không nghĩ về đôi bàn tay ấy, nó mới nhỏ bé và trắng làm sao. Suốt cả ngày, tôi không thể ngăn mình nhìn chúng chăm chăm. Có lẽ cô ấy vô tình để tay như thế mà không biết là mình đang xoa bụng. Vì cô ấy chắc chắn không muốn vuốt ve bụng mình, sợ rằng em bé sinh ra sẽ hư và khó tính vì mẹ tôi vẫn bảo tôi: “Chắc hẳn mẹ đã xoa bụng nhiều quá nên mới sinh ra một đứa kiêu ngạo và cứng đầu như thế này.”

Khi nghĩ rằng con chúng tôi sau này có thể là một đứa cứng đầu, kiêu ngạo, ích kỷ hay bất kỳ tính cách khó chịu nào khác, tôi chỉ muốn khóc. Kiêu ngạo, cứng đầu cứng cổ, khó tính hay hư hỏng thì cũng đều phụ thuộc vào một vấn đề: con của chúng tôi có cơ hội chào đời hay không? Tất cả đều phụ thuộc vào việc Thu Kim có thể sống sót sau cuộc tấn công Nam Kinh không thể tránh đó hay không?

Có lẽ điều đáng sợ nhất trên đời này là bị thất lạc người thân mà không biết phải tìm họ ở đâu. Người Nhật tin rằng vào đêm của lễ O-Bon, hồn ma của những người chết sẽ quay về tìm thân nhân của mình. Họ bị lôi ra khỏi giấc ngủ vĩnh hằng bởi lời gọi của những người thân còn sống và bay qua thình không để đoàn tụ với gia đình. Tôi luôn tưởng tượng ra đêm O-Bon náo nhiệt với các linh hồn bay vùn vụt trong không khí, xô đẩy mọi người để đi nhanh hơn. Bây giờ khi tôi đang ở Nhật thì tôi lại tự hỏi không hiểu những người không biết người thân của mình chết ở đâu thì họ sẽ phải làm gì? Chuyện gì sẽ xảy ra khi họ chết ở một nơi xa lạ, ở một đất nước khác, liệu các linh hồn có thể đi xuyên lục địa? Nếu không thể thì họ sẽ tìm về với gia đình mình bằng cách nào?

Khi tôi ngồi trong hộp đêm, hút hết điếu này đến điếu khác, đang nghĩ đến các linh hồn và nghĩ đến việc làm sao có thể thuyết phục Sở Trùng Minh nói chuyện với tôi thì Junzo Fuyuki và tay chân của ông ta đến câu lạc bộ lần thứ hai.

Tôi được Strawberry phân tới bàn của họ. Họ vẫn ngồi ở chiếc bàn dài quen thuộc, trừ mụ Y Tá lúc này đã tách ra để ngồi trong cái góc tường quen thuộc của mụ. Bóng mụ hát trên tường thành những hình thù quái dị, giống như một con ngựa chiến, một quân mã trên bàn cờ, cái bóng dài tới mức trông mụ ta không giống như mọc ra từ sàn nhà mà bị treo lơ lửng trên trần từ hai vai trở lên. Fuyuki dường như đang vui vẻ, và lần này còn có một vị khách mới, ngồi xuống ngay cạnh tôi, một người to béo mặc bộ vét màu bạc, mặt múp míp, tóc húi cua để lộ cái gáy nung núc thịt. Ông ta đã uống say, vừa kể chuyện cười vừa đập ghé xuống sàn mỗi khi đến đoạn cao trào, rồi nhướn mày kiểu kịch sĩ và lảm bảm gì đó khiến đám đàn ông trong bàn lại cười ré lên. Ông ta nói giọng Osaka. Trước đây, tôi cứ tưởng tất cả các *yakuza* đều nói giọng Osaka nhưng ông ta lại không phải là người trong băng nhóm. Ông ta là bạn của Fuyuki và các nữ tiếp viên người Nhật

nói rằng ông ta rất nổi tiếng, họ cười khúc khích với ông ta, đưa tay lên che miệng và bàn luận với nhau về ông ta trong tiếng thờ dài.

“Tên tôi là Baisho,” ông ta nói với hai chị em người Nga bằng một thứ tiếng Anh cứng nhắc, vẫy tay chào họ bằng những ngón tay đeo nhẫn vàng nặng trĩu. “Bạn bè gọi tôi là Bai, vì tôi có nhiều tiền gấp hai lần họ và nam tính gấp hai lần họ!” Ông ta nhướn mày về gợi ý. Tôi ngồi im, hình dung ra chữ *Bai* theo kiểu kanji được viết như thế nào. *Baisan* có nghĩa là gấp đôi nhưng nó cũng còn có một ý nghĩa khác. Chỉ cần vẽ thêm một nét với biểu tượng “mũi” ở đằng trước một cái cây thì từ Bai sẽ còn có nghĩa là “cây mận” hay “sự trồng trọt” hay là “ích kỉ”. Tôi thì tôi nghĩ ngay đến từ *Bison* trong tiếng Anh khi nhìn thấy ông ta: Con bò rừng.

“Tôi là ca sĩ. Nam ca sĩ số một ở Nhật,” ông ta vung vẩy tay khắp bàn, vẩy vẩy với bất kỳ ai lắng nghe. “Còn người bạn mới của tôi, ông Fuyuki là người đàn ông số một ở Tokyo.” Ông ta ve vẩy điều xì gà về phía xe lăn, đoạn vén tay áo để lộ các bắp thịt rồi nói tiếp: “Người đàn ông lớn tuổi nhất Tokyo nhưng khỏe mạnh và cường tráng như ở tuổi ba mươi. Khỏe, khỏe ghê lắm.” Ông ta lão đảo quay sang phía Fuyuki rồi hét lên bằng tiếng Nhật như thể sợ ông ta bị điếc: “Fuyuki san, ông khỏe thật đấy! Ông là người đàn ông lớn tuổi nhất và vĩ đại nhất mà tôi biết.”

Fuyuki gật đầu: “Đúng vậy, tôi rất khỏe,” ông ta thì thầm. “Tôi còn khỏe hơn hồi hai mươi tuổi ấy chứ.”

Bison nâng ly rượu của ông ta lên. “Xin uống vì người đàn ông khỏe nhất Tokyo.”

“Vì người đàn ông khỏe nhất Tokyo,” tất cả đồng thanh.

Phô trương đôi khi là một việc hết sức sai lầm vì bạn không thể biết được sự đòi thay đổi thế nào và bạn có thể trở thành trò cười cho thiên hạ. Chưa đầy ba mươi phút sau khi huênh hoang về sức khỏe của mình thì Fuyuki bắt đầu trông có vẻ thất sắc. Không ai để ý nhưng tôi có thể thấy ông ta bắt đầu thờ dòn, chộp lấy tay người đàn ông cột tóc đuôi ngựa ngồi bên cạnh, thì thào cái gì đó. Ông này lắng nghe chăm chú, mặt không có chút biểu hiện gì. Một lúc sau ông ta gật đầu, đứng dậy chỉnh lại quần áo, đẩy mạnh chiếc ghế vào gầm bàn. Ông ta kín đáo băng ngang căn phòng, tiến về phía hốc tường, lưỡng lự một chút rồi bước vào trong.

Một người khác chuyển sang ngồi cạnh, kín đáo theo dõi tình trạng của Fuyuki. Những người còn lại thì vẫn vờ như không có chuyện gì xảy ra vì để ý tới sự khó ở của ông già dường như là một hành vi bất kính. Tôi là người duy nhất nhìn theo gã đàn ông buộc tóc đuôi ngựa. Ông ta ngồi vào chỗ Jason trước đó, mặt khuất trong bóng tối khi nói chuyện với mục Y Tá. Một lúc sau, mục ta thò tay vào trong túi và lôi ra một cái bao nhỏ, ở trong có một vật gì đó như ống thuốc bằng thủy tinh. Mục ta dùng những ngón tay trắng dài thận trọng cầm nghiêng cái lọ, búng búng vào nó rồi dốc chất gì đó đựng bên trong vào một cái ly, sau đó lấy chai nước trên bàn đổ nước vào và đưa cho người đàn ông tóc đuôi ngựa. Ông này kính cẩn lót cái ly bằng một chiếc khăn ăn trắng muốt rồi lặng lẽ quay lại bàn, trao nó cho Fuyuki. Ông ta uống từng ngụm một. Tôi để ý thấy dưới đáy ly đọng lại những cặn thô như là hạt nhục đậu khấu giã nhỏ. Trong góc tường, mục Y Tá lại nhét chiếc bao vào trong túi và đưa bàn tay to xù vuốt mái tóc già.

Bên cạnh tôi, Bison lục bục gì đó trong cổ họng với vẻ khoái trá. Ông ta ngồi chống cùi tay lên bàn, điều xì gà nặng trĩu tàn thuốc. Ông ta nhìn Fuyuki như bị thôi miên khi ông này uống cạn ly thuốc rồi ngả người, hai tay đặt lên tay vịn xe lăn, nghiêng đầu ra phía sau, thở phì phò.

Bison bắt đầu phá ra cười. Ông ta lắc đầu và cười cho tới khi cả người rung lên và mặt đỏ phừng phừng. Ông ta vờ qua người tôi để nói với Fuyuki, giọng oang oang dù lưỡi đã riu lại: “Ôi, *onni san*,” ông ta nói, lấy điều xì gà chỉ vào cốc nước. “Ông có thuốc gì cho tôi với? Thuốc gì giúp tôi đứng thẳng dậy một cách kiêu hãnh như hồi hai mươi?” Fuyuki không trả lời, tiếp tục thở một cách mệt nhọc. “Ông bạn hiểu tôi nói gì chứ, lão dê này? Một phương thuốc giúp ông khỏe như hồi ông hai mươi.” Mọi người xung quanh bàn bắt đầu ngừng nói chuyện và quay ra nhìn. Bison liếm môi và vẫy tay: “Cái gì đó khiến chị em sung sướng? Ê!” Ông ta nói và huých tôi. “Cô em cũng thích thế đứng không nào? Cô em chỉ thích một chàng hai mươi có khả năng ‘đứng thẳng lên’ đứng không nào?” Ông ta đứng dậy rồi lại loạng choạng ngã xuống bàn làm một chiếc đĩa rơi xuống đất vỡ tan. “Đó là cái mà tôi muốn, tôi muốn đứng thẳng dậy như ông Fuyuki! Như ông bạn *onni san* của tôi, tôi muốn được trường sinh!”

Người ngồi bên cạnh khẽ chạm vào tay áo của ông ta, người khác thì đặt một ngón tay lên môi ra hiệu. “Tôi muốn được đứng thẳng lên như ngày

xưa, cương cứng như hồi mười tám, ôi hãy nói cho tôi biết, *kami sama*, như thế có phải là đòi hỏi hơi quá không?” Bison ngậm nga hát những lời này, một tay đặt trên ngực.

Khi không thấy ai cười, ông ta dừng lại giữa chừng, miệng cứng lại. Tất cả mọi người đều ngừng nói, người đàn ông tóc đuôi ngựa thậm chí chẳng buồn ngược mắt lên nhìn ông ta mà chỉ ngồi im, môi mím lại, ngón trở và ngón cái đặt trên môi. Nụ cười của Bison biến mất. Ông ta giơ hai tay lên với một cử chỉ như muốn nói: *Sao vậy, tôi đã nói gì vậy?* Nhưng người đàn ông buộc tóc đuôi ngựa đã bỏ tay xuống và đang giả vờ kiểm tra móng tay của mình như không hề có chuyện gì xảy ra. Ai đó bối rối hắng giọng, rồi như thể nhận được tín hiệu, các cuộc trò chuyện lại bắt đầu trở lại. Bison nhìn quanh bàn: “Có chuyện gì vậy?” Ông ta nói giữa những âm thanh ồn ã xung quanh. “*Có chuyện gì vậy?*” Nhưng không ai chú ý đến ông ta, họ đều quay về hướng khác, tìm thứ gì đó thú vị hơn để nhìn, điều gì đó quan trọng hơn để nói, lắc lắc cốc rượu, nuốt cạn trong cổ họng, châm xì gà.

Ngỡ ngàng một lúc, Bison cũng chậm chạp ngồi xuống. Ông ta nhặt một chiếc khăn ẩm đưa lại gần mặt và thở dòn. “Lạy Chúa,” ông ta thì thào, hạ thấp chiếc khăn xuống và lo lắng nhìn về phía bóng của mục Y Tá in trên tường. “Không thể nào...”

“Ông ta nói gì vậy?” Irina nghiêng người về phía tôi hỏi.

“Tôi không biết, tôi không hiểu ông ta nói gì,” tôi lẩm bẩm, không nhìn cô.

Chẳng bao lâu sau các câu chuyện lại trở nên rôm rả. Fuyuki từ từ hồi phục. Cuối cùng, ông ta lấy khăn lau miệng và gói chiếc ly vào một cái khăn và bỏ vào trong túi, ngẩng đầu lên nhìn trần nhà. Cánh đàn ông tiếp tục chuyện trò còn các cô gái thì tiếp đồ uống, không ai nhắc tới chuyện vừa xảy ra trước đó. Chỉ có Bison là không tham gia vào bất cứ cuộc đối thoại nào, ông ta ngồi ngây ra, thỉnh thoảng lại liếc nhìn chiếc ly cộm lên trong áo khoác của Fuyuki hay nhìn về cái bóng đầy đe dọa của mục Y Tá. Hai má ông ta nhóp nhóp mồ hôi, mắt đẫm nước và suốt buổi tối yết hầu của ông ta cứ nhói lên một cách đau đớn như thể ông ta đang bị bệnh.

**史 Nam Kinh, mừng chín tháng Mười hai năm 1937 (mùng bảy tháng Mười một theo lịch của Thu Kim)**

Cả thành phố đang rơi vào cảnh bán loạn. Tuần trước, quân Nhật đã chiếm đóng Tô Châu, Venice của Trung Quốc và bắt đầu tiến về phía Bắc Thái Hồ. Họ hành quân thần tốc, tạo thành một vòng cung quanh sông Dương Tử và tiến vào Nam Kinh từ phía Bắc vì bốn hôm trước Chiết Giang cũng đã thất thủ. Tướng Đường đã thề sẽ làm tất cả để bảo vệ chúng tôi nhưng người dân không hề tin tưởng vào ông, cho nên tất cả những ai có thể sơ tán thì đều bắt đầu rời khỏi thành phố. “Lại giống với cuộc xâm chiếm của quân Thái Bình thôi,” họ thì thầm. Những chiếc xe tải cao ngồn ngồn lặc lè ra khỏi thành phố, những người không có tiền bám vào hai bên thành xe, lắc lư. Tôi cứ thầm mong những đồ vật mà thỉnh thoảng người ta vẫn nhìn thấy rơi xuống đường từ hai bên cánh xe tải trên đường tới ga tàu ở Hạ Quan, những vật tối màu cứ đôi lần trượt ra rồi từ từ rớt xuống mặt đường đầy bụi là những vật dụng như rổ rá, hay con gà bị tụt dây chứ không phải là một đứa trẻ con hay một người dân nghèo bị ném xuống.

Hôm nay hội Chữ Thập Đỏ đã ra cảnh báo. Họ thành lập một trại tị nạn ngay trong trường đại học, không xa nhà chúng tôi lắm, ngay phía Nam đường tàu hỏa, và họ thúc giục tất cả dân thường tới đây lánh nạn để đảm bảo an toàn. Phần lớn các phòng học và văn phòng được trưng dụng làm chỗ ở. Tôi tự hỏi liệu đây có phải là một giải pháp để giải tỏa mối lo lắng của mình, một khu tị nạn, nơi chúng tôi sẽ không nhắc đến chuyện rời khỏi thành phố hay sự bất tín đối với Quốc dân Đảng; và tại đây, tôi có thể bảo vệ được Thu Kim.

Nghĩ thế, nên hôm nay, tôi lẳng lặng đi vào trại tị nạn và chứng kiến cảnh đám đông xếp hàng chật cửa ra vào, ai cũng linh kinh đồ đạc, giường

chiếu, những tiếng còi báo động không kích gầm rú trên không. Nhiều người còn mang theo cả gia súc, gia cầm, gà vịt, trâu bò; thậm chí tôi còn nhìn thấy một gia đình đang giằng co với quan chức trong trại để đòi mang theo một con lợn. Cuối cùng họ cũng đồng ý để con vật ở lại, chú lợn bị bỏ rơi, mất phương hướng, đi lãng quãng trong đám đông. Tôi lần lữa một lúc, nhìn theo con lợn cho đến khi có một người ở cuối hàng phát hiện ra nó, hét văng lên xác nhận quyền sở hữu và mang nó vào xếp hàng với mình, để rồi lại đến lượt anh ta giằng co với người gác cổng.

Tôi đứng rất lâu quan sát đám đông những người nghèo khổ đang xếp hàng vào trại, người thì ho, người thì điềm nhiên ngồi xồm xuống đi vệ sinh vào các rãnh nước. Cuối cùng tôi kéo cổ áo lên, cúi mặt bước về nhà. Không thể đưa Thu Kim tới đây được. Ở đây thì thà vượt sông Dương Tử về Phồn Dương còn hơn.

Trong hẻm, chúng tôi nằm trong số ít ỏi những người cuối cùng ở lại; chỉ có hai vợ chồng chúng tôi và mấy công nhân làm việc cho một xưởng thêu trên đường Quả Phu. Họ sống trong một khu tập thể ở đầu hẻm và rất nghèo. Chắc họ không có gia đình cũng như chỗ nào khác để đến. Đôi khi tôi lên ra đứng ở đầu đường và thử nhìn vào căn hẻm của chúng tôi với con mắt của người Nhật. Tôi tin là chúng tôi sẽ an toàn, hẻm cụt, chẳng dẫn đi đâu, và chẳng mấy ai có nhu cầu rẽ vào đoạn nhà tôi làm gì. Với những tấm rèm cửa khép kín kia thì bạn sẽ chẳng thể nào tin rằng có ai đó đang sống ở đây. Trong khoảnh sân nhỏ đằng trước và sau nhà, Thu Kim có phơi mấy sàng rau khô, còn tôi thì dự trữ củi than, dầu lạc, mấy tải kê và thịt khô. Thậm chí, tôi còn tích trữ cả những thứ xa xỉ phẩm như một sọt cua khô. Tôi hy vọng mình đã chuẩn bị đầy đủ. Tôi còn hẵn mấy thùng nước dự trữ theo kiểu cổ bởi không thể tin được vào công ty cấp nước còn nước giếng trong nhà thì không an toàn.

Khi ngồi viết những dòng này trong thư phòng với cửa sổ mở toang, tôi nhìn thẳng vào con phố phía dưới, và tôi đã thấy gì? Một người phụ nữ đang kéo một chiếc xe thò về phía cổng Thượng Nguyên. Chiếc xe chất đầy chăn nệm, đồ đạc và các bao tải đậu nành. Nằm trên cùng là xác một người đàn ông, gần như trần truồng. Có thể đó là chồng bà ta, cũng có thể là một người họ hàng chưa có tiền mai táng. Hãy nhìn cảnh tượng đó xem. Mọi người trở nên rồ dại hết cả rồi hay sao? Muốn bỏ thành phố này tới mức không thềm chôn người chết ở đây nữa?

## 史 Nam Kinh, mừng mười tháng Mười hai năm 1937

Dưới khuỷu tay tôi có hai tấm thẻ nhỏ nhắn. Thẻ tị nạn. Cho tôi và Thu Kim. Khi người Nhật tiến vào thành phố, chúng tôi sẽ ghim chúng lên quần áo. Tôi vừa đi lấy chúng sáng nay tại hội Chữ Thập Đỏ. Khi rảo bước về nhà dưới trời nắng, tôi bỏ mũ ra. Một giảng viên trong trường đã bảo tôi làm thế. Anh ta không ở lại Nam Kinh mà đi về phía thượng nguồn sông Dương Tử, hy vọng đến được Trùng Khánh hay Chiết Giang. Khi chúng tôi chia tay, anh ta chăm chú nhìn tôi và nói, “nếu anh ra ngoài khi trời đang nắng thì đừng đội mũ. Hãy để cho trán anh râm nắng. Tôi nghe nói họ sẽ lột mũ dân thường ra xem, và nếu thấy trán ai nhọt nhọt thì họ sẽ bắt người đó vì nghi là quân nhân.”

“Nhưng chúng ta đúng là dân thường mà,” tôi nói.

“Đúng vậy, đúng vậy,” anh ta nói và nhìn tôi với ánh mắt như thương hại.

“Chúng ta là dân thường,” tôi nhắc lại khi anh ta đã bỏ đi rồi. Tôi đành phải hét với theo: “Nếu người Nhật biết chúng ta là dân thường, họ sẽ để chúng ta yên.”

Tôi đứng trơ ra một lúc, tim đập thành thịch vì tức tối khi thấy anh ta từ từ biến mất sau khúc quặt. Mãi một lúc sau tôi mới rời khỏi chỗ đó. Đi được vài bước tôi bèn liếc lại phía sau. Khi thấy khuôn viên trường học đã khuất, tôi liền lột mũ xuống cất vào trong túi và đi đầu trần về tới tận nhà, mặt hướng về phía mặt trời, những lời mẹ tôi nói lại văng vẳng bên tai: “Con trai, hãy hướng về phía mặt trời. Hãy nhớ rằng cuộc đời thật ngắn ngủi. Hãy luôn hướng về phía mặt trời bất cứ khi nào có thể.”



Đêm đó, tuyết bắt đầu rơi. Tôi trần trọc suốt đêm, Thu Kim nằm im lặng bên cạnh tôi. Cô ấy bắt đầu phải nằm nghiêng khi ngủ vì bụng đã lùm lùm, thỉnh thoảng lại cọ những ngón chân lạnh ngắt vào chân tôi. Những ngày này, cô ấy trở nên lặng lẽ, đến mức dường như không tồn tại, như thể một lúc nào đó cô ấy sẽ tự dung biến mất và thay vào chỗ của cô ấy là một đứa trẻ. Có lẽ cô ấy nghĩ đây là thời gian vô cùng quan trọng, khi con của chúng tôi bắt đầu tiếp xúc với những yếu tố cơ bản tạo nên sức mạnh của con người, tình yêu thương, lòng trắc ẩn, chân lý và sự công bằng. Có thể cô ấy cho rằng cần phải yên lặng và tập trung để những yếu tố trên xuất hiện trong trạng thái hoàn hảo nhất. Cô ấy không nhắc đến chuyện sơ tán nữa. Cô ấy chỉ thỉnh thoảng hỏi tôi: “Trùng Minh, chuyện gì đang xảy ra ở phía Đông thế?” Và lần nào tôi cũng không biết trả lời cô ấy ra sao, đành nói dối: “Không có gì. Không có gì. Mọi chuyện vẫn bình thường. Tướng Đường vẫn đang kiểm soát được tình thế.”

Sáng nay, khi chúng tôi kéo rèm phía sau giường ngủ, hơi nước đã đọng đầy cửa sổ và bên ngoài tuyết phủ đầy mặt đất. Thường thì vào buổi trưa, sẽ có những người kéo xe đi dọn tuyết nhưng hôm nay cả Nam Kinh yên lặng một cách kỳ lạ. Chỉ có xe quân sự đi lại trên đường phố và khi tôi ra khu chợ gần phệ tích cung điện nhà Minh để mua khóa cửa và đinh vít để làm hàng rào xung quanh nhà thì chỉ có lèo tèo vài người đứng bán hàng, tuyết reo tí tách trên những chiếc bếp than dùng để sưởi ấm của họ. Tôi mua mấy chiếc then cài cửa với giá cắt cổ, đắt gấp mười lần ngày thường nhưng dường như người bán hàng cũng chả khó khăn gì trong việc tiêu thụ chúng.

“Ông Sử!”

Tôi quay lại và ngạc nhiên khi thấy Lưu Nhuận Đức, một giáo sư văn học ở trường đại học Thượng Hải. Tôi chỉ mới gặp ông ta có một lần và không thể đoán ra được là ông ta đang làm gì ở đây, trong một khu chợ ở Nam Kinh.

Tôi chấp tay cúi đầu chào ông ta. “Thật bất ngờ khi được gặp ông ở đây, ở Nam Kinh,” tôi nói.

“Tôi cũng bất ngờ khi được gặp ông ở đây, ông Sử.” Ông ta mặc chiếc áo dài truyền thống, hai tay khoanh lại dưới tay áo rộng thùng thình với một chiếc sưởi than nhỏ, và trên đầu đội một chiếc mũ phương Tây có dải băng to màu xám rất không thích hợp. Ông ta rút chiếc sưởi than ra khỏi

tay áo đặt xuống đất để thực hiện nghi lễ chào hỏi. “Thật bất ngờ khi gặp được ai đó. Tôi cứ tưởng toàn bộ giáo viên của trường đại học Giang Tô đều đã rời thành phố.”

“Ồ, không. Không. Tôi thì không.” Tôi siết chặt cổ áo khoác, giọng cô tỏ ra tự nhiên như thể lúc nào tôi cũng quyết tâm ở lại Nam Kinh. “Vợ tôi đang có bầu. Cô ấy cần phải ở đâu đó gần bệnh viện hay trung tâm y tế ở thành phố. Một chỗ nào đó thật tốt, có các phương tiện khám chữa bệnh hiện đại nhất.” Thịnh thoảng, tôi lại đập đập chân xuống tuyết như thể tôi đang cố giữ âm chứ không phải đang bồn chồn lo lắng. Khi thấy ông không nói gì, tôi nhìn ra đường phố hiu hắt xung quanh và hỏi khẽ: “Sao, ông có nghĩ là tôi hơi đại dột không?”

“Đại dột ư?” Ông ta nhìn qua vai tôi về phía Đông, xuyên qua những mái nhà lợp tôn, về đêm chiếu tư lự. Một lúc sau ông thay đổi vẻ mặt, má hơi ửng lên, ông nhìn tôi cười âm áp: “Không. Không đại dột chút nào. Có lẽ ngược lại là khác.”

“Ngược lại là khác?” Tôi nhìn ông ta, tim đập nhanh hơn.

“Đúng vậy. Đúng là có nhiều người không có niềm tin vào tổng thống, nhiều lúc dường như cả dân tộc này đều đã mất niềm tin vào ông. Ai cũng bỏ chạy vào sâu trong lục địa. Nhưng tôi thì sao? Tôi cũng đã quyết rồi. Tôi thừa nhận là tôi đã chạy khỏi Thượng Hải, nhưng những ngày bay nhảy đã qua rồi.”

“Có người cho rằng thế của tướng Đường rất yếu và ông ta không phải là người tận tụy với dân với nước. Ông nghĩ sao về những ý kiến này? Một số người còn nói người Nhật sẽ giẫm qua xác ông ta, người khác thì cho rằng họ sẽ chiếm thành phố và xông vào từng nhà để chém giết.”

“Nếu ông hỏi tôi thì tôi phải nói là có nhiều người rất sợ thay đổi. Do đó, những người như ông, như tôi, giáo sư Sử a, cần phải vững vàng. Phải quên đi cái quốc gia hèn nhất, lạc hậu mà chúng ta đã bỏ lại phía sau để thể hiện lòng tin đối với thành phố của chúng ta, với vị tướng quân mà tổng thống đã lựa chọn. Nếu không, chúng ta sẽ làm gì chứ? Trở thành một lũ hèn nhất ư? Bên cạnh đó, quân đội Quốc dân cũng đã mưu tính hết rồi. Ông thử nhìn phía đằng kia xem, sau cổng thành phía Đông. Ông có nhìn thấy khói không?”

“Có.”

“Nhà cửa bị đốt cháy bên ngoài thành Đông. Chính là người của chúng ta đấy. Với những ai nói rằng Tưởng Giới Thạch không có chính sách quân sự gì cả, thì hãy cho họ chứng kiến cảnh này: chính sách tiêu thổ. Để quân Nhật không tìm thấy gì cả, không lương thực, không nước uống khi hành quân, chúng sẽ mau chóng thất bại thôi.”

Lòng tôi như voi đi đợc nghìn cân. Đột nhiên, sau tất cả những âu lo này, tôi cảm thấy mình như đợc minh oan, rằng tôi không chỉ có một mình. Chúng tôi đứng đó, dường như vừa bắt chợt trở thành hai người bạn vong niên. Chúng tôi say sưa trò chuyện cho đến khi tuyết rơi ướt cả hai vai, và cho đến khi giữa cuộc chuyện trò, chúng tôi phát hiện ra rằng gia đình của ông cũng đang ở đây, và trùng hợp thay, không cách nhà của chúng tôi bao xa. Thế là chúng tôi quyết định tới nhà ông để tiếp tục câu chuyện. Chúng tôi khoác tay nhau một cách thân ái và dạo bước về phía nhà của Lưu Nhuận Đức, một ngôi nhà tranh một tầng đơn sơ, mái làm bằng cao lanh, không có sân, cũng không có điện. Ông Lưu sống ở đó với vợ và một cậu con trai hơn mười tuổi. Đó là một cậu bé gầy guộc, đen nhẻm, vừa chào tôi vừa đưa tay dụi mắt.

Ông Lưu mang từ Thượng Hải về đây khá nhiều đồ ngoại nhập xa xỉ như sữa hộp, thuốc lá Pháp, mà chúng tôi vừa nói chuyện vừa hút như hai nhân vật trí thức thượng lưu Paris. Đầu mùa hè, có tin đồn ông Lưu đã khóa cửa nhà ở Thượng Hải, gửi vợ con về Nam Kinh còn ông thì ở lại trường đại học, ngủ trong giảng đường để làm việc đợc thêm chừng nào hay chừng ấy. Cuối cùng khi thành phố đã thất thủ, ông trốn thoát bằng cách nấp trong thùng rác trong bếp trường đại học và bỏ chạy về Nam Kinh, hòa vào dòng người đi sơ tán ngay phía trước quân đội Nhật. Khắp nơi chỉ thấy thuyền bè, ghe tam bản nguy trang bằng lau sậy, chật cứng người sơ tán.

“Khi tôi tới Tô Châu, tôi nhìn thấy lính Nhật đầu tiên. Tôi thấy chúng nhảy âm âm qua các con kênh như bọn quỷ dữ, những khẩu súng lưởi lê *arisakas* sáng loáng trên lưng. Chúng cực kỳ lạnh lẽ, không gì có thể ngăn cản chúng đợc. Cái *lũ quỷ dữ đội lốt người* đó.”

Nghe những chuyện đó, tôi bắt đầu cảm thấy hơi bất an. Ở đây, trong nhà mình, Lưu Nhuận Đức có vẻ thiếu dũng khí và sự hăng hái hơn so với

lúc ở trên phố. Thỉnh thoảng ông lại lấy tay xoa mũi và lo lắng nhìn ra ngoài cửa sổ. Tôi chợt nghĩ, bất chấp những lời đao to búa lớn, có khi ông cũng đang lo lắng như tôi.

“Ông biết không,” ông nói, nhướn mắt lên, nghiêng người về phía tôi với một nụ cười khô khốc. “Tôi thậm chí đã nhìn thấy Thượng Hải, cả thành phố Thượng Hải trôi vào nội địa, trôi qua đồng bằng vào nội địa.”

“Thượng Hải? Làm gì có chuyện ấy?”

“Ông nghĩ tôi điên chứ gì? Hay đang ngủ mơ. Nhưng đó là sự thực. Tôi đứng trên sườn núi và nhìn thấy cả Thượng Hải trôi vào nội địa.”

Tôi cau mày. “Tôi không hiểu.”

“Biết ngay mà, cái vẻ mặt này!” Ông phá lên cười. “Tôi cũng có vẻ mặt y hệt như thế này khi chứng kiến chuyện đó. Phải mất một lúc tôi mới tin là tôi không bị điên. Ông có biết chính xác là tôi nhìn thấy cái gì không?”

“Không.”

“Tôi nhìn thấy sự bán loạn của dân chúng Thượng Hải. Họ tháo dỡ cả tòa nhà, các nhà máy, xưởng sản xuất. Ông có tưởng tượng được không? Họ di chuyển mọi thứ vào nội địa bằng tàu thủy, thuyền mảnh theo hướng Tây Nam, về Trùng Khánh. Tôi thấy tàu bè bồng bềnh trên sông Dương Tử, trên chõ cả một nhà máy dệt.” Ông đưa tay ra, bắt chước chuyển động bập bềnh tươi vui của một con thuyền nơi chân trời. “Cả Thượng Hải bơi lên thượng nguồn về phía Trùng Khánh.”

Ông mỉm cười với tôi như đợi một lời bình luận nhưng tôi chỉ im lặng. Có gì đó không ổn. Trước đó, bà Lưu đặt lên bàn một chiếc bánh hạt dẻ. Nó được trang trí với một chữ cát tường bằng lòng trắng trứng gà, và giờ thì mắt tôi chạm vào cái con chữ quen thuộc đó. Tôi nhìn về phía hành lang bà đang ngồi rồi quay trở lại với chiếc bánh. Ngẫm lại thái độ của bà trước đó và cái cách bà rút lui vào một chỗ, tôi chợt hiểu ra tất cả.

Dĩ nhiên rồi. Dĩ nhiên rồi. Giờ thì tôi đã nhận ra. Tôi nhìn sang giáo sư Lưu, nhìn về mặt khổ sở, mái tóc muối tiêu của ông và hiểu ra rằng ông cũng đang phải đấu tranh với vợ mình y như tôi với Thu Kim. Không nghi

ngờ gì nữa, ông cũng sợ quân Nhật nhưng ông còn sợ các tín ngưỡng mê tín dị đoan hơn. Chúng tôi ở trên cùng một sàng, ông Lưu và tôi, và không giống trong ngăn ngủ, chúng tôi vừa đồng sàng vừa đồng mộng.

“Già Lưu ơi,” tôi lầm nhảm, ngồi sát về phía ông, tay gõ gõ lên bàn, cảm thấy điều tôi sắp nói ra thật không dễ dàng. “Xin hãy tha thứ cho tôi. Tha thứ cho tôi vì đã không hiểu ý già. Lúc này già có nói là không có gì phải sợ bọn Nhật.”

Khi tôi nói thế, vẻ mặt của ông chợt thay đổi. Mặt ông đỏ bừng lên, ông lấy tay dụi mũi liên tục như để ngăn một cơn hắt xì hơi. Ông ngồi thẳng lưng trên ghế, khẽ liếc mắt về phía bà vợ rồi nói: “Đúng, đúng vậy, đó chính là điều tôi muốn nói.” Ông giơ một ngón tay lên với vẻ trách cứ. “Chúng ta sẽ phải cố gắng hết sức để nhớ tới điều này, những ai nghi ngờ Quốc dân Đảng luôn nhìn theo chúng ta để được tiếp thêm niềm tin. Phải giữ vững niềm tin, thầy Sử ạ, hãy giữ lấy niềm tin. Chúng ta *đang* làm đúng.”

Khi tôi bước xuyên qua tuyết để về nhà, tôi cố ngẩng cao đầu. *Giữ lấy niềm tin, chúng ta đang làm đúng.* Nhưng tôi lại nhớ đến một chi tiết khác trong cuộc gặp của tôi với ông Lưu khiến tôi chợt dạ. Khi chúng tôi đứng nói chuyện ở chợ, tôi để ý thấy phụ nữ ở Nam Kinh đều phải cải trang. Trong lúc trò chuyện, tôi đã nhìn qua vai vị giáo sư già và thấy họ, tôi gần như đã quên mất chuyện đó cho tới tận lúc này. Họ vẫn đi chợ như thường lệ, nhưng tất cả đều quàng khăn kín mít, mặt bôi đầy bụi than đen sì. Khi họ bước đi, họ hơi còng lưng xuống như những bà già, dù tôi biết nhiều người trong số đó còn rất trẻ.

Tôi chợt cảm thấy tức giận. Tôi biết họ sợ gì khi rơi vào tay quân Nhật. Họ đang trốn tránh, lẩn vào trong như con gấu ngủ đông, tan biến trong chính bản thân mình. Nhưng điều này phải xảy ra ư? Dân tộc Trung Hoa phải đổi màu ư? Người Trung Quốc chúng tôi, cả một dân tộc, một quốc gia hèn nhất, lạc hậu, chúng tôi đang tan biến vào chính đất đai của mình. Chạy và trốn như những con tắc kè hoa giấu mình trên các vách đá tại sa mạc Gobi. Chúng tôi thà tan biến và chui xuống đất còn hơn là đứng thẳng lên và nhìn thẳng vào quân Nhật.



Jason nói ngôi nhà trước đây thuộc về mẹ của chủ nhà nhưng bà ta ốm rất nặng và có lẽ còn hơi bị điên nữa nên đã để tầng trệt ngôi nhà rơi vào tình trạng đổ nát, không thể ở được. Các cửa sổ chỉ chít muỗi và theo lời của Svetlana thì dưới đó còn có các bóng ma. Cô bảo người Nhật tin vào một sinh vật lạ, một loại yêu tinh có cánh gọi là ma núi Tengu, chuyên đi bắt cóc người và có thể bay đập dòn như con ngài. Svetlana thề là cô ấy đã từng nghe thấy tiếng sột soạt ở trong vườn và nhìn thấy vật gì đó đi xuyên qua các cây hồng đỏ. “Suýt,” cô ấy nói, đột ngột dừng lại một cách đầy kịch tính giữa câu chuyện, đưa tay lên môi ra hiệu: “Mọi người có nghe thấy gì không? Ở phía dưới cầu thang ấy?”

Jason phá ra cười. Irina thì tế nhị hơn một chút. Còn tôi chẳng nói gì. Về chủ đề ma quỷ thì tôi không quan tâm. Tôi yêu thích ngôi nhà này vì những nét rất riêng của nó. Tôi nhanh chóng trở nên thân quen với những bức tường tróc lở, những căn phòng bụi bặm, khép kín, những chiếc sưởi điện *kotatsu* cũ kỹ xếp hàng trong nhà kho. Nhưng đôi khi, nằm trong phòng của mình, ngay kề với khu vực cấm trong ngôi nhà tôi lại có cảm giác như mình đang ở trong ranh giới phòng vệ cuối cùng. Phòng vệ chống lại cái gì thì tôi không biết. Những con chuột cống? Sự trống trải? Tôi cũng không chắc nữa. Tôi đã sống một mình quá lâu nên tôi cũng nhanh chóng quen với khoảng không bao la, trống trải đè nặng lên những bức tường phòng ngủ của mình. Dầu vậy, vẫn có những đêm ở Takadanobaba, tôi giật mình choàng tỉnh giữa đêm khuya, sợ cứng cả người vì tin rằng ai đó vừa bước qua trước cửa phòng tôi.

“Ồ đây có cái gì đó đang đợi,” Sử Trùng Minh nói khi trông thấy ngôi nhà lần đầu tiên. Ngay sau hôm băng đảng của Fuyuki kéo đến hộp đêm thì ông gọi điện cho tôi nói là muốn gặp tôi. Đó chính là cái mà tôi thích, cách lựa chọn từ ngữ của ông: *ông muốn gặp* tôi. Trong khi ông trên đường từ Tokyo tới Takadanobaba thì tôi cuống cuống dọn dẹp nhà cửa, mua trà và bánh ngọt để đón tiếp. Lúc này, ông đang đứng trên ngưỡng cửa với vẻ khắc

khổ thường ngày, đôi tay buông thõng xuống hai bên, mắt nhìn chăm chú vào hành lang tối lơ mờ. “Ở đây có cái gì đó đang chờ được khám phá.”

“Đây là một ngôi nhà rất cổ.” Tôi nói trong khi lúi húi pha trà trong bếp, trà xanh với những chiếc bánh đậu xanh *mochi* gói trong giấy bóng kính. Tôi hy vọng ông không nhìn thấy vẻ bối rối của tôi. “Giả như tôi có thể nhìn thấy ngôi nhà lúc nó vừa được xây xong. Ngôi nhà này đã sống sót sau trận động đất Kanto và thậm chí cả những đợt ném bom sau này. Hẳn có rất nhiều chuyện đã xảy ra ở đây. Rất nhiều.”

Tôi xếp những chiếc bánh *mochi* màu vàng nhạt vào trong một chiếc khay sơn mài nhỏ, khẽ kéo lớp giấy bọc ra một chút trông giống như cánh hoa đang hé nở để lộ những nhụy hoa đầy đặn. Tôi chưa chuẩn bị đồ ăn Nhật bao giờ và tôi không thể biết được Sứ Trùng Minh có đánh giá cao chuyện đó không nhưng vì muốn mọi chuyện được tiến hành theo đúng nghi lễ chứ không bừa bãi vô tội vạ nên tôi đã dành khá nhiều thời gian để chọn một góc trên chiếc khay cho bình trà. Người Nhật nói rằng đàn ông ăn bằng mắt trước. Mọi thứ phải được sắp xếp một cách cẩn thận, từng đồ vật phải được đặt đúng chỗ, tương thích với vật đứng bên cạnh nó tới từng chi tiết. Bên cạnh ấm trà tôi đặt hai chiếc tách nhỏ kiểu Nhật, đúng hơn là hai chiếc bát con bằng đất nung. Tôi bê chiếc khay ra khỏi bếp và thấy Sứ Trùng Minh đang đứng trước cửa sổ, giơ hai tay lên như để hứng lấy ánh mặt trời. Ông có vẻ như đang tập trung cao độ.

“Ông Sứ?”

Ông quay lại nhìn tôi. Trong ánh sáng lơ mờ của hành lang, trông ông có vẻ xanh xao. “Bên dưới cửa sổ này là gì?”

“Là một khu vườn, ông có thể mở cửa sổ ra.”

Ông do dự một lúc rồi mở cánh cửa chớp, nhìn ra bên ngoài chiếc cửa sổ đầy bụi. Dưới ánh mặt trời chói lòa, cả khu vườn lặng yên như đang nín thở, không có bất cứ vật gì chuyển động trong cái nắng bức bối, gay gắt bất thường này. Cây cối và đám dây leo trông bụi bặm và kỳ ảo. Sứ Trùng Minh đứng đó rất lâu khiến tôi không dám chắc là ông có còn thở hay không nữa. “Nếu có thể, tôi muốn được ra ngoài vườn. Hãy dùng trà ở ngoài đó.”



Tôi chưa bao giờ đặt chân xuống khu vườn. Thậm chí tôi còn không chắc có đường xuống đó hay không. Hai chị em người Nga đều đã đi mất nên tôi đành phải đánh thức Jason dậy để hỏi. Anh ta xuất hiện ở cửa vừa ngáp vừa nhăn nhó, chụp vội một chiếc áo thun qua đầu rồi nhét một điều thuốc vào miệng. Anh ta nhìn Sử Trùng Minh từ đầu đến chân không nói gì rồi nhún vai. “Ồ. Chắc chắn rồi. Có đường xuống đây.” Anh ta dẫn hai chúng tôi tới trước một căn phòng chỉ cách phòng ngủ của tôi hai phòng. Cửa phòng không khóa, bên trong là một cầu thang bằng gỗ nhỏ.

Tôi rất ngạc nhiên. Tôi không hề biết là có cầu thang dẫn xuống vườn. Tôi cứ tưởng tất cả tầng trệt đều bị khóa kín. Thế nhưng, ở đây, phía dưới chân cầu thang tối om, lại có một căn phòng nữa, không có đồ đạc gì cả ngoài mấy chiếc lá chết khô trên sàn đá. Trước mặt chúng tôi là một cửa chắn bằng giấy *shoji* thủng lỗ chỗ màu xanh lá cây do mặt nước ao ngoài vườn hắt lên. Sử Trùng Minh và tôi đứng nhìn tấm chắn một lúc.

“Ngoài đó chắc không có chỗ nào để ngồi,” tôi nói.

Sử Trùng Minh chạm tay vào tấm chắn. Từ phía sau nó vang lên một âm thanh ù ù như tiếng máy phát điện công suất nhỏ, có lẽ là từ một trong những chiếc máy điều hòa nhiệt độ ở bên Tòa nhà Muối. Sử Trùng Minh dừng lại một lúc rồi quyết định kéo tấm chắn ra. Tấm màn han gỉ khựng lại một chút rồi đột ngột chuyển động, được đẩy ra phía sau, mở ra trước mắt chúng tôi một khu vườn xanh ngắt, trông giống như một khu rừng rậm nhiệt đới. Chúng tôi đứng im nhìn ra bên ngoài. Một cây đậu tía cuộn cuộn chắc nịch như cổ tay của một chiến binh, già cỗi tới mức hoa không mọc ra được nữa, rễ cành chằng chịt đan thành một chiếc lồng khổng lồ ngay trước ngưỡng cửa. Rêu và các loại cây leo nhiệt đới cuốn quanh nó, ruồi muỗi ẩn nấp trong các hốc tối bên trong, những cây hồng đỏ và cây thích mọc um tùm, rêu phong và hoa thường xuân kết thành tràng xung quanh.

Sử Trùng Minh bước ra vườn, khá nhanh nhẹn với cây gậy của mình, ánh sáng chiếu thành những mảng lốm đốm màu xanh và vàng trên gáy ông. Tôi bước theo sau một cách thận trọng, cố giữ cho chiếc khay được thăng bằng. Không khí đặc quánh vì nóng, tiếng côn trùng ra rả và mùi nhựa cây hăng hắc. Một con bọ có cánh to tương lao vụt ra từ phía dưới chân tôi, trông giống như một con chim nhân tạo rồi bay vù vù ngay trước mặt. Tôi lùi lại phía sau một bước để tránh khiến một ít trà sánh ra ngoài

khay, nhìn con bọ lượn qua trước mặt theo hình xoáy tròn ốc rồi bay lên cành cây, cánh kêu lách cách như tiếng pha lê hay tiếng kim khí. Giờ nó ngồi chồm hồm ngay phía trên đầu tôi, to như một con chim hồng tước, đôi cánh màu hạt dẻ bóng lộn xò ra và đập vù vù, chính là tiếng động tôi tưởng nhầm là máy phát điện lúc trước. Tôi nhìn nó chăm chăm, tim bắt đầu đập rộn ràng. *Semi-no-koe* của nhà thơ Basho, tôi nghĩ. Tiếng ve kêu. Thứ âm thanh lâu đời nhất ở Nhật Bản.

Ở phía trước, Sứ Trùng Minh đã tìm thấy một khoảng đất trống. Tôi đi theo, bước ra giữa trời nắng chang chang, vừa hất đám mạng nhện bám đầy cánh tay xuống đất vừa nheo mắt nhìn Tòa nhà Muối màu trắng lấp lánh in trên nền trời xanh biếc. Khu vườn này hóa ra rộng hơn tôi tưởng. Phía bên tay trái tôi là một khu bùn lầy với một ao sen ngập ngụa lá mục, từng đàn muỗi bu quanh cái bóng của một cây gỗ thích khổng lồ trải dài trên mặt ao.

Sứ Trùng Minh dừng lại cạnh ao sen, giữa đám phế tích hoang tàn rêu phong của một khu vườn đá Nhật Bản. Ông nhìn quanh quất như đang tìm cái gì đó, giống như một người đàn ông vừa để con chó cưng lạc mất trong rừng, và đang cố gắng kiếm tìm bóng dáng nó từ ngoài bì rừng. Ông có vẻ tập trung tới mức khiến tôi cũng tò mò nhìn theo. Tôi chỉ thấy lờ mờ thấp thoáng sau bụi tre là lớp lưới bảo vệ màu đỏ trên các ô cửa sổ tầng trệt, một chiếc cầu cảnh xập xệ dẫn tới ao sen, không hiểu Sứ Trùng Minh đang bị hấp hồn bởi cái gì. Tôi nhìn vào mắt ông, dõi theo đường đi của chúng một lần nữa và dừng mắt tại một chiếc đèn lồng đá ở bên cạnh ao sen, cạnh nó là một chiếc ghế băng bằng đá.

“Ông Sứ?”

Ông khẽ cau mày và lắc đầu. Rồi như choàng tỉnh, ông quay sang nhìn tôi, lúc này mới phát hiện ra tôi đang bung khay trà liền giờ tay ra đỡ. “Để tôi cầm cho, hãy tìm chỗ nào ngồi và uống trà.”

Tôi tìm thấy mấy cái ghế gỗ ẩm ướt, mốc meo. Chúng tôi ngồi trong bóng râm ngay bên rìa khu vườn đá, tránh ánh mặt trời chói chang. Trời nóng đến mức tôi phải làm mọi thứ một cách từ tốn, rót trà vào chén và đưa cho Sứ Trùng Minh một chiếc bánh *mochi* để trên một đĩa sơn mài nhỏ. Ông đón lấy nó, nhìn ngó một lúc trước khi dùng nữa rạch một đường ở giữa chiếc bánh, cắt làm đôi. Bánh *mochi* tằm bột có màu nhạt nhưng bên trong

nhân bánh màu đỏ tía, trông giống như miếng thịt sống nằm giữa lớp vỏ màu da. Về mặt của Sử Trùng Minh lập tức thay đổi khi ông nhìn thấy nhân bánh, tôi thấy ông do dự một lúc rồi lịch sự xắn một miếng nhỏ xíu bỏ vào miệng. Ông nhai một cách chậm rãi, nuốt miếng bánh một cách khó nhọc như sợ phải ăn nó.

“Trông cô có vẻ vui hơn lần đầu tôi gặp cô,” cuối cùng ông lên tiếng sau khi uống một ngụm trà và lấy khăn mùi soa chấm miệng. “Thế nào? Ở Tokyo cô có vui không?”

“Vui ư? Tôi cũng không biết nữa, tôi chưa hề nghĩ tới điều này.”

“Cô có chỗ ở,” ông chỉ tay lên tầng, nơi những đám mây đang soi mình trong ô cửa sổ bằng kính bụi bặm. “Một nơi an toàn để sống. Và có đủ tiền để tiêu.”

“Đúng vậy.”

“Cô thích công việc của mình chứ?”

Tôi nhìn chiếc đĩa. “Có vẻ thế.”

“Cô làm việc trong một hộp đêm à? Cô nói cô làm việc buổi tối mà.”

“Tôi làm tiếp viên trong hộp đêm. Chả hay ho gì.”

“Tôi biết. Tôi có biết một chút về những hộp đêm này. Tôi không phải một ông già không thèm để ý đến sự đời như vẻ bề ngoài. Thế cô làm việc ở đâu, có hai khu vực chính, Roppongi và Akasaka.”

“Yotsuya.” Tôi vẫy tay về một hướng mơ hồ nào đó. “Trong một tòa nhà lớn ở Yotsuya. Tòa nhà màu đen.”

“À, có, tôi có biết.” Ông nói về đăm chiêu.

Có điều gì đó trong giọng nói của ông khiến tôi phải ngược mắt lên. Nhưng đôi mắt mờ đục của ông không nhìn tôi mà nhìn vào không trung như suy ngẫm điều gì đó hết sức mông lung.

“Giáo sư Sử? Có phải ông đến để nói cho tôi về bộ phim không?”

Ông hơi nghiêng đầu về phía tôi nhưng mắt vẫn nhìn về xa xăm. Đó không phải là một câu trả lời có, cũng không phải là câu trả lời không. Tôi đợi ông nói gì đó nhưng trong một thoáng, ông dường như quên bằng sự có mặt của tôi. Rồi đột nhiên ông lên tiếng, giọng khẽ khàng. “Cô có biết che đây quá khứ thật ra không phải là ngón nghề gì ghê gớm?”

“Gì cơ ạ?”

Ông nhìn tôi vẻ đăm chiêu cứ như ông đang nghĩ về tôi chứ không phải về Nam Kinh. Tôi cũng nhìn lại ông, mặt ửng đỏ.

“Gì cơ ạ?”

“Không có gì đặc biệt cả. Chỉ là một thủ thuật giữ im lặng.”

“Tôi không hiểu ông đang nói gì?”

Ông thò tay vào túi và lôi ra một vật giống như một con sếu nhỏ bằng bao diêm làm bằng giấy *washi* màu đỏ tươi và màu tía. Đầu nó rụt lại còn cánh thì dang ra. “Hãy nhìn con chim hoàn hảo này.” Ông đặt con sếu vào tay tôi. Tôi nhìn nó chăm chú. Nó nặng hơn tôi tưởng và dường như bị cột chặt dưới đáy bằng dây chun. Tôi quay sang nhìn ông vẻ dò hỏi. Ông chỉ gật đầu, mắt vẫn không rời con sếu nhỏ. “Cứ tưởng tượng con sếu nhỏ bình thường này là quá khứ. Cứ tưởng tượng đi.”

Tôi lại nhìn xuống con sếu, vẫn chưa hiểu được ý ông muốn nói gì. Rồi tôi thấy một cái gì đó xảy ra. Con sếu đang động đậy. Tôi có thể cảm thấy cổ tay mình, rồi cả người rung lên. Đôi cánh màu đỏ tía đang rung rinh. Tôi mở miệng định nói thì con chim như nổ tung. Từ giữa con sếu bung ra một vật gì đó màu đỏ đáng sợ như trong hộp đồ chơi hình nộm. Cái đầu góm ghiếc của một con rồng Trung Hoa bật thẳng vào mặt tôi khiến tôi nhảy dựng lên và đánh rơi con sếu xuống đất. Chiếc ghế của tôi cũng bị đổ lật, và tôi đứng run lập cập nhìn xuống đất nơi con rồng lò xo bằng giấy quái đản đang co gập và xoắn lại, sợi dây chun tụt ra ngoài.

Sử Trùng Minh lấy gậy khều nó lên rồi nhét vào trong túi. “Đừng sợ, tôi không phải là ảo thuật gia.”

Tôi nhìn ông, mặt đỏ bừng, tim đập thình thịch.

“Đó chỉ là một trò trẻ con. Đừng nhìn với vẻ sừng sốt thế. Hãy ngồi xuống nào!”

Một lúc sau khi đã chắc con rồng sẽ không nhảy ra khỏi túi áo của ông nữa, tôi mới kê lại chiếc ghế và ngồi xuống, cảnh giác nhìn ông.

“Tôi chỉ muốn cô hiểu rằng nhắc tới quá khứ như là đặt một quả cầu phốt-pho dưới một bầu trời nhiều mây. Quá khứ sẽ biến đổi năng lượng. Năng lượng gió và lửa. Chúng ta cần phải tôn trọng những gì có sức công phá mạnh mẽ! Và cô đang yêu cầu xông thẳng vào quá khứ không đắn đo? Đó là một nơi vô cùng nguy hiểm. Cô phải chắc là cô thực sự muốn tới.”

“Tất nhiên là tôi muốn,” tôi nói, vẫn nhìn ông với vẻ đề phòng. “Tất nhiên là tôi muốn làm điều đó.”

“Có một vị giáo sư muốn giúp đỡ trường đại học của ông ta ở Trung Quốc,” Sử Trùng Minh bắt đầu nói, không nhìn tôi, hai tay giữ lấy tách trà, chân chụm lại. “Tôi hy vọng cô hiểu ý tôi nói. Vị giáo sư này biết được một công ty dược phẩm Trung Quốc ở Hồng Kông đang muốn hợp tác với một trường đại học để nghiên cứu về các phương pháp chữa bệnh truyền thống. Ông ta biết tầm quan trọng của việc trường đại học của ông được chọn làm đối tác trong công trình nghiên cứu này, nhưng ông ta cũng biết rằng để làm được điều đó thì trường ông phải tìm được một thứ gì đó thật đặc biệt để thu hút sự quan tâm của công ty kia.” Sử Trùng Minh ngả người về phía trước rồi hạ giọng. “Rồi một hôm, ông nghe thấy từ những nguồn rất lạ và không thể nêu danh tính tin đồn về một loại thuốc bổ vô cùng hiệu nghiệm. Người ta đồn rằng nó có thể chữa bệnh tiểu đường mãn tính, viêm khớp và thậm chí cả bệnh sốt rét.” Ông nhướng mắt nhìn tôi. “Cô có thể tưởng tượng nếu những tin đồn này là sự thực thì mọi chuyện sẽ thế nào không?”

Tôi không trả lời. Tôi vẫn chưa cảm thấy thoải mái, vẫn e ngại Sử Trùng Minh và con rồng giấy trong túi ông. Tôi cũng không biết mình chờ đợi gì ở cuộc gặp này, có thể là sự chấp thuận của ông, hay là sự ngoan cố từ chối. Cái mà tôi không mong đợi là cái vẻ tập trung cao độ xuất hiện trên mặt ông lúc này khi ông nói.

“Vị giáo sư đó hiểu rằng chỉ cần trường đại học của ông ta có thể tìm ra được thành phần của loại thuốc bổ đó thì họ sẽ có cơ hội trở thành đối tác của công ty kia. Ông ta dày công nghiên cứu và tiến hành các cuộc điều tra bí mật và cuối cùng đã lần ra dấu vết của người được cho là sở hữu loại thuốc bổ đó. Chỉ có một vấn đề duy nhất. Người này đang sống ở Nhật.”

Ông đặt ly trà xuống và ngời hơi thẳng người lên, tay đặt trên đùi giống như một đứa trẻ chuẩn bị xung tội. “Tôi đã không hoàn toàn trung thực với trường đại học Todai. Họ cho rằng tôi quan tâm đến những bài thuốc đông y truyền thống mà quân đội Nhật mang về nước. Nói rộng ra thì cũng đúng. Nhưng thực tế thì còn xa hơn thế. Tôi muốn có một chân ở đại học Todai vì một lý do: đến được Nhật Bản và tìm ra công thức của loại thuốc nói trên.”

“Ý ông nói là ông đã lừa dối. Ông lừa họ để có thể nhận được học bổng nghiên cứu.”

Ông mỉm cười thoáng chút chế giễu. “Nếu cô muốn dùng từ như thế. Đúng vậy, tôi đã lừa dối. Sự thật là tôi ở Tokyo để tìm cách đảm bảo tương lai cho trường đại học của mình. Nếu tôi có thể tìm thấy thành phần bí mật của loại thuốc đó thì mọi sự sẽ thay đổi, không phải chỉ cho riêng mình tôi mà còn cho hàng trăm người khác.” Ông mệt mỏi dụi mắt. “Tiếc rằng sự xuất hiện của tôi ở Tokyo không phải là sự kết thúc cuộc săn tìm. Đúng hơn, nó là sự mở đầu. Người đàn ông mà tôi muốn gặp là một ông già hơn tám mươi tuổi, là một trong những người đàn ông quyền lực nhất nước Nhật. Ông ta lúc nào cũng được bảo vệ bởi những người rất kín tiếng và những thông tin rò rỉ ra ngoài chỉ là các lời đồn đại và phỏng đoán. Nói một cách ngắn gọn, tôi đang húc phải một bức tường.” Sử Trùng Minh mỉm cười.

“Tôi không hiểu tại sao ông lại kể cho tôi nghe chuyện này. Tôi chẳng liên quan gì tới nó hết.”

Ông gật đầu, như thể lần này thì tôi đã đúng. “Ngoại trừ một việc là những lúc khỏe mạnh, ông ta vẫn thường lui đến các hộp đêm ở Tokyo. Và một trong những chỗ ông ta thỉnh thoảng xuất hiện chính là hộp đêm mà cô đang làm việc. Có lẽ bây giờ thì cô hiểu tôi đang nghĩ gì rồi đấy.”

Tôi dùng tách trà lại ngay trước miệng, nhìn Sử Trùng Minh và hiểu ra tất cả. Sử Trùng Minh đang nói về Junzo Fuyuki.

“Đúng không?” Ông nói có phần ranh mãnh, bắt gặp ánh mắt sừng sốt của tôi. “Sao vậy? Tôi không làm cô khó chịu đâu chứ?”

“Tôi biết ông nói đến ai. Tôi nghĩ là tôi đã gặp ông ta, Junzo Fuyuki.” Mắt Sử Trùng Minh sáng lên, thông minh và sắc sảo.

“Cô đã gặp ông ta,” ông nói, hơi vươn người về phía trước. “Linh tính của tôi đã đúng.”

“Ông ta ngồi xe lăn.”

“Đúng vậy.”

“Giáo sư Sử,” tôi hạ chiếc chén xuống, “Junzo Fuyuki là một tay anh chị, ông biết chứ?”

“Dĩ nhiên rồi. Đó là điều tôi muốn nói với cô. Ông ta là một *oyabun*, bố già của nhà Fuyuki. Ông cầm tách trà lên từ tốn dùng thêm vài hớp rồi lại đặt xuống bàn. Ông dường như lấy lại tư thế của mình, cái tư thế nghiêm túc kiểu nhà binh trước khi nói tiếp. “Giờ tôi muốn đề nghị với cô một chuyện. Fuyuki đôi khi tỏ ra thân thiện với các nữ tiếp viên ở các hộp đêm. Ông ta thỉnh thoảng tổ chức tiệc ở nhà nơi tôi chắc chắn là ông ta cất giấu thứ bí dược mà chúng ta nói đến. Ông ta thích uống rượu và tôi tin là thỉnh thoảng ông ta cũng lơ lửng việc bảo vệ. Có thể ông ta sẽ trò chuyện với cô và cô sẽ phát hiện ra được thành phần của thứ thuốc nói trên.”

“Tôi đã nhìn thấy nó. Ý tôi là tôi đã thấy ông ta uống một *cái gì đó*. Một cái gì đó... một...” Tôi nói và giơ ngón cái và ngón trỏ lên, cách nhau vài phân để diễn tả độ dài của ống thuốc thủy tinh mà tôi nhìn thấy mụ Y Tá cầm. “Một chất lỏng với thứ bột màu nâu.”

Sử Trùng Minh nhìn tôi một lúc lâu. Ông lấy tay cọ cọ vào môi như thể chúng bị nẻ. “Màu nâu?” Cuối cùng ông ta lên tiếng, cố giữ giọng bình thường.

“Không đúng như ông dự đoán à?”

“Không. Không phải vậy,” ông nói, thò tay vào túi rút ra một chiếc mùi soa lau trán. “Nó đúng y như tôi đoán. Dạng bột, cô đặc.” Ông thôi không vỗ trán nữa và đút chiếc khăn tay vào trong túi. “Giờ thì...” Ông nói, giọng bình tĩnh một cách gượng gượng. “Giờ thì, đây chính là điều cô có thể giúp tôi. Tôi cần biết thứ bột đó là gì.”

Tôi không trả lời ngay. Tôi cúi người, cẩn thận đặt tách trà xuống khay và ngồi đó, hai tay đặt trên đầu gối, hơi nghiêng người ra phía trước, vừa nhìn tách trà vừa suy nghĩ về những điều ông vừa nói. “Ông muốn nói là nếu tôi tìm ra thứ bột đó thì đổi lại, ông sẽ cho tôi xem bộ phim.”

“Đừng coi thường chuyện này. Cô không thể biết được nó nguy hiểm thế nào đâu. Nếu ai đó biết, hay nghi ngờ là tôi yêu cầu cô...” Ông giơ một ngón tay lên, vẻ mặt hết sức căng thẳng: “*Ông ta không bao giờ được biết là tôi yêu cầu cô làm việc này.* Cô không được trực tiếp hỏi ông ta. Cô phải hết sức thận trọng và tuyệt đối bí mật. Dù cho có phải mất hàng tuần, có khi hàng tháng.”

“Tôi không hỏi ông chuyện đó. Tôi nói là nếu tôi chấp nhận thì ông có cho tôi xem bộ phim đó không?”

“Cô đồng ý làm chuyện đó?”

“Ông sẽ để cho tôi xem phim chứ?”

Ông không hề chớp mắt. Vẻ mặt ông không hề thay đổi. Ông chỉ nhìn tôi vẻ lạnh lùng.

“Thế nào, ông có cho tôi xem...”

“Được,” ông đột ngột lên tiếng. “Được, tôi sẽ cho cô xem.”

Tôi ngập ngừng, miệng há hốc. “Ông sẽ cho tôi xem?”

“Đúng.”

“Có nghĩa là nó tồn tại. Nó thực sự tồn tại. Tôi không hề tưởng tượng ra nó?”

Ông thở dài, mắt hơi sụp xuống, một tay day day bên thái dương vẻ mệt mỏi. “Đúng là có cuộn phim đó,” ông lầm bầm. “Cô không hề tưởng



tượng ra nó.”

Tôi cúi đầu xuống vì không muốn ông nhìn thấy nụ cười vừa nở bùng trên mặt tôi. Vai tôi rung lên và tôi phải dùng ngón trỏ và ngón cái của mình giữ lấy hai bên cánh mũi và khẽ lắc đầu vì lòng tôi chột nhẹ bẫng, tiếng cười như đang vỡ lạo xạo trong tai tôi.

“Giờ thì cô có giúp tôi hay không?” Ông nói. “Cô có định giúp tôi không?”

Cuối cùng khi đã nhìn được cười, tôi bỏ hai tay xuống và ngược nhìn ông.

Lúc này vì một lý do nào đó mà trông ông nhỏ bé, nhẵn nhúm và yếu ớt hơn bao giờ hết trong chiếc áo jacket sờn cũ vắt trên vai. Mắt ông nhìn chăm chú, chỉ còn thấy hai đồng tử co lại, một vệt mờ hôi mờ trên sống mũi. “Cô sẽ giúp tôi chứ?”

Thật là chuyện lạ lùng. Chấp nhận một thỏa ước với một vị giáo sư già, mà với những gì tôi biết thì có thể nói là cũng mất trí hết như mọi người vẫn gán cho tôi. Phải chăng người ta vẫn hay chấp nhận làm những chuyện lạ đời chỉ để tìm thấy sự thanh thản trong tâm hồn? Chúng tôi ngồi đó, nhìn nhau rất lâu, tiếng côn trùng ong ong trong đầu tôi và trên trời, một chiếc máy bay đang hướng về sân bay Narita để lại trên nền trời xanh oi bức một làn khói trắng. Cuối cùng, tôi gật đầu. “Tôi đồng ý,” tôi khẽ nói. “Tôi sẽ làm chuyện đó.”

Ở dưới vườn cũng có cổng mở ra đường, tạo thành một đường hầm dưới tầng hai. Khi tiễn Sử Trùng Minh về vào đầu giờ chiều, tôi ngạc nhiên khi thấy chiếc khóa gì sét vẫn hoạt động và cánh cửa cũ rích đó vẫn có thể mở ra được một cách khó khăn, cho phép ông bước thẳng ra phố. “Ở Trung Quốc, chúng tôi không nghĩ về thời gian như người phương Tây. Chúng tôi tin rằng tương lai... rằng chúng tôi có thể nhìn thấy tương lai trong quá khứ.” Ông nói khi đứng bên ngưỡng cửa với chiếc mũ trên tay. Ông quay ra nhìn khu vườn một lần nữa như có ai đó thì thầm gọi tên ông. Ông giơ hai tay lên như để cảm nhận được không khí hay hơi thở của ai đó phả lên lòng bàn tay.

Tôi quay lại nhìn chăm chú vào chiếc đèn đá. “Ông thấy gì à? Sử Trùng Minh, ông đang nhìn cái gì vậy?”

“Tôi nhìn thấy... Một khu vườn. Tôi nhìn thấy một khu vườn. Và tôi thấy tương lai của nó. Đang chờ được khám phá.” Ông nói giọng nhẹ nhàng, bình thản.

Khi ông đi khỏi tôi khóa cửa lại rồi đứng một lúc trong bóng tối của đường hầm, vôi vữa rụng lả tả xung quanh để lộ những chiếc máy tiện xám màu đầy mạng nhện. Tôi nhìn ra ngoài vườn. Tôi tưởng tượng ra người cha và người mẹ của chủ nhà ở đây, đôi guốc gỗ của bà nện lọc cọc trên những phiến đá lát dọc đường đi, một chiếc ô màu đỏ tươi, và có thể là một chiếc lược bằng xương được tẩy trắng có hình con bướm, tình cờ bị rơi ra và bị lãng quên, văng vào trong đám lá mục, nằm ẩn ở đó rồi sau nhiều năm bắt đầu lẩn vào đất đá. Thần đạo Nhật cho rằng các linh hồn hóa thân vào cây cối, chim chóc và côn trùng, nhưng ở Tokyo có rất ít khu vực màu xanh và thứ hoa duy nhất người ta hay bắt gặp là những dải anh đào làm bằng nhựa treo bên ngoài các cửa hiệu dịp lễ tết. Bạn không bao giờ nghe thấy chim hót. Có lẽ, tất cả các linh hồn của thành phố đều đang ẩn nấp ở những nơi bị lãng quên như thế này.

Lúc này, đứng trong bóng tối, biết chắc rằng Sử Trùng Minh đang giữ bộ phim có ảnh hưởng lớn đến những gì đã xảy ra với tôi, khẳng định niềm tin của tôi về sự tồn tại của quyển sách màu da cam tôi đọc từ nhiều năm trước, thì tôi hiểu rằng, câu trả lời mà tôi khao khát bấy lâu đã rất gần kề, rằng không bao lâu nữa tôi có thể với tay ra và khi rút tay về, tôi sẽ nhận ra cuộn phim đã lén vào bên trong và nằm gọn trong tay tôi.

史 Nam Kinh, chiều tối ngày 12 tháng Mười hai năm 1937  
(mùng mười tháng Mười một âm lịch)

Tôi viết những dòng này dưới ánh sáng của một ngọn nến duy nhất. Chúng tôi không thể mạo hiểm dùng dầu hay đèn điện. Chúng tôi phải để cho ngôi nhà trông giống như không có người ở.

Cả ngày hôm qua chúng tôi nghe thấy những tiếng nổ lớn từ phía khu di tích Hoa Vũ. Tôi bảo Thu Kim chắc đó là tiếng quân đội của chúng tôi cho nổ hào ngoài thành hoặc phá cầu bắc ngang các con kênh nhưng tôi nghe thấy mọi người thì thầm trên phố: “Đó là quân Nhật. Quân Nhật đấy.” Đầu buổi chiều, sau một hồi yên lặng, một tiếng nổ long trời lở đất vang lên, khiến tôi và Thu Kim phải bỏ dở công việc đang làm quay sang nhìn nhau, mặt tái ngắt.

“Công thành,” một cậu bé trên phố hét lên. “Công Trung Hoa. Quân Nhật đấy.”

Tôi lại gần cửa sổ và nhìn xuống chỗ cậu bé đang đứng, hai tay cậu dang ra như chờ đợi các cánh cửa mở tung và mọi người thò đầu ra hỏi han như thường lệ mỗi khi có chuyện gì xảy ra trong khu phố. Nhưng lần này tất cả những âm thanh có thể nắm bắt được chỉ là tiếng kéo cửa lén lút. Cậu bé nhanh chóng nhận ra không khí im ắng. Cậu hạ tay xuống rồi bỏ đi.

Tôi quay lại. Thu Kim đang ngồi như hóa đá, hai tay khoanh lại, khuôn mặt bất động như cẩm thạch. Cô ấy đang mặc một chiếc sườn xám ở nhà và một chiếc quần màu nâu sòng khiến nước da của cô ấy trông trắng nhợt. Tôi vẫn đứng nhìn cô ấy, lưng xây lại phía cửa sổ đang mở, phố xá vắng lặng sau lưng. Những ngày này, ánh sáng trong thành phố trông rất lạ,

trắng và trong suốt, tràn ngập khắp phòng, soi rõ từng đường nét của Thu Kim như thể tôi đang ngồi rất gần cô ấy vậy. Mặt, cổ và tay của cô ấy có những nốt nhỏ như da gà còn mí mắt của cô ấy thì mờ đi như có thể nhìn thấu những nỗi sợ hãi đang ngấm ngấm cựa quậy.

Nhìn Thu Kim lúc ấy, có cái gì đó trào dâng mãnh liệt trong tôi, cái gì đó có mùi vị của nghệ và khói bếp đậm đặc ở Phồn Dương, cái gì đó khiến tôi sặc sụa và nước mắt giàn giụa. Tôi quanh quẩn xung quanh cô ấy, hai chân líu ríu, không biết phải diễn đạt thế nào với Thu Kim. *Thu Kim, tôi đã sai rồi, mình nói đúng. Tôi không thể nói cho mình biết được là tôi đang lo sợ thế nào. Hãy rời bỏ thành phố. Bây giờ hãy nhanh lên, chuẩn bị một ít đồ ăn rồi thu xếp hành lý. Đi thôi. Chúng ta sẽ kịp tới cảng Mi Đàm vào nửa đêm. Hay đỡ mắt thể diện hơn thì chỉ nói, Thu Kim, kế hoạch có thay đổi chút ít...*

“Thu Kim...” Tôi lên tiếng. “Thu Kim, có thể chúng ta nên...”

“Chúng ta nên làm gì?” Thu Kim nói, nhìn tôi đầy hy vọng.

Tôi chưa kịp trả lời thì nghe thấy một tiếng rít điên cuồng sau lưng mình và có cái gì đó lao qua cửa sổ đập thẳng vào gáy khiến tôi ngã nhào xuống đất. Cả ngôi nhà chìm trong một âm thanh ghê rợn. Tôi hét lên, hai tay ôm đầu nằm sòng soài trên sàn nhà. Trong cơn chấn động, một chiếc bát vỡ tan tành, nước lênh láng khắp bàn còn Thu Kim thì bật dậy, hét hoảng hốt đồ chiếc ghế. Trên đầu tôi có một vật gì đó to và đen sì cứ điên cuồng vung vẩy giữa bốn bức tường. Tò mò, tôi hé mắt nhìn, tay vẫn ôm mặt.

Đó là một con chim lớn, một con chim lớn và vụng về đang tuyệt vọng vỗ cánh, lao đầu vào tường rồi lại rơi xuống đất, lông rụng tả tơi khắp nhà. Thu Kim đứng nhìn nó chằm chằm sừng sốt trong khi con chim vẫn tiếp tục kêu quang quác và đập cánh phành phạch, hất tung đồ đạc xuống sàn rơi vỡ lủng chông. Rồi nó kiệt sức. Nó rơi bịch xuống đất, buồn bã nhảy lò cò quanh nhà, thỉnh thoảng lại đâm bổ vào tường.

Thu Kim và tôi bước lại gần và cả hai đều không tin vào mắt mình nữa. Đó là một con phượng hoàng kim. Có người coi đó là biểu tượng của Trung Quốc. Thật không thể tin được! Trước đây tôi chỉ mới thấy phượng hoàng kim trong tranh cho nên tôi vô cùng sừng sốt khi tận mắt chứng kiến một con phượng hoàng bay qua cửa sổ. Những chiếc lông chim màu da cam

sáng rực khiến ngôi nhà như vừa thấp lửa. Mỗi khi tôi định mon men lại gần thì nó lại nhảy đi chỗ khác, cố gắng bỏ trốn, va quệt lung tung vào đồ đạc trong nhà. Tôi không hiểu sao con chim lại lạc vào đây. Chỉ đến khi nó tuyệt vọng vỗ cánh bay lên ngay trước mặt tôi, tôi nhìn vào mắt nó và hiểu ra.

“Mình tránh ra nào,” tôi bảo Thu Kim rồi chộp lấy chiếc áo choàng bằng gấm thêu, cuộn nó lại và tung lên con chim như một tấm lưới. Con chim sợ hãi nhảy chồm lên, đập cánh phành phạch, và cố bay là là trên mặt đất, nhìn xa giống như chiếc áo đang tự di chuyển trong phòng, như một con ma làm bằng những mụn vải ghép sáng màu lòng thòng trên sàn nhà. Tôi tiến lại gần, chụp lấy con chim bằng cả hai tay. Tôi đứng thẳng dậy, cẩn thận gỡ con chim ra khỏi chiếc áo, đầu tiên là cái đầu nhỏ xíu với đôi mắt mù lòa của nó rồi tới đôi cánh, chìa cho Thu Kim xem.

“Nó bị mù,” tôi lầm bầm.

“Bị mù?”

“Đúng vậy. Chắc là tại các vụ nổ ở cổng Trung Hoa...”

“Không!” Thu Kim đột ngột vung hai tay lên ôm mặt. “Không. Đây là điềm gở nhất trong các điềm gở. Một con phượng hoàng kim. Con chim của Trung Hoa. Bị mù trong tay người Nhật.” Cô ấy thọc sâu các ngón tay vào da đầu như phát điên rồi bắn loạn nhìn xung quanh như muốn tìm kiếm một lối thoát màu nhiệm nào đó. “Đúng thế, bây giờ thì chuyện đó sẽ xảy ra thật. Đất đai của chúng ta. Người Nhật sẽ tàn phá đất đai của chúng ta và phá hủy long mạch.”

“Giờ thì thôi đi. Làm gì có cái gọi là long mạch...”

“Họ sẽ phá hủy long mạch và rồi Trung Quốc sẽ chẳng còn gì ngoài hạn hán và đói kém. Tất cả các con chim phượng hoàng đều bị mù chứ không phải chỉ có mỗi con này đâu. Tất cả bọn chúng. Và tất cả con người nữa. Chúng ta sẽ bị giết ngay trên giường của mình và...”

“Thu Kim, xin mình. Mình hãy bình tĩnh lại đi. Đó chỉ là một con chim thôi mà.”

“Không. Không chỉ là một con chim, đó là một con phượng hoàng kim. Tất cả chúng ta sẽ phải chết.” Cô ấy đi vòng quanh nhà về bản loạn, hai tay giơ lên rồi lại hạ xuống một cách tuyệt vọng. “Tổng thống, cái ông tổng thống quý báu của mình, người đưa ra quyết định tối cao của mình đã bỏ chạy tới Trùng Khánh như một con chó bị săn đuổi, ở Nam Kinh chỉ còn lại những người nghèo khổ, bệnh tật và...”

“Đủ rồi!”

“Ôi!” Cô ấy kêu lên, buông thõng hai tay và chăm chăm nhìn tôi với vẻ vô cùng đau khổ. “Rồi mình sẽ thấy! Mình sẽ thấy! Em *đúng*.” Cô ấy nói rồi bỏ chạy ra khỏi phòng, tiếng chân nện thành thịch trên cầu thang.

Tôi đứng một lúc lâu, chăm chú nhìn theo cô ấy, máu rần rật hai bên thái dương, choáng váng vì mọi chuyện thay đổi quá nhanh theo một chiều hướng khác. Tôi đã định nhượng bộ cô ấy và chuẩn bị rời khỏi thành phố. Nhưng những lời chế nhạo của cô ấy lại khiến tôi rơi vào thế phải bảo vệ thể diện của mình. Có lẽ tôi sẽ đứng chết trân tại đó, nhìn mãi vào cái hành lang vắng tanh, nếu con chim phượng hoàng không bắt đầu giãy giụa. Một mồi, tôi giơ một tay túm lấy chân con chim và bắt đầu quật nó vào không khí theo hình vòng cung như mẹ đã dạy tôi khi còn nhỏ, quay con chim như một cái chong chóng giống như cách vắt khô quần áo khoảng một tới hai vòng cho tới khi cổ nó gãy gập xuống, và trong tay tôi chỉ còn lại một túm lông vấy máu ẻo ọt. Tôi đóng cửa sập lại và mang con chim đã chết xuống bếp, hai cánh nó yếu ớt rung lên trong động tác giãy chết cuối cùng.

Tôi ít khi lai vãng ở bếp của Thu Kim nhưng lúc này đó là nơi duy nhất tôi muốn tới. Tôi cảm thấy dễ chịu hơn khi ở trong bếp. Ngày xưa khi còn bé, tôi thường hay ngồi trên sàn bếp và nhìn mẹ nhúng gà vào nước sôi để vặt lông. Tôi đổ đầy một nồi nước, nhóm lửa rồi ngồi chờ bong bóng sủi trên bề mặt. Di chuyển trong bếp như một kẻ mộng du, tôi tóm lấy hai chân của con chim, nhúng nó vào nồi nước sôi rồi mang ra bàn ngồi vặt lông, đầu tiên là lông ngực, đầu óc thì mơ màng nghĩ tới hình ảnh mẹ tôi ở trong bếp ngày xưa. Tôi nhớ lại khuôn mặt bà trong những ngày mà công việc làm ăn của bố chưa phát đạt để thuê một *amah*, mẹ ở trong bếp suốt cả ngày, kiên nhẫn ướp những con vịt đã nấu chín với muối rồi gói cát đi để tích trữ, lòng vịt thì xiên vào que tre để phơi khô trên chạn. Tường Giới Thạch, tôi chán

ngán nghĩ, muốn Trung Quốc nhìn về phía trước. Nhưng để một dân tộc dứt bỏ lịch sử từ trong tim mình, đâu chỉ đơn giản thế?

Tôi đã vặt lông con chim xong xuôi và cẩn thận bẻ gập đầu nó giấu vào dưới cánh rồi dùng dây buộc nó theo đúng kiểu mẹ tôi ngày xưa vẫn làm, đúng kiểu phụ nữ Trung Quốc từ bao đời nay vẫn làm. Sau đó tôi cho con chim vào nồi và ngồi xuống, những chiếc lông chim rục rờ vẫn dính ở tay rồi nhìn đám bọt đỏ lừ máu nổi lên trên mặt nước.

## 史 Nam Kinh, chiều ngày 13 tháng Mười hai

Đêm hôm qua tôi dùng ván bịt khắp nhà, đóng đinh lên tất cả cửa sổ và cửa ra vào (Thu Kim không giúp vì sự mê tín của cô ấy nhắc cô ấy nhớ rằng dùng búa đóng đinh sẽ khiến con chúng tôi bị dị dạng). Cả đêm đó, chúng tôi nghe thấy các tiếng động lạ từ phía Đông và trước khi đi ngủ tôi cũng đặt một thanh sắt trước tấm gương chắn ma. Ai mà biết được liệu có dùng đến nó hay không, biết đâu có khi cần? Sáng nay chúng tôi bị đánh thức bởi một tiếng ì ầm từ xa dội lại nghe như tiếng sấm và mới nửa tiếng trước, khi Thu Kim chạm tay vào vòi nước định nấu mì cho bữa trưa thì chỉ thấy kêu khục khặc và rỉ ra vài giọt nước vàng khè. Chuyện này là thế nào? Có phải quân Nhật đã...

Nó xảy ra đúng lúc tôi đang viết! Chiếc bóng đèn duy nhất trên đầu bỗng dung tắt phụt. Bây giờ chúng tôi... Chúng tôi chìm trong bóng tối lờ mờ, tôi gần như không nhìn thấy những chữ mình viết trên giấy. Bên ngoài, các loại động cơ, máy móc bị cắt điện đột ngột phát ra những âm thanh chói tai. Thành phố đang lịm dần xung quanh chúng tôi. Thu Kim đang lọ mọ tìm đèn dầu trong bếp, và từ cuối con hẻm, tiếng một ai đó hét lên cuồng loạn.

Tôi không thể ngồi đây thêm một phút nào nữa. Tôi không thể tiếp tục ngồi đây nghe ngóng. Tôi sẽ ra ngoài xem tình hình thế nào.



Khi tôi bước lên nhà trên, ngôi nhà trông tối và mát hơn rất nhiều so với khu vườn nóng bức. Tôi đi tắm trong cái nhà tắm cũ kỹ với những đường ống lộ thiên và rêu xanh mọc đầy trên sàn lát gạch. Tôi kỳ cọ một cách cẩn thận, chăm chú nhìn hình phản chiếu của mình, nhìn nước chảy trên làn da trắng bóc, nhìn khắp các lỗ chân lông và lớp lông tơ lấp lánh. Sư Trùng Minh muốn tôi tiếp cận với Fuyuki. Điều mà ông nói, tôi chắc chắn, đó là tôi phải tán tỉnh Fuyuki. Ông muốn nói rằng tôi phải tỏ ra khêu gợi.

Trong bệnh viện, người ta không bao giờ chán rao giảng cho tôi về các hành vi tình dục của tôi, khiến tôi sớm đi đến quyết định dứt khoát rằng sẽ chẳng khôn ngoan gì nếu nói với họ về cảm xúc thực của tôi đối với các cậu thanh niên trên xe tải. Tôi có thể đoán được họ sẽ nói gì: “Ồ! Có thấy không? Một câu trả lời hoàn toàn không thích đáng.” Thế nên tôi đã không thú nhận sự thực là sau khi tất cả các cậu thanh niên đã thay nhau làm chuyện đó, khi chúng tôi mặc quần áo và tiếp tục rong ruổi trên con đường A303 thì tôi cảm thấy vui hơn bao giờ hết. Tôi đã không kể với họ là lúc đó tôi nhìn thấy mọi vật rạng rỡ như thế nào với những vì sao sáng lấp lánh và những dải phân cách màu trắng cứ trôi dạt dưới bánh xe. Bốn cậu thanh niên ngồi đằng sau không ngừng la hét để anh chàng lái xe tránh các ổ gà còn tôi ngồi ở phía trước lắng nghe và ngâm nga theo điệu nhạc phát ra từ chiếc băng casset cũ rích có tên là XTC với nhiều đoạn bị vấp và vỡ tiếng do chiếc loa trên xe đã bị hỏng.

Tôi cảm thấy lòng mình nhẹ bồng như thể bên trong tôi có một thứ gì đó tôi tắm và bí ẩn đã được các cậu thanh niên gột sạch.

Chúng tôi trở lại ngã tư đường nơi các cậu đón tôi lúc nãy và anh chàng lái xe tấp xe vào vệ đường. Vẫn để xe nổ máy, anh ta vờn người qua người tôi và mở cửa. Tôi nhìn anh ta chăm chăm, không hiểu gì cả.

“Rồi,” anh ta nói, “hẹn gặp lại cô ở đâu đó.”

“Gì cơ?”

“Hẹn gặp lại.”

“Tôi phải ra khỏi xe bây giờ à?”

“Đúng vậy.”

Tôi im lặng một lúc nhìn nửa khuôn mặt của anh ta đang nghiêng về phía tôi. Anh ta có mấy cái mụn trứng cá nằm ngay phía trên cổ áo. “Thế tôi không đi với các anh đến quán rượu nữa à? Anh nói là chúng ta sẽ cùng tới đó mà. Tôi chưa bao giờ vào bên trong một quán rượu.”

Anh ta búng tàn thuốc lá rồi vứt điếu thuốc ra ngoài. Phía chân trời đằng sau vai trái của anh ta có một đường viền mảnh mai xanh biếc, những đám mây bay cuồn cuộn qua đó như thể chúng đang sôi lên. “Đừng ngốc thế,” anh ta nói, “cô chưa đủ tuổi vào quán rượu. Cô sẽ khiến chúng tôi bị tổng cổ ra ngoài mất.”

Tôi quay lại nhìn về phía thùng xe. Bốn cái đầu đều quay đi, giả bộ ngó ra ngoài cửa sổ. Cậu bé tóc hung ngồi ở dưới cùng nhìn vào mắt tôi với vẻ vô cùng nghiêm nghị, như thể cậu ấy vừa bắt quả tang tôi ăn trộm. Tôi lại quay sang nhìn anh chàng lái xe, nhưng anh ta đang cố tình nhìn ra ngoài cửa sổ, sột ruột gõ gõ ngón tay lên tay lái. Tôi mở miệng định nói điều gì đó nhưng lại thay đổi ý định. Tôi đu chân ra khỏi xe và tụt xuống đường.

Anh chàng lái xe nhào người ra đóng cửa lại. Tôi đặt tay lên cửa sổ, chuẩn bị lên tiếng thì anh ta nhả phanh. Anh ta sang số, đồng hồ tốc độ bắt đầu chạy, chiếc xe từ từ lao đi. Tôi bị bỏ lại một mình trên đường nhìn theo ánh đèn xe xa dần rồi mất hút. Trên đầu tôi, những đám mây vẫn cuồn cuộn trôi cho đến khi che khuất mặt trăng và cái chấm nhỏ bé của nước Anh nơi tôi đang đứng hoàn toàn chìm trong bóng tối.

Rồi tôi cũng buộc phải đồng ý với các bác sĩ rằng những hậu quả tức thì của chuyện đó không hề giống như tôi mong đợi. Và với tình trạng thể xác hiện nay của tôi thì tôi e rằng mình sẽ chẳng bao giờ có những lần khác nữa để mà so sánh. Tôi không dám thổ lộ chuyện đó với các bác sĩ. Tôi không dám nói với họ là tôi mong muốn có một người bạn trai, mong muốn được lên giường với một người nào đó tới mức nào: Tôi biết nếu mình nói

bất kỳ điều gì thì họ cũng sẽ cho rằng những ham muốn mãnh liệt của tôi chính là gốc rễ của sự xấu xa, rằng một con sói đang sống bên trong con người tôi. Tôi lắng nghe những bài giảng về phẩm giá con người, về lòng tự trọng, về những thứ phức tạp như lương tâm, sự tự chủ và mau chóng đi đến kết luận rằng tình dục là một cái gì đó nguy hiểm và không lường trước được, giống như con sếu quá khứ ma quái của Sử Trùng Minh, về quả cầu phát-pho dưới bầu trời vãn vũ mây. Tôi đi đến kết luận là tốt hơn hết tôi chỉ cần giả vờ như nó không tồn tại.

Cuối cùng lại chính là cô gái ở giường bên, người đã dạy tôi hút thuốc, lại là người mang đến cho tôi một giải pháp. Cô ấy thường thủ dâm hàng đêm. “Nhảy điệu jig đi,” cô ấy gọi nó như thế. “Tớ sẽ chết già ở trong này. Đừng để ý. Chừng nào tớ còn thuốc lá và còn nhảy jig được thì tớ vẫn ổn.” Cô ấy làm chuyện đó trong chăn khi đèn đã tắt. Cô ấy không hề ngưng ngừng. Tôi nằm ở giường bên, chăn kéo lên tận cằm, mở to mắt mà nhìn chăm chăm vào chiếc chăn nhô lên hạ xuống. Cô ấy làm chuyện đó một cách khoái trá như không có gì sai trái.

Ngay sau khi xuất viện, khi không bị theo dõi, cứ năm phút một lần, tôi bắt đầu tự mình làm chuyện tội lỗi đó. Tôi nhanh chóng biết cách làm cho mình đạt khoái cảm và mặc dầu tôi chưa bao giờ làm chuyện đó trước gương (cô gái nhảy điệu jig đảm bảo với tôi rằng có những người làm như vậy), tôi chắc rằng không cô gái nào trên đời này lại có thể biết rõ chỗ đó của mình hơn tôi. Đôi khi tôi nghĩ về con sói. Tôi sợ rằng một ngày nào đó khi sờ vào chỗ đó, những ngón tay của tôi sẽ chạm phải cái mũi ướt ướt của nó.

Giờ đây, trong buồng tắm ở Takadanobaba, tôi vắt chiếc khăn tắm lên rồi chăm chú nhìn vào hình phản chiếu của mình, một bóng ma khảnh khiu đang ngồi trên chiếc ghế cao su nhỏ xíu. Có lẽ cô gái đó sẽ đi xuống mồ mà cả đời chỉ biết đến năm chàng trai ở phía sau một chiếc xe Ford Transit, những người được coi như tình yêu của đời cô. Tôi múc đầy nước vào cái gáo nhựa nhỏ, hòa nước nóng vào nước lạnh rồi dội lên người, để dòng nước chảy tràn trên hõm cổ rồi nhỏ xuống những vết sẹo trên bụng. Tôi đặt gáo nước xuống và chậm rãi, mơ màng, đặt hai tay lên bụng, chụm hai ngón trở vào nhau và xòe những ngón tay khác ra tạo thành một cái khung nhỏ, dò dẫm nhìn dòng nước đọng lại thành những giọt nhỏ, lấp lánh như thủy ngân.

Không có ai, ngoại trừ các bác sĩ và một nhân viên do cảnh sát cử đến để chụp ảnh, từng nhìn thấy những vết sẹo của tôi. Trong những mơ mộng hão huyền của mình, tôi vẫn thường tưởng tượng ra có một người nào đó sẽ hiểu, một người nào đó sẽ nhìn chúng và không giạt mình lùi lại, một người nào đó sẽ lắng nghe câu chuyện về chúng và thay vì lấy tay che mặt kính hãi hay nhìn vội đi chỗ khác thì người đó sẽ nói với tôi những lời sẻ chia ngọt ngào. Nhưng dĩ nhiên, tôi biết điều đó sẽ không bao giờ xảy ra bởi ngay chính bản thân tôi cũng chưa bao giờ làm được như thế. Chưa bao giờ. Chỉ hình dung ra việc cởi quần áo, chỉ hình dung ra việc thú nhận sự thực với ai đó thì tôi cũng đã cảm thấy chóng mặt, mọi cảm xúc dồn vào trong tai khiến đầu gối tôi mềm nhũn, và buộc tôi phải điên cuồng túm lấy bất cứ thứ gì có thể buộc chặt quanh bụng mình, cứ như là tôi có thể che đậy những gì đang nằm ở đó.

Tôi cho rằng có những điều mà ta cần phải lớn lên cùng với nó. Đôi khi ta phải hít một hơi thật sâu và nói: “Đây không phải là thứ tôi mong đợi xảy ra với mình.” Và nếu như ta cứ tiếp tục nói như vậy ở một tần số nhất định thì sau một thời gian, ta thậm chí sẽ không còn cảm thấy điều đó có gì ghê gớm nữa.

Khi tôi ở trong bồn tắm, nghĩ về Fuyuki thì hai chị em người Nga đã mặc xong quần áo và giờ thì họ đang trên đường xuống vườn. Chắc họ đã nhìn thấy tôi ở dưới đó nên cũng muốn thử mạo hiểm xem sao. Svetlana chỉ mặc độc có một bộ bikini nhỏ xíu màu xanh lá cây và lấy tay giữ một chiếc mũ nan đội trên đầu. Khi đã lau khô người và mặc quần áo, tôi đứng trên hành lang tầng thượng nhìn cô ấy băng qua đám cây bụi, đôi chân rám nắng lấp ló sau đám lá cây. Irina đi sau, mặc một chiếc áo bikini và một chiếc váy ngắn màu hồng, đeo kính râm và đội mũ bóng chày màu hồng tươi, lưỡi trai quay ra phía sau để che gáy. Cô giắt một bao thuốc lá vào giữa khe ngực. Cả hai vừa đi vừa tranh cãi, thỉnh thoảng lại rú lên, chân đi giày cao gót giống như hai con cò chân dài đi kiếm ăn gập trời nắng. “Mặt trời, mặt trời!” Cả hai đồng thanh kêu lên, chỉnh đôi kính râm và ngửa mặt nhìn trời.

Tôi lặng lẽ gí mũi vào cửa kính nhìn họ bôi kem chống nắng, bóc gói kẹo cao su anh đào KissMint và uống bia lạnh mua từ chiếc máy bán hàng trên phố. Móng chân của Svetlana sơn đỏ như màu xe cứu hỏa. Tôi nhìn

bàn chân trắng của mình và tự hỏi liệu mình có cam đảm sơn móng hay không. Đột nhiên, lòng tôi tràn ngập một cảm giác nóng bỏng, mãnh liệt, khiến tôi run lên và xoa xoa tay - một cảm giác gì đó về sự lãng phí thời gian và rằng hai cô gái kia mới may mắn làm sao khi làn da của họ có được cảm giác dễ chịu đến thế. Được cựa quậy, nằm duỗi ra phơi nắng một cách tự nhiên dưới ánh mặt trời, mà không một ai bảo họ điên.

Ngay lúc đó, tôi đã quyết định dứt khoát. Chùng nào tôi còn mặc quần áo và bụng tôi không bị hở ra thì chùng đó sẽ không có gì, không một dấu hiệu nào trên cơ thể, có thể tố cáo chuyện đó. Nếu bạn không biết, và không ai ở Tokyo này biết, bạn sẽ nhìn tôi và cho rằng tôi là một người bình thường. Tôi cũng có thể trở nên kêu gọi như bất cứ ai.

Tôi không thể nào ngừng nghĩ tới Fuyuki. Mỗi khi cầu thang máy đổ chuông và các nữ tiếp viên xúm lại đồng thanh: “*Irasshaimase!* Chào mừng quý khách!” thì tôi lại nhào người ra khỏi ghế, mạch đập liên hồi, tưởng rằng mình sẽ nhìn thấy chiếc xe lăn của ông ta xuất hiện. Nhưng đêm đó ông ta không tới, cả đêm hôm sau cũng thế.

Những ngày sau đó, tôi thường lấy tấm danh thiếp của ông ta ra ngắm nghía. Đôi lúc, tôi cảm nó như bị thôi miên, liên tục xoay xoay nó trong tay mình. Tên của ông ta có nghĩa là Cây Mùa đông, và trong sự kết hợp giữa bản chất của những chữ này với nghệ thuật thư pháp, có một điều gì đó mạnh mẽ đến mức tôi chỉ cần nhìn vào màu đen trên nền trắng này là đã có thể tưởng tượng ra, một cách rõ ràng đến kinh ngạc, hình ảnh một khu rừng ngập trong tuyết. Tôi cũng thảo lại chữ kanji này bằng bút lông của mình, hình dung ra một sườn núi, một rừng thông phủ đầy hoa tuyết và nhũ băng.

Giờ đây, khi biết được điều gì sẽ khiến Sử Trùng Minh phải nhượng bộ và cho tôi xem bộ phim, khi biết được tôi sắp thực hiện một bước đột phá, thì tôi trở thành một học trò nghiêm túc của nghệ thuật khiêu dâm. Tôi bắt đầu quan sát các cô gái Nhật đứng đường với những chiếc áo khoác xinh xắn kiểu Victoria, váy len ngắn, tất dài và giày búp bê buộc dây. Theo truyền thống Nhật Bản, sự kích dục là cái gì đó mảnh mai, nhợt nhạt như cuống hoa, sự gợi tình là khoảng da trần nhỏ xíu trên gáy nàng geisha. Là cái gì đó khác biệt hoàn toàn với quan điểm của cả thế giới còn lại. Hàng giờ liền, tôi nhìn chăm chăm vào hai cô gái Nga với những đôi giày cao gót to xù và nước da rám nắng màu cam.

Tôi có cả một đồng bao đựng tiền lương dự phòng, chỉ tống vào một chiếc túi rời nhét trong tủ sẽ chẳng có công dụng gì khác ngoài việc làm tôi lo lắng. Mãi gần đây tôi mới có đủ cam đảm nghĩ đến chuyện mua sắm. Tôi tới những khu thương mại sầm uất ở Ginza và Omotesando, với những gian hàng chật đầy những đôi giày đính xêquin, những chiếc áo khoác màu hồng

mỏng tang, mũ nhung hồng đính lông chim màu đỏ tía. Cả những đôi bốt đế thấp màu hồng sẫm, và những chiếc túi xách màu lam có đính hình của Elvis Presley. Các cô gái bán hàng ở đây không biết phải làm gì với tôi. Họ vừa cắn móng tay vừa ngoẹo đầu nhìn tôi ngơ ngác chạy ngang chạy dọc, nhìn ngắm xem người khác làm thế nào để trở nên khêu gợi.

Tôi bắt đầu mua sắm - tôi mua một chiếc váy bằng vải nhung và taffeta, một chiếc đầm bằng lụa đắp vai. Và giày, cơ man nào là giày, giày ba phân, giày gót nhọn, giày khiêu vũ, và săng đan buộc dây màu đen. Tại một nơi có tên là Trung tâm Giải trí và Thương mại Những Cô gái Ngọt ngào, tôi mua được một hộp tất liền quần. Trước đây, tôi chưa bao giờ mặc quần tất. Tôi vác về nhà một đống đồ, nặng trĩu như một con kiến tha mồi.

Nhưng, tất nhiên, tôi không có can đảm mặc bất cứ thứ gì trong số đó. Những chiếc váy gói trong giấy màu đỏ, tất cả đều được xếp ngăn nắp trong tủ, từ ngày này sang ngày khác. Tuy nhiên, tôi vẫn nghĩ về chúng, tôi nghĩ rất nhiều về chúng. Có những đêm, tôi tiến hành những nghi lễ nho nhỏ chỉ mình tôi biết. Khi mọi người đã ngủ say, tôi mở tủ và lôi ra tất cả những thứ mình đã mua. Tôi rót một ly rượu mạn mát lạnh rồi kéo chiếc bàn trang điểm ra dưới ánh đèn để chiếc gương được sáng rõ hơn. Rồi tôi mở tủ và lấy ra một chiếc váy.

Vừa rùng mình vừa phấn khích. Mỗi lần nhìn mình trong gương, máy móc đưa tay lên chiếc khóa kéo và chuẩn bị cởi váy ra tôi lại nghĩ tới cảnh Fuyuki ngồi trên xe lăn hỏi tôi: “Có phải ở Anh, ai cũng xinh đẹp như thế không?” Rồi tôi dừng lại, hít một hơi thật sâu trước khi chậm rãi kéo khóa xuống và buộc mình quay lại nhìn, quan sát khoảng ngực trên trắng muốt và đôi chân thì sẫm như màu mực sau lớp lụa mềm. Tôi đi giày cao gót và tô môi màu đỏ, đỏ như máu đào. Tôi kẻ lông mày rồi tập châm thuốc và hút thuốc. Tôi cố tưởng tượng ra cảnh mình yên vị trong nhà Fuyuki, ngả người về phía ông ta, nhả khói thuốc từ đôi môi tô son của mình. Trong hình dung của mình, một tay tôi đang đặt trên chiếc rương khóa kín, còn tay kia duyên dáng chìa ra, ngửa lòng bàn tay, đỡ lấy chiếc chìa khóa to tướng mà Fuyuki trao cho.

Một lúc lâu sau, tôi mở mắt ra, đến bên tủ quần áo và lôi hết đồ ra khỏi giấy gói và xếp chúng thành một vòng tròn xung quanh mình. Những đôi săng đan buộc dây nhung, những chiếc áo mỏng màu vàng sẫm và màu

kem, một chiếc áo lót hiệu Ravage đỏ thẫm, hình con bướm vẫn nằm trong chiếc túi nhựa trong. Hết món đồ này đến món đồ khác được trải ra trong bóng tối. Tôi nằm xuống, duỗi đôi tay trần, lăn vào trong đám đồ của mình, hít thở mùi quần áo mới và để chúng cọ vào da. Đôi khi tôi xếp chúng theo các tiêu chí khác nhau, theo chất liệu như vải bông đen với vải len màu đào, hay theo màu sắc, vàng nghệ với màu đồng, màu bạc với màu trắng xám, màu tím nhạt với màu hồng và màu xám. Tôi áp chúng vào mặt và hít hà cái mùi sang trọng của chúng. Và chuyện này khiến tôi có phần hưng phấn đến mức có vẻ như nghi thức này luôn luôn dẫn đến một kết cục: bàn tay tôi lăn vào trong quần lót của mình.

Ngôi nhà ở Takadanobaba này rất lớn nhưng âm thanh trong nhà lại như nước tràn theo các thanh gỗ và những tấm màn che bằng giấy mỏng. Tôi phải giữ im lặng. Tôi nghĩ mình đã rất thận trọng cho đến một đêm khuya, khi tôi vừa xong, kéo cửa đi ra nhà tắm thì bất gặp Jason đang đứng cách đó vài bước, trong hành lang tràn ngập ánh trăng, vươn người ra ngoài cửa sổ, tay kẹp một điếu thuốc.

Khi nghe tiếng kẹt cửa anh ta liền quay ra nhìn tôi. Anh ta không nói gì cả. Anh ta lơ đãng nhìn xuống bàn chân trần, rồi chiếc *yukata* ngắn và phần ngực nhô lên của tôi. Anh ta nhả khói thành một vòng tròn rồi mỉm cười, một bên mày nhướng lên như thể bất gặp một sự ngạc nhiên dễ chịu.

“Xin chào,” anh ta nói.

Tôi không trả lời. Tôi kéo sập cửa lại rồi khóa vào và ngồi dựa lưng vào đó. Ăn mặc khêu gợi - đó là một chuyện. Nhưng điều đáng sợ hơn rất nhiều là Jason, đúng thế, Jason cứ luôn khiến tôi nghĩ tới chuyện tình dục.



## 史 Nam Kinh, đêm 13 tháng Mười hai năm 1937

Chúng đang ở đây! Chúng đang ở đây. Đó là sự thực.

Tôi ra khỏi nhà vào buổi trưa, đường phố có vẻ yên ắng. Tôi không nhìn thấy một bóng người, chỉ thấy những ngôi nhà đóng kín cửa và những cửa hiệu niêm phong bằng ván gỗ, vài nơi có dán địa chỉ sơ tán phòng chùng của gia chủ. Tôi rẽ phải sang đường Trung Ương, đi quá đường ray xe lửa thì rẽ vào một hẻm nhỏ thông ra đường Trung Sơn. Ở đây tôi nhìn thấy ba người đàn ông đang cầm đầu cầm cổ chạy hết tốc lực về phía mình. Họ ăn vận như nông dân và tất cả đều lem luốc như vừa chui ra từ một vụ nổ. Một cột khói xám ngùn ngụt bốc lên từ khu vực cổng thành Thủy Tây (Giang?). Ba người đàn ông tiếp tục chạy về hướng tôi vừa đến, không nói không rằng, tiếng giày rom loẹt xoẹt trên hè phố. Tôi đứng trên phố, nhìn theo họ và dỏng tai nghe ngóng xung quanh. Lúc này khi đứng yên, tôi có thể nghe thấy văng vẳng tiếng còi xe ô tô xen lẫn tiếng người kêu khóc. Tim tôi chùng xuống. Tôi tiếp tục đi về phía Nam, dự trù khả năng xấu nhất có thể xảy ra, tôi sẽ trườn qua các con phố, bám sát những ngôi nhà, sẵn sàng đâm bổ vào bên trong bất kỳ lúc nào, hay phủ phục xuống và kêu lên, “*Dongyang Xiansheng! Giáo sư Đông phương học!*”

Ở trên phố, gần trại tị nạn vẫn có vài cửa hiệu dững cảm mở cửa, nhưng chủ tiệm đứng bên ngoài lo lắng nhìn về cổng thành phía Đông.

Tôi chạy len lỏi giữa các tòa nhà, qua các đường phố quen thuộc, tìm đập dồn dập. Tôi nghe thấy tiếng rì rầm của đám đông ở phía trước và khi rẽ vào một phố nhỏ dẫn ra đường Trung Sơn thì tôi thấy một đoàn người đang lũ lượt kéo nhau về cổng thành Áp Giang, cánh cổng “nước” vĩ đại mở ra ngoại thành và dẫn ra sông Dương Tử - trên khuôn mặt ai cũng lộ rõ

vẻ kiên quyết. Tất cả bọn họ đều kéo theo các xe thồ chất đầy đồ đạc. Một vài người liếc nhìn tôi tò mò không hiểu tại sao lại có người không lo bỏ trốn, còn những người khác thì không thèm để ý, đầu cúi gầm, dồn hết sức đẩy xe. Những đứa trẻ cuộn mình trong chiếc áo bông tránh rét, đeo găng tay len, ngồi trên nóc xe im lặng nhìn tôi. Một con chó hoang chạy lảng quăng tìm thức ăn.

“Chúng vào thành rồi à?” Tôi hỏi một người phụ nữ vừa tách ra khỏi đám đông và chạy về phía tôi đang đứng. Tôi bước đến trước mặt chặn bà ta lại và đặt hai tay lên vai bà. “Bọn Nhật đã vượt qua cổng thành chưa?”

“Chạy đi!” Mặt bà ta đại đi, lớp than bôi mặt ướt nhòe nước mắt. “Chạy đi.”

Bà ta vùng ra chạy tiếp, vừa chạy vừa la hét gì đó. Tôi nhìn bà ta biến mất khỏi tầm mắt, trong khi đó, sau lưng tôi, tiếng la hét của đám đông trở nên to dần, tiếng chân chạy uỳnh uych vang khắp các con hẻm xung quanh. Rồi dần dần, tiếng bước chân không còn nữa, đám đông co lại. Cuối cùng, tôi rón rén tiến lên phía trước, ngó về phía con phố trung tâm. Bên tay phải tôi, nằm về hướng Tây, tôi nhìn thấy cái đuôi của đoàn người đang di chuyển về phía sông, mấy người hành khất, già cả và ốm yếu, đang vội vã bám gót. Con đường bên trái vắng tanh, lòng đường ngập ngựa bùn sau khi bị giẫm đạp bởi đám đông hàng trăm người.

Tôi thận trọng bước ra, tim gần như bắn ra ngoài, quay người đi về hướng ngược lại. Tôi lặng lẽ bước. Bên ngoài đồng hồ nát của khu cung điện nhà Minh, nơi tôi đứng tán gẫu với ông bạn giáo sư ngày hôm qua, có vài chiếc xe tăng của chính phủ Dân Quốc đang ậm ì di chuyển, xới tung đám bụi đường, những người lính trên xe la hét và vẫy tay ra hiệu cho tôi rời chỗ này. Rồi thành phố lại dần trở nên yên lặng, chỉ còn mình tôi dạo bước trên con đường Trung Sơn không một bóng người.

Cuối cùng, tôi dừng lại. Xung quanh tôi, mọi vật như hóa đá. Ngay cả chim chóc dường như cũng im lặng trên cành. Phóng tầm mắt theo hai hàng cây thẳng tắp dài hun hút, con đường hoàn toàn trống vắng và tĩnh lặng, cách chỗ tôi đứng khoảng năm trăm mét, mái vòm tam nguyệt của cổng Trung Sơn lấp lánh dưới ánh mặt trời mùa đông. Tôi đứng giữa đường, hít một hơi thật sâu rồi chậm rãi xòe tay ra giơ lên trời. Tim tôi đập mạnh tới mức tôi nghe rõ cả những tiếng thỉnh thỉnh vang lên trong đầu.

Phải chăng mặt đất dưới chân tôi đang rung chuyển như trong một cơn động đất? Khi tôi đưa mắt nhìn xuống chân thì từ phía cổng thành vang lên một tiếng nổ long trời lở đất khiến hàng cây sung dâu bên vệ đường co rập lại như trong cơn gió lớn và chim chóc sợ hãi bay đảo đảo lên không. Lửa phụt lên trời, bụi khói cuộn cuộn phía bên trên cổng thành. Tôi khụy xuống, hai tay ôm đầu khi một tiếng nổ nữa rạch ngang bầu trời. Rồi một âm thanh như tiếng mưa rơi xa xăm càng lúc càng rõ dần, cho tới khi thành tiếng ầm ầm, bầu trời đột nhiên tối sầm lại, bụi cát, vôi vữa từ đâu bay tới tấp lên đầu tôi. Từ phía chân trời hiện ra hơn mười chiếc xe tăng, lừ lừ tiến vào đường Trung Sơn với những lá cờ *hi no mare* bay phấp phới.

Tôi chồm dậy chạy về nhà, tiếng hơi thở và tiếng bước chân tôi chìm trong tiếng xe tăng chuyển động rầm rầm và tiếng còi chói tai phía sau lưng. Tôi chạy mãi miết, mạch đập dồn dập, hai lá phổi như muốn nổ tung, lao vào đường Trung Sơn trước khi rẽ phải sang đường Trung Ương, cắm đầu chạy vào một con phố nhỏ rồi vòng ra phía sau nhà ông Lưu, chui vào con hẻm nơi cuối cùng mưa bụi và đất cát đã yếu đi phần nào. Căn nhà hoàn toàn im ắng. Tôi gõ cửa cho tới khi Thu Kim xuất hiện nhìn tôi chằm chằm như đang nhìn một bóng ma.

“Chúng đến đây rồi,” cô ấy hỏi khi thấy vẻ mặt tôi, khi nhận ra tôi đã đứt hết hơi. “Đúng không?”

Tôi không trả lời. Tôi bước vào trong nhà, cẩn thận khóa trái cửa và kiểm tra lại tất cả các chốt cửa và ổ khóa. Rồi khi hơi thở đã điều hòa trở lại, tôi đi lên gác, ngồi xuống chiếc giường đơn trong thư phòng, giữa đồng sách tiếng Nhật ngổn ngang, kéo chăn trùm lên chân.

Và, vậy là - tôi có thể viết gì đây? Chỉ viết về những gì vừa mới xảy ra. Một cách thành thật. Vào buổi chiều khô lạnh này, một buổi chiều lẽ ra rất đẹp trời, họ đã chiếm được Nam Kinh dễ như trẻ con thò tay bắt chuồn chuồn. Tôi sợ phải nhìn ra ngoài cửa sổ - cờ Nhật chắc hẳn đang tung bay khắp thành phố.

**史 Nam Kinh, buổi sáng ngày 14 tháng Mười hai năm 1937  
(ngày mười hai tháng Mười một âm lịch)**

Đêm trước tuyết rơi, nhưng sáng nay, bên ngoài cổng thành, núi Tử Kim, ngọn Tử Kim hùng vĩ, không có màu trắng mà đỏ rực trong lửa. Lửa bọc lấy mọi vật trong màu máu, hắt lên trời một vầng hào quang đáng sợ. Thu Kim đứng rất lâu bên cửa sổ nhìn về hướng đó, hơi lạnh từ ngoài ùa vào khiến ngôi nhà gần như đóng băng, và tôi có thể nhìn thấy hơi thở của mình đang phả ra.

“Thấy chưa?” Cô ấy nói và quay lại nhìn tôi. Tóc cô ấy buông xõa sau lưng, ánh mắt chiến thắng sáng lên những tia màu đỏ. “Tử Kim đang bốc cháy, có đúng như em đã nói không?”

“Thu Kim,” tôi nói. “Tránh xa cái cửa sổ ra. Nó không an toàn đâu.”

Cô ấy nghe theo, nhưng vẫn lần lữa. Cô ấy đóng cửa sổ vào rồi ngồi im trong một góc, khur khur ôm trong lòng hai chiếc bài vị tổ tiên mà cô ấy mang theo từ Phồn Dương, má đỏ ửng vì lạnh.

Gần như cả sáng nay tôi ngồi cạnh bàn với ấm trà cứ nguội dần, các chốt cửa đều đã đóng. Đêm hôm qua chúng tôi ngủ rất ít, cả hai vợ chồng đi ngủ mà vẫn mặc nguyên quần áo và không cởi giày phòng trường hợp phải chạy trốn. Thỉnh thoảng, tôi hoặc Thu Kim lại chồm dậy nhìn ra phía cửa sổ cài then kín mít, nhưng không ai nói gì nhiều. Lúc này, mặc dù giữa ban ngày nhưng trong nhà chúng tôi vẫn tối tăm, cửa giả đều đóng im ỉm. Cứ nửa tiếng chúng tôi lại bật đài lên. Các bản tin không đồng nhất, một mớ hồ lồn không thể tưởng tượng được trộn lẫn thông tin sai lệch với thông tin tuyên truyền. Ai mà biết được đâu mới là sự thật? Chúng tôi chỉ có thể phỏng đoán chuyện gì đang diễn ra. Thỉnh thoảng tôi nghe tiếng xe tăng lăn ầm ầm trên đường Trung Sơn và tiếng súng nổ lẹt đẹt nhưng mọi thứ đều như đang xảy ra ở nơi xa xôi nào đó, phần lớn thời gian thành phố chìm trong yên lặng đến mức có những khi tâm trí tôi để ở đâu đâu, và trong một giây phút ngắn ngủi, tôi quên mất là chúng tôi đang ở trong cảnh bị chiếm đóng.

Vào khoảng bảy giờ tối chúng tôi nghe thấy tiếng gì đó như một vụ tấn công bằng súng cối, và trong một thoáng, ánh mắt chúng tôi chạm vào nhau. Rồi những tiếng nổ từ xa vẳng lại, một chuỗi bất ngờ một - hai - ba - bốn, rồi sự im lặng được lập lại. Mười phút sau trong con hẻm vang lên những tiếng ồn ào ma quái. Tôi ra phía cửa hậu ghé mắt qua tấm lá chắn và nhìn thấy một con dê sừng chuông đang hốt hoảng chạy lung tung trong khu đất phía sau nhà, nhảy dựng lên húc vào cây cối và những ngôi nhà mái tôn. Chân nó giẫm lên đồng quả lựu rụng khiến màu lựu đỏ loang trên tuyết giống như màu máu. Không ai đuổi theo để bắt con dê, có lẽ chủ nó đã đi sơ tán, và phải mất gần hai mươi phút, nó mới tìm được đường ra phố lớn và căn hẻm lại trở về với sự tĩnh lặng vốn có.

Kể từ đêm hôm đó, Jason bắt đầu quan sát tôi. Anh ta bắt đầu có thói quen nhìn tôi chòng chọc, khi chúng tôi từ hộp đêm trở về nhà, khi tôi nấu nướng hay khi cả nhà ngồi xem tivi trong phòng khách. Thỉnh thoảng khi quay ra châm thuốc cho khách thì tôi lại phát hiện anh ta đứng cách đó có vài bước, và nhìn tôi như thể anh ta đang vui thích một cách kín đáo trước tất cả những gì tôi làm. Tôi vừa cảm thấy sợ hãi vừa phẫn kích. Chưa từng có ai nhìn tôi như thế và tôi không tưởng tượng nổi mình sẽ làm gì nếu anh ta lại gần. Tôi tìm cách tránh xa anh ta.

Thu đến. Cái nóng hầm hập như rang với mùi kim loại bị hun đốt và mùi cống rãnh của Tokyo đã phải nhường bước cho một Nhật Bản mát mẻ và ẩm đạm hơn, một Nhật Bản hẳn đã chờ cơ hội lộ diện từ bấy lâu nay. Bầu trời quang đãng sau khi giũ bỏ được lớp sương mù mùa hè, những cây gỗ thích lá đỏ rụng đầy đường và đâu đó thoang thoang mùi khói như mùi nấu nướng ở Tokyo thời hậu chiến. Đứng trong hành lang, tôi có thể thò tay ra hái những trái hồng chín đỏ ngoài vườn. Trong vườn, đàn muỗi đã kéo nhau đi hết. Sự ra đi của chúng khiến Svetlana thấy buồn - cô ấy nói rằng giờ đây, chúng đã bỏ lại chúng tôi trong sự suy tàn tột độ.

Fuyuki vẫn chưa tới câu lạc bộ. Sử Trùng Minh thì vẫn kín miệng và cố chấp khiến tôi đôi khi nghĩ rằng mình sẽ chẳng bao giờ có cơ hội được xem bộ phim đó. Một ngày khi tôi không thể chịu đựng hơn được nữa, tôi đi tàu tới Akasaka, tìm một trạm điện thoại công cộng và gọi điện cho Fuyuki. Mụ Y Tá, tôi chắc đó là mụ ta, trả lời điện thoại với một giọng đàn bà: “*Moshi moshi.*” Chỉ thế thôi cũng đủ làm tôi sợ đứng cả tim, ông nghe vẫn lúng lẳng bên tai, nhưng mọi can đảm đều tan biến. “*Moshi moshi?*” mụ ta nhắc lại nhưng tôi đã thay đổi ý định. Tôi dập máy và bỏ đi thật nhanh. Có lẽ Sử Trùng Minh đã đúng khi nói tôi không bao giờ có khả năng dệt lá dâu thành lụa.

Tôi tìm đến hiệu sách Kinokuniya ở Shinjuku và mua tất cả những ấn phẩm nói về các chế phẩm thuốc thay thế, từ điển Trung Nhật và một tuyển tập các bài viết về *yakuza*. Những ngày sau đó, trong khi chờ đợi Fuyuki tới họp đêm thì tôi khóa mình lại trong phòng và đọc về y học cổ truyền Trung Hoa cho đến khi tôi biết khá nhiều về các phương pháp châm cứu của Biển Thước, về những thí nghiệm đầu tiên về giải phẫu và gây mê của Hoa Đà, cũng như các phương pháp luyện khí công của ông, như “ngũ cầm hĩ” bắt chước động tác của năm loại thú rừng như cọp, nai, khỉ, gấu và chim. Tôi cũng có thể nhớ bảng phân loại các lá thuốc theo sách của Thần Nông. Tôi còn đọc về cao hổ cốt, mật gấu và mai rùa. Tôi tìm đến một cửa hàng Nhật được ở Kabuizawa và lấy về mấy mẫu thuốc thử miễn phí làm từ dầu lươn và mật gấu. Tôi cũng tìm đọc tất cả những gì liên quan đến sự tái sinh cũng như sự thoái hóa sức khỏe. Chia khóa cho sự trường sinh. Công cuộc tìm kiếm sự trường sinh bất tử đã được khơi mào ngay từ thuở sơ khai của loài người dưới nhiều dạng khác nhau. Người ta nói rằng, ngay cả đậu phụ cũng được phát minh ra bởi một vị hoàng đế Trung Quốc trên con đường tìm kiếm đông dược trường sinh.

Nhưng Sử Trùng Minh có nhắc tới một cái gì đó mà chưa ai biết đến, một cái gì đó vô cùng bí mật.

Một hôm tôi dùng tất cả số màu còn lại vẽ một người đàn ông đứng giữa những tòa nhà đổ nát mà tôi vẽ trên tường lần trước. Ông ta có khuôn mặt của một nghệ sĩ nhạc kịch *kabuki*, nhưng lại mặc một chiếc áo sơ mi Hawaii và sau lưng ông ta là một chiếc ô tô của Mỹ, một kiểu ô tô mà các tay anh chị ưa chuộng. Rải rác dưới chân ông là các lọ thuốc, một thiết bị tinh chế và một nồi chưng cất thuốc. Một loại thuốc rất quý và bất hợp pháp, một loại thuốc mà không ai dám nhắc tới.

“Rất đẹp đúng không,” Sử Trùng Minh nói.

Tôi nhìn ra khuôn viên trường đại học phía bên ngoài cửa sổ phòng ông ta. Cây cối đã chuyển sang sắc vàng và đỏ, đám rêu mọc trên mái cung thể thao chuyển sang màu xanh tím giống như những trái mận chín và thỉnh thoảng ở phía cổng lại xuất hiện một bóng người mặc đồng phục và đeo mặt nạ của môn kiếm đạo *kendo*. Những tiếng la hét từ võ đường vang khắp nơi

khiến đám quạ trên cây đập cánh xào xạc. Nó đã rất đẹp. Tôi không hiểu tại sao mình không thể tách rời nó ra khỏi bối cảnh chung của thành phố. Nó bị bao vây giữa một thành phố hiện đại của một nước Nhật khát khao quyền lực. Khi thấy tôi không rời mắt khỏi cửa sổ, Sử Trùng Minh phá lên cười.

“Vậy ra, cô cũng nằm trong số những người không thể tha thứ được.”

Tôi quay lại nhìn thẳng vào ông ta. “Tha thứ?”

“Tha thứ cho nước Nhật vì những gì họ đã làm ở Trung Quốc.”

Những lời của một giáo sư sử học người Mỹ gốc Trung mà tôi học tại trường đại học lại vang lên. *“Người Nhật tàn bạo ngoài sức tưởng tượng. Họ đã nâng tội ác lên thành một môn nghệ thuật. Liệu một lời xin lỗi chính thức có đủ để chúng ta tha thứ cho họ?”*

“Tại sao ông lại hỏi thế, ông đã tha thứ cho họ sao?”

Ông gật đầu.

“Làm sao ông có thể tha thứ được?”

Sử Trùng Minh nhắm mắt lại, một nụ cười nở trên gương mặt. Ông im lặng một lúc lâu đến mức nếu không nhìn thấy ông vắn vẹo hai bàn tay thì tôi đã cho rằng ông ngủ gật. “Làm sao à?” Cuối cùng ông lên tiếng. “Nghe giống như một việc bất khả thi. Nhưng tôi đã mất rất nhiều, rất nhiều năm nghĩ về chuyện đó. Một thời gian dài tôi không thể ra khỏi đất nước mình, không thể ra khỏi nhà mình. Cho đến khi bị ném đá trên đường phố, bị điều đi khắp thị trấn với những tấm biển tuyên truyền trên lưng.” Nói đến đây ông xòe bàn tay ra và đặt nó lên ngực. Tôi nghĩ ngay đến những bức ảnh về cách mạng văn hóa với hàng trăm người đàn ông bị Hồng Vệ binh săn đuổi, dồn lại một chỗ, tròng quanh cổ các áp phích cổ động với các biểu ngữ như *Thành phần phản cách mạng* hay *Trí thức tạo phản*. “Cô sẽ không có được những phương tiện để hiểu được bản chất của con người cho đến khi trải qua tất cả những chuyện đó. Tôi mất một thời gian dài nhưng rồi cũng hiểu được một điều hết sức giản đơn. Tôi đã hiểu được *sự thiếu hiểu biết*. Tôi càng suy ngẫm về nó thì càng hiểu ra rằng hành vi của họ đơn giản chỉ là sự thiếu hiểu biết. Đúng là có những người lính ở Nam Kinh, một vài người, thực sự độc ác. Tôi không tranh cãi điều này. Nhưng còn những



người khác? Tội lỗi lớn nhất của họ là sự thiếu hiểu biết. Chỉ đơn giản thế thôi.”

Sự thiếu hiểu biết. Đó là một thứ mà tôi nghĩ là tôi biết rất rõ. “Thế họ đã làm gì trong bộ phim mà ông đang giữ. Có phải đó là điều ông muốn nói? *Cái đó* có phải là sự thiếu hiểu biết?”

Sử Trùng Minh không trả lời. Mặt ông kín như bưng và ông giả vờ bận bịu với đồng giấy tờ. Cứ mỗi khi nhắc tới bộ phim là ông lại trở nên lặng lẽ.

“Có phải ý ông nói thế không, giáo sư Sử?”

Ông đẩy đồng giấy tờ sang một bên, dọn dẹp bàn, sẵn sàng làm việc. “Lại đây nào,” ông nói và ra hiệu cho tôi lại gần. “Lúc này hãy tạm không nói về chuyện đó. Tới đây và ngồi xuống kể cho tôi nghe cô đến đây làm gì?”

“Tôi muốn biết ông định nói gì, có phải ông muốn nói những gì họ làm đối với...”

“Xin cô! Xin cô, cô không định đến đây hôm nay để chơi không đấy chứ. Cô đến đây với mục đích nào đó - tôi có thể nhìn thấy nó trên mặt cô. Ngồi xuống đi.”

Tôi miễn cưỡng bước tới chiếc bàn. Tôi ngồi xuống trước mặt ông, hai tay để trong lòng.

“Sao?” Ông hỏi. “Có chuyện gì?”

“Tôi có đọc về y học Trung Hoa,” tôi thở dài nói.

“Tốt.”

“Có một huyền thoại. Một câu chuyện về một vị thần, một người nông dân thần thánh đã phân loại cây cỏ, xếp chúng theo những trật tự khác nhau. Tôi nói đúng chứ?”

“Theo mùi vị, nhiệt độ và chất lượng. Đúng vậy. Cô đang nói về Thần Nông.”

“Như vậy có phải việc tôi nên làm là xác định phương thuốc của Fuyuki có tuân theo quy luật này hay không? Tôi có phải coi đó là một khả năng cần xem xét hay không?”

Sử Trùng Minh nhìn tôi chăm chú.

Tôi hỏi: “Tôi vừa nói cái gì không đúng sao?”

Ông thở dài và ngồi xoay lưng lại, tay đặt lên bàn, gõ gõ các ngón tay lên mặt bàn. “Đã đến lúc tôi phải kể cho cô nghe nhiều hơn về tôi.”

“Gì ạ?”

“Tôi không muốn cô lãng phí thời gian. Cô nên biết là tôi đã có những nghi ngờ rất có cơ sở về những gì chúng ta đang tìm kiếm.”

“Vậy thì ông không cần tôi...”

“Có, tôi cần cô.”

“Tại sao?”

“Bởi vì tôi không muốn nghe thấy những điều tôi muốn nghe. Tôi không muốn một con vẹt trơ tráo đến xun xoe bảo tôi rằng, ‘Đúng vậy, thưa ngài, đúng vậy, thưa ngài, ngài luôn đúng, ngài quả là thông thái.’ Không, tôi muốn sự thật.” Ông lôi ra một cặp tài liệu cũ mèm từ đồng sách vở trên bàn. “Tôi đã nghiên cứu chúng lâu tới mức không thể cho phép mình phạm sai lầm. Tôi sẽ nói cho cô biết tất cả những gì cô cần biết. Nhưng tôi sẽ không nói cho cô một cách chính xác là tôi đang nghi ngờ cái gì.”

Ông lôi từ trong cặp hồ sơ ra một tập giấy úa vàng buộc bằng dây đen bản thủ.

“Tôi mất rất nhiều thời gian để tìm ra Fuyuki, tới mức chẳng muốn tính nữa. Tôi phát hiện ra rất nhiều điều về ông ta. Đây này.” Ông đẩy tập giấy sang chỗ tôi. Tôi nhìn vào đồng giấy vừa được mở tung, nghễ nghễ trên bàn chỉ chực rơi xuống đất. Đó là những tài liệu bằng tiếng Nhật và tiếng Trung, thư từ, các bản copy báo chí và có vẻ như cả một bản ghi chép được viết trên giấy viết thư của một văn phòng chính phủ. Tôi nhận ra chữ Bộ Quốc phòng được viết bằng kiểu chữ *kanji*.

“Cái gì đây?”

“Kết quả của bao năm làm việc. Phần lớn chúng được hoàn tất trước khi tôi được phép sang Nhật. Thử từ, các bài báo và - có lẽ là hành động mạo hiểm nhất của tôi - các báo cáo có được từ các nhân viên điều tra đặc biệt. Tôi không hy vọng cô hiểu chúng nhưng cô cần phải biết Fuyuki nguy hiểm tới mức nào.”

“Ông đã nói chuyện này với tôi rồi.”

Ông mỉm cười đăm chiêu. “Đúng, tôi có thể hiểu được sự hoài nghi của cô. Ông ta giống như một lão già. Thậm chí có khi còn tử tế nữa. Rộng lượng?”

“Ông không thể nhận xét về một người nếu chưa nói chuyện với họ.”

“Thú vị, có đúng không? Thật thú vị khi cái tay trùm cho vay nặng lãi *sarakin* quyền lực nhất Tokyo, một trong những tay sản xuất và nhập khẩu bất hợp pháp ma túy tổng hợp lớn nhất nước ấy lại trông có vẻ vô hại làm sao. Tuy nhiên chớ có lú lẫn.” Sử Trùng Minh cúi người về phía trước, nhìn tôi đầy ngụ ý. “Hắn ta cực kỳ nhẫn tâm. Cô không thể tưởng tượng được bao nhiêu người đã chết vì quyết tâm của hắn nhằm thiết lập một mạng lưới buôn bán chất ma túy tổng hợp từ Nhật tới các cảng biển nghèo của Hàn Quốc. Độc đáo nhất là cách hắn ta chọn tay chân của mình. Hắn ta có một kỹ năng độc nhất vô nhị - tất cả đều nằm trong đồng tài liệu này, nếu cô biết cách đọc chúng. Một bậc thầy về dân vận! Hắn ta tìm kiếm thông tin trên báo chí về các vụ bắt bớ, cẩn thận lựa ra những bị can nhất định rồi lo chi phí bào chữa tại tòa án. Nếu bị can thoát tội, hắn sẽ thề suốt đời trung thành với Fuyuki...”

“Thế ông có biết gì về...” Tôi cúi người lại gần ông, hạ thấp giọng theo bản năng, “... về mục Y Tá của ông ta không?”

Sử Trùng Minh nghiêm nghị gật đầu. “Có, tôi có biết mục Y Tá kiêm vệ sĩ của ông ta. Ogawa. Người ta hoàn toàn có cơ sở để mà sợ mục.” Ông cũng hạ thấp giọng như tôi, làm như chúng tôi có thể bị nghe lén vậy. “Cô phải biết rằng Fuyuki rất thích những kẻ tàn bạo. Những kẻ không phân biệt xấu hay tốt. Và hắn chọn mục Y Tá vì những tội ác trứ danh của mục ta, vì mục ta hoàn toàn không có khả năng cúi lòng trước nạn nhân.” Ông chỉ vào

đồng tài liệu. “Nếu cô có thời gian xem qua đồng tài liệu này cô sẽ thấy báo chí gọi mẹ ta là Quái vật Saitama. Xét về các phương pháp, mẹ ta là một huyền thoại sống ở Nhật, đối tượng của một loạt các tin đồn rùng rợn.”

“Phương pháp của mẹ ta?”

Ông gật đầu, và bóp nhẹ mũi, dường như đang cố gắng chặn một cái hắt hơi hay một ký ức nào đó. “Về bản chất,” ông vừa nói vừa thả tay xuống và thở hắt ra, “bạo lực là một phần không thể thiếu trong cuộc sống của *yakuza*. Nhưng có lẽ không có gì đáng ngạc nhiên ở đây, nếu xem xét tới khía cạnh bệnh lý, cộng thêm chứng rối loạn giới tính của mẹ ta thì chẳng có gì là lạ khi mẹ ta có vẻ thích thú với việc...” Nói tới đây mắt ông chợt lướt rất nhanh qua một điểm ở phía trên đầu tôi trước khi tiếp tục: “với việc tô điểm cho các tội ác của mình.”

“Tô điểm?”

Ông không trả lời. Thay vào đó, ông cắn môi rồi hỏi tôi, “Tôi chưa bao giờ gặp mẹ ta nhưng theo tôi biết thì mẹ ta rất cao đúng không?”

“Một vài người trong hộp đêm nghĩ mẹ ta là đàn ông.”

“Ấy thế mà mẹ ta lại là phụ nữ. Một người phụ nữ với một... - tôi không biết từ này trong tiếng Anh nói thế nào - có lẽ là một sự rối loạn về xương cốt. Nhưng thế là đủ rồi. Không nên lãng phí buổi sáng của chúng ta.” Ông nhìn tôi chăm chú. “Tôi cần phải biết. Cô có chắc là cô muốn tiếp tục không?”

Tôi cựa vai, chợt cảm thấy lạnh sống lưng. Cuối cùng tôi xoa tay, lên tiếng: “Thôi được, có, tôi thực sự muốn tiếp tục. Ông thấy đấy, đây là điều quan trọng nhất của đời tôi. Tôi đã theo đuổi nó suốt chín năm, tám tháng, hai mươi chín ngày và chưa một lần nghĩ tới chuyện bỏ cuộc. Đôi khi tôi nghĩ nó làm phiền mọi người.” Tôi suy nghĩ một lúc rồi ngẩng đầu lên nhìn ông. “Đúng vậy, nó quả có làm phiền mọi người.”

Ông phá ra cười và thu nhặt đồng tài liệu lại. Khi đang cất chúng vào cặp thì ông chợt chú ý tới một bức ảnh nằm khuất ở dưới cùng. “A,” ông thốt lên, rút tấm ảnh ra. “Đúng rồi, không biết cô có muốn xem cái này hay không?” Ông đẩy nó về phía tôi, những ngón tay nâu dài che mắt nửa tấm hình. Tôi nhìn thấy những chữ *kanji* ở góc trên phía bên phải, dấu tem của

Sở Cảnh sát, còn phía dưới tay ông là một bức hình đen trắng. Tôi nghĩ có lẽ mình đã nhìn thấy một sợi dây chằng ở hiện trường phạm tội và một chiếc ô tô đang mở cốp. Trong cốp xe có cái gì đó mà tôi không thể nhận ra, cho đến khi Sở Trùng Minh nhắc tay của ông lên và tôi đã hiểu.

“Ôi!” Tôi thì thào, lấy hai tay che miệng theo bản năng. Dường như tất cả máu trong đầu tôi đều bị hút kiệt trong giây lát. Bức ảnh chụp một cánh tay - một cánh tay người vắt ra ngoài cốp xe, đeo một chiếc đồng hồ đắt tiền. Tôi từng thấy ở thư viện trường đại học có nhiều bức ảnh tương tự chụp các nạn nhân của giới xã hội đen, nhưng chính thứ nằm dưới ống bô của chiếc ô tô đã khiến tôi không thể rời mắt. Được sắp đặt gần như theo một nghi thức trang trọng, cuộn lại trên mặt đất như một con trăn, là một đống... “Chúng có phải là...” tôi thì thào, “chúng có phải đúng là cái mà tôi nghĩ không? Là của con người đúng không? Là của anh ta?”

“Đúng vậy.”

“Đây là những gì mà ông gọi là... tô điểm?”

“Đúng, đây là một trong những hiện trường tội ác của Ogawa.” Ông bình tĩnh đặt tay lên bức ảnh và thu nó lại. “Một trong những tội ác được cho là của Quái vật Saitama. Người ta đồn rằng, lần đầu tiên nhìn vào xác chết, cảnh sát cũng không phát hiện ra ngay là *nội tạng* của anh ta đã bị móc sạch. Chính nó đã khiến tôi choáng váng, thực sự choáng váng, cái mức độ siêu phạm của tội ác mà con người, hay người phụ nữ, có thể đạt tới.” Ông cất bức ảnh đi và cột tập tài liệu bằng sợi dây màu đen cũ mèm. “À, nhân tiện,” ông nói, “nếu tôi là cô, tôi sẽ không phí thời gian tìm hiểu sự phân loại của Thần Nông.”

“Xin lỗi, tôi không hiểu?” Tôi ngược nhìn ông ngơ ngác.

“Tôi nói là cô đừng có mất thời gian nghiên cứu sự phân loại của Thần Nông. Cái cô đang tìm kiếm không phải là một loại cây.”

Tôi không tài nào ngủ được. Bức ảnh trong tập tài liệu của Sở Trùng Minh ám ảnh tôi, làm tôi trằn trọc suốt đêm, khiến tôi tự hỏi tôi sẽ sẵn sàng tiến xa tới đâu để thỏa mãn ông. Và nếu không phải “việc tô điểm tội ác” của mục Y Tá thì lại đến lượt những ý nghĩ về Jason quấy rầy tôi, khiến cả người tôi có cảm giác như bị điện giật, không tài nào ngủ yên được. Thỉnh thoảng, vào những lúc anh ta tình cờ xuất hiện ở những nơi tôi ít chờ đợi nhất, như trong hành lang bên ngoài phòng tôi hay ở quầy bar khi tôi đến lấy cốc sạch, lặng lẽ quan sát tôi bằng đôi mắt điem tĩnh của anh ta, tôi lại tự nhủ rằng anh ta đang tìm cách khiêu khích tôi, đang dàn dựng một điệu vũ đôi để tiêu khiển, nhảy múa xung quanh tôi trong bóng tối của ngôi nhà, hàng đêm lướt trong hành lang như một anh hề đeo mặt nạ. Nhưng cũng có những lúc, nhất là khi anh ta nhìn tôi khi chúng tôi đi bộ từ câu lạc bộ về nhà, thì tôi có cảm giác là anh ta đang cố gắng nhìn thấu tôi, cố gắng nhìn thấy những thứ đằng sau quần áo của tôi. Bụng tôi lại quặn lên một cảm giác khó tả, tôi phải siết chặt đai lưng, dựng cổ áo khoác lên, khoanh tay và rảo bước nhanh hơn, để anh ta rút lại phía sau và chỉ có tập trung nghĩ đến những lời châm chọc của hai chị em sinh đôi.

Căn nhà dường như ngày càng trở nên hiu quạnh. Một sáng nọ, vài hôm sau khi tôi đến gặp Sở Trùng Minh, tôi thức dậy khá sớm và nằm trên giường lắng nghe sự yên tĩnh của ngôi nhà, cảm nhận một cách sâu sắc các căn phòng đang uể oải vươn mình xung quanh tôi, những tấm gỗ trên sàn cọt kẹt, những góc nhà không ai lau dọn, đầy ắp những bí ẩn và có lẽ cả những cái chết bất ngờ. Những căn phòng khóa kín chưa một ai dám bước vào. Những người khác vẫn đang ngủ và đột nhiên tôi cảm thấy không thể chịu đựng sự im lặng này thêm được nữa. Tôi trở dậy dùng bữa sáng với cà phê đặc và món vịt hầm lê kiểu Trung Quốc, thay một chiếc đệm bằng vải lanh rồi thu gom đống giấy tờ và những quyển sách bằng chữ *kanji* của mình, và mang tất cả xuống vườn.

Trời hôm nay âm áp và yên tĩnh hơn thường lệ - gần như tiết trời mùa hè. Một trong những buổi sáng mùa thu trong vắt, trong vắt đến độ chỉ sợ thả tay ra là mọi thứ sẽ bị cuốn lên trời và biến mất mãi mãi. Tôi chưa bao giờ tưởng tượng ra bầu trời Nhật Bản lại xanh trong đến thế. Những chiếc ghế xếp vẫn nằm tại nơi hai chị em người Nga đã ngồi tán chuyện hồi mùa hè, xung quanh rải rác những đầu mẩu thuốc lá. Tôi đặt sách vở xuống một chiếc ghế rồi quay sang nhìn xung quanh. Bên cạnh ao sen là dấu vết còn lại của một đường mòn cũ - những phiến đá lát trang trí xếp dọc lối đi, chạy ngoằn ngoèo dưới các bụi cây dẫn về phía dãy phòng bị khóa kín. Tôi bước dọc theo con đường, hai tay dang ra như đi trên cầu thăng bằng. Con đường dẫn tôi đi quanh hồ, đi qua chiếc đèn đá và chiếc ghế đá bước tới khu vực mà Sử Trùng Minh có vẻ ấn tượng sâu sắc. Tôi đến bên rìa bụi cây và dừng lại, nhìn xuống dưới chân.

Con đường xuyên qua đám cây cối, nhưng tôi dừng lại trên một phiến đá lát đường, nằm ngay giữa nó là một hòn đá màu trắng to bằng nắm tay, được buộc lại bằng những sợi rơm đã mục. Trong vườn của người Nhật mọi thứ đều được mã hóa và có những quy tắc riêng, một hòn đá đặt trên một phiến đá lát đường là dấu hiệu rõ ràng cho khách khứa: *Không được tiến thêm. Đây là khu vực cấm.* Tôi đứng nhìn chăm chăm vào đó một lúc, tò mò không biết khu vực này có gì bí mật. Mặt trời đã khuất sau một đám mây, và tôi xoa tay, bất chợt cảm thấy lạnh. Chuyện gì sẽ xảy ra khi bạn phá vỡ luật lệ ở một nơi không phải là nhà bạn? Tôi hít một hơi thật sâu rồi bước qua viên đá đó.

Tôi dừng lại, chờ xem chuyện gì sẽ xảy ra. Một con chim nhỏ bay vụt lên cành cây, ngoài ra, cả khu vườn vẫn tĩnh lặng. Chú chim đậu trên cành, dường như đang quan sát tôi, và tôi cũng nhìn lại. Rồi, nhận ra cái nhìn chăm chăm của nó, tôi quay người và tiếp tục đi xuyên qua đám rễ và bóng cây, tiến về phía những căn phòng bị khóa kín cho đến khi tôi nhận ra mình đang đứng cạnh một bức tường nơi tôi có thể nhìn xuyên suốt chiều dài của ngôi nhà đến những ô cửa sổ bị niêm phong, cây leo chằng chịt. Tôi bước qua một cành cây gãy và lại gần một tấm lưới bảo vệ, gi mũi vào đó. Tôi có thể ngửi thấy mùi bụi và mùi ẩm mốc trong các căn phòng bị khóa kín. Mọi người nói rằng khu tầng trệt này bị ngập nước và rất nguy hiểm. Jason có nói là khoảng mấy tháng trước, anh ta đã từng tới đây. Chỉ toàn là rác rưởi và những thứ mà anh ta không muốn lại gần. Hệ thống ống nước bị phá hủy trong các trận động đất nên một số phòng đã biến thành hồ nước ngầm.

Tôi quay trở lại phía bên kia khu vườn và nghĩ tới những lời của Sử Trùng Minh: *Tương lai của nó đang chờ được khám phá.* Tương lai của nó đang chờ được khám phá. Tôi có một cảm giác vô cùng kỳ quái. Cảm giác rằng tương lai của khu vườn này đã quy tụ tại khu vực tôi đang đứng, khu vực xung quanh chiếc đèn đá.



## 史 Nam Kinh, ngày 14 tháng Mười hai năm 1937

Sự thật được truyền đi từ đài phát thanh. Không phải tin tốt. Hôm qua, sau vụ nổ ở cổng thành Trung Sơn, quân đội Thiên hoàng Nhật Bản tràn vào thành phố qua hai lỗ hồng trên tường thành. Tôi đã may mắn chạy trốn đúng lúc. Suốt buổi chiều, họ tiến vào thành cùng với xe tăng, súng bắn đạn trái phá và súng phun lửa. Đến đêm thì họ đã chiếm giữ được tất cả các tòa nhà chính phủ ở Nam Kinh.

Khi nghe tin này, cả tôi và Thu Kim đều im lặng một lúc lâu. Cuối cùng tôi đứng dậy tắt đài và đặt tay lên vai cô ấy.

“Đừng lo. Mọi chuyện sẽ nhanh chóng kết thúc trước khi con...” Tôi lưỡng lự, cúi nhìn mái tóc đen dày và đường ngôi mảnh mai màu trắng trên đầu cô ấy. “Mọi chuyện sẽ kết thúc trước khi mặt trăng nhỏ của chúng ta chào đời. Chúng ta có đủ thức ăn và nước cho hơn nửa tháng và bên cạnh đó...” tôi lấy hơi, cố gắng để giọng nói có vẻ tự tin và bình tĩnh, “người Nhật là những người văn minh. Chẳng bao lâu chúng ta sẽ lại có thể an toàn ra phố.”

“Trương lai của chúng ta chính là quá khứ của chúng ta và quá khứ của chúng ta là tương lai của chúng ta,” cô ấy thì thầm. “Chúng ta biết rõ cái gì sẽ xảy ra...”

Chúng tôi biết rõ cái gì sẽ xảy ra ư?

Có thể cô ấy đúng. Có thể chân lý đã có ở bên trong chúng ta từ khi chào đời. Có thể trong nhiều năm, chúng ta cứ bơi xa dần khỏi những thứ mà chúng ta đã biết rõ và chỉ có tuổi già và cái chết mới cho phép chúng ta quay trở lại, trở lại với những gì thuần khiết, những gì không thay đổi bởi

quy luật sinh tồn. Nếu cô ấy đúng thì sao? Nếu đúng là mọi chuyện đều đã được định sẵn, số phận của chúng ta, tình yêu của chúng ta và con cái của chúng ta nữa? Nếu đúng là tất cả đã ở bên trong chúng ta ngay từ ngày đầu tiên? Nếu đúng vậy thì tôi cũng đã biết cái gì sẽ xảy ra ở Nam Kinh. Tôi chỉ cần chạm vào câu trả lời...

## **史 Nam Kinh, nửa đêm ngày 15 tháng Mười hai năm 1937 (ngày mười ba tháng Mười một âm lịch)**

Ha! Nhìn hai chúng tôi lúc này xem. Chỉ một ngày ngắn ngủi mà tất cả sự tự tin của tôi đã tan như bong bóng xà phòng. Thu Kim, thầy chiêm tinh của tôi đã không nhìn thấy trước được điều này. Thức ăn đã biến mất. Khoảng một giờ sáng nay chúng tôi nghe thấy tiếng động ở phía sân trước. Khi tôi lò dò ra cửa xem thì thấy hai cậu bé quần áo rách rưới đang kéo các tải kê và tảng thịt khô qua tường.

Chúng ném một sợi dây thừng qua tường và đang trèo lên. Tôi hét lên và chạy xuống dưới nhà, tóm lấy một thanh sắt và gài lên giậu dữ, nhưng đến khi tôi mở được chốt cửa và lao ra ngoài phố thì chúng đã biến mất tăm.

“Chuyện gì vậy?” Thu Kim xuất hiện trên ngưỡng cửa với chiếc váy ngủ dài, tóc xõa xuống vai và tay cầm một ngọn đèn dầu. “Trùng Minh, có chuyện gì thế?”

“Suyt, đưa cho tôi cái áo khoác rồi đi vào trong và khóa cửa lại. Đừng mở ra cho đến khi tôi quay lại.”

Tôi luôn lách giữa những ngôi nhà bỏ hoang và những khu đất trống trước khi tới khu phố nhà ông Lưu. Trong căn hẻm ông đang sống, gia đình ông là gia đình duy nhất trụ lại, và khi rẽ vào đó thì tôi nhìn thấy cả ba người nhà ông đang quanh quẩn dưới ánh trăng. Vợ ông Lưu đang khóc còn

cậu con trai thì đứng ở đầu hẻm nhìn trân trân ra ngoài phố, người run lên vì tức giận. Cậu ta đang cầm một chiếc còng xe bằng gỗ như thể sẵn sàng tấn công ai đó. Tôi biết ngay là họ cũng vừa lâm vào cảnh ngộ như mình.

Họ mời tôi vào nhà. Ông Lưu và tôi châm một ống tẩu và ngồi bên cạnh lò than đang cháy để giữ ấm, cánh cửa ra ngõ lúc này để mở vì cậu con trai vẫn khăng khăng đòi ngồi canh cách đó vài bước trong một tư thế hết sức thoải mái, đầu gối gần chạm vai như thể cậu vừa mọc ra hai cái cánh. Cái còng xe nằm dưới chân cậu trong tư thế sẵn sàng nghênh chiến. Mắt cậu căng ra, giận dữ như mắt cọp, quan sát đường phố.

“Chúng ta nên rời thành phố từ lâu mới phải.” Bà Lưu nói một cách cay đắng rồi bỏ đi chỗ khác. “Ở đây chúng ta sẽ chết hết mất thôi.”

Tôi nhìn bà ấy bỏ đi và một lúc sau thì nghe thấy tiếng khóc thôn thức ở phòng trong. Tôi nhìn ông Lưu một cách ngượng ngùng nhưng ông vẫn ngồi, không hề có biểu hiện gì, chỉ nhìn ra cửa về phía đằng xa, lên phía trên các mái nhà, nơi một cột khói xám đang bốc lên trời và che khuất các vì sao.

“Ông nghĩ gì?” Cuối cùng ông nói mà vẫn không quay sang nhìn tôi. “Chúng tôi chỉ có đủ thức ăn cho hai ngày, sau đó chúng tôi sẽ chết đói. Ông có cho là chúng ta nên ra ngoài xem sao không?”

Tôi lắc đầu. “Không nên,” tôi nói khẽ, nhìn ánh đỏ rực lên dưới đám khói đang cuộn cuộn. “Thành phố đã thất thủ. Chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ có thể an toàn ra khỏi nhà, có thể hai ngày hoặc sớm hơn. Họ sẽ sớm thông báo là chúng ta có thể an toàn ra ngoài.”

“Vậy chúng ta nên đợi tới lúc đó chẳng?”

“Đúng, tôi nghĩ là chúng ta nên đợi. Sẽ không lâu đâu.”

**史 Nam Kinh ngày 17 tháng Mười hai năm 1937**

Đã hai ngày chúng tôi không ăn gì. Tôi lo lắng không hiểu Thu Kim có thể chịu đựng như thế trong bao lâu. Các bản tin trên đài có nhắc đến những nỗ lực nhằm thiết lập một Ủy ban Tự quản của thành phố, thông báo chẳng bao lâu nữa chúng tôi có thể đi lại một cách tự do và hội Chữ Thập Đỏ sẽ phân phát gạo cứu đói trên đường Thượng Hải. Thế nhưng trên thực tế vẫn chưa có tuyên bố chính thức nào. Chúng tôi quét dọn chỗ gạo rơi vãi trong vụ trộm rồi nấu cùng với số dưa góp còn lại trong bếp mà Thu Kim đã tình cờ tích trữ, nhưng cũng chỉ đủ ăn trong hai bữa. Vợ ông Lưu lo lắng cho Thu Kim nên đã san sẻ cho chúng tôi một ít thức ăn mà họ còn. Nhưng bây giờ mọi thứ đều đã hết nhẵn. Thu Kim không than vãn nửa lời nhưng tôi rất lo lắng cho đứa bé trong bụng cô ấy. Tỉnh thoảng, khi đêm gần tàn, tôi chợt có những cảm giác kỳ lạ như có cái gì đó ở bên trong Thu Kim, cái gì đó không rõ ràng, giống như một linh hồn, đang vươn ra và tôi không thể không nghĩ đến mặt trăng nhỏ bé của chúng tôi đang muốn vươn ra ngoài trong cơn đói.

Tôi để những việc lặt vặt lại cho đến khi trời tối, bỏ chiếc nồi đất ra ngoài, và nhặt củi vào để đốt. Tôi giữ rịt chút dầu còn lại cho chiếc đèn dầu của mình. Trời lạnh buốt, thậm chí ban ngày chúng tôi cũng phải mặc áo khoác và quấn chăn. Tôi bắt đầu quên rằng thế giới này còn có những thứ đẹp đẽ như sách, niềm tin và sương khói trên sông Dương Tử. Sáng nay tôi tìm thấy sáu quả trứng luộc bọc trong một chiếc áo sùn xám nhét trong cái rương ở chân giường. Sáu quả trứng được nhuộm màu đỏ.

“Đây là cái gì vậy?” Tôi mang xuống dưới nhà hỏi Thu Kim.

Cô ấy không nhìn lên. “Đặt nó vào chỗ cũ đi.”

“Minh định làm gì với chúng?”

“Minh biết rồi còn hỏi.”

“Dành cho lễ chào đời của mặt trăng bé bỏng của chúng ta đúng không?”

Cô ấy không trả lời.

Tôi nhìn mấy quả trứng trong tay. Thật ngạc nhiên khi thấy con người ta có thể thay đổi đến nhường nào chỉ sau hai ngày không có thức ăn. Đầu

tôi nhẹ bẫng khi nghĩ đến việc đập trứng ra ăn. Tôi vội vàng đặt chúng lên bàn trước mặt cô ấy, rồi đứng lùi lại một bước. “Ăn đi,” tôi nói và chỉ tay vào mấy quả trứng. “Nhanh lên. Ăn luôn bây giờ đi.”

Cô ấy ngồi nhìn chúng chằm chằm, chiếc áo khoác quần chạt quanh người, vẻ mặt xa xăm, trông rỗng.

“Tôi nói ăn đi. Ăn ngay bây giờ.”

“Sẽ là điềm gỡ đôi với linh hồn của mặt trăng của chúng ta.”

“Điềm gỡ? Đừng có nói với tôi về điềm gỡ. Thế mình tưởng tôi không hiểu thế nào là điềm gỡ hay sao?” Tôi bắt đầu nổi giận. “**ĂN ĐI!**”

Nhưng cô ấy vẫn ngồi trơ ra một cách bướng bỉnh, khuôn mặt kín như bưng, trong khi tôi đi đi lại lại trong phòng, cơn thịnh nộ chỉ chực bùng ra ngoài. Sao cô ấy có thể ngốc nghếch thế cơ chứ, mạo hiểm với sức khỏe của con chúng tôi. Cuối cùng, sau một hồi đấu trí căng thẳng, tôi quay lưng lại với mớ trứng, đóng sập cửa và bước lên thư phòng của mình, ngồi lại bên trong suốt từ lúc đó đến giờ mà không tập trung nổi vào bất cứ việc gì khác.

## **史 Nam Kinh, chiều ngày 17 tháng Mười hai năm 1937**

Khi tôi đang viết những dòng cuối cùng này thì có chuyện gì đó đã xảy ra. Tôi phải dừng tay đặt bút xuống và ngẩng đầu lên nghe ngóng. Có mùi gì đó len lỏi vào trong nhà qua chiếc cửa sổ đóng kín mít. Một mùi vừa thơm vừa khó chịu. Mùi thịt nướng. Ai đó đang nấu nướng quanh đây. Cái mùi đó khiến tôi bật dậy, lại gần cửa sổ, run rẩy đứng đó, gí mũi vào tấm lá chắn, hít lấy hít để. Tôi tưởng tượng ra một gia đình, có khi ở ngay hẻm bên cạnh thôi, đang ngồi xung quanh bàn bày đầy cơm dẻo, bánh ngô và thịt lợn ngon lành. Hay có thể đó chính là bọn trộm đang nấu những thứ cướp được của chúng tôi. Nếu đúng vậy thì hẳn chúng đã quên mất huyền thoại về con gà của những người ăn xin, quên mất điều mà mọi kẻ trộm ở Giang Tô cần phải biết đó là chỉ nấu những thứ cướp được ở dưới hầm, một cách lén lút

chứ không nấu ở ngoài trời, giữa thanh thiên bạch nhật vì mùi thơm của thức ăn sẽ bay tới mũi tất cả mọi người.

Tôi phải ngăn mình nhồm dậy khỏi chiếc bàn do bị mùi thơm đó mê hoặc. Nó cứ sục lên và mới ngọt ngào làm sao. Nó khiến tôi thay đổi quyết định. Nếu người ta cảm thấy đủ an toàn khi nấu nướng một cách công khai, để mùi thức ăn bay đi khắp phố phường như vậy thì chỉ có nghĩa là hòa bình sắp tới rồi. Chắc hẳn bên ngoài không có gì nguy hiểm. Bây giờ tôi sẽ ra ngoài. Tôi sẽ đi kiếm thức ăn cho Thu Kim.

*Không phải một loại cây.* Đó là những gì Sứ Trùng Minh đã nói. Không phải là một loại cây.

Sáng hôm đó tôi đã nghĩ tới chuyện này, ngồi trên chiếc ghế xếp chúm mũi vào mấy quyển sách giáo khoa. Tôi đọc liên tục gần một tiếng đồng hồ thì có cái gì đó khiến tôi sao nhãng. Chỉ cách tôi mấy bước chân, một con ve đang lột xác trên mặt đất. Đầu tiên là hai sợi râu, sau đó đến cái mặt bé xíu như một con rông sơ sinh. Tôi đặt quyển sách xuống và quan sát nó. Nó bò một quãng ngắn đến gần thanh gỗ mục, và sau một vài phút nghỉ ngơi, lại tiếp tục quá trình lột xác, hai cái cánh chui ra cùng một lúc, chậm rãi và đau đớn, chiếc vỏ cứng lúc này bắt đầu nứt vụn ra thành những mảnh óng ánh. Tôi có đọc đâu đó rằng cánh ve có thể dùng như một phương thuốc cổ truyền để chữa các bệnh về tai. Tôi lại nghĩ tới chất bột khô bám vào đáy ly của Fuyuki. *Cái cô đang tìm kiếm không phải là một loài cây.* Nếu nó không phải là một loài cây thì...?

Con ve lúc này đã hoàn toàn lột xác, bồi rồi dang đôi cánh trắng sơ sinh mỏng tang nhìn ngó xung quanh. Sao bây giờ nó mới lột xác nhỉ? Những con ve khác đã lột xác và bay đi từ nhiều tuần trước.

“Cô đang mơ mộng gì thế?”

Tôi giật nảy người. Jason vừa bước qua cái đường hầm bằng cây đậu tía và đang đứng cách tôi vài bước, tay cầm một tách cà phê. Anh ta vận quần jean và áo thun, mặt nhăn nhui và râm nắng. Anh ta nhìn chăm chăm vào cánh tay và đôi chân trần của tôi, vẻ mặt trông như thể chúng đang gọi cho anh ta nhớ tới điều gì.

Tôi vòng tay ôm lấy đầu gối theo bản năng và cúi xuống thấp hơn một chút, gần chạm vào đồng sách tôi đang đọc. “Một con ve,” tôi nói. “Thấy không?”

Anh ta ngồi xổm xuống và nhìn, lấy tay che mắt. Cánh tay của anh ta có màu bơ cháy và chắc là anh ta vừa đi cắt tóc sáng nay nên tôi có thể nhìn thấy cái đầu tròn trịa và cái gáy quăn rũ của anh ta. Mái tóc húi cua cũng để lộ một ít tóc bờ liềm ngay dưới tai anh ta.

“Tôi nghĩ là chúng đã chết hết cả rồi,” tôi nói. “Tôi đã nghĩ là trời quá lạnh.”

“Nhưng hôm nay trời nóng,” anh ta nói. “Tuy nhiên, cô biết đấy, trong cái vườn này, cái quái gì cũng bất bình thường. Hỏi Svetlana mà xem. Ở đây mọi thứ đều không tuân theo quy luật bình thường.”

Anh ta lại gần và ngồi xuống một chiếc ghế bên cạnh tôi, chân bắt chéo, tách cà phê để trên đùi. “Hai nàng *baba yaga* đến công viên Yoyogi để xem các anh chàng rockabilly rồi,” anh ta nói. “Chỉ còn hai chúng ta ở đây thôi.”

Tôi không trả lời. Tôi cắn môi và nhìn chăm chăm về phía cửa sổ hành lang.

“Ồn chứ?” Anh ta hỏi.

“Cái gì ồn?”

“Cô đang nghĩ gì vậy?”

“Tôi không nghĩ gì. Tôi đang nghĩ về... chẳng về cái gì cả.”

Anh ta nhướn mày.

“Chẳng nghĩ gì cả.” Tôi nhắc lại.

“Rồi, nghe thấy rồi.” Anh ta uống cạn ly cà phê, dốc ngược nó xuống để những giọt nước màu nâu nhỏ xuống nền đất khô ráo. Rồi anh ta nghiêng đầu sang bên cạnh bảo tôi: “Hãy nói cho tôi nghe cái gì đó.”

“Nói gì?”

“Nói cho tôi biết tại sao tôi lại cứ hay nhìn cô thế nhỉ?”



Tôi cụp mắt xuống, mân mê bìa sách, giả vờ như không nghe thấy anh ta nói gì.

“Tôi nói là tại sao tôi lại muốn nhìn cô? Tại sao tôi lại cứ hay nhìn cô và nghĩ rằng cô đang giấu giếm cái gì đó, cái gì đó mà tôi thực sự thấy hấp dẫn?”

Đột nhiên tôi cảm thấy lạnh dù trời đang nắng. Tôi chớp mắt nhìn anh ta. “Xin lỗi,” tôi cất lời, giọng nói vang lên nhỏ và xa vắng. “Anh nói gì cơ?”

“Cô đang che giấu cái gì đó,” anh ta nói và giơ tay lên lấy ống tay áo quệt trán. “Rất dễ thấy. Tôi chỉ cần nhìn cô và thấy ngay điều đó. Tôi không biết chính xác đó là gì nhưng *giác quan thứ sáu* mách bảo tôi rằng đó là một cái gì đó mà tôi sẽ rất thích thú. Cô thấy không, tôi là một...” Anh ta đưa hai ngón tay lên gõ nhẹ vào trán “... Tôi là một người nhìn xa trông rộng trong những vấn đề liên quan đến phụ nữ. Tôi có thể cảm nhận được điều đó từ trong không khí. Ôi, lạy Chúa, da của tôi.” Anh ta rùng mình và sờ dọc cánh tay. “Da tôi vừa mới đổi màu.”

“Anh sai rồi, tôi chẳng giấu giếm cái gì cả,” tôi khoanh tay trước bụng.

“Có đấy, cô có giấu.”

“Tôi không hề.”

Anh ta nhìn tôi vẻ khoái trá. Trong một thoáng, tôi đã nghĩ là anh ta sẽ phá ra cười. Nhưng anh ta lại thở dài. Anh ta đứng dậy vươn vai một cách uể oải rồi kéo lại áo, ánh mắt tôi lướt qua mông bụng phẳng lì của anh ta. “Không,” anh ta nói, nheo mắt nhìn lên trời. “Không,” anh ta hạ tay xuống và quay người đi về hướng đường hầm bằng cây đậu tía. “Tất nhiên là không rồi.”

Tôi từng đọc câu chuyện về một cô bé người Nhật bị lạc trong một khu vườn vào mùa ve lột xác. Tất cả bọn chúng từ dưới đất chui lên cùng một lúc. Trong nháy mắt, chúng ở khắp mọi nơi, chiếm cứ không khí và cây cối, đông đến nỗi những cành cây nặng trĩu xuống. Mặt đất xung quanh cô bé nứt nẻ, hàng triệu con ve lột xác đập cánh bay lên cây, âm thanh càng lúc càng lớn, vang vọng khắp các bức tường đến đỉnh tai nhức óc. Hoảng sợ, cô bé chạy đi tìm chỗ ẩn náu, giẫm đạp một cách tuyệt vọng lên những con ve đang lột xác, làm tấm vỏ bọc của chúng vỡ vụn, khiến chúng kêu ré lên rồi lộn vòng trên mặt đất như những bánh xe, lăn tròn, lăn tròn, mờ mờ những đôi cánh màu đen và nâu. Rồi cuối cùng khi đã tìm được đường ra khỏi khu vườn, cô bé lao thẳng vào vòng tay của một chàng trai, anh ta bế cô trên tay và mang cô đến một nơi an toàn. Lúc ấy cô bé không hề biết rằng lũ ve chính là một điềm lành. Chàng trai đó chính là nửa thứ hai của cuộc đời cô. Một ngày nào đó, cô sẽ trở thành vợ của anh ta.

Tôi giật nảy người. Có cái gì đó vừa chạm vào chân tôi. Tôi ngồi bật dậy, mắt nhắm mắt mở ngó nghiêng xung quanh. Khu vườn hoàn toàn thay đổi - tối đen. Mặt trời đã lặn. Tôi đã ngủ quên. Trong giấc mơ của tôi, Jason chính là chàng trai đã tới cứu cô bé và mang cô đi nơi khác. Áo anh ta để phanh cổ và trong khi ẵm cô bé đi, anh ta thì thầm vào tai cô những lời tán tỉnh trâng tráo khiến cô bé ngượng ngùng lấy tay che mặt. Có cái gì đó chạm vào tay tôi khiến tôi giật mình ngã ra khỏi ghế, những quyển sách rơi tung tóe. Khắp nơi trên mặt đất xuất hiện những lỗ nhỏ và cát bụi bay tung lên như đạn bắn. Mưa. Chỉ là trời mưa nhưng tôi vẫn đang lạc trong câu chuyện của cô bé người Nhật với hàng triệu con ve từ dưới đất chui lên và nhảy lên đầu lên tóc cô bé. Những giọt mưa rơi trên cánh tay tôi bỏng rát như những giọt axit. Tôi vội vàng thu nhặt đồng sách vở và băng qua khu vườn chạy vào đường hầm dưới cây đậu tía.

Tôi kéo cánh cửa liếp che khu vườn lại. Cầu thang lạnh lẽo, những chiếc lá mục nằm rải rác trên các bậc thang. Sau lưng tôi, mưa quất vào lớp

giấy bồi trên cánh cửa và tôi hình dung ra khu vườn đang tối dần, những con bọ làm rung chuyển cây lá và tùm tùm trên cành cây, giống như một cơn bão cát lớn cuộn trên mái nhà. Trong bóng tối âm u, tôi đá đôi dép đi và chạy vội lên cầu thang.

Jason đứng trong hành lang phía đầu cầu thang như đang đợi tôi. Anh ta ăn mặc chỉnh tề như sắp ra ngoài nhưng vẫn đi chân đất. Tôi dừng lại trước mặt anh ta và thả đồng sách xuống sàn.

“Gì vậy?”

“Nó cứa vào người tôi,” tôi nói và vuốt dọc cánh tay, tưởng tượng ra những chiếc cánh côn trùng đang tuột ra khỏi da mình. “Tôi nghĩ là cây đậu tía cứa vào người tôi.”

Anh ta cúi xuống và ấn vào mắt cá chân của tôi. Tôi lùi lại và co chân lên theo bản năng. “Anh làm cái gì...”

“Tôi làm cái gì...” Anh ta đặt ngón tay lên môi và nhại lại, ngẩng đầu lên như muốn nhìn tôi. “Tôi cái gì cơ?”

Tôi đứng như trời trồng, hai chân hơi giạng ra, im lặng nhìn chằm chằm khi anh ta bình thản đưa tay lên vuốt dọc hai bắp chân của tôi như một tay lái ngựa đang kiểm tra hàng. Tay anh ta dừng lại lâu hơn một chút ở đầu gối, phía bên trong gấu váy, mắt lim dim như thể những ngón tay của anh ta là một cái ống nghe và anh ta đang căng tai lên để chẩn bệnh. Mồ hôi tôi túa ra vai, phía sau gáy. Rồi anh ta đứng thẳng dậy, nâng cánh tay tôi lên và dùng lòng bàn tay vuốt dọc chúng, ngón tay cái của anh ta day day nơi cổ tay. Tiếng mưa rơi vang vọng khắp căn nhà, lộp độp như mưa đá trên hành lang yếu ớt. Jason đặt tay phải lên vai tôi rồi vén tóc tôi lên, vòng ra phía sau cổ, xoắn lại thành một búi ở phía bên trái rồi luồn ngón tay vào đó. Tôi có thể cảm thấy mạch của mình đập thình thịch trên lòng bàn tay của anh ta.

“Xin anh...”

Anh ta nhếch mép cười, để lộ một chiếc răng mẻ. “Cô hoàn toàn lạnh lặn,” anh ta nói. “Không một vết xước.”

Tôi những muốn lấy tay che mắt lại vì có vài đốm sáng nhỏ chọt đập vào võng mạc. Tôi có thể nhìn thấy vết bò liếm bên gáy của anh ta và ở dưới đó là những mạch máu đang phập phồng.

“Cô biết bây giờ là mấy giờ không?” Anh ta nói.

“Không, mấy giờ rồi?”

“Đã đến giờ để chúng ta làm chuyện đó.” Anh ta nhẹ nhàng cầm tay tôi, ngón trỏ và ngón cái giữ lấy lòng bàn tay. “Đi nào, chúng ta sẽ tìm ra cô đang che đậy cái gì.”

Tôi khép chặt đầu gối, hai gót chân dính xuống sàn nhà. Da của tôi căng ra, mọi chân tơ kẽ tóc dựng đứng lên như muốn ngăn cản một cái tôi mơ hồ nào đó chực lao ra và ngã vào lòng Jason. Mồ hôi tôi lại toát ra như tắm.

“Này,” anh ta nói, mỉm cười một cách ranh mãnh. “Chớ có lo lắng, tôi sẽ tháo bỏ hết móng vuốt trước khi chúng ta bắt đầu.”

“Đi đi,” tôi rút tay tránh xa người anh ta, bước lùi lại, gàn như run rẩy. “Làm ơn để tôi yên.”

Tôi vụng về nhặt đồng sách trên sàn rồi chạy về phòng, đầu hơi cúi xuống, các quyển sách siết chặt trước bụng. Tôi đóng sập cửa rồi đứng dựa lưng vào đó một lúc rất lâu trong cảnh tranh tối tranh sáng, tim đập mạnh tới mức tôi không còn nghe thấy bất cứ tiếng động nào khác.

Vào khoảng sáu giờ chiều trời đã sẫm tối và ánh sáng từ tấm bảng quảng cáo Mickey Rourke chiếu xuyên qua tấm màn cửa vào trong phòng. Tôi có thể nhìn thấy bóng mình trong tấm gương viền vàng, ngòì run rẩy ở một chỗ, khói thuốc bay ngoằn ngoèo trước mặt. Tôi đã ngòì như thế gần năm tiếng đồng hồ, không làm gì khác ngoài việc hút hết điếu này tới điếu khác mà vẫn không xua đuổi được cái cảm giác ban nãy. Đó là một cảm giác khoan khoái, phờn phơ như bong bóng nổ khắp người. Mỗi khi cảm giác này nhạt đi thì chỉ cần nghĩ đến câu nói của Jason, “*Chúng ta sẽ tìm ra cô đang che đậy cái gì*”, là nó lại ùa về.

Cuối cùng tôi gạt mấy sợi tóc rơi xuống trán và dụi tắt điếu thuốc. Đã đến giờ đi làm. Tôi đứng dậy, người run bần bật, cởi quần áo rồi mở tủ lôi ra những túi đựng quần áo mới. Đôi khi trong đời có những thời điểm mà bạn chỉ còn cách là nín thở và nhảy đại.

Tôi tìm thấy một chiếc quần chèn kiểu Pháp bằng nhiều lớp lán với một dải ruybăng lớn bằng vải thô rủ xuống thấp, ở giữa là một ô vải nhung với hàng trăm bông hoa kiểu trung cổ màu đỏ tía đan chéo nhau trước khi nở bung ra trên nền lụa như một bức tranh minh họa trong sách thánh ca. Tôi xỏ chân vào quần và kéo nó lên ngang rốn. Rồi tôi quay lại soi gương. Bụng tôi đã được che kín từ rốn đến gần nửa bắp đùi. Không ai nhìn thấy gì.

Ở phía cuối nhà hai chị em người Nga đang chành chọe nhau như thường lệ mỗi khi chuẩn bị phải đi làm. Những tiếng la hét giận dữ mơ hồ vọng lại dọc hành lang, nhưng tôi không thể nghe được gì. Tôi thò một ngón tay vào trong đũng quần và kéo đám dây lụa sang một bên. Bạn có thể thâm nhập vào chỗ này mà không làm xê dịch phía trên cặp quần. Bạn sẽ hoàn toàn không biết được có khiếm khuyết gì ở phía trên đó. Có lẽ cuộc sống sẽ thay đổi suy nghĩ của tôi. Có lẽ tôi đã sai, có lẽ tôi có thể làm chúng thay đổi.

Tôi thay quần áo như trong cơn mộng du, mặc một chiếc đầm thon thả bằng nhung đen. Tôi ngồi trên ghế đầu, hai bàn chân hơi giạng ra và cúi đầu xuống giữa hai đầu gối như hai chị em người Nga vẫn làm rồi xịt nước vào tóc nên khi tôi ngồi thẳng dậy, mái tóc trĩu xuống, bóng mượt và đen tuyền, tương phản với làn da trắng của tôi. Chiếc váy nhung ôm khít lấy các đường cong trên cơ thể, chạm vào da thịt khiến tôi chỉ muốn cởi phất ra và ném nó đi.

Bên ngoài, hai chị em sinh đôi vẫn không ngừng cãi vã, tiếng la hét giận dữ vang khắp hành lang. Tôi cẩn thận tô môi, kẹp chặt chiếc túi da nhỏ, đi giày gót nhọn rồi rời khỏi phòng, bước dọc theo hành lang, đầu ngẩng cao, vai ưỡn ra sau, nhưng hai chân vẫn không được tự tin cho lắm với đôi giày cao gót.

Trong bếp có ánh đèn. Jason đang đứng quay lưng ra phía cửa, vừa hát toáng lên để át tiếng cãi cọ của hai chị em sinh đôi vừa ngó nghiêng vào các tủ bếp và tủ lạnh để pha một ly martini trước khi đi làm. “Dumb-ass

Ruskie,” anh ta đang hát. “Dumb-ass, katsap, glimmer girls.” Anh ta ngừng hát khi nghe tiếng bước chân của tôi ngang qua.

Tôi vẫn bước tiếp. Đi được một đoạn thì tôi nghe thấy tiếng anh ta gọi giật lại từ phía sau. “Grey.”

Tôi dừng lại, nhắm mắt, hai tay nắm chặt. Tôi chờ cho đến khi hơi thở của mình trở lại bình thường mới quay lại. Anh ta đang đứng trong hành lang nhìn tôi chằm chằm như thể anh ta nhìn thấy ma.

“Gì thế?” Tôi nói.

Anh ta nhìn vào bộ mặt trang điểm, mái tóc và đôi giày đen mũi nhọn của tôi.

“Gì thế?” Tôi nhắc lại, biết rằng mặt mình đang đỏ bừng lên.

“Nó là đồ mới,” cuối cùng anh ta lên tiếng. “Cái váy ấy. Đúng không?”

Tôi không trả lời, mắt nhìn lên trần nhà, đầu ong ong.

“Tôi biết mà, tôi vẫn biết là dưới cái vể bên ngoài ấy, cô là một người hết sức khêu gợi,” anh ta nói, giọng đầy vẻ tự mãn.

Jason rất hiếm khi trò chuyện với chúng tôi nhưng đêm hôm đó, trên đường đi tới hộp đêm anh ta nói không ngừng. “Cô mặc chiếc váy này là vì tôi có đúng không?” Anh ta bước đi cạnh tôi, vừa lái nhai vừa hút thuốc, tay mân mê chiếc quai túi bằng da đeo chéo qua ngực. “Đó là vì tôi đúng không? Thôi nào, thừa nhận đi.”

Hai chị em sinh đôi cho rằng đây là chuyện vui nhộn nhất từ trước tới nay còn tôi thì không biết phải đối đáp với anh ta thế nào nữa. Tôi chắc mặt tôi đang đỏ rần và chiếc quần lót kiểu Pháp như ngọc ngậy dưới lớp váy như thể muốn phụ họa với Jason: *Đúng đấy, đúng là cô ta mặc chúng tôi vì anh.*

Rồi anh ta cũng chịu bỏ cuộc và cứ thế im lặng suốt đoạn đường còn lại, trên khuôn mặt lộ rõ vẻ đăm chiêu và khoái trá. Khi tất cả bốn chúng tôi chui vào chiếc thang máy pha lê, anh ta đứng quay lưng lại phía chúng tôi, hai tay đút túi, mắt nhìn ra quang cảnh thành phố bên ngoài, thỉnh thoảng lại kiễng chân lên rồi hạ xuống. Tôi nhìn chăm chăm vào gáy anh ta và tự hỏi: *Có đúng là anh muốn thế không? Anh không hề trêu chọc tôi. Xin đừng để chuyện này là một trò đùa. Như thế thì quá lắm...*

Hộp đêm hôm đó rất đông khách. Công ty Hitachi đặt bốn bàn tiệc và Mama đang trong tâm trạng vui vẻ. Trong chiếc váy nhung, tôi trở nên nổi bật, rực rỡ như một chiếc đèn lồng geisha trong một ngõ hẻm Kyoto. Sự khêu gợi, sự quyến rũ và những lời tâng bốc mới kỳ diệu làm sao. Chỉ khi nhóm người của Fuyuki xuất hiện tôi mới nhận ra rằng suốt cả buổi tối tôi không hề nghĩ tới Sử Trùng Minh. Khi nhìn thấy họ bước vào, tôi lập tức ngồi thẳng lưng và làm ra vẻ hết sức hoạt bát.

Bàn đã sẵn sàng. Strawberry tíu tít phân công đám phục vụ bàn tỏa đi khắp hộp đêm để bỏ khăn lau tay vào phòng vệ sinh nam, thay hoa trong giỏ và chắc chắn rằng các chai rượu Scotch của Fuyuki đã được lau bóng

loáng. Tôi cùng sáu nữ tiếp viên khác được cử sang phục vụ họ. Đám người này vừa mới chơi bài tại sòng bạc Gamagori ở Aichi và đang trong tâm trạng vui vẻ. Mụ Y Tá lưỡng lự, không vào trong cái góc quen thuộc mà bắt chéo chân ngồi đợi trên chiếc tràng kỉ ngoài tiền sảnh. Mỗi lần những cánh cửa nhôm mở ra, tôi lại nhìn thấy thấp thoáng hai bàn chân của mụ với đôi giày gót nhọn, và lần nào tôi cũng quên bằng mắt mình đang nói gì, đầu óc chỉ nghĩ đến tám ảnh hiện trường tội ác của mụ. Con quái vật Saitama. Tôi nhớ về mặt biến dạng của Sử Trùng Minh khi ông nói đến từ tô điểm. Bạn phải khỏe tới mức nào để có thể giết chết một người đàn ông? Bạn phải hiểu biết về giải phẫu học đến mức nào để có thể móc tất cả nội tạng của một người ra mà không để lại một dấu vết gì ở bên ngoài? Hay là Sử Trùng Minh đã bịa ra chuyện đó để dọa tôi?

Hôm đó Fuyuki nói rất nhiều. Ông ta vừa thắng lớn tại sòng bạc và đêm nay sẽ tổ chức một bữa tiệc tại căn hộ của mình. Khấp bần nhanh chóng truyền đi tin tức ông ta dừng lại ở hộp đêm để chọn một số tiếp viên cho bữa tiệc. Đúng như Sử Trùng Minh dự đoán. Nhà ông ta có lẽ là nơi ông ta cất giấu bí mật của mình, tôi vừa nghĩ vừa đưa tay vuốt tóc, sửa lại tất và kéo lại váy. *Có phải ở Anh, mọi người đều xinh đẹp như thế?*

Thật đáng ngạc nhiên là Bison cũng có mặt ở đây. Ông ta vẫn tự tin chống hai cùi chỏ lên bàn, tay áo xắn cao để lộ hai cánh tay nần nần, liên tục kể chuyện mua vui cho cả nhóm, chuyện về rạp xiếc ở Akasaka, một vụ lừa đảo mà ông ta bị dính vào, tất cả cổ phần được bán cho một câu lạc bộ đánh golf không hề tồn tại. Ông ta kể hết chuyện này tới chuyện khác nhưng trong nét mặt ông ta có cái gì đó thay đổi so với lần trước. Ông ta trở nên nhún nhường, cái nụ cười mua vui đã biến mất và tôi có cảm giác là ông ta tới đây một cách miễn cưỡng. Tôi làm ra vẻ chăm chú lắng nghe, vừa hút thuốc vừa gật gù hưởng ứng nhưng thật tình tôi đang quan sát Fuyuki và nghĩ cách thu hút sự chú ý của ông ta.

“Khi bị phát hiện thì chúng đã bán gần hết cổ phiếu. Thử tưởng tượng xem. Bob Hope đã suýt giết người khi ông ta nghe nói một câu lạc bộ đánh golf ở Nhật lấy danh nghĩa của ông ta để lừa đảo,” Bison vừa nói vừa lắc đầu.

“Xin lỗi,” tôi nói, dụi điều thuốc vào gạt tàn và đẩy ghế đứng dậy. “Tôi ra ngoài một lát.”



Nhà vệ sinh nằm ở góc phòng, tiếp giáp với cửa ra vào. Để tới đó, tôi phải đi qua chiếc xe lăn của Fuyuki. Tôi vượt phẳng váy, ưỡn ngực ra phía trước, tay thả dọc hai bên hông và bắt đầu bước đi. Cả người tôi run rẩy nhưng tôi tự nhủ mình phải bước tiếp, một cách chậm rãi, với một vẻ khêu gợi giả tạo khiến mặt đỏ bừng còn hai chân thì dường như không thể đứng vững trên mặt đất. Thậm chí tôi còn nghe thấy cả tiếng loẹt xoẹt của tất chân cọ vào nhau phía trên đùi, bắt chập tiếng nhạc và tiếng trò chuyện âm ỉ. Cái đầu bé tí của Fuyuki chỉ còn cách tôi vài bước và khi tới gần ông ta, tôi khẽ đánh hông sang một bên, vừa đủ để chạm vào thành chiếc xe lăn khiến ông ta giật mình.

“Xin lỗi ông. Xin lỗi.” Tôi đặt hai tay lên chiếc xe lăn để giữ cho nó khỏi bập bênh. Ông ta hơi nhấc tay lên và cố ngoái cái cổ già nua cứng đờ ra sau để nhìn tôi. Tôi cố gắng xoa dịu bằng cách ấn nhẹ ngón tay lên vai ông ta rồi cố tình cọ đùi phải vào người ông ta để ông ta tiếp xúc với lớp da thịt ấm áp sau lớp tất nylon tĩnh điện. “Tôi vô cùng xin lỗi.” Tôi nhắc lại rồi đẩy chiếc xe lăn về chỗ cũ. “Chuyện này sẽ không xảy ra nữa đâu ạ.”

Đám tay chân của ông ta nhìn tôi chòng chọc. Rồi tôi nhìn thấy Jason đang đứng như hóa đá bên quầy bar với một ly champagne kê trước miệng, mắt dán chặt vào người tôi. Tôi tiếp tục đi thẳng về phía nhà vệ sinh và khóa mình lại trong đó. Tôi nhìn chăm chăm vào khuôn mặt đỏ bừng như lên cơn sốt của mình trong gương, người run lẩy bẩy. Thật không thể tin được. Tôi vừa biến thành một con ma cà rồng. Nhìn tôi lúc này không ai nghĩ đó chính là cô gái mới đến Tokyo hai tháng trước.

“Tôi khuyên cô không nên đi,” Strawberry bảo tôi. “Fuyuki muốn mời cô đến căn hộ của ông ta, nhưng Strawberry không cho rằng đó là một ý hay.” Sau khi sắp xếp chỗ ngồi cho đám người của Fuyuki, Strawberry lập tức rút lui về bàn của mình và ngồi đó suốt buổi, nốc champagne như hũ nút và quan sát tất cả chúng tôi với ánh mắt đầy vẻ nghi hoặc. Khi khách khứa đã về hết, ghé đã được chòng lên bàn và lao công lặng lẽ lau dọn thì bà ta đã say khướt. Dưới lớp phấn hóa trang Marilyn, những nếp nhăn màu hồng hiện rõ xung quanh mũi, cổ và thái dương của bà ta. “Cô không hiểu. Cô không giống các cô gái Nhật khác. Các cô gái Nhật hiểu những người như Ngài Fuyuki.” Bà ta chĩa bót thuốc lá về phía tôi.

“Thế hai chị em người Nga thì sao. Họ cũng đi mà.”

“Thôi được.” Bà ta giơ hai tay lên không cho tôi nói tiếp. Bà ta uống cạn ly rượu, đoạn ngồi thẳng dậy, gỡ đầu gỡ miệng như cố lấy lại bình tĩnh. “Thôi được.” Bà ta nói, cúi người về phía trước và lại chĩa bút thuốc vào mặt tôi. Thịnh thoảng những lúc say xỉn như thế này, bà ta vẫn thường để hở răng và lợi. Thật buồn cười là trải qua bằng ấy cuộc phẫu thuật nhưng không bao giờ bà ta nghĩ tới chuyện làm lại răng, chúng đều đã ngả màu, thậm chí có một hay hai chiếc đã biến thành màu đen. “Cô đến căn hộ của Fuyuki thì *phải cẩn thận*. Được không? Nếu là tôi thì tôi sẽ không ăn bất cứ cái gì trong cái nhà đó.”

“Không cái gì ạ?”

“Tôi sẽ không ăn một miếng thịt nào.”

Tóc gáy tôi bắt đầu dựng đứng hết cả lên. “Ý bà là gì vậy?” Tôi yếu ớt hỏi.

“Có quá nhiều câu chuyện.”

“Những chuyện gì ạ?”

Strawberry nhún vai. Bà ta lơ đãng nhìn ra ngoài hộp đêm. Đoàn xe của Fuyuki đang chờ ở dưới đó năm mươi tầng lầu, và các cô gái đã đi lấy túi và áo khoác. Bên ngoài, trời bỗng nổi gió, từ cửa sổ lớn trong hộp đêm chúng tôi có thể nhìn thấy một vài đường dây điện trong thành phố đã bị cắt. Nhiều khu vực trong thành phố chìm trong bóng tối. “Bà định nói gì? Chuyện gì? Thịt gì?” Tôi hỏi lại.

“Không có gì!” Bà ta lắc đầu quây quây, vẫn không chịu nhìn vào mắt tôi. “Nói đùa thôi.” Rồi bà ta phá ra cười, một điệu cười giả tạo, lạnh lạnh; rồi nhận ra điều thuốc đã tàn. Bà ta cho một điều thuốc khác vào bút rồi vẩy vẩy nó về phía tôi: “Tốt hơn hết là chúng ta kết thúc tại đây. Câu chuyện của chúng ta tới đây là kết thúc. Kết thúc.”

Tôi nhìn bà ta, đầu căng ra. *Dừng ăn thịt?* Tôi đang nghĩ cách làm sao để bà ta tiếp tục câu chuyện vì chắc chắn bà ta vừa đưa ra một manh mối

quan trọng thì Jason đột ngột xuất hiện, ngồi xuống cạnh tôi và xoay chiếc ghế của tôi lại đối mặt với anh ta.

“Cô định đến nhà Fuyuki đấy à?” Anh ta thì thầm.

Anh ta đã thay bộ vét tuxedo bởi bàn bằng một chiếc áo phông màu xám với dòng chữ *Goa Trance* đã nhạt màu. Chiếc túi da của anh ta đã đeo trước ngực, sẵn sàng để về nhà.

“Hai chị em sinh đôi nói với tôi là cô sẽ đi.”

“Đúng thế.”

“Thế thì tôi cũng phải đi.”

“Gì cơ?”

“Thì chúng ta sẽ ở bên nhau đêm nay mà. Cô và tôi. Đã nhất trí rồi còn gì.”

Tôi mở miệng định nói nhưng không thốt nên lời. Trông tôi lúc đó hẳn rất kỳ quặc, mắt mở to, miệng há hốc, mồ hôi vã ra sau gáy.

“Mụ Y Tá. Đó là lý do tại sao tôi sẽ được hoan nghênh,” Jason nói như thể tôi vừa hỏi anh ta tại sao. Anh ta liếm môi và nhìn sang Strawberry. Lúc này, bà ta đang hút một điếu thuốc mới, hai bên mày nhướng lên như hiểu hết mọi chuyện. “Để tôi nói cho cô hiểu rõ hơn nhé!” Anh ta thì thầm. “Đại loại là mụ ta ngứa ngáy vì tôi. Cô biết thế nghĩa là gì chứ?”

Fuyuki và đoàn tùy tùng của ông ta đi trước, để lại một dãy xe màu đen, có dòng chữ Lincoln Continental đằng sau cốp xe, để chở khách. Tôi là một trong những người cuối cùng rời khỏi câu lạc bộ và khi tôi đi thang máy xuống được dưới tầng trệt dẫn ra phố thì Jason và tất cả các nữ tiếp viên khác đã rời khỏi đó, chỉ còn sót lại duy nhất một chiếc xe hơi. Tôi trèo vội lên băng sau của chiếc xe cùng với ba nữ tiếp viên người Nhật khác mà tôi không biết tên. Trên đường đi, các cô tiếp viên chuyện trò về khách hàng còn tôi thì im lặng hút thuốc và nhìn ra ngoài cửa xe vào dãy hào bao quanh khu Cung điện Hoàng gia. Khi chiếc ô tô rẽ vào đường Nishishinbashi, chúng tôi lướt qua khu vườn nơi tôi gặp Jason lần đầu tiên. Thoạt đầu tôi không nhận ra nó, chỉ đến lúc sắp vượt qua tôi mới nhận ra những dãy ánh sáng kỳ lạ lấp lánh dưới ánh trăng chính là những đũa trẻ bằng đá cẩm thạch xếp hàng dưới những tán cây. Tôi quay lại nhìn chúng qua lớp kính phía đằng sau xe.

“Chỗ đó tên là gì? Cái đèn thờ ấy?” Tôi hỏi người lái xe bằng tiếng Nhật.

“Đó là đèn Zojoji.”

“Zojoji? Thế lũ trẻ ở đó có ý nghĩa gì?”

Người lái xe nhìn tôi chăm chú qua gương chiếu hậu như thể tôi làm anh ta ngạc nhiên. “Đó là các Jizo. Thiên thần của các hài nhi đã chết. Những đũa trẻ chết non.” Khi thấy tôi không nói gì anh ta hỏi lại: “Cô có hiểu tiếng Nhật của tôi không?”

Tôi ngoái lại chăm chú nhìn những dòng ánh sáng ma quái dưới hàng cây, và chột rùng mình. Có thể bạn không bao giờ biết chắc những gì xảy ra trong tiềm thức của bạn. Có lẽ tôi vẫn luôn biết về những bức tượng đá. Có lẽ vì thế mà tôi đã chọn công viên đó để ngủ qua đêm.

“Có,” tôi trả lời người tài xế, giọng xa xăm, miệng khô khốc. “Có, tôi có hiệu.”

Fuyuki sống ở gần Tháp Tokyo trong một tòa nhà bê thế có khu vườn ẩn sau những cánh cổng an ninh. Khi chiếc ô tô của tôi tiến vào cổng, gió thổi qua tán cọ xào xạc. Người gác cổng rời khỏi chiếc bàn lễ tân mờ tối để mở cánh cửa ra vào bằng kính và đưa chúng tôi băng qua một tiền sảnh tĩnh lặng lát đá hoa cương tới một thang máy cá nhân mà ông ta mở bằng một chiếc chìa khóa riêng. Chúng tôi bước vào thang máy, các cô gái Nhật lấy tay che mặt rồi vừa nói chuyện thì thầm vừa cười khúc khích.

Khi cửa thang máy mở ra ở tầng trên cùng, người đàn ông tóc đuôi ngựa đã chờ chúng tôi ở bên ngoài. Ông ta chẳng nói chẳng rằng, cũng chẳng thèm nhìn khi chúng tôi bước ra đứng chật cả hành lang nhỏ bé, mà chỉ lặng lẽ dẫn chúng tôi đi dọc theo một hành lang dài. Các căn hộ ở đây được sắp đặt theo các cạnh của hình vuông. Một hành lang lát gỗ hồ đào nối tất cả các phòng lại với nhau và dường như trải dài bất tận, ngọn đèn trần kín đáo soi thành những vòng sáng nhỏ trước mặt chúng tôi giống như một đường băng mời gọi chúng tôi tiến vào cõi xa xăm. Tôi bước đi một cách thận trọng, thăm dò xung quanh và tự hỏi liệu mục Y Tá có sống ở đây không, liệu mục có một hang ổ nào đó nằm ngay sau những cánh cửa này hay không.

Chúng tôi vừa đi qua một lá quốc kì Nhật Bản đã ó rách, lồng trong một chiếc khung đèn treo tường, một hộp đựng tro lễ làm từ gỗ cây đậu tía sơn trắng đặt trong một tủ kính. Tôi để ý thấy nó không khóa. Tôi cố tình đi sau cùng. Chúng tôi đi qua một bộ quân phục dã chiến được đặt trong khung kính, trông sống động đến mức như thể có da có thịt. Khi đi qua cái lồng kính, tôi hơi cúi người, mắt vẫn nhìn theo những người đi trước, thò tay vào bên trong, chạm vào mép bộ quân phục.

“Cô làm gì thế?” Một nữ tiếp viên hỏi khi tôi bắt kịp họ.

“Không có gì,” tôi thì thào, tim đập thình thịch. Không gắn chuông báo động. Tôi đã không dám hy vọng rằng ở đó sẽ không gắn chuông báo động.

Chúng tôi đi qua một dãy cầu thang dẫn ra những khu tối om. Tôi do dự, chỉ muốn tách ra khỏi nhóm và bước xuống những cầu thang đó. Các căn hộ nằm trên tầng hai của tòa nhà. Những phòng ở phía dưới này được dùng để làm gì? Tôi tự hỏi, đột nhiên liên tưởng đến hình ảnh những chuồng thú. *Cái cô đang tìm kiếm không phải là một loại cây...*

Ngay sau đó, nhóm người đi trước dừng lại ở phòng gửi đồ để cất mũ và áo khoác. Tôi đành phải rảo bước nhanh hơn để bắt kịp họ, và cũng dừng lại một lúc để cởi áo khoác. Rồi chúng tôi nghe thấy tiếng nhạc, tiếng đá chạm vào thành cốc trước khi bước vào một căn phòng trần thấp, mờ mịt khói thuốc với một loạt các tủ tường và hốc tường được chiếu sáng một cách cầu kỳ. Tôi dừng lại một chút để mắt quen dần với ánh sáng. Các nữ tiếp viên đến trước đã ngồi vào chỗ, trên những chiếc ghế bọc da kiểu Chesterfield màu nâu đỏ, thì thào tán gẫu và uống rượu. Jason đang thoải mái ngồi gác chân trong một chiếc ghế bành, tay cầm một điếu thuốc như thể anh ta đang thư giãn ở nhà sau một ngày làm việc vất vả. Fuyuki thì ngồi ở phía cuối phòng trong một chiếc xe lăn. Ông ta mặc một chiếc áo *yakuta* rộng, chân để trần và di chuyển chiếc xe lăn tới lui xung quanh phòng với Bison bước theo sau. Cả hai đang nhìn ngắm những bức tranh khắc gỗ khiêu dâm treo trên tường, những cô gái điểm mình hạc xương mai với cặp đùi thanh mảnh trắng nõn, những chiếc áo kimono hở hang vén lên để lộ vùng trái cấm.

Tôi không thể cưỡng lại. Tôi ngay lập tức bị những bức hình đó làm cho mê mẫn. Tôi cảm thấy Jason đang đứng cách đó vài bước, nhìn tôi với vẻ thích thú nhưng tôi không thể nào rời mắt khỏi chúng. Có một bức mà người phụ nữ đang đạt khoái cảm tới mức dường như có gì đó đang rõ xuống giữa hai đùi của cô ta. Cuối cùng, không chịu được nữa, tôi quay mặt đi. Jason nhướn mày và mỉm cười, một nụ cười khoan thai và chậm rãi nở trên khóe miệng ngay ở cái góc răng anh ta bị mẻ, giống y như cái nụ cười trong hành lang ở Takadanobaba. Máu tôi bắt đầu dồn lên mặt. Tôi đặt tay lên má và quay đi chỗ khác.

“Thế còn bức này, cô gái trong chiếc áo kimono đỏ?” Bison nói bằng tiếng Nhật và ve vẩy điếu xì gà của ông ta trước một bức tranh trên tường.

“Của Shuncho,” Fuyuki thì thào bằng cái giọng khàn khàn của ông ta. Ông ta chống gậy lên sàn và tỉ mỉ cầm lên đó, nhìn bức tranh vẽ trầm ngâm.

“Thế kỷ XVIII. Bảo hiểm bốn triệu yên. Đẹp, đúng không? Một *chimplira* bên nhà Saitama đã giải phóng nó khỏi một ngôi nhà ở Waikiki và trao cho tôi.”

Người đàn ông tóc đuôi ngựa khẽ hắng giọng một cách kín đáo và Bison quay lại. Fuyuki cũng xoay chiếc xe lăn lại và nhìn chúng tôi.

“Đi theo tôi, lời này,” ông ta thì thầm với đám con gái đang tím tím.

Chúng tôi đi qua một chiếc cửa có mái vòm vào một căn phòng nơi một nhóm đàn ông mặc áo sơ mi Aloha Hawaii đang ngồi uống rượu Scotch bằng những chiếc ly pha lê, trên đầu họ lơ lửng hai thanh kiếm *samurai* được ròng xuống từ trần nhà bằng những sợi dây vô hình. Họ đứng lên cúi đầu chào khi Fuyuki đi qua chỗ họ trên chiếc xe lăn. Sau lưng họ là một cửa kính trượt đang mở, thông ra khoảng sân trung tâm được lát toàn bộ nền bằng đá hoa cương đen bóng như tấm gương phản chiếu cả bầu trời đêm lấp lánh. Ở giữa sân, đen trũi như chiếc máy bay phản lực, trông như một hồ trứng trên chính nền đá hoa cương đó, là một bể bơi có tháp đèn cao áp, làn hơi nước thoang thoang mùi clo lơ lửng trên bề mặt. Những chiếc lò sưởi chạy ga cao như cột đèn đặt xung quanh bể bơi và sáu bàn ăn lớn được xếp ngay cạnh đó, mỗi bàn đều có những tấm lót bằng sứ trắng men màu đen, trên bày đĩa bạc, ly thủy tinh và khăn ăn.

Nhiều chỗ đã có người ngồi. Những gã đàn ông lực lưỡng, tóc húi cua ngồi hút xì gà và trò chuyện với các cô gái trẻ trong những chiếc đầm hở lưng. Có rất nhiều phụ nữ. Fuyuki hẳn quen biết rất nhiều hộp đêm.

“Ông Fuyuki,” tôi nói và đi lên bên cạnh ông ta khi chúng tôi đi ngang qua các bàn. Ông ta dừng xe lại và quay sang nhìn tôi vẻ ngạc nhiên. Chưa có cô gái nào dám bắt chuyện với ông ta. Chân tôi run lên và một bên mặt đỏ ửng do hơi nóng phát ra từ một chiếc lò sưởi. “Tôi... Tôi muốn được ngồi cạnh ông.”

Ông ta nheo mắt nhìn tôi. Có lẽ ông ta ngạc nhiên bởi sự đường đột của tôi. Tôi bước tới gần hơn, ngay trước mặt ông ta, đủ để cho ông ta nhìn thấy ngực và hông của tôi căng lên sau lớp váy. Trong một phút bốc đồng, con ma cà rồng trong tôi bắt đầu ngộ nguây, tôi cầm tay ông ta đặt lên hông mình. “Tôi muốn được ngồi cạnh ông.”

Fuyuki nhìn xuống đôi tay và ép chúng vào các nếp váy. Có lẽ ông ta cảm nhận được chiếc quần nịt kiểu Pháp của tôi sau lớp vải, sự sống động của lớp lụa và sức đàn hồi của lớp nylon dưới ngón tay ông ta. Hay có lẽ ông ta chỉ đơn giản nghĩ rằng tôi là một đứa vụng về và mất trí nên sau khi suy nghĩ một lúc, ông ta quay sang nhìn tôi cười và cất giọng khàn khàn: “Thế thì đi, ngồi cạnh tôi, nếu cô muốn.”

Ông ta quay chiếc xe đẩy vào chỗ, dưới chiếc bàn, còn tôi lập cập ngồi xuống rồi dịch ghế của mình lại gần ông ta. Bison đã ngồi cách đó vài ghế, đang mở một chiếc khăn ăn ra và nhồi nó vào cổ. Một người phục vụ bàn mặc áo phông và quần jean màu đen đang đi quanh bàn với những ly vodka cocktail lạnh, hơi nước từ những chiếc ly màu trắng bốc lên mờ mịt như đá khô. Tôi vừa nhắm nháp rượu vừa lén lút nhìn xung quanh sân. Ở một nơi nào đó, tôi nghĩ, nhìn vào những ô cửa sổ chỗ sáng chỗ tối trong ngôi nhà, ở một nơi nào đó trong ngôi nhà này có thứ khiến Sử Trùng Minh thao thức. *Không phải là một loại cây. Nếu không phải là cây cỏ thì là gì chứ?* Tôi nhìn thấy một chiếc đèn màu đỏ gắn trên tường và tự hỏi không hiểu đó có phải là hệ thống báo động hay không.

Thức ăn đã được mang đến bên bàn: những miếng cá thu được xếp như quân cờ domino trên lớp rau câu; những bát đậu hũ rắc tảo biển; củ cải thái chỉ tươi giòn. Bison ngồi bất động, nhìn chăm chăm vào đĩa thịt gà xiên nướng *yakitori* như thể nó có vấn đề nghiêm trọng, mặt ông ta tái nhợt và ướt đầm mồ hôi như người bị ốm. Tôi lặng lẽ quan sát ông ta, nhớ tới lần đầu tiên ông ta tới câu lạc bộ, sự thay đổi kỳ lạ của ông ta kể từ sau câu chuyện về thứ cặn thuốc trong chiếc ly của Fuyuki. Giống như Strawberry, tôi nghĩ. Ông ta không muốn ăn thịt. Ông ta cũng đã nghe cùng những câu chuyện mà bà ta...

Tôi liếm đôi môi khô khốc của mình và cúi sang phía Fuyuki. “Trước đây chúng ta đã gặp nhau rồi. Ông có nhớ không ạ?” Tôi lẩm bẩm bằng tiếng Nhật.

“Đã gặp rồi à?” Ông ta không nhìn tôi.

“Rồi ạ. Hồi mùa hè. Tôi luôn mong được gặp lại ông.”

Ông ta ngừng lại một lúc rồi nói: “Thế à, thế à?” Khi ông ta nói, đôi mắt và cái mũi nhỏ kỳ quái của ông ta không hề chuyển động, nhưng lớp da



ở môi trên khẽ vén lên để lộ những chiếc răng nanh trông rất kỳ dị ở hai bên hàm trên, y như răng mèo. Tôi nhìn chằm chằm những chiếc răng đó. “Tôi rất muốn được tham quan nhà ông,” tôi nói nhỏ.

“Cô có thể nhìn nó từ đây.” Ông ta sờ tay vào túi và lôi ra một điều xì gà, tháo giấy bọc rồi dùng một dụng cụ nhỏ bằng bạc để trong túi áo ngực khều khều, kiểm tra điều thuốc, quay ngang quay dọc và gấp những vảy thuốc lá ra ngoài.

“Tôi muốn xem xung quanh... Tôi muốn...” Tôi do dự rồi làm điệu bộ chỉ về phía căn phòng treo tranh khắc gỗ và nói nhỏ, “muốn xem các bức tranh khắc gỗ. Tôi có đọc về trường phái nghệ thuật *shunga*. Những bức tranh trong bộ sưu tập của ông rất hiếm.”

Ông ta châm điều xì gà rồi nói bằng một thứ tiếng Anh chật vật: “Tôi là người mang chúng trở lại Nhật Bản. Về quê hương. Sở thích của tôi là *Eigo deha nanto iu no desuka? Kaimodosu kotowa - Nihon no bitjutsuhinwo Kaimodosu no desuyo.*”

“Hồi hương,” tôi nói. “Mang nghệ thuật Nhật Bản về lại quê hương.”

“Đúng thế, đưa nghệ thuật Nhật Bản hồi hương.”

“Ông có muốn giới thiệu chúng cho tôi không?”

“Không.” Ông ta từ từ nhắm mắt lại như một con bò sát già nhàn nhã, hai tay uể oải giơ lên ngang mắt như muốn ra hiệu cuộc chuyện trò đến đây là kết thúc. “Cảm ơn cô nhưng không phải vào lúc này.”

“Ông chắc chứ?”

Ông ta hé một mắt nhìn tôi vẻ nghi ngờ. Tôi định mở miệng ra nói nhưng có cái gì đó trong cái nhìn của ông ta khiến tôi nghĩ lại. Tôi thả tay vào trong lòng. *Phải để cho ông ta không bao giờ đoán ra, Sử Trùng Minh bảo tôi thế. Không bao giờ nghi ngờ gì.*

Tôi vâng vâng chiếc khăn ăn, hắng giọng nói. “Đúng vậy. Tất nhiên rồi. Giờ đúng là không phải lúc. Không đúng lúc chút nào.” Tôi châm một điều thuốc đưa lên miệng hút, xoay xoay chiếc bật lửa trong tay như thể đó là

một trò tiêu khiển thú vị. Fuyuki nhìn tôi thêm vài giây rồi nhắm mắt lại về hài lòng.

Sau đó, tôi không nói gì nhiều với ông ta. Ông ta ngủ gà gật trong vài phút và khi tỉnh dậy thì cô gái ngồi phía bên phải thay tôi tiếp chuyện với ông ta, kể cho ông ta nghe câu chuyện về một cô gái người Mỹ chạy bộ mà không mặc áo lót khiến ông ta cười và lắc đầu quày quẩy. Tôi ngồi im hút hết điếu này đến điếu khác và suy nghĩ. *Cái gì tiếp theo đây? Cái gì tiếp theo đây? Cái gì tiếp theo đây.* Tôi có cảm giác là tôi đang đến gần, đang tiến gần tới một cái gì đó. Tôi nốc cạn hai ly champagne, dụi thuốc vào gạt tàn, hít thở sâu rồi quay sang ông ta. “Fuyuki san,” tôi lầm bầm. “Tôi muốn vào nhà vệ sinh.”

“Hi hi,” ông ta trả lời về sao nhãng. Cô tiếp viên ngồi cạnh ông ta đang biểu diễn một trò chơi với bao diêm. Ông ta lơ đãng vẫy tay về phía chiếc cửa kính hai lớp. “Qua bên kia.”

Tôi nhìn ông ta chăm chăm. Tôi đã chờ đợi nhiều hơn. Một sự phản đối nào đó chẳng hạn. Tôi đẩy ghế đứng dậy nhìn xuống cái sọ nhỏ thó màu nâu của ông ta, chờ ông ta xê dịch. Nhưng ông ta vẫn ngồi yên một chỗ. Không ai bên bàn buồn ngược mắt lên, họ đều đang mải mê trò chuyện. Tôi đi qua sân, khép cánh cửa kính lại sau lưng rồi đứng yên một lúc, tay đặt trên mặt kính. Không ai chú ý đến sự vắng mặt của tôi. Tôi có thể nhìn thấy gáy của Jason bên một chiếc bàn gần bể bơi, giữa hai cô tiếp viên và gần tôi hơn so với anh ta chính là Fuyuki, vẫn ở nguyên chỗ cũ, vai rung lên mỗi khi cười. Cô tiếp viên đốt bao diêm rồi giơ nó lên cao như một ngọn đèn, vẫy vẫy xung quanh bàn để đáp lại tràng vỗ tay từ các vị khách khác.

Tôi rời khỏi cửa. Tôi đang đứng trong một hành lang lát gỗ giống như cái hành lang tôi đi qua khi nãy với một loạt các tủ kính có gắn đèn. Tôi nhìn thấy một bộ trang phục của diễn viên kịch Noh, một bộ áo giáp *samurai* lấp lánh trong ánh đèn mờ ảo. Dọc hành lang có rất nhiều cánh cửa không biết dẫn đi đâu. Tôi hít một hơi thật sâu rồi rảo bước.

Những tấm thảm lót sàn khiến tiếng bước chân của tôi trở nên êm ru, tiếng ù ù của máy điều hòa nhiệt độ làm tôi nghĩ đến không khí bức bối, gò bó bên trong máy bay. Tôi khịt khịt mũi, không hiểu là mình đang định đánh hơi cái gì. *Đừng ăn thịt...* Phải có cầu thang ở đâu đó phía bên này. Tôi đi qua rất nhiều cánh cửa mà không nhìn thấy cái cầu thang nào. Tới

cuối hành lang tôi rẽ phải và đâm sang một hành lang khác, mạch đập liên hồi. Phía đằng trước, bên tay phải có một chiếc cầu thang, đầu cầu thang là một cánh cửa kính hai lớp đang để mở.

Khi chỉ còn cách cầu thang có vài bước thì tôi nhìn thấy trên chân tường ở khúc ngoặt phía đằng trước, một bóng người đang hiện lên to dần.

Máu tôi như đông lại. Mụ Y Tá. Chỉ có thể là mụ ta, đang tiến lại gần tới chỗ rẽ bên hành lang trước mặt. Mụ ta có vẻ vội vã vì chiếc bóng lớn lên rất nhanh, càng lúc càng in hình cao hơn trên bức tường, cho tới khi gần chạm đến trần nhà. Tôi vẫn đứng chôn chân tại đó, tim đập thình thịch. Mụ ta có thể xuất hiện ở đằng trước bất cứ lúc nào và nhìn thấy tôi. Tôi có thể nghe thấy cả tiếng giày của mụ kêu cọt két. Tôi quờ lấy cánh cửa gần nhất. Nó không khóa. Bên trong đèn tự động bật lên, và ngay khi cái bóng đổ xuống sàn rồi xuất hiện trên bức tường ngay trước mặt tôi, tôi chỉ kịp lên vào trong, nhẹ nhàng khép cửa lại.

Đó là một phòng tắm không có cửa sổ lát đá hoa cương màu đỏ tươi như máu với những hoa văn trông giống như các đường gân trên miếng thịt bò. Giữa phòng là một bồn tắm nước nóng gắn gương ở xung quanh và trong hộc tường là một chồng khăn tắm trắng mới tinh. Tôi đứng một lúc, người run bần bật, tai dán vào cửa nghe ngóng. Nếu mụ ta nhìn thấy tôi thì tôi sẽ nói như với Fuyuki là tôi đi tìm nhà vệ sinh. Tôi không dám thờ mạnh, cố dỏng tai lên xem có nghe thấy tiếng động nào từ bên ngoài. Vài phút trôi qua nhưng tôi vẫn không nghe thấy gì. Có lẽ mụ ta đã rẽ vào phòng khác. Tôi cài chốt cửa và ngồi xuống nắp bồn cầu vì hai chân không còn đứng vững nữa. Không thể tin được, chuyện này đúng là không thể tin được! Làm sao mà Sở Trùng Minh lại mong đợi tôi làm chuyện này cơ chứ? Ông ta nghĩ tôi là ai chứ?

Một vài phút sau khi thấy không có chuyện gì xảy ra và không nghe thấy động tĩnh gì thì tôi lôi ra một điều thuốc và châm lửa hút. Tôi lặng lẽ hút thuốc, cắn móng tay và nhìn chăm chăm vào cánh cửa. Tôi kiểm tra đồng hồ, băn khoăn không biết mình đã ở đây bao lâu, liệu mụ ta có còn lảng vảng ở ngoài đó hay không. Người tôi dần dần bớt run. Tôi hút hết điếu thuốc rồi vứt nó vào bồn cầu và châm một điếu khác, chậm rãi hút tiếp. Rồi tôi đứng dậy và lấy tay sờ soạng xung quanh tấm gương trong nhà tắm xem có gắn camera theo dõi hay không. Tôi mở các ngăn kéo, chạm tay vào

đóng xà phòng và các túi vệ sinh cá nhân miễn phí có logo của Hàng không Nhật và Singapore Airlines. Dường như hàng thế kỷ đã trôi qua khi tôi quyết định giật nước bồn cầu, mở chốt cửa và thò đầu ra ngoài. Hành lang vắng tanh. Mụ Y Tá đã biến mất và cánh cửa hai lớp ở đầu cầu thang đã đóng lại. Khi tôi lại gần thử xoay nắm đấm cửa thì phát hiện ra là nó đã bị khóa.

Bên ngoài, bầu trời vẫn trong vắt, ngoại trừ một đám mây có những đường viền màu hồng do ánh sáng hắt lên từ thành phố, trôi lơ lửng qua các vì sao như hơi thở của gã khổng lồ vào một ngày đông lạnh giá. Khi tôi quay trở lại thì các vị khách đã rời bàn ăn, chuyển vào ngồi trên những chiếc ghế đệm kẻ sọc để chơi mạt chược quanh những chiếc bàn gấp. Những người phục vụ đã dọn bát đĩa. Không ai chú ý khi tôi quay trở lại ngồi vào chỗ của mình bên cạnh bể bơi với vẻ lo âu.

Fuyuki đã di chuyển sang góc sân đằng xa cùng mụ Y Tá, mụ ta đang lúi húi đắp một chiếc khăn bằng lông thú lên chân ông ta. Mụ ta mặc một chiếc váy ngắn bó sát, chiếc áo vét khít cổ và đi giày cao gót như thường lệ. Tóc mụ vén ra sau tai để lộ hai bên má rỗ hoa trắng bệch. Mụ tô son màu đỏ sậm khiến cái miệng mím chặt như biến thành màu xanh đen. Những người ngồi xung quanh quay lưng về phía mụ, bận rộn trò chuyện, vờ như không biết đến sự có mặt của mụ.

Mụ ta không nhìn tôi. Có lẽ mụ ta cũng định khóa cửa cầu thang lại từ trước. Không có lý do gì để cho rằng mụ ta nhìn thấy tôi ở đó. Fuyuki túm lấy tay áo mụ thì thầm gì đó. Mụ ta cúi đầu xuống gần miệng ông ta và tôi nín thở, nhìn chăm chăm vào những móng tay hình ô van sơn đỏ một cách cầu kỳ của mụ. Móng tay út của mụ dài và cong như kiểu những thương gia Trung Quốc ngày xưa vẫn để nhằm chứng tỏ họ không phải là người lao động chân tay. Tôi tự hỏi không biết có phải Fuyuki đang nói với mụ về việc tôi cứ nằng nặc đòi được xem căn hộ hay không, nhưng một lúc sau, mụ đứng dậy, không nhìn về phía tôi mà lặng lẽ đi qua bể bơi về phía chiếc cửa đối diện.

Tôi căng thẳng cúi người ra phía trước, tay bấu chặt thành ghế, tập trung dõi theo từng bước chân của mụ đi dọc theo các hành lang, và có thể là theo cả các bậc thang. Tôi biết mụ ta đang định làm gì. Bản năng của tôi

đã mách bảo tôi điều đó. Tiếng ồn ào của bữa tiệc như đang chìm đi và tất cả những âm thanh mà tôi nghe thấy chỉ còn là tiếng thở của đêm, là tiếng lọc nước trong bể bơi. Tai tôi căng ra như trái tim tôi vậy, cho đến khi những tiếng động nhỏ nhất được khuếch đại lên gấp nghìn lần và tôi dường như nghe thấy cả căn hộ đang chuyển động và thì thào xung quanh tôi. Tôi có thể nghe thấy tiếng người rửa bát đĩa trong bếp. Tôi dám chắc mình có thể nghe thấy tiếng bước chân của mục Y Tá đi xuống cầu thang. Tôi có thể nghe thấy tiếng lách cách của then cài, tiếng cọt kẹt của những cánh cửa sắt được mở ra. Mục ta đang đi lấy thuốc cho Fuyuki.

Rồi có gì đó xảy ra. Trong bể bơi, dưới độ sâu hơn hai mét, tôi nhìn thấy hai khung cửa sổ có màn che làm bằng các thanh gỗ mỏng. Tôi không chú ý đến chúng từ trước vì chúng khuất trong bóng tối. Nhưng đèn trong phòng vừa được bật sáng, hắt lên mặt nước những tia sáng màu vàng trắng đứng. Tôi vội vàng thò tay vào túi lấy ra một liều thuốc rồi đứng dậy đi qua đám đông làm như vô tình đến bên thành bể bơi. Tôi đứng lại, một tay chống eo, một tay cầm thuốc, thỉnh thoảng lại rít vài hơi để tự trấn an. Rồi khi biết chắc không có ai quan sát mình, tôi ngó xuống mặt nước. Một vị khách bên cạnh đang hát rống lên một ca khúc *enka* và một nữ tiếp viên cười khúc khích phụ họa nhưng tôi chẳng còn đầu óc nào mà chú ý tới họ. Tôi tập trung cao độ cho tới khi không còn tồn tại thứ gì khác ngoài tôi và những sọc ánh sáng trên mặt nước.

Không hiểu tại sao nhưng tôi dám chắc đó chính là cửa sổ căn phòng mà Fuyuki cất giấu bí dược của mình. Những thanh gỗ mỏng trên tám màn cửa mở hé để lộ một phần sàn nhà và tôi có thể nhìn thấy bóng mục Y Tá đang di chuyển trên đó. Có đôi lúc, mục tiến lại gần cửa sổ đến mức tôi có thể nhìn thấy đôi chân đi giày cao gót của mục. Đầu tôi căng ra. Có cái gì đó ở trong phòng cùng với mục Y Tá. Cái gì đó làm bằng thủy tinh, hình vuông, giống như một cái hộp hay một...

“Cô đang làm gì đấy?”

Tôi giật mình. Jason đang đứng cạnh tôi, tay cầm ly rượu, mắt nhìn xuống bể bơi. Ngay lập tức, mọi tiếng động lại vang lên và các màu sắc cũng quay trở lại. Vị khách lúc nãy đang ngâm nga những câu cuối của bài hát còn cô tiếp viên thì mở một chai brandy và phân phát ly cho mọi người.

“Cô đang nhìn cái gì đấy?”

“Không có gì.” Tôi nhìn xuống bể bơi. Đèn đã tắt. Mặt nước lại tối đen. “Ý tôi là, tôi đang nhìn xuống nước, nó thật... thật là trong.”

“Cẩn thận đấy,” Jason thì thào. “Phải cẩn thận chứ!”

“Vâng.” Tôi nói và lùi lại. “Tất nhiên rồi.”

“Cô tới đây vì một cái gì đó, đúng không?”

Mắt chúng tôi gặp nhau. “Cái gì cơ?”

“Cô đang tìm cái gì đó.”

“Không, ý tôi là, không, dĩ nhiên là tôi... Anh nói gì buồn cười thế!”

“Cô quên là tôi có thể biết lúc nào thì cô nói dối à.” Anh ta cười một tiếng khô khốc rồi nhìn xuống tóc và cổ tôi như thể chúng vừa hỏi anh ta một câu hỏi khó. Anh ta khẽ chạm vào vai tôi, cả người tôi như có luồng điện chạy qua. “Tôi sẽ xâm nhập vào mọi ngõ ngách trong lòng em,” anh ta thì thầm. “Mọi nơi, mọi chỗ. Nhưng đừng sợ, tôi sẽ làm điều đó một cách từ tốn.”

**史 Nam Kinh, ngày 18 tháng Mười hai năm 1937, tám giờ (ngày mười sáu tháng Mười một âm lịch)**

Cuối cùng thì tôi cũng có thể cầm bút viết. Cuối cùng thì tôi cũng tìm được một chút bình an. Tôi đã rời khỏi nhà được hơn một ngày. Lúc chiều muộn, khi tôi quyết định ra khỏi nhà, không gì có thể ngăn tôi lại. Tôi ghim tấm thẻ tị nạn vào áo khoác và lên ra ngõ, lần theo mùi thức ăn. Kể từ hôm mười ba, đó là lần đầu tiên tôi ra khỏi nhà giữa ban ngày. Không khí có vẻ lạnh và u uất, tuyết rơi lất phất. Tôi lặng lẽ đi xuyên qua các ngõ hẻm và trèo tường để tìm tới nhà ông Lưu. Cửa trước nhà ông mở toang và ông Lưu vẫn đang ngồi ngay trước cửa ra vào như thể ông không hề di chuyển kể từ lần cuối cùng chúng tôi gặp nhau. Ông đang hút tẩu, khuôn mặt lộ rõ vẻ mông lung.

“Lưu Nhuận Đức, già có người thấy không? Già có người thấy mùi thức ăn không?” Tôi bước vào nhà và hỏi. Ông nhô người ra phía trước và héch mũi lên đánh hơi trong không khí lạnh giá, nghiêng nghiêng đầu và dăm chiêu nhìn lên bầu trời.

“Có thể đó là chỗ thức ăn mà chúng lấy trộm của chúng ta, chúng dám nấu lẩm chứ.”

“Có thể.”

“Tôi sẽ đi tìm. Ở ngoài phố. Thu Kim cần phải ăn.”

“Cậu chắc không? Còn bọn Nhật thì sao?”

Tôi không trả lời. Tôi ngưng ngưng nhớ lại trước đây ông cứ khẳng khẳng rằng chúng tôi sẽ an toàn, nhớ lại việc chúng tôi muốn làm gương

cho kẻ khác như thế nào. Sau những giây phút im lặng dài đằng dặc, tôi cố lấy lại can đảm, vỗ vỗ vào tấm thẻ tị nạn trước ngực: “Già có thể này chứ, ông bạn già?”

Ông nhún vai rồi đứng dậy, đặt tẩu thuốc xuống. “Đợi tôi ở đây. Tôi sẽ đi lấy.”

Ông vội vã thì thầm gì đó với vợ mình. Tôi có thể nhìn thấy họ trong căn phòng tối mờ phía cuối ngôi nhà, đứng quay mặt vào nhau, chiếc tay áo lụa màu xanh sòn cũ của bà thấp thoáng sau cánh cửa, thỉnh thoảng lại đung đưa mỗi khi bà giơ tay lên để chỉ đạo điều gì đó. Một lúc sau ông trở ra, cẩn thận đóng cửa và nhìn trước nhìn sau. Một chiếc thẻ tị nạn ghim trên áo khoác, khuôn mặt trĩu nặng lo âu. “Tôi không bao giờ nghĩ sự tình lại đến nông nỗi này,” ông thì thầm, dựng cổ áo khoác lên. “Tôi không bao giờ có thể tưởng tượng được. Đôi khi tôi nghĩ, trong hai vợ chồng tôi, ai mới là kẻ đại đột...”

Chúng tôi rón rén đi ra đầu ngõ và nhìn dọc theo khu phố hoang vắng. Khắp nơi, không có lấy một động tĩnh. Thậm chí đến một con chó cũng không. Chỉ có những dãy nhà cửa đóng im ỉm, ám mờ hóng đen sì, một chiếc xe kéo lật úp chổng chơ trước cửa một ngôi nhà. Những đám lửa nhỏ leo lét cháy bên lề đường và phía bờ sông, bầu trời vằn lên những tia đỏ rực. Tôi khịt mũi đánh hơi trong không khí. Cái mùi thức ăn như trên người càng trở nên sực nức. Dường như chúng tôi có thể nghe thấy tiếng mỡ rán xèo xèo và nổ lộp độp bất cứ lúc nào từ một trong những ngôi nhà trước mắt.

Chúng tôi rón rén đi lại trên phố như một cặp mèo hoang, lảng vảng trong bóng tối, mon men từ cửa nhà này sang cửa nhà khác. Chúng tôi đi về phía cổng Trung Ương ở phía Bắc, theo hướng những tên trộm đã bỏ chạy lần trước. Đôi khi chúng tôi lại vấp phải những đống đồ đạc mà chẳng biết chủ nhân của chúng đang ở chỗ nào, và chúng tôi lôi chúng vào cổng nhà gần nhất, tuyệt vọng lục lọi xem có tìm được chút thức ăn nào hay không. Nhìn thấy bất cứ ngôi nhà xập xệ, ọp ẹp nào chúng tôi cũng gi mũi vào cửa và thì thào qua lỗ khóa: “Ai đang nấu nướng ý nhỉ? Ai đang nấu nướng ấy nhỉ?” Một cơn đói xuyên suốt khắp người tôi, còn cào tới mức khó khăn lắm tôi mới đứng thẳng người lên được. Nhìn vẻ mặt ông Lưu, tôi có thể



thấy ông cũng có cảm giác tương tự. “Ra đây,” chúng tôi nói vọng vào trong các ngôi nhà. “Hãy cho chúng tôi xem các người đang nấu nướng gì.”

Vào mùa đông, ở phía Đông Trung Quốc, trời tối rất nhanh và khi chúng tôi mò mẫm đi trên phố với những đóm lửa dẫn đường thì mặt trời đã lặn từ lâu. Chúng tôi đã kiệt sức. Cả hai dường như đã đi được vài cây số, tôi có cảm tưởng như mình đã đi đến tận đường Chùa Cầu, dù trên thực tế cả hai vẫn chưa vượt qua bức tường thành. Sinh vật sống duy nhất mà chúng tôi bắt gặp suốt chặng đường là một con chó hoang đói khát, còm cõi với những vết thương rỉ máu trơ cả xương. Nó đi theo chúng tôi một đoạn đường và cả hai chúng tôi nửa muốn nửa không, đều nghĩ đến chuyện bắt nó làm thịt bất chấp sự ghê lở bệnh tật của nó. Nó khá to đủ để cho hai nhà cùng ăn. Nhưng nó tỏ ra hung tợn và sủa âm ỉ khi chúng tôi lại gần, tiếng sủa vang vọng một cách đầy đe dọa xuyên suốt những khu phố vắng lặng. Cuối cùng chúng tôi đành bỏ cuộc.

“Muộn rồi,” tôi nói và dừng lại đầu đó gần cổng thành. Mùi thức ăn đã bị thay thế bởi một mùi khác, mùi hôi thối của cống rãnh ứ đọng. Tinh thần chúng tôi cũng xuống dốc. Tôi nhìn những tòa nhà ọp ẹp trên phố. “Tôi chẳng thấy đói nữa, già Lưu ạ.”

“Cậu mệt rồi. Chỉ còn thấy mệt thôi.”

Tôi vừa định trả lời thì có cái gì đó ở phía đằng sau ông Lưu đập vào mắt tôi. “Im nào, đừng nói gì cả.” Tôi nói khẽ và túm chặt tay ông.

Ông quay lại. Xa xa phía cuối đường, một tên lính Nhật xuất hiện, vai đeo súng trường, khuôn mặt lơ mơ dưới ánh sáng hắt ra từ một ngọn đèn nhỏ đặt trên thùng nước. Hắn đang đứng đúng chỗ chúng tôi đứng năm phút trước đây.

Chúng tôi nhanh chóng tấp vào cổng ngôi nhà gần nhất, dựa lưng vào cửa, hốt hốt nhìn nhau.

“Một phút trước còn không thấy hắn đâu,” ông Lưu thì thào. “Cậu có nhìn thấy hắn không?”

“Không.”

“Làm thế quái nào để về nhà bây giờ?”

Chúng tôi đứng đó khá lâu, tim đập thành thịch, ai cũng hy vọng chính người kia sẽ quyết định phải làm gì. Tôi biết con đường này tiếp tục chạy thẳng rất lâu mới có ngã rẽ, để sang được một hẻm khác chúng tôi phải băng qua một đoạn đường dài trước mặt tên lính Nhật kia. Tôi hít một hơi thật sâu, kéo sụp mũ xuống trán và mạo hiểm thò đầu ra ngoài phố chỉ thoáng có một giây, đủ để kịp nhìn thấy tên lính kia. Tôi rụt đầu lại, nép sát vào tường và thở dốc.

“Sao rồi?” Ông Lưu thì thào. “Cậu nhìn thấy gì?”

“Hắn ta đang đợi cái gì đó.”

“Đợi á? Đợi cái...”

Nhưng trước khi ông kịp nói hết câu thì chúng tôi đã có câu trả lời: một âm thanh quen thuộc vọng lại từ xa, một tiếng động rì rầm đáng sợ khiến những ngôi nhà ọp ẹp quanh chúng tôi rung lên. Cả hai chúng tôi đều biết rõ âm thanh đó. Xe tăng.

Theo bản năng cả hai chúng tôi đều tránh khỏi con đường, lùi vào phía trong, dùng hết sức lực lao người vào cánh cửa hy vọng tiếng động của xe tăng sẽ hỗ trợ cho nỗ lực của chúng tôi. Chúng tôi sẵn sàng trèo tường nếu cần thiết nhưng cánh cửa đã vỡ toác ra đúng lúc tiếng xe tăng vang lên ầm ĩ ngay sau lưng, chắc chúng vừa rẽ từ một góc phố nào đó ra. Cánh cửa bật vào trong, một làn khí lưu cữu xộc ra và chúng tôi nhảy vào nhà, một đồng hồ lớn mặc quần áo dày cộp, đầy sợ hãi, mồ hôi mồ kê trượt vào trong bóng tối. Bên trong nhà tôi om ngoại trừ một lỗ hổng trên mái nơi ánh trăng lọt qua.

“Già Lưu ơi, già vẫn còn ở đó chứ?”

“Ừ, tôi đây.”

Chúng tôi cố gắng đóng lại cánh cửa vỡ được chùng nào hay chùng ấy rồi men theo tường đi xung quanh phòng, theo ánh trăng trên mái nhà. Thật đáng kinh ngạc khi người ta vẫn thân nhiên du nhập vào thành phố những thói quen ở nông thôn, người ta để gia súc sống cùng trong nhà để giữ ấm cho người vào ban đêm. Ông Lưu và tôi bước qua cái ổ ấm áp và bãi

phân gia súc. Tiếng xe tăng ngày càng to khiến ngôi nhà nhỏ cọt kẹt như muốn đổ sập xuống.

“Lối này,” ông Lưu thì thầm. Ông đã dừng lại, và lúc này tôi mới thấy ông đang túm vào chiếc thang cói dẫn lên lỗ hồng trên mái nhà. Tôi đến bên cạnh ông và ngẩng đầu nhìn lên. Trên đầu chúng tôi, bầu trời đêm sáng trong với những vì sao xa lạnh lẽo, thanh thoát. “Đi thôi.”

Ông bám thang leo lên một cách lanh lẹ không ngờ so với tuổi của mình rồi dừng lại ở đầu cầu thang, đưa tay xuống cho tôi. Tôi nắm lấy tay ông vội vã leo lên, nhờ ông kéo qua lỗ hồng. Lên tới đầu thang, tôi đứng thẳng người lên và nhìn ra xung quanh. Chúng tôi đang đứng ở ngoài trời, tòa nhà này chỉ còn là một đống đổ nát, mái nhà đã bị phá hủy từ lâu chỉ còn lại những đám vôi vữa lổn nhổn và những thân gỗ mục ruỗng.

Tôi ra hiệu cho ông Lưu và hai chúng tôi bò đến bên mép, cẩn thận nhòm qua bức tường đổ nát. Chúng tôi đã bỏ chạy đúng lúc. Phía dưới chúng tôi một hàng xe tăng đang chậm rãi lăn xích. Tiếng âm đing tai nhức óc. Nó chạy dọc phố theo hình phễu rồi vươn lên không trung như một làn sóng nhiệt nóng tới mức dường như có thể chạm vào và lay chuyển cả mặt trăng. Những ngọn đèn trên ụ tăng rọi ánh sáng ma quái vào các ngôi nhà ven đường. Binh lính mang kiếm và súng cạc bin sáng loáng hành quân thẳng tắp hai bên xe tăng, khuôn mặt vô cảm. Đây hẳn là một đợt tổng hành quân tới các khu vực khác nhau của thành phố vì sau xe tăng còn có các phương tiện khác như xe ô tô do thám, xe tải lọc nước và một xe tải chở theo hai chiếc cầu phao.

Trong khi quan sát, tôi cũng để ý thấy một con chó, có lẽ vẫn là con mà chúng tôi nhìn thấy lúc nãy, từ một xó xỉnh nào đó chui ra và lạc giữa rừng chân của đám lính Nhật. Những tiếng kêu ăng ẳng và rên rỉ của nó chỉ được đáp lại bằng những cú đá dã man vào mạng sườn và chỉ vài phút sau nó bị ném ra vệ đường, đúng ngay trước đường đi của xe tăng và nhanh chóng biến mất khỏi tầm nhìn. Hai tên lính ngồi trên ụ tăng nhìn thấy con chó, tò mò cúi sang bên cạnh để xem, cười phá lên khi xích xe cán qua con vật. Rồi chiếc xe lăn tiếp, để lại con vật bị cán nát, chỉ còn lại duy nhất một chiếc chân sau lênh lặn thò ra ngoài co giật liên hồi. Tôi không thích chó, nhưng sự khoái trá trong tiếng cười của những tên lính đó làm tim tôi buốt giá.

“Nhìn xem, già Lưu ơi, hãy nhìn xem.” Tôi thì thào. Lúc này tôi mới ngộ ra là mình đã ngờ nghệch làm sao khi tưởng lính Nhật cũng giống như chúng tôi, thậm chí còn tưởng tượng ra rằng chúng tôi có thể an toàn với chúng. Những người này không giống như chúng tôi. Tôi ngồi sụp xuống góc tường hai tay ôm đầu. “Chúng ta đã phạm phải sai lầm gì thế này. Một sai lầm thật khủng khiếp!”

Ông Lưu ngồi xuống bên cạnh tôi, nhẹ nhàng đặt cánh tay to bè lên lưng tôi. Tôi cảm thấy dễ chịu vì ông không nói lời nào. Dễ chịu vì nếu tôi mở miệng ra để trả lời thì tôi sẽ phải nói những từ đó: *Có thể không phải bây giờ, không phải đêm nay nhưng kết cục sẽ sớm xảy ra thôi. Tin tôi đi già Lưu ạ, các bà vợ của chúng ta đã nói đúng. Chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ chết hết thôi.*

Trong taxi trên đường trở về nhà, Jason và tôi ngồi im lặng không nói năng gì. Irina và Svetlana thì hút thuốc, thỉnh thoảng lại cười khúc khích và xỏ ra một tràng tiếng Nga. Tôi không nghe thấy gì cả. Cả người tôi ngứa ngáy như một con thú muốn được người ta vuốt ve. Tôi ngồi không yên, cứ ngo nguậy liên tục cho đến khi Irina phát cáu và huých một nhát vào sườn tôi. “Im nào, đừng có ngo nguậy như con giun thế. Điên à?” Bên cạnh cô, gần cửa xe, Jason lắc đầu vẻ ngậm ngậm thích thú. Anh ta cúi mặt xuống và đặt một đầu ngón tay lên mũi, gật gù như thể có một người vô hình vừa thì thầm gì đó vào tai anh ta.

Khi chúng tôi về đến nhà, hai chị em sinh đôi leo thang lên phòng của họ còn tôi dừng lại treo áo khoác của mình lên cái móc ở đầu cầu thang, ngay bên cạnh chiếc túi da của Jason rồi lẳng lặng bước về phòng. Anh ta đi theo tôi. Khi bước vào trong phòng tôi, anh ta có thể nhìn thấy tôi đang bồn chồn lo lắng. “Tôi biết là em sợ.”

“Không,” tôi vuốt dọc cánh tay. “Không. Tôi không sợ.”

Anh ta hẳn đang tự hỏi cái gì đã khiến tôi bối rối đến thế. Có lẽ anh ta đã nghĩ đến sự bạo hành, ngược đãi trẻ em hay hiếp dâm. Tôi run tới mức tôi phải hít một hơi thật sâu mỗi khi anh ta chạm vào người tôi. Tôi cố gắng giữ bình tĩnh và hình dung ra một cái gì đó bình yên, tối và vững chãi nằm ngay dưới xương sườn tôi và tôi không thể nào suy sụp. Nhưng dường như Jason không hề chú ý đến chuyện gì cho đến khi anh ta ép được tôi đứng sát vào chiếc bàn trang điểm với chiếc váy hát cao lên tới tận eo. Anh ta đứng giữa đôi chân dang rộng của tôi và nhìn chăm chăm như thể bị thôi miên vào bụng dưới của tôi, nơi chúng tôi sẽ kết hợp với nhau. Nơi da thịt kín đáo nhất của tôi sẽ chạm vào anh. Tôi có thể cảm thấy trái tim anh đang đập thình thịch trong từng mạch máu đi lên háng anh. “Cái này,” anh nói, luôn tay vào cạp quần của tôi. “Hãy cởi nó ra.”

“Không,” tôi túm chặt lấy chúng. “Xin đừng.”

“À,” anh nói với giọng trầm trầm đầy phấn khích, tò mò quan sát khuôn mặt tôi. “Có phải đây chính là điều mà em luôn che giấu?” Anh lại luôn tay vào chiếc cạp chun.

“Không!” Tôi quay ngoắt người lại, làm rơi một vài thứ trên bàn trang điểm xuống đất. “Xin đừng, xin anh đừng...”

“Lạy Chúa tôi,” anh nói và thở gấp như thể tôi vừa làm gì đó khiến anh bị thương tổn. “Thoải mái nào, thoải mái nào.” Anh đột nhiên bước sang bên cạnh, chống hai tay xuống bàn để lấy lại thăng bằng. “Khi thật, cô gái lập dị. Thoải mái nào.”

Tôi ngồi thụp xuống, lấy tay che mặt. “Tôi xin lỗi, xin lỗi. Làm ơn đừng cười nó ra.”

Anh không trả lời. Cả hai chúng tôi không nói gì trong một lúc lâu. Bầu không khí im lặng khó chịu bao trùm lấy chúng tôi. Chỉ nghe thấy tiếng tim tôi đập thình thịch. Giá như tôi có thể nói cho anh biết. Giá như tôi có thể. Tôi ước gì mọi chuyện đã khác. Cuối cùng anh đặt môi lên gáy tôi và phả ra một hơi thở ấm nóng. Người tôi như đông lại vì sợ những điều anh sắp nói ra.

“Em có biết không, cô gái lập dị? Em không thể tưởng tượng được chúng ta giống nhau như thế nào đâu. Em và tôi. Tôi biết chính xác trong đầu em đang nghĩ gì.”

“Xin đừng cười chúng ra.”

“Tôi sẽ không cười chúng ra. Bây giờ thì không. Nhưng để tôi nói cho em biết chuyện gì sẽ xảy ra nhé! Một ngày nào đó, em sẽ tự nói cho tôi biết đó là gì. Và em biết không?”

Tôi bỏ tay ra khỏi mặt và nhìn anh: “Biết cái gì cơ?”

“Rằng hóa ra nó chẳng có gì to tát cả. Bởi vì...” Anh ngừng lại đưa mắt lên bức tranh tường tôi vẽ cảnh Tokyo và những bức họa Nam Kinh tôi ghim lên trên đó. Mắt anh lấp lánh trong ánh sáng mờ nhạt của căn phòng. “Bởi vì em và tôi, chúng ta giống nhau. Em có biết không?”

Tôi lắc đầu, lấy hai tay chùi mặt rồi hất sợi tóc vương trên mắt. “Em xin lỗi,” tôi thì thào. “Em thật sự xin lỗi.”

“Em không cần phải xin lỗi.” Anh hôn lên cổ tôi, lưỡi anh chạm vào lớp da ngay dưới tai tôi, chờ một lúc cho tôi bình tâm trở lại và tiếp nhận anh. “Em không cần phải xin lỗi, vấn đề duy nhất là...”

“Ừmmm.”

“Là nếu em giữ chiếc quần này lại thì anh sẽ làm tình với em bằng cách nào cơ chứ?”

Tôi hít một hơi thật sâu, đẩy anh ra rồi vén váy lên cao. Tôi dùng ngón trỏ luồn vào đũng quần rồi kéo nó sang một bên. Chỉ trong nháy mắt, anh đã hiểu ra phép nhiệm màu của chiếc quần nịt.

Sau đó, mọi chuyện xảy ra hoàn toàn tuyệt vời, giống như mọi nguyên tử và tế bào trong người tôi chọt căng ra cùng một lúc và thoát khỏi người tôi, quay cuồng giữa các vì sao và các hành tinh. Sau khi mọi chuyện kết thúc, tôi gần như không thốt nên lời. Jason kéo quần lên, lấy một điều thuốc của tôi đưa lên miệng và châm lửa, vĩnh cảm lên hút khiến điều thuốc trông giống như đang trồng cây chuối. Anh đứng khoanh tay nhìn chăm chăm vào những bông hoa nhỏ xíu trên quần lót của tôi qua lớp khói thuốc như thể nghi ngờ tôi đang chơi xỏ anh chuyện gì.

“Chuyện gì vậy?” Tôi lo lắng hỏi, đưa tay vuốt nhẹ chiếc tạp dề quần phía trên bụng xem các vết sẹo có bị hở ra không. “Chuyện gì vậy?”

Anh rút điều thuốc ra khỏi miệng và cười phá lên. “Không có gì.” Anh búng tàn thuốc vào không khí thành một đường lấp lánh như nhà ảo thuật. Rồi anh bước ra khỏi phòng không nói một tiếng nào. Tôi nghe tiếng anh ở phía cuối hành lang, lấy chìa khóa, xỏ giày và bước xuống cầu thang. Rồi ngồi nhà lại trở nên yên lặng. Tôi ngồi một mình bên chiếc bàn trang điểm, hầu như trần truồng, ngoại trừ chiếc quần nịt màu nhiệm.

Tôi trượt khỏi bàn và lại gần cửa sổ. Ngõ hẻm vắng tanh. Jason mất tăm. Đúng là anh đi thật rồi. Tôi ngược mắt nhìn Mickey Rourke, bắt gặp

đôi mắt của ông ta. Ông ta vẫn đang mỉm cười như không có chuyện gì xảy ra. Một cơn gió êm ái nhất, ngọt ngào nhất từ phía vịnh Tokyo thổi tới khiến những cây tre rung rinh và tôi như ngửi thấy hương vị của những hòn đảo từ biển Nam với mùi tôm chiên bay ra từ những chiếc thuyền mảnh. Âm thanh duy nhất lúc này là tiếng gió thổi xào xạc qua bụi tre và tiếng ồn của xe cộ từ xa vẳng lại.

Thế này là thế nào? Phải chăng anh đã bỏ tôi lại, giống như mấy anh chàng trên chiếc xe tải? Phải chăng tôi đã làm hỏng mọi chuyện. Tôi ngồi xuống sàn nhà, sờ tay vào bụng. Tim tôi đập dồn dập. Lẽ ra tôi không bao giờ được để mọi chuyện đi xa như thế này... Lẽ ra tôi phải để mọi chuyện dừng lại đúng lúc. Tôi nhìn chiếc bao cao su mà anh bỏ lại trong sọt rác và cái cảm giác trống rỗng, hụt hẫng y như cái lần tôi nhìn theo chiếc xe tải mất hút trong đêm lại ùa về, khiến tôi cảm thấy nôn nao. *Mày vẫn chưa rút ra bài học từ lần đó hay sao?*

Cuối cùng tôi mặc váy vào. Tôi đi đến thùng rác, lấy móng tay kẹp chiếc bao cao su và đi ra hành lang tối đen. Tôi vứt nó vào chiếc bồn cầu kiểu Nhật nhìn nó một lúc rồi giật nước. Nước tràn vào, lấp lánh dưới ánh trắng, khiến chiếc bao cao su quay quay nhiều vòng. Rồi nó chìm xuống và tôi không còn nhìn thấy gì nữa.

Từ phía cuối ngôi nhà vang lên tiếng sập cửa và tôi nghe tiếng bước chân trên cầu thang.

“Grey?”

Anh đã quay trở lại. Tôi bước ra hành lang và nhìn thấy anh đang đứng đó, tay trĩu nặng những túi đồ mua từ siêu thị 24 giờ. Bây giờ nghĩ lại thì nó có vẻ thật ngớ ngẩn, nhưng lúc đó, khi anh trở lại, với tôi, trông anh giống hệt như một thiên thần. Tôi nhìn thấy những chai rượu sake lớn và một gói khô mực to đùng thò ra ngoài miệng túi.

“Chúng ta cần nhiên liệu.” Anh lôi một túi bánh *sembei* ra cho tôi xem. “Chúng ta cần năng lượng để tiếp tục.”

Tôi nhắm mắt lại và thả hai tay xuống.

“Gì vậy?”



“Không có gì. Không có gì,” tôi nói và tự dưng mỉm cười một cách  
ngốc nghếch.

## 史 Nam Kinh, ngày 18 tháng Mười hai năm 1937

Sau đoàn xe thiết giáp, sau những tiếng ầm ình tai nhức óc và ánh đèn sáng chói là lính bộ binh. Chúng tràn vào phố như những tên hung thần mà ông Lưu nhìn thấy ở Tô Châu. Mỗi khi đường phố trở lại im ắng và chúng tôi vừa bắt đầu hy vọng tẩu thoát thì lại nghe thấy những tiếng loảng xoảng của lưỡi lê, tiếng những chiếc ủng da lộn va vào nhau rồi lại có ba, bốn tên lính Nhật xuất hiện, súng *arisaka* gắn lưỡi lê trong tư thế sẵn sàng. Một tên lính tuần tra đang ngồi hút thuốc trên một chiếc sọt ở đầu đường vẫy tay ra hiệu cho đồng đội tiến tới. Kiệt sức và lạnh cóng, cuối cùng hai chúng tôi ngồi sát vào nhau cho ấm, lưng dựa vào tường, quàng vai nhau như hai huynh đệ.

Khi chúng tôi ở trên đó được hơn hai tiếng thì mặt trăng trông giống như một chiếc đĩa bằng bạc, sáng tới mức những vết lõm lõm trên bề mặt hiện ra lồ lộ, bỗng di chuyển tới một tọa độ khác, xuống phía Tây của bầu trời và chiếu sáng lên một khối vật thể dị thường, méo mó, đen sì, che kín cả một vùng trời. Cả hai chúng tôi nhìn chăm chăm về phía đó một lúc lâu.

“Cái gì thế nhỉ?” Ông Lưu thì thào.

“Có phải núi Lão Hồ không?”

Người ta nói rằng chỉ có vài địa điểm ở Nam Kinh có thể nhìn thấy rõ cái đầu hổ của núi Lão Hồ. Phải tìm đúng chỗ thì mới nhìn thấy được. Từ góc này, tôi khó có thể nhận ra núi Lão Hồ vì trông nó khác hẳn, nhỏ bé một cách kỳ lạ, giống như vừa bị quân xâm lược san bằng. “Chỉ có thể là núi Lão Hồ mà thôi.”

“Không ngờ chúng ta đi xa thế.”

“Tôi biết,” tôi thì thầm. “Nghĩa là chúng ta ở gần tường thành hơn chúng ta tưởng.”

Một đám mây bay ngang qua mặt trăng, một dải màu đỏ và bạc khiến những mảng tối trên mái nhà chập chờn, xao động. Tôi nhắm mắt lại và ngồi sát vào ông Lưu. Sau lưng chúng tôi, đường phố vẫn văng vẳng tiếng hành quân của lính Nhật. Đột nhiên tôi cảm thấy rã rời và chán nản. Tôi biết cả hai sẽ phải ngủ lại đây trên mái nhà này. Ông Lưu siết lại áo khoác rồi bắt đầu thì thầm kể chuyện. Ông kể về cái ngày con trai ông sinh ra ở Thượng Hải, trong một ngôi nhà ở gần khu Bund thượng lưu. Tất cả họ hàng đã tới tham dự lễ đầy tháng của cậu bé với những phong bì quà tặng đầy những đồng xu bên trong, chơi đùa với cậu khiến cậu khoái chí cười vang, đập chân đập tay làm những chiếc chuông nhỏ bằng vàng đeo trên cổ tay và cổ chân kêu leng keng. Ông Lưu nói không thể tin được giờ ông đang sống trong một ngôi nhà tuềnh toàng trong ngõ hẻm và chạy khắp phố săn lùng một con chó ốm làm thức ăn.

Trong khi ông nói thì tôi nhét tay áo vào trong găng và kéo lại áo dài để che kín người. Những lời của ông Lưu tràn ngập đầu óc tôi, khiến tâm trí tôi dập dềnh, trôi nổi ra khỏi Nam Kinh, qua núi Lão Hồ, qua sông Dương Tử, qua những đồng bằng phù sa ngập mặn, qua hàng ngàn dặm đường làng với những miếu thờ nghi ngút khói hương bên vệ đường, những bãi tha ma gần đường tàu, tiếng quàng quạc của lũ vịt bị lôi ra chợ bán, những ngôi nhà xây bằng đá màu vàng, nóng như rang vào mùa hè nhưng biệt lập và an toàn vào mùa đông, trôi tới tận Thượng Hải. Tôi nghĩ tới các gia đình trên khắp mọi làng quê Trung Hoa đang kiên nhẫn chờ đợi dưới những cây gỗ tẻch, nghĩ tới những tá điền trung thực và tiết kiệm, không lãng phí một thứ gì, rom rạ dùng để nhóm lửa, bong bóng lợn được dùng làm đồ chơi cho trẻ con. Tôi cố gắng không nghĩ đến cảnh xe tăng Nhật hành quân qua đó. Tôi cố gắng không hình dung ra cảnh chúng giày xéo làng quê, trên xe lá cờ mặt trời mọc phấp phới bay còn dưới chân bọc thép, đất đai run rẩy.

Cuối cùng, mắt tôi cũng sụp xuống. Ông Lưu đã im lặng từ lâu. Tôi dần chìm vào một giấc ngủ mơ màng.

**史 Nam Kinh, ngày 19 tháng Mười hai năm 1937 (ngày mười bảy tháng Mười một âm lịch)**

“Dậy thôi.”

Tôi mở choàng mắt và điều đầu tiên tôi nhìn thấy, ngay sát mặt mình, là gương mặt ướt đẫm và ửng hồng của Lưu Nhuận Đức, hai hàng lông mi bám đầy tuyết. “Dậy nhìn xem.”

Trời mới tờ mờ sáng, và ông đang chỉ lên trên mái nhà, mặt lộ rõ vẻ bất an. Tôi choàng tỉnh giấc. Tôi đã quên mất là mình đang ở đâu. Mái nhà lúc này phủ đầy tuyết và bình minh choàng lên mọi vật một màu hồng yếu ớt.

“Nhìn xem,” ông giục. “Nhìn xem.”

Tôi vội vàng phủi lớp tuyết bám trên người và cố gắng ngồi dậy. Người tôi lạnh cóng tới mức các khớp xương kêu răng rắc và cứng đờ lại khiến ông Lưu phải nắm lấy vai tôi và đỡ tôi ngồi dậy nhìn về phía Tây.

“Núi Lão Hồ. Cậu có nhìn thấy gì không?” Trong giọng nói của ông Lưu có cái gì đó kinh hoàng. Ông đang đứng cạnh tôi, vừa nói vừa phủi tuyết bám trên găng tay. “Hãy nói cho tôi biết, Sử Trùng Minh, đây có phải là cái núi Lão Hồ mà cậu biết hay không?”

Tôi chớp mắt bối rối, vẫn còn ngái ngủ. Chân trời phía trước đỏ rực với những đám cháy như thể chúng tôi đang ở dưới địa ngục, những tia sáng nhuốm màu máu của chúng rọi lên ngọn núi khủng khiếp trước mặt tôi. Bây giờ thì tôi mới hiểu ông Lưu muốn nói gì. Không. Đây hoàn toàn không phải là núi Lão Hồ. Tôi đang nhìn thấy một thứ hoàn toàn khác. Như thể mặt đất vừa khắc ra ngoài một thứ độc tố, một thứ độc tố kinh hoàng mà nó không thể giữ lại trong lòng đờc.

“Không thể nào,” tôi thì thào, lập cập đứng dậy như trong cơn mê ngủ. “Lạy trời, có phải là tôi đang tưởng tượng ra hay không?”

Đó là hàng trăm, đúng hơn là cả nghìn xác chết. Chúng chồng chất lên nhau tầng tầng lớp lớp, cơ man nào là thầy người, đầu quay tứ phía, những đôi chân mềm rũ, giày tụt ra ngoài lủng lẳng. Ông Lưu và tôi đã ngủ trước một núi thầy người dưới ánh trăng. Tôi không thể nào ghi chép ra đây tất cả những gì tôi nhìn thấy lúc đó, sợ rằng sự thật tàn khốc ấy sẽ thiêu cháy những trang giấy này - những người cha, những người con trai, những người anh em, những biển thể vô hạn của nỗi đau. Còn có cả một tiếng động, một âm thanh rì rầm vang lên từ phía ngọn núi. Giờ đây khi tôi nghĩ về nó, tôi chợt nhận ra rằng chắc ngọn núi đã nằm ở đó từ lâu lắm rồi, từ trước khi tôi tỉnh giấc. Từ khi tôi còn đang nằm mơ, nó đã xuất hiện trong những giấc mơ của tôi. Ông Lưu đứng dậy và rón rén bước lên phía trước. Tôi lập cập bò theo sau, cả người tê cóng. Trước mắt chúng tôi là toàn cảnh khu vực phía Đông Nam Kinh; bên tay phải là sông Dương Tử lấp lánh và mũi đất hẹp của đảo Baguazhou còn bên trái là ống khói màu nâu của các nhà máy ở Hạ Quan. Và ở chính giữa, chỉ cách khoảng hơn hai trăm mét, lẩn át mọi vật xung quanh nó là một núi thầy người, mọc lên từ mặt đất.

Ở giữa ngôi nhà mà chúng tôi đang lẩn trốn và núi thầy người kia có một bãi đất trống, lúc này đang nhung nhúc người. Những người này đang di chuyển về cùng một hướng. Một số người còn xách theo đồ đạc, chăn chiếu, nồi niêu và gạo như thể họ đang chuẩn bị cho một đợt vắng nhà ngắn ngày. Đi canh chừng đám đông là các sĩ quan Nhật, đầu đội mũ lưỡi trai màu nâu, cử động như những cỗ máy vừa được bôi trơn dầu mỡ. Chúng đang giải tù binh đi. Ánh nắng chiếu lên gáy họ, và mặc dù chúng tôi không nhìn thấy mặt các tù binh nhưng từ những tiếng rì rầm khi họ nhận ra bản chất cái ngọn núi trước mặt, chúng tôi có thể đoán được chuyện gì đang xảy ra. Đó là lời thì thào của hàng nghìn con người đang đối mặt với nỗi sợ hãi.

Tất cả bọn họ đều là đàn ông nhưng không phải ai cũng là quân nhân. Điều này rõ như ban ngày. Tôi nhìn thấy những mái tóc hoa râm. “Họ chỉ là dân thường, già có nhìn thấy không?” Tôi nói khẽ với ông Lưu.

“Cậu Sử Trùng Minh ơi, tôi không còn biết nói gì nữa. Không có gì ở Thượng Hải có thể so sánh với cảnh tượng này.” Ông đặt tay lên tay tôi, buồn bã nói.

Khi chúng tôi đứng đó quan sát thì đám đông bắt đầu hoảng loạn, những người đi đầu hẳn đã hiểu ra là họ đang bị dẫn tới chỗ chết. Người ta

bắt đầu la hét, một đợt sóng người chững lại, cố tránh xa cái số phận đang chờ đón họ, tuyệt vọng tìm mọi cách để đảo ngược tình thế. Họ đâm sầm vào những tù nhân phía sau, tạo nên một tình trạng hỗn loạn, tất cả đều cuống cuồng tìm cách bỏ chạy về các hướng khác nhau. Nhìn thấy cảnh lộn xộn đó, những tên lính Nhật không nói không rằng, di chuyển theo bài bản thành một vành móng ngựa xung quanh đám tù binh, dồn họ lại và giơ súng lên. Những tù binh ở hàng ngoài trông thấy súng bắt đầu lấy mọi vật dụng trong tay lên để che chắn, giày, mũ, ly, cốc... Bọn Nhật bắt đầu xả đợt đạn đầu tiên.

Tác động thật đáng kinh ngạc. Dường như cái mà chúng tôi đang chứng kiến không phải là một đám đông mà là một thực thể sống, nước hay cái gì đó sền sệt, di chuyển như một sinh vật đơn bào. Một đợt sóng chồm lên. Dòng thác người dựng những người bị thương và sắp chết lên làm khiên chắn còn ở giữa đám đông người ta co cụm lại, giống như mặt đất đang chồi lên vì người ta bắt đầu giẫm đạp lên nhau để tiến về phía trước.

Lại có thêm nhiều tiếng súng nổ. Thậm chí, giữa tiếng la hét, tôi còn nghe thấy cả tiếng lên đạn. Những người ở giữa đám đông tiếp tục trèo lên người nhau để chạy trốn, cho đến khi trước mắt tôi hiện lên một cột người, mọc vươn về phía mặt trời, giống như một ngón tay đang chỉ thẳng lên trời.

Rồi chúng tôi nghe thấy những tiếng kêu khóc. Bên cạnh tôi, ông Lưu lấy tay ôm mặt, người run lên bần bật. Tôi không đưa tay ra cho ông vì đang bị hút vào cái vật hình ngón tay run rẩy kia. Tôi chột nghĩ xa xăm, nghị lực của con người thật phi thường, có thể vươn tới trời xanh mà không cần phải níu giữ vào bất cứ vật gì. Thế nhưng, chỉ vài phút sau, cái cột người cao tới sáu, bảy mét ấy bỗng đổ sập xuống, và đè lên tất cả những gì nằm ở phía dưới. Rồi trong nháy mắt, chiếc tháp người ấy lại được dựng lên từ một khu vực khác giữa đám đông, sự khởi đầu khá lỏng lẻo của một ngón tay mọc ra từ hồ nước trước khi nhô lên cao, cao mãi cho tới khi nó chỉ thẳng lên bầu trời một cách gay gắt với lời buộc tội: Sao người lại cho phép chuyện này xảy ra?

Đột nhiên tôi nhìn thấy một người đột ngột tách ra khỏi đám đông và chạy về phía ngôi nhà chúng tôi đang lẩn trốn. Một người khác đang rượt theo anh ta. Tôi túm lấy tay ông Lưu. “Nhìn kìa!”

Khi anh ta lại gần, tôi nhận ra đó là một người lính Nhật trẻ măng, đầu cao trọc, mặt bùng bùng quyết tâm. Có ba người khác rượt theo anh ta, qua bộ quân phục của chúng, tôi có thể đoán đó là cấp trên của anh ta. Những thanh kiếm đeo bên hông làm giảm tốc độ của chúng, nhưng những người này rất to cao, và nhanh chóng bắt kịp người lính đang bỏ chạy kia. Một tên tóm được tay áo của anh ta và kéo lại khiến anh ta loạng choạng, tay vung ra chơi vơi. Tôi và ông Lưu cúi thấp người hơn nữa. Đám người kia chỉ còn cách chúng tôi vài bước. Chúng tôi có thể thò đầu ra và nhò vào mặt chúng.

Người lính bỏ trốn vẫn loạng choạng thêm vài bước, tay vung vẫy giữ thăng bằng. Rồi anh ta dừng lại, hai tay đặt trên gối và thở hổn hển. Tên sĩ quan buông tay áo anh ta ra, lùi lại một bước rồi quát: “Đứng nghiêm. Đứng nghiêm, đồ con lợn.”

Người lính trẻ miễn cưỡng đứng thẳng dậy, quay lưng nhìn thẳng vào mặt những kẻ vừa rượt đuổi anh ta, ngực phập phồng. Bộ quân phục của anh ta rách tả tơi và anh ta đứng gần tới mức chúng tôi có thể nhìn thấy các nốt mụn rộp trên gáy anh ta.

“Mày nghĩ là mày đang làm gì cơ chứ?” Một tên sĩ quan hỏi. “Mày đã tự động rời bỏ hàng ngũ.”

Người lính bắt đầu lảo đảo nhưng vì quá run nên anh ta không nói nên lời. Anh ta quay lại nhìn khung cảnh địa ngục trước mặt, nhìn cái cột người khổng lồ, xác người từ đó rơi xuống như những con quạ. Khi anh ta nhìn sang cấp trên của mình, mặt anh ta tràn ngập một nỗi đau đớn khiến tôi cũng cảm thấy thương hại. Nước mắt anh ta bắt đầu rơi lã chã, nhưng dường như điều đó chỉ làm cấp trên của anh ta thêm khó chịu. Chúng đứng xung quanh anh ta, mặt đờ đờ sát khí. Một tên nghiêng răng đến tợn cả quai hàm rồi chẳng nói chẳng rằng, rút kiếm ra. Người lính trẻ lùi lại phía sau.

“Suy nghĩ lại đi,” tên sĩ quan ra lệnh, bước lên phía trước. “Quay lại đi.”

Người lính lại lùi thêm bước nữa.

“Suy nghĩ lại và quay về đi.”

“Chúng nói gì vậy?” Ông Lưu hỏi khẽ.

“*Anh ta không muốn bắn vào tù binh.*”

“Quay lại ngay!”

Người lính vẫn lắc đầu. Cử chỉ đó khiến viên sĩ quan càng tức giận. Hắn ta chộp hai tay người lính, xoay ngược anh ta lại rồi cúi anh ta ngã xuống đất. “Suy nghĩ lại đi.” Hắn giơ chiếc giày đinh lên và gí vào má anh ta. Hai viên sĩ quan kia cũng tiến lại gần hơn. “Đồ con lợn.” Tên sĩ quan lại tiếp tục nghiền giày lên mặt người lính trẻ, cho đến khi má của anh ta bị kéo xệ sang quá miệng và nước bọt chảy tràn ra. Anh ta sẽ bị rách cả thịt ra ngay thôi, tôi nghĩ. “Một cơ hội nữa đây - *Hãy nghĩ lại đi.*”

“Không,” anh ta lắp bắp. “Không.”

Tên sĩ quan lùi lại một bước và giơ kiếm lên quá đầu. Người lính giơ tay lên định nói gì đó nhưng tên sĩ quan vẫn tiếp tục dần tới trong cơn hung bạo. Thanh kiếm chém xuống, bóng in dài trên mặt đất, lưỡi kiếm sáng lóa dưới ánh mặt trời. Người lính lăn lộn trên mặt đất, hai tay ôm mặt, mắt nhắm nghiền.

“Không. Trời ơi, không,” ông Lưu thì thào rồi lấy hai tay che mắt. “Cậu có thấy gì không? Anh ta chết rồi à?”

“Không.”

Người lính đang lăn lộn trên mặt đất. Viên sĩ quan chỉ dùng sống kiếm đập vào mặt người lính trẻ nhưng thế cũng đã đủ hạ gục anh ta. Anh ta cố đứng thẳng dậy nhưng không được, hai chân xoạc dài trên tuyết. Anh ta ngã khuyu xuống, và một trong hai tên sĩ quan còn lại bồi thêm cho anh ta một nắm đấm khiến anh ta ngã ngửa người ra phía sau, máu miệng phụt ra ngoài. Tôi nghiền chặt răng, chỉ muốn nhảy qua bức tường tóm lấy tên sĩ quan đó.

Cuối cùng người lính cũng gượng dậy được. Trông anh ta thật thảm thương, toàn thân co giật, rúm ró, mặt đầy máu. Anh ta lảo đảo gì đó rồi giơ tay về phía viên đại úy trước khi quay trở lại phía đám tù binh. Anh ta nhặt khẩu súng trường khoác lên vai rồi loạng choạng đi tiếp như một người



say rượu, nhắm bừa vào đám đông rồi xả một loạt đạn vu vơ. Một vài người lính trong hàng liếc sang anh ta nhưng khi phát hiện ra ba tên sĩ quan mặt mũi lầm lì ở phía sau liền quay lại nhìn đám tù binh đang hoảng loạn.

Đám sĩ quan này chỉ lặng lẽ quan sát sự khuất phục của người lính mà không có bất cứ biểu hiện nào khác. Không tên nào cử động hay nói năng gì, thậm chí chẳng thèm quay sang nhìn nhau. Chỉ đến khi người lính không tỏ ra bất kỳ dấu hiệu bỏ trốn nào nữa thì chúng mới di chuyển. Một tên lấy tay quệt trán, tên khác lau kiếm rồi tra vào bao trong khi tên thứ ba nhổ toẹt một bãi nước bọt xuống tuyết như thể hẳn không thể chịu đựng chuyện này lâu hơn được nữa. Rồi, một lúc sau, chúng chỉnh mũ thẳng lại, quay về với cuộc thẩm sát, đi cách xa nhau, tay hết giờ lên rồi lại hạ xuống, cả gươm lẫn bóng gươm đều một mỗi kéo lê trên mặt đất ngay bên cạnh chúng.

“Trông cô có vẻ khác.” Sử Trùng Minh quan sát tôi từ chiếc ghế xếp. Chiếc áo khoác ôm chặt lấy người, mái tóc bạc trắng được chải thẳng thớm, dài quá tai, hình như còn bôi cả dầu bóng, để lộ những mảng da đầu màu hồng hồng như bạch tạng. “Cô đang run kìa.”

Tôi nhìn xuống tay mình. Ông nói đúng. Hai tay tôi đang run lên. Vì đói. Sáng hôm qua, khi mặt trời mọc, Jason và tôi đã dùng bữa sáng với những thứ anh mua ở siêu thị. Hình như đó là thứ duy nhất mà tôi nhớ là mình đã ăn suốt hơn ba mươi tiếng đồng hồ qua.

“Tôi nghĩ là cô đã thay đổi.”

“Đúng vậy,” tôi nói. Một ngày rưỡi đã trôi qua và chỉ khi ông gọi điện cho tôi, tôi mới nhắc đến chuyện ở nhà Fuyuki. Sử Trùng Minh muốn đến gặp tôi ngay lập tức, nói rằng ông “sửng sốt” và “thất vọng” khi tôi đã không gọi điện cho ông sớm hơn. Tôi không biết làm thế nào để giải thích cho ông hiểu. Tôi không thể nào miêu tả cho ông cái mà ông không thể nhìn thấy, rằng chỉ trong một ngày, có một cái gì đó mạnh mẽ, ngọt ngào và quen thuộc chọt lan tỏa khắp người tôi giống như một nụ hôn vừa dịu dàng vừa nóng bỏng, và những phiền muộn trước đây đã không còn làm tôi nhức nhối. “Đúng vậy, tôi cũng cho là thế,” tôi nói khẽ.

Dường như ông đang đợi tôi nói thêm điều gì đó. Khi thấy tôi im lặng, ông thở dài, nhìn quanh khu vườn và nói: “Ồ đây thật đẹp, người Nhật gọi vườn là *Niwa*, nơi thanh khiết. Không giống như khu vườn Eden trụy lạc của phương Tây. Đối với người Nhật, khu vườn là nơi sự hài hòa ngự trị. Một vẻ đẹp hoàn hảo.”

Tôi nhìn khu vườn. Nó đã thay đổi so với lần cuối cùng tôi xuống đây. Vẻ đẹp tinh tế của mùa thu đang hiện diện nơi đây. Những cây gỗ thích đã chuyển màu vàng sậm còn những cây bách xù đã bắt đầu rụng lá. Đám cây bụi trụi trông như những bộ sưu tập xương chim khô quắt. Tôi hiểu

ý ông nói. Đúng là có cái đó gì rất đẹp trong vẻ tự nhiên của khu vườn. Để nhìn thấy cái đẹp có lẽ cũng cần phải học. “Tôi cũng nghĩ thế.”

Tôi lại nhìn những phiến đá lát đường màu trắng chạy quanh co, nhìn viên đá đánh dấu khu vực cấm của khu vườn và đám cây bụi khẳng khiu. “Đúng là nó rất đẹp.” Tôi nói.

Ông gõ gõ mấy ngón tay lên thành ghế rồi nhìn tôi mỉm cười một cách tự lự. “Cuối cùng thì cô cũng có thể tìm thấy cái đẹp ở đất nước này?”

“Đó không phải là điều mà ông định làm hay sao? Không phải là ông đang muốn điều chỉnh cảm nghĩ của mình hay sao?”

Ông bật ra một tiếng kêu thích thú nho nhỏ. “Ái chà, tôi thấy cô đột nhiên trở nên rất khôn ngoan.”

Tôi khẽ xê dịch trên ghế để chỉnh lại phần thân dưới áo khoác. Tôi chưa kịp tắm và mỗi cử động nhỏ nhất của tôi đều phả ra chút mùi rất riêng của Jason. Bên trong áo khoác, tôi chỉ mặc độc một chiếc áo ngủ ngắn mà tôi mua từ mấy tuần trước ở Omotesando. Đó là một chiếc áo sọc, bó sát, dài quá bụng, ôm lấy hông, với những bông hoa nhỏ xíu bằng lụa đính xung quanh cổ. Tôi vẫn chưa có can đảm cho Jason xem những vết sẹo của mình và anh cũng không thúc ép tôi. Anh tin rằng một ngày nào đó tự tôi sẽ phơi bày mọi chuyện. Anh nói tôi nên tin rằng mỗi người trên hành tinh này đều có được một người hiểu họ. Giống như hai miếng ghép của một trò chơi xếp hình không lồ.

“Sao cô không gọi cho tôi?” Sử Trùng Minh hỏi.

“Gì cơ?”

“Sao cô không gọi cho tôi?”

Tôi rút một điếu thuốc, châm lửa hút và nhả khói vào bầu trời không một gợn mây. “Tôi, tôi không biết nữa. Tôi không chắc.”

“Khi cô ở nhà Fuyuki, cô có nhìn thấy gì không?”

“Có thể có. Có thể không.”

“Cô đã nhìn thấy? Cô đã nhìn thấy cái gì đó đúng không?” Ông hơi cúi người ra phía trước và hạ thấp giọng.

“Chỉ là thoáng qua.”

“Thoáng qua cái gì?”

“Tôi không chắc, một loại hộp kính.”

“Cô muốn nói là một cái bể chứa?”

“Tôi không biết. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy cái gì giống như vậy.” Tôi nhả một bùm khói vào không khí. Bây giờ tôi mới để ý những đám mây đang in hình trên khung cửa sổ bằng kính của hành lang. Jason đang ngủ trong phòng của tôi, nằm ngửa trên tấm đệm. Tôi có thể hình dung ra tư thế nằm ngủ của anh trong đầu tôi. Tôi có thể nhớ lại tất cả những chi tiết đó, cách anh khoanh tay trước ngực, hơi thở đều đặn của anh.

“Thế vườn thú thì sao?”

“Vườn thú á?” Tôi nhìn ông.

“Phải, thế cô có nhìn thấy cái gì giống như thế ở vườn thú không? Cái gì đó giống như hộp kính có điều hòa nhiệt độ?”

“Tôi không biết.”

“Nó có máy đo không? Để điều phối không khí bên trong, hay các dụng cụ như nhiệt kế, máy đo độ ẩm?”

“Tôi không biết. Đó là...”

“Là gì? Cô nói là cô nhìn thấy cái gì bên trong cái hộp kính đó.” Sử Trùng Minh nhòm người ra phía trước, nhìn tôi chăm chú.

Tôi chớp mắt nhìn ông. Ông đã nhầm. Tôi không hề nói thế.

“Có thể là cái gì đó... lớn chừng này.” Ông nói và giơ hai tay ra để diễn tả một vật có kích thước của một con mèo nhỏ.

“Không, tôi không nhìn thấy gì cả.”

Sử Trùng Minh mím chặt miệng lại và nhìn tôi một lúc lâu, nét mặt không hề thay đổi. Tôi có thể nhìn thấy mồ hôi bắt đầu vã ra trên trán ông. Ông thò tay vào túi rút ra một chiếc khăn mùi soa lau trán. “Đúng vậy, tôi thấy là cô đã thay đổi ý định, có đúng không?” Ông cất chiếc khăn mùi soa trở lại vào túi rồi thở dài nói.

Tôi búng tàn thuốc xuống đất và cau mày nhìn ông.

“Tôi đã tốn biết bao thời gian cho cô và giờ đây cô thay đổi ý định.”

Ông ra về bằng cửa chính và tôi trở về phòng của mình. Hai chị em sinh đôi đang quanh quẩn trong nhà nấu nướng và chành chọe nhau. Trong khi tôi nói chuyện với Sử Trùng Minh thì Jason đã đến quán One Stop Best Friend Bento mua cơm, cá và dưa góp. Khi tôi bước vào phòng thì anh đang nằm trên đệm đợi tôi, thức ăn bày trên bàn trang điểm cùng với một chai rượu mạn và hai chiếc ly xinh xắn màu tím nhạt. Tôi khóa cửa và bước tới bên tấm đệm, vừa đi vừa cởi áo khoác.

“Thế nào? Ông bạn già đó là ai vậy?”

Tôi quỳ xuống ngay trước mặt anh. Tôi chỉ mặc độc chiếc áo ngủ mà không mặc quần nịt. Anh tách hai đầu gối của tôi ra và luồn tay vào giữa hai đùi tôi. Cả hai chúng tôi đều nhìn xuống khoảng da thịt mà anh vừa khai phá. Tôi nghĩ chúng hơi cổ điển, không giống như vẻ đẹp hiện đại bây giờ. Không hiểu sao Jason lại thích chúng đến thế.

“Ông bạn ở trong vườn là ai đấy?”

“Một người ở trường đại học.”

“Ông ta nhìn em như thể em đang nói những điều có cánh.”

“Không hẳn thế. Bọn em nói về công trình nghiên cứu của ông ấy. Không thể gọi đó là những lời có cánh.”

“Tốt. Anh không muốn em nói những lời có cánh với bất cứ ai. Em ở với ông ta quá lâu.”

“Quá lâu ư?”

“Đúng vậy.” Anh nói và xòe tay ra trước mặt tôi. “Thấy không?”

“Thấy gì?”

Anh từ từ gập những ngón tay vào lòng bàn tay, ánh đèn lò mờ trong phòng lấp lánh trên những móng tay gãy. Tôi nhìn những ngón tay của anh như bị thôi miên. Chúng từ từ vươn ra từ lòng bàn tay, nhẹ nhàng bay vào không khí, ngang dưới mắt tôi, rồi vỗ cánh như một con chim, bay chệch choạng rồi bỏ nhào xuống. Đó là con sếu ma thuật của Sử Trùng Minh. Con sếu của quá khứ.

“Anh theo dõi bọn em,” tôi nói, mắt vẫn không rời khỏi bàn tay giả làm con sếu của anh. “Lần gần đây nhất.”

Anh cười rồi làm con chim bay xuống một cách chậm rãi và duyên dáng. Con chim uốn lượn, bay lên rồi lại chao xuống. Tay anh giơ lên hạ xuống, uốn lượn, miệng huýt sáo. Đột nhiên, con chim quay đầu và bay tới trước mặt tôi, những ngón tay của anh chĩa ra phía trước, nhắm thẳng mặt tôi vỗ cánh. Tôi bật người ra sau, thở gấp.

“Đừng làm thế!” Tôi nói. “Đừng.”

Anh vẫn cười. Anh ngồi dậy, túm lấy tay tôi kéo lại gần. “Em có thích thế không?”

“Anh đang chọc em.”

“Chọc em à? Không. Anh không chọc em. Anh biết thế nào là nghiên cứu khoa học.”

“Không.” Tôi cố cưỡng lại vòng tay của anh. “Em không hiểu nổi anh nữa.”

“Em sẽ không làm nên trò trống gì đâu.” Anh cười và dịu dàng kéo tôi lại gần hơn nữa, thả đầu xuống tấm nệm cầm lấy tay tôi đưa lên miệng, dùng lưỡi liếm lòng bàn tay tôi rồi cắn nhẹ vào đó. “Em sẽ không làm nên trò trống gì nếu cứ giả vờ trước mặt anh.”

Tôi nhìn hàm răng trắng muốt và sạch bóng của anh, thán phục sự khỏe khoắn và sạch sẽ của chúng. “Em không giả vờ,” tôi lầm bầm.

“Em lại quên rồi đúng không?” Anh luồn hai tay vào giữa khe đùi, vuốt ve chỗ kín của tôi, mắt không rời khỏi gương mặt tôi. Tôi khẽ chạm tay lên môi anh khi anh nói: “Em lại quên rằng anh chỉ cần nhìn em là anh biết hết *mọi thứ*, mọi thứ đang diễn ra trong đầu em.”

**史 Nam Kinh, ngày 19 tháng Mười hai năm 1937 (ngày mười bảy tháng Mười một âm lịch)**

Mấy trăm năm trước khi chiếc la bàn lớn bằng đồng dùng để đo phương vị được chuyển từ thành phố Lâm Phần tỉnh Sơn Tây tới núi Tử Kim thì nó đột nhiên bị hỏng một cách hết sức khó hiểu. Người ta sửa chữa bằng mọi cách nhưng chiếc la bàn vẫn không hoạt động. Một phút trước đây, khi hé mắt qua tấm chắn bên cửa sổ nhìn về núi Tử Kim tôi chợt nghĩ có khi là vì ngay khi được đặt lên sườn núi băng giá, dưới những vì sao trên bầu trời lạnh lẽo thì chiếc đồng hồ cũng đã đọc được những gì mà Thu Kim nhìn thấy. Tương lai của Nam Kinh. Và ngay sau khi nhìn thấy cái tương lai đó, nó đã quyết định bỏ rơi thành phố này.

Đủ rồi. Tôi phải ngừng suy nghĩ theo kiểu này, nào là các linh hồn, các thầy bói, các nhà tiên tri. Tôi biết tất cả những chuyện này đều hết sức điên rồ, nhưng dù đang đứng yên ổn trong chính thư phòng của mình nhưng tôi vẫn không khỏi rùng mình khi nghĩ tới việc bằng cách nào đó mà Thu Kim có thể nhìn thấy tất cả những chuyện này trong các giấc mơ của cô ấy. Đài phát thanh đưa tin rằng, đêm qua nhiều tòa nhà gần trại tị nạn đã bị thiêu cháy, vào lúc tôi và ông Lưu đang trốn trên mái nhà. Trung tâm y tế của thành phố Nam Kinh cũng nằm trong số đó. Không hiểu bệnh nhân sẽ phải dời đi đâu? Chúng tôi định sinh con ở đó, giờ thì không biết phải làm thế nào nữa.

Bất chấp những gì xảy ra sáng nay, tôi và ông Lưu vẫn không thể nói được một câu là: “Có lẽ chúng ta đã sai rồi.” Khi rời khỏi ngôi nhà hoang chiều hôm đó, sau khi lính Nhật bỏ đi và đường phố trở lại yên tĩnh, cả hai không ai nói với nhau câu nào. Chúng tôi chỉ còn biết cảm đầu cảm cổ chạy. Chưa bao giờ tôi chạy nhanh đến thế, trong đầu chỉ có độc một ý nghĩ: *dân*



*thường. Dân thường. Dân thường. Chúng đang giết hại dân thường.* Tất cả những gì tôi đã tưởng tượng ra, tất cả những gì tôi tự thề với mình, đã bắt Thu Kim phải tin hóa ra đều sai cả. Quân Nhật không phải là những người văn minh. Chúng tàn sát dân thường. Đúng là không có người phụ nữ nào trong đám đông đó, nhưng ngay cả điều này cũng không khiến nỗi phiền muộn của tôi thuyên giảm được bao nhiêu. *Không có người phụ nữ nào.* Tôi cứ nhắc đi nhắc lại từ này trên đường về nhà. *Không có người phụ nữ nào.*

Khi tôi xô cửa bước vào nhà, thở hồng hộc, cả người đầm mồ hôi, mắt tê dại, Thu Kim giật nảy người, đánh đổ cả cốc nước trên bàn. Cô ấy đã khóc suốt đêm hôm qua. Má cô ấy vẫn còn hoen nước mắt. “Em cứ nghĩ là mình đã chết rồi,” cô ấy nói rồi bước về phía tôi. Cô ấy sờ lên mặt tôi. Rồi cô ấy nhìn thấy vẻ mặt tôi và dừng lại. “Trùng Minh, có chuyện gì vậy?”

“Không có gì,” tôi khép cửa rồi đứng dựa lưng vào đó một lúc để lấy lại hơi.

“Em thì có. Em tưởng mình đã chết rồi.”

Tôi lắc đầu. Trông cô ấy tái nhợt và vô cùng yếu ớt. Bụng cô ấy rất to nhưng thân hình vẫn mảnh mai. Bản năng mới dễ làm chúng ta thương tổn làm sao, tôi nghĩ và nhìn xuống bụng của cô ấy, nơi con trai của chúng tôi đang lớn lên từng ngày. Chẳng bao lâu nữa con chúng tôi sẽ ra đời, nỗi lo lắng, sợ hãi, sự nguy hiểm sẽ nhân đôi và cả nỗi đau nữa, cũng sẽ được nhân đôi. Tôi sẽ phải bảo vệ thêm một sinh mạng nữa.

“Trùng Minh, chuyện gì đã xảy ra vậy?”

Tôi nhìn cô ấy và liếm môi.

“Chuyện gì thế Trùng Minh, lạy trời, xin mình hãy nói cho em biết chuyện gì đã xảy ra.”

“Không có thức ăn. Tôi không thể tìm thấy thức ăn.”

“Mình chạy như ma đuổi về đây chỉ để nói với em rằng mình không tìm thấy thức ăn?”

“Xin lỗi mình, tôi muốn xin lỗi mình.”

“Không đúng,” cô ấy nói và đứng sát lại gần tôi, nhìn thẳng vào mặt tôi. “Không đúng, có chuyện gì đó quan trọng hơn thế. Mình đã nhìn thấy nó. Mình đã nhìn thấy những gì mà em đã linh cảm từ trước, có đúng không?”

Tôi ngồi phịch xuống ghế thở hắt ra. Tôi cảm thấy mình là người đàn ông mệt mỏi nhất trên đời này. “Mình hãy ăn mấy quả trứng *chào đời* đó đi,” tôi nói. “Làm ơn, hãy ăn nó vì tôi, và vì mặt trăng bé bỏng của chúng ta.”

Thật bất ngờ là lần này cô ấy lại nghe lời tôi. Như thể cô ấy cảm nhận được nỗi tuyệt vọng của tôi. Cô ấy không ăn trứng nhưng cô ấy có một số hành động chứng tỏ cô ấy có nghĩ tới ý kiến của tôi. Thay vì lao vào một cơn cuồng tín như mọi khi, cô ấy ăn những hạt đỗ mà cô ấy để dành nhồi gói cho em bé. Cô ấy lấy gói từ trên gác xuống, rạch nó ra rồi trút các hạt đỗ vào chảo và nấu chín. Cô ấy đưa cho tôi một ít nhưng tôi từ chối. Tôi nhìn cô ấy ăn, mặt không có biểu hiện gì.

Bụng tôi đau không chịu nổi, giống như có một vết thương đang há mồm to bằng quả bầu nằm ngay dưới xương sườn. Đây chắc là triệu chứng của bệnh đói dù tôi mới phải nhịn đói có ba ngày. Nhưng rồi chắc chắn đây mới chính là điều tệ hại nhất, khi chúng tôi chuẩn bị đi ngủ thì cái mùi thức ăn ở đâu lại bay đến. Cái mùi thịt nướng thơm ngon, quyến rũ khủng khiếp, khiến tôi gần như phát điên. Tôi chỉ chực đứng phất dậy và phi ra ngoài đường một lần nữa bất chấp những mối hiểm nguy đang chờ đợi tôi ở ngoài đó. Chỉ khi tôi nhớ lại gương mặt những tên sĩ quan Nhật đó, nhớ lại những chiếc xe tăng lao ầm ầm trên đường phố và âm thanh của những khẩu súng trường khi lên đạn thì tôi mới đành ngã vật xuống giường và hiểu rằng mình phải tìm một cách khác.

**史 Nam Kinh, ngày 20 tháng Mười hai năm 1937**

Chúng tôi ngủ chập chờn, chân vẫn đi nguyên giày. Gần sáng chúng tôi bị đánh thức bởi những tiếng la hét kinh hoàng. Dễ dàng nhận thấy đó là giọng của một người phụ nữ và dường như chỉ cách đây vài dãy phố. Tôi nhìn sang Thu Kim, cô ấy đang nằm im, gối đầu lên chiếc gối mây, mắt dán vào trần nhà. Trong suốt năm phút liền, tiếng la hét mỗi lúc một thảm thiết rồi nhỏ dần thành những tiếng nức nở trước khi tắt hẳn. Sau đó, chúng tôi nghe thấy tiếng một chiếc mô tô gầm rú lao qua hẻm khiến các tấm cửa chớp rung lên và suýt làm đổ tách trà đặt ở đầu giường.

Cả tôi và Thu Kim đều nằm im không nhúc nhích khi nhìn thấy một vệt ánh sáng màu đỏ lóe trên trần nhà. Trước đó có thông báo nói rằng quân Nhật đã đốt cháy các ngôi nhà ở gần hồ Huyền Vũ nhưng chắc chắn đó không phải là những ngọn lửa tôi đang nhìn thấy di chuyển trên trần nhà mình. Một lúc lâu sau, Thu Kim ngồi dậy và đi xuống bếp. Tôi đi theo cô ấy và nhìn cô ấy không nói không rằng lấy tro bôi đầy lên mặt cho đến khi chính tôi cũng không nhận ra cô ấy nữa. Cô ấy còn bôi lên cả cánh tay, lên tóc và cả vào tai. Rồi cô ấy sang một phòng khác và trở lại với một chiếc kéo trên tay. Cô ấy ngồi vào góc phòng, mặt không chút biểu cảm, túm lấy một lọn tóc và bắt đầu cắt.

Mặc dù tiếng la hét đã tắt ngấm từ lâu và thành phố đã trở nên yên tĩnh, trong lòng tôi vẫn tràn ngập một nỗi bất an. Tôi ngồi bên chiếc bàn làm việc, cửa sổ mở hé, không biết phải làm gì. Bây giờ, chúng tôi vẫn có thể cố gắng bỏ trốn nhưng tôi biết là quá muộn, cả thành phố đã bị phong tỏa. Bên ngoài, trời bắt đầu sáng, những tia nắng mặt trời đang cố len lỏi qua làn chướng khí màu vàng u uất bao trùm lên cả thành phố trong những ngày qua. Không hiểu đám sương mù này từ đâu tới? Không phải từ ống khói của các nhà máy ở Hạ Quan lẫn với sương trên sông Dương Tử vì các nhà máy này đều đã bị đóng cửa. Thu Kim thể nào cũng nói rằng đó là một thứ khác: một tấm màn chất chứa toàn bộ động thái của cuộc chiến tranh này. Cô ấy sẽ nói rằng đó là những oan hồn vất vưởng không nơi chôn cất, là những tội ác ngút trời, tất cả đã hòa quyện lại trong cái làn không khí nóng bức bao trùm lấy thành phố bị nguyên rửa này. Và rằng ngay cả những đám mây trên bầu trời rồi cũng sẽ nhuộm đầy độc tố, rằng đây đúng là một đòn chí tử đánh vào thiên nhiên khi có quá nhiều oan hồn tụ về một nơi như thế.

Và tôi là ai mà lại dám cãi lại cô ấy. Những gì xảy ra chỉ chứng minh một điều, bất chấp những gì tôi đã nghi ngờ từ bao lâu nay, tôi không phải là một người dửng dưng, cũng không hề khôn ngoan.

Đột nhiên, chỉ sau một đêm, tôi bỗng không còn cảm thấy sợ Tokyo nữa. Thậm chí thành phố này còn có nhiều điều khiến tôi ưa thích. Tôi thích cái quang cảnh phía bên dưới cửa sổ phòng mình, chỉ cần thấy bầu trời xám xịt là có thể đoán trước được một cơn dông sắp xuất hiện ở đằng Đông. Những ống khói trên nóc các tòa lạc bộ như đang co lại, xả lên bầu trời đen kịt những luồng khói màu đỏ. Những luồng khói này phả vào gió tạo nên tiếng rì rào rít ghê người cho đến khi ai đó trong tòa nhà nhớ ra và cắt điện các ống xả.

Năm đó các nhà đầu tư mạo hiểm đã cố tình phô trương sự giàu có trên các tòa nhà chọc trời của họ nhưng tôi vẫn nhận thấy sự suy thoái kinh tế đang gặm nhấm đất nước này. Ở đây tôi cảm thấy hạnh phúc. Tôi thích cái cách không ai tò mò nhìn tôi khi ở trên tàu điện. Tôi thích những cô gái vừa đi vừa nhảy trên đường phố, quần jean thêu đầy họa tiết ở phía sau, kính râm to đùng, lông mi chuột nhũi đỏ lấp lánh tậu được từ các cửa hàng ở Omotesando. Tôi thích người dân nơi đây, ai cũng có cái gì đó lạ thường. *Cái đỉnh nào nhô ra sẽ bị đóng vào ngay.* Trước đây, tôi vẫn nghĩ về người Nhật như thế. Một dân tộc, một đạo lý. Thật buồn cười khi mọi chuyện không phải lúc nào cũng diễn ra như bạn đã hình dung.

Tôi bắt tay vào sửa sang lại căn phòng của mình, tổng hết đồng đồ đạc cũ ra ngoài, kể cả đồng ga cũ trong góc phòng. Tôi lau chùi căn phòng sạch sẽ đến từng centimét, mua một tấm thảm *tatami* mới và thay cả bóng đèn trong phòng. Trong góc phòng, trên tấm lụa dán tường, tôi vẽ một bức tranh, trong đó Jason đang ngồi ngoài vườn bên cạnh chiếc đèn đá. Anh đang hút thuốc, mắt nhìn ai đó ngoài khuôn hình, ai đó đang di chuyển hay đang khiêu vũ dưới ánh mặt trời. Còn tôi thì đứng ngay sau lưng của anh, ngược nhìn lên những tán cây. Tôi vẽ mình rất cao với mái tóc óng ánh và một nụ cười trên môi. Trong tranh, tôi bận một chiếc váy xatanh màu đen do Suzie Wong thiết kế và một chân hơi quỳ xuống phía trước.

Tôi mua một bộ kim chỉ và một tá những hạt cườm màu vàng và bạc trong một cửa hàng có tên là La Droguerie. Vào một ngày thứ Bảy, tôi thắt khăn lên đầu, mặc chiếc quần công nhân Trung Quốc bằng vải lanh màu đen rồi đứng hàng tiếng đồng hồ để khâu những hạt cườm ấy thành chòm sao trên tấm lụa dán tường rách nát, ngay phía trên những tòa nhà Tokyo đen đúa mà tôi vẽ lần trước. Khi tôi khâu xong thì những vết rách trên bầu trời đã biến mất, thay vào đó là những dòng sông màu vàng và bạc lấp lánh. Hiệu quả thật không ngờ, tôi có cảm giác mình đang sống dưới một vì sao đang chực nổ tung.

Buồn cười nhất là tôi có thể hạnh phúc dù câu chuyện giữa tôi và Sử Trùng Minh đang chẳng đi tới đâu. Hình như có cái gì đó đã thay đổi. Như thể cái tâm trạng bồn chồn, háo hức của tôi khi mới tới Tokyo đã biến mất và nhập vào người ông.

Ngày thứ Hai sau bữa tiệc của Fuyuki, tôi đã cố gắng thuyết phục Strawberry kể cho mình những câu chuyện mà bà ta nghe được. Tôi ngồi xuống trước mặt bà ta và nói: “Tôi có ăn một ít thịt trong bữa tiệc. Có cái vị gì đó rất lạ.” Khi bà ta không nói gì, tôi cúi người về phía trước, hạ giọng xuống thì thào: “Và rồi, tôi chợt nhớ ra là bà có dặn tôi không được ăn gì cả.”

Bà ta nhìn tôi chăm chú. Có vẻ như bà ta định nói gì đó nhưng lại thôi. Thay vào đó, bà ta đứng bật dậy, hát đầu về phía hình phản chiếu của bà ta trong tấm kính cửa sổ và nói giọng thản nhiên như tôi chưa hề hỏi han bà điều gì: “Nhìn này, đây là chiếc váy xinh đẹp trong bộ phim *Bus Stop* đấy.” Chiếc váy choàng bà ta đang mặc có màu xanh sẫm, với một lớp lưới màu đen ở bên ngoài, cổ viền lông và khuy ngực không cài để lộ bộ ngực đầy đặn nhờ thẩm mỹ. Bà ta đưa tay vuốt dọc hai bên váy. “Chiếc váy này đúng là hợp với tạng người của Strawberry đúng không? Còn hợp với Strawberry hơn là với Marilyn ấy chứ.”

“Tôi nói là tôi nghĩ mình đã ăn phải cái gì đó không ổn.”

Bà ta quay sang nhìn tôi, vẻ nghiêm trọng, đầu lắc lư do uống quá nhiều champagne. Tôi có thể nhìn thấy quai hàm của bà ta khẽ chuyển động dưới lớp da. Bà ta đặt một tay lên bàn rồi nghiêng người về phía trước, sát đến nỗi mặt chúng tôi gần như chạm vào nhau, và nói khẽ: “Cô nên quên chuyện này đi, Mafia Nhật Bản rất phức tạp. Cô không hiểu nổi đâu.”

“Nó có một cái vị mà tôi không thể nhận ra được. Mà không chỉ có tôi nghĩ thế, ông Bai cũng vậy, ông ta cũng cho rằng có cái gì đó rất lạ.”

“Ông Bai à? Cô nghe cái ông Bai đó à? Ông ta giống như con chó cảnh của Fuyuki. Như con chó mặc quần áo. Ông ta từng là một ca sĩ nổi tiếng nhưng giờ thì hết rồi. Mọi chuyện sẽ ổn cho đến khi...” Bà ta giơ tay lên cảnh cáo. “Cho đến khi ông ta phạm sai lầm.” Bà ta đưa tay lên kéo ngang cổ. “Ai cũng có thể phạm sai lầm. Hiểu chưa?”

Tôi nuốt nước bọt và nói rất từ tốn: “Tại sao bà lại bảo tôi đừng ăn gì?”

“Tất cả đều chỉ là tin đồn. Chuyện ngồi lê đôi mách ấy mà.” Bà ta vớ lấy một chai champagne rót đầy ly, uống một hơi cạn rồi ve vẩy chiếc ly rỗng trước mặt tôi. “Grey-san này, đừng bao giờ nhắc lại những gì tôi đã nói với cô. Hiểu không?” Bà ta lắc lắc chiếc ly, tôi có thể thấy là bà ta đang rất nghiêm túc. “Cô có muốn sống vui vẻ không? Muốn sống vui vẻ và làm việc trong một hộp đêm cao cấp không? Muốn ở Some Like It Hot không?”

“Ý bà là gì?”

“Cái miệng cô ấy. Nhớ giữ mồm giữ miệng, nghe chưa?”

Dĩ nhiên điều đó cũng có nghĩa là ngày hôm sau khi Sử Trùng Minh gọi điện đến, tôi chẳng có gì để kể cho ông. Ông tỏ ra không hài lòng chút nào: “Tôi thấy thái độ của cô rất kỳ quặc. Tôi cứ tưởng cô muốn xem đoạn phim của tôi đến mức tuyệt vọng cơ đấy.”

“Thì đúng là như thế.”

“Thế thì hãy làm ơn giải thích cho cái ông già này, người vốn không tài nào hiểu được cái thói thay đổi thất thường của đám thanh niên như cô là tại sao cô lại đột nhiên không muốn nói chuyện với tôi nữa?”

“Không phải là tôi không muốn, tôi chỉ không biết điều ông muốn nghe là gì. Tôi không thể bịa chuyện ra để nói được. Giờ tôi thật chưa có tin gì mới.”

“Đúng thế, đúng như tôi dự đoán, cô đã thay đổi ý định, hay là tôi sai?” Ông nói, giọng run lên vì giận dữ.

“Đúng vậy...”

“Tôi thấy chuyện này không thể chấp nhận được. Cô đã khiến tôi phải nỗ lực rất nhiều.” Tôi có thể nhận ra ông đang cố để không hét lên. “Và giờ thì cái thái độ thay đổi thất thường thế này đây. Mới thất thường làm sao khi lại còn nói là cô không còn liên quan gì tới chuyện này nữa.”

“Tôi đâu có nói thế...”

“Tôi nghĩ là có đấy.” Ông khẽ ho lên một tiếng và từ ông nghe phát ra một tiếng động rất lạ như thể ông vừa thở hắt ra. “Tôi tin là thế. Linh tính bảo tôi thế. Và tôi nên tin vào nó. Tạm biệt cô.” Và ông dập máy.

Còn lại một mình tôi trong căn phòng khách lạnh lẽo với chiếc ống nghe cầm lặng trên tay, mặt đỏ bừng bừng. Không, tôi nghĩ. Ông đã nhầm rồi. Sự Trùng Minh, ông đã nhầm rồi. Tôi nhớ lại cái bóng của mẹ Y Tá đang leo lên cầu thang, còn tôi đứng đằng sau cánh cửa buồng tắm, tim như sắp rớt ra khỏi lồng ngực, đầu quay cuồng bởi bức ảnh hiện trường tội ác của mẹ ta. Tôi nhắm mắt lại, lấy tay day day hai mí mắt. Tôi đã làm quá nhiều chuyện, đã đi quá xa và tôi không hề thay đổi ý định, chỉ là do cái bức ảnh đó, giống như tôi đang nhìn vào một cảnh tượng hết sức quen thuộc qua một cửa sổ mờ hơi nước. Không phải vậy sao? Tôi thả tay xuống và nhìn ra ngoài cửa, nhìn cái hành lang dài hun hút bụi bặm, lác đác vài tia nắng lấp lóa trên sàn. Jason đang ngủ trong phòng tôi. Chúng tôi đã thức đến gần năm giờ sáng, uống bia mua từ chiếc máy tự động trên phố. Có cái gì đó rất lạ kỳ đang hé mở trong lòng tôi. Một cái gì đó mà tôi không tài nào đoán ra được. Chuyện gì sẽ xảy ra, tôi nghĩ, rùng mình trước hơi lạnh buổi sáng, chuyện gì sẽ xảy ra nếu như tôi có thể tìm thấy sự thanh thản cho mình bằng một cách khác? Giờ đây, nó không phải là một cái gì đó sao.



Những lời oán trách của Sử Trùng Minh xem ra cũng chẳng giúp ích được gì vì Fuyuki không hề xuất hiện ở hộp đêm trong nhiều ngày. Và rồi trong nhiều tuần, tôi bất chợt nhận ra mình không còn nhảy dựng lên mỗi khi nghe thấy tiếng chuông thang máy. Có cái gì đó đã trượt dần ra khỏi tiềm thức của tôi. Và suốt một thời gian dài tôi không làm gì cả, chỉ quan sát mọi chuyện với vẻ lãnh đạm, châm một điếu thuốc và nhún vai, nghĩ đến Jason, đến những cơ bắp trên cánh tay anh và cách chúng rung lên thế nào khi cả người anh ở phía trên tôi.

Tôi cũng không tài nào tập trung vào công việc ở hộp đêm. Tôi thường xuyên bừng tỉnh khi nghe ai đó gọi tên mình và bắt gặp một khách hàng nào đó đang nhìn mình hết sức lạ lùng hoặc Mama Strawberry đang cau mày nhìn tôi, và tôi biết rằng câu chuyện đã tàn và trông tôi giống như một kẻ thất thần vì còn bận thả hồn ở tận đâu đâu với Jason. Đôi khi anh cũng nhìn tôi trong lúc làm việc. Nếu tôi bắt gặp thì anh sẽ lia lưỡi giữa hai hàm răng để trêu tôi. Anh luôn thích thú khi nhìn thấy cả người tôi nổi da gà. Hai chị em người Nga vẫn không ngừng nhắc nhở tôi về những bức ảnh kỳ dị của anh, đặt ngón tay lên môi cảnh báo và thì thầm vào tai tôi tựa đề những bộ phim kinh dị về giải phẫu tử thi. “Cứ tưởng tượng xem, một người phụ nữ bị xe tải nghiền làm hai mảnh.” Nhưng tôi không còn nghe họ nữa. Giữa đêm, nếu như tôi có bất chợt tỉnh giấc và nghe thấy hơi thở của một người khác bên cạnh tôi, tiếng Jason lấy tay dụi mắt trong giấc ngủ hay tiếng anh trở mình và lẩm bầm những lời vô nghĩa thì tôi chỉ cảm thấy một cảm giác hạnh phúc đến nghẹt thở. Tôi tự hỏi không biết có phải mình đang yêu hay không. Ý nghĩ đó làm tôi cảm thấy choáng váng và ngạt thở. Điều đó là có thể sao? Những người như tôi cũng có thể yêu hay sao? Tôi cũng không dám chắc nữa. Đôi khi tôi nằm chong chong hàng tiếng đồng hồ chỉ nghĩ tới chuyện đó, hít thở sâu và cố giữ bình tĩnh.

Tôi vẫn giấu Jason về những vết sẹo trên bụng mình. Tôi luôn tìm ra một lý do nào đó để lần lữa việc thú nhận với anh về chuyện đó. Tôi đã mua

tới mười chiếc áo ngủ, xếp gọn gàng trong tủ và lúc nào cũng mặc một cái trên người, ngay cả khi đi ngủ, nằm cuộn tròn và quay lưng lại phía anh. Tôi không biết phải bắt đầu như thế nào. Phải nói thế nào mới đúng? *Jason, ngày xưa, lâu lắm rồi có một số người nghĩ là em bị điên. Em đã phạm phải một sai lầm...* Nếu anh trở nên sợ hãi thì sao? Anh ấy cứ luôn miệng nói là anh ấy sẽ không sợ nhưng làm sao bạn có thể giải thích cho anh ấy rằng, chỉ cần hiểu được chuyện đó hay thậm chí chỉ cần ảo tưởng về chuyện đó cũng đủ mang lại cho bạn cảm giác tuyệt vời nhất mà bạn có thể nghĩ tới, nó cũng tuyệt vời như cái ý nghĩa là quyền sách màu da cam là có thật, bạn đã không hề tưởng tượng ra nó, và rồi nếu như bạn nắm lấy cơ hội và kể chuyện đó cho một người, và rồi nếu như kết quả lại không diễn ra theo như ý bạn muốn... thì, nó sẽ giống như, giống như bạn đang chết dần chết mòn đi. Giống như rơi vào một cái hố đen hết lần này tới lần khác.

Tôi bắt đầu có những giấc mơ kỳ lạ về làn da của mình. Trong những giấc mơ đó, làn da của tôi như tuột ra và bay lên, giống như nó được bóc ra khỏi cơ thể tôi bằng cách giật các lớp khay bấm nằm dọc theo đốt sống và dưới hai cánh tay. Rồi cả mảng da đó bay lên không trung như một bóng ma và chỉ chực biến mất. Thế nhưng hình như luôn có cái gì đó giữ nó lại. Có cái gì đó khiến tôi rùng mình nhìn xuống và phát hiện ra cái dù lông lánh tuyệt đẹp làm bằng da ấy đang bị buộc chặt vào những vết sẹo nằm chéo trên bụng tôi, máu me đầm đìa. Rồi tôi bắt đầu khóc và điên cuồng cào cấu để dứt bỏ đám da đó khỏi người mình cho đến khi cả người tôi đầm máu và tôi bắt đầu run lên...

“Grey?”

Một đêm, tôi giật mình tỉnh giấc, mồ hôi vã ra như tắm, những hình ảnh trong cơn ác mộng vụt biến như bóng đêm. Mọi thứ xung quanh tôi tôi sẫm ngoại trừ ánh đèn từ bức quảng cáo Mickey Rourke, tôi đang nằm nghiêng, túm chặt lấy Jason, tim đập thình thịch. Hai chân tôi quắp chặt vào người anh, còn anh đang nhìn tôi với vẻ ngạc nhiên.

“Gì vậy? Em đã làm gì vậy?”

“Đang cọ vào người anh.”

Tôi quờ quạng dưới lớp chăn. Chiếc áo ngủ của tôi nhàu nát và ướt đầm mồ hôi. Tôi kéo nó xuống quá hông rồi lấy hai tay ôm mặt, cố gắng lấy

lại bình tĩnh.

“Này, đừng sợ.” Jason gạt mấy sợi tóc dính trên trán tôi rồi nhẹ nhàng nhắc tôi lên cao hơn một chút cho đến khi tôi có thể nhìn thấy mặt anh. “Nằm đây nào.” Anh hôn lên mặt tôi, rồi dịu dàng vuốt ve tôi. Chúng tôi cứ nằm như thế một lúc cho đến khi tim tôi không còn đập thình thịch nữa. “Em ổn chứ?” Anh ghé miệng vào tai tôi thì thầm.

Tôi gật đầu, đầu gối co lên gần chạm vào mắt. Trời tối và lạnh. Tôi có cảm giác như mình đang trôi nổi bồng bềnh. Jason lại hôn tôi. “Nghe này, cô bé lập dị,” anh dịu dàng nói, đặt tay lên gáy tôi, “anh có một ý kiến.”

“Một ý kiến?”

“Cực hay. Anh biết em cần gì. Anh sẽ kể cho em một chuyện làm em thích thú.”

“Thật không?”

Anh nắm lấy vai tôi và âu yếm xoay tôi nằm quay lưng lại phía anh. Tôi có thể cảm thấy hơi thở của anh phả trên gáy tôi. “Nghe này, em có muốn anh làm cho em hạnh phúc không?” Anh thì thầm.

“Có.”

“Được, nghe này, phải cực kỳ tập trung đấy.” Tôi nằm đó, ngậy người nhìn tia sáng lọt dưới gầm cửa, nhìn đám bụi và tóc rối sót lại trên tấm thảm *tatami* và chú tâm lắng nghe giọng nói của Jason. “Nghe cho kỹ đây này.” Anh nhòm dậy phía sau tôi, hai tay ôm lấy tôi, môi anh khẽ chạm vào gáy tôi. “Chuyện là thế này. Cách đây nhiều năm rồi, rất lâu trước khi anh tới đây, anh thường quan hệ với một cô gái Nam Mỹ. Cô ấy hơi điên, anh không thể nhớ nổi tên cô ấy, anh chỉ nhớ cái tư thế làm tình ưa thích của cô ấy.”

Anh đưa tay vuốt dọc đùi tôi, tách chúng ra và đặt lòng bàn tay vào phía trong háng trái của tôi rồi nhẹ nhàng nhắc đầu gối của tôi lên cho đến khi chúng chạm vào ngực tôi. Tôi cảm thấy cái đầu gối lạnh và cứng của mình lướt qua đầu vú khi anh chuyển động phía sau tôi.

“Cô ấy thích được anh đặt nằm nghiêng thế này,” anh thì thầm vào gáy tôi, “giống như bây giờ anh đang làm. Và nâng đầu gối của cô ấy lên để anh có thể đi vào trong cô ấy. Như thế này này.”

Tôi hít một hơi thật sâu và Jason mỉm cười sau gáy tôi.

“Em thấy chưa, em đã thấy là tại sao cô ấy lại thích anh làm thế rồi chứ?”

Mùa đông bắt đầu len lỏi vào mọi ngõ ngách trong ngôi nhà. Đám cây cối thưa thớt trong vườn gần như trơ trụi, chỉ còn lác đác vài chiếc lá mỏng tang như giấy treo lơ lửng trên cành, và cái lạnh xuyên qua vỉa hè thấm vào bên trong ngôi nhà. Ngoài đường, ở những nơi công cộng, người ta trồng những cây cải bắp trang trí màu đỏ và xanh như màu của Giáng sinh. Hệ thống sưởi trong nhà không hoạt động mà Jason thì quá bận rộn với tôi nên không có thời gian sửa chữa. Những chiếc quạt gió trong nhà thì hết kêu lạch cạch lại rì rầm, chỉ có tác dụng thổi đám bụi bay tung tóe chứ không giúp cho không khí nóng lên được chút nào.

Tôi không chắc đó là chuyện bình thường khi đêm nào các cô bạn gái cũ của Jason cũng lên giường với chúng tôi. Tôi không thích thế nhưng trong suốt một thời gian dài tôi chẳng nói gì. *Nghe này, nghe này...* anh thì thào trong bóng đêm. *Anh sẽ kể cho em nghe một chuyện mà em sẽ rất khoái. Nhiều năm trước anh thường quan hệ với một cô gái người Hà Lan. Anh không thể nhớ tên của cô ấy nhưng anh nhớ cô ấy thích...* Thế rồi anh bắt đầu điều chỉnh chân tay của tôi như một biên đạo múa đang thực hiện một vũ đạo riêng giữa hai cơ thể. Anh tỏ ra thích thú vì lúc nào tôi cũng sẵn sàng đáp ứng. Một lần anh nói với tôi, giọng đầy ngưỡng mộ: “Em thật dâm dăng. Em là người phụ nữ dâm dăng nhất mà anh biết.”

Một đêm, tôi buột miệng: “Anh này, chuyện này rất quan trọng. Anh cứ liên tục kể về những người phụ nữ đó. Em tin đó là sự thực vì bất cứ người phụ nữ nào gặp anh sẽ đều muốn làm chuyện đó.”

Anh nằm gối đầu lên đùi tôi, tay đặt nhẹ lên đùi tôi. “Anh biết.”

“Mama Strawberry. Tất cả các nữ tiếp viên khác.”

“Ừ.”

“Mụ Y Tá của Fuyuki. Mụ ta cũng muốn.”

“Mụ ta à? Đó là một người phụ nữ sao? Anh không thể không nghĩ tới chuyện đó.”

Anh lơ đãng ấn móng tay vào bắp chân tôi. Tôi nhận ra anh ấn quá mạnh. “Anh muốn khám phá chuyện này. Muốn xem khi khóa thân trông mụ ta sẽ như thế nào. Đúng là anh thích làm thế thật, xem mụ ta khóa thân và...”

“Jason.”

Anh quay đầu lại. “Ừm.”

Tôi chống cằm nhòm dậy, nhìn anh chăm chăm. “Sao anh lại ngủ với em?”

“Gì cơ?”

“Sao anh lại ngủ với em? Có rất nhiều phụ nữ khác ở ngoài kia.”

Dường như anh định trả lời nhưng lại thôi. Tôi có thể cảm thấy các cơ bắp trong người anh co lại trong giây lát. Cuối cùng anh ngồi dậy, túm lấy gấu chiếc áo ngủ của tôi. “Hãy cởi cái này ra.”

“Không, không, không phải lúc này, em...”

“Ôi, vì Chúa.” Anh lăn sang bên cạnh rồi đứng bật dậy. “Chuyện này...” Anh rút một điều thuốc từ chiếc quần jean vút trên sàn nhà và châm lửa. Anh rít một hơi dài rồi quay sang nhìn tôi: “Hãy nhìn xem...” Anh nói, nhả một bùm khói rồi quay lại phía tôi. “Việc này đã trở thành một câu chuyện dài lê thê.”

“Một câu chuyện dài lê thê?” Tôi nhìn anh chăm chăm, miệng há hốc.

“Đúng, một câu chuyện kéo dài và bực mình.” Anh thở dài. “Anh đã rất kiên nhẫn nhưng em thì... Chuyện này cứ kéo dài mãi. Nó không còn thú vị nữa.”

Một cảm giác kỳ lạ bỗng xâm chiếm lòng tôi, một cảm giác khủng khiếp như thể tôi đang bị quay tròn trong một chiếc máy hút khổng lồ. Mọi chuyện đều sai bét. Những dải thiên hà trên bức tường sau lưng anh dường như đang chuyển động, bồng bềnh trôi ngang qua bầu trời phía trên Tokyo như một chiếc vòng ánh sáng. Khuôn mặt của Jason trông tối và mờ ảo. “Nhưng em...” Tôi ấn ngón tay lên cổ họng, cố giữ cho giọng của mình khỏi run. “Em đã muốn, em đã muốn cho anh xem. Thật lòng là em muốn. Chỉ là em...”

Tôi đứng dậy và lao tới chiếc bàn phấn để tìm thuốc lá, hất tung mọi thứ trên mặt bàn xuống đất. Tôi tìm thấy một bao thuốc, lập cập rút ra một điếu, châm lửa rồi đứng nhìn bức tường và rít liên tục, nước mắt giàn giụa. *Chuyện này thật ngớ ngẩn. Phải hành động ngay. Giống như nhảy qua một mỏm đá. Giống như nhảy qua một mỏm đá. Đó là cách duy nhất để biết được mình sẽ có thể sống sót hay không.*

Tôi dụi điếu thuốc vào chiếc gạt tàn trên bàn trang điểm rồi quay sang đối mặt với anh, thở gấp. Cổ họng tôi như nghẹn lại còn tim tôi dường như chỉ chực nhảy vọt ra ngoài.

“Thôi được, thế là chuyện gì?” Anh nói.

Tôi kéo chiếc áo ngủ qua đầu, vứt nó xuống sàn rồi đứng trước mặt anh, hai tay ôm lấy bụng, mắt nhìn thẳng vào một điểm ngay trên đầu Jason. Tôi hít một hơi dài, tưởng tượng ra hình ảnh của mình lúc này trong mắt anh, gầy gò, nhợt nhạt và chẳng chịt những mạch máu.

“Hãy hiểu cho em,” tôi thì thầm như đang đọc một câu thần chú. “Xin hãy hiểu cho em.”

Và tôi bỏ tay xuống.

Tôi không rõ là tôi hay Jason vừa thở gấp vì rõ ràng trong phòng vừa có một sự thụ khí. Tôi đứng đó, hai tay nắm lại hai bên sườn, mắt nhìn lên trần như thể đầu của tôi sắp nổ tung. Jason vẫn im lặng, và cuối cùng khi tôi có đủ can đảm cúi xuống nhìn anh, thì trông anh bình tĩnh, lặng lẽ, nét mặt không hề có bất cứ biểu hiện gì khi quan sát những vết sẹo trên bụng tôi.

“Lạy Chúa,” rất lâu sau anh thở hắt ra. “Chuyện gì đã xảy ra với em thế?” Anh bước lại gần, tò mò đưa tay sờ lên bụng tôi như thể những vết

sẹo đang tỏa sáng. Đôi mắt anh tĩnh lặng và trong trẻo. Khi chỉ còn cách tôi một bước chân, anh dừng lại và áp tay vào những vết sẹo.

Tôi rùng mình và nhắm mắt lại.

“Chuyện quái quỷ gì đã xảy ra ở đây vậy?”

“Một đứa bé.” Tôi trả lời giọng không được tự tin cho lắm. “Đó là chỗ của một đứa bé, con của em.”

Ở bệnh viện, họ dạy tôi về bao cao su khi mọi chuyện đã quá muộn. Vài tháng trước khi tôi được ra viện, khi người ta luôn miệng nhắc đến bệnh AIDS, chúng tôi phải tham gia một nhóm nâng cao nhận thức về HIV. Tại đó, một nữ y tá tên là Emma, một cô gái có đôi chân cứng cáp và đeo khuyên ở mũi, ngồi trước mặt chúng tôi, mặt đỏ bừng vì ngượng khi hướng dẫn chúng tôi cách tròng bao cao su vào một quả chuối. Một *chiếc áo mưa*, cô ấy gọi thế bởi vì thời đó báo chí đều dùng từ này và khi nói về quan hệ tình dục qua đường hậu môn thì cô ấy gọi là “tình dục qua đường ruột”. Trong khi nói, cô ấy thường quay mặt về phía cửa sổ như thể cô ấy đang diễn thuyết cho đám cây cối ngoài vườn. Những người tham dự cười đùa và cợt nhả trong khi tôi ngồi im ở phía cuối, mặt đỏ rần lên như Emma khi phải nhìn chăm chăm vào chiếc bao cao su. Một chiếc bao cao su. Tôi chưa bao giờ nghe nói tới bao cao su. Quả thực, sao một người kém hiểu biết như tôi lại có thể xoay xở sống trên đời lâu tới vậy?

Chẳng hạn như cái ý nghĩa của thời gian chín tháng. Trong nhiều năm tôi hay nghe mọi người thì thảo nói đùa: “Giờ thì con mèo đang sưng rửng mỡ, nhưng cứ chờ chín tháng xem mặt mũi nó thế nào sẽ rõ”. Những câu nói đùa đại loại như thế. Nhưng tôi đã không hiểu. Ngớ ngẩn nhất là nếu người ta hỏi tôi về thời gian mang thai của con voi thì có thể tôi sẽ trả lời được nhưng những thực tế về con người thì tôi hoàn toàn mù tịt. Bố mẹ tôi đã làm rất tốt việc gạn lọc tất cả các thông tin trước khi chúng đến được với tôi. Dĩ nhiên là chỉ ngoại trừ trường hợp quyền sách màu cam, khi mà họ đột nhiên mất cảnh giác hơn thường lệ.

Cô gái giường bên đã nhìn tôi chòng chọc khi tôi thú nhận là tôi không biết gì về những chuyện nói trên.

“Cậu nói nghiêm túc đấy chứ?”

Tôi nhún vai.



Cô ấy kêu lên sảng sốt: “Ôi trời, thật không tin được, đúng là cậu đang nói nghiêm túc.”

Trong cơn hốt hoảng, các nữ y tá đã đi tìm cho tôi một quyển sách với những kiến thức về cơ thể con người. Quyển sách đó có tựa đề *Mẹ ơi, cái gì ở trong bụng mẹ thế?* Với một lớp bìa màu hồng nhạt vẽ hình một cô bé đang ngược nhìn một cái bụng bầu mặc váy hoa. Một trong những lời bình phía sau cuốn sách viết: “Nhẹ nhàng, nhiều thông tin, bao gồm tất cả những gì bạn cần biết để giải đáp những thắc mắc của con bạn”. Tôi đã đọc quyển sách đó rất kỹ và cất nó trong một chiếc túi màu nâu, giấu ở phía trong cùng ngăn tủ của mình. Tôi ước giá như mình được đọc nó sớm hơn. Như thế thì tôi đã hiểu được chuyện gì sẽ xảy ra với mình.

Tôi không hé răng với bất cứ ai trong bệnh viện về những tuần lễ tiếp theo sự cố xảy ra trên chiếc xe tải. Tôi đã mất nhiều tháng để chấp nối các thông tin mà tôi thu được từ những lời xì xào của người lớn, những lời ám chỉ, những bóng gió lạ lùng trên các tờ báo cũ nát ở nhà để hiểu được tình cảnh của mình. Tôi cũng không dám nói với ai về cảm giác của mình khi biết rằng sẽ có một em bé ra đời và mẹ chắc chắn sẽ giết tôi hoặc con tôi hoặc cả hai. Với tôi, đó chính là cái giá thực sự của sự thiếu hiểu biết.

Ngoài kia, dưới căn hẻm nhỏ, có tiếng ai đó đóng cửa xe ô tô. Tôi nghe thấy tiếng chìa khóa leng keng và tiếng cười khúc khích của một phụ nữ giọng cao và nhẹ. “Tôi thề tôi sẽ không uống gì cả.” Tiếng cười của họ xa dần khi họ đang đi về phía cuối hẻm, ra phía đường Waseda. Tôi vẫn nín thở và đứng im một chỗ nhìn Jason chăm chú, chờ xem anh nói gì.

“Em là một cô gái tốt,” cuối cùng anh lùi lại một bước, trao cho tôi nụ cười chậm rãi và ranh mãnh quen thuộc. “Em là một cô gái tốt, em có biết không? Và từ nay mọi chuyện sẽ tốt đẹp.”

“*Tốt đẹp ư?*”

“Đúng vậy,” anh lia lưỡi vào giữa hai hàm răng. Những ngón tay anh lần theo vết sẹo lớn nhất trên bụng tôi, bắt đầu từ phía dưới rốn tới tận chỗ xương hông. Anh khẽ bấm móng tay vào đoạn giữa, nơi các vết khâu hơi lồi

lên và vuốt ve chúng. “Sao lại nhiều thế này. Cái gì đã để lại những vết sẹo như thế này?”

“Một...” Tôi những muốn trả lời nhưng hàm cứng lại. Tôi phải lắc đầu để có thể mở được miệng. “Một con dao. Một con dao làm bếp.”

“À, một con dao,” anh nói, giọng méo xệch. Anh nhắm mắt lại, vừa chậm rãi liếm môi, vừa tiếp tục sờ tay lên những đường gân nổi lên từ các vết sẹo ở giữa bụng. Nơi rạch nhất dao đầu tiên. Tôi khẽ lùi lại một bước. Jason mở mắt nhìn tôi chăm chú: “Thế dao có thọc sâu vào tận đây không? Hừm, hay là đây?” Anh ấn ngón tay vào bụng dưới của tôi. “Có phải là cảm giác này không. Như thế nó đi rất sâu.”

“Sâu?” Tôi hỏi lại. Có cái gì đó trong giọng nói của anh, cái gì đó vừa phân khích vừa man dại như thể anh đang cực kỳ khoái trá. Không khí trong phòng đột nhiên trở nên ẩm mốc không giống như mấy phút trước đây.

“Em...” Tôi không nói nên lời. “Tại sao anh lại muốn biết dao thọc sâu chừng nào? Sao anh lại hỏi em chuyện đó?”

“Có sâu không? Dao có thọc vào sâu không?”

“Có,” tôi trả lời yếu ớt. Anh khẽ rùng mình khoan khoái như thể có cái gì đó vừa chạy qua vai anh.

“Nhìn này,” anh nói, đưa tay này vuốt dọc cánh tay kia. “Nhìn xem, lông tay anh dựng đứng hết cả lên rồi. Những chuyện kiểu này luôn làm anh đờ đẫn hết cả người. Cái cô gái mà anh kể cho em ấy? Ở Nam Mỹ ấy?” Anh xoa xoa bắp tay của mình, mắt nhắm hờ như đang hồi tưởng chuyện xưa. “Cô ấy bị cụt một tay. Và cái đoạn người ta cắt nó đi trông giống như một...” Anh chụm các ngón tay lại như thể đang giữ một thứ quả mềm mại, mỏng mảnh nhất trên đời. “Nó rất đẹp, tựa như một trái mận chín. Wow!”

Anh toét miệng ra cười với tôi. “Nhưng em vẫn luôn biết về anh, đúng không nào?”

“Luôn biết? Không, em...”

“Đúng mà.” Anh quỳ xuống trước mặt tôi, tay đặt lên hông và phả hơi thở nóng hổi vào bụng tôi. “Em biết mà. Em luôn biết cái gì thu hút anh.” Anh ta bắt đầu chạm cái lưỡi khô và uồn ẻo vào da thịt tôi. “Em biết là anh chỉ thích làm tình với những kẻ kỳ quặc.”

Trạng thái tê liệt của tôi chấm dứt. Tôi đẩy anh ta ra và bước lùi lại phía sau. Anh ta đứng dậy trên hai gót chân và nhìn tôi với vẻ hơi ngạc nhiên khi tôi chộp lấy chiếc áo ngủ và lập cập trùm nó qua đầu. Tôi những muốn chạy khỏi phòng trước khi mình bật khóc nhưng anh ta lại đứng chắn ngay trước cửa ra vào nên tôi đành phải đổi hướng và chui vào góc phòng, ngồi quay mặt vào tường. Mọi thứ bắt đầu quay trở lại với tôi, những bức ảnh trong phòng anh ta, những cuộn băng video mà hai chị em người Nga kể, cái cách anh ta nói về mẹ Y Tá. Và tôi là một kẻ trong số họ, một đứa quái đản. Ở tôi có cái gì đó xấu xa, nham nhở, khiến anh ta thích thú, giống như những nhân vật trong các bộ phim mà anh ta xem.

“Chuyện gì vậy?”

“Ừm...” Tôi lí nhí trả lời, dùng lòng bàn tay quệt mắt. “Ừm, em nghĩ là có thể em...” Nước mắt bắt đầu chảy tràn xuống má khiến tôi phải vội đưa tay lên chùi trước khi chúng rơi xuống sàn nhà để anh ta không nhìn thấy. “Không có gì cả.”

Anh ta đặt tay lên vai tôi rồi nói: “Thấy chưa? Anh bảo em là mọi chuyện sẽ ổn thôi mà. Anh đã nói là anh hiểu hết mà.”

Tôi không đáp lại, chỉ cố gắng để khỏi òa khóc.

“Đó chính là nguyên nhân tại sao hai chúng ta lại đến với nhau một cách hòa hợp đến thế, đúng không nào? Anh đã biết ngay khi anh nhìn thấy những thứ này, những bức tranh em vẽ, những bức ảnh kỳ dị trong quyển sách của em, anh biết là anh và em... Anh biết là chúng ta giống nhau.” Tôi nghe tiếng anh ta dò dẫm chậm một điếu thuốc khác và tưởng tượng ra nét mặt anh ta lúc này, đang mỉm cười suông sã, đầy tự tin vì anh ta đã tìm thấy sự gọi tình từ những thứ này, từ những vết sẹo mà tôi đã cố che giấu bấy lâu nay. Tôi cũng tưởng tượng ra hình ảnh của mình trong mắt anh ta lúc này, thu lu trong một góc, đôi tay mảnh mai, lạnh giá ôm lấy đầu gối. “Em chỉ cần thêm một chút thời gian nữa,” anh ta nói. “Một chút thời gian nữa để

nhận ra rằng chúng ta đúng là một cặp. Một đôi biến thái. Một cặp trời sinh.”

Tôi đứng dậy, vớ lấy đồng quần áo vắt trên ghế mặc vào người, tránh không nhìn về phía anh ta, hai chân run lên bần bật. Tôi choàng chiếc áo khoác ra ngoài rồi thò tay vào túi xách lục tìm chìa khóa, vừa làm vừa thở gấp để ngăn nước mắt không trào ra. Anh ta không nói gì cũng chẳng tìm cách ngăn tôi lại. Anh ta chỉ im lặng quan sát, trầm tư hút thuốc, khuôn mặt thoáng một nụ cười.

“Em ra ngoài,” tôi nói rồi mở toang cửa.

“Sẽ ổn thôi,” tôi nghe thấy tiếng anh ta ở sau lưng. “Sẽ ổn thôi. Em sẽ sớm ổn thôi.”

Thậm chí cho tới tận những năm 1980, ở Anh vẫn có thể xảy ra chuyện các hài nhi không được chôn cất. Con bé đã không được chôn cất trong một nấm mồ tử tế, mà thay vào đó, người ta đã cho nó vào một cái túi rác màu vàng và đốt cùng với những chất thải khác của bệnh viện. Thậm chí xảy ra chuyện mẹ nó, một đứa trẻ vị thành niên ngờ nghệch đã để đứa bé ra đi mà không dám mở miệng hỏi người ta đã đưa nó đi đâu. Mọi chuyện đều có thể, chỉ vì một sự cố nhỏ về mặt thời gian: con tôi đã không nằm trong bụng mẹ đủ hai mươi tám tuần tuổi. Nó chỉ ra đời sớm có một ngày, nhưng pháp luật quy định nó sẽ không được chôn cất, chỉ vì nó còn thiếu hẳn một ngày để được coi là con người, để được có một đám tang và một cái tên, và như thế nó mãi mãi chỉ được gọi là một *bào thai*. Đây là một cái tên nghe đầy bệnh tật và chẳng có gì giống với đứa con gái nhỏ của tôi khi nó chào đời.

Đó là một đêm cuối tháng Mười hai, trăng rất tròn và tuyết phủ dày đám cây cối bên ngoài. Các nữ y tá trong phòng cấp cứu cho rằng tôi không nên khóc nhiều như thế. “Hãy cố gắng thả lỏng nào.” Vị bác sĩ phẫu thuật cũng chẳng thèm nhìn vào mắt tôi khi tôi bước vào phòng, nằm lên bàn để và nhìn ông xử lý những vết thương trên bụng. Ông ta làm việc với một sự im lặng đến rợn người. Và cuối cùng khi phải thông báo kết quả, ông ta cũng chẳng thèm nhìn tôi mà quay nghiêng mặt vào tường như thể ông ta đang nói với bức tường.

Tôi cố nhòm dậy, không hiểu ông ta nói gì. “*Cái gì ạ?*”

“Chúng tôi rất lấy làm tiếc.”

“Không. Con bé không chết. Nó...”

“Vậ đây, dĩ nhiên là có. Dĩ nhiên là nó đã chết.”

“*Nhưng nó không thể chết. Nó cần phải...*”

“Xin cô,” ông ta đặt tay lên vai tôi, ấn tôi nằm xuống bàn. “Thực sự cô cũng đâu có mong muốn gì khác, đúng không? Giờ thì nằm xuống. Nghỉ ngơi đi.”

Họ cố gắng giữ chặt tôi xuống giường và cố không để tôi nhìn thấy nó. Nhưng tôi đã đánh lừa họ. Tôi đã nhìn được. Và tôi đã thấy một thứ mà suốt đời này tôi sẽ không bao giờ quên: rằng dù trên đời này đầy rẫy những điều không thể, thì ta vẫn có thể, trong một phút giây ngắn ngủi, nhìn thấy tất cả những gì mà một đứa bé có thể trở thành, nhìn xuyên qua làn da mỏng mảnh gân như trong suốt và thấy tâm hồn bé bỏng của nó, giọng nói của nó, cái tôi thật sự và đầy phức cảm và cả sự sống đang xa dần của nó. Tất cả chuyện đó đều có thể.

Chỉ có duy nhất một nữ y tá, người không biết hoặc không thêm quan tâm tới việc tại sao tôi lại lâm vào hoàn cảnh này là người hiểu được tâm trạng của tôi lúc đó. Cô ấy là người duy nhất đã thấm nước mắt cho tôi và vỗ vào tay tôi để an ủi. “Ôi đứa bé tội nghiệp đáng thương, đứa bé tội nghiệp đáng thương.” Cô ấy nhìn về phía hình hài nhỏ bé nằm còng queo phía góc phòng với đôi vai nhỏ cong cong và những đốm tóc màu sẫm. “Cục cụng ạ, không cần phải lo lắng cho con bé nữa. Đừng nghĩ ngợi gì nhiều. Dù cho linh hồn con bé có ở đâu thì Chúa cũng sẽ tìm thấy cháu.”

Trăng vẫn treo lơ lửng trên bầu trời khi tôi rời khỏi nhà, vội vã bước về phía cuối hẻm, vừa đi vừa siết chặt cổ áo khoác vì lạnh. Nhưng khi tôi tới được đường Shiba Koen thì bình minh đã bắt đầu ló rạng. Bạn có thể nhìn thấy bình minh lên giữa những tòa nhà cao tầng. Bầu trời có màu hồng nhạt, đâu đó một luồng gió ấm chợt ùa đến, xuyên qua các dãy phố như một cơn gió hạt nhân [3] thổi từ phía Tây tới, khiến những tán cây trụ lá trong

đền Zojoji lay động và kêu răng rắc. Tôi dừng lại trước bát nước thánh đặt trước các bức tượng hài nhi đứng xếp hàng một cách im lặng và kín đáo dưới những chiếc mũ bê rê màu đỏ và múc một gáo nước lạnh buốt giội lên tay trái, rồi tới tay phải, theo đúng nghi lễ. Tôi bỏ mấy đồng yên vào chiếc hòm công đức, tháo giày và bước lên bãi cỏ còn ướt sương, tha thân quanh những hàng tượng đá.

Bóng của những tờ bùa màu trắng treo lủng lẳng trên cây nháy nhót trên đầu tôi. Tôi tìm thấy một chỗ trong góc vườn, giữa hai hàng tượng đá nơi người ta không thể nhìn thấy tôi từ ngoài đường, và ngồi xuống, siết chặt áo khoác quanh người. Bạn phải chấp tay lại khi cầu nguyện. Còn có một câu khấn đặc biệt nhưng tôi không tài nào nhớ nổi, nên cuối cùng tôi đành cầu nguyện theo cách người ta vẫn làm ở đất nước tôi, một đất nước Thiên Chúa giáo. Tôi nắm hai tay, để trán chạm vào các đốt ngón tay rồi nhắm mắt lại.

Có lẽ cô y tá đã nói đúng. Có lẽ “Chúa” hay các vị thần, hoặc thế lực nào đó vĩ đại hơn bất kỳ ai trong số chúng ta sẽ biết được linh hồn của con tôi đang phiêu bạt nơi đâu. Nhưng tôi thì không. Tôi không biết con bé đã được chôn cất ở đâu nên tôi không biết phải bắt đầu từ nơi nào nữa. Vì con bé không có lấy một năm mồ để thăm viếng nên tôi đã phải học cách tưởng tượng ra nó không tồn tại trên đời này, hoặc là nó ở khắp mọi nơi, đang bay lượn đâu đó xung quanh tôi. Đôi khi tôi nhắm chặt mắt lại và hình dung ra con bé trên bầu trời đêm lốm đốm sao, cao xa vời vời tới mức đầu của nó có thể chạm tới đỉnh trời. Trong những giấc mơ của tôi, con bé có thể bay tới chỗ nào mà nó muốn. Thậm chí từ Anh tới Tokyo. Con bé sẽ phải bắt đầu hành trình từ phía Đông, khởi hành rất nhanh, chốc chốc lại quay đầu nhìn xuống những dải đèn đường lấp lánh bên dưới: châu Âu với những chiếc cầu được thắp sáng và trang hoàng không khác gì bánh cưới. Con bé sẽ biết khi nào nó đang bay trên biển nhờ những dải màu sẫm tối, những đường gợn sóng lấp lánh ánh trắng hay những dải ngọc trai óng ánh. Sau châu Âu nó sẽ phải bay nhanh qua vùng mặt trời mọc. Qua những thảo nguyên của nước Nga, qua hồ Baikal sâu thẳm với những con cá nước ngọt và những con hải cẩu lạ lùng. Và xa hơn, qua những cánh đồng lúa, những ống khói công nghiệp, những hàng trúc đào mọc ven đường, qua bề mặt cứng và dài của quê hương Sử Trùng Minh. Rồi tới Tokyo, và cuối cùng là

Takadanobaba nơi con bé sẽ nhìn thấy những mái hiên cong cong của ngôi nhà cổ. Con bé có thể sẽ bay qua bên ngoài cửa sổ phòng tôi và cuối cùng...

Nhưng dĩ nhiên con bé đã không đến. Ngay cả vào dịp lễ O-Bon khi linh hồn của những người chết quay trở lại thăm thân nhân, khi tôi ngồi im bên cửa sổ ngắm ánh nến lung linh trôi nổi trên sông Kanda mà người Nhật cho là sẽ dẫn đường chỉ lối cho các linh hồn, mù quáng tin là con bé sẽ tới tìm mình. Nhưng nó đã không tới. Tôi tự bảo mình không nên hy vọng quá nhiều, vì có thể con bé đã cố gắng hết sức nhưng đi từ Anh tới đây quả là một đoạn đường dài. Quá dài cho một linh hồn bé bỏng, con bé có thể đã bị lạc hoặc kiệt sức.

Tôi đã cầu nguyện xong và ngẩng đầu lên. Xung quanh tôi, những cái chong chóng của lũ trẻ bắt đầu quay trong làn gió ấm, những cánh quạt bằng gỗ mỏng kêu phàn phật. Mỗi chiếc mũ nhỏ, mỗi chiếc yếm dãi, mỗi thứ đồ trang trí trên các bức tượng đều được làm bằng tay, và đặt lên đây bởi các bà mẹ, những người đã cầu nguyện giống như tôi vừa làm. Trời bắt đầu sáng và những nhân viên công sở đầu tiên đang vội vàng rảo bước trên con phố cạnh ngôi đền.

Jason, tôi vừa nghĩ tới Jason vừa đứng dậy và vuốt lại áo. Jason, hãy tin em, anh là một kẻ xa lạ, xa lạ và điên rồ hơn em rất nhiều. Những gì em đã làm là sai và ngu ngốc nhưng sai lầm của em không bao giờ có thể so sánh với anh. Tôi hít thật sâu thứ không khí trong lành nơi đây và ngửa đầu lên trời. Dù sao thì anh ta cũng đã mang tôi trở lại với một thực tế mà tôi gần như lãng quên. Anh ta đã nhắc tôi nhớ lại rằng tôi chỉ có một con đường để đi. Luôn chỉ có một con đường mà thôi.

**史 Nam Kinh, ngày 20 tháng Mười hai năm 1937 (ngày mười tám tháng Mười một âm lịch)**

Đây chính là bài học của tôi.

Khi mặt trời bắt đầu nhô lên, tôi bật đài để nghe tin tức. Vẫn chưa có tuyên bố chính thức nào về việc người dân có thể an toàn đi ra ngoài phố. Chờ khi trời sáng bạch, tôi uống vài ngụm trà rồi lẳng lẳng mặc quần áo, khoác chiếc jacket nhồi lông ra ngoài rồi rời khỏi nhà, khép cánh cửa lại sau lưng và dừng lại một lát để nghe ngóng xung quanh xem có động tĩnh gì không. Bên ngoài, tuyết rơi nhẹ, những bông tuyết trắng mỏng manh rơi trùm lên đồng tuyết bản thủ cũ kỹ của ngày hôm trước. Tôi nhẹ nhàng di chuyển giữa các ngôi nhà và chẳng bao lâu thì tới được nhà ông Lưu, vòng ra phía cổng hậu và gõ cửa theo ám hiệu quy định. Một lúc sau vợ ông Lưu ra mở cửa rồi đứng nép sang một bên nhường đường cho tôi, không nói một lời nào. Bà mặc trên người rất nhiều lớp quần áo, trên cùng là một chiếc áo dài của nam giới rách tả tơi, mắt đỏ au.

Bên trong nhà rất lạnh và ngay lập tức tôi có thể cảm thấy bầu không khí căng thẳng đang bao trùm. Nhìn điệu bộ ông Lưu khi ra đón thì tôi biết ngay là có chuyện gì đó đã xảy ra.

“Có chuyện gì vậy?”

Ông không trả lời. Ông ra hiệu cho tôi đi theo vào một căn phòng nhỏ bừa bãi nơi cậu con trai đang ngồi với dáng vẻ vô cùng thiếu ngủ, đầu cúi gằm. Thành bé mặc một chiếc áo khoác nhà binh kiểu Tôn Trung Sơn rách tả tơi, rộng quá khổ so với đôi vai gầy guộc khiến nó trông càng nhếch nhác và nhem nhuốc một cách đáng thương hơn bao giờ hết. Trên chiếc bàn



trước mặt thằng bé là một chiếc túi bần thủ, và hình như từ đó vãi ra một ít bột mì kiều mạch.

“Nó ở bên ngoài suốt đêm,” ông Lưu nói. “Mang thức ăn về nhà.”

Tôi nhìn túi thức ăn một cách đói khát. “Ôi sư phụ Lưu, tôi kính phục sự dũng cảm của già đấy. Đây thực sự là một tin tốt. Đúng là tin tốt.”

Bà Lưu mang tới cho chúng tôi những chiếc bánh bao làm từ bột kiều mạch, một đĩa để tôi ăn ngay và thêm vài chiếc bọc khăn vải đặt trong một cái vỉ hấp bằng nan để mang về cho Thu Kim. Bà đặt chúng xuống trước mặt tôi không nói một lời, thậm chí cũng không nhìn tôi rồi bỏ luôn về phòng. Tôi ăn ngấu nghiến, ăn trong khi vẫn đứng, thức ăn nhét đầy miệng, vừa nhai vừa nhìn lên trần nhà một cách vô định. Ông Lưu và con trai ý tứ quay đi chỗ khác. Nhưng dù đang hưng phấn vì có thức ăn, tôi vẫn không thể không để ý đến thái độ giữa hai cha con họ.

“Chuyện gì vậy?” Tôi nói, miệng vẫn nhồm nhoàm thức ăn. “Có chuyện gì thế?”

Ông Lưu khẽ lấy chân huých vào chân thằng bé: “Hãy kể cho chú ấy nghe chuyện gì đã xảy ra đi.”

Thằng bé ngược lên nhìn tôi. Mặt nó trắng bệch và nghiêm trang. Như thể nó vừa đánh mất tuổi thơ của mình vào đêm hôm trước. “Cháu đã đi ra ngoài,” nó thì thào.

“Sao nữa?”

Thằng bé héch cằm lên chỉ ra phía ngoài đường rồi nói tiếp: “Ngoài đó. Cháu đi lang thang suốt đêm và nói chuyện với mọi người.”

Tôi nuốt vội miếng bánh cuối cùng, có cảm tưởng như nó mắc lại ở giữa họng. “Và cháu vẫn có thể về nhà một cách yên ổn. Đường phố đã an toàn rồi sao?”

“Không ạ,” nước mắt chọt trào ra trên mặt thằng bé. Tim tôi như chùng xuống. “Không đâu ạ. Đường phố không an toàn chút nào. Quân Nhật là những con quỷ dữ. Những tên *riben guizi*.” Thằng bé ngược mắt lên

nhìn cha nó với một vẻ hết sức dằn vặt. “Bố đã nói là chúng chỉ giết quân nhân thôi. Sao bố lại nói thế?”

“Bố đã tin là thế. Bố cứ nghĩ chúng sẽ để chúng ta yên. Rằng chúng ta sẽ được coi như dân tị nạn.”

“Tị nạn.” Thằng bé lấy tay áo chùi mắt. “Có một chỗ dành cho những người mà họ gọi là dân tị nạn.”

“Ở trường đại học đúng không? Thế cháu có tới chỗ đó không?” Tôi hỏi.

“Không chỉ có cháu. Không phải chỉ có cháu ở đó. Còn có cả bọn Nhật nữa. Chúng mang ‘những người tị nạn’ đi. Cháu đã nhìn thấy tất cả. Chúng xiên họ lại với nhau.” Thằng bé lấy tay chỉ vào phần mềm trên cổ. “Chúng dùng dây thép gai xuyên qua chỗ này và xiên họ lại với nhau, giống như, giống như một cái vòng chuối. Một cái vòng chuối, xiên toàn người.”

“Cháu thực sự đã chứng kiến chuyện đó à. Ở khu tị nạn?”

Thằng bé lại dụi mắt khá mạnh khiến mắt nó trở nên nhem nhuốc vì những dòng nước mắt và bụi đóng cáy lại. “Cháu đã nhìn thấy tất cả. Tất cả mọi thứ. Và cháu đã nghe thấy tất cả mọi chuyện.”

“Hãy cho chú biết,” tôi nói rồi ngồi xuống một chiếc ghế ọp ẹp bên cạnh và nhìn thằng bé với vẻ nghiêm trang, “thế cháu có nghe thấy một tiếng la hét không? Khoảng một tiếng trước. Tiếng một phụ nữ la hét. Cháu có nghe thấy không?”

“Có ạ.”

“Thế cháu có biết đã xảy ra chuyện gì không?”

“Có ạ,” thằng bé ngược nhìn cha nó rồi quay sang tôi, bòn chòn cắn môi. Nó thò tay vào túi rồi lôi ra một cái gì đó, chìa ra cho chúng tôi xem. Cả tôi và ông Lưu đều nhào người ra để xem. Trong lòng bàn tay nó là một chiếc bao cao su của Nhật. Tôi cầm lấy chiếc bao cao su và xem xét. Trên chiếc bao cao su là hình một tên lính Nhật đang tiến về phía trước, súng ống sẵn sàng, dưới đó là chữ *Totsugeki. Nạp đạn!* Tôi và ông Lưu nhìn nhau.

Mặt ông trở nên xám ngoét và căng thẳng, những nếp nhăn hẳn rõ xung quanh miệng.

“Cưỡng hiếp, chúng cưỡng hiếp phụ nữ.” Thằng bé lên tiếng.

Ông Lưu nhìn ra phía hậu cửa. Vợ ông đang ở phía sau nhà nên không thể nghe thấy câu chuyện của chúng tôi, tuy nhiên ông vẫn thò chân đẩy cánh cửa khép lại. Tim tôi đập một cách yếu ớt. Khi tôi mười ba tuổi, tôi không hề biết thế nào là cưỡng hiếp thế mà cậu bé này lại nhắc tới từ đó một cách thản nhiên như thể đó là chuyện xảy ra hàng ngày.

“Săn gái,” thằng bé tiếp tục. “Đó là thú tiêu khiển được ưa chuộng của lính Nhật. Chúng dùng những chiếc xe tải chở than ở Hạ Quan tới các làng quê lưng bắt phụ nữ.” Cậu bé ngẩng mặt lên nhìn tôi. “Chú có biết cháu còn nhìn thấy gì nữa không?”

“Không,” tôi trả lời một cách yếu ớt. “Còn gì nữa?”

“Cháu còn nhìn thấy chỗ ở của tên *diêm vương* đó.”

“*Diêm vương?*” Một nỗi sợ hãi mơ hồ chợt bóp nghẹt tim tôi. Tôi nhìn sang ông Lưu, lúc này đang quan sát đứa con trai với một vẻ vừa sợ hãi vừa bối rối. *Diêm vương*. Quỷ dữ. Chúa tể của thần chết. Người cai quản địa ngục trong thế giới của Phật giáo. Thường thì tôi và ông Lưu sẽ đảo mắt cười nhạo trước những biểu hiện tôn giáo kiểu này nhưng trong mấy ngày gần đây, có cái gì đó trong chúng tôi đã thay đổi. Chỉ cần nghe thấy cái danh từ đó vang lên trong ngôi nhà lạnh lẽo cũng đủ khiến chúng tôi rùng mình.

“Con đang nói gì vậy,” ông Lưu lên tiếng, ghé sát vào con trai. “*Diêm vương?* Cha có dạy con thứ vớ vẩn đó đâu? Con đã nói chuyện với ai vậy?”

“Hắn ta đang ở đây,” thằng bé nói khẽ, và bắt gặp ánh mắt của cha nó. Tôi có thể cảm thấy cả người nó đang sồn da gà. Tôi nhìn lên những chiếc cửa sổ đã khóa chặt. Bên ngoài rất yên tĩnh, tuyết vẫn đang rơi khiến ánh đèn nhấp nháy lúc trắng lúc đỏ. “*Diêm vương* đã tới Nam Kinh.” Cậu bé không nhìn cha mình nữa và từ từ đứng dậy. “Nếu cha không tin thì cha có thể đi với con tới chỗ đó.” Nó chỉ ra phía cửa và cả hai chúng tôi đều im lặng quay ra hướng đó. “Con sẽ chỉ cho hai người chỗ ở của hắn.”



Sử Trùng Minh có vẻ ngạc nhiên khi thấy tôi. Ông mở cửa cho tôi với một thái độ lịch sự nhưng xa cách và mời tôi bước vào trong phòng. Ông bật chiếc lò sưởi ba lá và kéo nó lại gần chiếc sofa thấp, sồn cũ kê ngay phía bên dưới cửa sổ rồi rót nước sôi vào bình trà Thermos trên bàn làm việc. Tôi quan sát mọi chuyện một cách hờ hững, hơi cảm thấy kỳ lạ khi nhớ lại hành động dập điện thoại của ông trong cuộc nói chuyện gần đây nhất giữa hai chúng tôi.

“Tốt rồi, giờ thì... Có phải hành động này cho thấy chúng ta đang giao dịch trở lại hay không?” Ông lên tiếng khi tôi đã ngồi xuống ghế và nhìn tôi một cách hiếu kỳ. Tôi đã đi thẳng từ ngôi đền tới đây nên váy vẫn còn ướt do ngồi quá lâu trên cỏ.

Tôi không trả lời. Tôi cởi áo khoác, găng tay và mũ rồi đặt chúng lên đầu gối.

“Cô có tin gì mới không? Có phải cô tới đây để cho tôi biết cô vừa gặp Fuyuki?”

“Không.”

“Hay là cô nhớ ra điều gì? Về cái hộp kính mà cô trông thấy lần trước?”

“Không.”

“Rất có thể Fuyuki đang bảo quản cái gì đó trong chiếc hộp? Khi nghe cô miêu tả chiếc hộp thì người ta nghĩ ngay tới chuyện đó.”

“Thế ạ?”

“Đúng vậy. Cho dù Fuyuki đang uống cái gì đi chăng nữa thì ông ta cũng tin rằng nó cứu sống ông ta.” Sử Trùng Minh khẽ xoay bình trà. “Ông

ta phải rất thận trọng với liều lượng mà ông ta dùng. Nhất là khi việc tìm kiếm nguồn thuốc thay thế rất nguy hiểm hoặc vô cùng khó khăn. Từ những giả thuyết của mình, tôi có thể chắc chắn rằng cái hộp đó chính là nơi ông ta bảo quản thuốc của mình.” Ông rót trà cho tôi, mắt không rời khỏi tôi lấy một giây như đang nghiên cứu để tìm ra một câu trả lời. “Hãy cho tôi biết ý kiến của cô về chuyện này?”

Tôi lắc đầu. Cả người tê dại tới mức tôi chả buồn đóng kịch trước mặt ông nữa. Tôi cầm lấy tách trà mà ông đưa, giữ chặt nó bằng cả hai tay và nhìn chăm chăm vào lớp cặn màu xám lơ lơ dưới đáy. Một sự im lặng vụng về và kéo dài bao trùm lấy căn phòng cho tới khi cuối cùng tôi cũng đặt ly trà xuống.

“Ồ Trung Quốc,” tôi nói dù biết đó không phải là điều ông muốn nghe, “chuyện gì sẽ xảy ra nếu như ai đó không được chôn cất tử tế? Linh hồn của họ sẽ ra sao?”

Những lời của tôi khiến ông khựng lại khi đang định ngồi xuống ghế thưởng thức tách trà của mình. Ông nhấp nhồm trên ghế, đầu hơi cúi xuống, ngó qua ngó lại, cố gắng tiêu hóa câu hỏi của tôi. Cuối cùng ông cũng lên tiếng nhưng giọng nói của ông đã hoàn toàn đổi khác. “Thật là một câu hỏi lạ lùng. Điều gì đã khiến cô nghĩ như thế?”

“Chuyện gì sẽ xảy ra với linh hồn của họ?”

“Chuyện gì sẽ xảy ra với linh hồn của họ à?” Ông ngồi, sửa lại tư thế, kéo thẳng áo rồi di chuyển tách trà tới lui trước mặt. Mãi sau ông mới nhìn tôi, gãi gãi miệng, cả vùng xung quanh mũi đỏ ửng. “Những người không được chôn cất? Ở Trung Quốc? Để tôi nghĩ xem. Nói một cách đơn giản là chúng tôi tin vào sự tồn tại của các hồn ma. Những hồn ma quấy quả có thể quay lại chọc phá người đang sống. Do đó chúng tôi chôn cất người chết rất cẩn thận. Chúng tôi chôn tiền cùng với họ để họ có thể đi sang thế giới bên kia. Đó chính là...” Ông khẽ hắng giọng, bòn chòn gõ tay lên thành ghế. “Đó chính là điều luôn khiến tôi lo lắng khi nghĩ tới Nam Kinh. Tôi vẫn luôn lo sợ khi nghĩ tới hàng nghìn hồn ma quấy quả vẫn còn sót lại ở Nam Kinh.”

Tôi đặt tách trà xuống và quay sang nhìn ông. Chưa bao giờ ông nói về Nam Kinh như thế.

“Đúng vậy,” ông nói, tay vuốt nhẹ xung quanh miệng tách trà. “Nó vẫn thường khiến tôi lo nghĩ. Không có đủ đất ở Nam Kinh để xây nghĩa địa. Phần lớn người chết phải chờ tới hàng tháng mới được chôn. Trong số đó, có người không chờ được đã phải chôn đại đâu đó hay... hay chôn chung với người khác trước khi có cơ hội...” Ông lưỡng lự, dừng lại nhìn chăm chăm vào tách trà của mình và đột nhiên trông già hẳn đi. Tôi thậm chí còn nhìn thấy cả những đường gân xanh dưới lớp da nhăn nheo của ông. Tôi dường như còn cảm nhận được cả xương của ông cũng đang nhô lên. “Có một lần tôi nhìn thấy một đứa trẻ,” ông nói tiếp, giọng rất khẽ. “Con bé bị... bị người Nhật xẻo đi một ít thịt, ở đây, ngay dưới xương sườn. Ai cũng nghĩ là con bé đã chết nhưng chẳng ai buồn chôn cất nó. Nó nằm đó nhiều ngày giữa phố đông, nhưng không ai ra khỏi nhà để chôn cất nó. Tôi vẫn không hiểu tại sao họ lại không làm gì. Ở Nam Kinh, chôn cất người khác đem lại vận may...” Rồi ông chìm dần vào im lặng, mắt nhìn chăm chăm vào những ngón tay đang xoay quanh tách trà.

Khi thấy ông có vẻ không muốn nói gì thêm, tôi nhào người ra phía trước, hạ thấp giọng thành một tiếng thầm thì. “Sử Trùng Minh. Xin ông hãy nói cho tôi biết chuyện gì đã xảy ra trong cuộn phim đó?”

Ông lắc đầu.

“Xin hãy làm ơn.”

“Không.”

“Tôi cần phải biết, tôi rất cần.”

“Tôi xin lỗi. Nếu cô muốn biết đến vậy thì cô sẽ phải giúp đỡ việc nghiên cứu của tôi. Đó chính là lý do cô tìm tới đây, đúng không?” Ông nhìn tôi.

Tôi thở dài và ngồi thụt vào trong ghế. “Vâng, đúng thế.”

Ông mỉm cười buồn bã. “Tôi cứ tưởng là tôi đã mất cô rồi. Trong một thời gian dài, tôi nghĩ là cô đang trôi nổi ở đâu đó.” Ông ném cho tôi một cái nhìn dụi dàng và buồn bã, không giống với bất kỳ cái nhìn nào mà ông từng dành cho tôi. Đây là lần đầu tiên kể từ khi chúng tôi gặp nhau tôi mới có cảm giác là ông cũng quý tôi. Chắc tôi sẽ chẳng bao giờ biết được ông đã

trải qua những gì trong mấy tuần lễ chúng tôi không liên lạc với nhau. “Cái gì đã khiến cô quay lại thế?”

Khi tôi đứng dậy để ra về, tôi chỉ cần mở cửa và bỏ đi. Nhưng tôi không kiềm chế nổi. Tôi dừng lại trước cửa, quay lại hỏi ông. “Ông Sử Trùng Minh?”

“Hừm, cái gì nữa?” Lúc này ông đang ngồi bên bàn làm việc. Nghe tôi hỏi, ông ngẩng đầu lên nhìn như thể tôi vừa cắt ngang dòng suy nghĩ của ông.

“Ông từng nói với tôi rằng sự thiếu hiểu biết và tội ác không giống nhau. Ông có nhớ không?”

“Có. Tôi nhớ.”

“Có đúng thế không? Ông có nghĩ thế không? Rằng sự thiếu hiểu biết không phải là một tội ác?”

“Dĩ nhiên rồi,” ông nói. “Dĩ nhiên đó là sự thật.”

“Ông thực sự nghĩ thế chứ?”

“Tất nhiên là tôi nghĩ thế. Sự thiếu hiểu biết có thể được tha thứ. Nó không bao giờ giống như tội ác. Tại sao cô lại hỏi thế?”

“Bởi vì, bởi vì...” Một cảm giác kỳ lạ chợt xâm chiếm lấy tôi khiến tôi cảm thấy mình trở nên mạnh mẽ và thanh thản tới lạ lùng. “Vì đó là một trong những câu hỏi quan trọng nhất trên đời.”



Trời càng về trưa càng lạnh và có vẻ như muốn mưa. Trên phố, xe ô tô xếp thành từng dãy dài trước đèn đỏ, cửa kính đóng chặt, hơi nước bốc lên nghi ngút. Gió xoáy vào từng góc phố, tưởng như mát hút rồi bỗng chốc lại ủa ra, cuốn phăng mọi thứ trên đường đi và ném chúng vào các ga tàu điện ngầm. Tôi xuống tàu đoạn gần nhà Fuyuki, vừa siết chặt áo khoác vừa rảo bước, lấy tòa tháp Tokyo màu trắng đỏ sừng sững giữa trời làm cột mốc dẫn đường, băng qua một loạt những đường phố xa lạ với rất nhiều nhà hàng và tiệm mì nhỏ. Khi đi qua một khu chợ bán buôn có tên là Meat Rush, tôi bước chậm lại và nhìn chòng chọc vào bãi đỗ xe nơi khách hàng đang chất những đồng chân giò nặng tới mười kí vào trong những chiếc ô tô. Thịt. Cả người Nhật và người Trung Quốc đều trải qua một thời kì mà thứ protein duy nhất người ta có được là nhờ ăn những con nhộng, châu chấu, rắn, ếch và chuột. Bây giờ, họ có cả những khu chợ bán buôn tên là Meat Rush.

Thịt, tôi nghĩ, dùng chân trước hàng rào sắt bên ngoài căn hộ của Fuyuki. Thịt. Một gara ô tô để mở và một người đàn ông mặc quần yếm công nhân đang đánh bóng một trong những chiếc xe hơi màu đen của Fuyuki. Cửa xe mở toang, chìa khóa tra trong ổ và chiếc đài trên xe hình như đang phát một bài hát của Beatles. Một người làm vườn đang dùng vòi phun nước để làm sạch lối đi. Tôi bám vào các thanh sắt trên hàng rào và thò đầu vào nhìn khu căn hộ. Tất cả các cửa sổ đều lắp kính đen. Chẳng nhìn thấy gì ngoài bóng của những đám mây lạnh lẽo. Sử Trùng Minh cho rằng dù là gì đi nữa thì thứ mà Fuyuki giấu trong căn hộ của ông ta cũng cần được bảo quản kỹ càng. *Nhất là khi việc tìm kiếm nguồn thuốc thay thế rất nguy hiểm hoặc vô cùng khó khăn...*

Có một trạm điện thoại ngay phía đối diện khu nhà nên tôi đi tới đó, chui vào trong và thấy ảnh của các cô gái Nhật mặc quần lót được gài khắp nơi phía sau hộp đút tiền. Tôi lục ví và lôi ra tấm danh thiếp của Fuyuki. Cây Mùa đông. Cây Mùa đông. Tôi gạt mấy sợi tóc vương trên mặt rồi quay số của ông ta, cắn móng tay chờ đợi. Rồi tôi nghe thấy một tiếng click

và giọng một phụ nữ Nhật trả lời: “Xin lỗi, số máy này hiện không liên lạc được. Xin vui lòng kiểm tra và gọi lại sau.”

Phía bên trong tòa nhà, người làm vườn bắt đầu cuộn vòi nước lại. Nước chảy tràn xuống những luống hoa, nơi những cây cải bắp dùng để trang trí được buộc chặt lại để tạo dáng và khỏi nở bung trong suốt mùa đông. Tôi gác máy, nhét tấm danh thiếp vào túi và trở về nhà. Tối nay người ta sẽ giao đồ uống mà Mama Strawberry đặt riêng.

Những ngày như thế này Mama Strawberry thường khá vui vẻ và dễ dãi. Tối nay tôi nhất định sẽ phải hỏi lại là tại sao bà ta bảo tôi không nên ăn gì ở nhà Fuyuki.

Khi tôi gặp lại Jason tại hộp đêm tối hôm đó, giữa chúng tôi dường như không có chuyện gì xảy ra. Tôi đang kiểm tra lại lớp trang điểm trong phòng thay đồ thì anh ta đi qua và dừng lại nói: “Anh biết em cần gì và anh biết làm thế nào để em thấy dễ chịu hơn.” Rồi anh ta chỉ tay vào bụng tôi, nháy mắt với vẻ ranh mãnh: “Em chỉ cần làm thế nào để vượt qua nỗi thất vọng của con ấy là được. Chúng ta sẽ tìm ra cách giải quyết khi chúng ta về nhà.” Khi anh ta đi khỏi, tôi nhìn lại mình trong gương và ngạc nhiên khi thấy rằng tôi chẳng có cảm giác gì. Không gì cả. Có cái gì đó thật ghê gớm trong việc tôi đột nhiên có khả năng trở lại chính mình một cách nhanh chóng đến vậy. Chắc là nhờ thực hành.

Đó là một buổi tối rất lạ lùng. Tôi không chuyện trò gì mấy với khách hàng. Các nữ tiếp viên thỉnh thoảng lại hỏi xem tôi có được khỏe không. Thỉnh thoảng khi các cuộc đối thoại lắng xuống, tôi lại bắt gặp Jason đang đứng ở quầy bar, nhìn tôi chằm chằm với một vẻ hết sức tự tin. Có một lần, anh ta khẽ nhướn mày và mấp máy môi nói gì đó mà tôi không hiểu. Tôi không đáp lại.

Mama Strawberry nhấm nháp tequila suốt buổi tối. Tôi quan sát bà bằng đuôi mắt, thấy bà châm thuốc rồi lại quên băng mắt, để chúng lụi dần đi trong gạt tàn. Bà ta hay ngồi vắt vẻo trên đầu gối khách hàng và mỗi khi bước đi là lại đong đưa từ bên này sang bên kia. Trong một lúc nghỉ chờ khách, tôi đi tới bên bàn của Strawberry và ngồi xuống trước mặt bà.

“Strawberry, tôi vẫn cần phải biết. Tôi cần phải biết bà đã nghe những chuyện gì về Fuyuki.”

“Suýt!” Bà ta rít lên, ném một cái nhìn rờn rợn về phía tôi, đôi mắt kính áp tròng màu xanh da trời của bà ta hút lấy ánh đèn từ các tòa nhà chọc trời bên ngoài và phản chiếu thành những tia lấp lánh như kim cương. “Cô hãy quên đi tất cả những gì mà Strawberry nói. Được không. *Tất cả.*”

“Tôi không tài nào quên được. Tại sao bà lại bảo tôi không được ăn bất cứ thứ gì?”

Bà ta nuốt thêm một ngụm tequila và lập cập nhét một miếng thuốc vào chiếc đót nhưng phải tới lần thứ ba, thứ tư mới thành công. Bà ta châm thuốc, đôi mắt ướt rượt nhìn khắp mặt tôi. “Nghe này,” cuối cùng bà ta lên tiếng, giọng nhẹ nhàng và rất khác lạ. “Tôi sẽ kể cho cô nghe một chuyện. Tôi sẽ kể cho cô nghe về mẹ của Strawberry.”

“Tôi không muốn nghe chuyện về mẹ của...”

“*Mẹ* của Strawberry,” bà ta điềm tĩnh nói. “Một người phụ nữ rất thú vị. Khi bà ấy còn là một bé gái, nhỏ bằng chừng này này, thì ở Tokyo, mọi người không có gì để ăn.” Tôi mở miệng định ngắt lời thì bà ta giơ tay lên để ra hiệu cho tôi im lặng. Giọng bà ta căng thẳng, như đang tập trung cao độ, mắt đảo xung quanh một điểm nào đó phía trên đầu tôi. “Cô biết chuyện đó chứ, Grey? Tất cả mọi người đều bị đói.”

“Tôi biết. Người ta chết vì đói.”

“Đúng. Đúng. *Chết đói.* Thật khủng khiếp. Nhưng rồi đã xảy ra một chuyện. Đối với mẹ tôi, đó là một chuyện kỳ diệu. Các khu chợ của *yakuza* đột nhiên xuất hiện.”

“Các khu chợ đen.”

“Không ai ở Tokyo gọi đó là *đen*. Họ gọi đó là *xanh*. Những khu chợ Trời Xanh.” Bà ta đột nhiên mỉm cười mơ hồ, hai tay dang ra như thể đang miêu tả cảnh mặt trời mọc. “Gọi là Trời Xanh vì đó là nơi duy nhất ở Tokyo không có mây. Nơi duy nhất ở Tokyo có thức ăn.” Bà ta nhìn ra ngoài cửa sổ, qua chiếc xích đu của Marilyn. Tối hôm đó trời mưa. Hệ thống đèn neon từ tòa nhà Yotsuya Sanchoime kêu phòn phụt hắt những chùm ánh sáng yếu

ớt xuống đường phố ẩm ướt phía dưới hàng trăm mét. Trong màn mưa, chân trời bỗng hiện ra thấp thoáng, lung linh như một bức tranh minh họa trong chuyện cổ tích. “Cái chợ to nhất nằm ở phía đó.” Bà ta chỉ ra phía ngoài trời đêm. “Ồ Shinjuku. *Ánh sáng bao trùm Shinjuku.*”

Tôi có đọc về khu chợ do mafia điều hành ở Shinjuku. Tôi vẫn luôn tưởng tượng đó là một nơi kỳ diệu giữa thành phố Tokyo điêu tàn vì bom đạn với tám biển hiệu được làm từ hàng trăm ngọn đèn có thể nhìn thấy từ xa hàng cây số tỏa sáng lấp lánh trên những mái nhà cháy đen của thành phố như mặt trăng treo trên rừng thẳm. Ở đó có những gian hàng bán thịt cá voi đóng hộp, xúc xích hải cẩu, đường, và hẳn phải có không khí của một lễ hội đường phố với những chiếc đèn lồng treo trên cây, tiếng than reo vui trong lửa và những người đàn ông đứng dựa vào các quầy hàng, uống rượu *kasutori* và nhở phì phì xuống đất. Hồi đó, *kasutori* là thứ duy nhất có thể tìm thấy ở Tokyo để uống thay *sake*, người ta nói rằng uống tới ly thứ ba có thể sẽ bị mù nhưng ai thèm quan tâm tới chuyện đó cơ chứ. Mù một tí thì ăn thua gì khi mà mọi người đều đang hấp hối cả?

“Mẹ của Strawberry rất thích khu chợ Trời Xanh. Bà ấy thường cùng những đứa trẻ khác tới đó để xem chiếc xe hơi của ông trùm *yakuza*. Đó là chiếc ô tô duy nhất mà người ta thấy ở Tokyo thời đó và đối với mẹ tôi, Trời Xanh là một nơi giống như thiên đàng. Ở đó bà ấy có thể mua quần áo, bánh mì và món thịt hầm *zanpan*.” Strawberry ngừng lại và nhìn tôi. “Grey-san có biết món thịt hầm *zanpan* là gì không?”

“Không ạ.”

“Thức ăn thừa. Nấu từ những gì lính Mỹ bỏ lại. Từ bếp ăn của họ. Thật ra trong món đó chả có nhiều thịt lắm. Nếu *yakuza* cho thêm thịt vào đó thì họ sẽ lấy thêm tiền. Tất cả chỉ xoay quanh tiền và tiền.” Bà ta bắt chước tiếng động sột soạt khi người ta nhét tiền vào ngăn kéo. “Tiền và tiền. Vậy là *yakuza* vào sâu trong đất liền, tới Gumma và Kanagawa, và lấy trộm thịt của nông dân...” Bà ta ngược mắt lên nhìn tôi. Đột nhiên trông bà ta trẻ hẳn ra, như một đứa bé con ngồi trước mặt tôi, hai tay khoanh lại trên bàn vẻ hối lỗi.

“Gì cơ? Bà định nói gì?”

“*Zanpan*.” Bà ta nói khẽ, đôi môi tô son đỏ bóng nhẫy khẽ rung lên. “Đó là thứ tôi muốn kể cho Grey-san. Mẹ của Strawberry đã phát hiện ra một thứ rất kỳ lạ trong cái món *zanpan* mua ở chợ Shinjuku.”

“Kỳ lạ?” Tôi thì thảo hỏi lại.

“Grey-san có biết ai điều hành chợ *Ánh sáng bao trùm Shinjuku* không? Là băng Fuyuki.”

“Thế mẹ bà đã tìm thấy cái gì trong món thịt hầm đó?”

“Những miếng mỡ có mùi vị rất kinh khủng. Không bình thường. Và cả những mẩu xương nữa.” Bà ta nói, gần như không thành tiếng. Bà ta hơi nhòai ra phía trước, nhìn tôi mắt long lanh. “Những đoạn xương rất dài, dài hơn xương lợn và to hơn xương bò.” Trong đôi mắt của bà ta có cái gì đó u uất, như thể đang thấy lại những hình ảnh mà bà ta vốn lấy làm hồ thẹn. Phía sau lưng bà ta, ngoài cửa sổ, nàng Marilyn vẫn đứng đưa từ phía trước ra phía sau, như đang bay vào chiếc màn hình vô tuyến quảng cáo sáng đèn của tòa nhà đối diện.

“Thế con vật gì mà lại có xương dài như thế?” Tôi hỏi.

Bà ta nheo mắt và ném cho tôi một nụ cười mỉa, gượng gạo. “Ở chợ Trời Xanh, người ta có thể mua được bất cứ thứ gì. Kể cả *oshaka*.”

*Oshaka*, tôi đã đọc thấy từ này ở đâu đó. *Oshaka*.

Strawberry đang định nói tiếp thì chiếc thang máy pha lê đồ chuông báo hiệu có khách vừa lên khiến cả hai chúng tôi giật mình quay lại nhìn về phía cánh cửa vừa mở tung ra và thấy cái dáng gù gù, lừ đừ không lẫn vào đâu được của mục Y Tá đang di chuyển trong tiền sảnh, đầu mục hơi cúi xuống để cho mái tóc bóng lộn che khuất gương mặt. Mục ta mặc một chiếc áo mưa màu nâu vàng, găng tay cùng màu và rõ ràng là đang đợi ai đó tới nghênh đón.

Strawberry đứng vụt dậy, nhanh như điện, mặt biến sắc dưới lớp son phấn. “*Chết tiệt!* Cô có nhìn thấy mục ta tới không?” Bà ta rít lên.

“Không ạ.” Tôi không rời khỏi mắt mục Y Tá nhưng vẫn cố nhòai người qua bàn sang phía Strawberry và thì thầm vội vã: “Bà nói *oshaka*

nghĩa là gì? *Oshaka* là cái gì?”

“Suýt.” Bà ta nói và khẽ rùng mình rụt người lại trong chiếc áo khoác như thể vừa bị giội nước lạnh vào lưng. “Đừng có nói to thế. Ngậm miệng lại ngay. Ở đây không an toàn.”

Fuyuki cử mục Y Tá tới để chọn một số tiếp viên cho bữa tiệc tại nhà ông ta. Tin tức chẳng mấy chốc lan khắp hộp đêm. Tôi vẫn ngồi bên chiếc bàn mạ vàng của Mama Strawberry, quan sát mục Y Tá đang trao đổi khẽ với bà ta. Mama Strawberry vừa đứng vừa ghi lại tên các nữ tiếp viên, mặt tối sầm, đầu cúi gằm, vẻ nhẫn nhục. Một lúc sau mục Y Tá chỉ vào bên trong hộp đêm và nói gì đó. Chiếc bút nhỏ bằng vàng của Mama Strawberry như khựng lại, trượt ra ngoài trang giấy ghi chép. Mắt bà ta lướt qua tôi, và tôi có cảm giác như bà ta định nói gì đó. Nhưng cuối cùng bà ta lại thay đổi ý định, mím chặt môi và viết thêm một cái tên nữa vào danh sách.

“Em đã được chọn,” Jason lướt tới bên bàn và bảo tôi. Vẫn chưa tới giờ đóng cửa nhưng anh ta đã tháo chiếc nơ cà vạt và tay cầm một điều thuốc. Anh ta dăm chiêu nhìn về phía mục Y Tá. “Một bữa tiệc nữa. Không thể nào tốt hơn với chúng ta.” Khi thấy tôi không trả lời, anh ta lại thì thào: “Hãy nhìn đôi giày gót nhọn của mục ta. Em có hiểu anh đang nói gì không?” Mắt anh chậm rãi di chuyển từ chân, tới đùi rồi tới chiếc váy bó sát của mục ta. “Mục ta đã mang đến cho anh những ý tưởng lớn, cô bé lập dị ạ. Những ý tưởng mà chắc chắn em sẽ rất khoái.”

Anh ta bỏ đi để bắt kịp mục Y Tá phía bên ngoài chiếc thang máy pha lê. Anh ta đứng rất gần mục, mặt anh ta sát vào mặt mục. Trông mục ta có vẻ im lặng một cách bất thường khi mục nghe anh ta nói. Tôi không thể rời mắt khỏi đôi tay đeo găng dài ngoẵng của mục.

“Cô có nghĩ là anh ta sẽ thò tay vào trong váy của Ogawa không?”

Mama Strawberry quay lại ghé sát vào tai tôi nói, mắt vẫn nhìn về phía Jason. Tôi có thể ngửi thấy mùi tequila trong hơi thở của bà ta. “Cá với tôi đi nào, Grey. Cá là khi anh ta thò tay vào trong váy của Cô Ogawa thì anh ta sẽ tìm thấy cái gì? Hả?” Bà ta loạng choạng túm lấy tay tôi để giữ thăng bằng vì đã ngà ngà say. “Hả? Nếu cô hỏi Strawberry, thì Jason sẽ tìm

thấy một cái *chin chin* trong quần lót của mẹ ta. Nếu cô hỏi Strawberry, thì Ogawa trông giống như một người đàn ông.”

“Strawberry, thịt ở trong *zanpan* là thịt gì?”

Bà ta níu chặt tay tôi và rít lên: “Đừng có quên đây, tất cả chỉ là tin đồn thôi. Chớ có nhắc lại với ai.”

## 史 Nam Kinh, ngày 20 tháng Mười hai năm 1937

Ba chúng tôi mang bánh bao về cho Thu Kim rồi mới đi. Chúng tôi đi qua các con phố còn đang ngái ngủ, nhìn những ngôi nhà cửa giả bịt kín xung quanh với đôi mắt cảnh giác. Nam Kinh, người là một thành phố ma. Những cư dân của người đâu hết cả rồi? Rúm ró trong im lặng, chui rúc trong những căn nhà khép chặt cửa? Hay trốn dưới các tầng hầm và chuồng nuôi gia súc? Tuyết vẫn rơi lặng lẽ trên vai chúng tôi, lên mũ và áo khoác, rơi xuống đường vào đúng bãi phân dê bên rãnh nước và biến thành màu vàng. Không một bóng người.

“Mọi người nhìn này!” Đi được khoảng mười phút thì chúng tôi đến được một con ngõ nhỏ thông ra đường Trung Ương. Thằng bé chỉ tay lên một dãy nhà ám khói. Chắc hẳn những ngôi nhà này chỉ vừa mới trải qua cơn hỏa hoạn, vì khói vẫn đang bốc lên nghi ngút. “Là hẳn đấy. Tên *diêm vương*. Hắn luôn làm thế mỗi khi đi lung sục.”

“Lung sục?” Tôi và ông Lưu đưa mắt nhìn nhau.

“Lung sục phụ nữ. Đó là thói quen của hắn.”

Chúng tôi vừa định mở miệng hỏi tiếp thì thằng bé đặt một ngón tay lên môi và ra hiệu cho chúng tôi im lặng. “Không phải lúc này.”

Thế rồi nó rón rén bước đi, dẫn chúng tôi đi xa hơn và cuối cùng dừng lại trước một nhà máy có cánh cổng đôi, mái tôn, cao như một tòa nhà hai tầng. Tôi đã đi ngang qua chỗ này tới hàng trăm lần mà chẳng thèm để ý xem đó là tòa nhà gì. Chúng tôi đứng tùm lại với nhau, giậm chân cho tuyết rơi xuống và vỗ hai tay vào nhau cho máu lưu thông trở lại, mắt vẫn nhìn xung quanh với vẻ đề phòng.



Thằng bé lại đặt tay lên môi. “Đây là nơi hấn sống,” nó thì thầm. “Đây là nhà của hấn.” Nó đẩy cánh cửa kêu két một tiếng. Bên trong tòa nhà rất lạnh, tôi chỉ thấy lò mờ các thứ máy móc, những bức tường bê tông ẩm ướt, và một băng chuyền sản xuất. Một đồng giò đan bằng vỏ cây sậy kiểu cổ chất đồng cạnh tường.

“Cái gì thế này?” Ông Lưu hỏi khẽ và qua giọng nói của ông, tôi có thể thấy là cũng giống như tôi, ông không muốn đi vào bên trong. Cái không khí trong nhà máy này khiến tôi nhớ tới một trong những lò sát sinh ở ngoại ô. “Con đưa chúng ta tới đây làm gì?”

“Hai người muốn biết tại sao người phụ nữ đó lại la hét.”

Hai chúng tôi nhìn vào cánh cửa và do dự.

“Đừng lo.” Thằng bé nhìn thấy vẻ mặt của chúng tôi và nghiêng đầu về phía cả hai. “An toàn mà. Giờ này hấn không có ở đây.”

Thế rồi nó đẩy cánh cửa thêm chút nữa. Một tiếng rít ghê người vang lên khắp tòa nhà sâu hun hút rồi thằng bé bước vào và biến mất sau cánh cửa. Ông Lưu và tôi nhìn nhau. Mắt tôi mờ đi vì sợ, thật phi lí, tôi tự bảo mình, trên đời này làm gì có ma quỷ. Tuy nhiên, cũng phải mất một lúc lâu tôi mới gom đủ dũng khí để mở cửa và bước vào trong. Ông Lưu bước theo tôi, và chúng tôi dừng lại một lúc để cho mắt quen dần với bóng tối.

Đây hấn là một nhà máy dệt. Tôi có thể nhìn thấy một cái bể lớn để luộc tằm, bốn năm cái máy dệt công nghiệp và hàng tá ống chỉ hình thoi. Thằng bé đang đứng ở góc phòng, bên cạnh một cánh cửa nhỏ, ra hiệu cho chúng tôi đi theo. Chúng tôi đi tới chỗ nó, tiếng bước chân vang lên một cách lạc lõng và trống trải trong ngôi nhà có trần cao như nhà thờ này. Thằng bé đẩy cánh cửa rồi đứng im, tay vẫn đặt trên nùm cửa, chỉ cho chúng tôi thấy một căn phòng, có lẽ trước đây là phòng của quản đốc. Chúng tôi bước tới sau lưng thằng bé. Tôi nhìn vào bên trong căn phòng và lập tức phải đưa tay lên che miệng và vịn vào bức tường bên cạnh, cố gắng giữ cho đầu gối không khụy xuống.

“Trời ơi, chuyện gì đã xảy ra ở đây vậy? Chuyện gì đã xảy ra ở đây?” Ông Lưu thì thào.



Đó là một thứ hãi hùng, khủng khiếp hơn bất cứ cái gì bạn có thể tưởng tượng. Đang ở trong ô tô trên đường tới nhà Fuyuki thì tôi chợt nhớ ra *oshaka* có nghĩa là gì và tôi đã đọc thấy nó ở đâu. Tôi ngồi phất dậy trong xe, cố hít thở thật sâu để khỏi run lên bần bật. Lẽ ra tôi phải yêu cầu lái xe dừng lại. Lẽ ra tôi phải mở cửa, và bước ra khỏi xe ngay lập tức. Nhưng tôi như bị tê liệt vì cái ý nghĩ khủng khiếp đó cứ lan ra khắp người tôi. Khi xe dừng lại trước khu căn hộ thì mồ hôi đã đọng thành vệt lấp loáng trên gáy và dưới khuỷu chân tôi.

Xe ô tô chở chúng tôi là chiếc xe cuối cùng nên khi tôi lên tới nhà trên thì mọi người đã ngồi hết vào bàn chuẩn bị ăn tối. Bên ngoài trời rất lạnh, bề bơi đóng băng, phản chiếu muôn vàn ánh sao lấp lánh, vì vậy chúng tôi được dẫn vào một phòng ăn có trần thấp nhìn ra bề bơi. Tháp Tokyo ngay bên cạnh tòa nhà gần tới mức những sọc ánh sáng màu đỏ và màu trắng của nó hắt lên bàn ăn thành những vòng tròn lớn.

Tôi đứng quan sát căn phòng một lúc. Mọi thứ dường như vô hại. Fuyuki, nhỏ bé và trông giống như một bộ xương trong chiếc áo khoác màu đỏ của dân đua xe với dòng chữ BUD bên ngoài, ngồi ở đầu bàn trong chiếc xe lăn, vừa hút thuốc vừa gật đầu thân ái với đám khách khứa. Chỉ có vài chỗ trống còn sót lại ở chiếc bàn bên cửa sổ. Tôi chui vào đó ngồi, cúi đầu chào hai người đàn ông lớn tuổi ngồi cùng rồi vớ lấy một chiếc khăn ăn, giả vờ loay hoay với nó.

Ở phía góc phòng, đằng sau chiếc tủ trưng bày là một gian bếp nhỏ nơi các nhân viên phục vụ đang tíu tít với đám khay và ly cốc. Mụ Y Tá đứng ngay giữa khu chuẩn bị đồ ăn, cực kỳ ung dung và không chút sao nhãng bởi các hoạt động xung quanh. Mụ vẫn mặc bộ váy đen như thường ngày, đứng hơi xoay người lại với khách khứa trong phòng khiến mái tóc giả bóng lộn che bớt một phần khuôn mặt của mụ. Mụ đang thái thịt trên một chiếc thớt rộng bằng gỗ, cánh tay phủ phấn trắng xóa đưa lên hạ xuống

cực kỳ khéo léo, như đang làm ảo thuật. Jason đang quan sát mù từ cửa bếp, một tay thì lên khung cửa. Anh ta cầm một điều thuốc cháy dở và chỉ né người sang bên mỗi khi có nhân viên phục vụ mang rượu hay đồ ăn ra ngoài. Tôi trải chiếc khăn ăn lên đùi. Mọi cử động của tôi đều trở nên máy móc và cứng nhắc do tôi không tài nào rời mắt khỏi đôi bàn tay của mù Y Tá. Tôi thậm chí không hiểu thứ thịt gì đặc biệt tới mức mù ta phải tự tay chuẩn bị? Làm sao mù ta có thể lấy hết nội tạng của một người đàn ông ra mà không hề làm suy chuyển tới đồng hồ đeo tay của anh ta? Các nữ tiếp viên ngồi ở chiếc bàn cạnh bếp cũng liên tục ném về phía mù ta những cái nhìn lo ngại. Đúng là không thể chờ đợi người ta cư xử một cách bình thường khi phải chứng kiến cái cách mù ta cầm dao và di chuyển hai tay nhanh như chớp.

Một nhân viên phục vụ đi tới góc tường phía tôi ngồi và dừng lại ở bàn chúng tôi. Anh ta bật ngón tay tanh tách vài lần rồi đột nhiên phụt ra một ngọn lửa màu xanh khiến các nữ tiếp viên nhảy chồm lên và cười như nắc nẻ. Tôi nhìn anh ta châm lửa vào chiếc bếp ga để trên bàn, điều chỉnh ngọn lửa rồi đặt lên đó một chiếc nồi đựng nước dùng bằng thép không gỉ. Những vệt tro màu đen ẩm ướt bắt đầu cháy lem nhem ở đáy nồi, và khi những bong bóng nước trắng lóa trông giống như những viên đá nhỏ xíu màu bạc bắt đầu tìm cách nổi lên trên mặt nước thì anh ta nhấc chiếc đĩa bạc bày đầy cà rốt, nấm, bắp cải và những miếng đậu phụ mịn màng xắt hình vuông, và trút vào nồi. Anh ta đảo đều mọi thứ rồi đẩy nắp lại và đi sang bàn bên cạnh.

Tôi nhìn xuống tấm lót đĩa trước mặt mình. Một chiếc khăn ăn bằng vải lanh được gấp gọn gàng, một chiếc kẹp thịt bằng tre, và một chén nước sốt nhỏ, sóng sánh mỡ.

“Đây là món gì vậy? Chúng ta sẽ dùng món gì vậy ạ?” Tôi hỏi người đàn ông ngồi bên tay phải tôi.

Ông ta nhe răng cười và nhanh chóng gài chiếc khăn ăn vào cổ. “Món *shabu shabu*. Cô có biết món *shabu shabu* không?”

“*Shabu shabu*? Có, tất nhiên là tôi có biết món này.” Tôi trả lời, xung quanh miệng như có kiến bò.

Đó là món thịt bò thái lát. Thịt tươi nguyên mang tới tận bàn, không tẩm ướp gì. Mama Strawberry hẳn sẽ không muốn thưởng thức món *shabu shabu* ở đây. Bà ta chắc sẽ không ăn bất cứ thứ gì trong cái nhà này vì những tin đồn đó, những câu chuyện về thứ thịt kỳ lạ có xuất xứ từ chính những gian hàng trước đây đã bán *oshaka*. *Oshaka*. Đây là một từ rất lạ, chỉ những thứ đã dùng rồi, những thứ bỏ đi, mà những thứ này thì rất ít thấy trong một thành phố hậu chiến như Tokyo ngày đó khi mà bất cứ cái gì có thể ăn được hay dùng để đun nấu hoặc đổi lấy thức ăn thì không bị vứt đi bao giờ. Nhưng khi ngồi trong ô tô, tôi chợt nhớ ra từ này còn có một nghĩa xấu khác. Các *yakuza* đã chơi chữ khi dùng *shaka* và *osaka*, theo quan điểm Phật giáo thì từ *shaka* chỉ đích danh một thứ “đồ bỏ đi” rất cụ thể. Khi Strawberry nói *oshaka*, bà ta muốn nói về những gì còn lại của người chết.

Người phục vụ bàn nhắc vung nồi, một cột hơi nước màu hồng nhạt, hương thơm ngào ngạt bay lên. Những miếng đậu phụ nổi phềnh và lợn tùng phèo trên mặt nước đang sôi sùng sục.

Cuối cùng thì những miếng thịt bò thái lát cũng được mang tới, mỏng tang như món bò carpaccio, tới mức có thể nhìn thấy đáy của chiếc đĩa xuyên qua các lát thịt. Tôi để người phục vụ đặt một đĩa xuống bên tay trái mình nhưng không gấp thịt lên ngay như những người ngồi bên cạnh. Thay vào đó, tôi ngồi im nhìn chúng chăm chăm, cổ họng như thắt lại. Mọi người bắt đầu ăn uống rào rào, gấp miếng thịt lên, giơ ra trước mặt, để ánh đèn lấp lánh trên miếng thịt màu đỏ thắm với những đường gân màu trắng, rồi nhúng vào nồi nước sôi, trưng tới trưng lui. Sau đó chìm vào bát nước sốt rồi ngửa đầu ra sau và nhét cả miếng thịt vào trong miệng. Những giọt mỡ đọng lại dưới cằm.

Sợ mọi người phát hiện ra là mình không ăn gì, tôi đành gấp vài miếng thịt nhúng vào nồi lẩu rồi đưa lên miệng, cắn một miếng nhỏ xíu ở bên rìa. Tôi nuốt chửng, không dám thưởng thức xem cái vị của nó như thế nào vì đột nhiên nghĩ tới cảnh Sử Trùng Minh sẽ đau khổ biết bao khi buộc phải ăn những thứ này. Tôi thả chỗ thịt còn lại vào trong bát nước sốt và uống vội một ngụm rượu vang đỏ. Phía bên bàn Fuyuki, Bison cũng không ăn uống gì. Nét mặt ông ta có cái gì đó không được thoải mái khi nhìn hai chị em người Nga ngồi bên cạnh nhiệt tình đút miếng thịt bò vào miệng

nhai ngẫu nhiên. Đó là vì ông cũng biết chuyện đó, Bison, tôi thầm nghĩ. Ông biết tất cả những chuyện về oshaka, về món thịt hầm zanpan và về thứ thuốc mà Fuyuki tin rằng sẽ làm ông ta bất tử. Đúng thế không nào? Ông đã biết sự thật.

Những người phục vụ không còn đi ra đi vào khu vực nhà bếp nữa nên Jason chui hẳn vào trong đó. Có lúc anh ta đứng sát vào mũ Y Tá thì thầm gì đó. Mỗi lần tôi ngẩng đầu lên là lại thấy anh ta đứng đó, nói liến thoắng như đang cố thuyết phục mọi người làm gì đó. Nhưng mọi người không hề dừng tay, cứ như thể anh ta không hề tồn tại. Một lần anh ta quay ra bên ngoài và bắt gặp tôi đang nhìn anh ta chăm chăm. Lúc đó trông tôi hẳn trắng bệch và hoảng hốt, ngồi thẳng đơ trên ghế. Anh ta mở miệng định nói gì đó rồi đảo mắt về phía mũ Y Tá rồi kín đáo cười với tôi, như thể tôi là đồng lõa của anh ta. Anh ta thè lưỡi liếm môi dưới, miệng của anh ta hé mở trong giây lát vẻ dâm dăng.

Tôi lại nhìn xuống miếng thịt đã nguội. Một lớp mỡ trắng đã đông lại trên bề mặt. Bụng tôi đau cuộn lại, cả người óc ách khó chịu.

Ở bàn bên kia, Bison và Fuyuki đang nói về gã thanh niên gầy nhẳng, tóc nhuộm vàng hoe và da lở chỗ những vết rỗ đậu mùa. Là tay chân mới nên trông hẳn có vẻ sốt ruột chờ được triệu tới bên bàn của Fuyuki. “Tới đây, *chimpira*,” Fuyuki nói. “Lại đây, *chimpira*, lại đây.” *Chimpira* là một từ tôi chưa từng nghe nói tới. Nhiều tháng sau tôi mới biết đó là một từ lóng chỉ những tay mafia mới gia nhập băng đảng. Từ này, nói một cách bỗ bã có nghĩa là “thằng cu”. Tên *chimpira* ra trình diện trước mặt Fuyuki, lúc này ông ta đã xoay chiếc xe lăn ra phía ngoài và dùng gậy khều khều vào chiếc áo vest màu tím nhạt rộng thùng thình của tên lính mới để lộ ra bên trong một chiếc áo thun màu đen thay vì một chiếc sơ mi như lệ thường. “Nhìn cái thứ này xem,” Fuyuki nói với Bison. “Giờ họ ăn mặc thế đấy!” Bison mỉm cười yếu ớt. Fuyuki hạ chiếc gậy xuống rồi lắc đầu như đang luyên tiết. “Những người trẻ tuổi này. Mới thất lễ làm sao!”

Ông ta ra hiệu cho một người phục vụ quay trở vào bếp. Người ta mang tới một cái ghế và khách khứa dạt sang hai bên để tên *chimpira* ngồi xuống bên cạnh Fuyuki. Tên này luống cuống siết chặt hai tà áo vét để che chiếc áo thun bên trong, mặt tái mét, liếc nhìn đám khách khứa xung quanh.

Chỉ khi người phục vụ quay trở ra với một chiếc khay trên có hai chiếc ly nhỏ, một bình rượu *sake*, một thếp giấy màu trắng và ba chiếc bát nhỏ đựng gạo và muối thì hẳn mới có vẻ bớt căng thẳng. Người phục vụ còn đặt lên bàn một con cá với đôi mắt trứng sẫm ngửa lên trần nhà. Tên *chimpira* chăm chú quan sát những thứ đồ chuẩn bị cho lễ *sakazuki*. Đó là một tin tốt. Fuyuki đang chào đón hẳn gia nhập băng đảng. Khi nghi lễ kết nạp được bắt đầu, với việc thả vảy cá vào bình rượu, muối được vãi ra thành hình những kim tự tháp, sau đó Fuyuki và tên *chimpira* tuyên thệ, tôi nhận thấy tất cả mọi người trong phòng đều tập trung quan sát. Không ai nhìn về phía khu bếp nơi mục Y Tá đã bỏ dao xuống và đang rửa tay.

Tôi hạ thấp ly rượu của mình và lặng lẽ quan sát mục ta lau tay bằng một chiếc khăn bông rồi đưa bàn tay to xù vuốt lại mớ tóc giả từ đỉnh đầu xuống gáy. Sau đó, mục ta thò tay vào ngăn kéo và lôi ra một chiếc hộp thiếc lớn. Mục ta mở nắp, thò tay vào trong khoảng một lúc rồi rút ra. Cả hai tay mục ta được bao phủ bởi một lớp bột trắng mịn. Mục khẽ vẩy tay để phần lớn chỗ bột rơi trở lại trong hộp rồi ngẩng mặt lên và nói một câu gì đó với Jason. Tôi nhòai người ra mép ghế để cố đọc xem mục nói gì nhưng mục ta lại quay đi chỗ khác, đôi tay trắng bệch giơ ra phía trước như kiểu bác sĩ phẫu thuật đi vào phòng mổ. Mục dùng lưng ẩy cánh cửa phía cuối bếp rồi biến mất. Không ai chú ý tới mục hay Jason khi anh ta dụi tắt điều thuốc rồi nhướn mày nhìn tôi, mặt phẳng phát một nụ cười. Tôi nhìn anh ta, mặt đỏ rần lên. Anh ta hát đầu về hướng mục Y Tá vừa đi khỏi và lại thè lưỡi ra với tôi một lần nữa. Sau đó anh ta giơ tay và mấp máy môi ra hiệu “năm” rồi biến mất sau cánh cửa nơi mục Y Tá vừa bước qua, để tôi ngồi lại câm lặng một mình, đầu óc rối bời.

Jason không giống bất cứ thứ gì tôi từng nghĩ tới. Với anh ta, tôi luôn phải đối mặt với những chuyện nằm ngoài sự hiểu biết của mình. Anh ta muốn tôi đi theo. Anh ta muốn tôi chờ khoảng năm phút rồi đi theo hai người đó và thấy cảnh họ đang cởi quần áo cho nhau. Anh ta muốn tôi quan sát họ, sẽ nhìn thấy cái hình ảnh mà anh ta vẫn thường hay tưởng tượng ra, cảnh âu yếm giữa dị nhân và người tình của mục. Và rồi có thể tôi sẽ phải nhập bọn. Tôi chợt nghĩ tới hình ảnh rừng rợn của một điệu vũ Nhật Bản mà tôi được nghe kể. Đó là một vũ điệu trong suối nước nóng biểu diễn bởi các cô gái điếm, người ta gọi nó là vũ điệu bên dòng suối. Cô gái sẽ bước từng bước khoan thai xuống dòng nước, mỗi lúc lại kéo chiếc kimono lên cao hơn một chút để khỏi bị ướt. Da thịt trần trụi cũng từ từ lộ ra. Bắt đầu là

một bắp chân trắng xanh với những vết bầm tím. Tất cả mọi người đều nín thở chờ đợi quang cảnh tiếp theo. Gấu áo nhấc cao lên thêm một chút, một chút. Mụ Y Tá trông như thế nào khi không mặc quần áo? Anh ta sẽ nghĩ gì khi anh ta chạm vào mụ? Và mụ, mụ sẽ nghĩ gì khi chạm vào anh ta? Khi chạm vào da thịt của một người đang sống, liệu mụ có phân biệt được nó với thứ da thịt của người chết mà mụ vẫn giã nhuyễn ra thành bột cho Fuyuki? Liệu anh ta có thì thầm với mụ những lời mà anh ta vẫn thì thầm với tôi: *Tôi chỉ muốn làm tình với những kẻ quái dị...*

Tôi châm một điếu thuốc, đẩy chiếc ghế kêu két một tiếng rồi bước về phía chiếc cửa kính dẫn ra bể bơi. Cánh cửa khép hờ còn hồ bơi thì tĩnh lặng đến lạ kì, ngoại trừ tiếng ro ro của hệ thống lọc nước và tiếng xe cộ rì rầm phía bên đường cao tốc số một gần đó. Chỉ có hai tròng mắt của tôi khẽ co giật. Còn cả người tôi bất động. Không một tiếng động. Tầm nhìn của tôi di chuyển chậm rãi như một con rắn, trải dọc suốt các dãy hành lang xung quanh và từ từ, từ từ hướng về phía bên kia sân. Người ta đặt xung quanh hồ bơi những ngọn đèn nhỏ. Tôi khẽ tì tay vào ô cửa kính trước mặt. Những ngọn đèn ngoài kia khiến tôi nhớ tới các ngọn đèn nhỏ đặt bên cạnh xác chết theo nghi lễ Phật giáo.

Jason và mụ Y Tá đã đi đâu? Cho dù họ có đi đâu thì những chỗ không có họ bỗng trở nên an toàn. Mỉa mai thay, Jason không hề biết là anh ta đang giúp tôi. Tôi tưởng tượng ra những căn phòng in bóng phía dưới hồ bơi như thể có một tấm bản đồ chi tiết vẽ ra trước mặt. Tôi nhìn thấy mình, hay đúng hơn là bóng ma của mình, đang bước trong những hành lang nằm dưới hồ bơi đó rồi rẽ vào một căn phòng. Tôi nhìn thấy mình cúi xuống một chiếc hộp kính và nhấc một thứ gì đó lên bằng cả hai tay...

Tôi liếc nhìn về phía sau. Fuyuki lúc này đang chén món *shabu shabu* với tên *chimpira* vừa tuyển mộ, Bison thì đứng nói chuyện với một nữ tiếp viên mặc váy quây. Không ai chú ý tới tôi. Tôi khẽ đẩy cánh cửa kính và bước ra bên ngoài trời đêm ẩm ướt. Căn phòng lần trước tôi nhìn thấy dưới hồ bơi giờ tối sẫm. Tôi hít một hơi thật sâu rồi bước thêm một bước về phía trước, nghe rõ tiếng gót giày kim loại nện trên nền đá hoa cương. Tôi đang định đi tiếp thì nghe thấy ở đằng sau ai đó đang ho dữ dội.

Tôi quay lại. Tên *chimpira* đang vỗ nhẹ vào lưng Fuyuki, đầu cúi thấp vẻ lo lắng và khẽ thì thầm gì đó vào tai ông ta. Chiếc xe lăn lại được xoay



ra phía ngoài. Fuyuki ngồi trong xe, đầu và vai hơi cúi về phía trước, đôi chân đi giày đất tiền thò ra ngoài, cả người ông ta trông giống y như một chiếc kẹp tóc. Tiếng chuyện trò trong phòng tắt ngấm, mọi con mắt đều đổ dồn về phía Fuyuki khi ông ta đưa tay ra quắp lấy cổ. Tên *chimpira* kéo ghế đứng lên vẫy tay một cách vô vọng, hết nhìn cửa trước lại nhìn cửa sau như chờ đợi ai đó xuất hiện. Miệng Fuyuki há hốc, đầu từ từ ngật ra đằng sau, rồi hai tay bất thành linh duỗi thẳng ra đằng trước còn ngực thì bật lại sau như một cái cung tên.

Lập tức trong phòng mọi người di chuyển tán loạn. Họ lao tới bên cạnh ông ta. Người thì la hét ra lệnh, người thì đánh đổ lọ hoa trên bàn, ly tách rơi loảng xoảng, một nhân viên phục vụ ấn nút báo động cấp cứu. Trên bức tường trước mặt tôi, chiếc đèn báo động màu đỏ bắt đầu nhấp nháy. Fuyuki đang cố đứng dậy, cả người run bần bật, hai tay rũ ra một cách thảm hại. Đứng cạnh ông ta là một nữ tiếp viên, miệng rên rỉ một thứ âm thanh kỳ quặc, nhấp nhòm định vỗ lưng cho Fuyuki nhưng thật ra lại cản mắt lối của ông ta.

“Đi ra, đi ra.” Tên *chimpira* bắt đầu đẩy các cô gái về phía hành lang. Các nữ tiếp viên bị dồn lại một cách đột ngột nên va vào nhau như những quân cờ domino. Tất cả bị đẩy về phía trước, mặt mũi ngơ ngác, va vào nhau lạch bạch và kêu quang quác như một đàn ngỗng. Tên *chimpira* liếc nhìn về phía Fuyuki lúc này đang quỳ trên sàn nhà, cả người co giật, tay vẫn quờ quạng sờ lên cổ. “Đi ra,” hắn ta lại quát đám tiếp viên. “Đi ra. Ngay lập tức.”

Tôi run rẩy. Thay vì đi theo đám đông tôi tiếp tục bước về phía bể bơi để sang hành lang bên kia. Trong sân mọi thứ đều yên tĩnh, ánh đèn báo động màu đỏ nhấp nháy trên mặt nước. Trong căn phòng phía sau lưng tôi, điện thoại bắt đầu đổ chuông và ai đó đang gào lên ra lệnh cho những người khác.

“Ogawa. Ogawa!” Đó là lần đầu tiên tôi nghe thấy ai đó gọi họ Y Tá bằng tên riêng. “Ogawa, họ đang chết giẫm ở đâu thế?”

Tôi vẫn lặng lẽ tiến về những cánh cửa phía xa kia, đầu ngẩng cao, hoàn toàn tỉnh táo, ánh đèn và mọi thứ âm thanh khác dần lùi lại sau lưng. Khi tôi vừa đi hết chiều dài bể bơi và sang được phía sân bên kia thì cánh

cửa ngay trước mặt tôi bật mở và mẹ Y Tá từ đâu xuất hiện. Mẹ bước về phía tôi, vừa đi vừa chỉnh lại mái tóc giả và mớ áo quần xộc xệch.

Dường như mẹ cũng chỉ vừa nhận thức được tính nghiêm trọng của vấn đề nên mẹ lao về căn phòng phía sau lưng tôi với cái vẻ của một người trong cơn mộng du. Lúc đầu tôi còn nghĩ là mẹ ta không để ý tới tôi nhưng khi tới gần chỗ tôi thì mẹ đột nhiên thò tay ra và lôi tôi trở lại phòng khách. Tôi lùi lại vài bước theo mẹ ta nhưng vẫn giữ khoảng cách để có thể chuẩn khỏi tầm nhìn của mẹ và biến vào đêm tối. Tôi đảo mắt ra xung quanh, nhìn lên một loạt cửa ra vào và cửa sổ tìm một chỗ thoát thân. Nhưng trước khi kịp định thần thì không hiểu tên *chimpira* bỗng từ đâu chui ra, hấn tóm lấy tay tôi như tóm một đứa trẻ con. “Bỏ tay tôi ra,” tôi nói và nhìn chăm chăm xuống tay hấn. Nhưng hấn vẫn lôi xềnh xệch tôi trở lại phòng khách với mẹ Y Tá. “*Hãy buông tôi ra.*”

“Ra khỏi đây ngay. Ra với những người khác. Ngay lập tức!”

Hấn đẩy tôi trở lại phòng khách lúc này đang rất náo loạn và âm ỉ. Những người đàn ông lạ xuất hiện trên ngưỡng cửa, bên ngoài hành lang mọi người chạy nháo nhác. Tôi bị đẩy ra cùng với các cô gái khác, đứng tùm tùm chen chúc nhau không biết phải làm gì. Mẹ Y Tá vẫn đang lao phăm phăm, dùng khuỷu tay gạt khách khứa tủa sang hai bên. Ở phía cuối phòng một chiếc đèn bàn bị lật đổ xuống sàn kêu chát chúa.

“Túi của tôi!” Irina rên rỉ, nhận ra chúng tôi sắp sửa bị tổng ra khỏi đây. “Túi của tôi để ở kia. Làm sao bây giờ?”

Mẹ Y Tá cúi xuống và nhắc bổng Fuyuki lên, dễ dàng như bế một đứa trẻ lên hai rồi mang ông ta tới một chiếc ghế sofa gần cửa sổ, đặt ông ta ngồi gập người trên đó, hai chân duỗi ra trước. Mẹ Y Tá vòng hai tay ra đằng trước, quàng lấy bụng Fuyuki ngay phía dưới xương ức, mặt áp vào lưng ông ta và bắt đầu siết chặt đột ngột theo hướng từ trước ra sau và từ dưới lên. Hai bàn chân của Fuyuki chột co lên, lưng lẳng một lúc rồi thông xuống y như một con rối. Mẹ Y Tá lặp lại động tác trên. Mỗi lần như vậy hai bàn chân của Fuyuki lại co giật. Cho tới lần thứ ba thì có cái gì đó từ miệng ông ta bắn phọt ra ngoài rơi xuống sàn nhà, một người phục vụ kín đáo lấy khăn ăn nhặt lên, một người khác đứng gần đó ôm lấy thái dương rồi lao đảo ngồi xuống.

“*Arigate-e!*” Một tên tay chân của Fuyuki kêu lên, hai tay ôm lấy ngực thở phào. “*Yokatta!*”

Fuyuki đã bắt đầu thở lại bình thường. Mụ Y Tá đặt ông ta trở lại chiếc xe đẩy. Từ chỗ đang đứng, tôi có thể nhìn thấy ông ta rất rõ, lúc này đang rũ ra vì kiệt sức, hai tay buông thõng ra phía trước, đầu ngoẹo sang một bên. Người phục vụ đang cố nài ông ta uống một ly nước còn mụ Y Tá thì quỳ ở bên cạnh bắt mạch cho ông ta. Tôi không có cơ hội chứng kiến những gì diễn ra sau đó vì một người đàn ông to béo, mặt đầy nếp nhăn xuất hiện ở ngưỡng cửa và lừa tất cả chúng tôi ra ngoài hành lang về phía thang máy.

Tương truyền hơn hai nghìn năm trước có một nàng công chúa xinh đẹp tên là Diệu Thiện, con gái út của Diệu Trang Vương. Nàng không muốn lấy chồng, làm trái với ý nguyện của vua cha khiến ngài nổi giận bắt nàng đi đày tại một ngọn núi có tên Hương Sơn hay còn gọi là núi Hương. Ở đây, để sống qua ngày nàng phải ăn các loại hoa trái và uống nước từ những dòng suối ngát hương thơm. Không lâu sau, nhà vua ốm nặng. Ngài mắc một thứ bệnh ngoài da kỳ lạ, phải nằm liệt giường. Như các cô gái Trung Hoa hiếu thảo khác, ngay khi nghe được tin này, nàng Diệu Thiện đã không ngần ngại móc đôi mắt của mình ra và sai người hầu cắt cụt hai cánh tay để gửi về cung điện làm thuốc chữa bệnh cho vua cha. Nhờ thứ thuốc đó, nhà vua đã hồi phục.

Diệu Thiện chính là một mắt xích đẹp đẽ, một sợi chỉ thêu hoàn hảo nhất trong tấm thảm mà tôi sắp gỡ tung ra.

Hai chị em người Nga nghĩ là tôi đang say hoặc không được khỏe. Trong lúc cuồng quýt, cả ba chúng tôi chui đại vào chiếc taxi vừa dừng lại trước cửa căn hộ. Suốt trên đường về, tôi ngồi thụt vào trong góc, đầu cúi gằm, hai tay ôm mặt. “Đùng có mà nôn ra đây, tôi ghét nhất là khi người ta nôn ra trước mặt mình.”

Trong nhà rất lạnh. Tôi cởi giày rồi đi về phòng. Tôi lôi tất cả đồng tài liệu của mình xuống, tháo dây cho chúng bay lả tả khắp phòng như những bông tuyết. Một vài trang giấy nằm quay những khuôn mặt già nua lên trên như đang nhìn tôi. Tôi lấy tất cả đám sách vở của mình chặn thành một bức tường xung quanh đồng tài liệu giống như một khu rào kín ở giữa phòng. Tôi bật lò sưởi điện, trùm áo khoác lên người rồi chui vào ngồi ngay chính giữa nhìn chăm chăm vào bức vẽ núi Tử Kim đang bốc cháy và những cột thống kê số xác chết chất thành cầu vắt qua kênh Giang Đông

Môn. Ngày mai tôi sẽ quay trở lại chỗ của Fuyuki. Bạn luôn cảm nhận được khi nào bạn đang tiến gần tới sự thật, nó khiến không khí dường như nóng ran lên. Tôi đã quyết định. Tôi phải được chuẩn bị sẵn sàng.

Ai đó mở cửa trước âm ỉ rồi loẹt xoẹt đi lên cầu thang. Chúng tôi đã bỏ lại Jason ở chỗ Fuyuki. Tôi thoáng nhìn thấy anh ta trong tiền sảnh mù mịt khói thuốc, đứng lặng lẽ giữa các nữ tiếp viên, chiếc túi quen thuộc đeo chéo trước ngực. Lúc đó, người gác cổng đang nháo nhác gọi taxi cho khách còn bốn nhân viên cấp cứu thì đang tìm cách lách qua đám đông để vào được bên trong, giơ những chiếc túi y tế ra trước mặt để lấy chỗ trong thang máy. Thế nhưng giữa cái đám hỗn độn ấy, Jason lại có cái vẻ gì đó hết sức bình tĩnh, mặt anh ta trông rất lạ, nước da tái mét, và khi mắt chúng tôi gặp nhau thì trong một thoáng ngắn ngủi, dường như anh ta đã không nhận ra tôi. Rồi anh ta lóng ngóng giơ hai tay lên vẫy và bắt đầu loay hoay tìm cách thoát ra khỏi đám đông. Tôi quay đi và chui vào chiếc taxi cùng hai chị em người Nga. Tôi có nghe thấy tiếng anh ta gọi giật phía sau nhưng khi anh ta thoát ra khỏi đám đông đó thì chiếc taxi đã lao đi mất.

Lúc này, tôi có thể nghe thấy tiếng bước chân nặng nề của anh ta đang di chuyển trong hành lang. Tôi nhảy bổ ra phía cửa nhưng không kịp. Trước khi tôi có thể chạm tay vào ổ khóa thì cánh cửa bật mở và anh ta xuất hiện dưới ánh sáng lờ mờ của hành lang. Anh ta thậm chí không thèm dừng lại ở phòng mình để cởi giày và cất túi mà tới thẳng phòng tôi. Mặt anh ta đậm đà mồ hôi, trên cổ tay áo có mấy vết bầm.

“Anh đây,” anh ta đặt tay lên ngực, có vẻ như đang say. “Là anh đây.”

“Tôi biết.”

Anh ta bật ra một tiếng cười khô khốc. “Em biết không? Anh không hề biết là em lại hoàn hảo đến vậy? Cho tới tới nay. Em đúng là một người hoàn hảo!” Anh ta lóng ngóng đưa tay lên chùi mặt rồi liếm môi và nhìn xuống chiếc áo sơ mi và chiếc váy nhưng bó tôi đang mặc. Cả người anh ta có vẻ gì đó nhớp nhúa. Tôi ngửi thấy mùi thuốc lá, mùi mồ hôi và một thứ mùi gì đó giống như mùi nước bọt của một con vật. “Cô gái lập dị, anh xin ngả mũ trước em. Chúng ta xấu xa hết như nhau. Bệnh hoạn y như nhau. Như những mảnh ghép của một trò chơi xếp hình, chúng ta đều có đúng cái mà người kia cần. Và anh,” anh ta giơ hai tay lên trời, “anh sẽ kể cho em

một chuyện mà em sẽ rất thích.” Anh ta túm lấy vạt áo sơ mi của tôi. “Hãy cởi cái áo này ra và cho anh xem...”

“Đừng,” tôi đẩy tay anh ta ra. “Đừng đụng vào tôi.”

“Thôi nào...”

“*Không!*”

Anh ta có vẻ ngỡ ngàng, rõ ràng là sững sốt trước phản ứng của tôi.

“Nghe này,” tôi nói, cổ họng như thắt lại, máu bắt đầu dồn lên mặt. “Nghe tôi nói này. Tôi có chuyện quan trọng muốn nói với anh. Anh đã sai khi nói rằng chúng ta giống nhau. Chúng ta không hề giống nhau. Hoàn toàn không.”

Anh ta phá ra cười, lắc đầu. “Ôi, thôi nào,” anh ta ngoắc ngón tay về phía tôi. “Đừng cố nói với anh là em không bệnh hoạn chút nào...”

“*Chúng ta không giống nhau,*” tôi rít lên, “vì sự thiếu hiểu biết, Jason ạ, sự thiếu hiểu biết *không đồng nghĩa* với sự điên rồ. Chưa bao giờ.”

Anh ta nhìn tôi chằm chằm. Trên mặt anh ta xuất hiện những đốm nhỏ màu hồng, dấu hiệu của sự giận dữ. “Cô đang định cố tỏ ra là mình thông minh đây hả?”

“*Sự thiếu hiểu biết,*” tôi nhắc lại, cảm thấy mạch đập thành thịch hai bên thái dương, “không giống như sự điên rồ. Nó cũng không giống với sự bệnh hoạn, sự xấu xa hay bất cứ cái gì mà anh gán cho tôi. Có những người điên, có những người bệnh hoạn, xấu xa hay kỳ quái, hoặc bất cứ thứ gì mà anh nghĩ ra nhưng hãy nhớ rằng,” tôi dừng lại hít một hơi rất sâu trước khi nói tiếp, “*những thứ đó không giống với sự thiếu hiểu biết.*”

“Hiểu rồi,” anh ta nói và thở hắt ra. Mặt anh ta đỏ lựng và tôi chợt hình dung ra một Jason nhiều tuổi hơn trong tương lai, to béo, chậm chạp. Anh ta nghiêng đầu ra phía sau về lưng lự rồi lại cúi về phía trước, cố tạo ra một khoảng cách lý tưởng giữa hai chúng tôi, nơi anh ta có thể quan sát được kỹ những mạch máu đang đập dồn trên cổ tôi. “Tôi hiểu rồi. Cô đột nhiên biến thành một con chó cái.” Anh ta đặt một chân lên trên ngưỡng cửa, gí sát mặt vào mặt tôi. “Mẹ kiếp, tôi đã quá kiên nhẫn với cô. Không

phải thế sao? Dù một phần nào đó trong tôi luôn tự hỏi, Jason, thứ cặn bã nhà người sao lại tồn tại quá nhiều thời gian cho con nhỏ ngu ngốc đó vậy? Thế nhưng, tất cả những gì tôi làm chỉ là *kiên nhẫn*. Vậy mà đổi lại, tôi được cái gì nào? Cô. Trở nên hết sức quái đản và đối xử với tôi một *cách* kỳ quặc.”

“Thì thế,” tôi trả lời một cách gay gắt, “hẳn là kết quả... của việc tôi... là một đứa quái dị.”

Anh ta định mở miệng nói gì đó xong lại thôi. “Chuyện này là gì vậy? Một trò đùa à?”

“Không. Đó không phải là một trò đùa.” Tôi thò tay ra kéo cửa lại. “Chúc ngủ ngon.”

“Đồ chó cái...” Anh ta gầm gừ nói, “đồ khôn kiếp...”

Tôi đẩy cánh cửa ra một chút để lấy đà đóng sập nó lại trước mũi anh ta khiến anh ta nhảy dựng ra phía đằng sau.

“*Chó chết!*” Anh ta hét lên. Tôi đóng chặt cửa và khóa lại.

“Làm được đấy, đồ bản thủ.” Anh ta đá vào cánh cửa. “Con ranh dở hơi!” Tôi nghe thấy tiếng anh ta đi tới đi lui trong hành lang, không biết phải làm gì với cơn thịnh nộ của mình. Tôi sợ anh ta sẽ đập đổ cánh cửa hay lao vào đó với hai nắm đấm. Tôi châm một liều thuốc rồi ngồi xuống giữa đồng sách của mình, một tay ôm lấy đầu chờ đến khi anh ta bỏ cuộc.

Anh ta đá vào cánh cửa lần nữa, một cú tạm biệt. “Cô vừa phạm phải một sai lầm lớn, đồ đầu đất. Sai lầm lớn nhất đời cô. Cô sẽ phải hối hận cho tới khi xuống mồ.”

Rồi tôi nghe tiếng anh ta bỏ về phòng, vừa đi vừa cần nhần và đấm bùm bụp vào các cánh cửa sổ dọc hành lang.

Sau khi anh ta bỏ đi, ngôi nhà trở nên im lặng. Tôi ngồi im một chỗ, hút hết liều thuốc này tới liều thuốc khác, hít thật sâu khói thuốc vào trong

phôi để lấy lại bình tĩnh. Khoảng nửa tiếng đồng hồ sau, khi đã trấn tĩnh trở lại, tôi đứng dậy.

Tôi đi lấy hộp bút vẽ và nhặt trên sàn một tờ giấy, vuốt cho nó phẳng ra. Tôi ngồi xôm giữa đồng sách vở và tranh vẽ của mình, hai tay chạm vào hai mắt cá chân, nhìn lên bức hình Mickey Rourke đang chiếu sáng ngoài cửa sổ. Tôi đang cố gắng hình dung ra việc ăn thịt đồng loại thì như thế nào. Ở trường đại học tôi đã phải đọc rất nhiều loại sách và cái mớ kiến thức hỗn độn tích lũy trong nhiều năm đó giờ đang xáo trộn trong đầu tôi. Tôi cần phải tập trung cao độ để nhớ ra cái gì là cần thiết cho mình trong lúc này.

Một lúc sau tôi dụi điều thuốc và bắt đầu pha màu, một hỗn hợp màu vàng son, màu hồng gỗ, và màu trắng kềm. Tôi vẽ rất nhanh, để lớp màu vẽ chảy và đọng một cách tự nhiên. Chỉ có một lý do để ăn thịt người, tôi nghĩ, một lý do hợp lý. Một khuôn mặt từ từ hiện ra sau nhát vẽ của tôi, đôi gò má hốc hác, cổ giống như cây sậy, một thân hình da bọc xương tiều tụy, hai bàn tay nhọn hoắt tì trên nền đất lạnh ngắt. Một người đang chết đói.

Tôi biết thế nào là chết đói. Đó là một trong những bóng ma lạnh lùng, giống như bệnh dịch, đi vòng quanh trái đất theo bước chân của chiến tranh. Dưới thời Stalin ở Liên Xô có hai nạn đói lớn, hàng trăm người Nga đã phải ăn thịt người để sống sót. Hồi còn ở trường đại học tôi có tham dự bài giảng của một vị giáo sư, người đã tìm thấy trong các tài liệu cũ ở St. Petersburg những bằng chứng về việc người dân Leningrad đã phải ăn thịt người chết trong một lần cả thành phố bị bao vây thời Chiến tranh Thế giới II. Tôi tiếp tục vẽ trên giấy một đoạn xương khô dài, phía cuối mọc ra một bàn chân. Bạn hẳn phải rất đói và tuyệt vọng thì mới có thể ăn thịt đồng loại. Những cái tên khó nhớ khác lại lần lượt hiện ra trong đầu tôi, sự kiện đèo Donner, những cuộc thám hiểm của John Franklin, *Nottingham Galley*, *Medusa* và vụ rơi máy bay của đội bóng rugby Old Christan trên dãy núi Andes. Và người Trung Quốc có ý gì khi họ nói *Dĩ tử nhi thực*. “Chúng tôi đói tới mức có thể ăn thịt trẻ con?”

Tôi vẽ một chữ *kanji* cho từ đó.

*Đói.*



Tôi châm một miếng thuốc nữa và gỡ đầu. Bạn sẽ không tưởng tượng được bạn có thể làm gì khi bị đói. Nhưng cũng còn những lý do khác, người ta có thể trở thành những kẻ ăn thịt người vì những nguyên nhân khác. Tôi đổi sang một chiếc cọ chuyên dùng cho thư pháp, nhúng nó vào nghiên mực rồi chậm rãi viết thêm một chữ *kanji* khác, giống như một con số chín với một cái phẩy nhẹ ở đuôi.

### *Năng lượng.*

Ở trường đại học có một nghiên cứu sinh rất say mê với đề tài các bộ lạc chiến tranh ở châu Phi. Tôi nhớ anh ta đã rải tờ rơi khắp trường để kêu gọi mọi người tới tham dự cuộc nói chuyện của anh ta về cái gọi là Hiệp hội Người-Báo ở Sierra Leone và về lính đánh thuê trẻ em ở Poro, Liberia. Tôi không tham dự cuộc nói chuyện này nhưng tôi có nghe mọi người kể về nó: “*Tin tôi đi, anh ta nói những chuyện kỳ quặc như họ xẻo thịt kẻ thù để ăn, và nếu đó chính là kẻ đã bại dưới tay họ, thì việc ăn thịt kẻ đó sẽ giúp họ trở nên mạnh hơn.*” Một số nhân chứng còn nhắc đến việc tìm thấy trên đường phố Nam Kinh các thi thể đã bị mất các bộ phận như tim, gan. Người ta đồn rằng lính Nhật đã lấy đi những bộ phận này vì tin rằng chúng sẽ khiến họ mạnh mẽ hơn khi giao chiến.

Tôi nhìn xuống chữ “*năng lượng*” vừa mới vẽ rồi lại nhúng cọ vào mực viết thêm hai chữ nữa, chữ “*cách thức*” và chữ “*của Trung Hoa*”. *Kampo*. Y dược Trung Hoa.

### *Chữa bệnh.*

Những thứ tôi đã đọc có thể giúp gì trong chuyện này? Tôi lôi đồng sách y học mà tôi mua ở Kinokuniya và giở chúng ra trước mặt. Một tay thì giữ lấy những trang cần xem lại, một tay thì tiếp tục giở các cuốn sách khác, cây cọ vẽ ngậm ngang miệng. Ánh đèn từ bức quảng cáo Mickey Rourke chiếu thành những hình vuông màu vàng trên tấm thảm *tatami*.

Thật kỳ diệu. Tất cả đều được nhắc đến trong những cuốn sách này. Tôi đã đọc chúng suốt nhiều tuần lễ, đọc đi đọc lại mà vẫn không tìm thấy bất cứ cái gì hữu ích. Vậy mà, bây giờ, tôi đột nhiên thấy mọi thứ hết sức rõ ràng. Đầu tiên là câu chuyện về Diệu Trang Vương ăn mất và tay của con gái. Vì sao? Để chữa bệnh. Sau đó tôi cũng tìm thấy trong một bản dịch về những đơn thuốc của thế kỷ XVI. Bản thảo cương mục, thành phần thuốc

bao gồm ba mươi lăm vị khác nhau, lấy từ các bộ phận trên cơ thể người. Bánh mì nhúng máu người dùng để chữa bệnh viêm phổi và bất lực ở nam giới, mật ngâm rượu để chữa bệnh thấp khớp. Thịt của các tử tù bị hành quyết được dùng để chữa chứng biếng ăn. Tôi cũng tìm thấy những câu chuyện ăn thịt người rừng rợn ở thôn Lang Sói trong truyện *Nhật ký* của Lỗ Tấn và những ghi chép của ông về cái chết của một người bạn có tên là Từ Tích Lâm khi bị lính canh của Ân Minh, tuần vũ tỉnh An Huy móc tim gan ra ăn. Trong một quyển sách viết về cách mạng văn hóa ở Trung Quốc cũng có nhắc đến một cách khá tởm một tập tục cũ có tên gọi là *koku* thể hiện sự hiếu thảo của con cái khi tự nguyện lóc thịt để nấu canh cho cha mẹ ăn chữa bệnh.

Tôi nhặt ba bức thư pháp *kanji* gồm ba chữ đối, năng lượng và chữa bệnh mà tôi vừa vẽ và ghim chúng lên tường, ngay dưới chân trời của thành phố Tokyo, rồi nhìn chúng chăm chú. Lịch sử của Nhật Bản luôn có một mối liên hệ với Trung Quốc, biết bao nhiêu thứ đã được chuyển giao giữa hai nước, vậy tại sao cái này lại không? Nếu các bộ phận trên cơ thể con người có thể được sử dụng làm thuốc chữa bệnh ở Trung Quốc thì tại sao lại không được sử dụng ở Nhật? Tôi quay trở lại với quyển sách giáo khoa. Ất hẳn phải có một cái gì đó. Tôi lờ mờ nhớ ra một chi tiết nào đó... Một chi tiết nào đó mà tôi đã từng đọc ở trường đại học.

Tôi lấy ra những tài liệu nghiên cứu về thời kỳ hậu chiến ở Nhật, trong đó có một số bản ghi chép về các phiên tòa chiến tranh ở Tokyo. Tôi vội chầm một điều thuốc và ngồi khoanh chân trên sàn đọc lướt qua chúng một lần nữa. Được khoảng hai phần ba chỗ tài liệu thì tôi phát hiện ra cái mình cần tìm: lời khai của một phụ nữ Nhật Bản phục vụ cho Đơn vị 731 tai tiếng trong thời gian chiến tranh. Tôi ngồi im trong ánh sáng lờ mờ, chân tay đột nhiên trở nên lạnh ngắt khi đọc tới chỗ: “Những tù nhân chiến tranh của quân đồng minh được đặt cho biệt hiệu Maruta (hay những kẻ đàn độn) và là đối tượng để thực hiện các cuộc giải phẫu sống và các thí nghiệm trên con người.”

Bên cạnh là bức ảnh của người cho khẩu cung. Đó là một phụ nữ trẻ đẹp và tôi có thể hình dung ra sự im lặng tuyệt đối và rợn người tại phiên tòa, khi mọi người đều nín thở và bất động nghe người phụ nữ này kể lại một cách rõ ràng và rành mạch cái ngày cô ta ăn gan của một quân nhân Mỹ. “*Vì sức khỏe của tôi.*”

Tôi ngồi đó rất lâu, nhìn chăm chăm vào bức hình người phụ nữ ăn thịt người xinh đẹp đó. Vào năm 1944, ít nhất đã có một người ở Nhật Bản cho rằng việc ăn thịt người có thể có lợi cho sức khỏe. Đã đến lúc phải nghĩ tới Fuyuki một cách nghiêm túc hơn bao giờ hết.

Tôi trần trọc rất lâu, chiếc chăn cuộn quanh người như một tấm vải liệm, và đến khi ngủ được thì tôi mơ thấy tất cả mọi thứ trong căn phòng được sắp đặt hết như ngoài đời. Tôi nằm nghiêng trên đệm trong bộ quần áo pyjama quen thuộc, đầu gối co lại. Chỉ khác có một điều là trong giấc mơ thì tôi không nhắm mắt, tôi đang thức và dỏng tai lên nghe ngóng. Có một tiếng động êm ái và đều đặn vang lên từ phía ngoài hành lang, hơi nghệt lại, giống như tiếng nói chuyện thì thào. Ở cửa sổ phía bên kia, có tiếng con gì đó đang gặm lớp lưới chống muỗi.

Ý nghĩ đầu tiên của cái tôi trong giấc mơ là một con mèo cho tới khi tôi nghe thấy tiếng dây thép bị xoắn mạnh, rít lên ken két và một khối nặng trĩu giống như một trái bowling lăn vào trong phòng tôi. Khi tôi hé mắt nhìn xuống đó là một đứa trẻ sơ sinh. Nó nằm ngửa trên sàn nhà, kêu khóc, tay chân khua khoắng, hét giờ lên lại hạ xuống như cái piston. Trong một phút sung sướng mê mẩn, tôi nghĩ rằng đó chính là con gái của tôi, cuối cùng nó đã vượt qua các lực địa đê tới với tôi, nhưng ngay khi tôi sắp chạm vào nó thì đứa bé lăn sang bên cạnh và dò dẫm vươn tới chỗ tôi. Tôi cảm thấy hơi thở nóng bỏng và cái lưỡi nhỏ xíu của nó chạm vào gan bàn chân tôi. Rồi, nhanh như cắt, con bé ngoạm lấy ngón chân của tôi.

Tôi nhảy dựng lên trên giường, lay đứa bé và vỗ vào người nó, túm lấy đầu nó và cố cạy hai hàm răng ra nhưng đứa bé vẫn cứ bám lấy tôi, gầm gừ, cắn chân tôi không buông và giãy giụa một cách giận dữ, sùi cả bọp mép. Cuối cùng tôi phải đập cho nó một cái và đứa bé bay vào tường, kêu rít lên rồi tan thành một cái bóng trôi tuột trên sàn nhà trước khi lướt ra ngoài cửa sổ. Dường như tôi nghe văng vẳng giọng nói của Sử Trùng Minh khi con bé biến mất: *Một người sẽ phải làm gì để được trường sinh? Sẽ phải kiêng ăn những thứ gì?*

Tôi giật mình tỉnh dậy, chăn đệm xộc xệch, tóc dính bết trên mặt. Mới có năm giờ sáng. Bên ngoài cửa sổ, tôi có thể nghe thấy tiếng Tokyo đang

gồng mình chống đỡ những phút giây giã chết của một cơn bão và trong giây lát, tôi dường như còn nghe thấy lẫn trong gió cả những tiếng la hét của đứa bé, như thể nó vẫn đang lao băng băng qua những căn phòng bị bỏ hoang ở tầng dưới. Tôi ngồi im, tay nắm chặt lấy cái chăn. Căn phòng tràn ngập một thứ ánh sáng màu xám kỳ quái, tiếng kêu ro ro của máy sưởi cùng tiếng lách cách của chiếc quạt thông hơi. Và giờ khi tôi nhớ lại, thì rõ ràng trong nhà lúc ấy còn có một âm thanh khác nữa. Một âm thanh kỳ quái không liên quan gì tới giấc mơ của tôi cũng như cơn bão bên ngoài. Vang lên từ đâu đó ở cánh bên kia của ngôi nhà.

史 Nam Kinh, ngày 20 tháng Mười hai năm 1937

Mọi tri thức đều có cái giá của nó. Hôm nay tôi và Lưu Nhuận Đức đã chứng kiến những chuyện mà cả hai chúng tôi đều ước gì có thể quên đi. Kê sát bức tường trong căn phòng nhỏ của nhà máy dệt là một chiếc giường xếp quân đội, một tấm đệm như nước, vẩy máu được ném lên trên một cách cầu thả. Trên giường còn có một chiếc đèn dầu đã tắt của Trung Quốc, như thể có ai đó đã dùng nó để chiếu sáng bất kỳ hành động tàn bạo nào từng được thực hiện tại đây, những hành động khiến tường và sàn nhà ngập ngụa những bãi máu đông. Dường như thứ duy nhất trong căn phòng không dính máu là đồng hồ chắt ở góc tường: một đôi ủng *tabi* để rời, một chiếc ba lô quân nhân làm bằng da bò, thô đến mức vẫn còn dính lông. Trên chiếc bàn nhỏ, bên cạnh chiếc bàn tính của quản đốc nhà máy là một dãy những chai thuốc nhỏ màu nâu niêm phong bằng giấy sáp, tên thuốc được viết bằng tiếng Nhật; vài lọ thuốc đựng các loại bột thô; một cái chày và một cái cối giã, những hộp giấy hình vuông dùng cho việc bào chế thuốc. Đằng sau đồng chai lọ là ba chiếc hộp thiếc bản thủ dùng trong quân đội, một biđông nước có đóng dấu quốc huy hình hoa cúc. Ông Lưu đặt một ngón tay lên chiếc hộp thiếc và khẽ đẩy nghiêng nó sang một bên. Tôi cúi xuống và nhìn thấy những mảnh vải vụn nổi lênh bênh trong một thứ hỗn hợp kỳ quặc của máu và nước.

“Ôi trời ơi.” Ông Lưu bỏ tay ra khỏi chiếc hộp thiếc. “Chuyện quái gì đã xảy ra ở đây vậy?”

“Hắn ta bị bệnh,” cậu bé nói, râu rĩ chỉ vào những lọ thuốc ở trên bàn. “Bị sốt.”

“Cha không định nói về mấy lọ thuốc! Cha muốn nói tới *cái này*. Máu. Ở đâu ra nhiều máu thế?”

“Máu là... Máu đó là... Bọn trẻ con ở trên phố nói máu đó là...”

“Sao?” Ông Lưu nghiêm nghị nhìn cậu con trai.

“Chúng nói sao?”

Đứa bé lo lắng tới thụt cả lưỡi. Mặt nó đột nhiên tái xanh. “Không, chắc là chúng nhầm.”

“Chúng nói gì?”

“Chúng nó lớn hơn con,” thằng bé nói, cặp mắt xuống. “Bọn chúng lớn hơn con nhiều. Con chắc là chúng bịa chuyện ra với con...”

“Chúng nói gì?”

Thằng bé miễn cưỡng quay mặt về phía cha nó và thì thào: “Bọn nó nói rằng những người phụ nữ đó...”

“Sao? Những người phụ nữ đó thì sao?”

“Bọn nó nói rằng hấn...” Thằng bé gằn như không nói nên lời. “Hấn xẻo thịt họ. Lột da họ. Hấn ta nạo họ.”

Bụng tôi quặn lên cảm giác buồn nôn khó tả. Tôi ngồi sụp xuống đất, hai tay ôm lấy mặt, đầu óc choáng váng như người bị ốm. Ông Lưu hít một hơi thật sâu rồi túm lấy áo khoác của thằng bé và lôi nó ra ngoài. Hai cha con không nói không rằng lẳng lặng ra khỏi tòa nhà, một lúc sau tôi cũng ra theo, bụng vẫn đau quặn lên từng cơn.

Đi được khoảng trăm mét thì tôi bắt kịp họ. Ông Lưu đang tra hỏi thằng bé trước cửa một ngôi nhà. “Con nghe thấy những tin này từ đâu?”

“Bọn trẻ con đường phố đứa nào chẳng biết chuyện này.”

“Hấn ta là ai? Cái tên *diêm vương* ấy? Hấn ta là ai?”

“Con không biết.”

“Hắn ta là người, tất nhiên rồi. Nhưng là người như thế nào? Người Nhật à?”

“Vâng. Một trung úy.” Thằng bé sờ vào chiếc cổ áo, nơi sỹ quan Nhật đeo quân hàm. “Tên *diêm vương* ấy mặc quân phục trung úy.” Thằng bé quay sang nhìn tôi. “Sáng nay chú có nghe thấy tiếng xe máy không?”

“Có.”

“Là hắn đấy. Mọi người nói là hắn sẽ không bao giờ hết đói khát vì không gì có thể ngăn cản hắn. Bọn trẻ con nói là hắn ta đang ở trong một cuộc kiếm tìm không bao giờ kết thúc.”

Khi viết tới những dòng này tôi phải dừng lại vì chợt nhớ ra một cảnh tượng, một cảnh tượng hết sức sống động, một cuộc nói chuyện giữa tôi và ông Lưu trước khi quân Nhật chiếm đóng thành phố. Chúng tôi ngồi trong phòng khách nhà ông Lưu, trước mặt là mấy ly rượu và một đĩa nhỏ thịt vịt muối Nam Kinh thái mỏng, và ông đang kể cho tôi nghe về những xác chết mà ông nhìn thấy ở Thượng Hải, những xác chết đã bị quân Nhật mạo phạm. Tôi không tài nào tưởng tượng ra cái cảnh ông đã kể cho tôi tối hôm đó. Rõ ràng là ở Thượng Hải, bất cứ cái gì cũng có thể được sử dụng như những chiến tích: một cái tai, một mảng da đầu, một quả thận hay một bên ngực. Những chiến tích này sẽ được treo vào thắt lưng hay dính trên mũ, những người lính mà có những vật như mảng da đầu hay bộ phận sinh dục của kẻ thù để phô trương được coi là kẻ mạnh. Họ đứng cùng với những chiến tích đó, chờ đến lượt mình được đồng đội chụp ảnh. Ông Lưu đã nghe tin đồn về một nhóm quân nhân chuyên khâu những mảng da đầu của người Trung Quốc lại thành những cái đuôi sam theo kiểu Mãn Châu rồi gắn sau mũ như một dạng phù hiệu của đơn vị. Trong số họ có một người từ đơn vị khác tới, lúc nào cũng mang theo người một chiếc máy quay phim, chắc là trấn lột của một nhà báo hay cướp được trong một trận cướp bóc nhà dân trong khu định cư dành cho người nước ngoài. Những người lính khác đã khoe chiến tích này với anh ta, vừa cười ha hả vừa vắt những chiếc đuôi sam ra trước ngực và bắt chước dáng đi của các cô phục vụ tại các quán bar trên đại lộ Edward VII. Họ không những không xấu hổ về những hành vi lộ bịch của mình mà còn lấy làm tự hào và háo hức được thể hiện chúng.

Giờ đây, khi tôi dừng bút, tất cả những gì tôi nghe thấy chỉ là tiếng tim mình đang đập thình thịch. Tuyết vẫn lặng lẽ rơi ngoài cửa sổ. Chuyện



lột da là thế nào? Lột da người ư? Tên *diêm vương* đó đang muốn thu hoạch loại chiến tích bí ẩn gì vậy?

“Đây là một trong những nạn nhân của hắn.”

Đứa bé còn rất nhỏ, có lẽ chỉ mới ba hoặc bốn tuổi. Con trai ông Lưu dẫn chúng tôi tới chỗ nó. Con bé nằm cách chúng tôi một đoạn, ở góc phố bên cạnh nhà máy, mặt úp xuống, tóc tai rũ rượi, nằm đè lên hai tay.

Tôi nhìn thẳng bé. “Chuyện này xảy ra khi nào?”

Thằng bé nhún vai. “Nó ở đây từ đêm hôm qua.”

“Cần phải chôn cất con bé.”

“Vâng,” thằng bé trả lời. “Vâng.” Nhưng nó không hề cử động.

Tôi lại gần để nhìn con bé cho rõ hơn. Ngay khi bước đến bên cạnh, tôi chợt thấy chiếc áo khoác đầy bụi của nó phấp phồng. Con bé vẫn còn thoi thóp thở. “Nó vẫn còn sống,” tôi nói và nhìn cha con ông Lưu.

“Vẫn còn sống?” Ông Lưu ném cho cậu con trai một cái nhìn dữ dội. “Con có biết điều này không?”

“Không ạ,” cậu bé nói và lúi lại phía sau thủ thế. “Con thề, con thề là con tưởng nó chết rồi.”

Ông Lưu nhô một bãi nước miếng xuống đường. Ông quay người và ra đứng cạnh tôi. Chúng tôi cúi xuống xem con bé thế nào. Nó mặc một chiếc áo khoác lông và trông bé tí xíu, nhưng không ai bế nó lên. Chân nó được bó bằng một mảnh vải len màu ôliu, một mẫu chần quân dụng của Nhật.

Tôi cúi xuống gần con bé: “Quay mặt lại đây,” tôi nói, “nằm ngửa ra nào bé con.”

Con bé vẫn nằm bất động, chỉ thấy bóng của những nhánh cây thích khe chuyển động trên lưng nó. Tôi cúi xuống, lấy tay lật con bé lại. Nó nhẹ như một thanh củi, tóc nó xõa ra trên tuyết, hai cánh tay cũng rũ ra theo. Tôi

lùi lại một bước, cổ hơi nghẹn lại. Phía trước chiếc quần của con bé bị cắt đi một mảng, ai đó đã khoét một cái lỗ sâu hoắm to như chiếc bát ăn cơm ngay phía dưới sườn phải của nó, đúng chỗ buồng gan. Tôi có thể nhìn thấy những vết đen, dấu hiệu của sự hoại thư, quanh miệng vết thương của con bé, chúng bốc mùi đến nỗi tôi phải túm vội lấy ống tay áo để che mũi và miệng. Đây là mùi của thứ hoại thư nặng nhất. Hoại thư sinh hơi. Dù có đưa được con bé đến bệnh viện thì nó cũng sẽ không sống được.

Tôi đứng đó, tay che ngang mặt, nhìn chòng chọc vào cái lỗ trên bụng con bé và cố nghĩ xem tại sao người ta lại làm thế. Đây không phải một tai nạn. Không phải một vết thương do bị đâm. Việc cái lỗ này rõ ràng đã bị cố ý khoét khiến máu tôi như đông lại. “Thế này là thế nào?” Tôi lẩm bẩm với ông Lưu. “Đây có phải là một chiến tích không?” Tôi không thể nghĩ ra được lý do nào khác để diễn tả cái hành động phanh thây xẻ thịt này. “Có phải đây chính là một chiến tích của hãn không?”

“Sử Trùng Minh, đừng hỏi tôi chuyện đó. Tôi chưa bao giờ chứng kiến cái gì giống như thế này...”

Và rồi đưa bé mở mắt và nhìn tôi. Tôi không kịp hạ thấp tay xuống. Con bé nhìn thấy sự kinh tởm trên khuôn mặt tôi, bắt gặp tôi lấy tay áo che miệng để khỏi nhận thấy cái mùi bốc ra từ người nó. Con bé hiểu rằng nó đang làm tôi phát bệnh. Nó chớp mắt, đôi mắt trong trẻo và sinh động. Tôi bỏ tay xuống và cố gắng thở bình thường. Tôi không thể để sự ghê tởm của mình trở thành ấn tượng cuối cùng mà con bé nhận được trước khi từ giã cõi đời.

Tôi khỏ sở quay sang hỏi ông Lưu. *Tôi phải làm gì bây giờ? Tôi có thể làm gì bây giờ?*

Ông Lưu nặng nhọc lắc đầu rồi đi sang phía bên kia đường. Khi nhìn theo hướng đi của ông, tôi đã hiểu. Ông đi đến chỗ một viên đá lát đường to đã bị long ra ở chân của tòa nhà.

Khi mọi chuyện đã xong xuôi, khi con bé đã chết hãn và tảng đá đã nhuộm máu của nó thì chúng tôi rửa sạch tay, cài lại cúc áo và đi ra chỗ thàng bé. Ông Lưu túm lấy tay nó và hôn túi bụi lên trán nó cho đến lúc

thằng bé trở nên ngưng ngập và vùng vẫy tránh ra. Tuyết lại rơi và ba người chúng tôi im lặng trở về nhà.

Ngọc Hoàng Thượng đế, xin hãy tha thứ cho con. Tha thứ cho con vì không còn đủ sức để chôn cất cho con bé một cách tử tế. Con bé vẫn nằm trên tuyết, bóng của những cành cây và những đám mây vẫn đang trôi trong đôi mắt đứng trông của nó. Dấu vết của con bé vẫn còn vương trên chiếc áo khoác ngoài, và dưới các móng tay của tôi. Tôi chắc chắn những dấu vết của nó vẫn còn trong cả trái tim tôi nữa, nhưng tôi không thể cảm nhận được nó. Tôi không còn cảm nhận được bất cứ cái gì nữa. Bởi vì đây là Nam Kinh, và cái chết này không còn là điều mới lạ. Một cái chết thì có gì đáng nói trong một thành phố mà quý dữ vẫn đang hiên ngang đi lại sẵn môi.

Xung quanh tôi, căn phòng bắt đầu hiện ra lờ mờ trong bóng tối. Tôi vẫn đang ngồi im trên tấm đệm, tim đập thành thịch, dỏng tai lên nghe những âm thanh từ phía bên ngoài. Nhưng mỗi lần tôi tưởng mình sắp phát hiện ra đó là âm thanh gì thì sấm chớp lại át đi mất. Ngồi im trong căn phòng tranh tối tranh sáng này, ngắm nhìn bóng của những chiếc lá cây bị gió thổi bay phần phật ngoài cửa sổ khiến tôi bắt đầu tưởng tượng ra đủ thứ: tôi có ảo giác về ngôi nhà này giống như một chiếc bè gỗ đang trôi nổi bập bềnh trên những ngọn sóng, trong bóng đêm vô tận, và bên ngoài cả thành phố đã biến mất, đã nổ tung trong một cuộc tấn công bằng bom nguyên tử.

Âm thanh đó lại vang lên. Là tiếng gì vậy? Tôi nhìn ra phía cửa. Tôi nghĩ ngay lập tức đến mấy con mèo trong vườn. Tôi đã nhìn thấy lũ mèo con vài lần, bám vào tấm lưới chống muỗi giống như lũ khỉ và kêu chí chóc như lũ chim non. Có thể một con mèo con đã lạc vào một căn phòng nào đó và đang bò như ếch trên tấm lưới chống muỗi. Hoặc có thể đó là...

“*Jason?*” Tôi hỏi khẽ, ngồi thẳng dậy, khắp người như có kiến bò.

Lần này nó đã trở nên rõ hơn, một âm thanh kỳ lạ giống như tiếng tru, xuyên khắp căn nhà. Tôi chống tay xuống đất và bò lại gần phía cửa ra vào, mở hé nó ra một chút, cẩn thận để không gây ra tiếng động. Tôi nhìn ra phía ngoài. Mấy tấm cửa chớp đã được kéo ra, còn cửa sổ đối diện với phòng Jason mở toang như thể cuộc tranh cãi của chúng tôi mới chỉ xảy ra cách đây vừa đủ thời gian hút một điếu thuốc, và anh ta đã đứng đó hút thuốc từ bấy đến giờ. Bên ngoài, gió quất mạnh, cả khu vườn như đang lồng lên, cành cây gãy rãng rặc, và gần cửa sổ, một chiếc túi nylon Lawson’s Station bị gió thổi đến mắc vào cành cây bay phần phật thỉnh thoảng lại kêu loạt soạt và rách toạc đôi chỗ. Cái bóng kỳ dị méo mó của nó đung đưa, lớn vờn khắp hành lang, trên tường và trên cả những tấm thảm *tatami*.

Nhưng cơn bão không phải là nguyên nhân khiến tôi tỉnh giấc. Càng nhìn vào cái hành lang quen thuộc thì tôi càng cảm thấy có cái gì đó không ổn. Ánh sáng không bình thường. Mọi khi ngôi nhà không tối thế này. Thường chúng tôi hay để đèn trần sáng suốt đêm nhưng lúc này, nguồn ánh sáng duy nhất trong hành lang là từ bức hình quảng cáo Mickey Rourke ở bên ngoài, và dây bóng đèn gắn trên trần cũng không còn nữa, chỉ còn lại những mảnh kính vỡ nham nhở lóng lánh. Tôi chớp mắt vài cái và cố gắng trấn tĩnh lại để suy nghĩ cho tỉnh táo. Những bóng đèn trong hành lang rõ ràng đã bị đập vỡ như thể có một bàn tay khổng lồ đã bóp nát chúng.

*Có ai đó đang ở trong nhà*, tôi nghĩ, nhưng vẫn bình tĩnh một cách lạ lùng. *Có ai đó cũng đang ở trong nhà*. Tôi hít một hơi thật sâu rồi lặng lẽ bước ra ngoài hành lang. Tất cả các phòng trong hành lang đều đóng cửa im ỉm, kể cả phòng bếp. Thường chúng tôi không đóng cửa bếp bao giờ phòng khi giữa đêm có ai đó đói bụng hay khát nước. Cửa nhà vệ sinh cũng khép chặt, tôi om một cách ma quái. Tôi nhón chân bước qua những mảnh kính vỡ, cố phớt lờ tiếng gió hú bên ngoài để tập trung lần theo cái tiếng động kia. Nó xuất phát từ đầu hồi hành lang phía bên kia, nơi có phòng của Jason. Tôi dừng lại, không dám thở mạnh, bắt đầu phân biệt được tiếng động kỳ lạ kia với tiếng gió, nhưng ngay khi nhận ra tiếng động đó thì cả người tôi chợt run bắn lên. Đó là tiếng một người đang yếu ớt rên rỉ vì đau.

Tôi bước sang bên và khẽ mở một cửa sổ. Từ phía hành lang bên kia còn phát ra một tiếng động khác, tiếng lục soát kỳ quái, lén lút, như thể tất cả lũ chuột trong nhà đang túm tụm trong một căn phòng. Cây cối gập xuống vì gió quất, nhưng từ đây tôi có thể nhìn xuyên qua khu vườn, sang hành lang bên kia. Khi mắt tôi bắt đầu quen với những bóng cây chuyển động trên ô kính cửa sổ thì những gì tôi nhìn thấy trong hành lang bên đó khiến đầu gối tôi khụy xuống, hai tay run rẩy bám lấy thành cửa sổ, thậm trọng nhòm qua bậc cửa.

Cửa phòng Jason mở toang. Dưới ánh sáng lờ mờ, tôi nhìn thấy trong phòng anh ta có một khối gù gù, gớm ghiếc, trông giống như một cái bóng. Như một con linh cầu đang cúi xuống con mồi và chuẩn bị xé xác nó ra, quắp lấy con mồi trong một tư thế quái dị như thể nó vừa rơi thẳng từ trên trần nhà xuống con mồi. Tóc tai tôi lập tức dựng đứng hết cả lên. Mụ Y Tá. Mụ Y Tá đang ở trong nhà... Rồi tôi nhìn thấy một bóng người khác trong phòng, đứng hơi nghiêng và cúi xuống như đang tìm kiếm cái gì đó trên sàn

nhà. Người này cũng đứng khuất trong bóng tối, quay lưng lại phía tôi nhưng đôi vai hấn có cái gì đó khiến tôi cho rằng đó chính là tên mới làm lễ gia nhập băng của Fuyuki tối hôm qua: tên *chimpira*.

Tôi chớp mắt lia lịa, không tài nào suy nghĩ một cách tinh táo được. *Chuyện gì thế này? Tại sao chúng lại ở đây? Hay đây là một trò đùa?* Tôi đứng thẳng lên chút nữa và nhìn thấy đầu và vai của Jason. Tên *chimpira* đang để một chân lên gáy Jason giẫm mặt anh ta xuống đất. Mụ Y Tá khẽ cử động, đổi sang tư thế ngồi, hai đầu gối to và vạm vỡ dưới lớp tất màu đen từ từ giăng ra ngang với vai, hai tay thòng xuống phía trước. Tiếng động yếu ớt và khùng khiếp mà tôi nghe thấy lúc này chính là tiếng Jason rên rỉ cầu xin. Mụ Y Tá không thèm nghe anh ta mà vẫn tiếp tục công việc của mình với một sự tập trung cao độ, vai mụ co lại, lưng mụ bình thân nhô ra sau rồi cúi về phía trước. Tay mụ ta ở dưới tầm mắt của tôi nên tôi chỉ có thể thấy hai cánh tay chuyên động một cách dè dặt, thận trọng như thể mụ ta đang thực hiện một ca mổ cầu kỳ và phức tạp. Không hiểu sao tôi lại đoán ra được nhưng trong một phút tinh táo hiếm hoi, tôi đã nhận ra: *Mày đang chứng kiến một vụ cưỡng hiếp. Mụ ta đang cưỡng hiếp Jason.*

Con mộng du của tôi chợt tan biến. Tôi đứng vụt dậy mở miệng định hét lên, mồ hôi ròng ròng sau lưng. Dường như đánh hơi thấy sự hiện diện của tôi nên mụ Y Tá đột nhiên ngược mắt lên. Mụ dừng lại. Đôi vai vạm vỡ của mụ nhô lên, mớ tóc giả bóng lộn lắc lư nhưng cái đầu cứng đờ của mụ vẫn hơi cúi xuống như con thú dữ đang ngắm nhìn con mồi ăn dở. Người tôi cứng đờ ra như thể cả thế giới này bỗng biến thành một chiếc kính viễn vọng với một đầu là tôi và một đầu là mụ Y Tá. Cho tới giờ tôi vẫn băn khoăn không hiểu lúc đó mụ nhìn thấy gì từ phía tôi, một cái bóng chuyển động hay một đôi mắt lóe lên từ một cửa sổ tối om phía bên kia tòa nhà bỏ hoang.

Lúc này, một cơn gió mạnh dữ tợn lao vào khu vườn, gầm lên như tiếng động cơ máy bay, khiến cả căn nhà rung chuyển. Mụ Y Tá ngẩng đầu lên nói khẽ gì đó với tên *chimpira*. Tên này ngay lập tức sững lại, từ từ đứng thẳng lên và quay ra nhìn về phía hành lang tôi đang đứng. Hấn ta ưỡn vai, vạm các khớp tay. Hấn chậm rãi tiến về phía tôi.

Tôi lùi lại và bỏ chạy về phòng, đóng sập cửa rồi khóa lại, bước giật lùi trong phòng như một con cua, hét vấp phải mớ sách vở và tài liệu ngổn

ngang trong bóng tối lại va vào đồng đồ đạc tối om. Tôi đứng lại, dựa lưng vào tường nhìn chăm chăm ra phía cửa, ngực thắt lại như vừa bị ai đó thụi vào mạng sườn. *Jason*, tôi luống cuống nghĩ. *Jason*, chúng đến để tìm anh. Anh đã chơi trò gì với mẹ ta vậy?

Không thấy ai xuất hiện. Dường như nhiều phút đã trôi qua, đủ thời gian để đám người kia hoàn tất những gì chúng muốn làm với *Jason* và đủ để cho tôi mở cửa, chạy ra ngoài gọi điện thoại cho cảnh sát. Nhưng đúng lúc tôi nghĩ rằng tên *chimpira* sẽ không xuất hiện, rằng hắn và mẹ Y Tá hắn đã lẳng lặng bỏ đi thì tôi nghe thấy trong tiếng gió vang lên tiếng bước chân của hắn cọt kẹt ở hành lang bên ngoài.

Tôi lao về phía cửa sổ bên hông, điên cuồng cào cấu vào các cạnh của tấm lưới chống muỗi đến gãy cả móng tay. Một cái móc bật ra. Tôi giật tấm lưới chống muỗi xuống, mở tung cửa sổ và nhìn ra bên ngoài. Khoảng hơn một mét ở phía dưới có một cục điều hòa nhiệt độ thò ra từ tòa nhà đối diện, có lẽ chịu được trọng lượng của tôi. Hai tòa nhà chỉ cách nhau một khoảng rất hẹp. Tôi quay lại và nhìn chăm chăm vào cánh cửa ra vào. Tiếng bước chân đã dừng lại và trong cái khoảnh khắc im lặng tới rợn người đó, tôi nghe thấy tên *chimpira* lầm bầm gì đó. Rồi một cú đá xé toang cánh cửa mỏng manh. Tôi nghe thấy tiếng hắn ta bám tay vào thành cửa để lấy đà, đập xuyên thủng cánh cửa.

Tôi leo lên thành cửa sổ. Trước khi nhảy ào xuống, tôi vẫn còn kịp nhìn thấy hắn thò tay qua lỗ hổng trên cửa, dò dẫm lần ổ khóa phía dưới ống tay áo vết màu tím nhạt, chiếc máy điều hòa rung chuyển dưới sức nặng của tôi, có cái gì đó cứa vào chân tôi. Tôi rơi xuống trong một tư thế vụng về, bụng úp xuống, hai chân lơ lửng trong bóng tối, bộ quần áo pyjama bay phàn phật. Tôi chống tay rồi nhảy vụt xuống đất, người hơi chúi về phía trước, mặt tôi đập vào chiếc bảng dự báo thời tiết bằng nhựa của tòa nhà bên cạnh nghe đánh cộp.

Một tiếng động chát chúa nữa vang lên từ căn phòng phía trên, như tiếng then cửa hay bản lề bị phá. Tôi hít một hơi thật sâu rồi đứng thẳng lên và lao vào con hẻm, chui vào một khe hở giữa hai tòa nhà đối diện và núp ở đấy, máu chảy rần rạt trong huyết quản. Một lúc sau tôi mới dám di chuyển về phía trước, chống tay lên hai bức tường đối diện và ngược lên nhìn ngôi nhà của mình trong nỗi kinh hoàng không thể thốt nên lời.

Tên *chimpira* đang ở trong phòng tôi. Ánh sáng hắt ra từ hành lang phía sau lưng chiếu rõ mọi chi tiết trên người hắn, giống như qua một chiếc kính hiển vi, tới từng cọng tóc và cả cái bóng trên đầu hắn. Tôi kéo cổ áo pyjama lên tận miệng, hai tay nắm chặt lấy nó, răng va vào nhau lập cập, mắt mở to nhìn hắn trùng trùng như thể tôi vừa nhò vào đó mấy giọt adrenaline. Hắn có đoán ra là tôi đã bỏ trốn bằng cách nào hay không? Hắn ta có nhìn thấy tôi không?

Hắn có vẻ do dự trước khi thò đầu ra ngoài cửa sổ. Tôi nép mình vào tường. Hắn kiên nhẫn nhìn rất lâu xuống phía dưới cửa sổ. Cuối cùng, hắn cũng rút đầu lại, bóng hắn chập chờn một lúc, rồi hắn biến mất khỏi tầm nhìn, chuyển động gập như chậm rãi, bỏ lại căn phòng trống không với những ánh đèn nhảy nhót. Tôi bắt đầu thở bình thường trở lại.

Bạn có thể dũng cảm và tự tin như bạn muốn, bạn có thể tự thuyết phục mình rằng bạn không dễ đối phó, rằng bạn biết bạn đang đối mặt với cái gì. Bạn tin rằng mọi chuyện sẽ không bao giờ trở nên thực sự nghiêm trọng, rằng sẽ luôn có một dấu hiệu nào đó cảnh báo trước khi mọi chuyện đi quá xa, một đoạn nhạc gay cấn chẳng hạn, như ta thường thấy khi xem phim. Nhưng dường như đối với tôi, tai họa không đến theo cách ấy. Tai họa là những cuộc phục kích bất ngờ của số phận: chúng nhảy xổ vào bạn khi bạn đang mãi quan sát những thứ khác.

Mụ Y Tá và tên *chimpira* còn ở lại trong nhà hơn một tiếng nữa. Tôi quan sát chúng lùng sục các hành lang, lục lọi từng phòng, giật tung các cánh cửa ra khỏi bản lề. Kính vỡ tan và cửa bị xé toạc. Chúng lật tung đồ đạc, bứt dây điện thoại ra khỏi tường. Suốt thời gian đó, tôi ngồi xồm như đông cứng lại trong con hẻm giữa hai tòa nhà, cổ áo pyjama kéo lên quá miệng, trong đầu chỉ có độc một ý nghĩ: *Sử Trùng Minh, ông không nên để tôi dính vào chuyện này. Ông không nên để tôi dính vào những chuyện nguy hiểm thế này.* Cái giá của nó còn đắt hơn bất cứ những gì mà tôi từng mặc cả.



Những gì mà tôi nhớ về cái đêm hôm đó giống như một trong những đoạn phim quay chậm mà đôi khi bạn vẫn được xem, ghi lại cảnh một bông hoa đang nở hay cảnh mặt trời trôi lững lờ qua một con phố với những con người đột ngột xuất hiện, tỏa đi khắp nơi. Chỉ khác ở chỗ cuộn phim của tôi đậm một màu vàng xỉn như thuốc súng, màu của tai họa, còn tiếng động thì rè rè, như được thu ở dưới nước với tiếng kễo kẹt tương tự như âm thanh phát ra từ những con tàu lớn. *Cận cảnh* là cái bóng gớm ghiếc của mụ Y Tá và Jason khiến tôi nghĩ tới một nhân vật trong một cuốn sách nào đó, *một con quái vật có hai lưng, một con quái vật có hai lưng*. Tiếp tục *cận cảnh*! Lần này là tôi đang thu mình trong con hẻm giữa hai tòa nhà, hai mắt ướt nhòe, các cơ bắp liên tục co giật vì mệt mỏi. Tôi thấy mụ Y Tá và tên *chimpira* rời khỏi căn nhà, dừng lại một lúc trước cửa quan sát con phố, tên *chimpira* ve vẩy chùm chìa khóa còn mụ Y Tá thì siết chặt đai lưng chiếc áo mưa rồi cả hai từ từ mất hút vào bóng tối. Cả người tôi tê cứng, và khi sờ vào chỗ mặt bị va chạm lúc trước, tôi không cảm thấy đau như mình tưởng. Tôi chỉ bị chảy một ít máu mũi và máu miệng do răng bập vào môi. Lại *cận cảnh*, và mụ Y Tá không thấy quay lại nữa, cả con hẻm trở nên yên tĩnh, cửa ra vào của căn nhà đã bị giật tung ra khỏi bản lề, vẫn đang mở toang. Tôi trèo lên cầu thang một cách nặng nhọc, người vẫn run bần bật, ngập ngừng trước mỗi bước đi. Và rồi tôi ở trong phòng của mình, sững sờ nhìn cảnh tan hoang của nó, quần áo vứt vung vãi trên sàn, cửa bị phá, tất cả các ngăn tủ và ngăn kéo đều bị lục lọi. Rồi *cận cảnh*... vào khuôn mặt kinh hoàng của tôi. Tôi đứng ở giữa phòng, nhìn chiếc túi xách rỗng không, tìm tôi chùng xuống, vì đó là nơi tôi cất tất cả tiền nong dành dụm được trong mấy tháng qua. Cho tới tận lúc này, tôi chưa bao giờ nghĩ tới chuyện phải giấu chúng ở một nơi nào đó an toàn, nhưng giờ thì tôi đã có thể nhận ra rằng mụ Y Tá và tên *chimpira* không chỉ tới đây để tra tấn Jason mà còn để vơ vét bất cứ thứ gì chúng tìm thấy trong chuyến viếng thăm này.

Tôi đứng ngoài căn phòng một lúc và nhìn khắp chiều dài hành lang. Bình minh đang lên. Ánh sáng xuyên qua những ô cửa kính vỡ chiếu thành những hình xiên xẹo trên tấm thảm *tatami* lót sàn bụi bặm. Mọi thứ đều yên tĩnh đến kỳ quái, trừ tiếng nước nhỏ tong tong từ chiếc vòi nước trong bếp. Tất cả các phòng đều bị lục soát, cửa giả toang hoác, lạnh lẽo, những đồng hồ đặc cũ kỹ, bụi bặm, nằm ngổn ngang. Như thể quả tạ bê tông của những nhà phát triển bất động sản đã tới viếng thăm sớm hơn dự định. Phần lớn các cửa phòng đều mở. Trừ phòng Jason. Có cái gì đó ở căn phòng này khiến người ta chú ý. Cái gì đó tội lỗi và xấu hổ trong cái cách cánh cửa bị đóng lại rất chặt.

Thay vì gõ cửa, tôi đi tới phòng của Irina. Tôi cũng chỉ là một đứa nhát gan. Khi tôi kéo cửa ra thì thấy hai thân hình đang ôm chặt lấy nhau trong bóng tối: Svetlana và Irina, đang đi giật lùi về phía tường như muốn trèo lên đó như những con chuột, miệng lắp bắp nói không nên lời vì sợ hãi. “Là tôi đây mà,” tôi nói khẽ và giơ tay lên trấn an họ. Cả căn phòng ngập một thứ mùi của sợ hãi. “Là tôi đây mà.”

Mất một lúc hai chị em họ mới hoàn hồn, ngồi bệt xuống phòng nhưng vẫn không rời nhau. Tôi ngồi xuống bên cạnh họ. Irina trông rất khủng khiếp, hai má đầm nước mắt, son phấn nhòe nhoẹt khắp mặt. “Tôi muốn về nhà,” cô thều thào, mặt méo đi. “Tôi muốn về nhà.”

“Chuyện gì đã xảy ra? Mọi người đã làm gì?”

Svetlana vỗ vỗ vào lưng Irina và rít lên: “*Nó*. Phải gọi là nó chứ không phải là người. Nó tới đây, dồn hai chúng tôi vào đây, còn tên kia thì lấy tiền của chúng tôi. Lấy hết mọi thứ.”

“Mọi người có làm hai người bị đau không?”

Svetlana khịt mũi âm ỉ. Cô ấy cố tỏ ra không có chuyện gì. Nhưng sự bạo dạn thường ngày của cô ấy đã biến mất. “Không, nhưng nó chả cần động vào chúng tôi cũng đã khiến chúng tôi kinh hãi rồi.” Cô lấy tay chỉ vào góc nhà và diễn tả hình ảnh hai chị em co quắp nằm trong đó vì sợ hãi.

Irina kéo áo chùi mắt để lại hai vệt mascara đen sì trên vạt áo phông. “Đó đúng là một con quái vật. Một con *d'yavol* thực sự.”

“Nhưng sao chúng biết là chúng ta có tiền cơ chứ?”

Svetlana đang cố châm một liều thuốc nhưng hai tay cứ run lên bần bật. Cuối cùng cô chịu thua và quay sang nhìn tôi. “Cô có nói cho ai biết chúng ta kiếm được bao nhiêu tiền không?”

“Chúng không tới đây vì tiền,” tôi nói.

“Tất nhiên là vì tiền, cái gì chả dính đến tiền.”

Tôi không trả lời. Tôi cắn móng tay, vừa nhìn ra phía cửa vừa nghĩ: *Không. Các cô không hiểu. Chính Jason đã mang chúng tới đây. Chúng ta đang phải trả giá cho những gì mà anh ta đã nói hay làm với mẹ Y Tá tại bữa tiệc.*

Sự im lặng trong căn phòng khiến máu tôi như đông lại. Chúng tôi sẽ thấy gì khi mở cửa phòng Jason? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu... Tôi chợt nhớ tới bức ảnh trong đồng hồ sơ của Sử Trùng Minh, chuyện gì sẽ xảy ra nếu chúng tôi kéo cửa và nhìn thấy...

Tôi đứng dậy. “Chúng ta phải tới phòng của Jason.”

Svetlana và Irina không nói gì. Họ quay sang nhìn tôi vẻ nghiêm trọng.

“Chuyện gì vậy?”

“Cô không nghe thấy anh ta gây ra tiếng động gì à?”

“Chỉ một chút thôi, lúc đó tôi đang ngủ.”

“Ra thế, còn chúng tôi...” Svetlana cuối cùng đã châm được liều thuốc. Cô hít một hơi sâu rồi nhả khói ra. “*Chúng tôi* nghe thấy hết.” Cô liếc mắt sang phía Irina như để khẳng định điều đó. “Hừm, nên giờ người phải đi vào đó để xem sẽ không phải là chúng tôi.”

Irina khịt mũi và lắc đầu. “Không. Không phải là *chúng tôi*.”

Tôi nhìn vào mặt từng người bọn họ, tim tôi chùng xuống. “Không, dĩ nhiên là không rồi.” Tôi cố lấy giọng cứng rắn rồi bước ra cửa nhìn về phía phòng Jason. “Dĩ nhiên nên là tôi rồi.”

Svetlana bước tới sau lưng tôi, đặt tay lên vai tôi và nhòm ra ngoài hành lang. Trước cửa phòng Jason là một chiếc vali bị mở tung, đồ đạc bên trong bị ném tung tóe trên sàn, quần áo, hộ chiếu, giấy tờ. “Lạy Chúa tôi, hãy nhìn vào cái đồng lộn xộn kia,” cô thì thào bên tai tôi.

“Tôi biết.”

“Cô chắc là chúng đã bỏ đi rồi chứ?”

Tôi liếc nhìn về phía cầu thang yên tĩnh. “Chắc chắn.”

Irina cũng ra với chúng tôi, vừa đi vừa lấy vạt áo chùi mặt. Ba chúng tôi đứng túm tụm lại với nhau nhìn về phía cuối hành lang một cách e dè. Có một mùi gì đó, một mùi không thể nào quên được, một thứ mùi khiến tôi liên tưởng tới mùi thịt thối rữa trong thùng rác của cửa hàng thịt. Tôi nuốt nước bọt. “Nghe này, có lẽ chúng ta phải...” Tôi dừng lại. “Bác sĩ thì sao nhỉ? Có lẽ chúng ta phải đi tìm một bác sĩ.”

Svetlana cắn môi vẻ lưỡng lự và trao đổi ánh mắt với Irina. “Nếu chúng ta mang anh ta đi bác sĩ thì họ sẽ muốn biết chuyện gì đã xảy ra, Grey ạ, cảnh sát sẽ tới đây khám xét và rồi...”

“Chuyện nhập cư,” Irina khẽ liếm môi. “Chuyện nhập cư.”

“Và rồi, hừm, ai sẽ trả tiền đây?” Svetlana quay điều thuốc và nhìn chăm chăm vào đầu thuốc đang cháy như thể nó đang nghe cô nói. “Chẳng còn xu nào.” Cô gạt đầu. “Chẳng còn xu nào sót lại trong cái nhà này.”

“*Davai.*” Irina đặt tay lên lưng tôi, khẽ ẩy tôi đi. “Cô đi xem tình hình thế nào, rồi chúng ta bàn bạc sau.”

Tôi bước đi một cách chậm rãi, ngang qua chiếc vali và dừng lại trước cửa phòng anh ta, hai tay cứng đờ, mắt nhìn chăm chăm vào cái nắm cửa, chìm trong một sự im lặng ghê sợ. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu tôi không tìm thấy thi thể của anh ta? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu những giả thuyết của tôi về Fuyuki và thứ thuốc chữa bệnh của ông ta là đúng. Tôi chột nghĩ tới từ “đi săn”. Có phải mục Y Tá tới đây để săn môi? Tôi liếc nhìn về phía hai chị em người Nga đang đứng, hai tay Irina giữ chặt lấy tai như thể chờ nghe một tiếng nổ.

“Sẽ ổn thôi,” tôi lẩm bẩm với chính mình. Tôi quay người, bồn chồn đặt một tay lên nắm đấm cửa và hít một hơi thật sâu. “Sẽ ổn thôi.”

Tôi bắt đầu đẩy nhưng cánh cửa không hề di chuyển.

“Sao vậy?” Svetlana rít lên.

“Tôi không biết.” Tôi lắc mạnh nắm đấm cửa. “Cửa khóa,” tôi áp miệng lên cánh cửa. “Jason?”

Tôi chờ đợi, dỏng tai nghe ngóng.

“Jason, anh có nghe thấy tôi không?” Tôi gõ lên cánh cửa. “Jason, anh có nghe thấy tôi không? Anh có...”

“Biến đi.” Giọng anh ta nghe nghẹt, như thể anh ta đang nằm trong chần. “Ra khỏi cửa phòng tôi và biến đi.”

Tôi lùi lại một bước, chống một tay lên tường để trấn tĩnh lại, đầu gối run lẩy bẩy. “Jason, anh...” Tôi hít thở thật sâu. “Anh có cần bác sĩ không? Tôi sẽ đưa anh tới Roppongi nếu anh muốn...”

“Tôi nói là biến đi.”

“Chúng ta có thể bảo họ là chúng ta sẽ trả tiền vào tuần sau khi...”

“Cô có bị điếc không?”

“Không,” tôi nói, dấn ánh mắt vô hồn vào cánh cửa. “Không, tôi không điếc.”

“Anh ta không sao chứ?” Svetlana rít lên.

Tôi ngẩng lên nhìn cô. “Gì cơ?”

“Anh ta không sao chứ?”

“Ừm, chắc là thế, tôi nghĩ là anh ta không sao.” Tôi nói, đưa tay quệt ngang mặt và nhìn vào cánh cửa phòng Jason một cách ngờ vực.

Phải rất lâu sau chúng tôi mới tin là mẹ Y Tá sẽ không trở lại. Và phải mất thêm một khoảng thời gian lâu hơn nữa để chúng tôi có đủ can đảm đi kiểm tra ngôi nhà. Căn nhà bị xáo trộn một cách khủng khiếp. Chúng tôi dọn dẹp một chút rồi thay nhau chui vào buồng tắm. Tôi tắm rửa trong tình trạng mê mụ, chườm khăn lên khuôn mặt sưng vù. Chân tôi bị xước nhiều chỗ khi tôi nhảy ra ngoài cửa sổ. Thật trùng hợp là những vết xước này nằm ngay trên chỗ tôi mơ thấy đứa bé cắn mình. Chúng có thể là những vết răng trẻ con. Tôi nhìn chúng rất lâu tới khi cả người tôi run lên bần bật và răng va vào nhau lập cập.

Irina tìm thấy một ít tiền còn sót lại trong túi áo khoác mà tên *chimpira* không để ý và cho tôi vay một nghìn yên. Tắm xong, tôi dọn dẹp lại phòng mình, cẩn thận quét sạch mảnh kính vụn và những mảnh vỡ từ chiếc cửa ra vào bị đập thủng, cất sách vào tủ và sắp xếp lại đồng tranh ảnh và tài liệu, rồi nhét tiền của Irina đưa cho vào trong túi và bắt tàu điện ngầm tới Hongo.

Khu khuôn viên đại học trong cơn mưa trông khác hẳn so với lần cuối cùng tôi tới đây. Những đám lá cây rậm rạp đã biến mất, và bạn có thể nhìn thấy toàn cảnh những con đường dẫn ra hồ nước, khu nhà liên hợp và lớp mái ngói trang trí cầu kỳ của cung thể thao vươn lên sau những hàng cây. Giờ này vẫn còn sớm thế mà Sử Trùng Minh đã tiếp sinh viên, một thanh niên cao ráo, mặt lồm đồm tàn nhang, vận một chiếc áo len màu da cam có in chữ *Bathing Ape* ở đằng trước. Cả hai ngừng nói khi thấy tôi xuất hiện. Mặt tôi bầm tím, máu đóng khô lại dưới mũi, hai tay nắm chặt, còn người thì run lên. Tôi đứng sững lại giữa phòng và chỉ thẳng vào Sử Trùng Minh. “Ông đã bắt tôi đi một đoạn đường dài,” tôi nói. “Ông đã bắt tôi đi một đoạn đường dài, nhưng tôi không thể nào đi xa hơn được nữa. Đã đến lúc ông phải cho tôi xem bộ phim đó.”

Sử Trùng Minh từ từ đứng dậy. Ông tì vào chiếc gậy rồi giơ tay ra hiệu cho cậu sinh viên lúc này đang ngồi chết trân trên ghế nhìn tôi. “*Giờ thì đi ra ngoài, nhanh lên.*” Cậu sinh viên đứng dậy, mặt mũi căng thẳng, mắt nhìn xoáy vào tôi khi cậu ta thận trọng bước ra khỏi phòng, khép cánh cửa lại sau lưng.

Sử Trùng Minh không quay lại ngay lập tức. Ông đứng đó một lúc lâu, tay đặt trên cánh cửa, quay lưng lại phía tôi. Đã gần một phút trôi qua

kể từ khi chỉ còn hai chúng tôi ở lại trong phòng, và khi không còn trì hoãn thêm được nữa, ông quay lại phía tôi. “Giờ thì cô đã bình tĩnh lại chưa?”

“*Bình tĩnh?* Có chứ, tôi bình tĩnh chứ. Rất bình tĩnh.”

“Ngồi xuống đi. Ngồi xuống và kể cho tôi nghe chuyện gì đã xảy ra.”

## 史 Nam Kinh, ngày 20 tháng Mười hai năm 1937

Không có gì đau đớn và tê tái hơn khi một người đàn ông kiêu hãnh phải thú nhận rằng mình đã sai lầm. Chúng tôi rời khỏi khu nhà máy, bỏ lại đứa bé nằm chết bên vệ đường. Tới đoạn phải rẽ về nhà tôi, ông Lưu vỗ vỗ lên tay tôi. “Về nhà đi và chờ tôi,” ông thì thầm. “Tôi đưa thằng Lưu bé về nhà rồi sẽ tới gặp cậu ngay. Chúng ta phải làm gì đó thôi.”

Khoảng hai mươi phút sau, khi nghe thấy tiếng gõ cửa theo ám hiệu, tôi ra mở cửa thì thấy ông đang đứng đó với một ống quyển bằng tre kẹp dưới nách.

“Chúng ta cần phải nói chuyện,” ông thì thào rồi nhìn quanh để chắc là Thu Kim không nghe thấy. “Tôi có một kế hoạch.”

Ông cởi giày ra theo phép lịch sự và bước vào căn phòng nhỏ mà chúng tôi dùng làm phòng khách. Căn phòng vốn luôn được Thu Kim dọn dẹp một cách cẩn thận, có đặt mấy chiếc ghế và một chiếc bàn sơn mài màu đỏ với những hình rồng và hoa mẫu đơn khảm xà cừ lóng lánh. Chúng tôi ngồi xuống bàn. Thu Kim không thắc mắc gì về sự hiện diện của ông Lưu. Cô ấy đi lên gác chải lại tóc và vài phút sau tôi nghe thấy tiếng cô ấy đun nước trong bếp.

“Chỉ có trà và vài chiếc bánh mà vợ già cho chúng tôi để mời già thôi, già Lưu Nhuận Đức ạ,” tôi nói. “Chúng tôi chẳng còn gì hơn. Thành thật xin lỗi già.”

Ông cúi đầu. “Đừng bận tâm chuyện đó.”



Trong ống quyển của ông Lưu có một tấm bản đồ Nam Kinh mà ông đã nghiên cứu rất kỹ lưỡng. Chắc ông đã nghiên ngẫm nó suốt mấy hôm nay. Khi Thu Kim mang trà đến và rót đầy vào cốc của chúng tôi thì ông trải tấm bản đồ ra trước mặt tôi.

“Đây là nhà của một người bạn cũ,” ông nói và khoanh một chấm phía bên ngoài khu vực Xóa Lộ Khẩu. “Một thương gia buôn muối rất giàu có, nhà của ông rất rộng, có giếng nước sạch, một vườn lựu và rất nhiều lương thực dự trữ. Không cách núi Tử Kim quá xa. Và đây,” ông đánh một dấu thập cách đó vài cây số, phía gần thành phố. “Đây là cổng Thái Bình, nghe nói tường thành ở đây gần như bị phá sập hết, nên có thể dễ dàng vượt qua để chạy về phía Tây, quân Nhật lại không có đủ người để canh gác chỗ này. Cứ cho là chúng ta vượt qua được cửa ải này, chúng ta sẽ tiếp tục đi dọc theo các con phố nhỏ phía sau đường Xóa Lộ Khẩu tới bên bờ sông ở phía Bắc của thành phố. Xóa Lộ Khẩu không có vị trí chiến lược quan trọng đối với quân Nhật nên nếu may mắn, chúng ta có thể tìm được thuyền vượt sông sang tới tỉnh An Huy.” Hai chúng tôi im lặng một lúc, nghĩ tới cảnh đất dúi cả gia đình qua tất cả những nơi nguy hiểm đó. Một lúc sau như thể đọc thấy sự nghi ngờ của tôi, ông Lưu gật đầu. “Đúng vậy, tôi biết. Mọi chuyện đều phải phụ thuộc vào việc quân Nhật sẽ tập trung mọi sự chú ý về phía thượng nguồn ở Hạ Quan và Mi Đàm.”

“Thầy đài nói là nay mai sẽ có thông cáo về việc thành lập các ủy ban tự quản.”

Ông nhìn tôi với một vẻ nghiêm trọng không hề che giấu. “Thầy Sử thân mến, cũng như tôi, cậu biết rõ là nếu chúng ta ở lại, chúng ta sẽ giống như một lũ chuột cống, chui rúc chờ bọn Nhật đến tìm.”

Tôi sờ tay lên đầu, miệng mấp máy. “Vâng, đúng vậy.” Nước mắt tôi chọt trào ra, những giọt nước mắt tôi vốn không muốn ông Lưu nhìn thấy. Nhưng ông đã quá già và từng trải nên ngay lập tức ông biết chuyện gì đã xảy ra với tôi.

“Thầy Sử này, đừng có tự giày vò bản thân mình nhiều quá, có biết không? Tôi cũng chẳng giỏi giang gì hơn. Chính tôi cũng mắc tội quá kiêu hãnh.”

Một giọt nước mắt lăn xuống má tôi và rơi xuống bàn, đúng vào mắt của con rồng. Tôi nhìn nó đờ đẫn. “Tôi đã làm gì thế này,” tôi thì thào. “Tôi đã làm gì với vợ tôi? Với con tôi?”

Ông Lưu nhòai người ra, nắm lấy tay tôi. “Chúng ta đã mắc sai lầm. Tất cả chúng ta đều mắc sai lầm. Chúng ta là những con người nhỏ bé, thiếu hiểu biết, nhưng tất cả chỉ có thế. Chỉ là một chút thiếu hiểu biết thôi, cả cậu và tôi.”

Đôi khi người ta quên mất thế nào là sự cảm thông mà chỉ nhằm nhằm chỉ trích bạn về mọi việc, cả những việc bạn trót làm do không biết đó là sai. Khi tôi giải thích chuyện gì đã xảy ra ở ngôi nhà thì việc đầu tiên Sử Trùng Minh muốn biết là liệu tôi có gây nguy hiểm gì cho cuộc tìm kiếm của ông không? Rằng tôi có buột miệng nói cho ai biết về những gì ông đang theo đuổi hay không? Ngay cả khi tôi kể lại cho ông lần nữa, với các lời giải thích gần xa về những hành động của Jason tôi hôm đó và việc anh ta dẫn mẹ Y Tá tới nhà thì Sử Trùng Minh vẫn không tỏ ra cảm thông như tôi mong đợi. Ông muốn biết nhiều hơn nữa.

“Sao bạn cô lại làm chuyện kỳ quặc thế. Anh ta nghĩ gì không biết nữa?”

Tôi không trả lời. Nếu tôi kể cho ông nghe về Jason, về những chuyện đã xảy ra giữa hai chúng tôi thì sẽ lại giống như ngày xưa ở bệnh viện, người ta lại bắt đầu thắc mắc về những hành vi của tôi, nhìn tôi và liên tưởng tới cảnh những kẻ mọi rợ, bản thủ đang giao phối trong rừng.

“Cô có nghe tôi nói gì không?”

“Xem này,” tôi nói và đứng dậy. “Tôi sẽ giải thích mọi chuyện một cách kỹ càng.” Tôi bước lại gần cửa sổ. Bên ngoài trời vẫn mưa, những giọt nước mưa rỏ xuống từ cành cây thấm đẫm những hình nộm mục tiêu bằng rom trong khu bắn cung. “Việc mà ông yêu cầu tôi làm là một việc rất, rất, *rất* nguy hiểm. Một trong hai chúng ta có thể chết vì nó, tôi không hề phóng đại đâu. Giờ tôi sẽ kể cho ông nghe một chuyện rất quan trọng...” Tôi khẽ rùng mình rồi xoa lên cánh tay đang nổi da gà. “Chuyện này nghiêm trọng hơn rất nhiều so với những gì ông có thể tưởng tượng ra. Tôi đã có những phát hiện. Những phát hiện khó tin.” Sử Trùng Minh ngồi bất động bên bàn, lắng nghe tôi nói, mặt cau lại vì căng thẳng. “Có những câu chuyện,” tôi hạ thấp giọng, “về việc người ta cắt rời các bộ phận trên thi thể người chết để

dùng làm thuốc chữa bệnh, uống nó. Ông có hiểu tôi đang nói gì không? Ông có hiểu không?” Tôi lấy hơi. “Ăn thịt người.” Tôi đợi một lúc để ông tiêu hóa được từ này. Ăn thịt người. *Ăn thịt người*. Bạn có thể cảm thấy những từ này tự nó vang lên, sinh sôi trên bốn bức tường, nhưng nhúc và nhờn nhúc trên tấm thảm lót sàn. “Ông sẽ bảo là tôi bị điên. Tôi biết là ông sẽ nói thế nhưng tôi đã quá quen với điều đó rồi và tôi thật sự chẳng quan tâm vì tôi đang nói với ông rằng: *cái thứ mà ông tìm hiểu bấy lâu nay ấy, giáo sư Sử ạ, chính là thịt người.*”

Một vẻ bất an chậm rãi lan dần trên gương mặt Sử Trùng Minh. “Ăn thịt người,” ông nói giọng sắc lạnh, những ngón tay di chuyển tới lui trên bàn. “Đó là ý cô muốn nói à?”

“Đúng vậy.”

“Một phỏng đoán khác thường.”

“Tôi không mong đợi ông tin tôi, ý tôi là, nếu cái công ty ở Hồng Kông nghe được tin này, họ sẽ...”

“Nếu cô có bằng chứng thì đưa nó cho tôi.”

“Đó chỉ là những điều tôi nghe được. Fuyuki từng cai quản một khu chợ đen. Ông có bao giờ nghe nói tới *zanpan* không? Tất cả mọi người ở Tokyo đều nói rằng cái món thịt hầm bán ở chợ này là...”

“Nhưng cô tận mắt thấy được những gì? Hừm? Cô có thấy Fuyuki uống máu không? Người ông ta có bốc mùi khủng khiếp hay da ông ta có màu đỏ không? Đó là những dấu hiệu để nhận biết một kẻ ăn thịt người, cô có biết không?” Trong giọng ông ta có cái gì đó đầy cay đắng. “Tôi tự hỏi, liệu căn hộ của ông ta có cái gì đó giống như những gian bếp kinh hoàng trong truyện *Thủy Hử*? Với chân tay người treo lủng lẳng khắp nơi. Da người thì căng ra khắp tường, sẵn sàng để bỏ vào nồi.”

“Ông đang cười nhạo tôi.”

Chân mày ông lăm lăm mồ hôi và yết hầu nơi cổ họng ông lên xuống liên tục dưới lớp cổ áo.

“Xin đừng chế giễu tôi,” tôi nói. “Xin đừng chế giễu.”

Ông hít một hơi dài, hơi nghiêng người trên ghế. “Không, tất nhiên là tôi sẽ không làm thế.” Ông đẩy chiếc ghế đứng dậy và tiến về phía lavabo, vặn vòi nước và táp vào miệng. Rồi ông đứng đó một lúc nhìn nước chảy, quay lưng lại phía tôi. Cuối cùng ông khóa vòi nước, trở lại ghế của mình và ngồi xuống. Mặt ông đã dịu lại một chút. “Tôi xin lỗi.” Ông nhìn vào đôi bàn tay mảnh dẻ của mình trên bàn. Chúng đang xoắn vào nhau như thể chúng có cuộc sống của riêng mình. “VẬY ĐÂY,” cuối cùng ông nói. “*Ăn thật người*, đúng không? Nếu cô tin như thế thì cô sẽ mang tới cho tôi bằng chứng về chuyện đó.”

“Cái gì cơ? Ông không thể đòi hỏi hơn được. Tôi đã làm *tất cả mọi thứ*. Tất cả những gì ông yêu cầu.” Tôi nghĩ tới ngôi nhà, tới những cửa sổ và cửa ra vào bị đập phá, tới số tiền đã bị cướp đi. Tôi nghĩ tới bóng của mẹ Y Tá in trên Tòa nhà Muối, đang làm những gì với Jason? *Con quái vật có hai lưng...* “Ông đã không giữ lời. Ông đã nuốt lời. Và giờ lại nuốt lời thêm một lần nữa!”

“Chúng ta có một thỏa thuận. Tôi cần có bằng chứng chứ không phải những lời nói suông.”

“*Ông không hề nói thế.*” Tôi tiến tới chiếc máy chiếu phim, kéo nó ra khỏi góc tường, giật tung lớp nylon bọc ngoài, lật nắp ra để tìm chỗ giấu cuộn phim. “Tôi cần cuộn phim đó.” Tôi lại gằn giá sách, rút các quyển sách ra khỏi ngăn, ném nó xuống sàn, thò tay vào những cái hộc đằng sau. Tôi đẩy đồng tài liệu rơi tung tóe, giật tấm màn che cửa sang một bên. “Ông giấu nó ở đâu? Ở đâu?”

“Làm ơn ngồi xuống và chúng ta sẽ nói chuyện.”

“Không, ông không hiểu. Ông là một kẻ lừa đảo.” Tôi nắm chặt hai tay lại và hét lên. “*Ông là kẻ lừa đảo.*”

“Cuộn phim đã được cất giữ cẩn thận. Tôi không có chìa khóa ở đây. Dù muốn thì giờ tôi cũng không thể lấy nó ra được.”

“Đưa nó cho tôi.”

“*Đủ rồi đấy!*” Ông đứng dậy, thở dòn, mặt đỏ bừng và chìa cây gậy về phía tôi. “*Đừng,*” ông nói, ngực phập phồng. “Đừng có xúc phạm tôi khi

cô chưa hiểu cô đang đối mặt với chuyện gì. Giờ thì ngồi xuống.”

“Cái gì cơ?” Tôi nói, đột nhiên trở nên mất cảnh giác.

“Ngồi xuống. Ngồi xuống và nghe cho kỹ.”

Tôi im lặng nhìn ông chăm chăm. “Tôi không hiểu nổi ông nữa.” Tôi thì thào, lấy ống tay áo chùi mặt và chỉ vào mặt ông. “Ông. Tôi không tài nào hiểu nổi ông.”

“Tất nhiên là cô không hiểu rồi. Giờ thì *ngồi xuống*.”

Tôi ngồi xuống nhìn ông ta gườm gườm.

“Giờ thì làm ơn.” Sử Trùng Minh đẩy chiếc ghế lùi ra phía sau rồi ngồi xuống, thở một cách nặng nhọc, cố lấy lại bình tĩnh, kéo lại hai tà áo khoác và vuốt phẳng như thể hành động đó sẽ giúp xua đi cơn giận dữ trong ông. “Hãy làm ơn... Cô nên biết rằng đôi khi phải trả giá khi suy xét những vấn đề vốn nằm ngoài sự nhận thức tức thời của mình...” Ông lấy khăn mùi soa dấp dấp mồ hôi trên trán. “Giờ để tôi thú nhận với cô chuyện này.”

Tôi sột ruột thở hắt ra. “Tôi không cần sự thú nhận của ông, tôi cần...”

“*Hãy lắng nghe*,” ông giơ hai cánh tay run rẩy lên. “Tôi muốn thú nhận rằng, cô đã nói đúng. Hay chính xác hơn là cô gần đúng. Khi cô đoán là, khi cô đoán là Fuyuki đã dùng...” Ông dứt chiếc khăn mùi soa vào túi, đặt hai tay lên bàn, hết nhìn tay này lại sang tay kia như cố lấy lại sự tập trung. “Khi cô đoán là...” Ông dừng lại, rồi nói tiếp bằng giọng đều đều, “... *ăn thịt người*, cô đã gần đúng.”

“Không phải là ‘gần đúng’! Tôi có thể đọc thấy điều đó trên nét mặt của ông. Tôi đã đúng, có phải thế không?”

Ông lại giơ hai tay lên. “Cô đã đúng ở một số điểm. Nhưng không phải là tất cả. Có thể cô đã đúng về những lời đồn đại rùng rợn rằng thịt người được bán trong các khu chợ ở Tokyo. Các thần linh từng chứng kiến những chuyện khủng khiếp mà *yakuza* đã làm trong thời gian xảy ra nạn đói ở thành phố này và vào thời điểm đó thì ở Tokyo, tìm thấy một xác chết không phải là chuyện khó. Nhưng ăn thịt người để chữa bệnh à?” Ông nhặt một chiếc ghim và vặn, xoắn nó một cách máy móc. “Đây lại là một chuyện

khác hẳn. Nếu nó đang tồn tại trong thế giới ngầm ở Nhật thì có nghĩa là nó đã xuất hiện trong một tầng lớp xã hội nào đó ở Nhật từ nhiều thế kỷ trước và tái hiện lại vào những năm bốn mươi, sau cuộc chiến tranh Thái Bình Dương.” Chiếc kẹp giấy giờ đã được xoắn thành hình một con sếu. Sử Trùng Minh đặt nó lên bàn và nhìn nó chăm chú. Sau đó ông nắm chặt hai tay lại với nhau và quay sang nhìn tôi: “Và đây là lý do tại sao cô cần phải lắng nghe. Tôi sẽ nói cho cô biết đích xác lý do tại sao tôi vẫn *chưa thể* trao cho cô cuộn phim đó.”

Tôi làm bầm trong họng rồi ngồi xuống, hai tay khoanh lại. “Ông biết không, cái giọng nói của ông làm tôi bực mình. Nhiều lúc tôi ghét phải nghe nó.”

Sử Trùng Minh nhìn tôi một lúc lâu. Đột nhiên gương mặt ông sáng lên, một nụ cười thoáng qua khóe miệng. Ông vứt chiếc kẹp ghim hình con sếu vào sọt rác, đẩy chiếc ghế lùi lại rồi đứng lên và lôi ra một chùm chìa khóa từ chiếc hộp trên bàn. Ông mở ngăn kéo và lấy ra một quyển sổ ghi chép có lớp bìa da mỏng, được cột lại bằng dây, trông có vẻ cũ kỹ. Ông tháo dây ra, những trang giấy vàng úa rơi xuống bàn. Trên đó chỉ chít những chữ Trung Quốc nhỏ li ti và rất khó đọc. “Nhật ký của tôi,” ông nói. “Vào thời gian tôi ở Nam Kinh.”

“Ở Nam Kinh?”

“Cô nhìn thấy gì?”

Tôi nhào người ra phía trước, bần khoăn, liếc nhìn những dòng thư pháp nhỏ xíu và cố đoán ra ý nghĩa của một từ hay một câu nào đó.

“Tôi hỏi là cô nhìn thấy gì?”

Tôi ngược nhìn ông. “Tôi thấy một quyển nhật ký.” Tôi định thò tay ra để chạm vào nó thì ông giật nó lại và giữ chặt lấy.

“Không, cái cô nhìn thấy không phải là một quyển nhật ký. Nhật ký chỉ là một khái niệm, giống như một câu chuyện. Cô không thể *nhìn thấy* một câu chuyện.” Ông vuốt ve trang đầu tiên của quyển sổ. “Cái này là cái gì?”

“Giấy. Tôi có thể đọc nó ngay bây giờ không?”

“Không. Thế trên giấy có gì?”

“Thế ông có định cho tôi mượn không?”

“Nghe này. Tôi đang cố gắng giúp đỡ. Trên giấy là cái gì?”

“Chữ viết, mực.”

“Chính xác.” Ánh sáng xám nhạt hắt từ cửa sổ khiến khuôn mặt của Sử Trùng Minh gần như trong suốt. “Cô nhìn thấy giấy và cô nhìn thấy mực. Nhưng rồi một ngày chúng không còn chỉ là giấy và mực nữa, chúng đã trở thành một cái gì đó quan trọng hơn thế nhiều. Chính những suy nghĩ và đức tin của tôi đã chuyển hóa chúng. Chúng đã trở thành nhật ký.”

“Tôi không biết gì về nhật ký và mực hay giấy,” tôi nói, mắt vẫn dán vào quyển nhật ký. “Nhưng tôi biết là tôi đúng. Fuyuki đang làm những thí nghiệm về ăn thịt người.”

“Tôi quên mất là người phương Tây không hiểu về nghệ thuật lắng nghe. Nếu cô lắng nghe một cách cẩn thận với cái kiểu bốt phương Tây đi một chút thì cô sẽ biết là tôi không hề phản đối những quan điểm của cô.”

Tôi đứng ngây ra nhìn ông định buột miệng hỏi thêm nhưng rồi tôi bắt đầu hiểu ra ý của ông. “Ôi, ôi, tôi nghĩ là...” Tôi yếu ớt thốt lên.

“Cô nghĩ?”

“Tôi...” Tôi ngồi xuống ghế, chìm trong dòng suy nghĩ của riêng mình, đầu nghiêng sang một bên, miệng mấp máy không thành tiếng. Trong đầu tôi hiện ra một loạt hình ảnh về những cậu bé ở Poro, Liberia, đang ngồi chồm hồm trong bụi cây trên kẻ thù của mình một cách dữ tợn, về Hiệp hội Người-Báo, về tất cả những kẻ từng ăn thịt kẻ thù trên thế giới này, một thứ gì đó mà ý niệm và đức tin của họ đã chuyển hóa. Chữ năng lượng mà tôi vẽ bằng chữ *kanji* tối hôm trước quay trở lại trong đầu tôi. “Tôi nghĩ,” tôi nói một cách chậm rãi. “Tôi nghĩ, thịt người cũng có thể được chuyển hóa, đúng không? Thịt của một số người có thể có một, một thứ năng lượng nào đó...”

“Đúng vậy.”



“Một thứ năng lượng, nó có thể được chuyển hóa bởi... bởi một quá trình? Hay bởi...” Tôi chợt hiểu ra tất cả. Tôi nhìn ông. “Không phải ăn thịt ai cũng được. Mà phải là một người nào đó rất đặc biệt. Một người nào đó có ý nghĩa đặc biệt đối với Fuyuki, có đúng thế không?”

Sử Trùng Minh xúc lại quyển nhật ký rồi buộc nó bằng sợi dây thun, miệng mím lại. Ông nói mà không nhìn tôi. “Đó chính là điều cô cần phải tìm ra.”

Tôi ngồi im lặng, tay ôm đầu khi chiếc tàu cao tốc trên không đưa tôi đi xuyên qua Tokyo, dưới bầu trời xanh vợi, giữa những tấm biển quảng cáo bằng đèn neon, những tòa nhà cao tầng màu vàng trắng lấp lánh, giữa cái ồn ào náo nhiệt của thành phố. Tôi ngây nhìn những tòa công sở mười tầng với những cô thư ký mặc áo sơ mi tề chỉnh, đi tất da chân đang nhìn lại tôi qua cửa sổ. Đôi khi, Sử Trung Minh đòi hỏi ở tôi quá nhiều. Đôi khi, ông ta làm tôi đau đầu. Tới Shinjuku, đoàn tàu đi ngang qua một tòa nhà cao tầng với hàng trăm màn hình tivi đưa hình ảnh một người đàn ông trong bộ vest tuxedo màu vàng đang hát trước camera. Tôi ngây người nhìn ông ta một lúc. Rồi tôi nhận ra.

### *Bison?*

Tôi đứng dậy, đi về phía cửa sổ và nhìn lên tòa nhà. Chính là ông ta, một Bison trẻ trung và mảnh mai hơn người mà tôi đã biết, ông ta đang hát, đầu nghiêng nghiêng, tay giơ về phía camera, hình ảnh của ông ta được phát đi phát lại, hàng trăm lần, rồi các màn hình được nhân lên cho tới khi cả tòa nhà được bao bọc bởi hình ảnh của ông ta. Dưới mỗi màn hình phía bên trái đều có logo của hãng truyền hình NHK. Bản tin thời sự. Bison xuất hiện trong bản tin thời sự. Ngay khi đoàn tàu sắp đi qua khỏi tòa nhà chọc trời, khuôn mặt ông ta trên màn hình được thay thế bằng hình ảnh một chiếc xe cảnh sát đỗ ngoài một ngôi nhà ở Tokyo. *Cảnh sát*. Tôi tì tay vào cửa sổ, cố ngoái lại nhìn tòa nhà cao tầng đang biến mất phía sau. Hơi thở của tôi phả mờ tấm kính trước mặt. *Bison? Tại sao ông lại xuất hiện trên bản tin?*

Khi tôi về tới nhà thì trời đã tối nhưng cả ngôi nhà chẳng có đèn đóm gì trừ chỗ cầu thang lên xuống. Svetlana đang đứng bên ngoài nhìn chằm chằm vào cái gì đó trên mặt đất, sau lưng cửa mở toang. Cô ấy đi một đôi

ủng cao, một chiếc áo khoác lông mịn màu hồng dài tới gối, tay ôm một túi quần áo bỏ đi.

“Cô có xem tin tức không?” Tôi hỏi. “Cô có xem vô tuyến không?”

“Tivi muối lăm.”

“Cái gì cơ?”

“Nhìn đây này.”

Đám cây leo, cây bụi bao quanh ngôi nhà bị giẫm đạp tả tơi. Có thể mục Y Tá và tên *chimpira* đã đứng đây theo dõi chúng tôi qua cửa sổ. Svetlana lấy mũi ủng màu hồng gạt một đám cây bụi ra và chỉ vào một con mèo nằm chết cạnh đó, cái đầu nát bét của nó còn nguyên dấu vết của đế giày. “*Suka*, đúng là đồ chó cái. Chỉ là một con mèo nhỏ thôi mà. Đâu có gì nguy hiểm.” Svetlana lăm bằm, ném túi rác ra vệ đường rồi leo lên gác. “Đồ chó cái.”

Tôi đi theo cô ấy lên nhà, đột nhiên rùng mình. Đồng bóng đèn vỡ và vài mảnh vụn từ những chiếc cửa bị đập thủng vẫn lăn lóc trên sàn. Tôi nhìn hành lang im ắng về đề phòng.

“Cô có xem tin tức không?” Tôi hỏi lại và bước vào phòng khách. “Vô tuyến vẫn xem được chứ?” Chiếc tivi bị hất đổ kênh sang một bên, nhưng nó vẫn hoạt động khi tôi đặt nó lại ngay ngắn và thử bật lên. “Baisan vừa xuất hiện trên vô tuyến.” Tôi cúi xuống chiếc tivi và ấn nút chuyển kênh. Chỉ có hoạt hình, quảng cáo đồ uống tăng lực, những cô gái mặc bikini. Cả những con sóc hoạt hình nhảy múa. Nhưng không có tin gì về Bison. Tôi lại lướt qua tất cả các kênh một lần nữa, bắt đầu thấy sốt ruột. “Đã xảy ra chuyện gì đó. Tôi vừa thấy ông ta hai mươi phút trước đây. Thế cô không xem...” Tôi ngoái lại nhìn. Svetlana đứng im lặng, khoanh tay bên ngưỡng cửa. Tôi đứng thẳng người dậy. “Có chuyện gì vậy?”

“Chúng tôi chuyển ra ngoài.” Cô ấy chỉ tay quanh căn phòng. “Nhìn xem.”

Những chiếc túi du lịch Matusya màu xám và trắng nhét đầy hành lý nằm la liệt khắp nơi. Tôi nhìn thấy những chiếc mắc áo, mấy cuộn giấy vệ sinh và một cái quạt sưởi thò ra ngoài. Trên ghế sofa là những túi nylon

chật cứng quần áo. Tôi đã không để ý tới chúng. “Tôi và Irina. Chúng tôi đã tìm thấy một câu lạc bộ khác. Ở Hiroo.”

Và rồi Irina xuất hiện trong hành lang, kéo theo một kiện quần áo dán băng dính chằng chịt. Cô ấy cũng đã mặc áo khoác và tay cầm một điều thuốc lá Nga nặng mùi. Cô ấy thả kiện quần áo xuống và lại đứng đằng sau Svetlana, tựa cằm lên vai cô chị và nhìn tôi vẻ rầu rĩ. “Một câu lạc bộ tốt.”

Tôi chớp mắt. “Các cô đang chuyển nhà à? Các cô sẽ sống ở đâu?”

“Cái căn hộ mà chúng tôi sẽ ở, cô gọi nó là gì nhỉ? Nó ở trên tầng thượng của câu lạc bộ?” Cô ấy chụm tay lại, hôn lên đầu ngón tay của mình rồi nói tiếp. “Cao cấp.”

“Nhưng bằng cách nào?” Tôi hỏi một cách ngây ngô. “Bằng cách nào mà các cô...”

“Do khách hàng của tôi giúp. Ông ấy sẽ đưa chúng tôi tới đó bây giờ.”

“Grey, đừng nói *bất kỳ* điều gì với ai nhé, được chứ? Đừng nói với Mama Strawberry là chúng tôi sẽ đi đâu, đừng nói gì với bất cứ cô gái nào, được không?”

“Được.”

Một chút ngập ngừng rồi Svetlana cúi người về phía tôi, đặt tay lên vai tôi và nhìn vào mắt tôi với một vẻ khiến tôi hơi hoảng sợ. “Nghe này, Grey, cô nên nói chuyện với anh ta.” Cô ấy hát đầu về phía phòng Jason lúc này vẫn đóng im ỉm. “Chuyện nghiêm trọng đấy.”

Irina gật đầu. “Anh ta bảo chúng tôi, ‘*Đừng có nhìn tôi*’, nhưng chúng tôi đã nhìn thấy anh ta.”

“Đúng, chúng tôi nhìn thấy anh ta cố gắng di chuyển, cố gắng... tiếng Anh gọi là gì nhỉ, bò lê? Bằng cả bốn chi, giống như con chó ấy? Gọi là bò à?”

“Bò à? Ý cô nói là anh ta phải bò đi?” Một linh cảm xấu chột lan khắp người tôi.

“Đúng thế. Bò. Anh ta cố gắng bò.” Cô ấy trao cho Irina một cái nhìn bất an. “Grey, nghe này.” Cô liếm môi. “Chúng tôi nghĩ rằng đúng là anh ta cần phải gặp bác sĩ. Anh ta nói anh ta không cần, nhưng... Anh ta đã gặp phải chuyện gì đó tồi tệ. Chuyện gì đó rất tồi tệ.”

Hai cô gái đã đi, một chiếc xe Nissan màu trắng, có ghế bảo hiểm dành cho trẻ em ở băng sau, tới đón họ đi, lái xe là một người đàn ông mặt mũi trông căng thẳng. Họ đi rồi, căn nhà trở nên lạnh lẽo và hoang vắng như thể nó bị khóa lại vào mùa đông. Cánh cửa phòng Jason vẫn khép chặt, ánh sáng le lói hắt ra từ phía dưới bậc cửa, nhưng tuyệt nhiên không nghe thấy tiếng động gì. Tôi đứng đó, giơ tay lên định gõ, cố nghĩ xem mình sẽ phải nói gì. Một lúc sau, tôi vẫn không biết làm thế nào nên cứ gõ đại. Lúc đầu, không thấy ai trả lời. Khi tôi gõ thêm lần nữa thì nghe thấy một tiếng nghèn nghẹt: “Gì đây?”

Tôi kéo cửa ra. Căn phòng lạnh cóng, nguồn sáng duy nhất trong căn phòng phát ra từ màn hình màu xanh của chiếc tivi nhỏ đặt trên cửa sổ. Trong bóng tối lờ mờ, tôi nhìn thấy trên sàn ngổn ngang những thứ linh tinh, chai lọ rỗng, quần áo bỏ đi, và cái gì đó giống như thùng rác cao bằng nhôm hay để trong bếp. Trên tivi, một cô gái người Nhật trong trang phục cổ động viên bóng chày đang nhảy qua những hòn đảo nổi trong một bể bơi, mỗi cú nhảy như thế, chiếc váy ngắn của cô ta lại tung bay phấp phới. Đó là dấu hiệu duy nhất của sự sống trong căn phòng. Ở cửa ra vào chắn ngang lối đi là chiếc bàn của Jason.

“Trèo qua đi,” anh ta nói. Giọng nói dường như phát ra từ chiếc tủ quần áo.

Tôi thò đầu vào, cố ngهن cổ nhìn xem Jason ở đâu. “Anh ở đâu?”

“Trèo vào đi, vì Chúa.”

Tôi ngồi lên bàn, thu hai chân lên, xoay cả người vào phía trong rồi thả chân xuống.

“Đóng cửa vào.”

Tôi tì vào bàn với tay kéo cửa lại rồi ấn vào công tắc đèn.

“*Không! Tắt đèn đi.*”

Trên sàn nhà ngổn ngang những mảnh vải vụn, những chiếc khăn giấy nhuộm máu. Trong sọt rác cũng đầy những miếng giẻ sũng máu. Dưới tấm đệm máu me, tôi có thể nhìn thấy chiếc cán màu vàng của một con dao dùng để chạm khắc, một chiếc tuốcnovit và một bộ đục. Trước mắt tôi là một kho vũ khí thực sự. Jason ở trong một hàng rào.

“*Tôi bảo, tắt đèn đi. Cô muốn mục ta nhìn thấy chúng ta ở đây à?*”

Tôi làm như anh ta nói rồi cả hai chúng tôi im lặng một lúc lâu. Mãi sau tôi mới lên tiếng: “Jason, hãy để tôi tìm cho anh một bác sĩ. Tôi sẽ gọi đến Bệnh viện Quốc tế.”

“Tôi đã bảo là *không* mà! Tôi không muốn mấy tên bác sĩ chính hình đó chạm vào tôi.”

“Tôi sẽ gọi đến đại sứ quán của anh.”

“Chả giúp được gì đâu.”

“Jason,” tôi bước một bước ngang qua sàn nhà. Tôi có thể cảm nhận được tiếng lép nhép khi nhắc chân lên khỏi sàn nhà nhộp nhúa. “Anh đang bị chảy máu.”

“Thì sao?”

“Anh chảy máu ở đâu?”

“Chảy máu ở đâu? Câu hỏi gì mà ngớ ngẩn thế?”

“Hãy cho tôi biết anh chảy máu ở đâu? Vết thương có thể rất nghiêm trọng.”

“*Cô đang nói linh tinh gì thế?*” Anh ta thò chân đạp vào cái cửa tủ quần áo khiến các bức tường rung rinh. “Tôi không biết là cô nghĩ gì, nhưng dù cô có nghĩ gì đi nữa thì đó cũng chỉ là *sự tưởng tượng của riêng cô mà thôi.*” Anh ta dừng lại thở hồng hộc. “Cô cứ tự tưởng tượng ra. Cô và những cái phát hiện ngớ ngẩn của cô. Đầu óc cô đúng là quái đản.”

“Đầu óc tôi chẳng làm sao cả,” tôi bình tĩnh nói. “Tôi cũng chẳng bịa ra chuyện gì.”

“Ôi cưng ơi, rõ ràng chính là cô đã tưởng tượng ra *chuyện đó*. Chúng không chạm vào tôi, nếu đó là điều cô đang nói.” Lúc này tôi đã có thể nhìn thấy Jason, đang nằm trong tủ quần áo kê sát tường. Tôi chỉ thấy lờ mờ hình dáng của anh ta. Anh ta nằm nghiêng sang một bên như để giữ ấm, chặn quần quanh người. Cảnh tượng mới ma quái làm sao, tôi đứng đây trong ánh sáng tù mù, nghe giọng nói sin sít của anh ta phát ra từ tủ quần áo.

“Tôi thậm chí không muốn nghe cô nhắc tới chuyện đó. *Cô nghĩ cô là ai chứ? Đừng có lại gần cái tủ quần áo!*”

Tôi lùi lại một bước.

“*Đứng đó, và đừng có nhìn tôi.*” Tôi có thể nghe thấy tiếng anh ta thở một cách nặng nhọc như thể có cái gì đó nghẽn lại trong khí quản anh ta. “Giờ nghe này, cô phải tìm người tới giúp tôi.”

“Tôi sẽ đưa anh tới bác sĩ và...”

“Không!” Tôi có thể nhận ra anh ta đang cố gắng giữ cho giọng nói mạch lạc và suy nghĩ tỉnh táo. “Không được. Nghe này, có... có một số điện thoại viết trên tường. Gần công tắc đèn. Thấy chưa? Đó là số điện thoại của... của mẹ tôi. Hãy gọi cho bà ấy. Tới trạm điện thoại công cộng, chọn dịch vụ người nghe trả tiền. Bảo mẹ tôi cử ai đó tới đây giúp tôi. Bảo bà đừng cử ai ở Boston mà chọn một trong những người làm cho nhà chúng tôi ở Palm Springs. Gần hơn.”

Palm Springs? Tôi nhìn chăm chăm về phía tủ quần áo. Jason với một gia đình có các dinh cơ ở California? Những người giúp việc? Tôi vẫn luôn nghĩ anh ta như một dân du lịch balô thực sự, những người tôi vẫn thường thấy ở sân bay, quyển sách hướng dẫn du lịch *Lonely Planet* nhàu nát trên tay, cuộn giấy vệ sinh thò ra khỏi balô. Tôi tưởng tượng ra cảnh anh ta đi rửa bát, dạy tiếng Anh, ngủ vạ vật trên bãi biển với độc một chiếc chiếu cói và một lò sưởi bằng ga. Lúc nào tôi cũng tin rằng anh ta chẳng có gì đáng giá để mất, giống như ba đứa chúng tôi.

“Gì vậy, có cái gì cô không hiểu à? Sao cô vẫn còn đứng đây?”

Một quảng cáo bánh sôcôla Pocky xuất hiện trên màn hình. Tôi nhìn nó mấy giây rồi thờ dài và quay ra phía cửa. “Thôi được, tôi sẽ đi gọi điện.”

Tôi chưa bao giờ gọi điện thoại kiểu này nên khi tổng đài tự động hỏi tên tôi, suýt nữa tôi đã nói, “Kẻ lập dị”. Cuối cùng tôi bảo tôi gọi vì chuyện của Jason. Mẹ anh ta nhắc điện thoại, chỉ lắng nghe mà không nói gì. Tôi nhắc lại hai lần các chi tiết như địa chỉ, cách tìm ra ngôi nhà, và việc anh ta đang cần bác sĩ khẩn cấp và làm ơn - tôi do dự một chút khi nói điều này, thật kỳ cục biết bao khi nói về Jason theo kiểu này - làm ơn cử ai đó từ phía Tây đến để tiết kiệm thời gian. “Còn cô, tôi có thể được biết cô là ai không?” Bà nói bằng giọng Anh dù bà đang ở Boston. “Cô có thể cho tôi biết quý danh không?”

“Tôi nói nghiêm túc đấy.” Tôi nói rồi đập máy.

Trời lúc này đã tối hẳn, và khi trở về nhà, tôi không dám bật quá nhiều đèn, không thể không băn khoăn liệu nó sẽ trông như thế nào nếu nhìn từ bên ngoài vào, sáng rực lên giữa khung cảnh tối đen xung quanh. Tôi không quen khách hàng nào có thể cho tôi vay tiền, ngủ ngoài công viên thì quá lạnh và tôi cũng không dám chắc là Mama Strawberry sẽ đồng ý ứng trước lương cho tôi, nếu có thì chắc cũng chẳng đủ để thuê khách sạn. Tôi cũng không thể nài nỉ Sử Trùng Minh giúp đỡ. Sau giờ làm, chắc tôi phải quay lại đây để ngủ. Nghĩ tới điều đó, cả người tôi lạnh toát.

Tôi nhanh chóng kiếm được một mớ dụng cụ dùng để tự vệ trong nhà kho của ngôi nhà, một cái vò, một cái đục, một cái nồi cơm điện to dùng để ném vào mặt đối phương khi cần thiết. Tôi cầm thử cái vò lên, nó nặng và có vẻ tiện lợi. Tôi mang chúng về phòng, để dựa vào tường rồi nhét vài thứ cần thiết vào chiếc túi du lịch, một chiếc áo len dày, tất cả những ghi chép, bản thảo về Nam Kinh, hộ chiếu và phần còn lại của số tiền mà Irina đưa cho tôi. Giống như tôi chuẩn bị hành trang sơ tán khi có báo hiệu động đất. Tôi lại gần cửa sổ, nắm lấy quai túi rồi thả nó lủng lẳng ở bên ngoài một cách nhẹ nhàng, hết sức nhẹ nhàng, cho tới khi tay tôi căng ra. Rồi tôi buông tay cho chiếc túi rơi xuống. Nó rơi xuống chiếc máy điều hòa nhiệt độ với một tiếng bụp rất nhỏ. Từ ngoài hẻm sẽ không ai nhìn thấy nó.



Khi tôi đang đứng bên cửa sổ thì trời đột nhiên đổ tuyết. Tôi nhìn lên trời, nghĩ tới Giáng sinh không còn bao xa nữa. Những bông tuyết mềm mại quay tít trong khoảng trời màu xám giữa những tòa nhà, che lấp khuôn mặt của Mickey Rourke. Giáng sinh sắp tới cũng có nghĩa là đã gần mười năm trôi qua kể từ khi đưa con gái bé bỏng của tôi qua đời. Mười năm. Kỳ diệu làm sao, thời gian có thể biến mất như người ta khép lại một chiếc đàn accordion. Một lúc sau tôi khép cửa sổ lại, lồng một chiếc túi nylon vào tay rồi đi ra ngoài trời tuyết rơi. Tôi nhón mấy ngón tay bọc trong giấy bóng nhật con mèo lên rồi đem nó chôn dưới gốc cây hồng trong vườn.

**史 Nam Kinh, ngày 20 tháng Mười hai năm 1937**

Tôi viết những dòng này dưới ánh nến. Tay phải tôi bị đau, một vết bỏng nhẹ chạy chéo trên lòng bàn tay. Tôi đang ngồi xếp chân vòng tròn trên giường, kéo rèm kín mít để không tia sáng nào, tuyệt đối không một tia sáng nào, có thể lọt ra ngoài ngõ. Thu Kim ngồi đối diện với tôi, vẫn còn kinh sợ vì những gì xảy ra tối nay. Cô ấy túm chặt lấy tấm rèm, và liếc nhìn về phía ngọn nến sau lưng. Tôi biết là cô ấy muốn tôi tắt chúng đi nhưng nhất định đêm nay tôi phải viết. Tôi có một linh cảm mạnh mẽ rằng bất cứ câu chuyện nào tôi ghi lại ngày hôm nay, dù nhỏ bé và vô vị tới đâu, vào một ngày nào đó sẽ trở nên hết sức quan trọng. Mỗi tiếng nói đều quan trọng, vì không một ai thể biết được hết hay xác minh được hết những gì đã xảy ra ở Nam Kinh. Lịch sử sẽ thất bại, người ta sẽ không bao giờ nói đến việc Nam Kinh bị xâm lược.

Tất cả những gì tôi vốn tin tưởng đã biến mất. Trong tim tôi dường như có một lỗ hồng, trần trụi và thối rữa như thi thể của đứa trẻ bên ngoài nhà máy, và tất cả những gì tôi có thể nghĩ được là chúng tôi sẽ phải trả giá bao nhiêu cho cuộc chiến này? Nó có nghĩa là sự kết thúc của một đất nước Trung Hoa mà hàng bao năm nay tôi chưa hề nghĩ tới. Đó là cái chết của tất cả những tín ngưỡng, là sự kết thúc của những thổ ngữ, những ngôi đền, những chiếc bánh trung thu và thú săn chim cốc dưới chân núi. Là cái chết của những chiếc cầu duyên dáng bắc qua hồ sen, những viên đá cuội vàng óng ánh phản chiếu trên mặt nước vào những đêm yên tĩnh. Thu Kim và tôi sẽ là những mắt xích cuối cùng. Chúng tôi đứng trên một mỏm đá, níu giữ một Trung Hoa đang rơi vào cõi hư vô. Đôi khi tôi giật thót mình như vừa choàng tỉnh sau một cơn ác mộng mà trong đó tôi cũng đang rớt xuống cùng với tất cả những gì thuộc về nước Trung Hoa đó, những cánh đồng, núi non, sa mạc, những ngôi mộ cổ, những lễ Thanh Minh, lễ hội cầu mùa

vụ, những ngôi chùa và những con cá heo trắng trên sông Dương Tử, và cả điện Thiên Đường.

Chưa đầy mười phút sau khi ông Lưu đi khỏi, trước khi tôi có cơ hội nói cho Thu Kim về kế hoạch bỏ trốn thì tôi nghe thấy tiếng động cơ xe máy gào rú đâu đó từ một góc phố bên mé phải ngôi nhà.

Tôi ra ngoài hành lang vớ lấy một thanh sắt rồi đứng sau bức tường chắn ma, chân dang rộng, thanh sắt giơ lên quá đầu. Thu Kim bước ra khỏi bếp, đến đứng bên cạnh tôi, không nói năng gì chỉ nhìn tôi vẻ dò xét. Chúng tôi đứng yên như thế, cánh tay run rẩy của tôi giơ cao, đôi mắt Thu Kim dán chặt vào mắt tôi, bên ngoài tiếng động cơ xe máy tiếp tục gào rú âm ỉ. Âm thanh ngày càng gần hơn, như thể chúng đang vang lên từ trong đầu chúng tôi. Thế rồi khi tôi tưởng chiếc xe máy sẽ đâm xuyên qua cổng và lao thẳng vào trong nhà thì đột nhiên tôi nghe thấy tiếng máy kêu lách tách và tiếng động cơ trở nên nhỏ dần.

Hai chúng tôi nhìn nhau chằm chằm. Tiếng xe máy xa dần về phía Nam, rồi mất hút. Sự yên tĩnh lại bao trùm lấy chúng tôi. Tiếng động duy nhất lúc này chính là những tiếng vang từ hơi thở dồn dập và hụt hẫng của hai chúng tôi.

“Cái gì vậy? Đó là cái gì?” Thu Kim hỏi khẽ.

“Suýt. Đứng yên đây.” Tôi ra hiệu cho Thu Kim đứng nguyên tại chỗ.

Tôi đi vòng qua bức tường chắn ma, gí tai vào cánh cửa trước nghe ngóng. Tiếng động cơ đã tắt nhưng tôi có thể nghe thấy những tiếng động khác văng lại từ phía đằng xa, rất nhỏ nhưng không thể nhầm lẫn được: tiếng củi cháy lộp bộp. Chắc là tên *diêm vương* lại đang tiến hành những trò ma quỷ của hắn. Đâu đó, trong các dãy phố gần đây, có cái gì đó đang cháy.

“Đợi ở đây. Đừng có lại gần cổng.” Tôi đi lên gác, trèo hai bậc một lúc, thanh sắt vẫn trong tay. Tôi gỡ một tấm ván mỏng ở cánh cửa phòng ngoài và hé mắt nhìn xuống con hẻm. Bên trên những ngôi nhà đối diện, bầu trời đỏ lựng với những cột khói bốc cao ngùn ngụt tới hơn mười mét. Những mảnh tro nhỏ xíu bay lả tả, lốm đốm, vẩn vện tựa như những con bướm ma. Tên *diêm vương* chắc hẳn đang ở rất gần ngôi nhà của chúng tôi.

“Cái gì vậy?” Thu Kim hỏi. Cô ấy đã leo lên gác và đứng cạnh tôi, mắt mở to. “Chuyện gì đã xảy ra vậy?”

“Tôi không biết,” tôi nói khẽ, mắt vẫn dán vào những bông tuyết đang rơi bên ngoài. Xen lẫn với tuyết là những đăm gỗ nhỏ đen bóng, và từ những cột khói bốc ra một thứ mùi quen thuộc. Mùi thịt nướng. Thứ mùi vẫn ám ảnh tôi bấy lâu nay. Trước đó chúng tôi đã ăn mì, nhưng không có chút protein nào trong đó để cân bằng âm dương với tinh bột. Tôi vẫn thèm thịt tới phát điên lên. Tôi hít trọn thứ khói kia vào trong phổi và chọt ứa nước miếng. Lần này, cái mùi ấy trở nên gay gắt hơn bao giờ hết, nó luồn vào mọi ngõ ngách trong ngôi nhà, ám vào mọi thứ và át cả mùi gỗ cháy.

“Tôi không hiểu,” tôi lầm bầm. “Không thể nào.”

“Cái gì không thể?”

“Ai đó đang nấu nướng.” Tôi quay sang nhìn Thu Kim. “Sao lại có thể thế được nhỉ? Hàng xóm xung quanh không còn ai cả, ngay cả gia đình ông Lưu cũng chẳng có thịt mà nấu nướng...” Những chữ tiếp theo chọt chết cứng trong miệng tôi. Cột khói bốc lên đúng từ phía ngõ nhà ông Lưu. Tôi đứng bất động, nhìn chằm chằm về phía đó như một người trong cơn mộng du, thậm chí không dám thở mạnh, một mối nghi ngờ khủng khiếp không thể nói thành lời đang dần thít chặt lấy cổ họng tôi.

Tôi hôm đó khi tôi tới câu lạc bộ thì chiếc thang máy pha lê không thấy đậu dưới mặt đất mà đang dừng ở tầng năm mươi. Tôi đứng chờ một lúc trong khoang thang máy rỗng, túi quặp dưới tay, mắt ngược lên trên để ngắm chiếc thang máy đi xuống. Phải mất một lúc lâu sau tôi mới phát hiện ra một tờ giấy thông báo khổ A4 dán trên tường.

*Some Like It Hot vẫn đang mở cửa!!! Mong được đón tiếp quý khách!  
Xin liên lạc với số máy sau để vào cửa.*

Tôi bước tới buồng điện thoại phía trước mặt và quay số. Trong khi chờ đợi tôi ngược mắt nhìn lên câu lạc bộ, ngắm tuyết rơi thành đống ngay trước cặp đùi hờ hênh của Marilyn rồi sau vài cú di chuyển của chiếc xích đu, những chồng tuyết này lại vỡ ra và rụng lả tả, lấp lánh dưới ánh đèn neon, và tôi, giống như những đứa trẻ thích nghịch tuyết, sẽ tưởng tượng ra rằng đó là những bông tuyết rơi xuống từ chiếc xe trượt của ông già Noel.

“*Moshi moshi?*”

“Ai đây ạ?”

“Mama Strawberry. Ai ở đầu dây đây? Có phải Grey-san không?”

“Đúng ạ.”

“Strawberry sẽ cho thang máy xuống ngay bây giờ.”

Khi thang máy dừng ở tầng thứ năm mươi, tôi bước ra ngoài một cách thận trọng. Cô gái lễ tân ngoài sảnh trong chiếc đầm màu vàng và đen vẫn tỏ ra vồn vã như mọi khi nhưng ngay khi cánh cửa câu lạc bộ khép lại sau lưng, tôi lập tức cảm thấy có cái gì đó không ổn. Máy sưởi không đủ ấm khiến các nữ tiếp viên ngồi rải rác tại các bàn run rẩy trong những chiếc váy dạ tiệc mỏng manh, những bông hoa rũ xuống một cách đáng thương và

nước trong lọ hoa dường như bốc lên một mùi khó chịu. Khách khứa mặt mũi đều kín bung, khó đăm đăm, còn Strawberry thì đang ngồi gù lưng bên bàn của mình trong một chiếc áo khoác lông thú màu trắng bó sát, một chai tequila để bên cạnh, lơ đãng nhìn chăm chăm vào danh sách các nữ tiếp viên. Dưới gọng kính viền kim cương kiểu những năm 1950, bộ mặt trang điểm của bà ta hơi nhòe nhoẹt. Có vẻ như bà ta đã nốc rượu suốt mấy tiếng đồng hồ vừa qua.

“Có chuyện gì vậy?”

Bà ta chớp mắt ngược nhìn tôi. “Một số khách hàng bị cấm đến câu lạc bộ này. *Cấm*. Có hiểu không, tiểu thư?”

“Ai cấm?”

“Cô Ogawa.” Bà ta đấm mạnh tay xuống bàn khiến chai rượu nảy bật lên, các nhân viên phục vụ và tiếp viên trong câu lạc bộ đều phải quay ra nhìn. “Tôi đã *nói* với cô đúng không? Tôi đã nói gì, hả?” Bà ta giơ một ngón tay chỉ thẳng vào mặt tôi và găm gù trong miệng, vẻ tức giận. “Có nhớ tôi bảo cô rằng cô Ogawa ấy có cái *chin chin* trong quần lót không? Thế nhưng, Grey-san ơi, tin buồn là cô ta còn có cả đuôi nữa cơ, ở sau đít ấy. Cô cởi quần lót của cô Ogawa ra và đầu tiên...” Bà ta khẽ mở hai đầu gối ra rồi trở một ngón tay vào giữa hai đùi. “Trước hết, cô sẽ nhìn thấy một cái *chin chin* ở đây. Và quanh đây, ở đoạn này,” bà ta xoay người và vỗ vào hông mình trước khi nói tiếp, “cô sẽ thấy một cái đuôi. Vì mẹ ta là một *con thú*. Rất đơn giản. Ogawa, *con thú*.” Chắc bà ta sẽ tiếp tục rít lên nếu không có gì ngăn bà ta lại. Bà ta đặt chiếc bút xuống bàn, kéo kính trễ xuống mũi rồi nhìn tôi khắp lượt. “Mặt cô sao vậy? Mặt cô bị làm sao thế?”

“Strawberry, nghe này, Jason sẽ không đi làm đâu, cả hai chị em người Nga cũng thế. Họ bảo tôi nói với bà là họ bỏ đi chỗ khác. Tôi cũng không biết là họ đi đâu nữa.”

“Lạy Chúa tôi.” Mắt bà ta xoáy vào những vết thâm tím trên mặt tôi. “Hãy nói thật cho tôi biết, Ogawa cũng tới chỗ Grey-san có đúng không?” Khi nói những từ này bà cẩn thận ngoác xung quanh để chắc chắn không có ai nghe lén.

Tôi chớp mắt. “Cũng?”

Bà ta rót một ly tequila khác và uống cạn ngay lập tức. Mặt bà ta đỏ dần lên sau lớp phấn hóa trang. “Được rồi,” bà ta nói, khẽ chùi miệng bằng một chiếc khăn tay thô ren. “Đã đến lúc phải nói chuyện thẳng thắn. Ngồi xuống đây, ngồi xuống đây.” Bà ta chỉ cho tôi một chiếc ghế, vỗ vỗ tay về ra lệnh. Tôi kéo ghế ngồi xuống, cả người như tê dại, hai chân kẹp chặt lấy chiếc túi xách. “Grey-san, hãy nhìn xung quanh mà xem.” Bà ta chỉ tay vào những chiếc bàn trống trong câu lạc bộ. “Hãy nhìn câu lạc bộ của Strawberry mà xem! Biết bao nhiêu nữ tiếp viên đã vắng mặt! Cô có muốn biết tại sao không tiểu thư? Hừm, cô có muốn biết không? Bởi vì tất cả bọn họ đều đang nằm nhà! Đang khóc lóc.” Bà ta giơ danh sách tiếp viên lên, giận dữ dứ dứ trước mặt tôi như thể tôi chính là nguyên nhân khiến họ vắng mặt. “Tất cả các cô gái có mặt tại bữa tiệc của Fuyuki đêm hôm qua đều tỉnh giấc giữa đêm và nhìn xem họ thấy ai nào, tiểu thư Ogawa hay một trong những con Gorilla của Fuyuki ở trong nhà. Cô là người duy nhất có mặt trong bữa tiệc hôm qua mà hôm nay vẫn tới chỗ làm đây!”

“Nhưng...” Tôi toan lên tiếng nhưng trong đầu tôi mọi thứ bỗng trở nên rối rắm. “Hãy nói cho tôi biết,” tôi nói khẽ. “Hãy nói cho tôi biết, từ từ thôi. Ý bà muốn nói gì? Có phải bà muốn nói là không chỉ có nhà chúng tôi, không chỉ có mình Jason...?”

“Tôi đã bảo cô rồi! Ogawa là *thú vật*,” bà ta rít lên và hất mặt về phía tôi. “Mụ ta tới nhà tất cả những ai có mặt trong bữa tiệc đêm qua. Chắc mụ ta nghĩ mình là ông già Noel.”

“Nhưng mà... tại sao? Mụ ta muốn gì chứ?”

“Strawberry không biết.” Bà ta nhấc chiếc điện thoại kiểu cổ với hai màu hồng và vàng đang đặt trên bàn rồi quay số. Bà ta lấy tay bịt ống nghe lại và rít lên với tôi: “Cả tối nay, tôi đang cố tìm hiểu chuyện này đây.”

Vào khoảng mười giờ đêm, một đàn quạ bị gió cuốn đâm nhào vào cửa sổ của câu lạc bộ. Cho đến giờ, đôi khi tôi vẫn nghĩ tới những con quạ đó. Thường thì giờ này chúng đã phải nằm trong ổ của mình, và đây là một trong những việc khiến bạn có thể cho rằng mình đã quá nhạy cảm khi xem đó là một điềm báo. Một con quạ lao vào lớp cửa kính mạnh tới mức gàn

như tất cả mọi người trong câu lạc bộ đều giật bản mình. Tôi thì không: tôi ngồi im lặng, thờ ơ nhìn đàn quạ bay trượt ra khỏi quỹ đạo của chúng, đầu óc tôi đang bận rộn đoán xem ai trong số những người quen với Fuyuki trước đây có thể có khả năng chuyển đổi năng lượng như Sử Trùng Minh nói. Có lẽ tôi là người duy nhất trong câu lạc bộ không có phản ứng gì khi con chim đâm sầm vào cửa kính rồi rơi xuống như một viên đạn.

Strawberry giúp tôi trang điểm che đi những vết bầm tím trên mặt rồi để tôi ra tiếp khách. Tôi ngồi chờ đợi, không nghe gì và cũng chẳng nói năng gì, chỉ cử động khi người ta mang thức ăn tới bàn. Tôi ăn tất cả những gì có thể, chăm chú và trật tự, che miệng bằng một chiếc khăn ăn để không ai nhìn thấy tôi ăn nhanh như thế nào. Sau khi trả tiền vé để đi tới chỗ Sử Trùng Minh thì tôi chỉ còn lại rất ít tiền. Trong suốt hai mươi tư giờ qua tôi chỉ ăn độc có một mẩu *shabu shabu* và một bát xúp loãng ngoài vỉa hè ở Shinjuku.

Không khí trong câu lạc bộ rất căng thẳng. Nhiều khách hàng, thậm chí cả những khách quen cũng cảm nhận được điều đó nên đã bỏ về sớm. Một sự im ắng lạnh lẽo, lạ thường bao trùm lấy câu lạc bộ khiến đôi lúc tôi dường như còn nghe thấy cả tiếng kẽo kẹt từ chiếc xích đu của Marilyn vọng lại. Tôi dám chắc không chỉ vì sự vắng mặt của quá nhiều nữ tiếp viên. Tôi dám chắc những câu chuyện xảy ra xung quanh sự việc đêm qua đang lan truyền và khiến mọi người bất an.

Gần như suốt buổi tối, Strawberry dính vào máy điện thoại để thu thập thông tin từ các mối quan hệ của bà ta. Tôi nghĩ đến cả dây những sĩ quan cảnh sát thỉnh thoảng vẫn lui tới câu lạc bộ vào những giờ rất muộn. Ai cũng biết Strawberry quan hệ rất rộng. Nhưng hàng tiếng đồng hồ trôi qua mà dường như bà ta vẫn chưa moi được tin tức nào liên quan tới những chuyện vừa xảy ra và nguyên nhân những vụ tấn công của mục Ogawa. Cuối cùng thì chính tôi lại là người đầu tiên ở câu lạc bộ phát hiện ra thông tin mới.

Là do một chữ *kanji* phát ra từ màn hình vô tuyến quảng cáo trên tòa nhà đối diện bỗng đập vào mắt tôi. Tôi nhận ra chữ này ngay lập tức. *Satsujin-jiken*. Một cuộc điều tra án mạng. Cảnh dòng chữ đó là hình ảnh không rõ nét của một gương mặt rất quen thuộc: Bison đang mỉm cười rạng rỡ trong bầu trời đêm.



Tôi đứng phắt dậy và sơ ý hất đổ một ly rượu ra bàn. Vị khách của tôi giật mình ngồi thụt vào trong ghế để tránh chỗ whisky đổ trên bàn dây vào quần. Tôi cũng chẳng buồn dừng lại lấy khăn ăn cho ông ta. Tôi rời khỏi bàn như một kẻ mộng du, bước thẳng tới khung cửa sổ bằng kính nơi một Bison trẻ trung, thon thả và nhiều tóc hơn đang hát, hai tay chìa ra trước máy quay. Dưới bức hình xuất hiện thêm những chữ *kanji* in đậm. Phải mất một lúc tôi mới luận ra ý nghĩa của chúng nhưng cuối cùng thì tôi cũng hiểu ra rằng Bai-san đã qua đời vào lúc 8h30 tối. Chỉ vài tiếng trước đây. Nguyên nhân ư? Nội thương nghiêm trọng.

Tôi tỉ hai tay lên lớp kính, hơi thở phả thành khói trong giá lạnh. Ngoài trời, tuyết vẫn rơi lặng lẽ, cùng màu với lớp phong nền trên màn hình vô tuyến, giờ đang chia thành các khung hình nhỏ với những hình ảnh khác nhau của Bison khi đang rời nhà nghỉ ngoại ô, khi đang hát trước micro trong những ngày hoàng kim với áo sơ mi viền đàng ten và hàm răng trắng bóng kiểu Mỹ. Rồi sau đó là hình ảnh của một bệnh viện, một vị bác sĩ đang trả lời phỏng vấn của đông đảo cánh nhà báo giữa những ánh đèn flash nhấp nháy. Tôi nhìn chăm chăm vào màn hình, miệng há hốc, cố đoán các chữ *kanji* thỉnh thoảng lại xuất hiện trên đó. Ca sĩ - được hâm mộ - bốn mươi bảy tuổi - từng lưu diễn với ban nhạc Spydors - số một trên bảng xếp hạng Oricon - vụ scandal câu lạc bộ golf Bob Hope. Tôi bắt đầu suy nghĩ. Bison ư? Bị sát hại? Và tay chân của Fuyuki tới thăm nhà của tất cả các nữ tiếp viên có mặt trong buổi tối hôm qua...

Một tiếng chuông điện thoại chọt reo lên sau lưng tôi. Tôi giật nảy người. Tôi không nhận ra là cả câu lạc bộ đã trở nên im ắng hoàn toàn, nhưng khi tôi quay đầu lại nhìn thì tuyệt không thấy ai chuyện trò hay tán gẫu gì, mọi con mắt đều dán vào màn hình vô tuyến bên ngoài. Strawberry cũng đang đứng không cách xa tôi là bao, im lặng nhìn chăm chăm ra bên ngoài, những ánh đèn phản chiếu trên gương mặt bà ta. Trong một thoáng, dường như bà ta không nghe thấy tiếng chuông điện thoại, phải đợi tới hồi chuông thứ ba bà ta mới như bừng tỉnh và trở lại bàn của mình. Bà ta nhắc ông nghe và quát: *Moshi moshi?*

Mọi con mắt trong câu lạc bộ lúc này lại đổ dồn vào Strawberry khi bà ta nghe điện thoại. Đôi khi gần như bạn có thể đọc được những từ mà người nghe điện thoại nhận được qua thái độ và những biểu hiện trên nét

mặt của họ. Rất lâu sau mới thấy bà ta lên tiếng, và khi bà ta nói thì giọng của bà ta nghe đều đều và vô cảm. “Có chắc không? Có chắc không đây?”

Bà ta lắng nghe thêm một lúc nữa trước khi bỏ máy xuống, mặt biến sắc. Bà ta chống hai tay lên bàn như để giữ thăng bằng. Sau đó bà ta đưa tay quệt lên thái dương về một mỗi, mở ngăn kéo lấy ra một khay tiền và rút một nắm tiền giấy nhét vào trong túi. Tôi toan rời khỏi cửa sổ thì bà ta đứng thẳng dậy và rảo bước về phía tôi, nhanh tới mức chiếc áo khoác bằng lông thú màu trắng bay phấp phật xung quanh bà ta như một cái chuông. Miệng bà ta hơi cau lại và trên chiếc cổ áo lông thú có dính một vệt son.

“Lại đây.” Vẫn không hề dừng lại, bà ta túm lấy tay tôi, kéo tôi ra khỏi cửa sổ, lôi tôi qua mấy dãy bàn với những khuôn mặt đang nhìn chúng tôi chăm chú. “Cô ta đã làm gì vậy?” Tôi nghe thấy tiếng một khách hàng thì thào. Tôi bị đưa đi qua cánh cửa bằng nhôm nơi cô gái lễ tân đứng kiễng chân thò đầu vào xem chuyện gì đang diễn ra bên trong câu lạc bộ. Strawberry tiếp tục lôi tôi vào một hành lang nơi có các nhà kho và khu vệ sinh. Bà ta đưa tôi đi qua phòng vệ sinh nam nơi ai đó đã cố gắng dùng thuốc tẩy để đánh bật mùi nôn ọe, và dừng lại trong một căn phòng nhỏ nơi chúng tôi thường dùng để làm phòng hóa trang. Bà ta kéo cánh cửa lại sau lưng và hai chúng tôi đứng đó mặt đối mặt. Bà ta run rẩy, thở ra một cách nặng nhọc đến mức hai vai như trôi lên dưới lớp áo khoác.

“Nghe này, tiểu thư.”

“Gì cơ ạ?”

“Cô phải biến thôi.”

“Gì ạ?”

“Biến khỏi chỗ này.” Bà ta túm lấy tay tôi. “Cô và Jason hãy biến khỏi nhà. Biến khỏi *Tokyo*. Đừng khai báo gì với cảnh sát. Cứ lẳng lặng mà đi. Strawberry không muốn biết cô cậu đi đâu.”

“Không,” tôi vừa nói vừa lắc đầu. “Không đâu, không. Tôi sẽ không đi đâu cả.”

“Grey-san, chuyện này *rất* nghiêm trọng đấy. Ở Tokyo đang xảy ra một chuyện rất xấu. Và nó đang lan rộng, *đang lan rộng*.” Bà ta dừng lại và

nhìn tôi với vẻ hiếu kỳ. “Grey-san, cô có hiểu chuyện gì đang xảy ra không? Cô có hiểu bản tin lúc nãy không?”

Tôi liếc nhìn cánh cửa đóng kín sau lưng. “Bà muốn nói về Bai-san. Bà muốn nói về chuyện đã xảy ra với ông.” Tôi chột thấy lạnh toát hai cánh tay khi nghĩ tới những chữ *kanji* lúc nãy. Nội thương. “Đó là mụ Ogawa làm, có đúng không?”

“Suyt!” Bà ta thì thầm nói nhanh. “Nghe tôi nói này. Bai-san cũng được viếng thăm. Ông ta được đưa tới bệnh viện và kịp nói vài lời với cảnh sát trước khi chết. Chắc ông ta điên nên mới khai báo với cảnh sát hoặc hẳn là ông ta biết mình sẽ chết chắc...”

“Viếng thăm bởi Ogawa?”

Strawberry gỡ kính xuống. “Grey-san, trong bữa tiệc đêm qua tại nhà Fuyuki có một tên trộm.”

“Một tên trộm?”

“Đó là lý do khiến Ogawa phát rồ. Một con sâu đã lẩn vào nhà của Fuyuki đêm qua và giờ đây ông ta rất không hài lòng.”

Một cảm giác kỳ lạ chột xâm chiếm lấy tôi. Tôi có một ấn tượng huyền bí rằng một phát hiện khủng khiếp đang dần hiện ra, ở ngay bên trên những tòa nhà chọc trời giống như chiếc cũi của Godzilla. “Hắn đã lấy đi cái gì.”

“Cô nghĩ sao hả Grey?” Bà ta gật gù và nhìn tôi bằng đôi mắt của một người hiểu biết. “Hừm, cô nghĩ sao? Cô không thể đoán ra hay sao?”

“Ôi,” tôi thì thào, mặt đột nhiên tái nhợt.

Bà ta gật đầu. “Đúng thế. Ai đó đã đánh cắp thuốc của Fuyuki.”

Tôi ngòì phịch xuống chiếc ghế gần nhất và thở hắt ra. “Ôi... Không. Đó không phải là... Không phải là điều tôi chờ đợi.”

“Nghe này,” Strawberry cúi xuống sát đến nỗi tôi có thể ngửi thấy cả mùi tequila lẫn trong mùi nước hoa hương chanh của bà ta. “Tên trộm là một trong số những người có mặt tại bữa tiệc đêm qua. Mụ Y Tá đã tới nhà

của tất cả mọi người, khám xét mọi nơi nhưng Bai-san nói với cảnh sát rằng mẹ ta vẫn chưa tìm thấy cái *saga shimoro* của mẹ ta. Thứ mà mẹ ta đang tìm.” Bà ta liếm liếm mấy đầu ngón tay rồi đưa lên vuốt tóc, không quên ngoảnh về phía cánh cửa như thể sợ ai đó xuất hiện sau lưng chúng tôi. “Cô có biết là,” bà ta nói khẽ, cúi sát hơn nữa vào mặt tôi, má chúng tôi gần như chạm nhau và tôi có thể nhìn thấy cái miệng đỏ chót của bà chuyển động ngay cạnh miệng tôi, “nếu tôi mà là Ogawa và tôi nghe thấy những điều thỉnh thoảng vẫn tuôn ra từ cái miệng lảm chuyện của cô...” Ở đâu đó, phía dưới năm mươi tầng lầu, một tiếng còi báo động ré lên. “... Tôi sẽ nghĩ rằng, Grey-san, rằng cô chính là tên trộm đã...”

“*Không ai biết là tôi đã hỏi bà những gì,*” tôi rít lên và quay sang nhìn thẳng vào mắt bà ta. “Chỉ có bà.”

Bà ta đứng thẳng lên và nhướn mày một cách hoài nghi. “Có thật thế không? Thật thế không hả Grey? Đúng là như thế chứ?”

Tôi nhìn bà ta, toàn thân đột nhiên buốt lạnh. Tôi nhớ lại cái vẻ thủ thế của Fuyuki khi tôi tỏ ý muốn đi tham quan căn hộ của ông ta. Nhớ lại việc mẹ Y Tá đột ngột xuất hiện trong hành lang. Mẹ ta đã bắt gặp tôi đang cố tình lẩn đi khi Fuyuki lên con tắc thờ. Khi bạn nhìn lại những việc đã làm, đôi khi bạn không thể tin được rằng bạn lại có những lúc liều mạng và ngu ngốc đến thế.

“Đúng thế,” tôi lập cập trả lời. “Đúng là như thế. Tôi muốn nói rằng tôi...” Tôi điên cuồng giơ tay ôm đầu. “Không ai biết cả. Tôi, tôi chắc chắn.”

“Grey-san, nghe này, mẹ Ogawa đang phát rồ. Mẹ ta sẽ quay trở lại từng nhà cho tới khi tìm thấy tên trộm đó. *Từng nhà một.* Và lần này thì mẹ ta sẽ không tử tế đâu.”

“Nhưng tôi...” Tôi dờ dẫm nhìn vệt son dính trên cổ áo của Strawberry. Nó khiến tôi nghĩ tới máu, nghĩ tới những con thú bị sập bẫy, những con cáo vẫn thường tru lên phía sau nhà bố mẹ tôi vào mùa săn bắn. Tôi nghĩ tới việc mẹ Y Tá đã lên vào nhà chúng tôi một cách lặng lẽ như thế nào. Tôi nghĩ đến bàn tay đeo đồng hồ thò ra bên ngoài cốp xe. Tôi chà xát hai cánh tay vì cả người bắt đầu nổi da gà. “Tôi không thể rời khỏi Tokyo. Tôi không thể. Bà không hiểu...”

“Thế để Strawberry nói cho cô hay. Cô phải biến khỏi Tokyo ngay. Cô bị đuổi việc. Nghe rõ chưa? Bị đuổi việc. Và đừng có quay trở lại.” Bà ta thò tay vào túi lôi ra cọc tiền và giơ ra trước mũi tôi. “Đây là món quà tạm biệt của Strawberry. Cho cả Jason nữa.” Tôi đưa tay ra lấy tiền, nhưng khi tôi vừa chạm vào chúng thì Strawberry siết chặt các ngón tay lại. “Grey-san.” Mắt bà ta chạm vào mắt tôi và tôi có thể nhìn thấy khuôn mặt mình phản chiếu trên mắt kính áp tròng màu xanh. Khi bà ta nói tiếp, thì đó là bằng tiếng Nhật, một thứ tiếng Nhật giàu âm điệu và có lẽ trong một tình huống khác thì sẽ rất gợi cảm. “Cô vẫn hiểu khi tôi nói tiếng Nhật chứ?”

“Vâng.”

“Hãy hứa với tôi một chuyện có được không? Hứa với tôi rằng một ngày nào đó tôi sẽ nhận được một bức thư của cô. Một bức thư tốt lành, nói rằng cô đang vô cùng hạnh phúc. Một bức thư do chính tay cô viết, từ một đất nước khác, nơi cô đang sống yên ổn...” Bà ta đột ngột dừng lại và quan sát phản ứng của tôi. “Hứa nhé?”

Tôi không trả lời.

“Thôi được rồi, tôi nghĩ là cô đồng ý.” Bà ta nói, vẫn nhìn tôi chăm chú như thể đang cố đọc những ý nghĩ trong đầu tôi. Bà ta đưa tiền và mở cửa cho tôi. “Giờ thì đi đi, ra khỏi đây. Lấy áo khoác và đi đi. Và Grey này...”

“Gì ạ?”

“Đừng có đi bằng cái thang máy bằng kính. Tốt hơn là dùng cái thang máy phía sau ấy!”

## 史 Nam Kinh, ngày 20 tháng Mười hai năm 1937

Đám cháy không kéo dài, quãng lửa trôi dạt trên bầu trời như những con rồng lửa trong cơn giận dữ. Tuyết rơi trở lại gần như ngay lập tức, thánh thiện và bao dung, lất phất xung quanh trong khi tôi đứng yếu ớt và thảng thốt bên cạnh đồng hoang tàn từng là ngôi nhà của Lưu Nhuận Đức, khăn che miệng, nước mắt giàn giụa. Ngọn lửa đã thiêu rụi tất cả trên đường đi của nó, chỉ để lại một đồng tro tàn nghi ngút khói và những cột nhà xám đen. Khi cơn hỏa hoạn kết thúc, ở giữa ngôi nhà chỉ còn một ngọn lửa leo lét, âm u.

Cả khu hẻm lặng ngắt như tờ. Tôi là kẻ duy nhất bèn mảng tới đây. Có lẽ tôi và Thu Kim là hai kẻ duy nhất còn ở lại Nam Kinh cũng nên.

Mùi dầu hỏa vẫn còn phảng phất, tên *diêm vương* hẳn đã tưới dầu xung quanh nhà trước khi phóng hỏa, nhưng một thứ mùi khác nữa, cái mùi vẫn lan tỏa khắp con hẻm, cái mùi vốn trên người tôi suốt mấy ngày qua, cái mùi mà giờ đây tôi đã nhận ra và tìm tôi chùng xuống. Tôi đưa tay quạt nước mắt rồi đi vòng sang bên hông của ngôi nhà. Gia đình ông Lưu chắc vẫn còn ở đây. Nếu họ trốn thoát được thì chúng tôi đã biết, họ hẳn sẽ đi thẳng tới nhà chúng tôi. Có lẽ họ đã bị kẹt lại bên trong như toan tính của tên *diêm vương*.

Một màn khói đang lững lờ trôi, bao bọc lấy ngôi nhà và chỉ khi nó tan biến một vài giây sau đó, tôi mới nhìn thấy họ. Hai vật thể đứng sát nhau như hai thân cây đen đúa sau trận cháy rừng, bị thiêu tới mức không còn hình hài, chỉ còn lờ mờ hình dạng của hai cái đầu. Họ đứng chen chân trong cái hành lang nhỏ dẫn ra cửa hậu như đang cố bỏ trốn. Một lớn, một nhỏ. Tôi không cần phải xem kỹ cũng biết rằng đó là ông Lưu và con trai.

Tôi nhận ra những cái khuy trên chiếc áo khoác Trung Sơn đã cháy đen của ông. Nhưng vợ ông Lưu không có ở đây, chắc bà đã bị tên *diêm vương* chủ ý lôi đi khỏi nhà.

Tôi lấy khăn che mũi rồi bước lại gần hơn. Cái mùi vẫn làm tôi thèm thuồng trước đây giờ trở nên gay gắt và khó chịu. Dưới thi thể của hai người, mỡ đọng lại thành vũng và bắt đầu đông lại trắng xóa trên bề mặt giống y như thứ mỡ đôi khi tôi vẫn nhìn thấy trong nồi của Thu Kim. Tôi áp chặt chiếc khăn lên mũi và biết rằng từ lúc này trở đi, tôi sẽ luôn sợ hãi, tôi biết rằng tôi sẽ luôn sợ hãi đối với những gì tôi phải ăn. Tôi sẽ không bao giờ còn thấy thoải mái khi nuốt một thứ gì đó nữa.

Giờ đây, chỉ một tiếng sau, tôi đã ngồi đây, run rẩy trên giường, một tay cầm bút, một tay giữ chặt nắm tóc của Lưu Nhuận Đức đã dính vào tay tôi khi tôi chạm vào thi thể đang bắt đầu lạnh dần của ông. Tuy nhiên, nó vẫn còn nóng tới mức khiến lòng bàn tay tôi bỏng rát sau lớp găng. Kỳ lạ thay, những sợi tóc của ông dường như vẫn không hề hấn gì, nguyên vẹn một cách kỳ quái.

Tôi lấy tay ôm đầu, cả người run lấy bẫy. “Chuyện gì vậy?” Thu Kim hỏi khẽ nhưng tôi không thể trả lời vì tôi liên tục nghĩ tới cái mùi của ông Lưu và cậu con trai bị thiêu cháy. Trong đầu tôi cứ hiện lên khuôn mặt nhăn nhó không rõ nét của một tên sĩ quan người Nhật trong ánh lửa bập bùng của trại lính. Gương mặt hấn bóng nhẫy do uống nhiều thuốc amphetamine của quân đội và ăn một thứ thịt không tên nào đó. Tôi nghĩ đến chỗ thịt bị khoét ra từ người bé gái nằm chết bên cạnh khu nhà máy. Không hiểu việc lóc thịt người chỉ là một hành động thu thập chiến tích hay còn để phục vụ một mục đích nào khác? Nhưng quân đội Thiên hoàng vốn được ăn uống đầy đủ, nhiều dinh dưỡng, ai cũng cơ bắp và săn chắc. Không có lý do gì để đi nhặt nhanh và kiếm ăn giống như những con kền kền trên sa mạc Gobi. Và tôi chợt liên tưởng tới một thứ khác, liên tưởng đến những chai thuốc ở nhà máy dệt...

Đủ rồi. Nghĩ ngợi thế đủ rồi. Tôi đang ngồi ở đây, cuốn nhật ký đặt trên đầu gối, Thu Kim nhìn tôi không nói một lời, nhưng đôi mắt rõ ràng đang trách móc tôi. Đã đến lúc rồi. Đã đến lúc nói với cô ấy chuyện gì sắp xảy ra.

“Thu Kim.” Tôi kết thúc trang nhật ký, bỏ bút xuống, để lọ mực sang bên cạnh rồi bò sang bên kia giường nơi cô ấy đang ngồi. Mặt cô ấy trắng bệch, ngây dại, bập bùng dưới ánh nến. Cô ấy không hỏi gì về già Lưu nhưng tôi đoán là cô ấy đã biết khi nhìn vào mặt tôi và ngửi thấy cái mùi trên quần áo của tôi. Tôi quỳ trước mặt cô ấy, chỉ cách vài phân, hai tay để trên đầu gối. “Thu Kim?” Tôi ngấp ngừng đưa tay lên chạm vào tóc cô ấy, chúng dày và cứng như vỏ cây.

Cô ấy không rụt người. Đôi mắt cô ấy bình tĩnh chạm vào mắt tôi. “Minh định nói gì với em hả Trùng Minh?”

*Tôi muốn nói rằng tôi yêu mình. Tôi muốn nói với mình như cách những người đàn ông châu Âu nói với vợ của họ. Tôi muốn nói rằng tôi xin lỗi. Tôi muốn chạm vào cánh cửa thời gian và quay chúng trở lại.*

“Xin mình đừng nhìn em như thế.” Cô ấy cố gạt tay tôi ra. “Minh muốn nói gì?”

“Tôi...”

“Gì ạ?”

Tôi thở dài rồi buông tay, sụp mắt xuống. “Thu Kim...” Giọng tôi nghẹn lại. “Thu Kim, mình đã đúng. Lẽ ra chúng ta phải đi khỏi Nam Kinh từ lâu rồi. Tôi xin lỗi mình.”

“Em biết.”

“Và...” Tôi do dự, “tôi cho là giờ đây chúng ta nên làm điều đúng đắn nhất. Chúng ta nên tìm mọi cách để trốn khỏi đây.”

Cô ấy vẫn bình thản nhìn tôi và lần này tôi không còn có thể giấu cô ấy được điều gì. Tôi đứng đó, thành thật, tuyệt vọng và đầy hối lỗi, để mặc cho mọi nỗi sợ hãi của tôi trở nên trần trụi dưới mắt của cô ấy. Cuối cùng cô ấy khẽ mím môi lại, vươn tay lấy ngọn nến và thổi tắt nó. “Tốt rồi,” cô ấy nói rồi đặt tay lên tay tôi. “Cảm ơn mình, Trùng Minh, cảm ơn mình.” Cô ấy vén rèm rồi rời khỏi giường. “Em sẽ đi nấu mì và chuẩn bị *com cháy*. Giờ chúng ta phải ăn, sau đó em sẽ đi xếp đồ.”



Tim tôi nặng trĩu. Cô ấy đã tha thứ cho tôi. Nhưng tôi cảm thấy sợ hãi, sợ tới mức nghĩ rằng đây có thể sẽ là lần cuối cùng tôi đặt bút viết vào cuốn nhật ký này. Sợ rằng chính tôi là kẻ sẽ giết chết cô ấy. Chúng tôi còn có hy vọng gì không? Có thể Trời Phật sẽ phù hộ cho chúng tôi. Có thể Trời Phật sẽ phù hộ cho chúng tôi.

Bên ngoài trời lạnh cóng. Tuyết rơi xối xả như đang trong một cơn bão. Chỉ trong khoảng thời gian ngắn ngủi tôi ở trong câu lạc bộ mà tuyết đã kịp rơi kín vỉa hè và phủ đầy trên nóc những chiếc ô tô đang đỗ bên vệ đường. Tôi đứng trong một góc khuất của tòa nhà, ngay cạnh chiếc cầu thang máy và nhìn ra bên ngoài. Trong màn tuyết trắng xóa, tôi chỉ có thể nhìn thấy những gì ở cách tôi từ hai mươi mét trở lại nhưng tôi có thể cảm nhận được cả khu phố đang im lặng một cách bất thường. Không thấy ai đi trên vỉa hè, không thấy chiếc xe ô tô nào trên phố, chỉ có con quạ chết đóng băng bên miệng cống. Như thể Mama Strawberry đã đứng khi nói có một điếm xấu đang luân lách khắp Tokyo.

Tôi giờ tiền ra đếm. Tay tôi run bần khiến tôi phải đếm đi đếm lại hai lần mà vẫn nghĩ là mình nhầm. Tôi đứng lặng đi một lúc, nhìn chăm chăm vào đồng tiền trên tay. Đó không phải là tiền lương cho một tuần như tôi đoán. Strawberry đã đưa cho tôi ba trăm nghìn yên, gấp năm lần số tiền bà phải trả. Tôi nhìn xuyên qua màn tuyết lát phát lên tầng thứ năm mươi của tòa nhà, lên cái câu lạc bộ nơi nàng Marilyn vẫn đang đung đưa trên chiếc xích đu. Tôi nghĩ tới Strawberry trong bản sao những chiếc đầm của Marilyn Monroe và một cuộc đời vây quanh bởi những tay gangster và những người bồi bàn trẻ tuổi. Tôi chợt nhận ra tôi chẳng biết gì về bà. Tất cả những gì tôi biết là bà có một người mẹ đã qua đời, một người chồng đã chết và ngoài hai người đó ra thì bà hoàn toàn đơn độc trên thế giới này. Có lẽ bạn sẽ không bao giờ thật sự nhận ra những người vẫn quan tâm tới bạn cho tới tận khi họ đột ngột ra đi.

Ở ngã tư, một chiếc xe hơi đang từ từ lướt qua, tuyết bay rào rào trước đèn pha. Tôi thụt sâu vào gần tường, kéo cổ áo khoác lên và siết chặt lớp vải mỏng quanh cổ, người run lên vì lạnh. Strawberry có ý gì khi bảo tôi không nên dùng chiếc thang máy bằng kính? Bà có thật sự nghĩ rằng tay chân của Fuyuki đang rình mò trên phố? Chiếc xe ô tô biến mất sau tòa nhà và phố xá lại trở nên yên tĩnh. Tôi ngó ra ngoài. Cần phải suy nghĩ một cách

bình tĩnh và mạch lạc. Hộ chiếu, sách vở và mọi ghi chép của tôi vẫn nằm trong con hẻm bên hông ngôi nhà. Tôi không thể gọi điện cho Jason vì chắc là mục Y Tá sẽ nghe trộm. Tôi phải quay trở lại ngôi nhà đó. Chỉ một lần thôi.

Tôi vội vã đếm lại số tiền của Strawberry và chia nó ra làm hai phần, mỗi bên một trăm năm mươi ngàn yên và để vào hai bên túi áo khoác. Rồi tôi rút tay vào túi và rời khỏi tòa nhà. Tôi bước nhanh ra khu phố phía sau và có cảm giác như mình đang lạc vào một thế giới kỳ diệu, những bông tuyết trắng rơi lất phất trên những cục điều hòa gắn bên ngoài, trên những hộp thức ăn bằng sơn mài xếp bên ngoài cửa hậu để những người giao hàng tới lấy đi. Tôi lại ăn mặc không phù hợp, áo khoác thì quá mỏng cộng thêm đôi giày cao gót để lại những dấu vết kỳ quặc phía sau. Đây là lần đầu tiên tôi đi giày cao gót trên tuyết.

Tôi bước đi lặng lẽ, băng qua ngã tư gần đền Hanazoro với những chiếc đèn lồng màu đỏ ma quái rồi lại chui vào một ngõ nhỏ. Tôi đi qua những cửa sổ sáng đèn, những chiếc quạt sưởi bốc hơi. Tôi nghe thấy tiếng tivi và tiếng người trò chuyện, nhưng suốt cả quãng đường tôi chỉ nhìn thấy một hoặc hai người. Tokyo dường như đang đóng kín mọi cánh cửa. Ai đó trong thành phố này, ai đó ở sau một trong những khung cửa kia, đang có trong tay thứ mà tôi tìm kiếm. Một thứ gì đó không lớn lắm. Chỉ nằm vừa vặn trong một chiếc lồng kính nhỏ. Thịt người. Nhưng không phải là cả một cái xác. Có lẽ chỉ là một bộ phận nào đó. Người ta có thể giấu một miếng thịt người ở đâu chứ? Và tại sao? Tại sao lại có người muốn đánh cắp nó? Tôi chợt nhớ đến một câu trong cuốn sách ngày xưa tôi đã đọc, hình như là của Robert Louis Stevenson thì phải: “Những kẻ đi cướp xác, không coi những quy luật tự nhiên ra gì vẫn thường bị hấp dẫn bởi tính an toàn và dễ dàng của việc làm này...”

Tôi đi theo một đường vòng cung quanh Takadanobaba để về nhà bằng con hẻm nhỏ nằm giữa hai tòa nhà. Tôi dừng lại, nấp sau một chiếc máy giải khát tự động Calpis đang phát ra những quầng sáng màu xanh nhấp nháy, thận trọng thò đầu ra quan sát con hẻm. Con hẻm vắng ngắt. Tuyết vẫn rơi lặng lẽ, lấp lánh dưới ánh sáng của những ngọn đèn lồng treo bên ngoài một nhà hàng xúp *ramen*. Ở phía bên trái tôi là ngôi nhà tối om và lạnh lẽo, che kín cả bầu trời. Tôi chưa bao giờ nhìn ngôi nhà từ vị trí này, nó có vẻ lớn hơn tôi nghĩ, sừng sững như một khối núi, lớp ngói cong cong

trông gần như góm ghiếc. Tôi nhận ra mình đã quên kéo rèm cửa sổ phòng, và tôi nghĩ tới chiếc đệm đang nằm trong im lặng, nghĩ tới những bức tranh Tokyo trên tường, tới hình ảnh âm lặng của tôi và Jason đang đứng dưới những dải thiên hà.

Tôi thò tay vào túi lôi ra chùm chìa khóa. Tôi cẩn thận nhìn quanh lần nữa trước khi bước vào con hẻm nhỏ, đi sát vào bên hông của ngôi nhà. Tôi nhìn lên khe hở giữa hai tòa nhà và ngó lên chiếc máy điều hòa. Chiếc túi du lịch của tôi vẫn nằm đó, chìm trong bóng tối và phủ đầy tuyết. Tôi tiếp tục bước đi sát ngôi nhà, ngay dưới cửa sổ phòng tôi. Khi chỉ còn cách khúc ngoặt khoảng mười mét thì có cái gì đó khiến tôi dừng lại. Tôi nhìn xuống chân mình.

Tôi đang đứng trong một cái rãnh dài và đen màu nhựa đường. Tôi chớp mắt nhìn. Không hiểu sao linh tính lại mách bảo tôi đứng lại. Và rồi tôi nhận ra, dĩ nhiên, đó là một vết bánh xe ô tô. Một chiếc ô tô vừa đỗ ở đây không lâu. Mạch tôi đổ dồn. Các dấu vết bắt đầu hiện ra một cách rõ ràng. Chiếc xe hơi hẵn đã đỗ ở đây khá lâu vì vết bánh xe còn hẵn lại rất rõ, một đồng đầu lọc thuốc nằm trên mặt đất, ngay dưới vị trí cửa sổ của lái xe, như thể những người trong xe đã cố tình chờ đợi cái gì đó. Tôi vội vàng quay trở lại trong bóng tối, máu đông lại. Vết bánh xe chạy dài ra đằng trước về hướng phố Waseda nơi thường có một hoặc hai chiếc xe ô tô im lìm chạy dưới tuyết. Ngoài vết bánh xe này ra thì cả con hẻm vắng hoe. Tôi thở phào và ngược nhìn những ô cửa sổ trên ngôi nhà cũ kỹ xiêu vẹo, chỉ thấy thấp thoáng những ánh đèn vàng lấp lóe. Mọi chuyện có vẻ bình thường. *Không có gì nghiêm trọng*, tôi tự nhủ, liếc đôi môi nhúc nhối và nhìn chăm chăm xuống vết bánh xe trên mặt đất. *Chẳng có gì đáng phải lo*. Mọi người vẫn thường đỗ xe trong ngõ đầy thối vì tìm được một chỗ vắng vẻ riêng tư ở Tokyo đâu phải chuyện dễ.

Tôi tiếp tục men theo con hẻm, tránh cái bóng của chiếc xe ô tô như thể nó là một cái bẫy ma quái. Tôi đi sát vào tường, vai quẹt vào những đám tuyết đậu trên hàng rào sắt của tầng trệt ngôi nhà. Tới khúc rẽ, tôi nép vào tường, hé mắt nhìn ra phía cửa chính của ngôi nhà. Cửa đóng im ỉm y như lúc tôi bỏ đi, tuyết chất thành đồng ở đằng trước. Tôi liếc nhìn con phố vắng tanh trước mặt thêm lần nữa. Dù không nhìn thấy một bóng người, tôi vẫn không khỏi run lập cập khi bước tới cửa ngôi nhà và hấp tấp tra chìa khóa vào ổ.

Jason vẫn để tivi. Từ dưới bậc cửa phòng Jason tuôn ra một dòng ánh sáng màu xanh nhấp nháy, nhưng chiếc đèn hành lang đã bị mù Y Tá đập nát nên ngôi nhà tối om một cách bất thường. Tôi chậm rãi leo lên cầu thang, trông ngực đập thình thịch, lúc nào cũng tưởng tượng ra có cái gì đó đang từ trong hành lang lao vút về phía mình. Tới đầu cầu thang, tôi dừng lại dưới ánh đèn mờ ảo, thở hắt ra, những ký ức đêm qua chợt hiện về, giống như những chiếc bóng đang chạy dài trên bức tường trước mặt. Cả ngôi nhà im ắng. Không một hơi thở hay một tiếng cọt két. Ngay cả tiếng lá cây xào xạc trong vườn cũng bị vùi trong tiếng tuyết rơi.

Tôi tới phòng của Jason, răng va vào nhau lập cập. Tôi nghe thấy tiếng anh ta thở trong chiếc tủ đựng quần áo, một tiếng thở tắc nghẽn, đặc máu, trở nên gấp gáp hơn khi tôi đẩy cánh cửa. “Jason?” Tôi gọi khẽ. Căn phòng lạnh ngắt và tràn ngập một thứ mùi hữu cơ rất khó chịu, giống như mùi phân của động vật. “Anh có nghe thấy không?”

“Ừ.” Tôi có thể nghe thấy tiếng anh ta xê dịch một cách đau đớn trong tủ quần áo. “Cô có nói chuyện được với ai không?”

“Họ đang trên đường tới đây,” tôi nói khẽ rồi trèo qua chiếc bàn và lặng lẽ thả người vào trong phòng. “Nhưng anh không thể ngồi đây mà đợi, Jason, anh phải ra khỏi đây ngay bây giờ. Mụ Y Tá đang quay trở lại.” Tôi đứng cạnh tủ quần áo, đặt tay lên cánh cửa. “Đi nào, tôi sẽ giúp anh xuống cầu thang và...”

“*Cô định làm gì thế? Cô định làm cái chết tiệt... Lùi lại ngay. Tránh xa cái tủ quần áo ra.*”

“*Jason! Anh phải đi khỏi đây ngay lập tức!*”

“*Cô nghĩ là tôi không nghe thấy cô nói gì sao. Tôi nghe thấy rồi. Giờ thì tránh xa cái cửa tủ khóa kiếp này ra!*”

“Nếu anh tiếp tục la hét tôi sẽ không đi đâu cả. Tôi chỉ muốn giúp anh.”

Anh ta phát ra một âm thanh giận dữ rồi tôi nghe thấy tiếng anh ta lùi sâu vào phía trong, hơi thở gấp gáp. Một lúc sau khi đã bình tĩnh hơn một chút, anh ta ghé miệng gần cánh cửa. “Nghe này, hãy nghe cho kỹ...”

“Chúng ta không có thời gian để mà...”

“Tôi nói là *hãy nghe đây!* Tôi muốn cô đi vào trong bếp. Có một đồng giẻ ở dưới bồn rửa bát. Hãy lấy cho tôi càng nhiều càng tốt, rồi lấy cho tôi cả khăn tắm hay bất cứ cái gì cô tìm thấy.” Anh ta đang cố gắng đứng lên. Từ phía trong tủ quần áo một vũng nhầy nhầy, sền sệt lẫn cả với tóc, trượt xuống sàn nhà rồi đóng băng lại. Tôi không thể rời mắt khỏi chúng. “Rồi lấy chiếc túi ở trên móc treo quần áo, và vali của tôi nữa, nó vẫn còn ở ngoài cửa chứ?”

“Vâng.”

“Mang cho tôi tất cả mọi thứ trong cái vali rồi tôi muốn cô tắt đèn và rời khỏi đây. Tôi sẽ tự lo liệu phần còn lại.”

“Tắt đèn à?”

“Đây không phải là một cuộc triển lãm quái dị. Tôi không cần cô giương mắt ra nhìn tôi.”

*Lạy Chúa, tôi nghĩ rồi trèo qua chiếc bàn ra ngoài. Mụ ta đã làm gì anh? Có phải giống như mụ ta đã làm với Bison. Ông ta đã chết. Chết vì những gì mụ ta đã làm. Trên các cửa sổ, những cánh cửa chớp đều mở tung. Ngoài vườn, tuyết vẫn rơi, những bông tuyết màu xám to như nắm đấm xoay tròn và rơi chồng lên nhau, bóng chúng trải dài trên sàn nhà. Chiếc túi nylon vắt trên cành cây chiếu trên tường một cái bóng dài, như hình chiếc đèn lồng. Tôi không thể nhớ nổi ngôi nhà đã bao giờ lạnh đến thế này chưa, như thể không khí đã đóng băng trong các phòng. Tôi ôm lấy một đồng giẻ trong bếp rồi đi lấy khăn tắm trong phòng tắm. Tôi run rẩy trèo qua chiếc bàn.*

“Để chúng ở gần tủ. *Tôi đã nói là đừng có nhìn về phía tôi.*”

“Còn *tôi* thì nói là *đừng có hét lên!*” Tôi lại trèo ra ngoài kéo chiếc vali của anh ta về phía cửa, nhấc nó lên bàn rồi thả xuống sàn. Sau đó tôi ra chỗ mắc áo ở đầu cầu thang để lấy chiếc túi treo phía dưới những chiếc áo khoác. Trong khi nhấc đồng áo khoác và jacket ra khỏi mắc để lấy chiếc túi, tôi vẫn dỏng tai lên nghe mọi âm thanh vang lên từ phía con hẻm bên ngoài,

lúc nào cũng tưởng tượng ra cảnh mục Y Tá lặng lẽ đi dọc theo con phố tới trước cửa nhà chúng tôi nhìn lên các cửa sổ và quyết định sẽ làm gì để...

Tôi chợt sững lại.

Chiếc túi của Jason.

Tôi đứng bất động nhìn chăm chăm vào chiếc túi, chỉ có lồng ngực phập phồng theo hơi thở dưới lớp áo khoác. Một ý nghĩ kỳ lạ bỗng siết chặt lấy tôi. Ngôi nhà vẫn im ắng, ngoại trừ tiếng sàn nhà kêu lách cách vì giá lạnh và tiếng Jason cựa quậy trong tủ quần áo. Anh ta đã đeo chiếc túi này trong bữa tiệc tại nhà Fuyuki. Người như mục đi, tôi bàng hoàng nhìn dọc cái hành lang im ắng, dài hun hút rồi quay về phía cửa phòng của anh ta. Jason ư? Tôi chợt nghĩ, máu như đông lại trong huyết quản. Jason ư?

Tôi sờ tay lên chiếc túi và nhìn nó đăm chiêu. *Nghe này*, anh ta nói khi tới phòng tôi sau khi trở về từ bữa tiệc. Lúc đó anh ta cũng đeo chiếc túi này. Tôi nhớ rất rõ. *Hai chúng ta đều có đúng cái mà người kia cần. Và anh sẽ kể cho em một chuyện mà em sẽ rất thích.* Đột nhiên tôi không còn tưởng tượng ra mục Y Tá đang lảng vảng ngoài ngõ nữa, mà thay vào đó, là cảnh mục đang vội vàng đi qua một bể bơi phản chiếu bầu trời đêm đen thẫm, một chiếc đèn báo động màu đỏ nhấp nháy phía trên đầu mục ta. Đêm hôm qua, tôi đã không nhìn thấy Jason đi cùng mục Y Tá khi Fuyuki lên cơn sốc. Đúng là chỉ có vài phút thôi, nhưng trong lúc rối loạn, mọi chuyện đều có thể xảy ra...

Thận trọng, chậm rãi, tôi rón rén mở khóa và thò tay vào bên trong chiếc túi. Tay tôi chạm vào những chiếc khăn giấy, những bao thuốc lá và một đôi tất. Tôi thò tay vào sâu hơn. Một chùm chìa khóa và một cái bật lửa. Và rồi trong góc túi có cái gì đó giống như lông thú. Tôi dừng tay lại. Một vật gì đó có lông và rất lạnh, cỡ bằng con chuột. Tôi đứng im, tóc gáy dựng ngược lên. Jason? Đây là cái gì vậy? Tôi sờ vào vật đó lần nữa, chạm phải một lớp bề mặt giống như da của động vật chết và rồi tôi chợt nhớ ra một chuyện. Tôi hít một hơi dài rồi kéo cái vật đó ra ngoài, kinh ngạc nhìn nó chăm chăm. Đó là một con gấu nhồi bông làm bằng da thật dài khoảng mười lăm centimet. Ở mũi nó có xỏ một chiếc nhẫn tết bằng dây màu vàng và đỏ, và tôi nhận ra ngay đó là con gấu chiến bị mất của Irina. *Anh chàng đó là một người rất kỳ lạ.* Tôi nhớ có lần cô ấy nói. *Anh ta toàn xem những bộ phim kinh khủng và anh ta còn có tật ăn trộm.* *Cô có biết không? Lấy*

*trộm con gấu của tôi, găng tay của tôi, thậm chí cả bức ảnh của ông bà tôi nữa...*

“Này, chuyện quái quỷ gì ở đó thế?” Jason đột nhiên kêu lên.

Tôi không trả lời. Tôi vụng về nhấc chiếc túi ra rồi quay trở lại phòng của anh ta. Tôi dừng lại trước cửa, nhìn chằm chằm vào chiếc vali đang nằm trên sàn. Tôi nhớ lại mấy tuần trước đây, anh ta đã xòe tay vào mặt tôi để bắt chước con rồng đang nổ tung của Sở Trùng Minh. Anh ta biết là tôi đang tìm kiếm một cái gì đó. Nhưng - *Tôi không hề biết em là một người hoàn hảo đến thế, cho tới đêm nay...*

*Dĩ nhiên rồi, đó là Jason. Tôi nghĩ, đầu gối như khuyu xuống. Dĩ nhiên là thế rồi. Nếu anh tìm thấy thuốc của Fuyuki, thì đó đúng là thứ anh thích... Anh là một tên trộm, có đúng thế không? Một kẻ chỉ lấy trộm vì khoái cảm.*

Chiếc vali của anh ta vẫn chưa được sắp xếp lại, đồ đạc bên trong thò ra ngoài, một chiếc quần thể thao, quần jean và một chiếc thắt lưng. “Đúng vậy,” tôi lầm nhảm một mình khi mọi chuyện bắt đầu trở nên rõ ràng trước mắt tôi. “Giờ thì tôi đã hiểu.” Các câu hỏi và câu trả lời đang đan cài vào nhau một cách hợp lý. Sáng hôm nay, trong đồng hồ vút vung vãi ngoài hành lang của Jason, có cái gì đó đã đập vào mắt tôi, máy ảnh, giấy tờ, vài cái ảnh. Hộ chiếu của anh ta. *Hộ chiếu của anh ta?*

“Jason,” tôi thì thào, “tại sao tất cả những thứ này...” Tôi chỉ vào chiếc vali. “Những thứ này... Anh đã sắp xếp hành lý từ đêm hôm qua đúng không? *Sắp xếp hành lý.* Tại sao anh lại xếp hành lý nếu anh không biết trước rằng...”

“Cô đang nói cái chết tiệt gì vậy?”

“*Nếu anh không biết* trước là mẹ ta sẽ tới?”

“Đặt các thứ xuống đất rồi đi đi.”

“Đúng là như thế, có phải không? Anh đã nhận thức được việc làm của mình. Anh đột nhiên nhận ra sự nghiêm trọng của nó, biết là mẹ ta sẽ



tìm tới đây vì anh đã đánh cắp...”

“Tôi *nói* là để các thứ...”

“Bởi vì anh đã ăn trộm,” tôi cao giọng. “Anh đã ăn trộm của Fuyuki. Anh đã ăn trộm của ông ta. Đúng không?”

Tôi gần như có thể nghe thấy sự do dự của anh ta, môi anh ta mấp máy, làm bầm những lời giận dữ. Trong một giây tôi nghĩ anh ta sẽ lao ra ngoài, nhảy bổ vào tôi với vẻ khiêu khích. Nhưng anh ta không làm thế. Thay vào đó, anh ta chỉ gất gồng: “Thì sao? Đừng có lên giọng giảng giải đạo đức với tôi. Tin tôi đi, nó chỉ làm tôi nghẹt thở mà thôi. Nghẹt thở vì cô và tất cả những vấn đề, những nỗi ám ảnh kỳ quặc chết tiệt của cô.”

Tôi buông chiếc túi rớt xuống đất, hai tay ôm lấy đầu. “Anh...” Tôi thở gấp, cả người run lên bần bật. “Anh... anh... *Tại sao? Tại sao anh lại...*”

“*Bởi vì!*” Anh ta nói về điên tiết. “Chỉ *bởi vì*, vì nó ở đó. Đột nhiên cái thứ chết tiệt mà cô vẫn...” Anh ta nín thở. “Nó ở đó. Ngay trước mắt tôi, và tin tôi đi, tôi *không hề biết* rằng mình đã tự lao đầu vào lửa khi lấy nó, và giờ thì càng *không phải* lúc để phán xét tôi, hãy đặt *các thứ* xuống cái sàn *chết tiệt* đó và...”

“Ôi, Jason,” tôi choáng váng nói, “đó là cái gì?”

“Chắc chắn cô sẽ không muốn biết đâu. Giờ hãy đặt...”

“Làm ơn, làm ơn nói cho tôi biết đó là cái gì và anh đã giấu nó ở đâu.” Tôi quay ra nhìn khu hành lang vắng ngắt, trải dài rồi mất hút trong bóng đêm. “Làm ơn, điều đó đối với tôi rất quan trọng. Nó ở đâu vậy?”

“Đặt cái túi xuống sàn...”

“Nó ở đâu?”

“Và dịch chỗ khăn tắm lại gần tủ.”

“*Jason*, nó ở đâu?”

“Tôi nói, đẩy đồng khăn tắm lại gần tủ và...”

“Nói cho tôi biết không tôi sẽ...”

“*Câm đi!*” Anh ta đập âm âm vào cửa tủ khiến nó rung lên bần bật, suýt bật ra khỏi rãnh kéo. “Quý tha ma bắt cô đi, *quỷ tha ma bắt cô đi* và *quỷ tha ma bắt* cái cuộc săn tìm kho báu khôn kiếp của cô. Nếu cô không muốn giúp tôi thì hoặc là xông vào mà đánh tôi bởi vì tôi sẽ nện cho cô một trận, tôi chả sợ gì mà không nện cho cô một trận, hoặc là cô *biến đi* và tự đi mà *âu yếm* một mình.”

Tôi đứng nhìn chăm chăm vào cánh cửa tủ một lúc, tim đập thành thịch. Rồi tôi quay lại nhìn về phía cuối hành lang. Phần lớn các phòng đều đóng cửa. Nhưng hành lang vẫn được chiếu sáng bởi những mảnh kính vỡ lấp lánh và những mảng giấy dán tường bị xé rách. “Thôi được, thôi được.” Tôi nói, quờ tay ra đằng trước, chuyển động những ngón tay như thể tôi sẽ túm được câu trả lời trong không khí. “Tôi sẽ đi tìm. Không cần anh giúp. Anh vừa mang nó về đêm qua, nó vẫn ở đâu đó quanh đây.”

“*Hãy câm miệng lại và tắt đèn đi!*”

Tôi như bừng tỉnh sau cơn mộng du. Mồ hôi túa ra sau gáy tôi. Tôi lôi cuộn tiền trong túi áo bên phải ném vào phòng cho Jason. Cuộn tiền rơi xuống đất, các tờ tiền bay lên trong ánh sáng lò mờ. “Strawberry gửi cho anh ít tiền,” tôi nói. “Và, Jason này...”

“Gì?”

“Chúc anh may mắn!”

Vài hôm trước, trước khi mẹ Y Tá viếng thăm ngôi nhà, một buổi sáng thức dậy tôi nhìn xuống dưới cửa sổ và bắt gặp một người đàn ông mặc áo vét, đầu đội chiếc mũ cứng của ngành xây dựng, tay cầm một tập hồ sơ đang đứng, quan sát ngôi nhà, có lẽ ông ta là một kỹ sư hoặc một người chuyên vẽ bản đồ địa hình. Điều đó khiến tôi buồn biết bao khi nghĩ tới ngôi nhà, sau tất cả những gì nó đã trải qua, chiến tranh, động đất, nạn đói lại bị rơi vào tay những chuyên viên phát triển bất động sản. Những bức tường dán giấy thanh mảnh và khung gỗ của ngôi nhà đã được thiết kế đặc biệt để dù cho động đất có khiến nó đổ xuống như những que diêm thì người sống bên trong vẫn có cơ hội thoát thân. Khi người ta tới phá hủy ngôi nhà, khi họ chằng những tấm nylon màu xanh nước biển xung quanh nó rồi kết thúc nó bằng một quả cầu bê tông, nó sẽ ra đi không một lời trăng trối, mang theo tất cả những ký ức và bí mật đã được chôn vùi bên trong.

Người kỹ sư và tôi nhìn nhau một lúc lâu, ông ta ngoài trời giá lạnh còn tôi ấm áp trong chiếc chăn quấn quanh người, cho đến khi tay bắt đầu tê cóng và má đỏ ửng thì tôi đóng cửa sổ lại. Lúc đó, tôi băng quơ nghĩ rằng sự hiện diện của ông ta có nghĩa là hồi kết của chúng tôi trong ngôi nhà này đã tới gần. Tôi không hề nghĩ rằng đoạn kết lại đến theo một cách khác, hoàn toàn bất ngờ.

Tôi vớ lấy một chiếc đèn pin trong bếp rồi lặng lẽ đi dọc theo hành lang, tắt hết đèn đóm dọc đường đi. Có một vài phòng mở cửa toang hoác, phần lớn cửa sổ đều không có cửa chớp hay rèm cửa. Ánh đèn từ tấm biển quảng cáo có hình Mickey Rourke bên ngoài soi chiếu tất cả những gì xảy ra bên trong những căn phòng tĩnh lặng này. Người bên ngoài có thể nhìn thấy mọi chuyện nên tôi phải khom người xuống và di chuyển một cách lẹ làng. Trong phòng mình, tôi rón rén lại gần chiếc cửa sổ, cố thò đầu ra ngoài, cổ vươn ra như sếu để nhìn xuyên qua bãi đất trống giữa hai tòa nhà

ra phía con hẻm bên ngoài. Con hẻm vắng tanh, không một tiếng người, không tiếng xe cộ, chỉ có những bông tuyết vẫn đang rơi lặng lẽ. Vết bánh xe ô tô và vết giày của tôi đã biến mất dưới lớp tuyết mới. Tôi lôi cuộn tiền ra và ném nó lên trên chiếc túi. Nó rơi xuống một cách khẽ khàng nhưng cũng đủ làm cho đám tuyết phía dưới văng tung tóe. Tôi quay vào và quờ quạng tìm quần áo để thay trong bóng tối, ném chiếc váy đi làm ra rồi mặc quần dài, đi giày đế bằng, áo len và áo jacket kéo khóa lên tận cổ.

*Anh để nó ở đâu hả Jason? Ở đâu? Tôi nên bắt đầu từ đâu?*

Tôi luồn ra cửa, tay vẫn giữ khư khư chiếc đèn pin, răng va vào nhau lập cập. Từ phía phòng của Jason tôi nghe thấy những tiếng thành thịch. Tôi không muốn tưởng tượng ra những hành động bí ẩn và có lẽ rất đau đớn mà anh ta đang trải qua. *Nhưng chắc là không phải trong phòng của anh, Jason, như thế thì quá dễ dàng.* Ánh sáng từ chiếc đèn pin của tôi đang đù đờ trên những cánh cửa im lặng. Tôi để chiếc đèn trong căn phòng dùng làm nhà kho ở bên cạnh phòng tôi. Thậm chí khi bạn không có bản đồ và không có chút dấu vết nào trong tay thì bạn cũng phải bắt đầu cuộc tìm kiếm từ đâu đó. Tôi lom khom tiến về phía cửa nhà kho rồi len vào bên trong, từ từ kéo cánh cửa lại sau lưng để tránh gây tiếng động. Căn phòng trông giống như một bãi chiến trường. Mụ Y Tá và tên *chimpira* rõ ràng đã mó tay vào mọi thứ, từ những tấm đệm rách nát, những đồng vải lụa bị gián nhấm, móc meo, cũ kỹ, một chiếc hộp đựng khung ảnh, bên trong là những bức chân dung đen trắng của một người phụ nữ lớn tuổi trong trang phục kimono truyền thống. Lớp kính bên ngoài những tấm ảnh này đều đã rạn nứt. Tôi ngồi xồm xuống giữa phòng và bắt đầu lôi các thứ ra xem. Một chiếc nồi cơm điện, một hộp giấy bì màu vàng, một chiếc thắt lưng *obi* bằng lụa, trước đây có màu xanh và màu bạc giờ đã vàng ố ở nhiều chỗ và bị gián nhấm thủng lỗ chỗ. Khi tôi chạm tay vào đó, chiếc thắt lưng bỏ ra, vô số những hạt bụi lóng lánh như những vảy màu trên cánh bướm cụp vào nhau rồi bay lên trong không khí.

Tôi xem xét mọi thứ, càng lúc càng hoang mang, mồ hôi túa ra. Khi tôi sắp kiểm tra hết căn phòng thì có cái gì đó khiến tôi phải dừng lại và ngược mắt nhìn. Những ánh đèn pha đang di chuyển trên trần nhà.

Một nỗi sợ hãi bao trùm lấy tôi. Tôi tắt đèn pin, nhét nó vào trong túi rồi chống tay lên sàn nhà trong tư thế của một vận động viên điền kinh ở

vạch xuất phát, mọi thứ thịt trên người căng ra. Tai tôi dỏng lên, hướng ra ngoài căn phòng, tiến vào con hẻm, cố gắng đoán xem chuyện gì đang diễn ra bên ngoài. Ánh đèn bắt đầu di chuyển xuống tường rồi nhanh chóng hợp thành một đường thẳng đứng giống như những vệt sáng phát ra từ con tàu vũ trụ. Con hẻm vẫn im ắng. Rồi đúng lúc tôi nghĩ là mình sắp tắt thở thì tôi nghe thấy tiếng xe ô tô khởi động. Ánh đèn hậu phản chiếu trên cửa sổ, một thứ ánh sáng màu vàng cam. Chiếc ô tô đã dừng lại trong màn tuyết, chờ rẽ trái sang phố Waseda. Tôi nhắm mắt và ngồi thụp xuống, lưng dựa vào tường. “Ồi Chúa ơi, Jason,” tôi thì thào, tay dụi trán. “Tôi đến chết mất thôi.”

Tìm kiếm kiểu này thật vô ích. Mục Y Tá đã lục lọi tất cả các phòng mà chẳng tìm thấy gì. Vậy thì tôi có thể hy vọng gì chứ? Nhưng tôi có quyết tâm và có đầu óc. Tôi sẽ phải tìm ra cách nhìn xuyên qua trần nhà, qua những bức tường và kết cấu của ngôi nhà. Tôi sẽ phải xem xét những nơi mà mục ta chưa tìm kiếm. *Cố lên nào*, tôi đặt hai ngón tay lên mí mắt, *hãy cố hình dung ra ngôi nhà bằng một đôi mắt khác*. Hình dung ra nó bằng đôi mắt của Jason đêm hôm trước. Hình dung ra bộ xương của ngôi nhà. Anh ta đã nghĩ gì? Khi về nhà đêm hôm qua, anh ta nhìn cái gì trước tiên?

Hình ảnh của ngôi nhà lần lượt hiện lên trong đầu tôi. Tôi nhìn xuyên qua lớp da của nó, tôi thấy những rầm nhà, một khung nhà bằng gỗ với những dây dợ cuốn quanh. Tôi nhìn thấy những cửa sổ. *Những chiếc cửa sổ*. Những chiếc cửa sổ trong hành lang đang thì thầm điều gì đó rất quan trọng. Chúng đang nói rằng *hãy nghĩ cho thật kỹ*. Chúng đang nói rằng *hãy nhớ lại anh ta trong đêm hôm qua, nhớ lại anh ta ở trước cửa phòng của cô*. Chúng tôi đang tranh cãi. Rồi sao nữa? Anh ta bỏ đi. Anh ta cực kỳ tức giận và vẫn còn đang ngà ngà say, rồi anh ta đâm vào những cánh cửa chớp. Anh ta dừng lại một lúc nhìn ra ngoài vườn, khi ra khỏi phòng tôi có nhìn thấy một cửa sổ mở tung, anh ta đứng đó hút thuốc. Rồi anh ta quay vào, đi về phòng và bắt đầu sắp xếp hành lý...

Tôi mở choàng mắt. Sau những cánh cửa chớp mở tung, tuyết vẫn đang rơi xối xả ngoài vườn, lấp lánh và lạnh giá, biến thành những tác phẩm tạo hình ngẫu nhiên. Chiếc túi nylon treo trên cành cây gần như đông cứng lại. Tôi rà soát lại trí nhớ của mình và lập tức nghĩ ra. Jason đứng cạnh cửa sổ, tay cầm cái vật anh ta lấy trộm và...

Giờ thì tôi đã nhìn thấy anh ta một cách rõ ràng, đang mở cửa sổ, lấy đà quăng chiếc túi nylon ra ngoài trời đêm trong cơn dông bão. Chiếc túi bay trên các tán cây, xoay tròn và quay cuồng trong gió trước khi rớt xuống và mắc vào một cành cây mà cho đến lúc này vẫn đang xoắn vặn và đóng băng tại đó. *Ôi Jason*, tôi ngồi dậy, quỳ gối trên sàn và nhìn chăm chăm vào chiếc túi. *Dĩ nhiên rồi*. Tôi đã biết nó ở đâu rồi. Nó ở bên trong chiếc túi đó.

Tôi đứng dậy và bước về phía cửa sổ, tì hai bàn tay tê cứng của mình lên ô cửa, da tôi đột nhiên trở nên nhột nhạt khi cảm nhận được từ phía cầu thang một âm thanh rất dè dặt nhưng không lẫn vào đâu được, tiếng cửa trước bị mở ra.

**史 Nam Kinh, ngày 21 tháng Mười hai năm 1937 (ngày mười chín tháng Mười một âm lịch)**

Ở Nam Kinh, trừ những đám mây tuyết, vạn vật đều bất động, mọi con sông, dòng suối, núi non, cỏ cây hoa lá đều ủ rũ và đờ đẫn, kiệt quệ trong một mùa đông vốn thuộc về người Nhật này. Ngay cả dòng sông Dương Tử vốn cuộn cuộn như rồng cuốn cũng ngừng chảy, tức tưởi, lờ đờ, nghẽn lại với hàng trăm nghìn xác chết vớt đầy sông. Và rồi tôi lại tiếp tục những dòng nhật ký mà tôi đã tưởng rằng sẽ không bao giờ có cơ hội viết nữa. Đó là vào một buổi chiều trong sáng và sự yên bình ngự trị trở lại trong căn nhà khi mọi chuyện đã xong. Giống như một phép màu. Tay tôi cứng cáp và râm nắng, một dòng mực nhạt đang chảy ra từ những đầu ngón tay. Quả là một phép màu khi thò tay vào bên trong lớp áo khoác và sờ thấy trái tim vẫn nguyên nhịp đập.

Trong số đồ đạc chúng tôi mang theo, Thu Kim bọc thìa, dũa và mấy con dao trong một miếng vải rồi đặt nó vào một cái hộp đựng tiền bằng gỗ đàn hương cùng với một chiếc vòng đeo tay màu đen của trẻ con có chiếc khánh hình đức Phật. Tôi phải thuyết phục mãi để cô ấy khỏi thêm vào đó cả mấy quả trứng sơn đỏ. “Thu Kim, sẽ không có *đầy tháng* hay *lễ chào đời* đâu.” Tôi nói, cố tỏ ra nhẹ nhàng.

Cô ấy không trả lời. Nhưng cô ấy cũng lấy mấy quả trứng đó ra khỏi túi rồi mang vào trong phòng ngủ, cuốn chúng lại trong chăn rồi đặt chúng như một cái tổ chim ở trên giường chờ tới ngày chúng tôi trở về.

“Minh ổn chứ?” Tôi lo lắng hỏi khi thấy cô ấy đi xuống mặt trăng bệch. “Minh có khỏe không?”

Cô ấy chỉ lẳng lẳng gật đầu rồi lấy ra một đôi găng tay. Cô ấy mặc rất nhiều quần áo: hai chiếc áo dài chồng lên nhau, một chiếc quần len và một đôi ủng lông. Mặt chúng tôi bôi than đen sì, hai chiếc thẻ tị nạn dính bên ngoài áo. Ra tới cửa, chúng tôi dừng lại và nhìn nhau. Trông chúng tôi như hai kẻ xa lạ. Một lúc lâu sau, tôi hít một hơi thật sâu rồi nói: “Đi thôi, đến lúc phải đi rồi.”

“Vâng, đã đến lúc rồi,” cô ấy nói một cách từ tốn.

Bên ngoài, tuyết rơi nhẹ nhưng ánh trăng sáng chiếu xuyên qua những bông tuyết khiến chúng trông như đang nhảy múa rộn ràng. Chúng tôi đi tới đường Trung Ương rồi dừng lại. Không có Lưu Nhuận Đức, người vốn rất thạo đường, tôi cảm thấy không được vững tâm. Phía trước chúng tôi khoảng một trăm mét, tôi nhìn thấy một con chó đang nằm ngửa trên tuyết, trương phồng, bốn chân giăng ra hết cỡ, chĩa lên trời giống như một chiếc ghế đầu bị lật. Một vài ngôi nhà đã bị thiêu rụi kể từ lần cuối cùng tôi có mặt ở đây, nhưng không có bất kỳ dấu vết nào sót lại trên tuyết, và đường phố vắng tanh. Tôi không biết ông Lưu định vượt qua cổng Thái Bình bằng cách nào, chẳng có linh tính hay cái la bàn nào có thể xác định được cái gì đã diễn ra trong đầu ông. Nhúm tóc của ông vẫn nằm trong găng tay của tôi, áp vào vết bỏng trên lòng bàn tay tôi và tôi khẽ nắm chặt tay lại. “Đây rồi, phía này. Đúng là phía này rồi,” tôi nói một cách chắc chắn rồi dựng cổ áo khoác lên tới tận tai để tránh tuyết. Chúng tôi đi trong im lặng. Núi Tử Kim sừng sững phía đằng trước, dữ dằn và tuyết đẹp dưới bầu trời đầy sao. Phố xá vắng ngắt nhưng chúng tôi vẫn cảnh giác nhìn ngó từng góc phố. Chúng tôi đi rất chậm, vừa đi vừa nép sát vào tường, sẵn sàng bỏ chiếc xe kéo và chạy trốn vào các con hẻm nhỏ khi cần thiết. Thu Kim tuyết đối im lặng, và trong một lúc lâu, tôi không nghe thấy bất cứ tiếng động nào khác ngoài tiếng bước chân của hai vợ chồng và tiếng tim tôi đập thình thịch. Một lần tôi có nghe văng vẳng tiếng xe tải trên đường Trung Sơn, nhưng chỉ tới khi đi qua khu vực Tuyên Vũ, chúng tôi mới thấy bóng người đầu tiên: một người đàn ông lớn tuổi đang cúi đầu nặng nhọc bước về phía chúng tôi, vai đeo quang gánh với hai chiếc giỏ tre nặng trĩu hai bên. Dường như ông đang đi về hướng chúng tôi vừa tới, mỗi bên giỏ là một đứa trẻ con đang ngủ, tay thông xuống và đong đưa bên ngoài chiếc giỏ, tuyết đậu trên đầu chúng. Ông không có vẻ gì là nhận ra chúng tôi vì không thấy ông chớp mắt hay cúi đầu chào mà chỉ lầm lũi tiến thẳng về phía chúng tôi. Khi ông tới gần, chúng tôi mới thấy là ông đang khóc.



Thu Kim dừng lại khi ông bước đến.

“Chào bác,” cô ấy thì thầm khi ba chúng tôi đi song song với nhau, “bác có ổn không?”

Ông không trả lời, cũng không đi chậm lại hay quay sang nhìn cô ấy.

“Xin chào? Các cháu có ổn không ạ?” Cô ấy hỏi lại.

Cứ như thể là cô ấy không hề nói gì. Người đàn ông lớn tuổi vẫn tiếp tục khập khiễng đi dọc phố, mắt dán vào một điểm xa xăm.

“Xin chào?” Cô ấy nói to hơn. “Bác có nghe tôi nói không? Bọn trẻ thế nào?”

“Suýt,” tôi túm tay kéo cô ấy lên vệ đường, chỉ sợ cô ấy nói quá to. “Đi thôi.”

Người đàn ông vẫn tiến về phía trước dưới làn mưa tuyết lát phất. Chúng tôi đứng im nhìn bước chân ông loạng choạng dưới đồng hành lý, một bóng ma trong chiếc áo choàng cũ.

“Em chỉ muốn biết bọn trẻ con thế nào,” cô ấy lẩm bẩm.

“Tôi biết, tôi biết.”

Thế rồi cả hai chúng tôi đều im lặng, tránh nhìn vào mắt nhau vì câu trả lời thật rõ ràng. Một đứa trẻ thì đang ngủ, còn đứa kia, một thằng con trai, nằm thụt sâu trong chiếc giỏ phía bên phải thì không hề ngủ. Nó đã chết từ lâu. Chỉ cần nhìn qua cũng biết.

Đến nửa đêm thì chúng tôi tới gần khu trại lính. Tôi biết khu vực này rất rõ. Khi còn là sinh viên tôi thường đi qua đây để tới thăm hồ Tuyên Vũ, và tôi biết chúng tôi đang ở rất gần khu tường thành. Tôi tìm thấy trong một ngôi nhà bỏ hoang một chiếc rương đựng quần áo bằng gỗ hồng tâm cháy sém, và chỉ cần trèo lên đó và nhìn qua những kẽ hở của ngôi nhà đã bị phóng hỏa là tôi có thể thấy cổng thành Thái Bình.

Tôi đặt ngón tay lên môi, thò đầu ra một chút nữa cho tới khi nhìn thấy bức tường thành dài hai trăm mét. Ông Lưu đã nói đúng. Bức tường thành đã bị bắn thủng nhiều chỗ và những đồng gạch ngói đổ nát nằm ngổn ngang khắp nơi. Ngay phía trước cổng thành có hai tên lính gác đội mũ kaki đứng nghiêm, ánh sáng duy nhất tỏa ra từ chiếc đèn nhà binh để trên các ụ bắn xây bằng các túi cát. Sau lưng chúng, bên ngoài tường thành, một chiếc xe tăng Nhật nằm ngay giữa đồng cỏ nát với một lá cờ nhem nhuốc.

Tôi trèo xuống khỏi cái rương. “Chúng ta sẽ đi về hướng Bắc.” Tôi phui tay rồi chỉ về phía trước mặt. “Đường này. Chúng ta sẽ phải tìm một lỗ hổng trên tường thành.”

Chúng tôi rón rén đi sang con hẻm nhỏ bên cạnh ngôi nhà, bám sát vào tường. Đây là phần nguy hiểm nhất trong lộ trình của chúng tôi. Nếu vượt qua được bức tường chúng tôi sẽ vượt qua được trở ngại lớn nhất. Chỉ cần chúng tôi vượt qua được bức tường...

“Đây rồi. Đây rồi.” Cách cổng thành khoảng một trăm mét tôi vô tình nhìn xuyên qua một hàng rào và thấy đằng sau một miếng đất bị thiêu trụi và bỏ hoang có một lỗ hổng lớn hình chữ V trên tường thành, đất đá chất thành đồng phía sau. Tôi kéo tay Thu Kim. “Là chỗ đó.”

Chúng tôi đi ra đường chính, thò đầu ra nhìn dọc theo bức tường thành. Tất cả đều im ắng. Chúng tôi có thể nhìn thấy ánh đèn le lói từ phía những tên lính canh ở phía Nam tường thành. Ở phía Bắc này, tuyết lặng lẽ rơi trong bóng tối, lấp lánh dưới ánh trăng.

“Chúng có thể ở phía bên kia tường,” Thu Kim thì thào. Tay cô ấy vỗ nhẹ lên bụng một cách vô ý thức. “Nếu chúng đang đợi mình ở bên kia tường thì sao?”

“Không đâu,” tôi có nói với một giọng chắc chắn và cố nhìn thẳng vào mắt thay vì nhìn xuống tay cô ấy. Phải chăng cô ấy lại linh cảm thấy một điềm báo gì mà không muốn nói với tôi? “Tôi thề với mình là chúng không có ở đó. Chúng không ở đó đâu. Chúng ta phải vượt qua chỗ này thôi.”

Chúng tôi băng qua mảnh đất trống, người cúi gập, chiếc xe kéo trượt trên mặt đất gồ ghề khiến chúng tôi bị trượt chân và suýt ngã mấy lần. Khi

tới được bên bức tường, chúng tôi cúi xuống, nấp đằng sau chiếc xe, thở hổn hển và nhìn ra xung quanh. Tất cả đều yên ắng. Tuyết vẫn quay cuồng, xoáy trong gió nhưng không thấy ai hét lên hay chạy lại chỗ chúng tôi.

Tôi đặt tay lên tay cô ấy và chỉ vào đồng đất đá phía sau lỗ hồng. Nó không cao lắm, tôi trèo lên đó dễ dàng rồi quay lại và nắm lấy hai càng của chiếc xe kéo. Thu Kim cố hết sức nhưng không tài nào nâng được đuôi xe lên và đẩy nó về phía tôi. Tôi phải quay lại và dùng hết sức đẩy chiếc xe lên trước, chân tôi trượt trên lớp đá và khiến vài viên đá rơi xuống và gây ra một tiếng động mà tôi chắc là có thể đánh thức tất cả lính Nhật ở Nam Kinh.

Cuối cùng tôi cũng lên được tới đỉnh của bãi đá và thả cho chiếc xe lăn lông lốc xuống dốc rồi đổ ầm sang một bên, tất cả đồ đạc văng tung tóe trên tuyết. Tôi đưa tay cho Thu Kim, từ từ giúp cô ấy leo lên từng chút một vì cơ thể cô ấy đã bắt đầu trở nên nặng nề. Mắt Thu Kim không rời khỏi tôi. Chúng tôi nửa bò, nửa trượt tới chỗ chiếc xe bị đổ, nhặt lấy bất cứ thứ gì có thể, ném chúng vào xe rồi chạy đại vào đám cây cối um tùm gần đó. Tôi lôi xềnh xệch chiếc xe kéo ở phía sau còn Thu Kim thì cúi gập người khi chạy, tay ôm theo một đồng quần áo.

“Chúng ta đã làm được,” tôi thở hổn hển. Chúng tôi đứng tùm lại dưới tán cây. “Tôi nghĩ là chúng ta đã làm được rồi.” Tôi đưa mắt nhìn ra xung quanh. Trời tối, tôi chỉ có thể lờ mờ nhìn thấy phía bên tay phải vài ngôi nhà lụp xụp, tối om và chắc là không có người ở. Trên cái bóng của bức tường thành đổ trên mặt đất có một vết bánh xe chạy dài, và cách cổng thành khoảng hai mươi mét, một con dê đang bị buộc dưới gốc cây. Ngoài ra, không có lấy một bóng người. Tôi quay đầu lại và thở phào nhẹ nhõm. “Đúng vậy, đúng là chúng ta đã làm được.”

Thu Kim không trả lời. Mặt cô ấy hình như không sưng lên nhưng hơi cau lại và có gì đó rất căng thẳng. Không chỉ là nỗi sợ hãi. Cô ấy gần như chẳng nói một lời suốt mấy tiếng đồng hồ vừa qua.

“Thu Kim, mình ổn chứ?”

Cô ấy gật đầu nhưng tôi để ý thấy cô ấy tránh không nhìn vào mắt tôi. Mối bất an trong lòng tôi lại dâng lên. Tôi biết là chúng tôi không nên nghỉ lại ở đây mà phải tìm tới ngôi nhà của vị thương gia buôn muối càng nhanh

càng tốt. “Đi nào,” tôi nói và chìa tay ra cho cô ấy, “Chúng ta phải tiếp tục thôi.”

Chúng tôi chất hết các thứ lên xe, bước ra khỏi gốc cây và bắt đầu di chuyển, quan sát xung quanh với vẻ khó tin, ngạc nhiên rằng chúng tôi đã ở đây, giống như những đứa trẻ lạc vào thế giới ma thuật. Phố xá ở đây hẹp hơn, nhà cửa thưa thớt hơn và con đường dưới chân thì bẩn thỉu và ngập rác. Núi Tử Kim sừng sững bên tay phải chúng tôi, che khuất cả những vì sao, còn xa xa phía bên tay trái là đồng đồ nát đen kịt của thành phố Nam Kinh. Tôi cảm thấy vô cùng nhẹ nhõm và say sưa với ý nghĩ là chúng tôi đã được giải thoát khỏi Nam Kinh.

Chúng tôi rảo bước, thỉnh thoảng lại dừng lại nghe ngóng. Ánh lửa cháy bập bùng phía sau năm hòn đảo trên hồ Tuyên Vũ. Chúng tôi đoán rằng đó là một doanh trại lính Nhật, và quyết định rời khỏi đường chính rẽ về phía chân núi, men theo một trong các mương nước lớn, ngập úng do mưa bão gây ra. Thỉnh thoảng tôi phải bỏ Thu Kim, trườn theo các bờ kè nhỏ để kiểm tra cho chắc là chúng tôi vẫn đi song song với đường lớn. Nếu cứ tiếp tục thế này chúng tôi sẽ tới được Xóa Lộ Khẩu.

Chúng tôi không nhìn thấy một ai, không một bóng người, không một bóng thú, nhưng lòng tôi vẫn không yên. Tôi càng lúc càng thấy lo cho Thu Kim. Chưa bao giờ cô ấy có vẻ căng thẳng đến thế. Thỉnh thoảng cô ấy lại quên mất, đặt tay lên xoa bụng.

“Nghe này,” tôi đi chậm lại và thì thào với cô ấy. “Lần sau, lúc nào tuyết quang một lúc thì để ý xem đường này rẽ đi đâu.”

“Cái gì cơ?”

“Ồ kia kia, mình có thấy không, chỗ mấy cái cây ấy?”

Cô ấy nheo mắt nhìn ra xa. Trên một cánh đồng mía dại đã cháy trụi thấp thoáng bóng một chiếc ròng rọc phủ đầy tuyết trông rất ma quái, như một con nhện quắp lấy cái giếng nước ở phía dưới. Bên cạnh nó là một hàng rào cây bụi dùng để phân chia mốc giới.

“Một vườn dâu. Nếu chúng ta tới được đó chúng ta có thể nhìn thấy vùng ngoại ô của Xóa Lộ Khẩu. Chúng ta đã rất gần rồi. Đó là tất cả những gì mình sẽ phải làm, chỉ còn mấy bước nữa thôi...”

Tôi chợt dừng lại.

“Trùng Minh?”

Tôi đặt tay lên môi, nhìn xuống đoạn dốc đang chìm trong bóng tối. “Minh có nghe thấy gì không?”

Cô ấy nhíu mày, vươn đầu ra phía trước chăm chú nghe ngóng. Một lúc sau cô ấy quay lại nhìn tôi. “Cái gì vậy? Minh nghĩ là mình đã nghe thấy gì?”

Tôi không trả lời. Tôi không thể nói rằng tôi vừa nghe thấy cái tiếng động quen thuộc của tên quỷ dữ vang lên đâu đó gần đây trong bóng tối.

“Cái gì vậy?”

Từ phía rặng cây ở phía trái con đường xuất hiện một vệt đèn pha rồi tiếng động cơ gầm rú xé tai. Một chiếc mô tô xuất hiện, cách chúng tôi khoảng hai trăm mét, nhảy chồm lên một bờ đất, rồi lấy lại thăng bằng trên một mô đất cao hơn, xoay một vòng, tuyết bắn ra tung tóe từ dưới bánh xe. Nó dừng lại như thể đang chờ để tiến thẳng về phía chúng tôi.

“Chạy thôi!” Tôi chộp lấy tay Thu Kim, đẩy cô ấy lên con dốc ở phía trước rồi kéo xe chạy theo sau. “Chạy đi! Chạy đi!”

Sau lưng tôi, tên lái mô tô đang nổ máy. Tôi không biết hẳn có nhìn thấy chúng tôi hay không nhưng hình như hẳn đang có ý định đi về cùng hướng với chúng tôi. “Chạy tiếp đi, chạy tiếp đi.” Tôi bước loạng choạng trên nền tuyết cứng, chiếc xe kéo oằn oèo sau lưng chỉ chực lật nghiêng.

“Phía nào cơ?” Thu Kim gọi với lại. “Phía nào cơ?”

“Đằng trước ấy, về phía núi.”

Khi tiếng bước chân bắt đầu vang lên đều đặn từ phía cầu thang, tôi có thể chỉ cần im lặng. Tôi có thể lặng lẽ đi về phòng của mình, trèo qua cửa sổ rồi biến mất trong màn tuyết dày đặc mà không bao giờ biết được vật gì nằm bên trong chiếc túi nylon đó. Nhưng tôi đã không làm thế. Tôi nhào tới gõ cửa phòng Jason và kêu lên: “*Jason, Jason, đi mau!*”

Khi cái bóng góm ghiếc của mụ Y Tá xuất hiện trong bóng tối lờ mờ phía đầu cầu thang thì tôi lao như tên bắn dọc theo hành lang về phía cầu thang dẫn xuống vườn, vừa chạy thình thịch vừa hét gọi Jason giống một người trong cơn hưng phấn hơn là đang trong nỗi sợ hãi. “*Jason!*” Rồi tôi lao xuống cầu thang, vừa trượt vừa lăn lông lốc xuống phía dưới, đâm sầm vào tấm chắn cửa trước khi chui được ra bên ngoài trời tuyết.

Khi đã ra được ngoài vườn, tôi dừng lại đứng một giây, thở hỗn hển.

Cả khu vườn tĩnh lặng. Tôi nhìn xuyên qua những tán cây phía gần công ra vào rồi quay nhìn lại chiếc túi nylon đang treo lơ lửng, cách tôi chỉ vài mét về bên trái, ngay phía trên hòn đá đánh dấu khu vực cấm xâm phạm. Tôi hết nhìn cánh công, nhìn chiếc túi nylon lại đưa mắt lên phía hành lang trên gác. Một ánh đèn lóe sáng, xoẹt ngang qua khu vườn.

*Phải hành động thôi...*

Tôi bắt đầu chuyển động, không đi dưới giàn cây đậu tía rậm rịt mà hướng về phía chiếc túi, cách xa cánh công, di chuyển như một con cua giữa những bụi cây thấp và bám sát vào tường, nơi bóng tối phủ dày nhất. Những cành cây trên cao rung rinh, rũ tuyết ra khắp nơi. Bóng của chiếc túi đu đưa trên đầu tôi. Khi đã chui hẳn vào bóng tối và đám cây bụi trở nên dày đặc không thể đi xuyên qua nữa thì tôi ngồi sụp xuống, thở hỗn hển, mạch máu rần rật hai bên thái dương.

Chiếc túi đong đưa một cách biếng nhác trên đầu tôi và ở phía trên nó, những ô kính cửa sổ bằng bạc trước cửa phòng Jason phản chiếu bóng của cây cối và những bông tuyết đang xoay tít. Một vài giây im lặng trôi qua, rồi có cái gì đó trong ngôi nhà bị đập vỡ nghe rất chói tai, không biết là một cánh cửa bay ra khỏi bản lề hay đồ đạc bị hất tung, và sau đó là một âm thanh mà cả đời tôi sẽ không bao giờ quên. Đó là thứ âm thanh đôi khi những con chuột cống trong vườn vẫn tru lên vào giữa đêm khi bị bọ mèo xé xác. Nó quất ngang ngôi nhà như một làn roi. Jason đang la hét, một thứ âm thanh khủng khiếp, xuyên thấu, âm vang khắp khu vườn và đâm thẳng vào tim tôi. Tôi lấy hai tay bịt tai lại, rùng mình ghê sợ không thể tiếp tục nghe chúng. *Chúa ơi! Chúa ơi!* Tôi phải há miệng thật to để nuốt không khí vào đây phổi vì lần đầu tiên trong đời tôi nghĩ mình sẽ ngất.

Chiếc túi trên cành cây khẽ lay động trước một cơn gió nhẹ, đám tuyết bám xung quanh bay ra lất phất. Tôi nhìn lên chiếc túi, mắt nhòe đi vì sợ hãi. Trong chiếc túi có một vật gì đó, một vật gì đó được gói trong giấy. Bây giờ tôi đã có thể nhìn thấy nó một cách rõ ràng. Tiếng la hét của Jason lớn dần, âm vang trong bóng đêm, đập vào những bức tường. Tôi không có nhiều thời gian, phải hành động ngay lúc này. Phải tập trung, *tập trung*. Tôi kiễng chân, túm lấy một cành cây kéo nó xuống, những ngón tay lạnh giá chạm vào chiếc túi, cả người tôi run bần bật, mồ hôi túa ra. Một mẫu băng rơi xuống, chiếc túi khẽ kêu răng rắc, và trong một tích tắc tôi bỗng rụt tay lại theo bản năng, sững sờ vì không tin là mình vừa chạm vào nó. Chiếc túi khẽ đong đưa. Tôi hít một hơi dài rồi thò tay ra túm lấy chiếc túi, vừa đúng lúc Jason ngừng la hét và ngôi nhà trở lại yên ắng.

Tôi giật mạnh chiếc túi nhiều lần cho tới khi nó tuột ra khỏi cành cây. Được giải thoát, cành cây bật ngược trở lại, rung rinh một lúc, hất một đồng băng tuyết xuống đầu tôi. Tôi lại lẩn vào bóng tối, len giữa những bụi cây, tay nắm chặt chiếc túi. *Các người có nghe thấy tôi không?* Tôi thầm nghĩ, ngược nhìn lên hành lang phía trên và tự hỏi không hiểu mẹ ta đang ở đâu, tại sao ngôi nhà lại đột nhiên trở nên im ắng thế này? *Jason, tại sao lại trở nên im lặng thế? Anh im lặng vì mẹ ta đã dừng lại? Vì anh đã nói cho mẹ ta biết phải đi tìm ở đâu?*

Một cánh cửa sổ mở tung. Cái dáng nửa người nửa ngựa của mẹ Y Tá xuất hiện trong hành lang, khuôn mặt lơ mơ qua những tán lá. Nhìn cái cách mẹ ta đứng im, đầy chú ý thì có thể đoán được rằng mẹ ta đang nghĩ tới khu

vườn, hay nghĩ tới những tiếng động tôi đã gây ra khi chạy bỏ xuống cầu thang. Hoặc có thể mục ta đang quan sát đám cây cối, xem chiếc túi có thể mắc vào đâu. Tôi quay đầu lại nhìn bóng cành cây ban nãy vươn dài tới tận Tòa nhà Muối và hóa thành những vệt màu trắng nhảy nhót trên tường. Mục Y Tá thò mũi ra ngoài để đánh hơi, trong bóng tối đôi mắt lòa của mục chỉ còn là hai chấm đen lơ mờ. Tôi thụt sâu vào trong bụi cây, cố tóm lấy vật gì chắc chắn để dựa, vô tình bẻ gãy mấy cành cây nhỏ khiến chúng kêu răng rắc.

Mục Y Tá quay vào, khịt khịt mũi và chậm chạp bước dọc theo hành lang, vừa đi vừa gõ tay lên các bậc cửa sổ. Mục ta đang tiến về phía cầu thang dẫn ra vườn. Một bóng người thứ hai đi theo mục, tên *chimpira*. Ngay cạnh chân tôi, một viên đá lát đường bị lún xuống đất. Tôi điên cuồng cào xới tới bật máu tay để lôi nó lên, giữ nó trước ngực cùng với chiếc túi. Tôi cố gắng hình dung ra bức tranh toàn cảnh của khu vườn xung quanh tôi. Kể cả khi tôi băng qua được đám cành cây xoắn xít kia thì cũng mất khoảng mười lăm giây để băng qua khu vườn trống trước khi ra tới cổng. Ở đây sẽ an toàn hơn vì dấu chân của tôi không bị lộ giữa đám cây bụi này và nếu...

Tôi nín thở. Chúng đã tìm thấy cái cầu thang. Tôi nghe thấy tiếng bước chân vang lên trên các bậc thang. *Chúng đang tới tìm mình*, nghĩ tới đây, toàn bộ xương cốt trong người tôi như muốn rũ ra. *Mình là người kế tiếp*. Rồi tôi nghe thấy tiếng cửa bị kéo ra, và trước khi tôi có thể trườn đi chỗ khác thì cái bóng đen sẫm của mục Y Tá xuất hiện thấp thoáng sau những cành cây đóng băng lóng lánh. Mục ta hơi cúi người xuống để chui vào con đường chính dẫn ra vườn dưới giàn cây đậu tía rậm rạp, bước đi rất nhanh và nhẹ nhàng như thể mục ta đang chạy trên những con đường tàng hình. Cuối cùng mục ta xuất hiện bên ngoài khu vườn đá phủ đầy tuyết rồi quay đầu nhìn xung quanh giống như một con ngựa cái đang đánh hơi. Hơi thở mục ta phả ra trắng xóa cứ như mục đang dùng một loại công lực để phun ra chúng.

Tôi không dám thở. Mục ta sẽ đánh hơi ra ngay nếu tôi thở. Mục ta đang tập trung cao độ tới mức có thể cảm nhận được tóc tôi đang dựng ngược lên, sự co giãn của các động mạch trong người tôi và thậm chí cả những suy nghĩ đang náo loạn trong đầu tôi. Tên *chimpira* lúc này mới xuất hiện bên ngưỡng cửa, nhìn theo mục Y Tá. Mục ta đang nhìn về phía tôi, quan sát kỹ đám cây cối trước khi chuyển hướng sang phía đối diện, hướng cánh



cổng. Sau một phút do dự, mẹ ta tiếp tục đi quanh khu vườn, thỉnh thoảng lại dừng lại nhìn ngó xung quanh một cách có chủ ý. Rồi mẹ ta quay lại dưới giàn đậu tía và bắt đầu cho tới khi tôi nghe thấy tiếng mẹ ta kiểm tra cánh cổng. Tôi nghe thấy cánh cổng kẽo kẹt và từ từ mở ra. Lúc này tuyết khá quang nên tôi có thể nhìn thấy mẹ ta đứng đó vẻ trầm ngâm, tay đặt lên trên chiếc chốt cửa.

“Cái gì vậy?” Tên *chimpira* kêu lên, trong giọng nói dường như thoáng chút bồn chồn lo lắng. “Bà có nhìn thấy gì không?”

Mẹ Y Tá không trả lời. Mẹ ta sờ tay lên chiếc then cửa rồi nhấc nó lên mũi người, miệng hơi hé mở như để hít cái mùi đó vào trong. Mẹ ta thò đầu ra ngoài cổng và nhìn ra phố, tôi cảm thấy như bị sét đánh trúng tim: *không có dấu vết, trên tuyết không có dấu vết gì. Mẹ ta sẽ biết là tôi vẫn chưa đi khỏi.*

Tôi nhét chiếc túi nylon vào bên trong áo jacket, kéo khóa lên, nhét viên đá vào trong túi và lặng lẽ đi men theo tường như một cái bóng lẩn giữa các bóng cây khác tới một cửa sổ tầng trệt nơi tôi nhớ rằng lớp lưới bảo vệ đã bị bung ra khỏi bản lề. Đúng như tôi nghĩ, cửa sổ hé mở, bên trong là lớp kính phủ đầy rêu. Tôi nghiêng người về phía trước, nắm chặt khung cửa để giữ thăng bằng và đu người lên khỏi mặt đất trắng xóa tuyết cho tới khi chân tôi bám vào được một cành cây ngả sát tường. Tôi đứng lên trên cành cây đó, người run lẩy bẩy, hơi thở nóng hổi làm mờ lớp kính trên cửa sổ trước khi phả lại vào mặt tôi. Khi đưa tay chùi mặt, tôi giật mình khi thấy khuôn mặt mình xuất hiện trên lớp kính và suýt nữa thì bước hụt ra sau. *Phải từ từ, từ từ, tập trung.* Tôi quay lại và nhìn qua đám cây bụi. Mẹ ta vẫn không cử động, đứng quay lưng về phía tôi và đang quan sát đường phố một cách từ tốn. Gã *chimpira* đã bước qua ngưỡng cửa ra ngoài và nhìn theo mẹ Y Tá, lưng hắn xoay lại phía tôi.

Tôi kéo chiếc cửa sổ nhích ra từng chút một rồi nâng tấm kính lên để nó không kêu cọt két và đứng vào lúc đó, cứ như thể nghe thấy tiếng tôi, mẹ ta rời mắt khỏi cánh cổng và nhìn về phía con đường lúc trước mẹ ta đi qua, chậm rãi quay đầu.

Tôi không đợi nữa. Tôi thò hai chân xuyên qua khe hở rồi đu cả người vào theo, rơi bịch xuống sàn nhà trong tư thế ngồi xổm. Tôi ngồi im trong bóng tối, choáng váng vì tiếng động mà cú nhảy gây ra, hai tay chống

lên sàn nhà đợi cho đến khi tiếng động đó biến mất trong các góc ngách của những căn phòng cũ kỹ quanh năm cửa đóng kín mít này. Tôi nghe thấy đầu đó trong bóng tối dày đặc phía bên trái mình tiếng chuột chạy riu rít. Tôi thò tay vào trong túi bật chiếc đèn pin rồi chụm tay che nó lại chỉ để hở một quang sáng nhỏ chiếu lên sàn nhà. Trong ánh sáng yếu ớt xung quanh tôi, căn phòng hiện ra nhỏ hẹp, sàn nhà lát đá lạnh ngắt, rác rưởi chất đống khắp nơi. Khoảng vài mét ở đằng trước là một khung cửa trống. Ánh đèn của tôi chiếu thẳng ra tới đó không gặp bất cứ trở ngại nào và tiếp tục chạy dọc theo chiều sâu của ngôi nhà. Tôi tắt đèn rồi bò trên sàn bằng cả bốn chi, xuyên qua đám rác rưởi và mạng nhện tới chỗ khung cửa bỏ trống trước khi tiếp tục trườn sâu hơn về phía cuối ngôi nhà, bò qua không biết bao nhiêu phòng cho tới khi chắc rằng bọn chúng không thể nào tìm ra mình được nữa.

Tôi dừng bước, nhìn lại con đường mình vừa đi qua. Tiếng động duy nhất mà tôi nghe thấy là tiếng tim mình đập thình thịch. *Các người có nhìn thấy ta không? Các người có nhìn thấy ta không?* Đáp lại tôi chỉ có sự im lặng. Đầu đó trong bóng tối vang lên tiếng nước nhỏ giọt đều đều và một thứ mùi rất nặng xộc vào mũi tôi, giống như mùi than bùn, mùi khoáng chất của những bãi nước tù úng.

Tôi vừa bò về phía đó vừa thở hổn hển cho tới khi tôi không còn nghe thấy bất cứ âm thanh nào nữa và dường như một thế kỷ đã trôi qua thì tôi mới dám bật đèn pin lên. Ánh sáng từ ngọn đèn nhảy nhót trên đồng đồ đạc chất cao, những thanh gỗ mục gãy trên xà nhà và một mảng vôi vữa, sắt thép lộ lộ. Tôi có thể trốn ở đây suốt đời nếu cần thiết. Tôi lập cập lôi chiếc túi nylon ra khỏi áo jacket. Tôi cứ tưởng tượng ra đó là một vật rắn chắc và xỉn màu, giống như đất sét nhưng hóa ra nó lại nhẹ tênh, như thể nó được làm từ xương khô hay gỗ bông bấc. Tôi thò tay vào trong và chạm phải một vật được gói kỹ bằng một loại giấy mềm và nhẵn, y như giấy gói của hàng thịt, dày và bóng. Máu không thấm qua được bề mặt nhẵn thín của loại giấy này. Tôi phải đứng dựa vào tường một lúc, há miệng ra thở vì cái ý nghĩ vừa xuất hiện trong đầu tôi về cái vật tôi đang giữ thật quá sức chịu đựng. Tôi cậy lớp giấy bọc ở một đầu, giữ lấy đầu kia rồi kéo vật đó ra vừa đúng lúc từ sau lưng tôi, ở títt đằng xa, vang lên một tiếng động mà tôi không thể nào nhầm lẫn được. Tiếng kim loại rít lên. Ai đó đang cố mở cái cửa sổ mà tôi đã chui qua lúc nãy.



Tôi nhét cái gói vào trong áo rồi mò mẫm bò về phía trước, va vào các đồ vật trên đường đi, những tiếng động mà tôi gây ra trong cơn hoảng loạn dội lại từ các bức tường xung quanh tôi. Tôi lại bò từ phòng này sang phòng khác, không còn biết mình đang đi qua những cái gì; những chiếc áo kimono lặng ngắt như xác chết trong góc phòng, một chiếc bàn ăn với bữa tối đã dọn sẵn như thể mọi vật đã hóa đá khi bà mẹ của chủ nhà qua đời. Tôi đã vào rất sâu bên trong ngôi nhà, giữa bóng đêm bất tận cho đến lúc tôi nhận ra là mình không thể tiến thêm được nữa. Tôi đang đứng trong một gian bếp với một chiếc bồn rửa và một cái bếp lò kiểu phương Tây. Phía trước mặt tôi là một bức tường kín mít thay vì một cánh cửa dẫn sang một phòng khác như thường lệ. Không có lối ra. Tôi đã cùng đường.

Tóc tai dựng đứng cả lên vì sợ hãi, tôi chĩa đèn lên tường, lên những đám mạng nhện và đám vôi vữa trên trần. Ánh đèn rọi lên một chiếc tủ bếp làm bằng gỗ mỏng ở góc phòng. Tôi lại gần chiếc tủ, cào cào vào cánh cửa đến trầy cả đầu ngón tay, chân tôi run lẩy bẩy trên sàn nhà. Cuối cùng cánh cửa tủ cũng bật ra kèm theo một tiếng rít vang tới tận các phòng phía sau.

Tôi soi đèn vào phía bên trong và phát hiện ra rằng đó không phải là một cái tủ bếp mà là một cánh cửa dẫn ra một đầu cầu thang mục nát, đâm thẳng vào khoảng không tối om. Tôi bước vào bên trong, cẩn thận khép cánh cửa lại sau lưng rồi bám vào thành cầu thang ọp ọp và bước xuống hai bậc. Tôi ngồi xồm và soi đèn ra xung quanh. Đây là một hầm chứa rượu nhỏ hay một kho chứa thực phẩm có chiều rộng khoảng mét rưỡi và chiều dài khoảng ba mét, tường đá rắn chắc. Trên nóc hầm có một chiếc giá chạy dài với những vách ngăn hoen gỉ với hơn chục lọ thủy tinh cũ kỹ đứng chen chúc, bên trong đựng những chất màu nâu đen. Phía dưới là một lớp tảo dày đặc, màu hồng nhạt, tĩnh lặng, phủ trên bề mặt của một hồ nước. Dưới chân cầu thang là một ao nước tù.

Tôi nhìn lên cánh cửa đang đóng kín ở phía trên và dỏng tai nghe ngóng xem có tiếng động nào phát ra từ những căn phòng tôi đã đi qua. Im lặng. Tôi đã trèo lên một cành cây và chắc không để lại dấu vết nào dưới cửa sổ, hay giữa các bụi cây. Có thể chúng không hề nghe thấy tôi. Có thể chúng chỉ kiểm tra tất cả những cửa sổ trông khả nghi. *Cầu mong là như thế*, tôi nghĩ, *cầu mong*. Tôi quay lại và soi đèn quanh hầm rượu. Trên bức tường bên phải, một mạch nước nhỏ màu nâu sẫm rỉ ra từ một vết nứt trên kẽ đá, đúng như Jason đã từng nói với tôi: những ống nước bị vỡ trong một cơn động đất đã biến tầng hầm của ngôi nhà thành một hồ nước; những vạch rêu xanh và vết ố màu đồng đỏ đánh dấu những thay đổi về mực nước ở đây trong suốt ngàn ấy năm. Ánh đèn lướt qua một cái cửa tò vò thấp bằng gạch. Tôi cúi xuống gần sát mặt nước, soi đèn lên mái vòm của chiếc cửa tò vò. Đó là một đường hầm chạy dài, xuyên suốt ngôi nhà, nước ngập lên tới gần đỉnh, có lẽ chỉ còn thiếu có vài centimet. Không thể nào...

Người tôi chợt cứng đờ. Một tiếng động lớn vang vọng qua các dãy phòng phía sau lưng tôi như thể tấm lưới bảo vệ trên cửa sổ lúc nãy đã bị giật tung khỏi bản lề.

Tôi bắt đầu thở gấp vì sợ, miệng há hốc. Giơ chiếc đèn ra phía trước như một thứ vũ khí tự vệ, tôi bước xuống nước, mặt nước trong trành, vỗ ộp oạp xung quanh như thể tôi vừa chui vào bụng của một con vật đang ngủ yên, khuấy động những thứ đã nằm im bất động trong nhiều năm. Nước lạnh cóng khiến hàm tôi cứng lại còn trong đầu tôi thì nghĩ tới những bộ mặt bí ẩn, những cái mồm và những hàm răng, rằng tôi có thể đang ở hang ổ của một con vật nào đó. Tôi nghĩ tới Kappa, một loại ma cà rồng trong truyền thuyết Nhật Bản, một loại thủy quái ăn thịt người, chuyên túm chân người lồi xuống nước, hút hết máu rồi vớt những cái xác khô và trắng bệch lên bờ. Tôi vừa lội nước vừa giàn giụa nước mắt.

Tôi dừng lại ở phía bên kia tường và quay đầu nhìn lại quãng đường mình đã qua. Xung quanh tôi, mặt nước bắt đầu lặng đi, trở lại với sự yên tĩnh vốn có. Âm thanh duy nhất còn sót lại chính là hơi thở dồn dập của tôi dội lại từ các bức tường.

Rồi một tiếng đổ vỡ loảng xoảng khác lại vang lên, phá tan sự im lặng. Tiếng đồ đạc bị xáo trộn. Tôi tuyệt vọng nhìn quanh, ánh đèn đập dềnh lướt trên trần nhà vàng ố. Không có chỗ nào để trốn cả, không có chỗ

nào... *Cái cửa tò vò!* Tôi quỳ xuống cho tới khi nước ngập ngang vai và gần chạm vào cằm. Tôi vô tình huých phải chiếc giá đỡ khiến vài chiếc lọ rơi xuống nước kêu ùng ục rồi biến mất tăm cùng với những miếng dưa góp, những hạt gạo, những quả mận và con cá chi chi đã trở nên đen đúa và mục ruỗng ở bên trong. Tôi thò tay vào trong miệng hầm sờ lên nóc hầm nhầy nhụa bùn để thăm dò. Chỉ đến khi tôi đã thọc tay vào sâu hết cỡ và má tôi gần dính vào miệng hầm thì tôi có cảm giác nóc hầm bắt đầu nhô lên cao hơn so với mặt nước, tay tôi đã ở ngoài không khí. Tôi rút tay lại và chĩa đèn pin vào đó. Từ miệng hầm tới đoạn nóc hầm nhô lên trên mặt nước không biết có sâu không? Chắc khoảng sáu mươi tới bảy mươi centimet? *Không sâu lắm. Không đến nỗi sâu quá.* Tôi ngược nhìn về phía cầu thang, lên cánh cửa gỗ mỏng.

Từ đâu đó ở rất gần, có lẽ từ ngay gian bếp vang lên một tiếng loảng xoảng. Tôi không còn sự lựa chọn nào khác. Tôi lôi chiếc túi nylon ra buộc chặt lại rồi nhét trở lại bên trong áo khoác, kéo khóa lên tới tận cổ. Trong lúc lúi húi buộc buộc túm túm tôi sơ ý đánh rơi mất chiếc đèn pin. Nó trượt khỏi tay tôi, rơi xuống lớp tảo trên mặt nước, hất lên tường một hình ô van méo mó. Tôi chộp lấy chiếc đèn, túm được nó rồi lại để tuột ra lần nữa. Lần này lớp tảo trên mặt nước khê rung động khiến chiếc đèn chúi xuống rồi đâm thẳng xuống nước, những quang sáng bập bênh xuyên qua lớp lớp những sinh vật màu hồng mục ruỗng, bóng của chúng in thành những hình diêm dúa trên tường. Tôi lao theo chiếc đèn, thò tay xuống dưới nước quờ quạng, khuấy động lớp rác rưởi dưới mặt nước nhưng chiếc đèn vẫn lặng lẽ trườn ra xa, quay tròn, ánh sáng màu vàng nhạt của nó giờ chỉ còn là một chấm nhỏ leo lắt. Và rồi bụp, ngay cạnh tôi có vật gì đó nhỏ nhưng nặng rơi bịch xuống nước và đang bơi.

Nước mắt tôi trào ra vì sợ hãi. Cái đèn pin. Ôi cái đèn pin. *Không cần đến nó. Không cần đến nó làm gì. Mà có thể xoay xử mà không cần tới nó.* Ở trong nước thì có gì chứ? *Chẳng có gì cả. Một con chuột. Đừng nghĩ tới nó.* Từ phía đầu cầu thang, một tia sáng mỏng mảnh chiếu xuyên qua những vết nứt trên cánh cửa gỗ. Tôi nghe thấy một giọng đàn ông, trầm và đáng sợ cùng với hơi thở nóng hổi của mục Y Tá chuyển động quanh căn phòng như thể mục ta đang đánh hơi xem cái gì đã xảy ra tại đó.

*Đừng nghĩ ngợi gì nữa, mày sắp chết rồi.* Tôi hít một hơi thật sâu, chống hai tay lên tường, quỳ gối xuống và chui đầu xuống dưới làn nước

lạnh trong đường hầm tối đen. Nước tràn vào tai vào mũi tôi lạnh buốt. Tôi vói tay ra phía trước, cố đứng lên, người tôi va vào tường gạch, hai khuỷu tay trầy xước, loạng choạng trong bóng tối dày đặc. Một giọng nói bí hiểm vang lên trong đầu tôi, giọng nói của chính tôi, rên rỉ trong sợ hãi. *Lối nào? Lối nào đây?* Cái đường hầm này kết thúc ở đâu? Ở đâu? Dường như một thế kỷ đã trôi qua. Cho tới khi tôi tưởng là tôi đã hết hơi và mọi chuyện thế là kết thúc thì tay tôi chạm vào nóc hầm, cao hơn hẳn so với mặt nước. Tôi di chuyển về phía đó, tuyệt vọng lao đầu về nơi tôi có thể tìm thấy không khí để thở. Tôi nhô đầu lên khỏi mặt nước, nôn ói, nhổ phì phì, đầu tôi cụng phải nóc hầm đau điếng. Tôi không thể đứng thẳng người vì nóc hầm không đủ cao, chỉ cách mặt nước khoảng mười tới mười hai centimet. Để có thể giữ mặt mình ở trên mực nước và hít thở, tôi phải đứng khuỵu gối và hơi nghiêng đầu.

*Hít thở. Hít thở!*

Tôi không biết tôi đã đứng như thế bao lâu và cơ thể tôi đã rơi vào một cơn khủng hoảng như thế nào, có thể tôi đã bị ngất hoặc mất trí, nhưng khi tôi đứng đó, run lẩy bẩy, chỉ có tiếng tim đập bên bĩ làm bạn, nó đập mạnh như thể nó là một trái tim cực kỳ lớn, lớn gấp hàng trăm lần bình thường, lớn như cả ngôi nhà, và rồi một cái gì đó, cái lạnh hay sự sợ hãi, đã lấy mất sự tỉnh táo của tôi và thả nó vào một đường hầm sâu và tĩnh mịch cho đến khi tôi không còn là gì cả, ngoại trừ một mạch máu trống rỗng đập thành thịch ở một chỗ không có vị trí địa lí, không có biên giới và không có tên trên bản đồ. Tôi trôi nổi trong một chiếc máy hút bụi, không có chút khái niệm nào về thời gian hay sự tồn tại, bồng bềnh như một nhà du hành vũ trụ trong không gian bất tận và ngay cả sau khi một thiên niên kỷ đã trôi qua, khi tôi nhìn thấy một thứ ánh sáng màu hồng đùng đục chiếu xuyên qua làn nước phía bên trái tôi - mục Y Tá đang chĩa đèn vào đường hầm - thì tôi cũng không còn cảm thấy sợ hãi gì nữa. Tôi đang quan sát mình từ một nơi khác, thấy mặt mình nổi lênh bênh trên lớp tảo, đôi môi tím ngắt và mí mắt sấp sụp xuống đến nơi. Ngay cả khi ánh đèn biến mất và cuối cùng, sau một quãng thời gian tưởng như vô tận, khi tiếng bước chân xa dần trong những căn phòng phía trên, tôi vẫn đứng hoàn toàn bất động như một cô bé Alice thời hiện đại, đầu nghiêng sang một bên, tê dại và lạnh buốt tới mức tôi nghĩ tim mình sẽ đóng băng và tôi sẽ hóa thạch ở đây, rất sâu dưới lòng đất.





Rạng sáng, khi những ánh bình minh đầu tiên chiếu xuyên qua khu vườn và ngôi nhà đã trở lại yên tĩnh từ nhiều tiếng đồng hồ thì tôi mới bò ra được tới chỗ cửa sổ. Tôi đã phải bò hàng tiếng đồng hồ mới ra được tới đây vì cả người tôi tê buốt vì lạnh. Mỗi centimet là cả một cuộc đấu tranh không nhân nhượng chống lại nỗi thèm muốn được nằm vật ra và ngủ thiếp đi vì lạnh, nhưng cuối cùng tôi cũng đã tới đích. Tôi thận trọng nhìn ra bên ngoài, tim đập mạnh, tin chắc rằng mục Y Tá sẽ xuất hiện từ một chỗ khuất nào đó và tóm lấy tôi. Nhưng cả khu vườn vẫn tĩnh lặng như một thế giới pha lê trong trẻo, thần tiên, như một con thuyền bị bỏ lại trên đảo băng. Những giọt băng trong vắt như kim cương bao phủ khắp khu vườn, giống như những chuỗi hạt giăng giữa các hàng cây.

Tôi gần như kiệt sức sau khi trèo qua cái cửa sổ ra bên ngoài. Tôi rơi bịch xuống tuyết và ngồi ì ra ở đó một lúc lâu vì quá mệt mỏi, lưng dựa vào một cành cây, chiếc túi nylon để dưới chân, hồ hững quan sát cái thế giới mùa đông trước mặt.

Chuyện gì đã xảy ra ở đây? Chuyện gì đã xảy ra? Tất cả các cửa sổ đều bị đập vỡ, các cành cây trong vườn bị bẻ gãy, một cánh cửa chớp bị sút ra ngoài, lủng lảng trên bản lề, thỉnh thoảng lại kêu cọt két.

*Những giọt băng đọng trên cành mới đẹp làm sao...* Dưới ánh bình minh, đầu óc tôi bắt đầu hoạt động trở lại. *Mới đẹp làm sao!* Tôi nhìn đám cây cối xung quanh chiếc đèn lồng đá, nhìn vào cái khu vực đã từng mê hoặc Sử Trùng Minh biết bao. Từ từ, chậm rãi, như sau một giấc mơ, tôi bắt đầu trở nên tỉnh táo. Trên các cành cây, những giọt máu và vụn vãi nhỏ đông lại như thể có vật gì đó đã nổ tung ra ở đây. Vắt ngang chiếc đèn đá, giống như một tràng hoa giấy nhạt màu là... Ký ức lờ mờ về một bức ảnh trên báo chợt hiện lên trong đầu tôi, một nạn nhân người Nhật vô danh với nội tạng cuộn lại như dây thùng bên ngoài cốp xe.

*Jason...*

Dường như tôi đã đứng hàng tiếng đồng hồ, nhìn chăm chăm vào những gì còn lại của anh ta, sừng sốt vì hình dạng của chúng, những bện thừng xoắn, những đường viền màu sắc sắc sỡ, những trang trí hình cuộn giống y như trên cây thông Noel. *Sao trông chúng lại có thể đẹp đến thế?* Một cơn gió thổi tung những bông tuyết, để lộ ra những vết máu bám trên cành cây. Gió ùa qua những ô cửa kính vỡ và chạy dọc theo hành lang phía trên. Tôi tưởng tượng ra mình đứng đó và nhìn xuống khu vườn, xuống những bụi cây, những con đường ngoằn ngoèo, và nhìn thấy máu, giống như một vòng hào quang bao quanh chiếc đèn đá và xa hơn là mái ngói đỏ lập lờ của ngôi nhà nằm ở giữa vườn dưới lớp tuyết đang tan, và tôi thấy một người phụ nữ lớn tuổi khỏe mạnh đang đi guốc lách cách trong ngõ hẻm bên cạnh, thấy bức hình quảng cáo của Mickey Rourke, rồi dần dần là cả Takadanobaba, “khu ngựa thượng”, và Tokyo lóe sáng rực rỡ và lấp lánh bên cạnh vịnh, và cả nước Nhật giống như một con chuồn chuồn bám vào bên sườn của Trung Quốc. Đất nước Trung Quốc vĩ đại. Tôi vẫn tiếp tục nhìn cho tới khi tôi cảm thấy chóng mặt, và những đám mây xuất hiện, che khuất tầm nhìn của tôi. Tôi nhắm mắt lại và để bầu trời, những cơn gió hay mặt trăng tới nhắc tôi lên và mang tôi đi thật xa.

**史 Nam Kinh, ngày 21 tháng Mười hai năm 1937**

Tôi không biết chúng tôi đã đi bao lâu trong rừng cây trên con đường trốn chạy tuyệt vọng, tuyết rơi hối hả sau lưng. Chúng tôi cứ đi, đi mãi. Tôi phải kéo Thu Kim phần lớn đoạn đường bởi vì cô ấy rất nhanh mệt và nhiều lần van xin tôi dừng lại. Nhưng tôi vẫn lôi cô ấy đi một cách không thương xót, một bên là Thu Kim, một bên là chiếc xe kéo. Chúng tôi cứ đi mãi miết, sâu vào trong rừng, dưới những vì sao lấp lánh. Được vài phút thì tiếng xe máy nhỏ dần rồi mất hút, chỉ còn lại chúng tôi với âm thanh duy nhất là hơi thở của chính mình trên ngọn núi hoang vu và lặng lẽ y như một ngọn núi ma. Nhưng tôi vẫn chưa có ý định dừng bước. Trên đường đi, chúng tôi nhìn thấy trong bóng đêm những cảnh tượng khó quên, tàn tích hoang phế của những ngôi làng xinh đẹp đã bị thiêu rụi, những khoảng sân rộng tan hoang giờ phủ đầy hoa dại, mùi tro vẫn còn phảng phất giữa những tán cây. Chúng tôi tiếp tục đi trên con đường ngập tuyết và tự hỏi rằng liệu có phải nằm ở đó, trong bóng đêm, còn có cả những xác chết?

Và rồi rất lâu sau đó, khi chúng tôi dường như đã đi được nửa con đường dẫn lên thượng giới, khi mặt trời đã phủ những ánh bình minh đỏ rực trên núi thì tôi nghe tiếng Thu Kim gọi phía sau lưng. Tôi quay lại và nhìn thấy cô ấy đang đứng dựa vào một cây long não, tay ôm bụng. “Xin mình,” cô ấy thì thào. “Xin mình, em không thể đi được nữa.”

Tôi trượt xuống con dốc đến chỗ Thu Kim, túm lấy khuỷu tay cô ấy vừa lúc cô ấy khuỵu gối và ngồi bệt xuống tuyết. “Thu Kim? Có chuyện gì vậy? Có phải là đã bắt đầu rồi không?”

Cô ấy nhắm mắt lại. “Em không thể nói được.”

“Xin mình,” tôi lắc cánh tay cô ấy. “Giờ không phải là lúc xấu hổ. Hãy nói cho tôi biết có đúng là chuyện đó không?”

“Em không thể nói được,” cô ấy gay gắt nói, mắt mở to nhìn thẳng vào mắt tôi. “Vì em không biết. Ông xã của em, mình không phải là người duy nhất ở đây lần đầu có con.” Trán cô ấy đầm mồ hôi và hơi thở của cô ấy bốc hơi trong giá lạnh. Cô ấy quờ tay trên tuyết như để tạo ra một cái ổ rồi nằm cuộn tròn trên đó. “Em muốn nằm xuống một lát, hãy để em nằm xuống.” Cô ấy nói.

Tôi thả chiếc xe kéo xuống. Chúng tôi đã trèo lên rất cao khiến những đám cháy ở Nam Kinh giờ chỉ còn là một vệt ố màu đỏ trên bầu trời lúc bình minh. Chúng tôi đang ở trên một vạt núi hẹp, khá bằng phẳng, được che kín bởi những cây phi, cây dẻ và cây sồi dày đặc. Tôi bước lại phía sau vài mét và dỏng tai lên nghe ngóng. Tôi không nghe thấy gì cả. Không tiếng động cơ xe máy, không tiếng chân người bước trên tuyết, chỉ có không khí đang thổi phù phù trong mũi tôi và tiếng hai hàm răng của tôi đánh vào nhau lập cập. Tôi trèo lên dốc, đi một vòng khá xa, thỉnh thoảng dừng lại để lắng nghe sự im lặng tuyệt đối giữa những cành cây trụi lá. Trời bắt đầu tờ mờ sáng, những tia nắng yếu ớt xuyên qua tán cây chiếu lên một vật gì đó nằm cách khoảng bảy mét ở dưới con dốc, một nửa bị vùi trong lá mục, hoang phế và rêu phong. Đó là một tượng rùa lớn bằng đá, đầu và mai phủ đầy tuyết. Biểu tượng của sự trường thọ.

Tim tôi đập mạnh. Chúng tôi hẳn đang ở gần đền Linh Cốc! Thậm chí người Nhật cũng coi đền chùa là thiêng liêng và không ném bom vào những nơi chúng tôi thờ cúng. Nếu đây là nơi mà con của chúng tôi chào đời thì đó quả là một điềm tốt. Có lẽ đây cũng sẽ là một nơi an toàn.

“Lại đây, đằng sau mấy cái cây này. Tôi sẽ dựng cho mình một cái lều.” Tôi quay chiếc xe sang một bên, lấy chăn màn xếp xuống gầm xe rồi đặt Thu Kim nằm vào đó. Tôi vói tay lấy cho cô ấy mấy vốc băng từ trên cành cây để uống cho đỡ khát. Rồi tôi đi sang phía bên kia, đập cho tuyết chất cao thành đồng che khuất chiếc xe kéo. Khi Thu Kim đã nằm im ở phía trong, tôi đứng quanh quẩn ở đó một lúc, vừa cắn móng tay vừa nhìn ra bầu trời sáng dần lên bên ngoài những tán cây. Cả sườn núi vẫn hoàn toàn im lặng.

“Thu Kim, mình có khỏe không?” Một lúc sau tôi thì thầm.

Cô ấy không trả lời. Tôi lại gần chiếc xe và lắng nghe. Cô ấy đang thở gấp, một tiếng thở rít khe khẽ nghèn nghẹt. Tôi bỏ mũ và ghé sát vào chiếc xe kéo, tự nguyện rửa sự thiếu hiểu biết của mình về vấn đề sinh đẻ. Khi tôi còn trẻ, đó là lĩnh vực của những phụ nữ đứng đầu trong gia đình, của những bà di nghiêm khắc bên họ ngoại. Chẳng ai nói gì với tôi. Tôi là một kẻ thiếu hiểu biết. Một nhà ngôn ngữ học hiện đại tài năng không biết chút gì về việc sinh đẻ. Tôi đặt tay lên chiếc xe kéo và thì thầm: “Hãy cho tôi biết, mình có nghĩ là con của chúng ta sẽ...” Miệng tôi chột cứng lại. Những từ đó vừa buột ra khỏi miệng tôi. *Con của chúng ta*, tôi đã nói vậy. Con của chúng ta.

Thu Kim phản ứng ngay lập tức. “Không!” Cô ấy kêu lên một tiếng nã nê rồi òa khóc nức nở. “Không. Mình vừa nói từ đó. Mình vừa nói từ đó.” Cô ấy nâng chiếc xe lên và thò đầu ra ngoài, tóc rối bời, mắt đẫm nước. “Đi đi!” Cô ấy hét lên một cách giận dữ. “Hãy để tôi yên. Đứng dậy và đi ra chỗ khác. Đi ra chỗ khác!”

“Nhưng tôi...”

“Nhưng gì, mình đã mang điếm gở tới cho mặt trăng bé bỏng của chúng ta.”

“Thu Kim, tôi không định...”

“Đi ra chỗ khác ngay!”

“Xin mình! Mình làm ơn nói khe khẽ thôi!”

Nhưng cô ấy chẳng thèm nghe. “*Anh hãy đi cùng với những lời nói gở của anh! Mang những lời nguyện ấy tránh xa tôi ra!*”

“Nhưng...”

“Ngay bây giờ!”

Tôi bấm móng tay vào trong da thịt và cắn môi. Tôi mới ngốc làm sao! Sao lại thiếu suy nghĩ tới mức chọc giận cô ấy như thế chứ! Lại đứng vào thời điểm này! Cuối cùng tôi thở dài và lùi lại vài bước. “Thôi được,

thôi được! Tôi sẽ đứng ở đây phòng trường hợp mình cần tới tôi.” Tôi quay lưng lại phía cô ấy, ngược nhìn bầu trời đang dần sáng.

“Không! Xa ra! Xa hơn nữa! Tôi không muốn nhìn thấy mình!”

“Được rồi!”

Tôi miễn cưỡng bỏ ra xa, cho tới khi con dốc che khuất tôi khỏi tầm nhìn của cô ấy. Tôi ngồi bệt xuống đất, đầu gối chạm trán. Cả khu rừng tĩnh lặng. Tôi thả tay xuống, nhìn quanh. Có nên đi tìm người giúp hay không? Có lẽ có ai đó trong những ngôi nhà dưới kia sẽ đồng ý cho chúng tôi trú chân. Nhưng đài phát thanh nói rằng tất cả những ngôi nhà đó đã bị cướp phá, thậm chí từ trước khi công thành Đông thất thủ. Người duy nhất tôi có thể bắt gặp là những sĩ quan Nhật đang tung hoành trong những ngôi nhà bỏ hoang, say sưa với những hầm rượu cướp được.

Tôi đứng dậy và bước ra khỏi đám cây cối để nhìn ngó xung quanh. Tôi gạt một cành cây để bước ra phía trước, cổ họng như nghẹn lại. Trong một giây ngắn ngủi tôi không còn nghĩ tới Thu Kim. Chúng tôi đã trèo lên rất cao. Mặt trời đã mọc lên phía sau núi, hồng rực, lốm đốm bởi bụi tro bay lên từ những đám cháy phía xa, và bên dưới những con dốc, nằm giữa đám cây cối là lăng Tôn Trung Sơn lấp lánh trên tuyết một màu xanh sẫm. Nếu quay về phía Đông, tôi có thể thấy giữa các ngọn núi là đồng bằng châu thổ màu vàng trải dài tới tận chân trời mù sương. Dưới chân tôi, thành phố châu thổ đang cháy âm ỉ như sau một trận dăng trào núi lửa. Một màn khói đen phủ trên sông Dương Tử và tim tôi lại chùng xuống khi nhìn thấy những gì tôi từng dự đoán: cảnh hỗn độn trên đoạn sông gần bến Mi Đàm, những thuyền ghe bị trúng bom nằm ngổn ngang trên bùn. Ông Lưu đã đúng khi nói rằng nên đi về phía Đông.

Khi tôi đứng đó với mặt trời ở trên vai và cả Giang Tô trải dài phía dưới, một làn sóng phản kháng mạnh mẽ chợt trào dâng trong tôi, một sự khẳng định chắc chắn rằng Trung Hoa sẽ vượt qua tai họa này và sẽ tiếp tục sinh tồn như đất nước Trung Hoa nơi tôi đã sinh ra và lớn lên. Những lễ hội ngốc nghếch, đầy màu sắc mê tín như lễ cầu mùa vụ sẽ tiếp tục tồn tại, những con vịt sẽ tiếp tục lội qua cánh đồng vào những buổi chiều tà, và khi mùa hè tới, những tấm lá sen dày sẽ mọc chen chúc trên đầm tương như có thể bước lên chúng mà đi được. Rằng người Trung Quốc sẽ tiếp tục sinh tồn và trái tim của con chúng tôi sẽ mãi là một trái tim Trung Hoa. Khi tôi đứng

trên dốc núi, ngắm nhìn những ánh bình minh đầu tiên, tôi đã giơ tay về phía bầu trời một cách giận dữ và kiêu hãnh, thách thức bất cứ thế lực đen tối nào dám tới đây và mang con trai của tôi đi. Con trai tôi, người sẽ chiến đấu như một mãnh hổ để bảo vệ tổ quốc của mình. Con trai tôi, người sẽ mạnh hơn tôi gấp nghìn lần.

“Tôi thách người đấy! Đúng thế, tôi thách người đấy,” tôi thì thầm với bầu trời.

Bạn sẽ không bao giờ có thể đoán được chuyện gì sẽ trở thành tít báo. Phần lớn các bằng chứng xung quanh hiện trường tội ác ở Takabanobaba đều liên quan tới một bị cáo duy nhất: Ogawa, hay còn gọi là Quái vật Saitama. Tuy nhiên vì một hoặc nhiều lý do (chắc bạn có thể thông cảm cho sự mất bình tĩnh của các nhà báo khi đưa tin về vụ này) mà chi tiết nói trên không bao giờ được công bố rộng rãi trên các tờ báo. Mụ ta bị điệu tới cảnh sát để thẩm vấn nhưng được thả ra một cách nhanh chóng và khó hiểu, và cho tới tận ngày nay vẫn sống nhón nhờ đâu đó ở Tokyo, đôi khi xuất hiện thấp thoáng sau lớp kính mờ của một chiếc limousine đang phóng nhanh hay bước vào một tòa nhà nào đó vào lúc nửa đêm. Sẽ sai lầm nếu coi thường những mối liên hệ giữa *yakuza* và cảnh sát Nhật Bản.

Trong khi đó, vụ sát hại Jason Wainwright, tên đầy đủ của Jason mà sau này tôi mới biết, thì liên tục xuất hiện trên các bản tin trong nhiều tháng. Bởi vì anh ta có học thức và là một người phương Tây ưa nhìn sống tại Nhật. Tin này gây kích động lớn đối với người dân tại bang Massachusetts nơi mẹ anh ta đang sống. Người ta buộc tội cảnh sát bắt lạt, tham nhũng, câu kết với xã hội đen nhưng tất cả đều không dẫn tới đâu, chứ chưa nói tới việc đụng chạm đến Fuyuki và Quái vật Saitama. Những nhóm luật sư gia đình ăn mặc lịch thiệp lần lượt hạ cánh xuống Tokyo trên những chiếc phi cơ của Hàng không Thái, nhưng bất chấp các mối quan hệ của họ cũng như số tiền mà họ bỏ ra, không ai chịu nói gì về Jason và quãng thời gian trước khi anh ta bị giết. Kể cả người phụ nữ bí ẩn gọi điện cho mẹ anh vào một ngày trước khi anh ta bị giết cũng biệt vô âm tín.

Nhưng có lẽ, điều tác động tới công chúng hơn cả là sự ghê rợn của hiện trường tội ác. Là cái cách mụ Y Tá trang trí chiếc đèn lồng đá. Là hình ảnh một người đàn ông trong gia đình Wainwright vừa chân ướt chân ráo bay từ California tới, đứng gõ cửa ngôi nhà, tay xách một chiếc túi du lịch hiệu Samsonite, một chiếc bàn chải đánh răng của hãng hàng không và hóa đơn taxi thò ra ngoài túi, tuyết rơi lả tả trên bộ quần áo vest. Là ý nghĩ về



cái mà anh ta chứng kiến khi không thấy ai ra mở cửa nên quyết định đi vòng ra phía bên cạnh ngôi nhà, nơi hai cánh cổng han gỉ dẫn vào khu vườn mở toang.

Tôi chỉ mới rời khỏi ngôi nhà được khoảng nửa tiếng đồng hồ. Tôi lên ra bên ngoài, lấy chiếc túi du lịch vút ở trong ngõ rồi tới một nhà tắm công cộng ở phố Waseda. Khi người đàn ông của nhà Wainwright nhận ra cái dây leo hình rắn cuốn quanh chiếc đèn đá, khi mặt anh ta tái nhợt không còn giọt máu, khi anh ta khụy xuống và cuống cuồng tìm một chiếc khăn tay thì tôi chỉ ở cách đó khoảng trăm mét, ngồi xồm trên một chiếc ghế nhựa con màu xanh trước một chiếc vòi hoa sen cao ngang gối, run bần bật, hai đầu gối va vào nhau lập cập. Mười phút sau, khi anh ta lảo đảo bước ra ngoài phố giờ tay vẫy taxi thì tôi đã co rúm vào một góc trên một chiếc taxi khác tới Hongo, tóc ướt sũng, chiếc áo len cuốn chặt quanh người.

Tôi nhìn chằm chằm ra bên ngoài cửa xe taxi, dán mắt vào những đống tuyết chất cao, vào thứ ánh sáng kỳ lạ phản chiếu trên gương mặt những người phụ nữ đang thận trọng bước đi trên hè phố dưới những chiếc ô màu tùng lam. Tôi chợt cảm thấy rất rõ sự cô đơn của thành phố này, hàng tỷ linh hồn cô đơn trong những phòng ngủ, trên những khung cửa sổ cao vợi vợi. Tôi nghĩ tới những thứ nằm ở phía dưới thành phố, những đường cáp điện, ống nước, ống sưởi, những ngọn lửa, tàu điện ngầm, dòng dung nham trong lòng thành phố, tiếng động bí ẩn của các đoàn tàu và những cơn động đất. Tôi nghĩ tới linh hồn của những người đã chết trong chiến tranh đứng cụm lại với nhau. Sunshine Building, tòa nhà cao nhất và được nhiều người tới thăm nhất Tokyo mọc lên đúng tại nơi thủ tướng Nhật và các tội phạm chiến tranh bị hành quyết. Tôi có một cảm giác kỳ lạ khi không ai biết được chuyện gì vừa xảy ra với tôi. Không có ai tới tìm tôi và nói: “*Cô đã ở đâu suốt đêm qua? Trong túi cô có gì vậy? Tại sao cô không tới cảnh sát?*” Tôi nhìn vào đôi mắt của người lái taxi trong gương chiếu hậu và tin chắc rằng ông ta đang quan sát tôi.

Tôi tới trường đại học Todai lúc chín giờ hơn. Cơn bão tuyết lại nổi lên, tuyết đậu khắp nơi, trên những chiếc xe ô tô đang đỗ và trên những ngọn đèn đường. Chiếc cổng lớn sơn đỏ theo kiến trúc *Akamon* của Todai giờ chỉ còn là một vệt đỏ chập chờn trong tuyết trắng, một ngọn lửa nhỏ leo lét trong cơn bão tuyết. Người bảo vệ mặc áo mưa màu đen mở cổng cho chúng tôi, và chiếc taxi chạy dọc theo đường chính cho đến khi ánh sáng

bắt đầu xuất hiện trên nền trắng, và cuối cùng Viện Khoa học Xã hội hiện ra trước mắt, được chiếu sáng và trang trí như một tòa lâu đài trong truyện cổ tích.

Tôi bảo lái xe dừng lại. Tôi kéo cổ áo khoác lên và bước ra ngoài, ngược nhìn tòa nhà một lúc lâu. Đã bốn tháng trôi qua kể từ lần đầu tiên tôi tới đây. Chỉ bốn tháng thôi mà tôi đã vỡ ra bao nhiêu điều. Tôi đã biết mọi chuyện, tôi đã biết cả thế giới này.

Dần dần tôi bắt đầu nhận ra một bóng người đang đứng cách tôi không bao xa, nhỏ bé như một đứa trẻ, hoàn toàn bất động trong màn tuyết kỳ ảo và chập chờn như một bóng ma. Tôi nhìn bóng dáng đó. Sử Trùng Minh. Cứ như thể những ý nghĩ của tôi đã triệu ông tới đây, nhưng sự nhiệt tình nửa vờ của chúng khiến Sử Trùng Minh chỉ hiện ra như một cái bóng chứ không phải một con người bằng xương bằng thịt.

“Sử Trùng Minh,” tôi gọi khẽ, và ông quay lại nhìn tôi mỉm cười. Ông bước về phía tôi, dần dần hiện ra thật hơn trong màn tuyết trắng, như một bóng ma đang tiến hóa làm người. Ông mặc áo khoác và trên đầu là chiếc mũ nhựa kiểu dân chài quen thuộc.

“Tôi đang đợi cô,” ông nói. Da ông trắng bệch, nhợt nhạt và không được khỏe mạnh, trên mặt và trên cổ ông xuất hiện nhiều đốm chàm nhỏ như đồng xu. Bên trong, chiếc áo vét của ông cài kín cổ.

“Sao ông biết?”

Ông giơ tay ra hiệu cho tôi im lặng. “Tôi không biết. Giờ thì phải đi vào nhà và sưởi ấm đã. Đứng lâu dưới trời tuyết không tốt cho sức khỏe.”

Tôi bước theo ông lên cầu thang. Bên trong, tòa nhà ấm áp nhờ hệ thống sưởi nhiệt độ cao. Chúng tôi để lại một vệt tuyết tan trên sàn nhà. Ông đóng cửa phòng làm việc lại rồi đeo kính vào và bắt tay dọn dẹp căn phòng. Ông bật lò sưởi và pha cho tôi một tách trà nghi ngút khói. “Mắt của cô,” ông nói khi tôi đặt chiếc túi xuống và quỳ xuống sàn nhà, vô tình ngồi đúng theo tư thế *seiza* của trà đạo như thể nó làm tôi ấm hơn, giữ lấy tách trà bằng cả hai tay. “Cô không khỏe à?”

“Tôi... Tôi vẫn còn sống.” Tôi không thể nào khiến hai hàm răng ngừng va vào nhau lập cập. Tôi để hơi nóng của tách trà phả vào mặt. Mùi

thơm ngào ngào của trà chiết xuất từ gạo. Một thứ mùi rất Nhật Bản. Tôi ngồi đó một lúc lâu cho đến khi người bốt run rẩy rồi ngược mắt lên nhìn ông và nói: “Tôi đã tìm ra.”

Sử Trùng Minh khựng lại, chiếc thìa bất động phía trên ấm trà. “Cô làm ơn nhắc lại được không?”

“Tôi đã tìm ra. Tôi đã biết.”

Ông thả chiếc thìa rơi vào trong ấm trà. Ông tháo kính ra và ngồi vào bàn làm việc. “Đúng vậy, tôi cũng nghĩ là cô đã tìm ra,” ông nói một cách nặng nhọc.

“Ông nói đúng. Tất cả những gì ông bảo tôi đều đúng. Chắc ông đã biết tất cả ngay từ đầu. Nhưng tôi thì không. Đó không hề là thứ tôi nghĩ. Không hề.”

“Không?”

“Không. Đây là một thứ mà Fuyuki đã có từ rất lâu rồi. Có lẽ từ nhiều năm trước.” Giọng tôi ngày càng nhỏ đi. “Đó là một đứa bé. Là xác ướp của một em bé.”

Sử Trùng Minh im lặng. Ông quay đầu sang một bên và trong giây lát miệng ông mấp máy như thể ông đang niệm thần chú. Cuối cùng ông ho lên một tiếng, đặt kính lên một chiếc hộp màu xanh cũ kỹ. “Đúng vậy,” cuối cùng ông lên tiếng. “Đúng vậy, tôi đã biết. Đó là con gái tôi.”

**史 Nam Kinh, ngày 21 tháng Mười hai năm 1937**

Nhớ lại cái giây phút đó mới khó khăn làm sao, giây phút mà tôi đột ngột cảm thấy vô cùng thanh thản và tràn trề hy vọng. Sao vạn vật có thể tĩnh lặng đến thế trong vài giây phút ngắn ngủi trước khi tiếng la hét của Thu Kim vang lên khắp khu rừng.

Tôi ngẩn người nhìn xung quanh như thể ai đó vừa vô tình gọi tên tôi rồi cau mày như thể tôi không biết được mình vừa nghe thấy gì. Và rồi Thu Kim lại kêu lên lần nữa, tiếng kêu ngắn ngủi và đau đớn như một con chó đang bị đòn.

“Thu Kim?” Như một kẻ mộng du, tôi quay người lại và bắt đầu gạt đám cành cây quay về chỗ cũ. Có lẽ cô ấy sinh sớm hơn dự kiến. “*Thu Kim?*”

Không có tiếng trả lời. Tôi rảo bước nhanh hơn. Tôi leo lên dốc và lao tới chỗ tôi ngồi trông Thu Kim ban nãy. “Thu Kim?” Im lặng. “Thu Kim?” Tôi gọi to hơn, trong giọng nói thoáng nét hoảng hốt. “*Thu Kim*. Trả lời tôi đi!”

Vẫn không có tiếng trả lời, và tôi bắt đầu cảm thấy sợ hãi thực sự. Tôi bắt đầu chạy. Chân tôi trượt trên mặt dốc, tuyết trên cành thông rơi lả tả xuống người tôi. “Thu Kim!”

Cạnh gốc cây, chiếc xe kéo đã bị lật ngược trở lại, chắn màn và đồ đạc của chúng tôi bị vút tung tóe xung quanh. Trên mặt đất có những vết chân mờ mờ dẫn vào trong rừng.

Tôi đi theo những dấu chân này, vừa đi vừa phải cúi đầu tránh cành cây quật vào mặt đau rát. Đi được vài mét thì những vết chân này bắt đầu thay đổi. Tôi đứng khựng lại thở dồn dập, tim đập thình thịch. Dấu chân trở nên lớn hơn, tuyệt ở xung quanh đó bị cào xới như thể Thu Kim đã ngã xuống đây vì đau. Hay là đã xảy ra một cuộc vật lộn. Có cái gì đó cộm lên dưới chân tôi. Tôi cúi xuống và lôi nó lên, xoay nó trong tay mình. Một miếng đai mỏng đã sờn cũ. Tâm trí tôi mù đi, một nỗi kinh hoàng xâm chiếm lấy tôi. Đính trên miếng đai là hai chiếc thẻ quân nhân của Quân đội Thiên hoàng Nhật Bản.

“*Thu Kim!*” Tôi hét lên. “**THU KIM!**”

Tôi đợi. Nhưng vẫn không nghe thấy ai đáp lại. Ở đây, giữa những thân cây trơ trọi chỉ còn lại mình tôi, lắng nghe hơi thở dồn dập và tiếng mạch đập thình thịch của chính mình. “*THU KIM!*” Tiếng hét của tôi va vào thân cây rồi từ từ mất hút trong rừng thẳm. Tôi nhìn ngang ngửa hy vọng tìm thấy một dấu vết nào đó. Chúng đang ở đâu đó quanh đây, những tên lính Nhật đang giữ Thu Kim và dõi theo tôi với những đôi mắt vằn máu, đầu đó sau những gốc cây này, với những cây sừng lưỡi lê sáng loáng...

Ở đâu đó rất gần ngay sau lưng tôi, ai đó vừa thở hắt ra. Tôi quay vụt lại hai tay vung lên trong tư thế sẵn sàng nhảy chồm về phía trước. Nhưng không có gì ngoài những thân cây màu đen, ẩm mốc, tuyết bám đầy trên cành. Tôi hít thở thật sâu, tai động lên nghe ngóng. Có ai đó đang ở đây. Rất gần đây. Rồi tôi nghe thấy tiếng lá khô rơi xào xạc, khoảng ba mét phía trước, nơi mặt đất hơi lún xuống, tiếng cành cây gãy rãng rặc, tiếng máy móc và một người lính Nhật bước ra từ sau một gốc cây.

Anh ta không có dáng vẻ của một người đánh trận, chiếc mũ sắt bọc lưới treo lủng lẳng ở thắt lưng bên cạnh ống đạn, quân hàm của anh ta vẫn còn nguyên. Anh ta không cầm súng mà cầm một chiếc máy quay phim, ống kính chĩa thẳng vào mặt tôi. Chiếc máy quay kêu ro ro, cán quay tay chuyển động đều đều. Người quay phim ở Thượng Hải. Tôi nhận ra anh ta ngay lập tức. Người đã quay những thước phim về lính Nhật khoe chiến tích ở Thượng Hải. Anh ta đang quay hình tôi.

Chúng tôi im lặng đứng như thế trong vài giây, tôi nhìn anh ta còn ống kính của anh ta thì chĩa thẳng vào tôi. Rồi tôi lao tới. “*Cô ấy đâu?*”

Anh ta lùi lại một bước, chiếc camera vẫn vững vàng trên vai và đúng lúc đó tôi nghe thấy tiếng Thu Kim gọi từ phía xa, thân thiết và mong manh.

“Trùng Minh!”

Tôi sẽ nhớ mãi cái âm thanh đó. Tôi sẽ mơ về nó, sẽ nghe thấy nó khi tôi lạc trong những khoảng không trắng toát lạnh lẽo của những giấc mơ.

“Trùng Minh!”

Tôi bỏ mặc người quay phim đứng đó và lao vào trong rừng theo tiếng gọi của Thu Kim, tuyết lúc này đã cao ngập gối. “THU KIM!”

Tôi lội tuyết, nước mắt giàn giụa, sẵn sàng chờ đợi tiếng đạn rít qua đầu. Nhưng cái chết còn dễ chịu hơn rất nhiều so với những gì sẽ xảy ra tiếp theo. Đằng trước, tiếng loảng xoảng không lẫn vào đâu được của lưỡi lê rung lên trong gió lạnh. Và tôi nhìn thấy chúng. Hai người bọn chúng đang đứng cách tôi khoảng một trăm mét về phía trước, bên cạnh một con đường mòn, quay lưng lại phía tôi trong những chiếc áo bành tô màu cỏ úa, đang nhìn chăm chăm vào cái gì đó trên mặt đất. Một chiếc xe máy dựa vào góc thông già đen đúa ven đường. Một tên quay lại nhìn tôi vẻ hốt hoảng. Hắn ta đội mũ vải mềm và cũng không có vẻ gì là sắp đi đánh trận, tuy nhiên, chiếc lưỡi lê của hắn đã giắt vào súng trong tư thế sẵn sàng. Trên mặt hắn ta có một vết máu như thể Thu Kim đã cào vào mặt hắn khi hai người vật lộn với nhau. Khi tôi nhìn hắn, mắt hắn sụp xuống vẻ hồ thẹn. Trong một giây phút ngắn ngủi, tôi nhìn thấy con người thật của hắn, một đứa trẻ vị thành niên tởm tá vì chiến trận, đã không còn gì ngoài một cái đầu trống rỗng, chỉ còn tỉnh táo nhờ các loại thuốc an thần. Hắn ta không hề muốn có mặt ở đây.

Nhưng còn người đàn ông kia. Lúc đầu hắn ta không thèm quay lại. Trước mặt hắn, Thu Kim đang nằm ngửa trên tuyết, dựa vào một thân cây. Một chiếc giày của cô ấy bị tụt ra ngoài, bàn chân trần tím ngắt vì lạnh phơi ra trên tuyết. Tay cô ấy đang cầm một con dao nhỏ, cán làm bằng sơn mài chĩa ra trước ngực. Đó là con dao sắc thường dùng để gọt xoài. Cô ấy giữ chặt chiếc dao bằng cả hai tay và chĩa nó về phía hai người đàn ông.

“Hãy để cô ấy yên,” tôi nói. “Hãy đứng im đó.”

Người đàn ông kia vẫn im lặng khi nghe tiếng tôi nói. Hắn ta từ từ đứng thẳng người lên. Chậm rãi quay lại nhìn thẳng vào tôi. Hắn ta không cao, cũng chỉ cỡ như tôi nhưng đôi mắt của hắn thật đáng sợ. Tôi bước nhanh tới chỗ hắn. Ngôi sao viên chỉ duy nhất trên chiếc mũ của hắn lóe sáng dưới ánh mặt trời, chiếc bánh tô cổ viên lông của hắn mở tung, áo sơ mi của hắn bị rách, và tôi có thể nhận thấy đó chính là vị trí của miếng phù hiệu mà tôi đã tìm thấy. Hắn ta ở gần tôi tới mức tôi có thể ngửi thấy mùi rượu sake uống đêm qua toát ra từ mồ hôi của hắn và một thứ mùi hôi hám lưu cữu trên quần áo của hắn. Mặt hắn xám ngoét, bệnh hoạn, đầm đìa mồ hôi.

Ngay lập tức tôi nhận ra hắn. Những chai lọ vấy máu xếp thành hàng trong nhà máy dệt. Chày, cối và những cuộc săn đuổi bất tận... Vì một phương thuốc. Đó là gã đàn ông bệnh tật mà mọi thứ thuốc của quân đội đều bất lực, gã đàn ông bệnh tật đã tuyệt vọng tới mức sẵn sàng thử bất kỳ phương thuốc nào, kể cả việc ăn thịt người. Tên *diêm vương* của Nam Kinh.

Khi chết, đứa bé vẫn chưa đủ tháng. Trên bụng con bé vẫn còn một đoạn dây rốn ngắn. Một xác ướp màu nâu, khô cứng, nhẹ như một con chim nhỏ, tới mức tôi có thể giữ nó dễ dàng trong lòng bàn tay mình. Một đứa con gái nhỏ xíu. Nhỏ hơn bình thường, nhỏ đến đáng thương. Một khuôn mặt sơ sinh màu vàng nhợt nhạt. Hai cánh tay đông cứng, giơ lên trên đầu như thể nó đang vươn ra để chạm vào ai đó trước khi thể giới của nó khép lại.

Hai chân cũng như phần lớn bụng dưới của con bé không còn nữa. Những gì còn lại cũng đã bị Fuyuki và mẹ Y Tá của hắn cắt, xẻo và cạo sạch. Phần lớn cơ thể của con bé đã bị lấy đi bởi một người đàn ông có tuổi, giàu có, theo đuổi giấc mơ bất tử. Con bé không thể chọn người trông nom và chăm sóc nó. Con bé không thể nào tự cứu mình thoát khỏi cảnh bị nhốt trong một chiếc hộp, ngày đêm đối diện với một bức tường trống trơn, không thể nào di chuyển và cứ thế chờ đợi... Chờ đợi cái gì đây? Có phải là chờ ai đó tới và quay mặt nó về phía có ánh sáng?

Nếu tôi không tìm thấy con bé trong khu vườn thì có lẽ nó sẽ ở lại đó mãi mãi, cô độc trong bóng đêm với người bạn đồng hành duy nhất là những con chuột và những mùa cây thay lá, bị đóng băng vĩnh viễn, hướng về vô vọng. Và rồi con bé sẽ biến mất dưới lớp đồ nát của ngôi nhà và thay vì cây xanh, một tòa nhà chọc trời sẽ mọc lên phía trên nó, giống như nấm mộ cuối cùng. Khi mở chiếc túi và lớp giấy bọc, tôi nhận ra rằng Sử Trùng Minh đã đúng: quá khứ là một thứ thuốc nổ, và một khi những mảnh vụn của nó đã bắn vào người bạn thì nó sẽ luôn tìm được cách chui ra vào một ngày nào đó.

Tôi ngồi trong phòng làm việc của ông miệng há hốc, nhìn chăm chăm vào một điểm phía trên đầu ông. Không khí trong phòng dường như nhuộm một màu tang tóc. “Là *con gái* của ông ư?”



“Bị hấn bắt đi hồi chiến tranh. Ở Nam Kinh.” Ông hắng giọng. “Cô nghĩ là ai sẽ xuất hiện trong cuốn phim đó nếu không phải là Junzo Fuyuki và vợ tôi?”

“Vợ ông?”

“Dĩ nhiên rồi!”

“Fuyuki? Ông ta đã ở đó? Ở Nam Kinh?”

Sử Trùng Minh mở ngăn kéo và lôi lên bàn một vật gì đó. Hai chiếc thẻ kim loại có khắc chữ ghim trên một băng vải màu vàng sòn cũ. Vì hai chiếc thẻ này không có dây xích nên mất một lúc tôi mới nhận ra đó là hai chiếc thẻ quân nhân. Tôi cầm chúng lên và sờ tay vào bề mặt chiếc thẻ. Những chữ *kanji* khắc trên đó rất rõ nét. Một thân cây và mùa đông. Tôi ngược nhìn Sử Trùng Minh. “Junzo Fuyuki.”

Sử Trùng Minh không trả lời. Ông mở các cánh cửa tủ kê dọc theo tường và chỉ vào bên trong. Các ngăn tủ đều chật cứng những đồng tài liệu vàng úa, cũ nát, buộc lại với nhau bằng dây dù, dây vải, băng dính và kẹp giấy.

“Đây là công việc của đời tôi. Việc duy nhất mà tôi làm suốt năm mươi năm qua. Bên ngoài, tôi là một giáo sư xã hội học. Bên trong tôi chỉ làm mỗi một việc, tìm kiếm con gái tôi.”

“Ông đã không quên,” tôi khẽ thốt lên khi nhìn vào núi tài liệu đó. “Ông chưa bao giờ quên Nam Kinh.”

“Không bao giờ. Cô nghĩ là tại sao tôi lại nói tiếng Anh lưu loát đến vậy nếu không phải để đi tìm con gái tôi và nói cho cả thế giới biết sự thật vào một ngày nào đó?” Ông rút một tập tài liệu ra và vứt xuống bàn. “Liệu cô có thể tưởng tượng được những con đường quanh co, gập ghềnh tôi đã phải đi qua, quãng thời gian mà tôi đã mất để lần ra dấu vết của Fuyuki? Hãy nghĩ tới hàng nghìn người đàn ông lớn tuổi ở Nhật Bản cùng có tên là Fuyuki. Giờ tôi ở đây, một người đàn ông nhỏ bé, được thế giới thừa nhận bởi những công trình trong một lĩnh vực mà tôi không hề quan tâm ngoài một sứ mệnh duy nhất là giúp tôi che giấu được mục đích thực sự của đời mình, cho phép tôi tiếp cận được với những tài liệu này.” Ông đưa cho tôi tài liệu trên cùng. Một bản copy có dấu của thư viện lịch sử chiến tranh của

Bộ Quốc phòng. Tôi nhớ là đã nhìn thấy những logo này trên một số tài liệu của ông mấy tuần trước. “Tài liệu về các đơn vị của Quân đội Thiên hoàng. Những bản sao. Những tài liệu gốc, ít nhất cũng là những thứ còn sót lại sau các đợt chuyển giao tài liệu với phía Mỹ trong thời kỳ người Mỹ đóng quân ở Nhật Bản, được bảo mật rất cẩn thận. Tuy nhiên tôi đã may mắn khi được phép tiếp cận với chúng sau nhiều năm tác động, và cuối cùng thì tôi đã tìm thấy thứ mình cần.” Ông gật đầu. “Đúng vậy. Chỉ có duy nhất một trung úy Junzo Fuyuki ở Nam Kinh vào năm 1937. Duy nhất có một người. Tên *diêm vương* Nam Kinh. Tên ác quỷ canh giữ âm phủ. Tên săn thịt người để chữa bệnh.” Ông xoa trán, những vết nhăn hằn lên trên da. “Giống như mọi lính Nhật khác hay hầu hết công dân Nhật trở về nước sau cuộc chiến ở Trung Quốc, Fuyuki mang theo một chiếc hộp.” Sử Trùng Minh giơ tay miêu tả hình dạng và cỡ của chiếc hộp. “Đeo trên cổ hắn ta.”

“Đúng thế,” tôi nói khẽ. Tôi đã nhớ ra nó. Một chiếc hộp màu trắng được thắp đèn và trưng bày trong hành lang căn hộ gần Tháp Tokyo. Chiếc hộp đáng ra được dùng để hồi hương tro của đồng đội đã hy sinh tại Trung Quốc, nhưng Fuyuki đã dùng nó vào một mục đích khác.

“Và cùng với đứa bé, hắn ta còn mang theo một thứ khác nữa.” Sử Trùng Minh buồn bã nhìn đống tài liệu chồng chồng lớp lớp trước mặt. “Hắn mang theo nỗi đau của một người cha. Hắn kéo theo ông ta bởi một sợi dây... một sợi dây nối từ đây,” ông đặt tay lên trái tim, “từ chỗ này cho tới cõi vĩnh hằng. Một sợi dây không bao giờ có thể bị cắt đứt hay lay chuyển. Không bao giờ.”

Cả hai chúng tôi cùng im lặng một lúc lâu. Âm thanh duy nhất lúc này là tiếng cành cây xào xạc ngoài cửa sổ, thi thoảng lại khẽ chạm những ngón tay gầy guộc của chúng lên các ô kính. Cuối cùng, Sử Trùng Minh chùi nước mắt và đứng dậy, chậm chạp di chuyển trong căn phòng, khắp khiêng giữa đám đồ đạc ít ỏi quen thuộc của ông. Ông lôi chiếc máy chiếu phim ra giữa phòng, cắm điện rồi bước đi không cần dùng gậy tới một chiếc màn chiếu di động để ở gần cửa sổ. Ông dỡ nó ra và lắp vào giá. “Đây, nó đây.” Ông nói, mở ngăn kéo bàn và lôi ra một chiếc hộp phim han gi. Ông nhẹ nhàng mở nó ra. “Đây là lần đầu tiên nó được chiếu cho người khác xem. Tôi vẫn luôn tin chắc rằng người đàn ông quay bộ phim này đã rất hối hận. Tôi dám chắc là khi trở về Nhật anh ta sẽ cho công chiếu cuộn phim này bằng bất cứ giá nào, dù có phải chết. Và đúng là anh ta đã phải chết.

Còn đây là cuộn phim. Do tôi giữ gìn cho tới ngày hôm nay.” Ông lắc đầu và mỉm cười một cách gượng gạo. “Mĩa mai thay!”

Khi thấy tôi không nói gì ông bước tới và chìa chiếc hộp đựng phim ra trước mặt cho tôi nhìn vào bên trong.

“Ông sẽ chiếu nó cho tôi xem,” tôi thì thào, nhìn chăm chăm vào cuộn phim. Nó ở đây, những hình ảnh minh họa cho những gì tôi đã đọc trong cuốn sách màu da cam, một lời làm chứng mà tôi đã tìm kiếm suốt bao nhiêu năm qua, một bằng chứng chứng tỏ tôi đã không hề bịa ra bất cứ chuyện gì, nhất là cái chi tiết ấy, cái chi tiết cực kỳ quan trọng ấy.

“Đúng vậy. Cô cho là cô hiểu cảm xúc của mình khi xem đoạn phim này có đúng không? Cô đã nghiên cứu về Nam Kinh trong nhiều năm và đọc bất cứ thông tin nào liên quan tới nó. Cô đã chiếu đoạn phim này hàng trăm lần trong đầu. Cô nghĩ là cô biết mình sẽ nhìn thấy gì và như thế đã đủ kinh khủng lắm rồi, có đúng không?”

Tôi gạt đầu một cách thụ động.

“Vậy thì cô sai rồi. Cô sẽ còn nhìn thấy hơn thế nữa kia.” Ông đeo kính và cho cuộn phim vào trong máy chiếu. “Cô sẽ thấy những gì cô nghĩ và còn hơn cả thế. Trong đoạn phim này còn có một nhân vật còn xấu xa hơn cả những gì cô tưởng tượng, xấu xa hơn cả tên *diêm vương* Nam Kinh.”

“Ai vậy?” Tôi nói như sắp hụt hơi. “Ai xấu xa hơn?”

“Là tôi. Chính tôi. Cô sẽ thấy tôi còn xấu xa hơn Fuyuki gấp nhiều lần.” Ông hắng giọng và đi tới chỗ công tắc đèn, tắt hết ánh sáng trong phòng. Trong bóng tối, tôi nghe thấy tiếng ông mò mẫm tìm tới chỗ máy chiếu. “Đó chính là một trong những lý do tại sao cho đến giờ vẫn chưa ai được xem cuộn phim này. Vì có một ông lão vẫn luôn miệng nói những lời thông thái về việc phải đối diện quá khứ nhưng lại không thể nào, không thể, chấp nhận được quá khứ của chính mình.”

Chiếc máy chiếu kêu lẹt xẹt và bắt đầu hoạt động, căn phòng tràn ngập những tiếng lách cách của cuộn phim đang chạy trong máy.

Sử Trùng Minh đã biết cách bảo quản cuộn phim rất tốt, không hề có một đoạn phim nào bị ẩm mốc, phân hủy hay bị trầy xước. Không có một đoạn nào bị tối hay nhảy hình để che mắt tầm nhìn của bạn.

Những khuôn hình đầu tiên bắt đầu hiện ra, màn ảnh nét dần và một người đàn ông xuất hiện: gầy gò, trông có vẻ sợ hãi, đang đứng giữa một khu rừng phủ đầy tuyết. Anh ta đứng khom người, mắt nhìn chăm chăm vào ống kính máy quay với một vẻ hoang dại như chỉ chực nhảy bổ vào nó. Tóc tai tôi dựng đứng hết cả lên. Đó là Sử Trùng Minh. Sử Trùng Minh khi còn trẻ. Một thế giới xa xưa. Ông bước lại gần máy quay phim, la hét cái gì đó vào ống kính. Ông toan nhảy chồm vào người quay phim thì có cái gì đó xảy ra ở bên ngoài khuôn hình khiến ông thay đổi ý định. Ông quay người lại và chạy về phía đối diện. Chiếc máy quay phim khẽ rung lên khi chuyển sang cảnh Sử Trùng Minh chạy trên một con đường mòn, hai tay vung vẩy khi nhảy qua các mương nước và cành cây. Ông quá gầy, giờ tôi mới nhìn rõ, giống như một que củi, không khác gì một bộ xương trong bộ quần áo mùa đông rộng thùng thình. Đằng trước ông, phía cuối đoạn đường xuất hiện hai bóng người mờ mờ trong những chiếc áo bành tô viền lông, đứng xây lưng lại chiếc máy quay. Hai người này đứng sát vào nhau, cùng nhìn xuống một vật gì đó trên mặt đất.

Chiếc máy chiếu kêu lách cách một cách âm ỉ và khi ống kính chĩa gần hơn vào hai nhân vật này thì một người trong số họ quay lại với vẻ mặt sững sốt. Anh ta nhìn như mất trí vào người đàn ông Trung Quốc nhỏ bé đang chạy về phía mình, hai cánh tay chới với, theo sau là chiếc máy quay phim. Sử Trùng Minh bắt đầu đi chậm lại và người quay phim hẳn đã hạ thấp ống kính xuống khi chạy theo vì trong những khuôn hình tiếp theo tôi chỉ nhìn thấy cơ man nào là tuyết, những chiếc lá rụng và những bàn chân.

Ngoài tiếng lách cách của máy chiếu tôi có thể tưởng tượng ra những âm thanh của rừng núi, tiếng người thờ hỏn hên, tiếng ro ro của máy quay phim và tiếng cành cây gãy kêu rảng rác. Lúc này, ống kính lại được nâng lên và các hình ảnh hiện ra gần hơn, có lẽ chỉ cách lưng người đàn ông thứ hai khoảng một mét. Rồi, chiếc máy quay khẽ khựng lại như lưỡng lự trước khi quyết tâm quay cận cảnh người đàn ông này. Ông ta đột nhiên quay phắt lại một cách đáng sợ và nhìn chăm chăm vào ống kính. Một ngôi sao trên chiếc mũ của ông ta bắt nắng và lóe lên trong giây lát.

Tôi nín thở. Thật dễ nhận ra một người của hơn năm mươi năm về trước. Một khuôn mặt còn trẻ như đẽo ra từ gỗ, vẻ bệnh hoạn, rất bệnh hoạn. Xám ngoét và đằm đìa mồ hôi. Chỉ có đôi mắt là vẫn thế. Đôi mắt và những chiếc răng nhọn như răng mèo lộ ra mỗi khi hắt ta nhãn mặt.

Người quay phim như dừng tay lại vì các hình ảnh đột nhiên biến mất và đoạn phim tiếp theo kêu lách cách trong máy chiếu như một đoàn tàu sắp trật khỏi đường ray. Và rồi chúng tôi nhìn thấy từ một góc quay khác, Fuyuki đang đứng thờ hồng hộc, mồ hôi nhễ nhại, người hắt như đang bốc hơi. Hắt ta cúi xuống làm gì đó và khi chiếc máy quay lia lại gần thì tôi có thể nhận ra là hắt đang lắp lưỡi lê vào súng. Dưới chân hắt là một người phụ nữ đang nằm ngửa trên mặt đất, chiếc áo dài bị kéo lên tới tận hông, chiếc quần dài bị xé rách để lộ cả một khoảng bụng màu sẫm.

“Vợ tôi,” Sử Trùng Minh nói khẽ, mắt ông dán vào màn hình như thể ông đang đối diện với một giấc mơ. “Đó là vợ tôi.”

Fuyuki hét cái gì đó vào máy quay. Hắt vẫy vẫy tay và cười nhăn nhó, để lộ những chiếc răng mèo. Chiếc máy quay phim lại chùng xuống như thể không chịu đựng nổi cái nhìn của hắt ta. Rồi ống kính từ từ quay ra xa, khung hình trở nên rộng hơn với hình ảnh một con dốc thoải thoải, những đám cây cối và một chiếc xe máy để dựa vào gốc cây. Ở góc của khuôn hình, tôi nhìn thấy người lính thứ hai. Anh ta đã cởi áo khoác và đang ôm chặt lấy Sử Trùng Minh trong đôi tay vạm vỡ, miệng Trùng Minh đang tru lên những tiếng kinh hoàng mà tôi không nghe thấy được. Ông cố giãy giụa để vùng ra nhưng người lính giữ ông rất chặt. Không ai quan tâm tới những lời cầu xin của ông. Tất cả đều đang nhìn Fuyuki.

Những gì xảy ra sau đó sẽ ám ảnh tôi trong nhiều năm. Nó chỉ bắt đầu từ một dòng chữ trong một trang sách ở nhà bố mẹ tôi nhưng giờ đây toàn bộ sự thật đang diễn ra trước mắt tôi. Cái điều mà ai cũng nói là chỉ có trong trí tưởng tượng của tôi giờ hiện ra sống động trên chiếc màn hình đen trắng kia. Nhưng nó hoàn toàn khác so với những gì tôi đã mường tượng ra, trong trí tưởng tượng của tôi, mọi tình huống đều rõ ràng, các nhân vật không hiện ra trong những cảnh máu me, lờ mờ, thần sắc hốt hoảng. Trong trí tưởng tượng của tôi hành động đó xảy ra trong chớp nhoáng và tinh xảo, như một điệu vũ samurai, kết thúc bằng một động tác hát kiếm trừ danh để gột sạch máu, vẽ trên tuyết hình một chiếc đuôi công màu sẫm.

Nhưng mọi chuyện lại khác hẳn. Vung về và xấu xí. Fuyuki gắn lưỡi lê vào mũi súng, xoay chặt rồi giữ thứ vũ khí đó bằng cả hai tay, như hắn ta đang cầm một chiếc giáo, khuỷu tay co lại phía sau người, lưng lững, đen sẫm một khối trên tuyết. Và rồi người đàn ông đã tập dùng mũi lê từ nhỏ ấy lấy hết sức bình sinh đâm thẳng lưỡi dao nhọn sắc vào bụng người phụ nữ yếu ớt không có gì phòng vệ.

Chỉ cần hai nhát đâm mạnh. Nhát đầu tiên khiến cô ấy giãy giụa, hai tay vung lên trong tư thế kỳ lạ giống như phụ nữ vẫn làm khi mỗi vai và đánh rơi con dao xuống đất. Nhát đâm thứ hai khiến cô ấy gằn như chồm dậy, tay chìa ra trước mặt như một con rối. Nhưng trước khi có thể ngồi lên được thì cô ấy kiệt sức, ngã xuống và lăn sang một bên. Và rồi toàn thân cô ấy trở nên bất động, những vết máu đỏ sẫm túa ra xung quanh như đôi cánh của một thiên thần.

Mọi chuyện xảy ra quá đột ngột, quá tàn bạo khiến tôi có thể cảm thấy sự kinh hoàng bao trùm lấy cả khu rừng của năm mươi ba năm về trước. Khuôn mặt của người lính thứ hai như biến dạng, còn người quay phim hẳn đã ngã khuỵu xuống vì hình ảnh đột nhiên bị rung. Khi anh ta lấy lại tự chủ và cố gắng đứng thẳng dậy thì trung úy Fuyuki đang thò tay vào trong cái lỗ mà hắn vừa tạo ra, lôi ra một cánh tay và rồi cả đứa bé trôi tuột ra ngoài, lênh lặn với một mớ dây nhau lầy nhầy. Hắn ném đứa bé sang bên cạnh rồi tiếp tục đứng trước thi thể của người mẹ, cầm lưỡi lê khoảng vu vơ trong chiếc bụng toang hoác của người phụ nữ, môi mím lại một cách đăm chiêu như thể hắn đang đợi phát hiện ra cái gì đó. Người lính cấp dưới không thể chịu đựng hơn được nữa, hai tay ôm lấy miệng và lao đảo bước ra chỗ khác, thả Sứ Trùng Minh ở đó. Sứ Trùng Minh nhảy bổ vào đám tuyết sẫm màu trước mặt. Cả người quỳ trên tuyết, ông quán đứa con gái vào trong lớp áo khoác bằng lông rồi bò tới chỗ vợ mình. Ông cúi xuống sát mặt vợ mình, gào lên cái gì đó và nhìn chăm chăm vào đôi mắt đã không còn sự sống của cô ấy. Rồi người quay phim khẽ di chuyển sang bên cạnh và Fuyuki lại hiện lên trong khuôn hình, đứng ngay đằng trước Sứ Trùng Minh, tay cầm một khẩu súng lục nhỏ, một khẩu “súng tiểu *nambu*”, chĩa vào đầu ông.

Phải mất một lúc Sứ Trùng Minh mới nhận thức được chuyện gì đang xảy ra. Chỉ khi cảm thấy một cái bóng đổ xuống người mình thì ông mới từ

từ nhìn lên một cách cứng nhắc. Một tay Fuyuki nhả cái chốt an toàn của khẩu súng còn tay kia chìa ra trước mặt Sử Trùng Minh ra hiệu, một cách ra hiệu mà ai cũng có thể hiểu được. *Đưa cho tao.*

Đưa cho tao.

Sử Trùng Minh cố gắng đứng dậy, siết chặt đứa bé vào ngực, mắt không rời khỏi cánh tay chìa ra của Fuyuki. Chậm rãi, Fuyuki lên đạn khẩu súng *nambu* rồi siết cò. Sử Trùng Minh giật mình, người chùng xuống, sau lưng ông chỉ khoảng nửa mét, tuyết bay tung tóe. Ông không trúng đạn, chỉ là một phát cảnh cáo, nhưng đầu gối ông bắt đầu va vào nhau và người ông run lên lập cập. Fuyuki bước lên phía trước một bước, gí họng súng còn bốc khói vào đầu ông. Run rẩy, nước mắt đầm đìa, Sử Trùng Minh ngược lên nhìn vào khuôn mặt của kẻ đang không chế mình. Tất cả đều hiện lên trong đôi mắt của ông, giữa hình ảnh phản chiếu của những thân cây xung quanh là câu chuyện dài trắc trở về vợ ông và đứa con của họ, và câu hỏi “tại sao lại là chúng tôi, tại sao lại vào lúc này và ở đây?”. Một câu chuyện nối liền với quá khứ.

Không hiểu tại sao tôi lại đoán được chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo. Tôi cảm thấy rằng mọi chuyện sẽ càng ngày càng trở nên khủng khiếp hơn. Và đột nhiên tôi hiểu ra tại sao Sử Trùng Minh lại muốn giấu kín bộ phim này trong ngăn ấy năm. Khi tôi xem đoạn phim này, tôi nhận ra rằng đó chính là lúc ông đang so sánh cuộc đời mình với tính mạng của đứa trẻ trong tay.

Ông nhìn chằm chằm vào bàn tay của Fuyuki rất lâu khiến chiếc máy quay phim phải bỏ cuộc, cảnh quay dừng lại. Nhưng cho tới khi cảnh tiếp theo xuất hiện trên khuôn hình thì ông vẫn chưa rời mắt khỏi chỗ đó. Một dòng nước mắt chảy dài trên khuôn mặt. Tôi sờ tay lên trán, gần như nín thở, nghĩ tới một Sử Trùng Minh đã lớn tuổi đang ngồi im lặng phía sau. Trong một cảnh quay đơn giản, có lẽ chẳng có ý nghĩa gì đối với bất kỳ ai khác ngoài bản thân ông, Sử Trùng Minh giơ đứa bé lên và nhẹ nhàng đặt nó vào tay Fuyuki. Rồi ông cúi đầu, loạng choạng đứng dậy và lết vào trong rừng. Không ai ngăn ông lại. Ông chậm chạp bước đi, hơi khập khiễng, cứ khoảng vài bước lại phải chống tay vào một thân cây cho khỏi ngã.

Không ai cử động. Người lính thứ hai chỉ đứng cách đó vài mét trong trời tuyết, đầu cúi gằm, hai tay ôm lấy mặt. Thậm chí ngay cả Fuyuki cũng không động đậy. Thế rồi hẳn ta quay lại nói gì đó với người quay phim và

túm lấy bàn chân của đứa bé, dốc ngược nó lên để kiểm tra, như đối với một con thỏ.

Tôi nín thở. Chính là lúc này. Chính là cái thời khắc kinh hoàng này. Fuyuki quan sát đứa bé với một vẻ chăm chú kỳ lạ như thể con bé có một câu trả lời quan trọng cho hắn. Hắn rút chiếc đai lưng cao su ra buộc vào mắt cá chân đứa bé rồi cột chặt nó vào thắt lưng khiến con bé lộn ngược đầu xuống đất, mặt nó chạm vào đùi hắn. Đứa bé quặn quại một lúc và rồi hai tay nó bắt đầu cử động.

Tôi ngòai nhồm dậ, hai tay bám chặt thành ghế. Đứng. Tôi đã đứng. Tay con bé chuyển động. Miệng nó hé mở vài lần, ngực phập phồng và mặt cau lại khi khóc. Con bé vẫn còn sống. Nó giãy giụa, hai tay vươn ra và cố gắng túm lấy chân của Fuyuki theo bản năng. Khi hắn ta xoay người thì con bé bị hất tay, mất thăng bằng và văng theo một hình vòng cung như chiếc váy xếp của một kỹ nữ đang xoay vòng. Hắn ta cố tình làm như thế một, rồi hai lần trước ống kính, để con bé đập cả người vào đùi hắn, vừa làm vừa cười cười nói nói gì đó. Khi hắn ta dừng lại và để con bé nghỉ ngơi một chút thì theo bản năng, con bé lại vội túm lấy chân hắn.

Cuộn phim bắt đầu kêu loạt soạt vì đã tới đoạn kết, tôi có cảm giác như mình không còn chút hơi sức nào trong người. Tôi ngã chúi xuống khỏi ghế và quỳ trên sàn như một kẻ ăn xin. Màn hình lúc này không còn gì ngoài những đường sọc trắng và những vệt ngoằn ngoèo. Sử Trùng Minh tắt máy và nhìn tôi đang quỳ trên sàn. Âm thanh duy nhất trong phòng lúc này là tiếng lạch cạch của chiếc đồng hồ cổ lỗ trên lò sưởi.

“Đó có phải là thứ cô mong đợi không?”

Tôi lấy tay áo chùi mắt trước khi trả lời. “Đúng vậy. Con bé vẫn còn sống. Quyển sách đã nói thế. Những đứa trẻ đều còn sống khi chúng bị lôi ra ngoài.”

“Đúng, đúng vậy, con bé còn sống.” Sử Trùng Minh nói giọng ngàn ngạt.

“Suốt bao nhiêu năm...” tôi lại phải đưa tay chùi mắt. “Suốt bao nhiêu năm qua tôi đã nghĩ mình tưởng tượng ra cái chi tiết đó. Ai cũng bảo là tôi bị điên, rằng tôi đã bịa đặt và không đứa trẻ nào có thể sống sót sau chuyện



đó.” Tôi thò tay vào túi lấy ra một chiếc khăn tay, vo nó lại và chấm vào mắt. “Giờ thì tôi biết là tôi đã không hề tưởng tượng ra nó. Đó là tất cả những gì tôi muốn biết.”

Tôi nghe thấy tiếng ông ngồi vào bàn. Khi tôi ngẩng đầu lên thì thấy ông đang nhìn ra ngoài cửa sổ. Bên ngoài, những bông tuyết dường như sáng lên do được chiếu sáng từ bên dưới. Trông chúng giống như những thiên thần nhỏ đang rơi xuống trái đất.

“Tôi không bao giờ biết con bé đã sống sót được bao lâu,” ông nói. “Mong là không lâu.” Ông lấy tay dụi trán, so vai và nhìn quanh căn phòng một cách trống rỗng như đang cố tìm kiếm một điểm tựa an toàn để dừng mắt. “Tôi nghe nói rằng sau chuyện đó Fuyuki trở nên khỏe hơn. Người ta nói rằng hắn đã giết con gái tôi và ngay sau đó những triệu chứng của hắn đột nhiên biến mất. Đó là kết quả của một loại thuốc trấn an, một kiểu liệu pháp tinh thần, một sự trùng hợp hoàn toàn ngẫu nhiên. Cuối cùng thì hắn cũng khỏi bệnh sốt rét và theo năm tháng thì những cơn tái phát cũng yếu dần cho dù hắn có hay không...”

Ánh mắt ông chợt dừng lại khi bắt gặp mắt tôi, hai chúng tôi nhìn nhau một lúc lâu không nói gì. Vào chính lúc đó, ở ngay chỗ đó, khi tôi đang quỳ trên sàn nhà trong phòng làm việc của Sở Trùng Minh, có một cái gì đó thật khủng khiếp mà tôi không thể trốn chạy hay né tránh trôi dạt trong lòng tôi: khi tôi hiểu ra rằng tôi sẽ không bao giờ có thể thực sự trốn chạy. Dù còn sống hay đã chết, những đứa con của chúng ta sẽ mãi gắn bó với chúng ta. Giống như Sở Trùng Minh, tôi sẽ mãi mãi gắn kết với đứa con gái đã chết của mình. Sở Trùng Minh đã ngoài bảy mươi và tôi đang ở tuổi hai mươi. Con bé sẽ ở bên tôi mãi mãi.

Tôi đứng dậy, nhắc chiếc túi du lịch của mình lên. Tôi đặt nó lên bàn trước mặt ông, đặt tay lên trên, đầu cúi gằm. “Con gái bé bỏng của tôi cũng đã chết,” tôi nói khẽ. “Đó là lý do tôi có mặt ở đây. Ông có biết không?”

Sở Trùng Minh từ từ rời mắt khỏi chiếc túi xách và ngược lên nhìn tôi. “Tôi chưa bao giờ đoán ra lý do tại sao cô tới tìm tôi.”

“Bởi vì chính tôi đã gây ra điều đó, ông thấy đấy, chính là tôi.” Tôi lấy cùi tay gạt nước mắt. “Chính tôi đã giết con bé, con gái bé bỏng của tôi, bằng một con dao.”

Sử Trùng Minh không nói gì. Mắt ông đầy vẻ bối rối.

Tôi gật đầu. “Tôi biết. Điều đó thật khủng khiếp và tôi không có lý do gì để mà... để mà kêu khóc vì chuyện đó. Tôi biết. Nhưng tôi không định... không định giết con bé. Tôi nghĩ là con bé sẽ sống. Tôi có đọc về những đứa bé ở Nam Kinh trong một quyển sách màu da cam và tôi, tôi không biết tại sao nhưng tôi nghĩ rằng có thể con tôi cũng sẽ sống sót nên tôi đã...” Tôi gieo mình xuống ghế và nhìn chăm chăm vào đôi bàn tay run rẩy của mình. “Tôi nghĩ con bé sẽ bình an và người ta sẽ mang nó đi thật xa, giấu nó ở một nơi nào đó, một nơi mà... bố mẹ tôi sẽ không thể tìm thấy nó.”

Sử Trùng Minh đi vòng qua chiếc bàn và đặt tay lên lưng tôi. Một lúc lâu sau, ông thở dài và lên tiếng: “Cô biết không? Tôi cho rằng bản thân mình là một người đã trải qua nhiều chuyện buồn, nhưng tôi... tôi thật không biết nói thế nào về chuyện của cô. Không một lời nào.”

“Xin đừng áy náy. Ông là một người rất tử tế, tử tế vì đã luôn bảo tôi rằng sự thiếu hiểu biết không giống như tội ác nhưng tôi biết...” Tôi quệt nước mắt và cố mỉm cười với ông. “Tôi biết. Ông sẽ không bao giờ có thể thật lòng tha thứ cho một người như tôi.”

Làm sao chúng ta có thể xác định được uy lực của tinh thần đối với thể xác? Fuyuki sẽ không bao giờ tin rằng cái xác ướp nhỏ bé của con gái Sử Trùng Minh không hề chứa đựng bí mật của sự bất tử. Rằng thứ thần dược mà hắn ta đã cẩn thận gìn giữ, bảo vệ và sử dụng suốt bao nhiêu năm qua thực chất chỉ là một loại thuốc trấn an, rằng điều thực sự giúp hắn sống sót chính là niềm tin mãnh liệt của hắn. Những người bên cạnh hắn cũng đã nghĩ như hắn. Khi hắn chết trong khi ngủ, chỉ hai tuần sau khi thi thể con gái của Sử Trùng Minh bị đánh cắp thì tất cả bọn họ đều nhất mực tin rằng đó là do hắn bị mất thuốc quý. Nhưng những người khác, những người theo chủ nghĩa hoài nghi thì lại băn khoăn về vai trò của một nhóm công tác đặc biệt của Bộ Tư pháp Mỹ trong vụ này.

Đó là một nhóm công tác đặc biệt, có tâm huyết, chuyên điều tra về tội phạm chiến tranh. Những thành viên trong nhóm này rất vui lòng được tiếp xúc với giáo sư Sử Trùng Minh của trường đại học Giang Tô và giờ là của Todai. Giờ đây, khi đã mang được thi thể của con gái về nơi an toàn, Sử Trùng Minh bắt đầu công khai mọi chuyện giống như một con sò mở miệng trong nước ấm. Suốt năm mươi ba năm qua ông bèn bĩ theo đuổi mục tiêu này, làm mọi cách để được sang Nhật, đấu tranh không nản chí với sự quan liêu của giới chức trách bên Bộ Quốc phòng, nhưng giờ đây ông đã có mọi thứ cần thiết: những ghi chép của ông, hai chiếc thẻ quân nhân trên có ghi rõ tên tuổi và đơn vị của Fuyuki, tư liệu về lộ trình của các đơn vị Quân đội Thiên hoàng tại Trung Quốc vào năm 1937 và những bức ảnh của trung úy Fuyuki. Tất cả được đóng gói và gửi tới một địa chỉ trên đại lộ Pennsylvania ở Washington. Không bao lâu sau thì một cuộn phim đen trắng 16 li cũng vượt Thái Bình Dương để tới địa chỉ trên giúp cho đội công tác đặc biệt nhận diện Fuyuki một cách chính xác.

Cũng có một số lời xì xào về việc dường như có một đoạn trong cuộn phim đã bị cắt và các dấu vết để lại cho thấy việc biên tập này chỉ được tiến hành mới đây. Đó chính là ý của tôi khi quyết định cắt đi một số cảnh trong

cuộn phim lúc Sử Trùng Minh trao đứa con của mình cho Fuyuki. Tự tôi đã cắt dán chúng một cách thủ công bằng kéo và băng dính trong một phòng khách sạn ở Nam Kinh. Tôi đã quyết định thay ông, bắt ông phải nghe theo. Tôi cho rằng ông không cần phải hy sinh bản thân mình vì chuyện này. Chỉ đơn giản vậy thôi.

Tôi cũng không sao lại bộ phim trước khi bọc nó vào trong lớp gói bằng nylon mềm và cẩn thận ghi địa chỉ nơi đến bằng bút dạ màu đen. *Tiến sĩ Michael Burana, Phòng Điều tra Tội phạm Chiến tranh, Bộ Tư pháp*. Tôi có thể gửi một bản cho các vị bác sĩ ở Anh, và có lẽ cho cả bà y tá thường mò tới bên giường tôi trong bóng tối. Và một bản khác kèm theo một bông hoa khô ép bên trong cho cô gái hay đùa ở giường bên cạnh. Nhưng tôi thấy không cần thiết bởi vì có cái gì đó đã xảy ra. Tôi đã già dặn hơn, tôi đã biết nhiều điều hơn. Nhiều tới mức đôi khi tôi cảm thấy nặng nề. Tôi đã biết thế nào là hậu quả của sự thiếu hiểu biết và thế nào là hậu quả của sự điên rồ. Tôi không còn cảm thấy cần thiết phải chứng minh điều đó cho bất cứ ai. Ngay cả với bản thân mình.

“Mọi chuyện giờ đã kết thúc.” Sử Trùng Minh nói. “Và thực tình tôi thấy vợ tôi có lẽ đúng khi nói rằng thời gian luân hồi vì chúng ta đã quay trở lại đây. Chúng ta đã đi bằng ấy đoạn đường để quay trở lại nơi bắt đầu.”

Đó là một buổi sáng tháng Mười hai trời xanh và thoáng đãng, mặt trời hắt lên tuyết những tia nắng sáng lóa, hai chúng tôi đang đứng trong rừng cây trên núi Tử Kim nhìn xuống Nam Kinh. Dưới chân chúng tôi là một cái huyệt nhỏ, mới đào, còn trên tay Sử Trùng Minh là thi hài của con gái ông, bọc trong vải mềm. Sử Trùng Minh không mất nhiều thời gian để tìm ra chỗ này, nơi ông đã trao con gái của mình cho Fuyuki. Ở hai bên sườn núi, nhiều thứ đã thay đổi sau năm mươi ba năm: những toa xe điện đèn đỏ giờ chạy xuyên qua rừng, đưa du khách lên thăm lăng Trung Sơn còn thành phố bên dưới giờ đã trở thành một đô thị của thế kỷ XX, to lớn lạ thường với những tòa nhà chọc trời và những bảng hiệu điện tử nhấp nháy. Nhưng cũng có những thứ không hề đổi thay khiến Sử Trùng Minh đứng lặng người đi khi nhìn chúng: đó là ánh mặt trời lấp lánh trên chiếc la bàn đo phương vị bằng đồng; những cảnh thông màu đen nặng trĩu tuyết, bình thản quan sát đám cây non lớn lên và nảy hạt trên những dốc núi, chết đi rồi đâm chồi, chết đi rồi lại đâm chồi.

Chúng tôi đã quấn thi hài của đứa bé vào trong một tấm vải trắng và buộc lên đó một cành hoa nhài mùa đông. Tôi mua được trong một cửa hàng có tên là Thềm Mưa Hoa một chiếc áo dài truyền thống màu trắng để mặc trong lễ tang theo đúng phong tục cổ truyền. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi mặc màu trắng và tôi nghĩ rằng nó rất hợp với mình. Sử Trùng Minh mặc một bộ đồ vét, tay đeo một mảnh băng tang màu đen. Ông nói rằng ở Trung Quốc, cha mẹ không được tới tang lễ của con cái. Khi bước xuống huyệt và đặt con bé vào đó, ông nói rằng ông không nên có mặt ở đây và nhất là không nên đứng trong huyệt mộ. Hẳn ông đã làm theo phong tục khi đứng về phía bên trái của nấm mộ và nhìn đi nơi khác. “Nhưng mà,” ông nói khẽ khi bắt đầu rắc đất vào trong huyệt, “còn có gì để mà nên với không nên nữa?”

Tôi chỉ im lặng. Một con chuồn chuồn đang quan sát chúng tôi. Tôi cảm thấy thật lạ lùng rằng một con côn trùng nhỏ bé thường không thể sống sót nổi giữa mùa đông lạnh giá lại xuất hiện ở đây, đậu trên một cành cây gần nấm mộ xem chúng tôi chôn cất một đứa bé. Tôi nhìn nó chằm chằm cho đến khi Sử Trùng Minh khẽ chạm vào tay tôi, thì thảm cái gì đó và tôi quay lại nhìn nấm mộ. Ông đã thắp một nén hương và cắm xuống đất trong khi tôi vội làm dấu thánh theo kiểu Thiên Chúa giáo vì tôi chẳng biết phải làm thế nào nữa. Và rồi hai chúng tôi cùng bước ra khỏi rừng cây tới chỗ ô tô đỗ. Sau lưng chúng tôi, con chuồn chuồn đã rời cành và khỏi từ nén nhang trên mộ bay lên trên những ngọn cam tùng, nở bung ra như đóa hoa trên sườn núi rồi bay ngang qua những cây sung dâu trước khi trở về trời.

Sử Trùng Minh qua đời sáu tuần sau đó trong một bệnh viện trên đường Trung Sơn. Tôi đã ngồi bên giường bệnh của ông.

Trong những ngày cuối đời mình ông cứ hỏi đi hỏi lại tôi một câu: “Hãy nói cho tôi biết, theo cô thì con bé đã cảm thấy gì?” Tôi không biết trả lời ông thế nào. Tôi vẫn cho rằng trái tim của con người luôn hướng từ trong ra ngoài để thuộc về ai đó, vươn ra để chạm vào hơi ấm gần nhất thì chẳng có lý do gì mà trái tim của một đứa bé lại làm khác? Nhưng tôi đã không nói với Sử Trùng Minh điều đó vì tôi chắc rằng trong những giây phút đen tối nhất của đời mình ông hẳn đã tự vấn liệu cái con người duy

nhất mà con gái ông đã vươn tay ra để chạm vào, cái người duy nhất mà con bé đã cảm thấy yêu thương có phải chính là Junzo Fuyuki.

Và nếu như mẹ đã không thể nào trả lời được câu hỏi của Sử Trùng Minh thì liệu mẹ có còn hy vọng gì để trả lời cho con, đứa con gái chưa được đặt tên của mẹ, ngoại trừ việc nói với con rằng mẹ đã hành động vì thiếu hiểu biết, rằng mẹ vẫn nghĩ tới con mỗi ngày dù cho mẹ sẽ không bao giờ biết được sẽ phải làm cách nào để tính ra tuổi đời của con, ra quãng thời gian mà con đã tồn tại trên đời? Có lẽ con còn chưa là một linh hồn, con còn chưa đi được tới đó. Có lẽ con mới chỉ là một cái bóng hay một tia sáng. Hay là một linh hồn mặt trăng bé bỏng.

Mẹ sẽ không bao giờ hết băn khoăn rằng con đang ở đâu, liệu con có xuất hiện trong một thế giới khác, và nếu như con đã làm được điều đó thì liệu con có được sống trong yên bình và tình yêu tại một đất nước xa xôi mà mẹ sẽ không bao giờ đặt chân tới. Nhưng mẹ dám chắc một điều: Mẹ chắc rằng nếu con có quay trở lại thì điều đầu tiên con sẽ làm là quay mặt về phía mặt trời. Bởi vì, đứa con thất lạc của mẹ, nếu con đã học được bất cứ điều gì thì con sẽ học được rằng trên thế giới này, không ai trong chúng ta có được nhiều thời gian.

## Ghi chú của tác giả

Năm 1937, bốn năm trước khi nước Mỹ bị lôi kéo vào cuộc chiến ở Thái Bình Dương sau sự kiện Trân Châu Cảng bị tấn công thì quân đội Nhật đã tiến sâu vào lục địa Trung Quốc, đánh chiếm thủ đô Nam Kinh. Những gì xảy ra tiếp theo đã vượt quá cả những nỗi sợ hãi khủng khiếp nhất của người dân Trung Quốc khi quân xâm lược điên cuồng tiến hành các vụ tra tấn, cưỡng hiếp và giết người phanh thây trong suốt một tháng trời.

Điều gì đã khiến một đội quân vốn có kỷ luật sắt đá hành động như vậy vẫn là đề tài của những cuộc tranh luận không dứt (để hiểu thêm về tâm lý của lính Nhật trong thời kỳ này, xin mời tham khảo tác phẩm kinh điển của Ruth Benedict với tựa đề *The Chrysanthemum and the Sword*). Nhưng có lẽ vấn đề gây nhiều tranh cãi nhất là con số thương vong thật sự trong cuộc chiến này. Một số người Trung Quốc cho rằng có tới bốn trăm nghìn người đã chết trong mùa đông năm đó trong khi một số người Nhật thì khẳng định chỉ có vài nạn nhân mà thôi. Lịch sử, như chúng ta vẫn thường được nhắc nhở, luôn được viết bởi kẻ thắng trận, nhưng nó sẽ được *viết lại* bởi nhiều đảng phái khác, những người xét lại, các nhà chính trị, những viện sĩ hám danh và thậm chí ở một mức độ nào đó là những người Mỹ muốn tìm cách xoa dịu Nhật Bản khi nhận ra vị trí địa lý chiến lược của nước này trong cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa cộng sản. Lịch sử có thể thay đổi như một con tắc kè hoa, phản ánh những câu trả lời mà người ta muốn và khi mà các bên liên quan luôn đưa ra những kết luận khác nhau thì có rất ít hy vọng đạt được một sự nhất trí trong cộng đồng quốc tế về con số thương vong thực sự trong cuộc chiến này.

Tại một nấm mồ tập thể tại đài tưởng niệm Giang Đông Môn, du khách tới Nam Ninh (tên gọi hiện nay của Nam Kinh) có thể tận mắt nhìn thấy hài cốt của những người dân bị giết trong cuộc xâm lược năm 1937 chất thành đống. Khi nhìn đống xương đó và cố gắng hình dung ra quy mô và mức độ thực sự của cuộc thảm sát, tôi chợt nhận ra rằng, dù con số tử vong thực sự là bao nhiêu, ít hay nhiều, bốn trăm nghìn hay chỉ mười mạng

người, thì mỗi người trong số những công dân không tên tuổi và đã bị quên lãng ấy xứng đáng được chúng ta nhìn nhận như những chứng nhân của một tấm thảm kịch lớn trên sinh mạng nhỏ bé của con người.

Chúng ta chỉ có những bằng chứng rời rạc về cuộc thảm sát; những lời kể của các nạn nhân, các bức ảnh, một đoạn phim 16 li ngắn và mờ do Đức cha John Magee ghi lại. Đoạn phim của Sử Trùng Minh là hư cấu nhưng rất có thể còn có nhiều đoạn phim tương tự chưa được công bố do sợ bị trả thù bởi những người Nhật không thừa nhận cuộc thảm sát đã xảy ra; chắc chắn có một phiên bản đoạn phim của Magee được một người dân thường mang về Nhật với ý định phát hành rộng rãi đã nhanh chóng biến mất một cách bí mật. Với những bằng chứng rời rạc và mang tính giai thoại này, thật không dễ để xây dựng một câu chuyện hư cấu về cuộc thảm sát, khuấy động lên một cuộc tranh cãi giữa những người duy cảm và những người theo chủ nghĩa tiêu cực. Để viết được câu chuyện này tôi đã phải dựa rất nhiều vào các công trình nghiên cứu của hai tác giả: Iris Chang, tác giả cuốn *The Rape of Nanking* (Vụ cưỡng hiếp Nam Kinh), cuốn sách được coi là tiếng chuông đầu tiên nhằm đánh thức dư luận rộng rãi về vụ thảm sát ở Nam Kinh; tác giả thứ hai và có lẽ quan trọng hơn là Katsuichi Honda.

Honda, một nhà báo người Nhật hoạt động không mệt mỏi từ năm 1971 để đưa sự thật về cuộc thảm sát Nam Kinh ra ánh sáng. Bất chấp thực tế về một làn sóng thay đổi trong cái nhìn của người Nhật hiện nay đối với quá khứ, cuộc xâm lược Nam Kinh mới chỉ được đưa vào sách giáo khoa một cách thận trọng và những người chứng kiến sự kiện này hẳn không thể nào quên được gương mặt sững sờ và đầm đìa nước mắt của các bậc phụ huynh khi được các con mình kể cho nghe sự thật. Tuy nhiên, Honda Katsuichi vẫn phải sống mai danh ẩn tích do sợ các cuộc tấn công trả thù của những người theo cánh hữu. Trong cuốn sách tập hợp lời khai của các nhân chứng trong vụ thảm sát có tên là *Vụ thảm sát Nam Kinh* của Honda xuất bản năm 1999 có rất nhiều lời chứng về những núi thi thể xung quanh khu vực núi Tử Kim, về những cột người sống do cô trèo lên nhau để thở và nhất là lời khai của một người tận mắt nhìn thấy cảnh một đứa trẻ chưa tới ngày sinh bị một sĩ quan Nhật cắt ra khỏi bụng mẹ.

Bên cạnh các cuốn sách của Honda, tôi còn tham khảo công trình nghiên cứu của các vị sau: John Blake và Annie Blunt của tổ chức Bright Future Mental Health, Jim Breen ở đại học Monash (cơ sở dữ liệu tuyệt vời



về chữ *kanji* của ông có thể tìm thấy ở địa chỉ [csse.monash.edu.au](http://csse.monash.edu.au)); Nick Burton; John Dower (tác giả cuốn *Embracing Defeat*); George Forty (tác giả cuốn *Japanese Army Handbook*); Hiro Hitomi; Hiroaki Kobaya Kobayashi; Alistair Morrisons; Chigusa Ogino; Anna Valdinger; và tất cả những người làm việc tại Hội đồng Anh ở Tokyo. Bất kỳ sai sót nào còn lại đều do lỗi của cá nhân tôi.

Xin cảm ơn thành phố Tokyo đã cho phép tôi thay đổi một chút bản đồ địa lý có một không hai của mình, cảm ơn Selina Walker và Broo Doherty vì niềm tin và nghị lực của họ. Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Linda và Laura Downing; Jane Gregory; Patrick Janson-Smith; Margaret O.W.O. Murphy; Lisanne Radice; Gilly Valkhard. Xin gửi một nụ cười tươi tới Mairi, người vĩ đại. Và hơn tất cả, xin gửi lời cảm ơn tới Keith và Lotte Quinn, những người bạn trung thành của tôi.

---

[1] Nhân vật phù thủy rất quen thuộc trong văn học dân gian Nga.

[2] Một con quái vật đột biến gen trong bộ phim cùng tên của đạo diễn Roland Emmerich.

[3] Tác giả muốn ám chỉ những cơn gió thổi từ Niigata, khu vực có nhiều lò phản ứng hạt nhân, nằm ở phía Tây Bắc Tokyo.